



**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI**

VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ TOÀN TẬP

4
(1959 - 1962)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

**VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ
TOÀN TẬP**

4

(1959 - 1962)

Mã số: $\frac{3KV1(V115)}{CTQG - 2015}$

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI**

VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ TOÀN TẬP

4

(1959 - 1962)

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2015**

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

NGUYỄN VĂN VINH	Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Hội đồng
DOÃN VĂN HUỠNG	Phó Bí thư Tỉnh ủy - Phó Chủ tịch Hội đồng
PHẠM VĂN CƯỜNG	Ủy viên Hội đồng
CAO ĐỨC HẢI	Ủy viên Hội đồng
TẠ ĐÌNH BẢNG	Ủy viên Hội đồng
NGUYỄN VĂN HÒA	Ủy viên Hội đồng
NGUYỄN THANH DƯƠNG	Ủy viên Hội đồng
ĐẶNG PHI VÂN	Ủy viên Hội đồng
MAI ĐÌNH ĐỊNH	Ủy viên Hội đồng
LÝ SEO DÌN	Ủy viên Hội đồng
ĐINH TIẾN QUÂN	Ủy viên Hội đồng
NGUYỄN HỮU THỂ	Ủy viên Hội đồng
HẦU A LÊNH	Ủy viên Hội đồng
HÀ THỊ NGÀ	Ủy viên Hội đồng

CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

NGUYỄN VĂN VINH	Bí thư Tỉnh ủy
SÙNG CHÚNG	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
DOÃN VĂN HUỠNG	Phó Bí thư Tỉnh ủy

BAN XÂY DỰNG BẢN THẢO

CAO ĐỨC HẢI	Trưởng ban
ĐỖ TRƯỜNG SƠN	Phó Trưởng ban Thường trực
ĐỖ VĂN LƯỢC	Phó Trưởng ban
NGUYỄN THỊ NGUYỄN	Thư ký
VŨ HÙNG DŨNG	Thành viên (Hiệu đính)
LÝ THỊ VINH	Thành viên (Hiệu đính)
ĐÀO DUY THẮNG	Thành viên (Hiệu đính)
ĐẶNG PHI VÂN	Thành viên
LÝ SEO DÌN	Thành viên
TRẦN VĂN TỎ	Thành viên
NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Thành viên
ĐỖ VIẾT LỢI	Thành viên
NGUYỄN VĂN NHÂN	Thành viên
ĐOÀN NGỌC TUYẾN	Thành viên
NGUYỄN THỊ LOAN	Thành viên
HOÀNG THỊ THANH THU	Thành viên
NGUYỄN THỊ MINH	Thành viên
NGUYỄN THÀNH NAM	Thành viên
PHẠM THÀNH LONG	Thành viên
NGUYỄN CAO SỸ	Thành viên (Hiệu đính)
ĐÀO ANH TUẤN	Thành viên

CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Bộ sách **Văn kiện Đảng bộ toàn tập** của Đảng bộ tỉnh Lào Cai được thực hiện theo Kế hoạch số 71- KH/TU, ngày 22-12-2013 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc xây dựng Văn kiện Đảng bộ tỉnh Lào Cai toàn tập từ khóa I đến khóa XIV. Ban Xây dựng Bản thảo Văn kiện Đảng bộ tỉnh Lào Cai toàn tập từ khóa I đến khóa XIV phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật tiến hành sưu tầm, xây dựng và xuất bản bộ sách **Văn kiện Đảng bộ toàn tập** của Đảng bộ tỉnh Lào Cai. Đây là một bộ tài liệu có ý nghĩa chính trị và giá trị khoa học, thực tiễn đánh dấu sự phát triển của Đảng bộ tỉnh Lào Cai gắn với quá trình lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng, bảo vệ và xây dựng quê hương. Bộ sách giúp các nhà nghiên cứu, cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt là các nhà lãnh đạo tiếp cận nguồn thông tin, tư liệu mang tính hệ thống, toàn diện về văn kiện của Đảng bộ tỉnh Lào Cai, phục vụ cho việc nghiên cứu, tổng kết lý luận và thực tiễn, biên soạn lịch sử Đảng bộ tỉnh Lào Cai, đảng bộ cơ sở, lịch sử địa phương, ban, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh; góp phần giáo dục lịch sử địa phương trong các trường phổ thông, các trung tâm bồi dưỡng chính trị, các chi bộ, đảng bộ; thấy rõ sự sáng tạo, nhạy bén, kịp thời và toàn diện trong lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Lào Cai qua các giai đoạn cách mạng, qua đó củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Cuốn sách **Văn kiện Đảng bộ toàn tập, tập 4 (1959 - 1962)** tập hợp các Văn kiện do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai ban hành từ năm 1959 đến năm 1962 và được sắp xếp theo thời gian ban hành.

Do cuốn sách bao gồm các văn kiện được in rônêo, đánh máy hoặc viết tay, nên trong các trường hợp chữ mờ, chữ không có dấu, chúng tôi giữ nguyên như bản gốc. Ngoài ra, trong sách còn có một số danh từ, tên

gọi, địa danh, tên riêng,... chúng tôi chưa có điều kiện thẩm định. Vì vậy, mặc dù đã hết sức cố gắng trong quá trình biên tập nhưng chắc rằng cuốn sách khó tránh khỏi thiếu sót và khiếm khuyết. Chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để hoàn thiện cuốn sách trong lần xuất bản sau.

Xin giới thiệu cuốn sách đến với các đồng chí và các bạn.

Tháng 7 năm 2015

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

LỜI GIỚI THIỆU

Văn kiện Đảng bộ toàn tập, tập 4 (1959 - 1962) phản ánh sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Lào Cai từ tháng 4 năm 1959 đến tháng 12 năm 1962.

Trong năm 1959, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã tập trung sức lực và trí tuệ hoạch định đường lối cách mạng miền Nam; tổ chức hợp tác hóa nông nghiệp và cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Bắc. Đến năm 1960, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, công thương nghiệp tư bản tư doanh, tiểu, thủ công nghiệp và những người buôn bán nhỏ của miền Bắc đã căn bản hoàn thành; việc thực hiện kế hoạch ba năm phát triển kinh tế, văn hóa cũng đã đạt được những thành quả to lớn. Tại tỉnh Lào Cai, đến năm 1959, bên cạnh những thành tựu đạt được về kinh tế - xã hội, tình hình chính trị, xã hội còn nhiều khó khăn phức tạp. Do chưa tiến hành cuộc cải cách dân chủ nên giai cấp địa chủ, thổ ty vẫn còn tồn tại, cùng với thổ phỉ, ngụy quân chúng ngóc đầu dậy chống phá ở một số nơi. Một số cán bộ, đảng viên dao động, mơ hồ về cuộc đấu tranh giai cấp, mơ hồ về cuộc đấu tranh giữa hai con đường chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản.

Việc xây dựng hợp tác xã, cải tạo công - thương ở tỉnh Lào Cai cũng mắc phải những sai lầm, hạn chế. Vì vậy, từ năm 1959 đến năm 1962, tỉnh Lào Cai vẫn tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa, đồng thời thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm lần

thứ nhất. Trên cơ sở các Nghị quyết Hội nghị toàn Đảng bộ tỉnh Lào Cai, Đảng bộ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc tiến hành hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp quốc doanh đẩy mạnh sản xuất; thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa cho cán bộ, công nhân và nông dân trong tỉnh, đấu tranh chống lại hành động chống phá của thổ phỉ; tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Văn kiện Đảng toàn tập tập 4 gồm 36 tài liệu gồm các báo cáo, nghị quyết, chỉ thị, thông tri, thông báo... của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Mặc dù Ban xây dựng bản thảo và Hội đồng xuất bản đã hết sức cố gắng nhưng khó tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được sự góp ý của bạn đọc. Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 6 năm 2015

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 13-BC/TU, ngày 17-4-1959

Về tình hình điều tra nông thôn Lào Cai

Phần thứ nhất

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH LÀO CAI

1. Lào Cai là một tỉnh miền núi biên giới, nhiều dân tộc, đa số là dân tộc vùng cao ít người, sống xen kẽ

Diện tích toàn tỉnh 4.217 km². Dân số 92.272 người, so với năm 1956 có 78.084 người, tăng 14.224 người. Số người tăng đa số là cán bộ, công nhân viên ở xuôi lên tham gia kiến thiết, một số là người Kinh chuyển cư lên, còn là nhân dân các dân tộc địa phương sinh sản thêm.

Lào Cai có 5 huyện, 1 thị xã, chia thành 125 xã, trong đó gần 100 xã thuộc rẻo cao và rẻo giữa.

Lào Cai có 20 dân tộc, trong đó 14 dân tộc rẻo cao và giữa, chiếm gần 2/3 dân số. Đông nhất là dân tộc Mèo (30.825) rồi tới Mán (14.614), Nháng (7.423), Nùng (5.804), Tày (5.022), Kinh (4.622), (Chưa kể cán bộ công nhân viên. Các dân tộc ít người nhất như La Chí (72), Lô Lô (29), Thái (7), v.v.).

Các dân tộc Lào Cai sống rất xen kẽ. Các huyện có từ 7 tới 9 dân tộc, có một số thôn có 2, 3 dân tộc.

Trình độ dân tộc chênh lệch, phong tục tập quán rất khác nhau. Nhiều dân tộc còn giữ những hủ tục tệ hại.

Tiếng Kinh ít người biết. Nhiều vùng dùng tiếng Xạ Phang để giao tiếp. Nhân dân đa số còn mù chữ. Toàn tỉnh có 791 học sinh cấp I và 151 học sinh cấp II, thì học sinh dân tộc cấp I có 272 người, cấp II có 9 người.

Mâu thuẫn dân tộc ở Lào Cai trước cách mạng rất gay gắt, có những vụ xung đột chém giết nhau hàng nghìn người như vụ Mèo - Xạ Phang ở Bắc Hà (1945). Trong những năm kháng chiến địch mưu lập "Xứ Thái, Xứ Nùng tự trị" để chia rẽ các dân tộc, dùng dân tộc này đàn áp, cướp phá, chém giết dân tộc khác. Thâm độc nhất là chúng tìm mọi cách khoét sâu mâu thuẫn giữa người Kinh và các dân tộc địa phương.

Trải qua các cuộc vận động xây dựng khu căn cứ du kích, tiêu phỉ, đặc biệt sau hòa bình, qua các cuộc vận động chuẩn bị, lập khu tự trị và thực hiện kế hoạch nhà nước, tinh thần đoàn kết giữa người Kinh và các dân tộc địa phương, giữa các dân tộc địa phương với nhau có nhiều tiến bộ. Nhưng cho tới nay vẫn thường xảy ra những va chạm về quyền lợi giữa một số người dân tộc này và dân tộc khác: như việc một số người Kinh, Mèo chấp tranh nhau nguồn nước để phi lợi dụng phản tuyên truyền, việc để trâu bò phá hoại mùa màng, tranh nhau ruộng đất giữa Tày - Mán, Nháng - Mán, Mán - Mèo, v.v..

Lào Cai giáp Trung Quốc trên 250 km, giữa nhân dân hai bên biên giới vốn sẵn có quan hệ dân tộc, họ hàng từ lâu đời. Lào Cai lại có đường xe lửa liên vận Hà Nội - Vân Nam chạy qua. Vì vậy Lào Cai là một vị trí chiến lược hết sức quan trọng về các mặt quân sự, kinh tế và chính trị. Bọn đế quốc Pháp, Nhật đã từng dựa vào Lào Cai để mưu thôn tính Vân Nam (Trung Quốc), ngược lại bọn Tưởng - Mỹ cũng đã mưu biến Lào Cai thành đầu cầu phá hoại cách mạng Việt Nam và gây cơ sở vào Tây - Nam Trung Quốc. Do

đó cho tới nay bè lũ đế quốc vẫn ra sức duy trì hoạt động gián điệp và thổ phỉ ở Lào Cai.

Mặt khác, từ ngày tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) giải phóng khỏi ách Quốc dân Đảng Tưởng Giới Thạch, các đồng chí bạn đã tiến hành nhiều phong trào rộng lớn như tiêu phỉ, trừ gian, cải cách ruộng đất, hợp tác hóa, v.v.. Những phong trào đó đều có ảnh hưởng tốt tới Lào Cai. Mặt khác, cũng có một số trùm phỉ, đặc vụ, địa chủ phản động, kéo theo một số dân lạc hậu trốn sang ta, lẫn vào các thôn, bản. Gần đây số này có nhiều hành động phá hoại chính sách của ta.

2. Chế độ xã hội trong các dân tộc không giống nhau, từ sau Cách mạng Tháng Tám, nông thôn Lào Cai có nhiều biến đổi, nhưng Lào Cai là tỉnh chưa qua cải cách ruộng đất, quan hệ sản xuất nông thôn hiện còn phức tạp, ý thức giác ngộ của nông dân chưa được đề cao, cơ sở nông thôn về mọi mặt còn non yếu

Ruộng đất ở Lào Cai có nơi hầu hết là của công, có nơi nửa là của công, nửa là của tư, có nơi hầu hết là của tư cũng có nơi là nương, ai có khả năng khai phá tới đâu làm tới đó.

Nhìn chung, giai cấp trong các dân tộc ở Lào Cai đã phân hóa khá rõ rệt. Trước Cách mạng Tháng Tám có vùng có thổ ty lớn như Bản Lầu, Bắc Hà, Mường Hum, Trịnh Tường, Mường Khương, có vùng không có thổ ty nhưng lại có địa chủ, phú nông như Bảo Thắng, có vùng khó thấy địa chủ, nhưng bóc lột phú nông lại rất rõ (một số vùng Mèo), cũng có vùng qua sơ bộ điều tra thì ranh giới giai cấp chưa phân biệt rõ lắm (một vài vùng Mán tuyển).

Thổ ty Lào Cai thường kết hợp hình thức bóc lột phong kiến địa chủ (phát canh thu tô) và hình thức bắt dân làm công không (phong kiến sơ kỳ) với hình thức bóc lột, buôn bán, mại dâm. Mặt

khác chúng còn lợi dụng quyền hành chính trị và nắm lực lượng quân sự để thống trị, đàn áp nhân dân. Sau ngày Lào Cai giải phóng năm 1950, hầu hết các thổ ty lớn đã chạy theo Pháp. Ta đã chia ruộng đất của chúng cho nông dân nhưng vì thiếu phát động tư tưởng nên ảnh hưởng của chúng chưa hết hẳn. Số địa chủ còn lại tới nay cũng đã phân tán một phần lớn ruộng đất, có tên diện tích ruộng đất chỉ xấp xỉ nông dân, nhưng cũng có tên còn chiếm gấp đôi hoặc ba diện tích bình quân một xã. Một số địa chủ chưa chịu lao động hoặc có một số chuyển từ hình thức bóc lột địa chủ sang bóc lột phú nông, chủ yếu lợi dụng tổ đổi công để bóc lột nhân công. Ưu thế kinh tế và chính trị của chúng tuy có suy yếu nhưng vẫn còn kìm hãm sức sản xuất nông thôn. Ngoài ra, tư tưởng hòa bình lập lại, chiều hướng phát triển theo lối tư bản tự phát ở nông thôn cũng khá phổ biến.

Nông dân lao động, tuy so với hồi trước ngày Lào Cai giải phóng đã có nhiều ruộng đất hơn, từ hòa bình tới nay đời sống của họ được cải thiện, nhưng cũng còn gặp nhiều khó khăn. Uy thế chính trị của nông dân lao động chưa được vững chắc. Trước sửa sai đa số nông dân chờ đợi cải cách dân chủ, sau sửa sai tinh thần của họ có bị giảm xuống.

Gần đây, qua sơ bộ giáo dục nâng cao ý thức giai cấp ở một vài nơi thì họ lại muốn cải cách dân chủ.

Lào Cai là một tỉnh không có cơ sở bí mật trước Cách mạng Tháng Tám. Sau Cách mạng Tháng Tám, trong một thời gian khá dài Lào Cai bị Quốc dân Đảng chiếm cứ. Tháng 11-1950 ta giải phóng Lào Cai lần thứ nhất nhưng tới tháng 11-1951 Pháp lại tái chiếm.

Từ ngày giải phóng (1950) tới nay, qua 8 năm Lào Cai đã 6 lần phải nổi dậy ở nhiều địa phương trong tỉnh. Trong các cuộc nổi dậy, hầu hết bọn cầm đầu ngoan cố đều là địa chủ hoặc tay sai của địch. Hiện nay Lào Cai vẫn còn phải. Tình hình trên đã tạo nên tâm

lý hoài nghi trong nhân dân, khiến cho tình hình chính trị trong nông thôn ở Lào Cai có những phức tạp đặc biệt. Cơ sở cách mạng thực sự bắt rễ trong quần chúng dân tộc từ trong quá trình xây dựng khu du kích trong hậu địch 1948-1949. Nhưng cho tới nay phong trào toàn tỉnh vẫn không đều. Nhìn chung cơ sở mọi mặt Đảng - Chính - Quân - Dân ở xa đều yếu, nhất là ở các vùng hẻo lánh giáp Hà Giang và Phong Thổ.

3. Lào Cai là một tỉnh có nhiều khả năng phát triển công, nông, thương nghiệp, nhưng phát triển không đều. Giao thông vận tải giữa tỉnh và miền xuôi, giữa Lào Cai và nước bạn tương đối thuận lợi. Từ hòa bình tới nay, Lào Cai là một tỉnh được Trung ương chú ý xây dựng nhiều cơ sở công nghiệp lớn

Theo số liệu thống kê, diện tích ruộng toàn tỉnh là 6.102 ha, nương 2.331 ha, gần 2/3 diện tích trồng lúa, còn trồng ngô và các hoa màu khác. Lào Cai có nhiều khả năng tăng diện* nhất ở các miền ven sông Hồng, ven suối, ngòi lớn, nhưng cũng có vùng đất rất khan hiếm mà người lại tương đối đông như Pha Long. Các xã rẻo thấp đã trồng lúa chiêm, nhưng khả năng tăng vụ ở rẻo thấp và rẻo cao đều còn. Khả năng tăng năng suất có nhiều, vì trình độ canh tác nhìn chung còn thấp.

Đặc sản thường tập trung từng vùng như chè Bắc Hà, thảo quả Mường Hum, đỗ tương Mường Khương, v.v. thuận lợi cho việc cải tiến kỹ thuật và thu mua. Ngoài ra thuốc phiện trồng khá phổ biến trên rẻo cao Lào Cai...

Lâm sản ở Lào Cai rất giàu. Ngoài gỗ, nứa, nẫu, v.v. còn có nhiều vị thuốc Nam như hoàng liên, sâm nam, v.v..

* Bản gốc không rõ nghĩa. Sau đây những từ trong bản gốc bị mờ, không đọc được sẽ được lược bỏ và thay bằng ký hiệu (...) - BT.

Chăn nuôi cũng khá phát triển. Đặc biệt, từ trước hòa bình, Lào Cai đã là một tỉnh có nhiều ngựa, do đó cũng giúp một phần giải quyết việc vận tải và canh tác của dân.

Nhìn chung về mặt nông nghiệp Lào Cai chia ba vùng: thấp, giữa, cao. Vùng thấp nhiều ruộng, khí hậu nóng, thuận lợi phát triển nông nghiệp và cũng là vùng thuận lợi cho khai thác lâm thổ sản. Vùng giữa khí hậu tương đối nóng, nhưng thường chủ yếu làm nương, canh tác lại lạc hậu, thường có mưa đá, canh tác gặp nhiều khó khăn hơn, nhất là nhiều nơi rất thiếu nước và đất khai phá. Tuy nhiên, trình độ canh tác ở đây cũng có những tiến bộ và khả năng về nông nghiệp vẫn còn nhiều.

Theo phát hiện của dân và qua sơ bộ thăm dò địa chất, các huyện trong tỉnh cũng có những mỏ quý như apatít, sắt, mica, đồng, chì, antimoine, v.v..

Trong 3 năm qua, Lào Cai đã phục hồi đường sắt, phục hồi và mở rộng mở Cam Đường, xây dựng thêm nhà máy điện Phố Mới, cầu Làng Giàng, địa vật lý địa cầu Cha Pa*. Việc phục hồi và xây dựng các công trường, xí nghiệp trên đã ảnh hưởng lớn tới nông nghiệp, vì lý do số lượng công nhân và nhu cầu kiến thiết tăng nên yêu cầu về lương thực, vật liệu, nhân công đều tăng.

Lào Cai cũng là nơi có nhiều nghề thủ công, nhưng quan trọng nhất vẫn là nghề rèn, dệt, làm đường. Ngoài ra còn có các nghề như làm thùng gỗ, hải sao, dù giấy, v.v. nhưng những nghề này thường chưa tách khỏi nông nghiệp, mấy năm qua có phát triển nhưng chậm.

Riêng về mặt thương nghiệp thì Lào Cai là một tỉnh có nhiều chợ (11 chợ) và có nhiều thị trấn, tập trung tương đối đông thương nhân. Quan hệ thị trường giữa Lào Cai và miền xuôi cũng rất mật thiết và nhanh chóng vì nhờ đường sắt. Quan hệ buôn bán giữa Lào Cai và Hà Khẩu (Trung Quốc) từ trước tới nay vốn sẵn có, cũng thuận lợi cho việc tiêu thụ lâm, đặc sản của nhân dân.

* Sa Pa - BT.

Nhưng mặt khác, do tính chất biên giới, do giá công và hiệu suất lao động giữa Lào Cai và xuôi chênh lệch, do sự đi lại giữa tỉnh và các huyện có phần khó khăn hơn giữa tỉnh với miền xuôi, nên giá trị hàng hóa ở Lào Cai thường dễ đột biến và có khi không hợp lý. Buôn lậu cũng khá phổ biến ở Lào Cai. Hiện tượng thương nhân lũng đoạn thị trường trong những năm qua có lúc khá trầm trọng.

Trên đây là những đặc điểm chính trong tình hình Lào Cai. Những đặc điểm đó, một mặt nói lên vị trí quan trọng có tính chất chiến lược về mọi mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa của Lào Cai, một mặt nói lên những thuận lợi và khó khăn trên mọi mặt công tác của Lào Cai.

Phần thứ hai

TÌNH HÌNH RUỘNG ĐẤT VÀ PHÂN HÓA GIAI CẤP

Tình hình ruộng đất của Lào Cai khá phức tạp gồm các loại ruộng công, ruộng tư.

- Ruộng đất đồn điền: có 10 mẫu trước là đồn điền Pháp ở Tân Ấp (thị xã) và 14 mẫu ở Vạn Hòa của Thị Căn người Kinh, chồng là Hoa kiều buôn bán ở thị xã.

- Ruộng nhà chung: 100 cân giống ở xã Tả Phìn và xã Lao Chải huyện Cha Pa.

- Ruộng nhà chùa: 60 cân giống ở Vạn Hòa (hiến năm 1955).

- Ngoài ra còn ruộng chức dịch trong nhiều xã, ruộng thần ở một số thôn xóm, nhất là trong đồng bào Nhắng, ruộng the ở một số nơi, và ruộng xem nước ở xã Quang Kim có 196 cân giống, ai làm phải có trách nhiệm trông nom mương nước cho dân. Những ruộng này đều là ruộng công cả.

Số ruộng đất đồn điền nhà chung, nhà chùa, ruộng chức cùng với số ruộng đất tịch thu của những tên thổ ty phản động như bọn Nông Vĩnh An, Hoàng A Tưởng, Sê Cô Tỉn, Ly Triều Dương, ruộng vắng chủ ta đã đem tạm cấp, tạm giao cho dân từ 1952-1953.

Ruộng công thì tất cả các xã rẻo thấp và trong các dân tộc Thổ, Nháng, Nùng đều có nhiều; ở những nơi này tỷ lệ ruộng công thường cao hơn ruộng tư: Bát Xát và Bản Lầu chiếm từ 70 đến 85%, Bảo Thắng và Bắc Hà từ 50 đến 65%. Rẻo cao hầu hết là ruộng riêng, một số nơi thuộc Bắc Hà, Mường Khương có ít ruộng công nhưng thực tế thời Pháp thuộc nó đã biến thành ruộng chức của bọn chức dịch.

A. TÌNH HÌNH VÙNG THẤP

1. Sơ lược về lịch sử ruộng đất công và tư

Ruộng công: Là ruộng do tình hình biến cố lịch sử giặc giã tranh chấp nhau giữa các dân tộc, do mê tín dị đoan mà bỏ đi, những người khác kéo đến ở khai phá lại với tục lệ người khai phá được làm 5,3 năm sau trở thành ruộng công, hoặc do bọn thổ ty, lý trưởng biến ruộng tư của nhân dân làm ruộng công, ruộng tư của người chết không có kế tử và ruộng tư của người chuyển cư đi nơi khác bỏ lại cũng thành ruộng công.

Quyền phân phối ruộng công là do bọn thổ ty, chức dịch; người dân nhận ruộng công làm có nhiệm vụ gánh vác mọi việc như đi phu, đi lính, làm phu phen, tạp dịch. Hồi Pháp thuộc, thỉnh thoảng có năm có người trả ruộng công ra thì lại chuyển sang người khác; ruộng công không có quyền bán đứt; nhưng có nơi cầm bán 3, 5, 7, 10 năm như Quang Kim, Hợp Thành, Cam Đường. Gần đây có người bán đứt ruộng công (dưới chế độ ta).

Ruộng tư: ruộng do nhân dân khai phá và sau khi đã có chế độ ruộng công và chế độ thuế khóa phân biệt ruộng công, tư. Ruộng tư có quyền mua bán đứt.

Có những trường hợp ruộng tư biến thành ruộng công: trường hợp ruộng của những người tuyệt tự hoặc rời cư đi nơi khác. Nhưng có khi những ruộng công biến thành ruộng tư thường vào tay bọn thổ ty (như ở Trịnh Tường) hoặc bọn chức dịch.

Ruộng công là ruộng thường ở gần làng và tốt. Ruộng tư thường ở xa và xấu vì khai phá về sau, nhưng đáng chú ý nhất là ruộng bọn chức dịch chiếm đoạt mà thành tư và ruộng tư thuộc tầng lớp trên lại rất tốt. Ruộng tư của bản cố nông thì xấu. Ruộng tư phát triển từ kháng chiến, do việc khai phá hoang phát triển sản xuất.

Trong nhân dân vùng có ruộng công, ý thức về ruộng công, ruộng tư chưa được rõ ràng.

2. Biến chuyển về ruộng đất và giai cấp ở vùng có chế độ thổ ty

Vùng này gồm các dân tộc Nháng, Nùng, Thổ thuộc các khu vực Trịnh Tường, Mường Hum (Bát Xát); Bản Lầu, Mường Khương (Mường Khương); Bắc Hà, Bảo Nhai (Bắc Hà).

Thổ ty ở đây đã cha truyền con nối cát cứ và thống trị mỗi khu vực. Họ chiếm giữ mọi quyền hành (chính trị, kinh tế, quân sự và cả thần quyền) để áp bức bóc lột nhân dân. Đế quốc Pháp đã dựa vào thổ ty, đặt ra bộ máy cai trị: tri châu, chánh tổng, lý trưởng, phó lý, bình thân, xéo phải, nhưng những chức quyền to lớn ở địa phương thường cha con, anh em, họ hàng, thổ ty chia nhau giữ cả: như Hoàng Yến Chao làm tri châu thì con hán Hoàng A Tưởng làm chánh tổng, Lục Vĩnh Tường làm châu úy thì em là Lục Vĩnh Loang là châu đoàn, cháu là Lục Bình Quyền làm lý trưởng. Thổ ty nắm quyền phân phối ruộng công. Ngược lại, nông dân bị nô dịch áp bức nặng nề, phải đi lính, đi phu, làm lao dịch, nộp lễ vật cho thổ ty. Tính chất bóc lột của thổ ty theo kiểu nông nô.

Ruộng công nhân dân được chia không có quyền sở hữu, không được mua bán. Ruộng tư đã có sự mua bán nhưng cũng không phổ biến.

Biến chuyển về ruộng đất và giai cấp ở vùng thổ ty trong 2 xã điều tra điển hình Trịnh Tường và Tả Chải qua các thời kỳ như sau:

Thời kỳ 1945 - 1950

	Hộ	Nhân khẩu	Lao động	Ruộng đất	Bình quân nhân khẩu	Tỷ lệ hộ giữa các thành phần	Tỷ lệ chiếm hữu giữa các thành phần
Thổ ty	2	44	0	4.724c	107c4	1,2%	31,9%
Địa chủ	4	26	2	762c	29c3	2,5%	5,1%
Quản lý	1	2	0	52c	26c	0,6%	0,35%
Phú nông	14	95	13	2.190c	23c	8,7%	14,8%
Trung khá	46	268	135	4.374c	16,3	28,5%	29,8%
Trung thường	37	162	72	1.674c	10,3	23,%	11,3%
Bần nông	46	200	125	945c	4c7	28,5%	6,4 %
Cố nông	11	21	5	74c	3c5	6,8%	0,5%
	161	818	352	14.795			

Thời kỳ 1950 - 1958

	Hộ	Nhân khẩu	Lao động	Ruộng đất	Bình quân nhân khẩu	Tỷ lệ hộ giữa các thành phần	Tỷ lệ chiếm hữu giữa các thành phần
Địa chủ	2	9	6	229c	25c4	0,9%	1,7%
Phú nông	5	39	15	788	20,2	2,3%	5,9%
Trung khá	68	436	190	5.648	12,9	32%	42,4%
Trung thường	89	413	199	4.866	11,8	41,0%	36,5%
Bần nông	43	166	86	1.720	10,4	20%	12,9 %
Cố nông	6	16	9	64	4	2,8%	0,5%
	213	1.079	505	13.315			

Trước ngày Lào Cai giải phóng (1950) xã hội vùng thổ ty phân hóa giai cấp rõ rệt, song mức độ không triệt để như vùng địa chủ.

Thổ ty có 1,2% về hộ đã chiếm hữu 31,9% về ruộng đất. Ruộng đất của chúng có ở rải rác trong nhiều thôn thuộc khu vực tự trị, thường là những ruộng lớn và tốt. Ngoài ra còn độc chiếm một số rừng núi như Sê Cồ Tỉn chiếm một khu rừng thảo quả diện tích 5km² và 1 khu vực trồng thuốc phiện hàng năm có 50, 60 hộ trồng phải nộp tô 10% thu hoạch. Hoàng A Tưởng bắt nhân dân trồng cho y 2 rừng thông khoảng 5 mẫu và dùng 1 tên địa lý lợi dụng lòng mê tín của nhân dân nói: ai động đến khu rừng gỗ trước nhà y sẽ bị động nhà quan và dân làng, để độc chiếm rừng gỗ này khoảng 6 công mẫu.

Trong tổng số dân được sử dụng ruộng đất có tới 35% hộ thiếu ruộng đất và không có ruộng đất.

Bình quân nhân khẩu của thổ ty gấp hàng 10 lần bình quân nhân khẩu tự nhiên trong xã, chúng còn có hàng trăm trâu bò, hàng chục ngựa.

Bình quân nhân khẩu của địa chủ, phú nông gấp 2, hoặc 3 lần nông dân.

Bình quân nhân khẩu của trung nông bằng nửa hoặc 1/3 của phú nông, địa chủ.

Bình quân nhân khẩu của bần nông bằng 1/2 hoặc 1/3 của trung nông. Cố nông không có ruộng phải bán công hoặc làm ít nương.

Từ sau giải phóng Lào Cai, ruộng đất của thổ ty đã biến chuyển nhiều và đến nay đã biến chuyển về căn bản. Ruộng đất của bọn thổ ty chạy theo địch như Nông Vĩnh An, Sê Cồ Ngan, Sê Cồ Tỉn, Hoàng A Tưởng... ta đã tạm cấp cho nông dân. Còn một số thổ ty theo kháng chiến ở lại là anh em Lục Vĩnh Tường thì ruộng đất một phần đã phân tán cho con, cháu, họ hàng, một phần phát canh thu tô đến 1954 - 1955 bỏ không dám thu tô nữa, một phần

giao xã, hiện nay chiếm hữu chỉ ngang với bình quân nhân khẩu nông dân (10c) hoặc còn thấp hơn nông dân (7c).

3. Các hình thức và thủ đoạn bóc lột của thổ ty

Thổ ty đều dựa vào đế quốc, nắm giữ các chức quyền quan trọng trong bộ máy thống trị do đế quốc đặt ra, một mặt dựa vào cường quyền mà đàn áp bóc lột nhân dân các dân tộc.

Những thủ đoạn hình thức chiếm hữu của thổ ty:

- Chiếm ruộng công làm ruộng tư, độc chiếm rừng núi.
- Tìm cách bắt buộc nhân dân bán ruộng tư giá rẻ cho chúng (như thổ ty Sê Cồ Tỉn).
- Dùng thần quyền để chiếm đoạt ruộng đất (như Hoàng A Tưởng).
- Thu ruộng, thu trâu của những người làm ruộng tô hoặc vay mượn của chúng mà không đủ giả và đúng thời hạn (như Sê Cồ Tỉn).

- Hình thức bóc lột chủ yếu của thổ ty là bóc lột công khổng. Chúng đặt ra luật lệ bắt buộc nông dân phải luân phiên đến làm ruộng cho chúng; làm xong ruộng cho chúng mới được về làm ruộng nhà mình. Chúng phân công cho từng làng bản bảo đảm việc cày cấy, gặt hái, làm ruộng nương cho chúng như Sê Cồ Tỉn phân công bản thì làm ruộng, bản thì trồng rừng thảo quả, bản thì chăn dắt trâu bò, bản thì bảo đảm củ đun, bản phải trông nom đắp điểm mồ mả ông cha chúng, bản chuyên môn làm cày bừa, chuồng trâu, ngựa, lợn, cối ngàn, bản phụ trách phục dịch những ngày ma chay, cưới xin, tiệc tùng của chúng. Thường mỗi gia đình thổ ty luôn luôn có hàng 20, 30 người ở. Con gái chê chồng thường chạy đến ở nhà thổ ty để chúng bênh vực cho, nhưng phải làm việc trong nhà coi như người ở. Khi ra đi lấy chồng có người còn phải trả tiền công nuôi cho thổ ty.

Ngoài lối bóc lột theo kiểu nông nô như trên, thổ ty còn bóc lột theo lối địa chủ như:

Phát canh thu tô. Tên thổ ty Sê Cô Tỉn đã phát canh thu tô toàn bộ diện tích ruộng đất của chúng, một số tên có nương thuốc phiện nhân dân giống ở đó phải nộp tô cho chúng 10% số thu hoạch.

Hình thức bóc lột tư sản cũng đã phát triển. Chúng độc quyền buôn thuốc phiện, muối, thảo quả, thầu nhà binh, có chân sòng, thu thuế sòng bạc. Có tên có ô tô chạy (Hoàng A Tưởng, Nông Vĩnh An, Lục Vĩnh Tường). Chúng có cửa hàng do buôn bán lớn. Có tên còn cối ngàn cho dân ngàn thuê, thầu bán trâu cho nhân dân mỗi ngày cấm bang, đến vụ thu thóc giá gấp 2 lần. Việc cho vay lãi nặng - lãi mẹ đẻ lãi con, lãi 1 tháng thành 2 và cho thuê trâu cũng phổ biến.

Trong thời kỳ Pháp tái chiếm Lào Cai, đế quốc Pháp càng cố gắng biến thổ ty thành mại bản cho chúng. Chúng đã cho thổ ty độc quyền buôn bán mỗi loại hàng ở địa phương thổ ty.

Cuối cùng thổ ty còn bóc lột bằng lễ vật như biếu xén, lễ lạt, ăn tiền đút lót, phạt tiền, lạm thu thuế, v.v.. Thổ ty ăn ở sinh hoạt như chúa phong kiến. Nhà chúng ở như những lâu đài trung cổ (château fort), có tường dày, lô cốt bao bọc. Nhà làm theo kiểu quân sự có lô cốt, tường, có hàng tiểu đội, trung đội lính đồng canh gác. Ngoài ra chúng có nhà xòe hoặc nơi nhẩy đầm, nghỉ mát, hồ câu cá riêng. Con cháu thổ ty theo Tây học. Chúng thường có nhiều vợ. Có tên 8, 9 vợ như bố tên Sê Cô Ngàn. Bố con Hoàng A Tưởng còn có lệ cứ con gái trong địa phương đi lấy chồng là trước hôm cưới phải đến nhà chúng ở 2, 3 hôm để chúng phá trinh, nhưng với danh hiệu là đến nhà quan để học kim chỉ, những ngày phiên chợ gặp cô nào đẹp chúng thích chúng gọi vào nhà để hãm hiếp.

Sau giải phóng, hầu hết thổ ty chạy theo địch. Riêng có Lục Vĩnh Tường và anh em con cháu hần theo kháng chiến từ cuối năm 1948. Đến giải phóng về còn phát canh, thu tô một số ruộng đến 1954, 1955, cho vay nợ lãi đến năm 1957. Trong gia đình đã có lao

động chính từ 1953, 1954, trong nhà vẫn nuôi người ở và bản thân chưa lao động.

Thổ ty Lào Cai những tên mới đến không phải cha truyền con nối lâu đời mà chỉ 2, 3 đời nay. Có tên là tàn quân của Lưu Vĩnh Phúc như thổ ty họ Sê. Nói chung thổ ty đều dựa vào Pháp, khi Pháp đến mà xây dựng củng cố uy thế, thống trị nhân dân các dân tộc. Tên nào cũng đều giữ những chức việc quan trọng của bộ máy thống trị Pháp như lý trưởng, chánh tổng, châu đoàn, tri châu.

Quyền lợi của chúng gắn liền với Pháp. Hầu hết là đặc vụ cho Quốc dân Đảng Trung Quốc. Thời Pháp làm việc cho Pháp, thời Nhật làm cho Nhật. Hầu hết khi Quốc dân Đảng Việt Nam đến theo Quốc dân Đảng, khi ta đến năm 1946 thổ ty Hoàng A Tường, Nông Vĩnh An, Lục Vĩnh Tường theo ta nhưng có liên lạc với Pháp (Hoàng A Tường, Nông Vĩnh An, Lục Vĩnh Tường). Đến thời gian Pháp tái chiếm lại lại phản ta theo Pháp. Với chính sách chia và thu hẹp phạm vi quyền hành của thổ ty, Pháp đã gây được sự tranh chấp mâu thuẫn trong thổ ty để nắm thổ ty, nên nội bộ thổ ty luôn luôn có mâu thuẫn lục đục với nhau.

Đối với nhân dân thì chúng ra sức đàn áp bóc lột, tên nào cũng có tội ác lớn, nợ máu với nhân dân, có tên giết tới hàng trăm người như Sê Cồ Tỉn.

Đối với ta thì chống ta kịch liệt như trong thời gian Pháp tái chiếm đã phản lại ta câu kết với Pháp, chống kháng chiến, khủng bố phong trào, khi ta giải phóng Lào Cai hầu hết thổ ty chạy theo địch nhưng còn gài lại bọ tay sai với âm mưu gây phiếm chiếm từ đầu năm 1949. Song Lục Vĩnh Tường theo ta vì có mâu thuẫn sâu sắc với thổ ty Nông Vĩnh An và bị Pháp nghi ngờ là có liên lạc với ta.

Hiện Lục Vĩnh Tường và 3 cháu ruột làm cán bộ thoát ly. Thái độ Tường ngoài mặt thì tỏ vẻ tin tưởng chính sách nhưng thực tế chống đối chính sách kịch liệt nhất là chính sách thuế, về

xã thì khinh miệt, đe dọa cán bộ xã, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số hơn.

Anh em Lục Vĩnh Tường bị nhân dân đả kích nhiều trong thời kỳ học tập khu tự trị, uy thế họ bị giảm sút nhiều. Nhưng từ sau sửa sai cải cách ruộng đất 1956 đến nay lại có thái độ lên mặt với nhân dân, xỏ xiên chửi cạnh khõe cán bộ. Hơn nữa còn dùng thủ đoạn hỏi xin ruộng, đã đòi lại một số ruộng đất 60 cân giống.

Nhân dân thì biết họ làm không đúng nhưng vì thấy Tường mỗi ngày được ta đưa lên làm các chức việc to lớn trong chính quyền, con cháu hẳn nhiều người làm cán bộ nên nể nang, e ngại, thiếu tích cực đấu tranh đối với những hành vi, thái độ không đúng của họ và có nghi ngờ chính sách của ta không biết là thế nào.

4. Những giai cấp khác trong vùng thổ ty

Vùng thổ ty có địa chủ, phú nông, trung, bản, cố nông. Số địa chủ thường ít và là họ hàng thổ ty, vì những dòng họ khác nếu định ngóc đầu lên thường bị thổ ty lấn át, thậm chí tiêu diệt ngay.

Vì thái độ của địa chủ, phú nông, trung, bản, cố nông căn bản cũng giống vùng địa chủ nên nói chung nêu ở trong phần địa chủ.

5. Biến chuyển về ruộng, đất và phân hóa giai cấp ở vùng có địa chủ

Vùng này gồm các dân tộc Nháng, Thổ, Kinh, Hoa ở các khu vực Bát Xát, Nhạc Sơn và Bảo Thắng, ở đây có nơi ruộng đất trên 80% là ruộng công như Bát Xát, Nhạc Sơn, có nơi 50 đến 60% là ruộng công.

Ruộng công đã phân cấp từ lâu và thường phần của nhà nào thì nhà ấy có quyền giữ mãi, trừ trường hợp có người chết không kế tự hoặc di chuyển đi nơi khác thì sẽ lấy cấp cho người khác. Tuy

nhiên trước kia hàng năm có điều chỉnh ít nhiều nhưng không chia lại. Do có điều chỉnh như vậy nên dần dần ruộng tốt lọt vào tay bọn có chức quyền và uy thế.

Trước Cách mạng Tháng Tám trong vùng này việc mua bán đứt ruộng tư ở nơi nhiều ruộng tư như Cam Đường, Hợp Thành tương đối phổ biến. Việc cầm cố ruộng công 5, 7, 10 năm, có khi 15 năm ở nơi có nhiều ruộng công như Quang Kim cũng rất phổ biến.

Bộ máy thống trị ở đây là bộ máy thống trị của đế quốc, có lý trưởng, phó lý, giáp trưởng, binh đầu. Bọn này được cấp một phần ruộng công và một số công theo quy định tương đối rõ ràng, dứt khoát hơn ở vùng thổ ty, tuy nhiên cũng có tên lý trưởng còn lạm dụng quyền hành để bắt dân phải phục vụ chúng về mặt sản xuất gần giống như vùng thổ ty.

Sự phân hóa và biến chuyển về ruộng đất và phân hóa giai cấp ở vùng địa chủ trong 2 xã điều tra Quang Kim, Hợp Thành và 1 thôn (thôn Lớn) xã Cam Đường như sau:

Thời kỳ 1945 - 1950

Thành phần	Hộ	Nhân khẩu	Trâu	Ruộng đất	Bình quân nhân khẩu	Tỷ lệ hộ giữa các thành phần	Tỷ lệ chiếm hữu giữa các thành phần
Địa chủ	7	57	28	1.853	32,5	2,2%	6,3%
Phú nông	22	143	86	4.020	28,1	6,9%	13,7%
Trung nông	215	1.093	406	20.642	18,8	67,4%	70,2%
Bần nông	69	309	65	2.863	9,2	21,3%	9,7%
Cổ nông	6	18				1,9%	
	319	1.620	585	29.378			

Thời kỳ 1950 - 1957

Thành phần	Hộ	Nhân khẩu	Trâu	Ruộng đất	Bình quân nhân khẩu	Tỷ lệ hộ giữa các thành phần	Tỷ lệ chiếm hữu giữa các thành phần
Địa chủ	22	12	10	298	24,8	0,5%	0,9%
Phú nông	7	38	19	976	25,7	1,8%	3%
Trung nông	312	1.651	662	27.274	16,5	80,8%	84,2%
Bần nông	65	307	63	3.842	12,5	16,8%	11,8%
Cố nông	1	3					
	407	2011	754				

Trước cách mạng và giải phóng địa chủ có 7 hộ chiếm 2,2% về hộ và chiếm hữu 6,3% về ruộng đất. Nhưng nói riêng từng xã thì xã Quang Kim có 3 địa chủ 1,81% về hộ chiếm 7,02% ruộng đất, xã Hợp Thành có 1 địa chủ 0,94% về hộ chiếm 4,18% ruộng đất. Còn riêng thôn Lớn xã Cam Đường trước cách mạng có tới 3 địa chủ, chiếm 6% về hộ và 9,3% về ruộng đất.

Trong tổng số có 23% về hộ thiếu ruộng đất.

Bình quân nhân khẩu của địa chủ gần gấp đôi phú nông.

- Của phú nông gấp 1 phần 5 trung nông.

- Của trung nông gấp đôi bần nông.

Cố nông không có ruộng đất đi ở, chuyên bán công hoặc làm ít ruộng.

Trong thời gian Pháp tái chiếm, tình hình ruộng đất và giai cấp ở đây đã có những biến chuyển:

- Trong phong trào đấu tranh vũ trang kháng chiến chống Pháp ở Cam Đường, một số nhân dân theo kháng chiến bỏ ruộng đất, địa chủ ở đây 1 tên làm phản động bị ta diệt (Tống Pao), 1 tên tản cư theo ta (Cẩm Sủi), 1 tên làm cán bộ (Quang Thành), với hoàn cảnh đấu tranh gay go, gia đình họ đã chịu lao động để sống,

những người ở lại cũng không yên tâm sản xuất nên ruộng đất cũng thay đổi.

- Ở các xã Quang Kim và Hợp Thành, tình hình ruộng đất trong nhân dân không thay đổi mấy mà chỉ có sự thay đổi ở một số theo ta, và số địa chủ ở Quang Kim, tên thì chia hộ và giảm bóc lột, có tên gia đình đã có lao động.

Từ sau giải phóng, qua quá trình thực hiện các chính sách, như chính sách thuế, tạm cấp, tạm giao ruộng đất Việt gian, phản động, vắng chủ, ruộng chúc, rút ra, ruộng đất, vận động sản xuất, tiểu phi, học tập thành lập khu tự trị và ảnh hưởng cải cách ruộng đất miền xuôi, ảnh hưởng phong trào hợp tác hóa Trung Quốc tình hình càng có nhiều biến chuyển và sự biến chuyển mạnh nhất vào khoảng thời gian 1953 - 1955.

- Địa chủ phú nông và cả một số trung nông trên phân tán ruộng đất cho con cháu hoặc giao cho xã.

- Nông dân đòi hoặc chuộc lại được ruộng đất họ bán hoặc cầm cố trước kia, hoặc ruộng họ phát canh họ lấy luôn không nộp tô nữa.

- Ta tạm cấp, tạm giao ruộng Việt gian, phản động, ruộng vắng chủ... cho dân.

- Hưởng ứng chính sách phát triển sản xuất, nhân dân khai hoang vỡ hoang thêm. Có tổ đổi công và đoàn kết tương trợ giúp đỡ nhau sản xuất.

- Địa chủ phú nông một số có lao động, bản cố nông có thêm ruộng đất. Hơn nữa việc thu mua lâm thổ sản, phục vụ công tác xây dựng kiến thiết cũng góp phần giải quyết đời sống cho nhân dân, nhất là bản cố nông, nên bản cố nông ít bị địa chủ phú nông bóc lột hơn và địa chủ, phú nông phải lao động hơn trước.

Do tình hình trên đây mà hiện nay:

Địa chủ có 2 hộ chiếm 0,5% về hộ và 0,9% về ruộng đất, 10 trâu.

Phú nông 1,8%, 3%.

Bần cố nông ít đi về hộ do một số lên trung nông và ruộng đất tăng thêm nhiều, chiếm 16,8% về hộ và 11,8% ruộng đất, đời sống nói chung đã khá giả hơn trước, tuy còn thiếu ruộng đất làm.

Trung nông tăng lên nhiều về hộ cũng như về ruộng đất chiếm tới 80,8% về hộ và 84,2% về ruộng đất. Qua hai thời kỳ tăng lớp này không những đứng vững mà còn hút thêm các thành phần khác vào...

Tuy vậy tỷ lệ về bần nông và trung nông trên đây theo nhận xét của tỉnh thì thấy chưa sát vì qua kiểm tra ở một số thôn làng Chiềng, làng Dạ (xã Cam Đường) thì tỷ lệ bần cố nông và trung nông dưới tới 50%.

Ruộng đất của địa chủ, phú nông giảm sút hơn trước nhưng chiếm hữu bình quân còn gấp rưỡi trung nông và gấp đôi bần nông, trâu bò của địa chủ, phú nông còn nhiều.

Ruộng địa chủ phân tán và ruộng tạm giao, tạm cấp đã vào tay bần cố nông nhiều, đồng thời cũng vào trung nông một số. Việc tạm cấp, tạm giao tương đối đúng nhưng trong đó có một vài trường hợp không thích hợp như ruộng tốt xấu không đều nhau hoặc có tình trạng lúc ấy người là cán bộ thì được cấp nhiều và tốt hơn, hay có người vốn đã đủ ruộng lại được ruộng tạm cấp rồi phát canh hay nhận tạm cấp nhưng lại giao bớt ruộng cũ là ruộng xấu cho người khác như ở Cam Đường.

Hiện trong bần cố nông còn nhiều người thiếu ruộng hoặc còn quá ít ruộng nên thiết tha yêu cầu ruộng đất, có những hộ bình quân nhân khẩu có 5 cân, 7 cân như ở Quang Kim và ruộng đất bần cố nông thường là ruộng xấu và phần nhiều là ruộng 1 vụ.

Địa chủ phú nông hiện nay chiếm hữu tuy có nhiều hơn nông dân nhưng do ít về hộ nên tổng số ruộng đất của họ không có.

Trong nhân dân, ý thức về ruộng công tư chưa thật rõ ràng nên trước kia có trường hợp ruộng công biến thành tư, ruộng tư biến thành công, hoặc có người bỏ ruộng tư ra giữ ruộng công.

Trong nội bộ nông dân cũng có những thắc mắc: Vì có người có ruộng tư vẫn còn giữ ruộng công. Thắc mắc người nhiều ruộng, người ít ruộng, ruộng xấu, ruộng tốt, 1 vụ, 2 vụ. Có người có ruộng bỏ hoang không cho người khác khai với tính cách chiếm đất giữ phần, giữa các dân tộc cũng còn thắc mắc lẫn nhau về ruộng nhiều ít như xã Hợp Thành, thôn Nhắng (Kíp Tước) thắc mắc thôn Tượng người Thổ sao ruộng nhiều sang tận giáp thôn mình, người Mán thôn Pắc Công, Nậm Rĩa hạ sơn xuống làm ruộng bị người Nhắng phá máng nước, không có nước làm nên phải bỏ. Người Mán xã Nam Cường xuống định khai phá khoảng đất gần làng Chiềng (Thổ) độ 800 cân giống để làm ruộng, người Thổ lại muốn giữ để khai phá riêng, v.v..

Trong 3 xã thì 2 xã Cam Đường và Hợp Thành còn nhiều khả năng khai phá và tăng vụ như có thể khai hoang 5.000 cân giống ruộng (67 ha), 4.000 cân giống thổ canh (53 ha). Ruộng 2 vụ tuy đã làm phổ biến nhưng số ruộng còn có thể tăng thêm vẫn còn nhiều, khả năng tăng vụ và khai phá ở Quang Kim Pả ngược lại rất ít, chỉ còn khoảng 100, 200 cân giống nữa nhưng là những chỗ lẻ tẻ và khó khăn về nước.

Ngoài khả năng khai phá ruộng đất, ở đây còn có điều kiện phát triển làm nương, có nghề làm thổ sản tiện đường giao thông vận chuyển thủy bộ, nghề dệt vải, đánh cá, chăn nuôi, thổ công đoàn, làm lao động, kiến thiết cho mỏ, thị xã, thị trấn. Nhưng trong vấn đề giá cả lâm thổ sản và công lao động kiến thiết so với giá cả công lao động sản xuất nông nghiệp còn chênh lệch nhiều nên thường có tình trạng bỏ sản xuất đi làm lâm thổ sản, thổ công đoàn, làm cho mỏ... ảnh hưởng đến sản xuất chung.

6. Tình hình bóc lột ở vùng địa chủ

Hình thức thủ đoạn chiếm hữu của địa chủ:

- Mượn người khai phá ruộng đất.
- Cho vay lãi nặng người vay không trả được phải gán ruộng.

- Nhận ruộng cầm rồi kéo dài không cho chuộc.
- Bỏ tiền ra mua hoặc đưa vào cường quyền tìm cách mua rẻ và buộc người có ruộng phải bán như tên Lò Vạn Phù khi làm lý trưởng Bát Xát, đã cấm đường đi qua sổ ruộng nó định mua, mặt khác bắc mương nước vào ruộng nhà nó không cho chảy qua những ruộng kia, cuối cùng người chủ ruộng phải bán rẻ cho nó.
- Chiếm hữu ruộng công làm ruộng tư.
- Những tên là chức dịch ngoài sổ ruộng công còn được thêm một số ruộng chức, tùy theo chức tước to nhỏ và tùy theo tình hình ruộng đất nhiều ít trong xã như xã Nhạc Sơn cũ (nay chia làm 5 xã mới) lý trưởng được 240 cân, trường giáp 120 cân, và mỗi binh đầu 50, 60 cân.

Sự bóc lột của địa chủ, chủ yếu là bóc lột nhân công, một số tên phát canh một phần thu tô (địa chủ Hợp Thành) chúng thường thuê mướn người ở, nuôi con nuôi. Có tên có tới 5, 6 người ở, con nuôi, cá biệt có tên có tới 10 người như Hù Pò Vàng (Quang Kim), Lò Vạn Phù (Bát Xát) cũng có tên trả công, có tên quyt công.

Những tên là chức dịch thì được lấy công không để làm phần ruộng chức quan, song những tên là lý trưởng trở lên thường lạm quyền bắt dân làm nhiều hơn số ngày quy định cho chúng.

- Địa chủ thuê công ngày, công tháng rất phổ biến.

Ngoài những hình thức trên đây, địa chủ còn bóc lột bằng cho vay nặng lãi, lãi mẹ đẻ lãi con hoặc cho vay lấy công non, có tên cho vay tới 2.400 kg thóc 1 năm. Tô trâu 240 đến 300 kg 1 con. Cho nuôi lợn, trâu rế.

Một số tên có kinh doanh cối ngàn cho dân ngàn thóc lấy công gọi là tô ngàn.

Chế độ bóc lột của địa chủ nói chung tàn tệ, nhưng có điểm đối với con nuôi, người ở thì nói hơn đối với vùng xuôi như được quần áo mặc, ăn uống no đủ, cùng ăn uống với chủ nhà, hội hè, tết nhất được nghỉ...

Trước giải phóng, địa chủ thường gia đình nào cũng có lao động phụ hoặc cũng có gia đình có ít lao động chính. Nhưng sau giải phóng, nhất là 1953-1954 về sau thì có gia đình địa chủ đã lao động chính, nhưng cũng có những tên bên ngoài lao động nhưng thực tế thì chỉ làm qua loa.

Sau giải phóng chế độ lao dịch không còn. Nhưng có những tên còn thuê người ở con nuôi tuy so với trước ít đi nhiều, một số còn phát canh tới năm 1953-1954. Từ sau ngày sửa sai, do cán bộ lập trường mơ hồ đã vận động người có ruộng làm chiêm nếu không làm thì có thể cho người khác mượn, người mượn làm vụ chiêm phải cày bừa và bón phân cho chủ ruộng. Địa chủ cũ đã lợi dụng việc này để tăng bóc lột như bắt cày, bừa, cấy mới, cho mượn ruộng, v.v. tình trạng này khá phổ biến ở một số địa phương.

Nợ lãi, tô trâu cũng giảm dần, nhưng về phát canh, cho vay lãi, tô trâu vẫn còn. Hầu hết địa chủ đều vào tổ đổi công hoặc đoàn kết sản xuất và đã lợi dụng tổ đổi công để bóc lột công không.

Phú nông: Bóc lột phú nông chủ yếu là thuê nhân công, còn phát canh thu tô thì rất ít. Trong nhà phú nông thường có 1 người ở hoặc con nuôi, chúng còn muốn thêm công ngày, công vụ, công tháng. Thường người ở với phú nông đến 1953, 1954 thì ra nhiều.

Phú nông cũng bóc lột về tô trâu, nợ lãi.

Hiện nay phú nông vẫn phải thuê nhân công nhưng so với trước có giảm nhiều và tô trâu khoảng 120 đến 180 kg 1 con, lãi 30% - 50%, cũng còn hình thức cho vay mượn một ít thóc ăn rồi trả công sau. Việc vay mượn thường ngấm ngấm. Phú nông cũng hầu hết đều tham gia tổ đổi công và đoàn kết sản xuất và lợi dụng bóc lột tổ đổi công.

Trung nông: Trước Cách mạng Tháng Tám, một số lấy tô trâu và bóc lột nhân công đôi chút, có người phát canh thu tô. Hiện nay trung nông trên giải quyết vấn đề nhân công bằng cách lợi dụng tổ đổi công. Hàng ngũ trung nông trên gần đây tăng nhiều vì một số

địa chủ, phú nông biến thành trung nông trên. Cũng có những trung nông thường đã trở thành trung nông trên. Trung nông thường đòi sống tạm đủ có người thiếu ít nhiều, phải bán công thêm hoặc làm lâm thổ sản, nghề phụ.

Trung nông cũng bị bóc lột về lao dịch. Ruộng đất của họ thường ngang hoặc dưới mức bình quân.

Bần cố nông: Trước cách mạng giải phóng, bần cố nông bị bóc lột nặng nề về nhân công, nợ lãi, tô trâu, một số bị bóc lột tô. Bần cố nông còn bị bọn chức dịch bóc lột về lao dịch.

Do bị bóc lột như vậy, nhất là về nợ lãi, nhiều người đã phải mất ruộng và đòi sống ngày một khổ cực.

Từ sau giải phóng đến nay, bần cố nông đã được thêm ruộng đất, một số đã lên trung nông, hiện đời sống bần cố nông vẫn còn gặp khó khăn, thiếu thốn nên phải bán công và vay mượn, nhưng có nhiều điều kiện để giải quyết đời sống như lấy lâm thổ sản, làm lao động kiến thiết, v.v. nên cuộc sống đã dễ chịu hơn, không bị chật vật, túng đói như trước.

Do tình hình trong tổ đổi công còn có sự lợi dụng và sự bóc lột một cách biến tướng của địa chủ, phú nông và trung nông trên, trên cơ sở đoàn kết một chiều, nên bần cố nông không tha thiết với tổ đổi công, thắc mắc muốn ra tổ để được tự do đi lấy lâm thổ sản hoặc làm lao động khác kiếm sống có lợi hơn.

Về tình hình bóc lột, qua kiểm tra ở thôn Chiềng, Dạ xã Cam Đường thì thấy thêm một số vấn đề như những hình thức sau đây:

- Làng Chiềng gồm 70 hộ thì hiện nay có 19 hộ phát canh trong đó có 4 hộ phát canh gần toàn phần và có một số phát canh vụ chiêm với hình thức cho mượn ruộng làm chiêm bắt phải cày bừa, bỏ phân, có người còn bắt cả cấy cho nữa (tuy ta có vận động cho nhau mượn ruộng), trong số này cán bộ ta mắc nhiều, nhưng thường là phú nông và trung trên.

Hình thức tô tá nhiều ở phú trung trên và cả địa chủ.

- Mỏ lợn thả thóc, trị giá thóc đắt gấp đôi giá thịt thị trường, vấn đề này rất phổ biến khi giáp vụ gặt trong nhân dân nói chung, nhưng gần như chuyên môn phú nông.

- Phú nông còn nhiều trâu bò như gia đình nhà Bè (làng Dạ) có 10 trâu cho nuôi chia 5 con.

- Cho vay tiền, chủ nợ ghi đủ nhưng giao tiền cắt một phần lãi trước như biên giấy 10đ chỉ giao 9đ.

7. Địa vị và thái độ chính trị của các thành phần

Địa chủ: Trước cách mạng và trước giải phóng, địa chủ đại bộ phận là làm chức dịch cho đế quốc, có những tên là mo, tộc trưởng.

Có tên là cường hào gian ác như Lò Vạn Phù, Thê Thên Dĩ, Tống Pao... một số tên gian ác cấu kết với địch trong thời kỳ Pháp phủ đã bị ta diệt (Tống Pao, Lò Vạn Phù...).

Địa chủ đa số theo Pháp - phủ chống lại kháng chiến, làm tay sai đắc lực cho Pháp, mật thám, chỉ huy phủ, vắc súng phủ, làm quản lý phủ, hoặc ủng hộ phủ, chống đối chính sách nhất là chống thuế. Trong địa chủ có người theo ta làm cán bộ nhưng dao động như Nông Du Trang và Quang Thành, trong quá trình giáo dục loại này đã tiến bộ, có gia đình đã chịu lao động. Hiện nay số địa chủ còn lại ít trong 2 xã và 1 thôn điều tra trước cách mạng có 7 nay chỉ còn 2, và là địa chủ thường, nhưng còn số này có thể quá thấp so với thực tế, vì ta chưa phát động quần chúng tố giác. Kinh nghiệm làng Dạ cho biết có tên trước xác định là trung nông, phú nông, sau nhân dân học phân định thành phần thì quy là địa chủ.

Đối với loại có tội ác rõ ràng thì nhân dân rất căm ghét. Nhưng loại ít tội ác nhân dân vẫn chưa phân biệt rõ ràng, ngay cả cán bộ trong chính quyền ta cũng chưa phân biệt rõ giữa địa chủ và nông dân. Nhìn chung trong giai cấp địa chủ thì uy thế bị giảm sút nhiều.

Trong nhân dân, một số còn bị lệ thuộc vào chúng về mặt kinh tế như vay mượn, thuê trâu, nuôi chia trâu lợn... nên còn nể nang và chúng còn có uy tín trong anh em họ hàng.

Địa chủ vẫn ngấm ngấm phản ứng chính sách 1957, có tên đòi ruộng đã phân tán cho bản cố nông, bản cố nông còn phải trả (vợ Lò Vạn Phù).

Phú nông: Trước ngày giải phóng, phú nông một phần là chức dịch; thời phỉ một số làm chỉ huy phỉ hoặc vác súng phỉ, ủng hộ phỉ. Tầng lớp phú nông nói chung chống ta kịch liệt nhất là thời kỳ ta làm thuê và khi phỉ nổi dậy. Nhưng những nơi phong trào mạnh thì một số phú nông theo ta (Cam Đường).

Phú nông trước giải phóng tương đối nhiều chiếm tới 6,9%. Hiện nay còn ít 1,8%. Nhưng uy thế phú nông vẫn còn. Thái độ họ nay lừng chừng, hay phản ứng chính sách, coi thường cán bộ xã. Có phú nông còn ương ngạnh, bướng bỉnh nói láo trước chính quyền (Pò Tào ở Quang Kim). Đối với phú nông nhân dân còn nể nang, vẫn còn phải vay mượn nhờ vả... có phú nông còn được nhân dân trọng vọng mời mọc.

Trung nông: Tầng lớp trung nông chiếm khá đông trong nông thôn cả trước giải phóng và hiện nay. Trong 2 xã và 1 thôn điều tra nói trên trước giải phóng có 67,4% về hộ, nay lên 80,8%. Trong đó có xã trước giải phóng 58% nay lên 84% (Cam Đường) hoặc trước 72% nay lên 91% (Quang Kim).

Trong nông thôn có thể chia làm hai loại: trung khá và trung thường, xã Cam Đường trước cách mạng trung khá 14% về hộ toàn xã và trung thường 44%. Hiện nay trung khá 27%, trung thường 57% về hộ toàn xã.

Xã Hợp Thành trước cách mạng trung khá 41% về hộ toàn xã, trung thường 24%. Hiện nay trung khá 37%, trung thường 28%.

Trung nông khá do có nhiều đất, có chút ít bóc lột, đời sống đủ, thừa nên đối với chính sách có ít nhiều phản ứng, một số chống lại ta trong kháng chiến. Nơi phong trào khá thì tham gia công tác nhiều như Cam Đường. Còn các nơi khác thì có một số tham gia công tác như bình dân học vụ. Dân quân du kích có người làm ủy

ban... Nói chung thái độ lòng chừng còn coi thường bản cố nông. Nhân dân nỗ nang.

Địa chủ, phú nông và trung nông trên có tư tưởng lo sợ hợp tác xã. Đã có hiện tượng định chuyển hoặc bán chạy ruộng, trâu trong địa chủ, phú nông và trung nông trên.

Trung nông thường nói chung có tinh thần hăng hái tham gia công tác, đối với bọn thống trị cũ có tội ác thì căm ghét, nhưng đối với địa chủ, phú nông thì thái độ chưa rõ ràng, đối với bản cố nông thì do đầu óc thành kiến cũ nên cũng còn xem thường, riêng những người mới ở bản cố nông mới lên còn đôi chút thiếu thốn thì thái độ chính trị không khác bản cố nông mấy. Trung thường tham gia công tác nhiều thường chiếm đa số trong chính quyền các cấp.

Tư tưởng trung nông nói chung là phát triển cá thể ngoi lên làm giàu, thể hiện nhiều trong loại thừa ăn và đủ ăn trong vấn đề hướng về lâm thổ sản, thổ công đoàn, nghề phụ, v.v..

Bản cố nông: ít so với trung nông. Qua các xã điều tra thì trước cách mạng và giải phóng, xã Hợp Thành 32%, nay còn 33% trong khi trung nông trước 74% nay 65%. Xã Cam Đường 29% nay còn 13%, trong khi trung nông 58% nay 84%. Xã Quang Kim 15%, nay còn 7%, trong khi trung nông 72%, nay 91%.

Thời Pháp - phủ, bản cố nông ở một số nơi (Quang Kim) bị bọn lớp trên lừa gạt đưa đi khủng bố cách mạng hoặc vác súng phủ đánh lại ta.

Hiện nay nhiều người tham gia công tác qua các cuộc phát động từ sau đình chiến ta có đề bạt bản cố nông vào lãnh đạo trong chính quyền xã, nhưng chưa đóng được vai trò nòng cốt trong các bộ phận lãnh đạo chính quyền và các tổ chức. Do tư tưởng chưa được phát động, địa vị kinh tế còn thấp, nên uy tín và ảnh hưởng còn kém.

Bản cố nông nói chung còn bị lép vế, còn bị lệ thuộc với tầng lớp trên về kinh tế, còn e ngại lớp trên. Tinh thần đấu tranh còn yếu, còn bị lớp trên khinh thường. Hiện bản cố nông đang yêu cầu giải

quyết ruộng đất thấy xử không công bằng trong chiếm hữu ruộng đất ở thôn xã. Tuy vậy chưa phân biệt được ranh giới giai cấp. Thái độ đối với địa chủ, phú nông... lơ mờ. Trong bản cổ nông có một bộ phận bị dịch lưu manh hóa hồi Pháp - phải nên đến nay vẫn còn lẻ tẻ như ăn cắp vặt, lưu manh, lừa.

8. Tình hình vùng cao

Có thể chia làm hai loại vùng:

a) Vùng đã phân hóa giai cấp rõ rệt nhưng mức độ chưa triệt để như vùng thấp và tàn dư của chế độ tộc trưởng vẫn còn khá sâu sắc. Vùng này gồm có các dân tộc Mèo, Mán đỏ, có nơi đã xen kẽ dân tộc Hán, Nùng hoặc dân tộc thiểu số khác. Nhân dân chủ yếu làm nương định canh hoặc nửa ruộng nửa nương, hoặc ruộng bậc thang.

Trong vùng này có nơi đã có thổ ty địa chủ phú nông như Pha... (thổ ty La Văn Đức người Mèo, địa chủ người Hán và người Nùng).

Có nơi không có thổ ty mà có địa chủ nhưng rất ít hoặc không có địa chủ mà chỉ có phú nông nhưng cũng không nhiều, như Tả Phìn.

b) Vùng còn mang nặng tàn dư thị tộc bộ lạc trong đó người đầu làng, đầu thôn và mo trưởng thường đồng thời làm chức dịch cho Pháp còn thống trị nhân dân về mặt tư tưởng và thần quyền. Có nơi du canh du cư, vùng này có các dân tộc Mán tuyển xen kẽ với Mèo và Mán đỏ (Nậm lúc), Mán tuyển rẻo lưng chừng các huyện và một số nơi Mèo và Mán đỏ ở hẻo lánh xa xôi trên các vùng cao.

Trong nhân dân có nhiều quan hệ tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong làm ăn sản xuất. Ở đây cũng đã hình thành quyền tư hữu về ruộng đất nhưng vẫn chưa hình thành một xã hội giai cấp hoàn chỉnh và có hệ thống mà mức độ phân hóa giai cấp còn thấp, đời sống nhân dân nhiều nơi còn thấp kém, người nghèo khổ còn

hiều. Cá biệt có nơi có địa chủ hoặc phú nông nhưng rất ít hoặc có nơi không có.

Hiện nay việc điều tra vùng cao còn quá sơ sài, tỉnh mới có số liệu về 2 xã Thống Nhất và Tả Phìn nhưng chưa được đầy đủ.

Cả 2 xã này đều thuộc vào loại I. Trước cách mạng và giải phóng, ở những nơi này cũng có bộ máy thống trị Pháp lập ra, có lý trưởng, tổng quản, binh đầu, xéo phải, có nơi còn có chánh tổng như Phu Pha Long. Nhưng có khác nơi khác là ở đây binh đầu ngoài nhiệm vụ hành chính còn phụ trách cả quân sự. Cũng có chế độ lao dịch không công quy định cho các chức dịch tùy theo chức to nhỏ và bọn thống trị còn có những đặc quyền, đặc lợi như biểu xén, lễ lạt, v.v..

Những tên có uy thế lớn và giàu có, bóc lột nhiều thường là người cầm đầu những dòng họ lớn và là binh đầu, xéo phải, tổng quản trở lên, hoặc anh em con cháu bọn chức dịch. Ví dụ ở Pha Long trong dân tộc Mèo đã có thổ ty La Văn Đức. Dân tộc Nùng, Hán thì lại có địa chủ, phú nông.

Cụ thể thôn Lý Chá Phần xã Thống Nhất có 5 hộ Mèo giàu nhất toàn là chức dịch hoặc anh em bọn chức dịch, chủ yếu bóc lột nhân công tuy gia đình có lao động. Sức bóc lột phú nông, người bóc lột ít 428 công, nhiều 1.126 công.

Bình quân nhân khẩu ruộng của họ 12 cân, trong khi bình quân nhân khẩu trong dân 1 cân.

So với trong thôn 5 hộ này chiếm 76% ruộng, 40% nương lúa, nương ngô, thuốc phiện 230 lạng, trong số 290 lạng toàn thôn,... 31 con (50%).

Sau giải phóng và tiêu phi ta tịch thu ruộng đất của Việt gian phản động vắng chủ ruộng hiến chia cho dân, phú nông và trung nông một số cũng phân tán ruộng đất, phân hộ nên thôn này 5 hộ, phú nông hiện nay còn bình quân 6 cân giống ruộng và chiếm 40% nương lúa, 1 hộ còn thuê 50 công. Còn 4 hộ khác số công

thuê mướn và lợi dụng tổ đổi công cộng lại bằng mức bóc lột của phú nông.

Bần nông trước giải phóng có 6 hộ nay chỉ còn 2. Do được chia ruộng nên 4 hộ trước kia nay đã lên trung thường.

Ở xã Thống Nhất đã có sự mua bán ruộng đất. Ruộng ở đây rất quý, những nơi ruộng bằng tốt có chỗ bán tới 80 vạn 10 cân giống.

Về xã Tả Phìn (Cha Pa) trước ngày giải phóng có:

- 13 hộ thừa ăn chiếm 2.051 cân.
- 17 hộ đủ ăn chiếm 1.600 cân.
- 18 hộ thiếu ăn chiếm 645 cân.

Từ sau giải phóng và tiểu phí, qua đấu tranh thực hiện các chính sách, tầng lớp trên phân tán ruộng cho con cháu, tầng lớp nghèo đời sống khá hơn có tiền chuộc lại ruộng đã bán trước.

Hiện nay:

15 hộ thừa 2.099 cân bình quân nhân khẩu từ 7 cân sản lượng 220 kg đến 18, c5.

Sản lượng 554, có 2 hộ vào loại phú nông.

35 hộ đủ 2.004 cân bình quân nhân khẩu từ 5 cân sản lượng 190 kg đến 12 cân sản lượng 250.

25 hộ thiếu 704 cân bình quân nhân khẩu từ 1 c 5 sản lượng 45 kg đến 8 cân sản lượng 250 kg.

Căn cứ tình hình 2 xã trên đây thì:

Trước cách mạng vùng này có phân hóa giai cấp, có sự mua bán ruộng đất. Có nơi có địa chủ phú nông hoặc có nơi không có địa chủ mà chỉ có phú nông.

Ruộng đất chúng chiếm có nơi gấp 10 lần nông dân, ruộng nhiều nương cũng nhiều và tốt.

Bóc lột chủ yếu bằng nhân công thuê mướn, mướn công non, tô trâu, nợ lãi, lãi nặng 100% mẹ đẻ con đẻ, duy có người Mán đỏ cho vay lãi lấy nhẹ hơn: 50%, trong anh em họ hàng thường không lấy lãi. Ngoài ra có hình thức bóc lột công không và đặc quyền, đặc lợi ở những tên chức dịch.

Những tên là cường hào gian ác một số đã chạy theo địch hoặc bị ta diệt nhưng vẫn còn lại nhiều tên nguy hiểm (ở Tả Phìn, Cha Pa).

Hiện nay ruộng đất của số khá giả còn chiếm nhiều lần nông dân. Nhưng do còn nhiều ruộng và nương nên vẫn còn phải thuê mướn nhân công và bóc lột dưới hình thức đoàn kết đối công sản xuất.

Tô trâu, nợ lãi đã nhẹ đi, do sản xuất phát triển, đời sống nông dân được cải thiện hơn, cũng đỡ phải vay mượn hơn. Có nơi như Tả Phìn phú nông do ảnh hưởng cải cách đã sợ không dám cho vay lãi và tô trâu mấy mà chuyển sang phát triển chăn nuôi, nấu rượu bán, bán thóc bắp hoặc để thóc bắp đổi lấy công theo giá quy định trong thôn, xã.

Uy thế của địa chủ, phú nông ở vùng này còn khá mạnh. Chúng còn khống chế tư tưởng nhân dân, cản trở cho sản xuất. Nông dân nhiều nơi còn e ngại, kính trọng họ. Khí thế của bản cổ nông còn thấp kém.

Có nơi (Pha Long) nhân dân cũng biết họ bóc lột, có yêu cầu đấu tranh nhưng còn e ngại và chưa mạnh dạn đấu tranh.

Ruộng đất họ giao cho nông dân chưa được chính thức tuyên bố quyền sở hữu của nông dân.

Vùng này lại là vùng cơ sở yếu tình hình chính trị chưa thật ổn định, có nơi còn phản động hoạt động.

Phần thứ ba

CƠ SỞ ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN VÀ TỔ CHỨC QUÂN CHÚNG

A. VỀ ĐẢNG

Ngoài các chi bộ ở cơ quan tỉnh, huyện ra, tỉnh Lào Cai mới có 7 chi bộ xã ở huyện Bảo Thắng là chi bộ: Cam Đường, Gia Phú, Lê Lợi, Sơn Hà, Phố Lu, Thái Niên, Vạn Hòa, các chi bộ này thành lập

từ 1948-1949 trong phong trào đấu tranh vũ trang chống địch. Còn các huyện khác chưa có cơ sở đảng ở xã.

Tổng số đảng viên có 66 người, chia ra các thành phần như sau: 16 bần nông, 3 tiểu tư sản, 2 cố nông, 42 trung nông, 1 phú nông, 2 thành phần khác.

- Dân tộc trong Đảng: Thổ 37, Nháng 5, Nùng 2, Kinh 21, Mán 1. Trong thời kỳ kháng chiến, các chi bộ đều hoạt động mạnh, đã vận động nhân dân tham gia kháng chiến chống địch có nhiều thành tích, sau giải phóng 1951-1952 còn hoạt động khá trong công tác tiểu phẩm và thuế. Nhưng từ 1953 - 1954 đến nay thì hoạt động ngày càng yếu (có lúc ta gần như bỏ rơi cho là chi bộ phức tạp).

Hiện nay, qua việc củng cố nói chung đã hoạt động trở lại nhưng còn yếu, được một vài chi bộ khá như chi bộ Cam Đường, Gia Phú và yếu nhất là chi bộ Phố Lu.

Tư tưởng các đảng viên hiện nay một số lớn tỏ ra mệt mỏi, uể oải, công thần, không muốn công tác, muốn nghỉ ngơi để củng cố gia đình.

Trình độ đảng viên nói chung còn thấp, khả năng còn yếu, chưa tự động được công tác, lãnh đạo không được bao quát.

- Tinh thần công tác: còn một số ít đảng viên chưa tỏ ra gương mẫu trong việc chấp hành các chính sách, thể hiện trong công tác thuế nông nghiệp và sản xuất. Cho nên có chi bộ chưa thật là vai trò nòng cốt lãnh đạo nhân dân thực hiện các chính sách như chi bộ Thái Niên, Phố Lu.

B. CHÍNH QUYỀN

Năm 1950 ta giải phóng lần thứ hai, chính quyền thôn, xã được thành lập khắp trong tỉnh, nhưng lúc ấy ta còn sử dụng nhiều cán bộ chính quyền cũ của địch như những binh đầu, xéo phải, tham gia Ủy ban hành chính và làm trưởng thôn, trưởng

xóm. Bộ máy chính quyền ta phức tạp như vậy, nên từ năm 1951 có chính sách thuế, chính sách dân công, đều bị ngay những phần tử này ở trong bộ máy chính quyền ta đã cùng với những phần tử xấu chống đối lại các chính sách của ta, do đó mà ở nhiều nơi trong tỉnh mỗi khi có phỉ nổi dậy thì chính quyền bị tan vỡ, hay họ ra mặt chống đối lại ta.

Nhưng từ năm 1953-1954 đến nay, qua công tác thuế nông nghiệp, công tác vận động quần chúng tiểu phỉ, phát động thành lập khu dân tộc tự trị, ta chia ra làm nhiều xã nhỏ, đã sơ bộ tổ chức lại bộ máy chính quyền thôn xã, gạt những phần tử xấu ra ngoài, lấy những người khá trong công tác thuế và tiểu phỉ tham gia chính quyền thôn xã. Hiện nay thì toàn tỉnh có 123 xã đều đã có Ủy ban hành chính gồm có 622 ủy viên chia ra như sau:

Bắc Hà 235 ủy viên, Bảo Thắng 75 người, Bát Xát 114 người, Cha Pa 80 người và Bản Lầu 118 người. Số ủy viên trên đây đa số là được đề bạt trong phong trào tiểu phỉ và phát động tự trị, số lớn là trung nông, cũng có một số là binh thần, xéo phải cũ hoặc chỉ huy phỉ cũ, qua thực hiện các chính sách, nhìn chung chính quyền thôn xã đều có hoạt động, nhưng nhiều xã hoạt động rất yếu, thường chỉ được một vài người là tích cực, còn một số không hoạt động. Có người tuy có danh sách từ khi đưa họ vào ủy ban xã nhưng không có hoạt động gì như ông Dính ở xã Vạn Hòa thuộc huyện Bảo Thắng đã bỏ công tác từ lâu mà tỉnh, huyện cũng không biết. Có nơi huyện chần chừ cho người mới vào thay, như huyện Bắc Hà cho ông Vàng Phúc Kín vào thay một ủy viên xã Bản Cái không báo cáo tỉnh cấp giấy công nhận, ngược lại người hiện nay đang hoạt động trong ủy ban là ủy viên thì lại không được công nhận, nên đã gây ra sự suy tị giữa một số ủy ban.

- Hầu hết các xã không có trụ sở nhất định, ủy viên nào thường trực thì nhân dân đến nhà ông ấy. Trong công tác còn thiếu tính chất tập thể, thiếu sự bàn bạc phân công, nên các ủy viên ở thôn nào thì chỉ biết giải quyết công việc ở thôn ấy.

- Trình độ công tác nói chung còn thấp kém, thiếu tự động công tác, nhiều nơi có cán bộ trên về thì mới hoạt động, cán bộ đi rồi thì đâu lại vào đấy. Nhiều ủy ban còn chưa nhận thức được trách nhiệm của mình là phải đảm đương mọi công tác ở địa phương, lãnh đạo nhân dân thực hiện các chính sách, chưa nhận rõ quyền và đoàn thể trong công tác, như có khi chính quyền giải quyết công việc của nông hội, nông hội giải quyết công việc của chính quyền.

Có những ủy viên xã phạm sai lầm khuyết điểm nhưng ta thiếu giáo dục hoặc xử phạt thích đáng. Từ khi học tập tình hình nhiệm vụ, cán bộ chính quyền xã có khá hơn. Tư tưởng muốn xin nghỉ để về làm giàu, sơ bộ bị phê phán. Nhưng hoạt động chính quyền vẫn không đều, nếu so sánh thì hiện nay chính quyền các huyện Bản Lầu, Bảo Thắng, một phần Bắc Hà tương đối khá, trái lại chính quyền Cha Pa rất yếu. Có những tên còn nghi ngờ quan hệ với phi.

C. CÔNG AN

Tỉnh Lào Cai có 122 xã, ta mới tổ chức được cơ sở công an ở 79 xã trong toàn tỉnh, gồm có 385 người trong đó có 98 người là trưởng, phó ban. Số công an này một số lớn mới tổ chức trong năm 1958. Riêng huyện Bản Lầu có từ 1955 - 1956 ở một số xã. Các huyện như Bảo Thắng, Cha Pa, Bắc Hà có từ 6 tháng đầu năm 1958. Huyện Bát Xát mới có từ 6 tháng cuối năm 1958.

Cụ thể cơ sở công an ở mỗi huyện như sau:

Bản Lầu 11 xã trong số 24 xã có 87 người, trong đó có 18 người trưởng, phó ban.

Cha Pa 16 xã trong số 17 xã có 42 người, trong đó có 12 người trưởng, phó ban.

Bắc Hà 20 xã trong số 39 xã có 77 người, trong đó có 25 người trưởng, phó ban.

Bát Xát 20 xã trong số 27 xã có 77 người, trong đó có 31 người trưởng, phó ban.

Bảo Thắng 12 xã trong số 15 xã có 102 người, trong đó có 12 người trưởng, phó ban.

Từ khi có tổ chức công an đến nay có tăng thêm được một phần thu lượm tin tức và góp một phần quan trọng việc bảo vệ trật tự trị an ở nông thôn. Nói chung thì sự hoạt động hãy còn kém, nhất là huyện Bản Lầu tuy tổ chức từ lâu nhưng ít giáo dục về chuyên môn nên hoạt động kém. Hiện nay các huyện đang tiến hành bồi dưỡng giáo dục chuyên môn cho anh em. Số anh em công an này nói chung một số lớn là tốt đã thể hiện tích cực trong công tác trị an và các chính sách như thuế, sản xuất, v.v..

D. DÂN QUÂN DU KÍCH

Tổ chức cơ sở dân quân du kích của Lào Cai đã có từ 1948-1949 trong phong trào đấu tranh du kích chống Pháp ở một số xã thuộc huyện Bảo Thắng và Nậm Lúc, Bảo Nhai thuộc hạ huyện Bắc Hà. Sang năm 1952 ta phát triển rộng trong toàn tỉnh, nhưng phức tạp và ô hợp, phần lớn là lính đồng, bảo an hay khố đỏ cũ, nên 1953-1954 phải nổi dậy ở nhiều nơi, du kích đã tan rã từng mảng, có nơi du kích hoang mang, dao động, đầu hàng phỉ, nhiều nơi du kích lại vác súng theo phỉ đánh lại ta như Mường Khương, Bắc Hà. Nhưng từ sau hòa bình lập lại căn bản ta giết hết phỉ ở Lào Cai và dần dần tổ chức xây dựng củng cố lại hàng ngũ dân quân du kích trong toàn tỉnh, cho tới nay đã có 117 xã có du kích gồm 2.248 người tham gia; trong số này có 333 là cán bộ xã đội, 330 cán bộ tiểu đội và 1.643 hội viên.

- Các dân tộc tham gia hàng ngũ dân quân du kích như sau: Thổ 149 người, Nhắng 226, Nùng 256, Kinh 140, Hoa kiều 18, Mán đỏ 234, Mán họ 19, Mán tuyển 134, Xá Phó 6, Xá Phang 32, Mèo 872, Phù Lá 44, Thù Lao 28, U Ní 32, Pa Dí 27, La Chí 2, Tu Dí 28, Thái 1. Nhìn chung thì các dân tộc trong toàn tỉnh đều có tham gia du kích, trong đó dân tộc Mèo tham gia đông đảo hơn.

- Trong hàng ngũ du kích liên quan với đế quốc, với phỉ như sau: Binh thần có 60 người, 1 đội khố đỏ, 7 xéo phải, 620 lính phỉ, nhưng những người này hầu hết là cầm súng phỉ, còn 1.618 là thường dân.

Số du kích này phần lớn là được tổ chức lại qua những cuộc vận động tiểu phỉ và thành lập khu dân tộc tự trị.

Tinh thần công tác không đều, thời kỳ mà du kích hoạt động khá là 1955-1956, đã thể hiện trong công tác trị an và chống buôn lậu. Nhưng từ sau khi phát hiện sai lầm về cải cách ruộng đất ở xuôi, nhiều cán bộ và du kích cũng có tư tưởng công thần, địa vị, bất mãn, thối chí muốn xin thôi, xin nghỉ, không muốn công tác, nhiều nơi bỏ cả nhiệm vụ làm công tác trị an và chống buôn lậu, thậm chí có một số xã đội và du kích biến thành tay chân mang thuốc phiện thuê cho bọn buôn lậu, bao che cho bọn buôn lậu và có người còn bao che, liên lạc với phỉ còn lẫn trốn.

Cuối năm 1957 đến nay tỉnh, huyện đã chú ý nhiều đến công tác giáo dục, bồi dưỡng cho dân quân du kích, biểu dương, khen thưởng cho một số đơn vị và cá nhân xuất sắc trong phong trào thi đua giữ trật tự trị an và sản xuất, thực hiện các chính sách, mặt khác cũng thi hành kỷ luật và thanh thải những người xấu ra khỏi hàng ngũ du kích nên đã đẩy mạnh tinh thần công tác trong hàng ngũ du kích lên được một bước. Nó đã thể hiện trong năm qua du kích đã cùng với công an và hải quan làm công tác chống buôn lậu được tốt, đã giúp cho ta tiến hành công tác thuế thuốc phiện và thu mua được kết quả.

- Ý thức cảnh giác và trách nhiệm ngày càng được nâng cao.

Qua công tác sơ tổng kết trong 3 năm qua có thể chia ra từng loại kém khá như sau:

+ Loại khá: Có 52 xã công tác trị an làm được tốt, phát hiện kịp thời những sự hoạt động của bọn phá hoại, biết kêu gọi phỉ về hàng, tự động đối phó với tình hình có địch hoạt động. Đã giải thích cho một số người ở Trung Quốc chạy sang ta trở về nước. Mọi

chính sách đều gương mẫu có tác dụng dẫn đầu quần chúng, nội bộ đoàn kết, quan hệ tốt với quần chúng và liên hệ chặt chẽ với chính quyền, có ý thức tổ chức và kỷ luật.

+ Loại trung bình: có... xã¹. Mọi chính sách chấp hành tốt, nhưng việc bảo vệ trị an còn bị động, lúng túng. Báo cáo thỉnh thị không đều, có sinh hoạt hàng tháng nhưng nội dung chưa thực tế.

+ Loại kém: có 13 xã, nội bộ chưa thực sự đoàn kết, có ban xã hội nằm im không hoạt động, trong du kích có người còn sợ địch, sợ thù oán, không gương mẫu chấp hành các chính sách, công tác bảo vệ trị an có nơi không làm.

Đ. NÔNG HỘI

Từ năm 1947 đã có tổ chức nông dân cứu quốc ở một số xã thuộc huyện Bảo Thắng, tới năm 1951 - 1952 thì chuyển từ tổ chức nông dân cứu quốc sang nông hội và từ đây cơ sở nông hội được phát triển ra ở 3 huyện miền đông (Bắc Hà, Bản Lầu và Bảo Thắng) tỉnh, huyện xuống đến xã. Hiện nay cơ sở nông hội có 73 xã ở 3 huyện, trong đó có 65 xã có ban chấp hành, hội viên toàn tỉnh có 3.114 người (2.217 nam, 897 nữ).

Công tác nông hội được đặc biệt chú ý từ năm 1955 trở về trước, nhưng từ sau năm 1955, do quan niệm Lào Cai là miền núi, giai cấp chưa phân hóa rõ ràng nên nông hội đã bị coi nhẹ và lu mờ dần đi.

E. TÌNH HÌNH ĐỔI CÔNG²

Toàn tỉnh có 1.069 tổ đổi công, chiếm tỷ lệ 51,5% nông hộ vào tổ đổi công và chia ra như sau:

Huyện Bảo Thắng 236 tổ gồm 1.667 hộ chiếm 72,8%

1. Nguyên bản gốc không ghi số liệu - *BT*.

2. Số liệu chưa khớp; chúng tôi giữ nguyên theo bản gốc - *BT*.

Huyện Bắc Hà 506 tổ gồm 3.929 hộ chiếm 78,5%

Huyện Bản Lầu 203 tổ gồm 1.532 hộ chiếm 45,3%

Huyện Bát Xát 75 tổ gồm 513 hộ chiếm 17,4%

Huyện Cha Pa 39 tổ gồm 275 hộ chiếm 16,7%

Thị xã 10 tổ gồm 67 hộ chiếm 27,5%

Trong số 1.069 tổ đổi công kể trên thì có 312 tổ đã lên thường xuyên với 2.478 hộ tham gia chia ra từng huyện như sau:

Huyện Bảo Thắng 47 tổ gồm 389 hộ chiếm (...) %

Huyện Bắc Hà 196 tổ gồm 1.542 hộ chiếm (...) %

Huyện Bản Lầu 49 tổ gồm 403 hộ chiếm (...) %

Huyện Bát Xát 14 tổ gồm 513 hộ chiếm (...) %

Huyện Cha Pa 39 tổ gồm 100 hộ chiếm 6%

Thị xã 6 tổ gồm 44 hộ chiếm 16,8%

Tổ đổi công thường xuyên phần lớn chỉ làm những việc chính trong vụ và có họp bàn bạc phân công nhưng chưa có biểu công chấm điểm.

Ngoài ra có 711 tổ đoàn kết sản xuất gồm 7.522 hộ. Số tổ đoàn kết sản xuất thường thường ở rẻo cao Bắc Hà, Bản Lầu hầu hết ở Bát Xát và Cha Pa. Cả ở vùng thấp...

Số liệu này là qua tình hình năm trước đây. Nhưng qua việc kiểm tra ở một số nơi thì thấy rằng, hiện nay tổ đổi công và tổ đoàn kết sản xuất rất nhập nhằng, khi xuống nông thôn thì ở đâu nông dân cũng gọi là tổ đổi công cả, không còn ai nhắc đến tên tổ đoàn kết sản xuất nữa, hoặc giữa tổ đổi công thường xuyên và từng vụ từng việc cũng không có gì khác nhau lắm.

Đổi công ở Lào Cai nhìn chung làm theo lối cũ, có tổ hoạt động nặng về hành chính hơn là có tác dụng về kinh tế.

Thành phần trong tổ cũng phức tạp, cả địa chủ, phú nông đều tham gia.

Tình hình này khiến cho có nơi tổ đổi công trở thành một hình thức bóc lột mới của giai cấp bóc lột nên có nơi giai cấp bóc lột thích đổi công hơn người dân lao động.

Tuy nhiên tổ đổi công ở Lào Cai cũng đã có một tác dụng lớn đối với công tác sản xuất trong kháng chiến và hiện nay.

G. PHỤ NỮ

Hiện nay cơ sở tổ chức phụ nữ đã có 74 xã gồm 21.907 hội viên, có ở hầu khắp huyện Bảo Thắng, Bản Lầu và một số xã thuộc Bắc Hà. Còn ở Bát Xát và Cha Pa mới tổ chức được rất ít. Phong trào phụ nữ khá nhất hiện nay là Bảo Thắng và Bản Lầu, đã thể hiện trong phong trào sản xuất.

Phong trào phụ nữ nhìn chung không đều, các huyện Bát Xát, Cha Pa tổ chức phụ nữ phát triển sau nên cơ sở còn ít.

Ý thức hội chưa rõ ràng. Thiếu sự bồi dưỡng giáo dục nên một số lớn xã chưa nhận rõ mục đích ý nghĩa của hội và nhiệm vụ của hội viên, cho nên một số xã tuy đã có tổ chức nhưng cũng mới chỉ là hình thức, đa số hội viên chỉ biết vào hội là để đoàn kết sản xuất và được bàn bạc mọi việc.

Về sinh hoạt, nhiều nơi không đặt thành cuộc sinh hoạt thường lệ cho chị em, mà thường sinh hoạt chung với tổ đổi công, bàn bạc về sản xuất, nếu có gì cần phổ biến riêng cho phụ nữ thì bảo chị em ở lại về sau một chút, cũng thỉnh thoảng có nơi tổ chức cho phụ nữ họp riêng (nhưng chỉ là ít).

H. THANH NIÊN

Trong kháng chiến, cơ sở thanh niên chỉ thu hẹp ở một vài thị trấn. Đến cuối năm 1955, Mỏ apatít và đường sắt Hà Nội - Lào Cai được khôi phục, một số công trường (điện, địa chất, đất) được thành lập. Công nhân ở dưới xuôi điều lên đa số là thanh niên, trong đó có một số là thanh niên cứu quốc.

Công tác thanh niên cũng từ đó được chú ý và mở rộng hơn. Hiện nay cơ sở thanh niên đã tổ chức được 70 chi đoàn gồm 1.499

đoàn viên ở công trường, xí nghiệp, cơ quan và 5 chi đoàn ở nông thôn là xã Vạn Hòa, Cam Đường thuộc huyện Bảo Thắng, xã Chiến Thắng thuộc huyện Bản Lầu, Cha Pa và thị xã Lào Cai gồm 72 đoàn viên đủ các dân tộc Mèo, Mán, Nhắng, Thổ, Nùng, Tu Dí, Pa Dí, Hoa kiều, Xạ Phang, Kinh.

Nhìn chung thì cơ sở thanh niên lao động ở nông thôn rất ít, các huyện hiện nay mới đặt vấn đề tìm hiểu phát triển vào các xã và thị trấn.

I. MẶT TRẬN

Vấn đề đoàn kết các dân tộc, tôn giáo và các tầng lớp:

Lào Cai là một tỉnh biên giới, núi đồi trùng điệp, có nhiều dân tộc ở rải rác nhưng xen kẽ, lại có nhiều mâu thuẫn dân tộc từ lâu đời, bọn gián điệp, đặc vụ, thổ phỉ do đế quốc và Tưởng gài lại luôn luôn tuyên truyền xuyên tạc chính sách của ta, gây hoang mang trong nhân dân, tuyên truyền Diệt đánh ra Bắc, Mỹ vào thay Pháp - Tưởng Giới Thạch đã đánh chiếm lại một số tỉnh Trung Quốc, tung nhiều tin đồn nhằm gây tâm lý chiến tranh, nói xấu chế độ xã hội chủ nghĩa.

Vì vậy thực hiện được chính sách dân tộc, nhất là vấn đề đoàn kết cũng gặp khó khăn.

Nhưng từ năm 1953 đến nay, qua những cuộc vận động tiêu phỉ và thành lập khu tự trị, vận động sản xuất thực hiện các chính sách như thuế nông nghiệp, tỉnh đã chú ý nhiều tới công tác mặt trận.

1. Công tác tranh thủ, cải tạo tầng lớp trên: toàn tỉnh sơ bộ thống kê được 118 người trong đó có 38 tương đối tiến bộ, 47 lừng chừng, 8 lạc hậu, 25 xấu. Thành phần trong số này một số là thổ ty hào lý, trong đó một số trong kháng chiến chống đối lại ta. Những tên đầu sỏ khi Pháp rút đi theo Pháp, một số đầu sỏ phỉ đã ra hàng, một số trong kháng chiến có tội ác với nhân dân và một số theo ta kháng chiến.

Ba năm qua ta đã dùng nhiều hình thức tranh thủ tầng lớp trên để tranh thủ họ như: đưa vào ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, mời gọi về dự hội nghị ở tỉnh huyện, cho dự hội nghị chiêu đãi, tọa đàm và cho đi tham quan để cho họ hiểu rõ chính sách của ta và lực lượng của ta, đồng thời giải quyết thắc mắc của họ, ngăn ngừa hạn chế sự chống đối lại chính sách của ta.

Nói chung qua những cuộc hội nghị, tọa đàm và đi tham quan về một số đã có những biểu hiện tốt, tích cực công tác, thêm lòng tin tưởng vào ta nhưng cũng còn một số lớn vẫn lừng chừng, không có gì tiến bộ, có người còn phản ứng xấu lại các chính sách của ta như Hoàng Đình Chung (ở Bắc Hà), Lý Chang Chi (ở Mường Khương), Vàng Chử Lùng - chủ tịch Bản Lầu chày lười công tác, hay Lục Vĩnh Tường còn muốn đòi lại ruộng, đe dọa cán bộ địa phương, v.v. và có một số còn lôi cuốn quần chúng vào hòa kêu ca thuế của ta như Sùng A Cấu (ở Cha Pa).

Khuyết điểm chính của công tác tranh thủ lớp trên là đoàn kết một chiều và nặng về chiêu đãi, thiếu giáo dục cải tạo và đấu tranh thích đáng với sai lầm của họ nhất là chưa vận dụng được lực lượng quần chúng làm công tác giáo dục và cải tạo cho họ.

2. Công tác Hoa vận

Ở Lào Cai có trên 1.000 người rải rác ở các huyện, phần lớn là ở thị xã, thị trấn sống bằng buôn bán. Riêng ở thị xã có gần 600 người và cũng còn một số ở xen kẽ các vùng nông thôn đã hưởng các quyền lợi chính trị, kinh tế như người Việt Nam.

Trước đây vì trên chưa có chủ trương, đường lối rõ ràng với công tác Hoa vận, tỉnh lại thiếu quan tâm đến công tác Hoa vận, nên không hiểu được những nguyện vọng, thắc mắc của họ, mãi sau sửa sai năm 1956 ta mới phát hiện được vấn đề này. Năm 1957 ta mới cử cán bộ sang làm công tác này, nên đã tìm hiểu và đã chú ý giải quyết một số thắc mắc như cho đăng ký xuất biên, trả trường học, giải quyết công ăn việc làm cho một số và giải quyết một số điều cụ thể về chính sách công thương, sửa chữa một số sai

lâm về thuế thương nghiệp, mặt khác đã cùng với lãnh sự quán Trung Quốc tổ chức nói chuyện về nhiệm vụ của họ và sự kiến thiết lớn mạnh của Trung Quốc. Sang năm 1958 Trung ương có chủ trương chuyển người Hoa dần dần sang quốc tịch Việt Nam với một số nguyên tắc cụ thể về quyền lợi và nghĩa vụ của họ được hưởng, với chủ trương ấy, tỉnh đã tổ chức tiếp xúc với 30 đại biểu đủ các tầng lớp ở thị xã, để giải quyết một số thắc mắc cụ thể, đồng thời nói rõ cho họ hiểu con đường tiến lên xã hội chủ nghĩa với một số nét, nhất là về chính sách công thương, nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc, nên đã làm tăng thêm sự giác ngộ của họ và làm cho họ hiểu được một phần bước đầu chủ trương của Đảng đối với người Hoa, nên đã an tâm hơn.

Tuy nhiên hiện nay cơ sở cốt cán trong Hoa kiều còn rất ít. Ngược lại những phần tử phức tạp thường vẫn hoạt động, bẻ phái tuyên truyền trong số người Hoa, nhất là ở thị xã và các thị trấn.

3. Đối với Công giáo: Lào Cai có trên 600 người ở thị xã An Lạc (xã Nam Cường), Soi Măn, Cánh Đông (xã Vạn Hòa) thuộc huyện Bảo Thắng, thị trấn Cha Pa và một số đồng bào Mèo ở Cha Pa. Giáo dân ở Soi Măn, An Lạc, Giang Đông một số lớn là cơ sở kháng chiến của ta. Nói chung đồng bào tốt, lương giáo đoàn kết, không có chuyện gì xảy ra đáng tiếc, đồng bào hướng theo sự lãnh đạo của Đảng thực hiện các chính sách.

K. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC TRỊ AN

1. Tình hình phỉ

Phía Cha Pa, Bát Xát, Bảo Thắng: Tính đến đầu tháng 10-1957, bọn phỉ ở 3 huyện này còn 69 tên. Đầu sở là những tên Vàng A Bẩu (Vua Mèo), Giàng A Di (quan I), Vàng Chỉ Sồ (Quốc dân Đảng Tàu), Vàng Di Lầu (phản động ở Vũ Lao).

Trong thời gian từ khoảng tháng 6 đến tháng 10-1957 chúng luôn luôn bắn súng uy hiếp, cắt đường dây điện thoại, luôn luôn đe

dọa và có trường hợp bắn bị thương cán bộ, du kích xã, một mặt chúng tuyên truyền cho Pháp, cho Mỹ, tuyên truyền chiến tranh trở lại, đồng thời xuyên tạc các chính sách của ta. Đợt xuất có lần chúng tập trung quân chiếm đóng thôn Giàng Móng Xóa uy hiếp cả khu vực Tả Giàng Phình (Cha Pa), hoạt động của phỉ hồi đó có thể nói rất trắng trợn.

Trước tình hình như vậy, tỉnh đã tập trung một số khá đông cán bộ, bộ đội vào 3 huyện trên, chủ yếu huyện Cha Pa mở 2 đợt vận động nhằm nâng cao trình độ giác ngộ của quần chúng, xây dựng, củng cố cơ sở, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ địa phương để thực hiện tốt kế hoạch nhà nước năm 1958, cải thiện đời sống nhân dân một bước trên cơ sở đó thanh toán số phỉ còn lẫn trốn trong rừng.

Đợt vận động thứ nhất bắt đầu từ tháng 2-1957 đã kết thúc vào cuối tháng 2-1958. Kết quả nói riêng về phỉ ta đã vận động được 20 tên về hàng, trong đó có 1 quan một, 1 phó lý, 1 tổng đoàn, thu 2 trung liên, 3 tiểu liên, 5 súng trường và nếu kể từ ngày ta diệt Vàng A Bẩu (9-10-1957) thì tất cả bị bắt và ra hàng 24 tên, có 4 tên bị ép phải ra hàng, nộp 1 điện đài và một số vũ khí khác. Sau cuộc vận động bên Phòng Tô lại bắn chết tên Vàng Chỉ Sô.

Đợt thứ hai bắt đầu từ tháng 6-1958 đến nay, trong đợt này ta chỉ kêu gọi được có 5 phỉ về hàng, trong đó có tên Vàng Dĩ Lì.

Ngoài ra còn có mấy tên về hàng vào giữa khoảng 2 cuộc vận động và hai bố con tên Hạng Pàng Sáy (Quốc dân Đảng Tàu) chạy mất tích, như vậy nói về số phỉ còn lẫn trốn trên rừng hiện nay Cha Pa 35 tên, Bảo Thắng 1 tên, Bát Xát không còn tên nào. Cộng là 36 tên gồm 3 tổng đoàn,.... kỳ, 4 cai còn 28 lính, hầu hết là Mèo.

Gần đây trong khi tình hình Phong Thổ có những hoạt động vũ trang phản cách mạng thì một số phỉ thu ở vùng Cha Pa, Bát Xát đều hoạt động. Chúng tung nhiều luận điệu phản tuyên truyền xuyên tạc tình hình thế giới, trong nước. Có nhiều triệu chứng có số ở Lào về hoạt động cả các phía Cha Pa và Bắc Hà.

Công tác tiểu phỉ tới nay tuy đạt nhiều kết quả to lớn nhưng chưa phải đã dập tắt hết khả năng gây đột xuất của phỉ.

Sở dĩ có tình hình trên vì cơ sở của ta yếu, trong công tác tiểu phỉ từ năm 1957 trở lại đây phạm nhiều sai lầm hữu khuynh nên nhận thức về âm mưu địch, tính chất phỉ, phương châm và đường lối tiểu phỉ của Tỉnh ủy đều thiếu quán triệt trong công tác tiểu phỉ.

Ngoài hoạt động của phỉ trong năm 1958 ở Lào Cai có 793 người ở Trung Quốc chạy sang. Trong số này có một số là đặc vụ, phú nông, địa chủ hoặc lưu manh, còn là nhân dân lạc hậu.

Số này thường phản tuyên truyền hợp tác xã và công xã nhân dân Trung Quốc nên đã reo rắc hoài nghi cho quần chúng các dân tộc địa phương.

Cuối năm 1958 tỉnh đã đẩy mạnh công tác vận động họ trở về Trung Quốc. Hiện có 489 người về. Nhưng việc vận động làm không đều. Mường Khương kết quả tốt có 472 người về, trái lại Bắc Hà số về ít hơn. Gần đây một số phần tử xấu trong số người chạy sang đã biến thành kẻ cướp đường, có tên đã bị du kích diệt chết.

2. Tình hình trị an xã hội

Công tác trị an xã hội trong những năm qua có những đặc điểm mới.

Khác với hồi kháng chiến, giao thông đi lại khó khăn, ranh giới vùng tự do và vùng tạm chiếm rõ ràng, việc kiểm soát và giáo dục ý thức cảnh giác cho quần chúng của ta được chặt chẽ đều đặn hơn; ngày nay hòa bình lập lại, đường giao thông Lào Cai và miền xuôi thuận lợi, hoạt động buôn bán ngày càng mở rộng, các thị trấn trong tỉnh ngày càng trở nên đông đúc, sự kiểm soát và tinh thần cảnh giác có phần lỏng lẻo hơn nên tất cả những điều kiện mới cũng khiến cho bọn lưu manh, buôn lậu và những phần tử cặn bã xã hội khác hoạt động trỗi hơn. Mặt khác do tình hình đấu tranh giai cấp trong quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa ngày càng đẩy tới, nên những phần tử ngoan cố trong giai cấp bóc lột ngày càng trắng

trộn hơn, đồng thời về phía địch chúng cũng thay đổi một phần phương thức hoạt động, núp dưới những hoạt động vi phạm trị an xã hội để phá rối hậu phương của ta hơn.

Kiểm điểm so qua các vụ mất trật tự trị an trong những năm qua cũng có thể chứng minh những thay đổi trên đã ảnh hưởng tới Lào Cai tới mức độ nào.

Cụ thể từ năm 1955 chúng ta thấy có những vụ mà bọn cường hào gian ác hay bọn phỉ thủ ra hàng đã vu cáo cho cốt cán có ma chài rồi giết đi (Bản Lầu, Bắc Hà), những vụ vì tranh cướp gia tài, tranh nhau gái điếm, buôn lậu, tiền bạc mà giết nhau (Cha Pa, Bảo Thắng) và hàng trăm vụ buôn lậu, trộm cắp, tham ô, cờ bạc, thông dâm, kiện nhau về ruộng đất tài sản, v.v..

Thống kê sơ bộ 2 năm 1957, 1958 thì thấy:

Năm	1957	1958
+ Trộm cắp	57 vụ	58 vụ
+ Cờ bạc	135 vụ	162 vụ
+ Hiếp dâm	37 vụ	10 vụ
+ Giết người	9 vụ	13 vụ
+ Buôn lậu	105 vụ	117 vụ

Những vụ như trộm cắp, buôn lậu thường xảy ra ở thành thị, tham ô thường ở các cơ quan kinh tài, cờ bạc thường liên quan tới bọn buôn lậu. Ở nông thôn trộm cắp có phần ít đi, nhưng những vụ giết người thì lại thường che giấu dưới hình thức ma chài và gần đây phát hiện nhiều vụ thông dâm hoặc đòi ly hôn.

Trước những vụ án xảy ra ở trên, có một thời gian cán bộ hầu như bó tay không đối phó (thời kỳ sửa sai) vì nhận thức vấn đề tự do một cách mơ hồ, sợ đối phó thì chấn động, phạm vào pháp luật, v.v. nên tội lưu manh buôn lậu hầu như hoành hành công khai, đe dọa cả ủy ban, cán bộ, du kích. Nhưng từ năm 1958 chúng ta đã chú ý trấn áp chúng hơn và qua một số vụ án xử nghiêm khắc chúng ta đã ngăn chặn được một phần tội lỗi của chúng và đề cao được nền pháp trị dân chủ hơn trước.

Kết luận

Trên đây chúng tôi báo cáo kết quả những tài liệu đã điều tra được. Tỉnh Lào Cai là một tỉnh có nhiều dân tộc và nhiều vùng khác nhau.

Tuy việc điều tra đã làm được 8 xã trong 123 xã trong đó có 3 xã ở vùng có thổ ty: Trịnh Tường, Tả Chải, Tự Do, 3 xã ở vùng có địa chủ không có thổ ty: Quang Kim Pẩn, Hợp Thành, Cam Đường (mới có 1 thôn) và 2 xã vùng cao: Thống Nhất, Tả Phìn nhưng bản thân việc điều tra ở các xã trên cũng chưa thực cụ thể. Nhất là những xã làm lúc đầu: Quang Kim Pẩn, Cam Đường, vì thiếu kinh nghiệm và thiếu sự lãnh đạo chặt chẽ của cấp ủy nên tài liệu có rất sơ lược. Ngay những xã làm về sau, tuy tài liệu có đầy đủ hơn nhưng do ta chưa phát động sâu được tư tưởng quần chúng cơ bản nên chắc chắn còn sai sót nhiều.

Hiện nay có một số vùng, một số dân tộc chưa điều tra được gì như vùng cao hẻo lánh, vùng dân tộc U Ní và Mán Tuyển là 2 dân tộc tương đối đông trong tỉnh.

Tuy nhiên qua cuộc thảo luận trong Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ tỉnh, hội nghị xác định rằng Lào Cai giai cấp đã phân hóa; tuy tình hình nông thôn Lào Cai từ ngày giải phóng đã có nhiều chuyển biến, nhưng tàn dư bóc lột phong kiến còn là một cản trở cần phải giải quyết mới có thể đưa phong trào Lào Cai chuyển biến mạnh mẽ xây dựng hợp tác xã nông thôn được.

Vì vậy chúng tôi đề nghị:

1. Xin Trung ương cho Lào Cai được tiến hành cải cách dân chủ trong cả tỉnh. Mức độ cải cách có thể khác nhau theo từng vùng, nhưng nhìn chung ở nơi nào cũng có nội dung chống phong kiến.

2. Dự kiến của tỉnh Lào Cai là nếu được Trung ương chuẩn y cho cải cách dân chủ thì sẽ tiến hành thí điểm 3 xã: Cam Đường, Quang Kim Pẩn (vùng có địa chủ), Thống Nhất (vùng cao), tiếp

sau sẽ mở đợt 1 trong toàn huyện Bảo Thắng, toàn huyện Bản Lầu và các xã vùng đồng bằng thuộc huyện Bát Xát khoảng trên 50 xã.

Đợt cuối cùng (đợt 2) sẽ làm ở 2 huyện Bắc Hà, Cha Pa và rẻo cao Bát Xát.

Như vậy trong công tác thí điểm và đợt 1 đến đã có một số xã rẻo cao nhưng chủ yếu là phát động quần chúng làm ở rẻo thấp. Những xã thuộc đợt 2 thì ngược lại, chủ yếu là rẻo cao nhưng cũng có một số vùng thấp.

Sau Đại hội đại biểu toàn Đảng bộ Lào Cai, Tỉnh ủy Lào Cai dự kiến tích cực mở rộng công tác điều tra rộng rãi để nắm thêm tình hình, đồng thời Đảng trừ bị kế hoạch tích cực đào tạo cán bộ cốt cán ở các địa phương để cải cách dân chủ.

Khó khăn chủ yếu của Lào Cai là cán bộ thiếu, kể cả cán bộ lãnh đạo từng xã, vì chúng tôi nghĩ mỗi xã khi làm vẫn cần có tối thiểu 1 tương đương Huyện ủy viên và 4, 5 cán bộ xã, chưa kể số cốt cán địa phương ở thôn xóm, tình hình cán bộ địa phương còn quá ít cũng là một khó khăn trong việc tiến hành cải cách dân chủ. Ngoài ra còn khó khăn về giao thông xa cách, phạm vi chỉ đạo rộng, phong trào hiện nay còn yếu và còn phỉ hoạt động.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 09-CT/TU, ngày 29-4-1959

**Về việc tích cực vận động quần chúng
phá tan âm mưu của địch ở Cha Pa và Bát Xát**

I. TÌNH HÌNH ĐỊCH

1. Tình hình địch bên Đào San

Đầu tháng 3 vừa rồi kẻ địch lại âm mưu nổi dậy gây rối loạn ở khu vực Đào San thuộc châu Phong Thổ, giáp với khu vực Mường Hum thuộc huyện Bát Xát.

Lực lượng của chúng có chừng 150 tên, có 1 trung liên, 4 tiểu và một số súng trường, súng kíp. Chúng định đánh úp bộ đội, đốt các kho tàng, trụ sở ở Đào San. Chúng dùng một nhân viên mật địch làm nội phản.

Thành phần bọn này gồm có một số địa chủ, phú nông và Quốc dân Đảng Trung Quốc cộng với bọn phỉ cũ ở địa phương và một số cán bộ phản bội dưới sự chỉ huy của bọn đặc vụ.

Phương thức hoạt động của chúng, theo tài liệu của Phong Thổ thì trong cuộc họp bàn về âm mưu nổi dậy ở Đào San chúng đã tranh luận với nhau rất lâu về vấn đề nắm ai, dùng ai, đánh ai, đưa vào ai. Cuối cùng chúng đã thống nhất là trước tiên nắm lực lượng võ trang, cụ thể nắm xã đội, buộc du kích phải theo, sau thuyết phục ủy ban và cán bộ địa phương, hàng thì giao việc, chống thì giết. Cơ sở chúng đưa là bọn nguy quân, nguy quyền, thổ phỉ, biệt kích cũ.

Trước âm mưu của địch như vậy ta đã điều đến 9 C¹ kịp thời ngăn chặn. Âm mưu của chúng bị thất bại, có một số chạy trốn và bị bắt còn 76 tên chúng chia làm hai cánh:

- 1 cánh chạy xuống Nậm Xé, Đèo Mây (nơi giáp giới với Mường Hum).

- 1 cánh chạy sang Sảng Ma Sáo, Hồng Ngài, Hoàng Chu Vạn (thuộc khu vực Mường Hum và khu vực Y Tý, huyện Bát Xát).

Từ ngày 1-3 đến 7-3 ta và địch đã giao chiến mấy trận, ta đã bắn chết của chúng 1 tên chỉ huy là phó chủ tịch Châu.

Chủ trương của chúng hiện nay: Chúng chủ trương phân tán nhỏ về các vùng dựa vào họ hàng và tình cảm dân tộc để lẩn tránh, bảo toàn lực lượng, bí mật hoạt động (phản tuyên truyền, phát triển cơ sở) và có hoàn cảnh thì diệt tĩa cán bộ, phục kích, cướp đốt kho tàng, chờ thời cơ gây ra những vụ đột xuất khác.

Tuy nhiên ta thấy cũng còn có những toán tập trung từ 10 tên trở lên và hiện nay đang vây một bọn 49 tên ở phía bên Dào San.

2. Tình hình địch ở huyện Bát Xát

a) *Phía Mường Hum:* Số lượng địch ở khu vực này đã tăng lên 18 tên gồm 4 tên là đặc vụ, Quốc dân Đảng Trung Quốc, 9 tên phi cũ người địa phương, 5 tên ở Sảng Ma Phố thuộc châu Phong Thổ sang. Bọn chúng lẩn lút ở khu rừng Tung Trung Hồ. Vừa rồi phát hiện có người mua gạo tiếp tế cho chúng, có người mang lợn cho chúng ăn nhưng nói là bị cộp về. Ở thôn A Lù có tối bị mất 8 cối gạo.

Chúng tiếp tục tung ra những luận điệu phản tuyên truyền như: chưa hòa bình thật sự đâu, bên Phong Thổ đã đánh nhau rồi, sắp chiến tranh nên cán bộ bộ đội vào bắt lính. Ai đi bộ đội Chính phủ sẽ bắt vào Nam đánh nhau, ai đi bộ đội phi sẽ giết gia đình, ai theo phi phi sẽ cho thuốc chống bom nguyên tử. Chúng còn tuyên truyền: Việt Nam cũng như Trung Quốc cũng làm hố phân, ở

1. C: đại đội.

Trung Quốc người già và trẻ con đem giết làm phân bón rồi lột quần áo phát cho trẻ con ta (chúng xuyên tạc quà thiếu nhi Đông Đức). Mục đích của chúng là gây hoài nghi chế độ ta, gây tâm lý chiến tranh, phá công tác nghĩa vụ quân sự và làm cho quần chúng sợ xã hội chủ nghĩa.

Do những hoạt động trên của địch, chúng đã lôi kéo được một số cán bộ xã và dân quân của ta (5, 6 người) và tranh thủ được một số người, che giấu, tiếp tế cho chúng. Tư tưởng cán bộ xã và quần chúng do đó cũng chưa được thật sự ổn định.

b) *Phía Y Tý*: Theo tài liệu của các đồng chí bạn khai thác ở bọn phỉ thì ở Y Tý (bên ta) và ở Ngải Thầu (bên bạn) có một bọn 6 tên chúng họp bàn âm mưu đánh chiếm 2 huyện Cha Pa và Bát Xát trong tháng 3-1959. Trong 6 tên này có 3 tên là sĩ quan Tưởng, địa chủ Trung Quốc, còn 3 tên là người ở Y Tý.

c) *Phía Trịnh Tường*: Cũng theo tài liệu bên bạn ở xã Nậm Chạc có tên Chang Lao Giao vẫn liên lạc với 4 tên địa chủ Trung Quốc qua 2 tên Thảo Seo Ly và Lùng Chín Quẩy ở Nậm Chạc (ta đã bắt tên Giao về tội phản tuyên truyền). Ngoài ra, bọn phỉ còn khai ở Seo Mi Tỷ thuộc huyện Cha Pa có 2 tên Giàng Chín Sài và Giàng Sín Hòa (Mèo) cùng một số phản động Trung Quốc chạy sang lẫn lút ở đó có liên lạc với tên Chang Lao Giao.

d) *Phía Nhạc Sơn, Quang Kim*: Đáng chú ý có vấn đề tích trữ gạo muối rất phổ biến. Cá biệt có người tích 16 tấn gạo (tên chưa thật chắc chắn), có người tích hàng gánh hoặc 1, 2 thò muối.

Đi đôi với vấn đề tích trữ muối, gạo có luận điệu phao ra rằng Anh - Mỹ đã họp sắp xảy ra chiến tranh.

Qua tình hình trên ta thấy âm mưu của địch vẫn cố tạo điều kiện để gây ra đột xuất. Đáng chú ý là phương thức hoạt động và chủ trương của chúng hiện nay: chúng phân tán nhỏ, bí mật hoạt động, chúng chủ trương nắm lực lượng võ trang và ủy ban của ta. Phạm vi hoạt động của địch tương đối rộng và chúng có liên lạc với nhau giữa các vùng Phong Thổ, Cha Pa, Bát Xát và cả một vài nơi

bên biên giới Trung Quốc. Lực lượng của địch ngày càng tập hợp thêm. Hiện nay chúng đang ngấm ngầm hoạt động, tích cực phản tuyên truyền gây cơ sở ở nhiều nơi, tích cực chuẩn bị điều kiện về vũ trang nổi dậy. Song ta cũng thấy mặt yếu của địch, bộ phận chỉ huy của địch là bọn ngoại lai, không có quan hệ mật thiết với đông đảo quần chúng, chúng ít am hiểu tình hình địa phương và lại vừa thất bại ở Bình Lữ, Đào San nên chúng thường hoài nghi không tin ở dân, không dám phân tán thật nhỏ nữa. Một điểm yếu nữa của địch là chúng vẫn phải tập trung từng toán đông người như thế dễ lộ, ta dễ bắt được mục tiêu, tập trung nhiều cũng đòi hỏi phải tiếp tế nhiều nếu không được dễ sinh đi ăn cắp, ăn cướp của dân và chạm đến quyền lợi của quần chúng sẽ bị quần chúng chống lại.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA TA

Ngay sau khi địch gây ra vụ Hồ Thâu (thuộc châu Phong Thổ) ta đã điều một số cán bộ và bộ đội vào Mường Hum cùng các lực lượng ở địa phương hoạt động, đã ngăn chặn được âm mưu của địch đánh cướp Mường Hum. Kết quả đó là chính, song kiểm điểm ta còn có một số khuyết điểm. Cụ thể công tác giáo dục quần chúng, công tác củng cố, sử dụng các tổ chức các lực lượng ở địa phương chưa làm được mấy; công tác vận động sản xuất, công tác nghĩa vụ quân sự chưa kết hợp chặt với công tác thanh toán phí; việc tranh thủ lớp trên chưa được chú ý; việc chỉ đạo hoạt động của bộ đội không chặt, có thời gian bộ đội không có phương pháp hoạt động. Nói về quần chúng của ta thì giác ngộ chính trị còn kém chưa phân biệt được địch, ta một cách rõ rệt, nên có những người do quan hệ họ hàng với phỉ hoặc bị lừa phỉnh, đe dọa mà che giấu tiếp tế cho chúng hay biết được sự hoạt động của chúng mà không báo cáo cho ta. Một số cán bộ thôn, xã, dân quân cũng có hiện tượng như vậy.

III. CHỦ TRƯỞNG

Để đối phó với tình hình trên, để thực hiện Nghị quyết quý II của tỉnh, yêu cầu các cấp, các ngành, đặc biệt là hai huyện Bát Xát và Cha Pa cần hết sức đề cao cảnh giác, đi sâu nắm vững tình hình, chủ động phá tan âm mưu của địch không để cho chúng gây ra đột xuất, tích cực ngăn chặn các hoạt động tuyên truyền, gây cơ sở của địch, đẩy mạnh thanh toán số phỉ ở địa phương.

Để thực hiện chủ trương trên, cần phải tiến hành mấy công tác sau đây:

1. Phải giáo dục rộng rãi cho các quần chúng (kể cả cán bộ xã, xóm và dân quân) làm cho mọi người thấy rõ chính sách của ta, thấy rõ âm mưu tội ác của địch, thấy rõ lực lượng hai bên, địch nhất định bị thất bại, đồng thời phải chú ý theo dõi đập lại các luận điệu tuyên truyền, phao tin của địch nâng cao cảnh giác cho quần chúng, củng cố lòng tin của quần chúng đối với ta, làm cho quần chúng không bị địch lừa bịp, đe dọa và quyết tâm cùng ta tiêu diệt địch, bảo vệ an ninh cho địa phương.

Đối với lớp trên và bọn chỉ huy phỉ cũng cần có kế hoạch tranh thủ họ đồng thời vạch cho họ thấy hai con đường: đi với ta thì sống, đi với địch làm hại quần chúng thì chết, làm cho họ khỏi hoang mang ngả theo địch. Ngoài ra nên tùy người, tùy mức độ sử dụng họ điều tra địch, kêu gọi địch về hàng, v.v..

2. Đối với các tổ chức của ta: cần đẩy mạnh hoạt động của ủy ban, dân quân, công an. Mặt khác phải kiểm tra lại các tổ chức này nhất là ở những nơi xung yếu. Tích cực bồi dưỡng những cốt cán tốt, xây dựng những cơ sở tai mắt để điều tra, nắm vững tình hình đường đi lối lại của địch để có kế hoạch kêu gọi, sục bắt, truy diệt. Đối với số cán bộ xã có quan hệ với địch cần tiến hành thuyết phục, tranh thủ họ làm cho họ trở thành người tốt.

Bộ đội chú trọng làm công tác chính trị, khi cần thì cùng du kích tập trung lòng sức, truy diệt địch.

3. Đối với các cấp, các ngành cần biết tình hình trên đây để cảnh giác đề phòng, phối hợp công tác.

Hai huyện Bát Xát, Cha Pa cần phổ biến cho cán bộ xã biết thất bại của địch ở Phong Thổ và âm mưu của chúng hiện nay, nhằm nâng cao cảnh giác cho cán bộ, làm cho họ rõ địch đang ở thế thất bại, lui chạy chứ không phải thắng lợi như địch tuyên truyền, làm cho cán bộ có ý thức theo dõi phát hiện tình hình địch và có một tinh thần chủ động đấu tranh với địch.

4. Phải tích cực và kịp thời trấn áp các luận điệu phản tuyên truyền, phao đồn tin nhảm của địch theo tinh thần Chỉ thị số 127 của Trung ương (Tỉnh ủy sẽ có thông tri riêng về vấn đề này).

Tóm lại, các cấp ủy huyện, các cán bộ thoát ly cần xác định rõ chỗ yếu của địch, làm sao vận dụng được lực lượng cán bộ xã và địa phương là chính. Cần sử dụng được ủy ban xã, du kích và nhân dân địa phương tức là cần làm cho địch vốn là kẻ ngoại lai, tách khỏi nhân dân, nghi ngờ địa phương, do đó khiến chúng thêm hoang mang tự dẫn tới những hành động hớ hênh và bị tiêu diệt. Muốn sử dụng được cán bộ, du kích và dân quân xã phải một mặt kiểm tra lại hàng ngũ nhưng chủ yếu giáo dục và có thái độ thành thật tin cậy ở họ, khuyến khích họ tự động chống địch bảo vệ địa phương. Các cấp ủy cũng cần có những dự đoán về nơi địch hoạt động và âm mưu của địch mà diệt địch kịp thời.

Mong các cấp, các ngành chú trọng nghiên cứu và thi hành chỉ thị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ
HOÀNG QUY

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

KẾ HOẠCH CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 132-KH/TU, ngày 16-5-1959

Đối phó với tình hình địch ở khu vực Y Tý (huyện Bát Xát)

I. TÌNH HÌNH ĐỊCH

Tình hình địch ở các khu vực thuộc huyện Bát Xát trong thời gian vừa qua, Tỉnh ủy đã nêu tóm tắt trong phần I Chỉ thị số 09 ngày 29-4-1959 về vấn đề tích cực vận động quần chúng phá tan âm mưu của địch.

Cách đây mấy ngày lại có thêm một bọn địch chừng 25 tên ở Trung Quốc tràn sang, chúng úp bắt xã đội dân quân và tước mất một số súng của dân quân ở 3 xã A Lù, A Mú Sung và Lao Chải thuộc khu vực Y Tý.

- Ngày 11-5, chúng úp xã đội phó và 1 dân quân xã Lao Chải lấy mất 1 súng, 2 người bị chúng bắt song chạy được.

- Ngày 12-5, dân quân bao vây lòng sục bắt được 1 tên là người U Ní Trung Quốc và lấy được 1 súng.

Cũng ngày 12, chúng bố trí 2 người là cán bộ xã đội xã A Lù sang gặp ban xã đội xã A Mú Sung yêu cầu phối hợp lực lượng để diệt phi, 2 người này nói rằng trong 1 cái hang ở A Lù có một bọn 12 tên phi ở đó yêu cầu A Mú Sung phối hợp để tiêu diệt. Ban xã đội A Mú Sung mới đầu không đồng ý sau thì cử 12 dân quân có 7 súng trường, 1 tiểu liên và 4 súng hỏa mai.

Khi sang đến A Lù thì 12 dân quân A Mú Sung nghỉ ăn cơm ở một nhà do xã đội A Lù chỉ dẫn nhưng đang ăn thì bị một bọn chừng 30 tên ra chặn tước súng. Hầu hết bọn này là người U Ní bên Trung Quốc do tên Chang Tả Dừ người ở thôn Bản Pả Lao Chải ở Ma Ngan Ty chỉ huy. Tước súng xong có 1 tên đứng ra tự xưng chúng là bộ đội ở Lào về và thuyết phục số dân quân theo chúng, nó nói rằng nếu không chịu đi, khi chúng nổi dậy thì phải tiếp tế. Bị tước súng nhưng số dân quân A Mú Sung đều không chịu theo và quay trở về cả.

Theo tin cho biết thì bọn này đã có liên lạc trước với Lý Lù là xã đội trưởng A Lù, từ ngày 5-5 Lý Lù đã đi đón bọn chúng ở Trung Quốc sang. Dân quân A Lù có 6 súng trường đã bị Lý Lù lấy nộp cho chúng.

Ngoài ra, từ phiên chợ Y Tý, ngày 4-5-1959 đã có hiện tượng có nhiều người mua gạo, muối tích trữ. Nhiều người mua tới 10 cân muối, có người mua 40 kg gạo và giấu giếm nhờ người khác mua hộ.

Ngày 14-5: có 2 tên về A Mú Sung gọi ủy ban, xã đội đi họp (họp với địch) nhưng ủy ban, xã đội từ chối nói là đi vắng cả. Thanh niên và các cán bộ xã ở đây đều trốn lên rừng vì bị địch đe dọa, uy hiếp.

Căn cứ tình hình trên, Tỉnh ủy có mấy nhận định:

1. Nói về địch: bọn này ở biên giới Trung Quốc bị bên đó càn chạy sang. Chúng có quan hệ với bọn phản động địa phương cụ thể là với xã đội trưởng A Lù từ trước. Âm mưu của chúng cũng không khác với âm mưu của bọn địch ở Mường Hum và Phong Tô mà trước đây ta đã nhận định. Chúng rất chú trọng nắm lực lượng vũ trang của ta, cụ thể là nắm xã đội, buộc dân quân và cán bộ xã phải theo chúng để thực hiện âm mưu lật đổ chính quyền ta, gây ra rối loạn từng vùng. Chủ trương này chúng ta đã thực hiện ở Phong Tô và theo nhận định của ta khi kẻ địch đã thống nhất hoạt động theo chủ trương này.

Đối phó với bọn này, nếu ta không đủ lực lượng bao vây tiêu

diệt chúng thì chúng có thể mở rộng thêm thanh thế, tập hợp thêm lực lượng, cố bám lấy vùng này để vũ trang chống lại ta.

2. Còn đối với số dân quân A Mú Sung bị tước súng nhưng anh em này vẫn giữ vững tinh thần và chưa có hiện tượng gì đáng nghi là anh em đã bố trí trao súng cho địch.

II. CHỦ TRƯỞNG, KẾ HOẠCH CỦA TA

+ Về chủ trương giải quyết vấn đề phi: Tỉnh ủy đã có chỉ thị số 09 ngày 29-4-1959.

Nay để đối phó với tình hình cụ thể ở Y Tý, Tỉnh ủy nhận thấy cần phải cố gắng tập trung lực lượng, tích cực vận động quần chúng, tích cực dựa vào cán bộ và sử dụng mọi lực lượng của địa phương, kiên quyết tiêu diệt bọn địch nói trên.

Kế hoạch của ta:

- Từ nay đến 25-5: Ta cần phải tích cực chuẩn bị lực lượng, củng cố hàng ngũ cán bộ xã, dân quân, tích cực giáo dục ổn định quần chúng, điều tra nắm vững tình hình địch, chuẩn bị đầy đủ điều kiện để từ ngày 25-5 đổ ra rất có thể tổ chức những cuộc lùng sục, bao vây tiêu diệt địch.

Tất nhiên trong khi tiến hành những công tác trên, không thể quên công tác kêu gọi và nếu có điều kiện thì phải kịp thời tiêu diệt địch.

- Về lực lượng cử vào Y Tý: Tỉnh đội đã cử vào 1 A¹, Công an phải cử vào 1 A nữa và bộ phận của E.246 đóng ở Mường Hum cũng phải tăng cường thêm lực lượng sang, cộng với lực lượng dân quân địa phương hoạt động.

Ngoài ra đề nghị Quân khu Việt Bắc cho điều C.7 hiện đang công tác bên Phong Thổ trả về Lào Cai để bổ sung cho các nơi.

1. A: Tiểu đội.

- Đối với khu vực Mường Hum: Cần phải đẩy mạnh công tác thanh toán phỉ ở mặt đó, phải phối hợp giữa hai khu vực Mường Hum và Y Tý cho được chặt chẽ. Ban chỉ đạo củng cố cơ sở thanh toán phỉ khu vực Mường Hum có trách nhiệm chỉ đạo cả hai khu vực. Tỉnh cử thêm đồng chí Chúc - đảng ủy viên Tiểu đoàn vào tham gia Ban chỉ đạo và tùy ban chỉ đạo phân công (theo ý kiến của Tỉnh thì nên phân công đồng chí Chúc trực tiếp phụ trách phía Y Tý).

- Đối với huyện cần chú ý lãnh đạo và cử thêm cán bộ vào 2 khu vực này. Đối với các khu vực khác trong huyện cần giáo dục, giải thích cho cán bộ, kể cả cán bộ xã để đề cao tinh thần cảnh giác, làm cho anh em có ý thức đi sâu phát hiện địch và tích cực đấu tranh với các luận điệu phản tuyên truyền của địch, để không bị địch tuyên truyền đe dọa làm hoang mang, dao động.

Mong các cấp ủy, các ngành tích cực thi hành Chỉ thị số 09 và kế hoạch này đạt được nhiều kết quả.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 12-NQ/TU, ngày 26-5-1959

**Về việc đẩy mạnh xây dựng đời công, hợp tác xã
kết hợp tiếp tục giải quyết những vấn đề cải cách
dân chủ còn tồn tại trong tỉnh***

I. SƠ LƯỢC VỀ TÌNH HÌNH

Lào Cai là một tỉnh biên giới miền núi có nhiều dân tộc, tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trong các vùng và các dân tộc không giống nhau và có nhiều phức tạp.

Toàn tỉnh có 5 huyện, 123 xã và 1 thị xã thì 94 xã thuộc vùng cao và lưng chừng, 29 xã ở rẻo thấp.

Từ hồi tạm chiếm ở vùng thấp có nơi đã có cơ sở vũ trang, vùng cao cũng có một số nơi là cơ sở bí mật, nuôi giấu, giúp đỡ cán bộ hoạt động. Đến cuối năm 1950 toàn tỉnh được giải phóng nhưng sau đó đế quốc âm mưu gây phỉ, tổ chức biệt kích, tuyển mộ ngụy quân, ngụy quyền theo chúng ở nhiều nơi thuộc rẻo cao cũng như rẻo thấp, cho đến sau hòa bình lập lại được một năm ta mới củng cố lại.

Căn cứ vào Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ tỉnh thì nhìn chung tình hình giai cấp ở Lào Cai đã phân hóa, song mức độ phân hóa giai cấp trong từng vùng, từng dân tộc có khác nhau.

* Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ họp từ ngày 18 đến 20-5-1959.

Các xã vùng thấp thuộc dân tộc Kinh, Thổ, Nùng, Nháng thì nói chung đã phân hóa hầu như xã hội vùng xuôi có bản cố nông, trung nông, phú nông, địa chủ, có nơi có chế độ thổ ty. Ở đây ngoài các hình thức bóc lột, địa chủ, phú nông còn những hình thức bóc lột theo kiểu nông nô, tạp dịch.

Các xã vùng cao và lưng chừng thì mức độ phân hóa giai cấp thấp hơn ở vùng thấp. Nhìn chung đã có người bóc lột và có người bị bóc lột, nhưng mức độ ở từng vùng và trong mỗi dân tộc cũng khác nhau nên vấn đề phân hóa giai cấp ở vùng cao thấy rõ nhất là các tầng lớp trên (giàu có, có uy thế) và quần chúng lao động.

Tỉnh Lào Cai chưa tiến hành giảm tô và cải cách ruộng đất nhưng từ sau khi giải phóng, nhất là từ khi hòa bình được lập lại đến nay cũng đã trải qua nhiều cuộc vận động nhân dân tiểu phú, vận động đoàn kết sản xuất, củng cố cơ sở, học tập chính sách thành lập khu vực dân tộc tự trị, tiến hành các cuộc vận động nhân dân chấp hành các chính sách khác của Đảng và Chính phủ như chính sách thuế, đổi công sản xuất, v.v..

Qua các cuộc vận động ấy chúng ta đã tạm cấp ruộng đất của thổ ty và Việt gian phản động cho nông dân, rút toàn bộ ruộng công ruộng chức cũ cấp lại cho nhân dân và những người làm việc trong chế độ ta, xóa bỏ quyền bóc lột phu phen tạp dịch...

Mặt khác, qua những năm kháng chiến và quá trình thực hiện các chính sách mang theo tính chất giai cấp của nó cũng đã làm cho thổ ty, địa chủ lớp trên đã chuyển dịch một phần ruộng đất và giảm bớt một phần bóc lột của họ đối với nông dân.

Mặt khác đi đôi với việc giải quyết quan hệ ruộng đất, quan hệ bóc lột, chúng ta đã hoàn toàn đánh đổ bộ máy cai trị của đế quốc, phong kiến, xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, tổ đổi công, tổ đoàn kết sản xuất rộng khắp trong thôn xã, như Ủy ban kháng chiến, dân quân du kích, công an và tổ chức các đoàn thể quần chúng ở một số nơi như nông hội, phụ nữ.

Về mặt tư tưởng của nhân dân cũng được nâng cao hơn trước, nói chung nhân dân biết phân biệt giữa đế quốc và cách mạng, phân biệt được hai chế độ và đã giảm bớt được phần nào đầu óc mê tín dị đoan.

Tóm lại, những biến chuyển từ sau cách mạng đến nay đã căn bản đem lại ruộng đất về tay nông dân, đã căn bản đem lại chính quyền về tay nông dân, kể cả vùng thấp lẫn vùng cao.

Tuy nhiên, đi sâu mà xét thì tàn dư thế lực phong kiến còn tồn tại một cách phổ biến trên các mặt sau đây cần được tiếp tục giải quyết.

1. Vùng thấp một số gia đình còn chiếm gấp rưỡi, gấp đôi hoặc gấp ba bình quân tự nhiên của xã, tầng lớp khá giả còn giữ phần ruộng tốt hơn, trâu bò còn có nhiều hơn, ruộng công phân phối có chỗ chưa được hợp lý, còn có người đem ruộng công phát canh, hoặc phát canh ruộng tư, tự canh ruộng công.

2. Những hình thức bóc lột trắng trợn ở các vùng đều giảm bớt nhiều song ý thức bóc lột của giai cấp bóc lột chưa được xóa bỏ mà vẫn tiếp tục biến tướng dưới những hình thức mới như lợi dụng tổ đổi công, mỗ lợn đổi thóc non, cho vay lãi, một số lớp trên thầy mo, thầy cúng lợi dụng thần quyền, tộc quyền bóc lột dưới hình thức nhờ vả bà con.

3. Các tổ chức chính quyền, đoàn thể căn bản đã về tay nhân dân lao động, có nơi khá, có chỗ mạnh nhưng nhìn chung uy thế quần chúng nông dân lao động chưa được đề cao, ý thức làm chủ của quần chúng cơ bản trong chính quyền chưa được quán triệt nên tác dụng của bộ máy chính quyền nói chung còn yếu.

4. Trình độ giác ngộ của nhân dân chênh lệch khác nhau, nói chung là còn thấp, trái lại cơ sở xã hội của đế quốc phong kiến còn nhiều (đặc vụ, phòng nhì, phỉ, chức dịch cũ xấu) nên làm cho nhân dân chưa phân biệt rõ ranh giới địch và ta, giữa đế quốc phong kiến và nhân dân, không phân biệt rõ giữa lao động và bóc lột. Do đó ở một số nơi nhất là vùng cao địch còn lợi dụng và lũng đoạn

được ủy ban, dân quân, tổ đổi công của ta, phản tuyên truyền gây hoang mang trong một số quần chúng. Một vài nơi hẻo lánh có phi lẫn trốn còn có khả năng gây ra các vụ đột xuất.

Hiện nay miền Bắc đang ở trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ 3 năm tới là đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa. Cũng chung hoàn cảnh ấy nhân dân tỉnh ta cũng đang cố gắng tiến lên hoàn thành kế hoạch năm 1959 và kế hoạch ba năm. nguyện vọng chung của toàn dân là muốn có cuộc sống sung sướng hơn, không có gì khác hơn là quần chúng đòi hỏi phải được lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất. Nhưng muốn đẩy mạnh sản xuất thì cần phải đẩy mạnh phong trào đổi công hợp tác và giải quyết vấn đề cải cách dân chủ còn tồn tại trong nông thôn, tức là phải tiếp tục giải quyết những mâu thuẫn cản trở trước mắt hiện nay là:

- Vấn đề làm ăn tập thể và cá thể.
- Vấn đề bóc lột và bị bóc lột còn tồn tại.
- Vấn đề dịch còn hoạt động ở một số nơi làm cho quần chúng không yên tâm sản xuất.

Ngoài các mâu thuẫn trên, trong nhân dân các dân tộc tỉnh ta vẫn còn tồn tại những mâu thuẫn giữa các dân tộc với nhau (giữa dân tộc thiểu số với Kinh, dân tộc rẻo cao với rẻo thấp, trong nội bộ mỗi dân tộc, v.v.) cũng cần phải tiếp tục giải quyết.

Căn cứ vào tình hình thực tế của tỉnh và những mâu thuẫn chính trong giai đoạn hiện nay như trên, Nghị quyết Hội nghị toàn Đảng bộ tỉnh (tháng 3-1959) đã đề ra nhiệm vụ cải tạo nông nghiệp của toàn tỉnh trong 2 năm 1959 - 1960 là "Hoàn thành cải cách dân chủ, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp" và đề ra nhiệm vụ trong năm 1959 là "ra sức củng cố và phát triển phong trào đổi công đưa lên thường xuyên, có bình công chấm điểm và tùy từng nơi có điều kiện thì xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Mức độ là đưa ít nhất 74% nông hộ trong tỉnh vào tổ đổi công, trong đó 47% là tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm và xây dựng 22 hợp tác xã nông nghiệp".

Căn cứ vào tinh thần Kết luận Hội nghị Trung ương lần thứ 16 (mở rộng) bàn về hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ miền núi và tinh thần thảo luận của Hội nghị bàn về đổi công hợp tác kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ miền núi hợp ở Hòa Bình do Trung ương triệu tập.

Căn cứ vào tình hình địa phương, nhiệm vụ của Lào Cai ta hiện nay đề ra cho đúng mức hơn là: "Đẩy mạnh xây dựng đổi công hợp tác xã kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ trong toàn tỉnh".

Để thực hiện nhiệm vụ đó, Tỉnh ủy chủ trương:

"Từ nay đến hết năm 1960 sẽ liên tục mở các cuộc phát động quần chúng, đẩy mạnh củng cố, phát triển tổ đổi công, đưa lên thường xuyên và có bình công chấm điểm, đồng thời tiến hành xây dựng hợp tác xã một cách tích cực, thận trọng, có kế hoạch từng bước ở những nơi có điều kiện, kết hợp với việc hoàn thành cải cách dân chủ còn tồn tại trong toàn tỉnh, trừ những vùng cơ sở quá non yếu và tình hình chính trị chưa thật ổn định như khu vực Y Tý, Mường Hum, một số xã ở Cha Pa thì trước mắt cần tiến hành các cuộc vận động đoàn kết, củng cố cơ sở, đánh địch hiện hành (phỉ, nằm lý phá hoại) bảo vệ địa phương, phát triển sản xuất".

1. Mục đích và nội dung cuộc phát động là:

Giáo dục, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho nhân dân thêm một bước. Tập hợp nông dân lao động đi theo con đường làm ăn tập thể.

Củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng và khối liên minh công nông, tăng cường đoàn kết dân tộc, đẩy mạnh cải tiến kỹ thuật, phát triển sản xuất kết hợp xóa bỏ những tàn tích chiếm hữu và bóc lột phong kiến còn lại, xác lập quyền sử dụng ruộng đất của nông dân, hoàn toàn đánh đổ uy thế, ảnh hưởng của giai cấp địa chủ lớp trên, làm cho nông dân lao động hoàn toàn làm chủ nông thôn, nhằm củng cố biên giới, củng cố hậu phương, tích cực góp

phần củng cố miền Bắc thành cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

2. Yêu cầu cụ thể của cuộc phát động là:

a) Giáo dục hai con đường làm ăn của nông dân mà củng cố và phát triển các tổ đổi công, chủ yếu là đưa các tổ đổi công đi lên thường xuyên và có bình công chấm điểm, đồng thời tùy điều kiện từng vùng, từng nơi mà xây dựng hợp tác xã một cách vững chắc, tích cực, có kế hoạch, có lãnh đạo chặt chẽ. Trên cơ sở đó mà ra sức cải tiến kỹ thuật giải quyết những khó khăn, đẩy mạnh cải thiện đời sống cho nhân dân.

b) Phát động tư tưởng nông dân, xác định vấn đề bóc lột và bị bóc lột, phân định thành phần vạch rõ ranh giới giai cấp, củng cố và phát huy ưu thế chính trị của nông dân, đề cao ý thức làm chủ nông thôn và tinh thần cảnh giác trong nhân dân, đánh đổ uy thế và ảnh hưởng còn lại của giai cấp thống trị địa chủ, tuyên bố xóa bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất rừng núi và những tàn tích bóc lột phong kiến còn lại, điều chỉnh ruộng đất ở nơi thật cần thiết, xác lập quyền sử dụng ruộng đất cho nông dân lao động để họ phấn khởi an tâm sản xuất.

c) Củng cố và phát triển các tổ chức cơ sở, cụ thể là ủy ban, xã đội, dân quân, công an, thanh niên, phụ nữ, v.v. củng cố chi bộ ở nơi có và đặc biệt chú ý tuyên truyền gây ảnh hưởng Đảng, nơi nào có điều kiện thì phát triển đảng viên mới và thành lập thêm chi bộ.

Ra sức bồi dưỡng, đào tạo cán bộ địa phương.

d) Tiến hành củng cố trị an, tăng cường đoàn kết dân tộc, giáo dục nâng cao cảnh giác cho cán bộ, quần chúng, tiếp tục đẩy mạnh việc tranh thủ kiên trì giáo dục những người lầm đường, ngăn ngừa những hoạt động phá hoại, kiên quyết trấn áp những phần tử đầu sỏ, phản động phá hoại hiện hành.

Tiến hành mọi công tác cần thiết để củng cố biên giới (tiểu phi, trấn phản...).

II. TIẾP TỤC GIÁO DỤC CHÍNH SÁCH DÂN TỘC THIỂU SỐ, KHẮC PHỤC TƯ TƯỞNG DÂN TỘC LỚN, TƯ TƯỞNG DÂN TỘC HẸP HÒI, GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ XÍCH MÍCH CÒN LẠI, TĂNG CƯỜNG ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

Trên đây là mục đích và yêu cầu chung nhưng khi tiến hành thì đối với từng vùng sẽ dựa vào yêu cầu chung đó mà vạch ra kế hoạch và phương pháp tiến hành cụ thể.

Đối với vùng mà trước mắt cần tiến hành các cuộc vận động đoàn kết, củng cố cơ sở, đánh địch hiện hành, bảo vệ địa phương, phát triển sản xuất thì có nội dung, yêu cầu riêng đã nêu trong Hội nghị toàn Đảng bộ tỉnh, nghị quyết công tác 3 tháng quý II năm 1959 và Chỉ thị số 09-CT/TU của tỉnh hiện đang tiến hành.

Tỉnh ủy dự kiến trong 6 tháng cuối năm sẽ làm ở vùng thấp cụ thể là:

Trong 6 tháng sẽ tiến hành thí điểm ở xã Cam Đường (có kế hoạch riêng) sau đó sẽ tổng kết thí điểm, làm đợt 1 tức là mở rộng ra toàn huyện Bảo Thắng và các khu nông nghiệp ở thị xã, trong khi làm toàn huyện Bảo Thắng và thị xã thì đồng thời tiến hành thí điểm một xã ở rẻo thấp Bát Xát và một xã ở rẻo thấp Mường Khương.

Sau tổng kết đợt 2 và thí điểm 2 xã thuộc Bát Xát, Mường Khương thì tiến hành đợt 2 gồm toàn huyện Mường Khương và rẻo thấp Bát Xát, đồng thời tiến hành thí điểm ở 1 hoặc 2 xã thuộc Bắc Hà.

Sau tổng kết đợt 2 và thí điểm Bắc Hà thì chuyển sang đợt 3 làm toàn huyện Bắc Hà.

Trong khi tiến hành phát động quần chúng ở một phạm vi địa phương nhất định theo từng đợt đã định thì những địa phương khác (chưa mở cuộc phát động) cần phải tiến hành tích cực củng cố, phát triển phong trào đối công, tạo điều kiện xây dựng hợp tác xã theo nội dung, phương hướng mà Nghị quyết Hội nghị toàn Đảng bộ tỉnh (tháng 3-1959) và Nghị quyết Tỉnh ủy đã đề ra. Chống tư tưởng chờ đợi để đến phát động làm một thể.

Trước mắt hiện nay, trong khi tỉnh tiến hành thí điểm ở Cam Đường thì tất cả các địa phương cần xúc tiến ngay việc tiếp tục điều tra nắm vững tình hình cơ sở xã hội nông thôn đặc biệt đối với rẻo cao, chuẩn bị quy hoạch và xây dựng chính sách cụ thể để góp ý kiến với tỉnh xây dựng quy hoạch và chính sách cụ thể thêm trong toàn tỉnh.

Tỉnh ủy sẽ tổ chức đoàn điều tra thí điểm ở vùng cao để nắm vững tình hình hơn.

Để chuẩn bị lực lượng cán bộ tiến hành các đợt phát động tỉnh, huyện sẽ xúc tiến việc tổ chức huấn luyện, giáo dục cán bộ, cốt cán ở xã vào thời gian tới (có kế hoạch riêng).

Sau 3 đợt hoàn thành ở vùng thấp và miền đông sẽ có kế hoạch cụ thể và phương pháp tiếp tục tiến hành ở vùng Cha Pa và tây Bát Xát vào khoảng đầu năm 1960. Ngay từ bây giờ cần kết hợp nghiên cứu kỹ tình hình các vùng đó trong các cuộc vận động đoàn kết, củng cố cơ sở, đánh địch.

Thời gian cụ thể, nội dung giáo dục và vấn đề cán bộ tham gia từng đợt phát động thì Ban Thường vụ cùng Ban Công tác nông thôn, Ban Tuyên huấn, Ban Tổ chức bàn bạc quyết định cho thích hợp.

Thời gian chung mỗi đợt vào khoảng 2 tháng.

III. PHƯƠNG CHÂM CỦA CUỘC PHÁT ĐỘNG

Căn cứ vào tình hình đặc điểm của vùng dân tộc thiểu số, căn cứ mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc phát động và nhằm bảo đảm thực hiện đúng đắn chính sách dân tộc, phương châm chung cuộc phát động này là: "Tích cực lãnh đạo, vững bước tiến lên, quy hoạch về mọi mặt sát với từng vùng, làm tốt, vững và gọn". Nhưng đối với miền núi cần phải thêm mấy điểm:

- Đảm bảo đoàn kết dân tộc, đẩy mạnh sản xuất.
- Quán triệt cả hai nhiệm vụ đẩy mạnh đổi công, xây dựng hợp tác xã kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ.
- Kiên nhẫn, thận trọng, không máy móc rập khuôn.

- Hợp với trình độ các dân tộc.
- Đi đúng đường lối quần chúng, dựa vào quần chúng, chủ yếu là do cán bộ và quần chúng địa phương tiến hành, tuyệt đối tránh gò ép, mệnh lệnh.

IV. VẬN DỤNG ĐƯỜNG LỐI GIAI CẤP CỦA ĐẢNG Ở CÁC VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

Đường lối giai cấp ở vùng các dân tộc thiểu số là căn cứ vào đường lối giai cấp chung của Đảng ở nông thôn trong từng thời kỳ cách mạng mà vận dụng cho thích hợp, vì trên cơ bản xã hội các vùng dân tộc thiểu số giai cấp cũng đã phân hóa rõ rệt, mặc dầu có một số đặc điểm khác giữa vùng xuôi và vùng các dân tộc có khác nhau.

Hiện nay Trung ương chưa chính thức ban hành đường lối giai cấp nông thôn ở miền núi nhưng chúng ta cũng có thể dựa vào đường lối chung hiện nay và tình hình đặc điểm của địa phương mà vận dụng cho thích hợp. Trung ương cũng nhắc là không bó tay xây dựng, nhưng phải nắm vững phương châm: đừng làm vội, nôn nóng.

Căn cứ vào mức độ phân hóa giai cấp trong tỉnh ta và thái độ của từng giai cấp, Tỉnh ủy dự kiến đường lối giai cấp áp dụng vào từng vùng trong cuộc phát động này như sau:

1. Ở vùng đã phân hóa giai cấp rõ rệt

"Dựa hẳn vào bản cố nông và trung nông lớp dưới, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, tranh thủ tầng lớp trên, hạn chế và đi đến xóa bỏ bóc lột kinh tế phú nông, cải tạo tư tưởng phú nông, xóa bỏ thế lực kinh tế và chính trị còn lại của giai cấp địa chủ, phong kiến, ngăn ngừa và trấn áp những phần tử phản động phá hoại hiện hành, mở đường cho địa chủ lao động, cải tạo thành con người mới, kiên quyết đưa nông thôn miền núi đi vào hợp tác hóa tiến lên chủ nghĩa xã hội".

2. Ở vùng chưa phân hóa giai cấp rõ rệt

"Dựa vào nông dân nghèo khổ, bị áp bức bóc lột nhiều, đoàn kết với nông dân lao động, tranh thủ tầng lớp trên, xóa bỏ bóc lột đặc quyền, đặc lợi phong kiến còn lại, ngăn ngừa và trấn áp những phần tử phản động, tay sai, của Mỹ - Diệm phá hoại hiện hành, kiên quyết đưa nông thôn miền núi đi vào hợp tác hóa, tiến lên chủ nghĩa xã hội".

Cần làm cho cán bộ, đảng viên nhận thức đúng tình hình phân hóa giai cấp ở các vùng dân tộc, khắc phục quan điểm cho rằng trong nông dân lao động miền núi bản cố nông là ít, là kém, xem thường lực lượng bản cố nông. Phải xác lập được vững chắc quan điểm chỉ có dựa vào bản cố nông và trung nông dưới, đoàn kết chặt chẽ với trung nông mới đấu tranh xóa bỏ tàn dư phong kiến thống lợi và mới đưa nông dân vào con đường đổi công, hợp tác, tiến lên chủ nghĩa xã hội được.

V. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH CHUNG ÁP DỤNG TRONG CUỘC PHÁT ĐỘNG

Đối với địa chủ:

Chính sách của ta là hết sức phân hóa chung, tranh thủ giáo dục cải tạo số đông, cô lập và trừng trị số ít ngoan cố phản động phá hoại hiện hành.

Đối với những địa chủ có nhiều tội ác, mà hiện nay có hành động phá hoại hiện hành, quần chúng các dân tộc căm ghét và yêu cầu trừng trị thì đưa ra tòa án xét xử.

Đối với địa chủ thường, hoặc trước có tội ác, nhưng từ hòa bình lập lại đến nay đã chịu chấp hành chính sách, không có hành động phá hoại, quần chúng không có yêu cầu đấu tranh thì cho học chính sách, bắt nhận thành phần và kiểm thảo trước đại biểu nông dân, hoặc ủy ban xã không tổ chức đấu tranh chính diện.

Đối với địa chủ kháng chiến, nhân sĩ dân chủ, nhân vật thuộc tầng lớp trên có quan hệ với quần chúng thì ta tranh thủ giáo dục

cải tạo họ, để cho họ có quyền công dân, tham gia công việc về văn hóa, xã hội và chiếu cố phần nào về phần ruộng đất, trâu bò để họ lao động, sản xuất và không đụng đến các tư liệu sinh hoạt của họ, đối với ruộng đất họ còn giữ thì cho hiến, nhưng yêu cầu họ phải thật thà chấp hành chính sách.

Đối với phú nông:

Về chính trị liên hiệp với phú nông. Phú nông có quyền công dân, là thành viên trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Về kinh tế, không đụng đến tài sản của phú nông. Phần ruộng đất đem phát canh hoặc đã chuyển dịch sang tay nông dân do họ tự giao hoặc do chính quyền, nông hội lấy ra thì nay thuyết phục họ để lại cho nông dân cày cấy. Hạn chế và đi đến xóa bỏ kinh tế phú nông.

Hiện nay không để phú nông vào tổ đổi công, hợp tác xã. Phú nông vẫn được bầu cử, ứng cử vào Hội đồng nhân dân, nhưng không được tham gia Ủy ban hành chính, dân quân, du kích và công an xã.

Đối với ngụ quân, ngụ quyền cũ:

Nói chung là ra sức giáo dục, cải tạo.

- Những người tham gia ngụ quân, ngụ quyền là nông dân lao động và chỉ làm nhân viên hoặc lính thường, không gây ra tội ác, nhân dân không căm ghét, thì giáo dục nâng cao giác ngộ chính trị và đối xử như nông dân nói chung.

- Những người tham gia ngụ quân, ngụ quyền là nông dân lao động những giữ những chức vụ nhất định hoặc tham gia kháng chiến trong tổ chức trung kiên của phản động như biệt kích nhảy dù, do thám, điện đài, v.v. thì giáo dục, cải tạo họ, làm cho họ giác ngộ, thành khẩn hối cải, cắt đứt quan hệ với địa chủ và tay chân đế quốc, khuyến khích giúp đỡ họ làm ăn sinh sống. Việc đưa vào nông hội và hợp tác xã thì phải cân nhắc kỹ sự tiến bộ của từng người.

- Những người tham gia ngụ quân, ngụ quyền là địa chủ, phú nông thì căn cứ chính sách chung đối với địa chủ, phú nông mà đối xử. Nếu là địa chủ có nhiều tội ác đàn áp, giết hại nhân dân mà

hiện nay vẫn tiếp tục phá hoại thì quy là cường hào gian ác và xử trí theo pháp luật, tùy theo tội nặng nhẹ và yêu cầu của quần chúng.

Đối với thổ phỉ, biệt kích, phản động:

Đối với những tên cầm đầu còn lén lút phá hoại thì vừa gọi hàng vừa dùng vũ trang trấn áp, nếu ra hàng thì khoan hồng, nếu ngoan cố chống lại thì kiên quyết tiêu diệt.

Đối với nông dân lao động vì lẽ này, lẽ khác lầm đường theo địch thì vận động gia đình, bà con họ gọi họ về, nhấn nại thuyết phục, giáo dục họ và giúp đỡ họ làm ăn.

Đối với mo trang:

- Đối với những người làm nghề thầy cúng (mo trang) từ trước đến nay có liên hệ với quần chúng, không có hành động phá hoại chính sách thì không ngăn cản họ làm nghề cúng, không vạch thành phần, tranh thủ đoàn kết và giáo dục, thuyết phục họ giảm dần những tục lệ mê tín có hại.

- Đối với những địa chủ, phú nông bóc lột, có tội ác với nông dân nay chuyên dùng hình thức mê tín để tiếp tục bóc lột, có thái độ chống chính sách thì vạch thành phần và xử trí như địa chủ, phú nông.

- Ngăn cấm địa chủ sau khi quy định thành phần lại chuyển sang nghề mo trang để bóc lột, mê muội quần chúng.

Đối với phong tục tập quán của nhân dân các dân tộc thiểu số:

Nói chung không đụng đến phong tục tập quán của quần chúng các dân tộc thiểu số. Tuy nhiên đối với một số phong tục tập quán có hại cho đoàn kết, sản xuất, cho việc phát triển văn hóa, vệ sinh thì cần vận động quần chúng tự nguyện sửa đổi, nhưng tuyệt đối không được mệnh lệnh.

- Đối với đồ thờ cúng, vòng vía, của gia truyền... và nơi thờ cúng của nhân dân thì không động đến.

Vấn đề vũ khí:

Ở các dân tộc thiểu số, nhân dân cần có vũ khí để chống thú rừng, bảo vệ sản xuất nên không đặt vấn đề thu vũ khí của nhân dân.

Các loại súng kíp, súng hỏa mai, súng săn vẫn để quần chúng sử dụng nhưng cần có đăng ký.

- Các loại súng trận trong tay nông dân lao động thì vận động chuyển tổ chức họ vào dân quân (nếu đủ tiêu chuẩn) hoặc vận động chuyển tay súng sang dân quân, dân quân có nhiệm vụ bảo vệ sản xuất, trị an cho nhân dân.

- Súng kíp, súng trận cũng như các loại vũ khí khác trong tay địa chủ, phú nông và phần tử xấu cần phải lấy ra và giao cho dân quân sử dụng. Riêng về súng kíp, hỏa mai thì có trường hợp xét thái độ của từng tên cụ thể mà có thể để cho phú nông, địa chủ thường, địa chủ kháng chiến giữ nhưng phải kiểm soát chặt chẽ.

Đối với cán bộ:

- Những cán bộ dân tộc thiểu số bản thân là thành phần bóc lột hoặc xuất thân thành phần bóc lột nếu đã thoát ly trên 1 năm thì không vạch thành phần địa chủ, phú nông, nhưng cần tăng cường việc giáo dục giúp đỡ họ cải tạo lập trường tư tưởng, giúp đỡ họ tiến bộ và tuyền đức, tài mà sử dụng cho thích hợp. Nếu gia đình họ vẫn bóc lột thì vẫn vạch gia đình ấy là địa chủ, phú nông, nếu đủ điều kiện thay đổi thành phần thì tuyên bố thay đổi thành phần cho gia đình họ.

Những cán bộ, đảng viên ở xã trước kia là địa chủ, phú nông nay đã thay đổi thành phần, biểu hiện tốt thì để nguyên, nhưng nếu còn bóc lột thì vẫn vạch thành phần và tùy theo thái độ đối với cách mạng của từng người mà cho họ rút lui nhiệm vụ, chuyển công tác khác hoặc điều đi công tác nơi khác.

Những đảng viên ở xã là địa chủ, phú nông hiện nay còn duy trì bóc lột thì đưa ra khỏi Đảng.

Về phân định thành phần giai cấp:

Yêu cầu chính là phân rõ ranh giới giữa nông dân với địa chủ, phú nông lớp trên bóc lột và nhân dân lao động.

Trong nội bộ nông dân ở những nơi tình hình ổn định cũng tiến hành phân định thành phần, nhưng đi đôi phải giáo dục kỹ "bần, cố, trung nông phải đoàn kết một nhà". Ở những nơi tình hình trị

an chưa ổn định thì không tiến hành vạch thành phần trong nông dân, nhưng cán bộ cần phân biệt ra để vận dụng đường lối, chính sách cho đúng.

Việc vạch thành phần dựa theo phương châm: dựa trên cơ sở quần chúng được phát động tư tưởng và giáo dục kỹ về chính sách mà vạch hoặc xác minh lại, gặp trường hợp quy cũng được, không quy cũng được thì không quy, hoặc đã quy rồi mà quần chúng không có ý kiến gì thì không sửa lại nữa.

Về tiêu chuẩn quy định thành phần thì vẫn căn cứ tiêu chuẩn chung đã quy định nhưng cần vận dụng cho thích hợp với đặc điểm vùng dân tộc thiểu số. Thời gian để xét phân định thành phần giai cấp địa chủ, phú nông thì lấy từ năm 1950 trở về trước (lúc Lào Cai mới giải phóng) đối với huyện Bảo Thắng. Đối với các địa phương khác thì tính từ khi giải phóng địa phương trở về trước.

Đối với địa chủ, phú nông cũng cho học chính sách, nhận thành phần nhưng cho học riêng. Tên nào đủ điều kiện thay đổi thành phần thì cho thay đổi thành phần. Tên nào ngoan cố quần chúng yêu cầu đấu tranh địa phương phải lập hồ sơ, lý lịch cụ thể báo cáo xin ý kiến tỉnh và tùy từng tên mà dùng hình thức đấu tranh thích hợp, bắt kiểm thảo trước quần chúng, nhưng không tổ chức đấu tố. Tên nào có tội nặng phá hoại hiện hành thì đưa vào tòa án xét xử.

Đối với địa chủ, phú nông đã chạy đi Nam hay sang Lào thì vẫn vạch thành phần địa chủ, phú nông, ruộng đất của họ xử lý như những địa chủ, phú nông khác, gia đình họ cũng đối xử như những gia đình địa chủ, phú nông khác.

Về xử lý ruộng đất, trâu bò, nợ lãi:

Tuyên bố xóa bỏ hạn quyền chiếm hữu ruộng đất, rừng núi, sông ngòi, khe suối của giai cấp địa chủ.

Trước khi tịch thu, trưng thu, trưng mua hoặc cho hiến vẫn để lại cho địa chủ một phần ruộng đất xấp xỉ mức bình quân diện tích của nông dân để tự lao động làm ăn.

- Ruộng đất của địa chủ, ruộng đất công, ruộng đồn điền, v.v. đã vào tay nông dân sử dụng, nay chính thức xác lập quyền sử dụng

cho nông dân. Nếu có trường hợp phân phối còn quá bất hợp lý mà quần chúng yêu cầu thì cũng có thể điều chỉnh nhưng chỉ làm trong phạm vi thật cần thiết, trên cơ sở nguyên canh và nông dân được giáo dục kỹ về tình thương yêu giai cấp, đoàn kết sản xuất.

- Đối với nông dân lao động bị cưỡng ép đi Nam hoặc đi Lào thì ruộng đất, tài sản họ vẫn được bảo vệ do cha mẹ, bà con bảo quản hoặc do chính quyền tạm giao cho nông dân sử dụng khi học trở về sẽ trả lại.

- Ruộng đất của địa chủ, cường hào gian ác, địa chủ chống lại pháp luật trong khi vận động đổi công, hợp tác quần chúng căm ghét thì đưa ra tòa án xét xử, tịch thu toàn bộ hoặc một phần tài sản.

- Ruộng đất của địa chủ thường thì rút ruộng công ra, tịch thu những ruộng đất chiếm đoạt, trưng thu phần ruộng đất tư quá mức bình quân ruộng đất của xã. Địa chủ kháng chiến thì rút ruộng công ra, tịch thu ruộng chiếm đoạt, cho phép hiến phần ruộng không làm hết.

- Ruộng đất của địa chủ phân tán vào nông dân thì không đụng tới, chỉ tịch thu, trưng mua số ruộng đất của địa chủ hiện canh tác.

- Khi phát động vạch giai cấp nghiêm cấm địa chủ:

- + Không được có hành động phá hoại tài sản của mình như giết hại trâu bò, hay làm bị thương các súc vật, phá hoại lương thực, đồ đạc nông cụ, cây cối, hoa màu, thủy lợi.

- + Không được bịa đặt tin bậy để gây dư luận chống Chính phủ, pháp luật, dùng thủ đoạn gây xung đột trong nhân dân, làm tổn hại đến sự đoàn kết trong nông dân.

- + Không được phân tán tài sản mua chuộc nông dân hoặc dùng các thủ đoạn lẫn lút khác.

Nếu phạm vào các tội trên thì tùy nặng nhẹ đưa ra tòa án xét xử.

- Đối với ruộng đất và các tài sản khác của phú nông nói chung không đụng đến nhưng phần ruộng đất hoặc trâu bò đã chuyển dịch sang nông dân hoặc do họ tự giao, hoặc do nông hội hay chính quyền

lấy ra thì phải thuyết phục họ để cho nông dân cày cấy. Nếu phú nông tự nhận thấy bản thân khả năng không làm hết, họ muốn hiến thì cũng cho phép hiến. Đối với ruộng công trong tay phú nông thì rút ra, nếu họ đem ruộng tư phát canh (chỉ để lại mức ruộng đất cả công lẫn tư xấp xỉ mức bình quân diện tích của nông dân).

- Tuyên bố xóa bỏ những món nợ cũ như sau:

+ Tất cả các món nợ nông dân vay của địa chủ.

+ Nợ vay của phú nông trước ngày giải phóng Lào Cai.

+ Nợ mà bộ đội, dân quân, du kích, cán bộ xã, dân công, thanh niên xung phong đã vay của phú nông nếu những người này đã từ trần hay bị hy sinh trong khi thừa hành nhiệm vụ.

+ Những món nợ của công vay trước ngày có sắc lệnh, nếu xét nay vì túng thiếu không thể trả được cũng xóa. Nhưng nếu là địa chủ, phú nông vay thì phải trả lại công quỹ.

+ Những người buôn đặt lãi non, nếu đã lãi bằng vốn thì cũng cần xóa.

+ Nợ cũ giảm hoặc hoãn nhưng món nợ giữa bản, cổ, trung nông giúp nhau sau ngày có sắc lệnh sẽ do ủy ban và nội bộ nông dân dàn xếp hai bên thỏa thuận.

Nghiêm cấm những thủ đoạn xảo trá khi cho vay:

- Bắt làm công không để trừ nợ.

- Cho vay lấy lãi trước hay gọi là khấu trừ trước.

- Bắt nợ chiếm đoạt tài sản người vay.

Trâu bò nuôi chia và cho phát canh thì:

- Nếu trâu bò của địa chủ cho nông dân nuôi chia hay phát canh thì không được đòi về và không đòi chia trả như trước (con trâu thuộc về ai sẽ nghiên cứu thêm). Những trâu bò của địa chủ tự nuôi thì chưa đề ra, nhưng không được bán.

- Trâu bò của phú nông cho nông dân nuôi thì thuyết phục cho mượn.

- Trâu bò giữa nông dân cho nuôi chia con hoặc trả tô trâu nếu xét nặng quá trên 200 cân tô trở lên thì nghiên cứu vận dụng giảm bớt trên cơ sở thương lượng giữa nông dân với nhau.

Ngoài những thú tài sản trên còn các thú khác nay ta chưa đặt ra giải quyết.

Về chính sách hợp tác xã:

Vận dụng các chính sách của Trung ương đề ra theo tinh thần Nghị quyết Trung ương lần thứ 16 và trong Chỉ thị số 118-CT/TU, Thông tri số 178-TT/TU của Trung ương mà thi hành cho thích hợp.

Nghị quyết này căn cứ vào chủ trương, đường lối, phương châm chung của Trung ương đã ban hành trong các cuộc hội nghị gần đây và căn cứ vào tình hình đặc điểm của tình hình mà Tỉnh ủy đề ra nhưng các điểm nêu ở đây mới là dự thảo để tiến hành thí điểm ở xã Cam Đường trong khi chờ Trung ương chính thức ban hành đường lối, chính sách, Nghị quyết này sẽ được bổ sung trong quá trình tiến hành xã thí điểm và khi có chỉ thị của Trung ương cũng như sau khi Trung ương duyệt y và bổ khuyết bản Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

HOÀNG QUY

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 14-NQ/TU, ngày 20-8-1959

Về một số công tác tháng 8-1959 và sự quan hệ kết hợp giữa công tác của tỉnh

Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ đã họp bất thường từ ngày 16-8-1959 đến 18-8-1959 để nghe báo cáo tình hình tháng 7-1959 và thông qua chương trình công tác từ nay sang tháng 9-1959, đã thảo luận kỹ về hai công tác lớn là điều tra dân số và kết luận các vấn đề về phát động đổi công hợp tác kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ sau khi tổng kết đợt thí điểm. Đồng thời đã vạch ra sự quan hệ và kết hợp giữa các công tác trong thời gian tới cho đúng vị trí của mỗi công tác.

Cụ thể như sau:

I. NHỮNG CÔNG TÁC LỚN TRONG THÁNG 8-1959 SANG ĐẦU THÁNG 9-1959

Sau khi Tỉnh ủy nghe báo cáo về nhận xét tình hình công tác tháng 7-1959 của tỉnh và dự kiến công tác tháng 8-1959 của Ban Thường vụ, đồng thời căn cứ vào nhiệm vụ công tác quý III năm 1959 và các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy quyết định những công tác lớn và chính trong tháng 8-1959 sang đầu tháng 9-1959 của toàn tỉnh là:

1. Hoàn thành việc gieo cấy các ruộng chân chiêm còn lại, tiếp tục đẩy mạnh phong trào tìm phân, làm phân bón thúc, bón đón đồng cho lúa. Vận động làm cỏ kịp thời, phòng và chống lũ, hạn, bão, sâu, chuột, v.v. đồng thời vận động đẩy mạnh việc trồng hoa màu, chăn nuôi vụ hạ, chú trọng đặc biệt đến việc trồng ngô tháng 7 âm lịch ở những nơi thích hợp.

2. Tiếp tục giáo dục và lấy việc chăm bón vụ mùa chuẩn bị vụ đông - xuân sắp tới mà đẩy mạnh việc xây dựng, củng cố các tổ đổi công, đưa lên thường xuyên có bình công chấm điểm. Đồng thời chuẩn bị tiến hành đợt 1 phát động phong trào đổi công hợp tác hoàn thành cải cách dân chủ ở huyện Bảo Thắng và một số nơi thuộc Bát Xát, Mường Khương, Bắc Hà. Củng cố các hợp tác xã vừa thành lập.

3. Củng cố các tổ hợp tác tiểu thương, thợ thủ công đi đôi với tiếp tục tiến hành cải tạo và tổ chức hoặc phát triển thêm các tổ hợp tác theo khả năng và điều kiện có thể. Tiến hành xây dựng kế hoạch cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh.

4. Mở rộng diện phát động cải tiến quản lý xí nghiệp vào các công trường, xí nghiệp trong tỉnh. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ hơn nữa của tỉnh và các cấp ủy đối với công tác này.

5. Hoàn thành việc chuẩn bị điều tra dân số theo chỉ thị của Trung ương đã định. Lập ban lãnh đạo điều tra dân số ở tỉnh và huyện.

6. Tích cực đẩy mạnh công tác ba thu, chú trọng thi hành kế hoạch về thu mua thóc đã đề ra.

7. Tiếp tục chỉnh huấn cán bộ, đảng viên để căn bản chỉnh huấn xong cho cán bộ trung, sơ cấp của tỉnh.

8. Xây dựng kế hoạch tiếp tục kiện toàn tổ chức theo yêu cầu Trung ương đề ra.

9. Chuẩn bị kế hoạch củng cố cơ sở một cách toàn diện theo nghị quyết cuộc họp rẻo cao, biên giới ở Trung ương đề ra.

10. Tổ chức lễ kỷ niệm ngày Quốc khánh 2-9 có kết quả.

Ngoài những công tác trên, các cấp, các ngành vẫn thực hiện những việc thường xuyên về kế hoạch Nhà nước nên nghị quyết này không đề ra nữa. Những công tác trên là những việc lớn và chính cần phải làm trong thời gian nhất định trước mắt, phần lớn là có tính chất tiếp tục công việc từ tháng 7-1959 đã làm. Những công tác đề ra theo từng mặt nhưng có quan hệ khăng khít với nhau, không phải làm xong việc này mới làm việc khác mà là đồng thời tiến hành. Tuy nhiên các cấp, các ngành cần nhận rõ công tác bao trùm nhất của cả tỉnh là đẩy mạnh sản xuất đổi công, chăm bón vụ mùa, củng cố hợp tác xã và hoàn thành việc chuẩn bị điều tra dân số, các công tác khác là công tác kết hợp.

II. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ ĐIỀU TRA DÂN SỐ

Thi hành chỉ thị, thông tri của Trung ương về việc tiến hành điều tra dân số, Tỉnh ủy đã nghiên cứu chỉ thị, thông tri và phương án của trung ương đề ra và thảo luận kế hoạch thi hành của tỉnh.

Tỉnh ủy nhất trí xác định rằng: Công tác điều tra dân số là một công tác quy mô, phức tạp, yêu cầu cao, ý nghĩa mục đích rất quan trọng, do đó dù có khó khăn nhiều nhưng nhất định phải tiến hành cho tốt, phải đảm bảo yêu cầu trung ương đề ra. Trong thời gian tiến hành điều tra dân số nhất định có ảnh hưởng đến các công tác khác của các cấp, các ngành đang tiến hành và cần phải tập trung lực lượng để bảo đảm cho công tác điều tra dân số đạt kết quả tốt. Vì vậy chúng ta phải tập trung đầy đủ số cán bộ cho công tác điều tra dân số. Trong thời gian điều tra dân số phải đặt công tác ấy là công tác trung tâm đột xuất của các cấp, các ngành và phải lãnh đạo chặt chẽ. Tất cả các địa phương, các đơn vị phải bố trí làm sao bảo đảm đúng thời điểm và thời gian đăng ký mà Trung ương đã định từ 0 giờ ngày 2-10-1959.

Để bảo đảm công tác điều tra dân số được tốt, Tỉnh ủy đề ra chủ trương và kế hoạch cụ thể như sau:

1. Về lực lượng cán bộ: Cần phải chuẩn bị với yêu cầu toàn bộ số cán bộ từ xã, thôn đến tỉnh để làm công tác này đến 500 người. Nguồn cán bộ chủ yếu là khai thác để tận dụng hết khả năng cán bộ của địa phương (huyện xã), sử dụng những người ở địa phương biết chữ (kể cả chữ Hán) có đủ tiêu chuẩn để làm điều tra viên thuộc phạm vi từng huyện, từng đơn vị, đồng thời trưng tập cán bộ, nhiệm vụ trong biên chế và một số trong lực lượng bộ đội, công an.

Những cán bộ chủ chốt về lãnh đạo và tổng hợp, kiểm tra thì chủ yếu là lấy cán bộ trong biên chế đi làm.

Sau khi các huyện đã bố trí tính toán lực lượng cán bộ, sơ bộ thấy ngoài số cán bộ và điều tra viên lấy ở huyện, xã phụ động ra thì thiếu khoảng 180 cán bộ (Bắc Hà 48, Mường Khương 47, Bát Xát 50, Sa Pa 33). Đó là chưa kể số cán bộ cần thiết bố trí ở bộ máy điều tra dân số tỉnh. Huyện Bảo Thắng căn bản là đủ cán bộ chỉ thiếu 3 người nữa. Thị xã và các công trường, xí nghiệp, cơ quan thì tổ chức lực lượng ở đơn vị mình để tự làm. Để giải quyết số cán bộ còn thiếu trên, một mặt các huyện và thị xã tính toán kỹ hơn để cố gắng tìm thêm người ở cơ sở làm điều tra viên, một mặt Ban Tổ chức nghiên cứu kế hoạch lấy cán bộ trong biên chế, trong bộ đội để bố trí.

2. Về lãnh đạo: ở tỉnh lập ban lãnh đạo điều tra dân số tỉnh để giúp Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh chỉ đạo công tác này gồm các đồng chí:

- Trường Minh, Bí thư kiêm Chủ tịch tỉnh, Trưởng ban.
- Trần Kim Chiến, Phó ty Công an.
- Cao Sơn, Đảng đoàn chính quyền, Ủy viên Ủy ban hành chính tỉnh phụ trách về nghiệp vụ đợt điều tra thống kê.
- Việt Tiến, Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh, Ủy viên Ủy ban hành chính tỉnh, Tỉnh ủy viên chuyên trách.
- Trần Đức Minh, Tỉnh ủy viên, Phó ban Tuyên huấn.
- Kiều Đức Hạnh, Ủy viên Ban Tổ chức.

Đối với các huyện và các công trường, xí nghiệp cũng phải tiến hành lập ngay ban lãnh đạo điều tra dân số, đồng thời tổ chức ra các bộ phận giúp việc ban lãnh đạo ở địa phương và đơn vị mình để thực hiện những công việc về chuẩn bị một cách khẩn trương.

3. Về huấn luyện cán bộ: Trước khi xuống xã sẽ tổ chức hội nghị cho cán bộ học tập ý nghĩa, mục đích, kế hoạch và nghiệp vụ điều tra dân số. Hội nghị ở tỉnh sẽ gồm những cán bộ lãnh đạo và nghiệp vụ chủ chốt trong công tác điều tra dân số của huyện, các đơn vị trực thuộc tỉnh, mỗi nơi độ 5 người. Sau lớp tỉnh, số này sẽ về huyện mở hội nghị ở huyện là chủ yếu, cho cán bộ huyện xã và điều tra viên. Hội nghị ở tỉnh sẽ mở vào ngày 24-8-1959, các lớp ở huyện có thể mở vào khoảng ngày 3-9-1959 để đến ngày 16-9-1959 cán bộ đã có mặt ở xã.

4. Về kết hợp công tác trong thời gian điều tra dân số:

Kể từ sau ngày 2-9-1959 đối với tỉnh, huyện và kể từ ngày 20-9 đến ngày 10-10-1959 đối với tất cả các cấp, các ngành từ tỉnh đến xã đều lấy công tác điều tra dân số là công tác trung đột xuất, các công tác cần thiết khác là công tác kết hợp.

Để có hướng kết hợp giữa các công tác với nhau trong thời gian từ nay đến khi hoàn thành công tác điều tra dân số, Tỉnh ủy quyết định:

- Đối với các nơi đang tiến hành phát động cải tiến quản lý xí nghiệp thì vẫn cứ tiến hành việc phát động, nhưng cần bố trí lại chương trình thời gian để trong khi phát động có thể xen vào việc học tập về điều tra dân số và trong thời gian đăng ký dân số cần dành mấy ngày đó cho đăng ký xong, bảo đảm được thời gian đăng ký chung của cả tỉnh, sau thời gian đăng ký lại tiếp tục cuộc phát động, làm sao bảo đảm cho điều tra dân số tốt, phát động tốt, sản xuất tốt. Do đó thời gian bước phát động có thể phải dài thêm một chút.

- Đối với nông thôn, trong thời gian làm công tác điều tra dân số vẫn kết hợp công tác sản xuất, đổi công, công tác ba thu, v.v.. và

tùy theo mức độ của từng bước công tác điều tra dân số mà bố trí thì giờ cùng cán bộ xã, thôn và nhân dân bàn công việc sản xuất, đổi công. Trong thời gian học tập về điều tra dân số và thời gian đăng ký nhân khẩu thì chỉ có thể kết hợp được công tác sản xuất, còn các công tác khác của các ngành không thể xen vào được nữa mà chỉ có thể tranh thủ làm ngoài những lúc học tập và đăng ký một phần nào. Ở các thị xã, thị trấn cũng vậy, trong suốt thời gian công tác điều tra dân số vẫn có thể kết hợp công tác cải tạo công thương nghiệp tư doanh và công tác cần thiết khác, nhưng khi quần chúng học và đăng ký thì dành cho việc điều tra dân số, các việc khác kết hợp được đến đâu hay đến đó, không đặt ra yêu cầu nhất định.

- Đối với công tác chỉnh huấn cán bộ, đảng viên, sẽ tranh thủ thời gian mở lớp thứ hai cho cán bộ trung, sơ cấp còn lại (trừ số đi làm điều tra dân số) để sang ngoài ngày 10-9 tập trung vào điều tra dân số.

- Về công tác phát động xây dựng đổi công, hợp tác kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ trong thời gian điều tra dân số không thể cùng tiến hành được, do đó phải hoãn lại, nhưng cần kết hợp bằng cách chuẩn bị cơ sở, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và cốt cán, điều tra nắm tình hình cơ sở xã hội và quần chúng, chấn chỉnh, củng cố các tổ đổi công. Số cán bộ đã chuẩn bị cho đợt 1 phát động xây dựng đổi công, hợp tác kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ sẽ đi làm điều tra dân số rồi chuyển sang làm phát động.

5. Ngoài những việc trên, các cấp, các ngành cần phải gấp rút hoàn thành trong tháng 8-1959 về các công tác chuẩn bị khác cho điều tra dân số như hoàn thành việc nắm tình hình địa điểm dân cư, danh sách chủ hộ, nhân khẩu và nhận xét tình hình, đặc điểm, khó khăn, thuận lợi rồi có kế hoạch để khi tiến hành không lúng túng.

6. Ban lãnh đạo điều tra dân số tỉnh căn cứ vào Nghị quyết này, thảo ra kế hoạch cụ thể để hướng dẫn các nơi thực hiện.

III. CÔNG TÁC PHÁT ĐỘNG XÂY DỰNG ĐỔI CÔNG, HỢP TÁC KẾT HỢP HOÀN THÀNH CẢI CÁCH DÂN CHỦ

Trên cơ sở Tỉnh ủy thảo luận đánh giá kết quả và tình hình thực tế tiến hành thí điểm ở 2 xã Cam Đường và Tân Tiến đã được tổng kết rút ra những kinh nghiệm và những vấn đề mới, Tỉnh ủy đã xây dựng, bổ sung Nghị quyết số 12-NQ/TU của Tỉnh ủy, đã đi sâu thảo luận nghị quyết về nhận định, đánh giá tình hình cơ sở xã hội, tình hình phong trào cơ sở, tổ chức quần chúng, nhận định các mâu thuẫn hiện nay ở nông thôn trong tỉnh và định những phương châm, mục đích, yêu cầu, chính sách cụ thể vận dụng vào địa phương cho thích hợp để tiến hành phát động đợt 1 sắp tới.

Về cụ thể có phần nghị quyết riêng và sẽ thỉnh thị Trung ương chuẩn y trước khi làm đợt 1.

Căn cứ vào nghị quyết này, các cấp ủy, các ban, các đảng đoàn, các ngành có trách nhiệm cần nghiên cứu kỹ có kế hoạch thi hành cho nghiêm chỉnh và báo cáo kết quả cho Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 07-BC/TU

Tổng kết công tác phát động công nhân, viên chức cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp quốc doanh đẩy mạnh sản xuất của tỉnh Lào Cai

Cuối năm 1958 Trung ương Đảng thông qua Nghị quyết số 61-NQ/TW tiến hành phát động công nhân, viên chức cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp quốc doanh, đẩy mạnh sản xuất. Chủ trương này đề ra là xuất phát từ tình hình và nhiệm vụ cơ bản của miền Bắc trong thời kỳ quá độ phải đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm trước mắt là việc cải tạo xã hội chủ nghĩa, đồng thời phải củng cố và phát triển thành phần kinh tế quốc doanh là lực lượng lãnh đạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân nhằm củng cố các xí nghiệp quốc doanh, giải quyết bước đầu mâu thuẫn giữa bản chất xí nghiệp xã hội chủ nghĩa đòi hỏi không ngừng nâng cao sản xuất với trình độ chính trị tư tưởng, tổ chức và quản lý thấp kém.

Yêu cầu chung của cuộc phát động là: "Bước đầu tăng cường giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức, bước đầu cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp về mặt chính trị, đồng thời bước đầu cải tiến chế độ quản lý sản xuất, kiện toàn tổ chức, bảo đảm hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước, sửa chữa những khuyết điểm và chăm lo đời sống công nhân

lao động để giải quyết những khó khăn trước mắt và thiết thực phục vụ cho sản xuất".

Phương châm tiến hành cuộc phản động là: "Lấy việc giáo dục chính trị và phát động tư tưởng làm chính, đưa vào giai cấp công nhân đi theo đường lối quần chúng, đề cao phê bình và tự phê bình, tăng cường đoàn kết nội bộ, kết hợp phát động tốt với sản xuất tốt".

Trải qua 9 tháng tiến hành thực hiện chủ trương của Trung ương, đến nay cuộc phát động đã đi vào giai đoạn kết thúc, Tỉnh ủy triệu tập hội nghị tổng kết nhằm:

- Đối chiếu với yêu cầu của Trung ương xác định những kết quả đã đạt được để tiếp tục phát huy và khắc phục những vấn đề còn tồn tại.

- Qua tổng kết mà rút ra những bài học kinh nghiệm để giúp cho việc chỉ đạo công tác quản lý xí nghiệp cũng như phong trào chung sau này trong giai cấp công nhân được tốt hơn.

- Bằng những phương hướng cụ thể để giữ vững và phát huy những thắng lợi đã thu được, đẩy mạnh mọi mặt công tác trong xí nghiệp nhằm hoàn thành thắng lợi Kế hoạch nhà nước năm 1960.

Sau đây xin kiểm điểm một số vấn đề cụ thể:

I. TÌNH HÌNH CHUNG CỦA CUỘC PHẢN ĐỘNG Ở 8 CÔNG TRƯỜNG XÍ NGHIỆP TRONG TỈNH

Chấp hành Nghị quyết của Trung ương Đảng, cuộc phát động công nhân, viên chức cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp quốc doanh, đẩy mạnh sản xuất trong tỉnh bắt đầu chuẩn bị từ đầu năm 1959, được ghi thành 1 nghị quyết của Đại hội Đảng bộ toàn tỉnh tháng 4-1959 và chính thức tiến hành từ ngày 20-5-1959.

Cuộc phát động chia thành 4 bước:

- Bước 1: Là bước học tập và kiểm thảo trong nội bộ Đảng, có mở rộng trong một số cán bộ chuyên môn, công đoàn và đoàn viên

thanh niên lao động cũng tham gia, đồng thời có sửa chữa những khuyết điểm được phát hiện kiểm thảo.

- Bước 2: Là bước học tập và phát động tư tưởng quần chúng đồng thời có sửa chữa tác phong, cải tiến công tác.

- Bước 3: Là bước quyết định của việc cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp đồng thời vẫn tiếp tục phát động tư tưởng quần chúng.

- Bước 4: Là bước tổng kết phong trào, tiếp tục củng cố tổ chức và nâng cao tư tưởng.

Riêng đối với một số cơ sở công trường xây dựng cơ bản, lắp máy, giao thông tiến hành theo 2 bước. Bước 1 tiến hành như các xí nghiệp đi 4 bước nhưng bước 2 là tổng hợp của 3 bước còn lại.

Thời gian tiến hành theo quy định của Trung ương cả 4 bước đi là 6 tháng rưỡi nhưng trên thực tế thì có nơi quá kéo dài như Mỏ apatít mất 9 tháng, đoàn địa chất 7 tháng, các nơi khác thì ngắn hơn như Bưu điện, Xây dựng, Lắp máy, Nhà máy Điện trên dưới 5 tháng một chút, Ty Giao thông đi sau cũng nhưng cũng đã hoàn thành. Hiện nay trong 8 cơ sở tiến hành phát động thì 7 cơ sở đã hoàn thành tổng kết, chỉ còn lại Mỏ apatít chưa hoàn thành xong nhưng công việc cuối cùng của bước 4 là mở Đại hội Đảng, Công đoàn, Thanh niên chung.

Quá trình tiến hành cuộc phát động ở 8 cơ sở, sự lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện của Tỉnh cũng như cơ sở có nhiều khó khăn, vì tính chất cuộc phát động này thời gian dài, phải giải quyết nhiều vấn đề trong khi đó tỉnh ta lại là tỉnh đi sau cùng, thời gian càng về cuối càng bị bó hẹp, trong khi đó tình hình sản xuất cuối năm rất gấp rút, khẩn trương đang có nhiều khó khăn. Về thiết bị, nguyên vật liệu, nhân lực, đời sống tính chất và đặc điểm công nhân, về trình độ chính trị tư tưởng và nghiệp vụ cũng như tính chất sản xuất giữa các xí nghiệp, công trường không giống nhau, nơi quá phân tán, nơi tập trung, trình độ quản lý xí nghiệp, công trường cũng có những vấn đề khác nhau mà điều đáng chú ý là từ trước tới nay sự lãnh đạo, chỉ đạo của

tỉnh đối với các cơ sở công nghiệp chưa thật đi sâu. Song thuận lợi chính là chủ trương của Trung ương rất phù hợp với yêu cầu đẩy mạnh sản xuất, với yêu cầu, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và công nhân, viên chức, do kết quả của cuộc phát động ở các xí nghiệp thí điểm của Trung ương đã giúp cụ thể một số kinh nghiệm, tinh thần tích cực quyết tâm của lãnh đạo xí nghiệp, công trường. Những khó khăn và thuận lợi ấy đã có nhiều ảnh hưởng đến cuộc phát động vừa qua. Tuy khó khăn có nhiều nhưng nhờ phát huy được những thuận lợi căn bản và đến nay cuộc phát động đã thu được những thắng lợi rõ rệt về chính trị, tư tưởng và sản xuất.

Quá trình tiến hành cuộc phát động đã chỉ rõ rằng không phải là dễ dàng mà là một cuộc đấu tranh, gay go và phức tạp giữa 2 quan điểm và phương pháp quản lý của xí nghiệp tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Do nắm vững tính chất cuộc vận động là một cuộc vận động cách mạng trong nội bộ giai cấp công nhân để giải quyết những mâu thuẫn giữa yêu cầu đẩy mạnh sản xuất với trình độ chính trị, tư tưởng và tổ chức quản lý còn thấp kém hơn, nói chung phong trào phát triển một cách lành mạnh.

Thông qua cuộc phát động, với nội dung giáo dục có hệ thống, với phương pháp từ quần chúng giáo dục quần chúng, tất cả cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức trong các xí nghiệp, công trường đã được giáo dục nâng cao trình độ giác ngộ giai cấp, giác ngộ chủ nghĩa xã hội một cách hệ thống, cụ thể, thiết thực đã có tác dụng củng cố vai trò và trách nhiệm của giai cấp công nhân trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và trong nhiệm vụ của giai cấp làm chủ xí nghiệp, làm chủ Nhà nước. Riêng đối với đảng viên, cuộc phát động này đã củng cố vai trò, trách nhiệm lãnh đạo, tiên phong, gương mẫu của người đảng viên, giúp cho đảng viên và lãnh đạo sửa chữa được nhiều khuyết điểm về tư tưởng lập trường và tác phong công tác. Kết quả giáo dục lần này còn giúp cho công nhân nắm được vũ khí tư tưởng để đấu tranh với

ảnh hưởng của tư tưởng thù địch, tư tưởng của giai cấp tư sản và các giai cấp khác ảnh hưởng vào nội bộ giai cấp công nhân.

Thông qua cuộc phát động và dựa trên cơ sở tư tưởng được phát động, lần đầu tiên các xí nghiệp xã hội chủ nghĩa: "Thủ trưởng phụ trách dưới sự lãnh đạo tập thể của Đảng ủy, công nhân tham gia quản lý xí nghiệp". Nó đã có một ý nghĩa cách mạng rằng nghị quyết cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp của Trung ương Đảng và Luật công đoàn đã được Quốc hội thông qua là đúng đắn, là chính xác, có tác dụng củng cố xí nghiệp quốc doanh tiến lên một cách vững chắc, củng cố vai trò, trách nhiệm của giai cấp công nhân và vai trò lãnh đạo của Đảng ta trong giai đoạn mới.

Thông qua cuộc phát động, đã thu hoạch được một kết quả lớn nữa là sức sản xuất đã phát triển hơn trước, năng suất lao động được nâng cao, cách quản lý xí nghiệp đã có nhiều tiến bộ mới, các cơ sở đều đã hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước, nhiều đơn vị đã được Chính phủ khen thưởng. Tổ chức đảng, chuyên môn, công đoàn, thanh niên được củng cố, trưởng thành lên một bước. Đời sống công nhân được cải thiện có nhiều tiến bộ hơn trước.

Song chúng ta cần nhận định rằng, cuộc phát động vừa qua tuy đã thu được nhiều thắng lợi nhưng mới chỉ là bước đầu. Đối chiếu với nhận định về mâu thuẫn trong xí nghiệp, công trường của Nghị quyết 61 thì đến nay chúng ta đã giải quyết được bước đầu về mâu thuẫn chính trị tư tưởng thấp kém, còn các mâu thuẫn khác về trình độ nghiệp vụ kỹ thuật, trình độ tổ chức quản lý thì mới giải quyết được một số vấn đề trước mắt. Vì vậy trên cơ sở của thắng lợi này chúng ta cần tiếp tục củng cố và phát huy thắng lợi, tiếp tục giải quyết những vấn đề còn tồn tại bằng cách tiếp tục phát động tư tưởng quần chúng và cải tiến lãnh đạo, tiếp tục cải tiến việc quản lý sản xuất theo phương hướng hạch toán kinh tế, đưa dần trình độ quản lý lên mức độ chính sách để bảo đảm hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước với một tốc độ nhanh, chắc, toàn diện hơn nữa.

II. CÔNG TÁC GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ CHO GIAI CẤP CÔNG NHÂN

Công tác giáo dục chính trị, phát động tư tưởng quần chúng, nâng cao giác ngộ giai cấp, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, giác ngộ ý thức chủ nhân cho giai cấp công nhân trong cuộc phát động vừa qua có ý nghĩa hết sức quan trọng, có một tác dụng rất lớn về mặt tư tưởng đối với việc cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp quốc doanh và góp phần vào việc củng cố vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Theo thống kê, tổng số công nhân trong 8 công trường, xí nghiệp có 5.303 người, đảng viên có 428, đoàn viên thanh niên lao động có 1.456. Do đặc điểm các xí nghiệp, công trường, phần đông mới xây dựng sau hòa bình nên số công nhân kháng chiến có 1.347 người, công nhân mới tuyển ở thành thị vào chiếm từ 25 đến 30%, công nhân ở nông thôn vào chiếm khoảng gần 60%. Ngoài ra, số công nhân là bộ đội chuyển ngành phục viên có 516 người, thanh niên xung phong 244 người, miền Nam tập kết có 273 người, công nhân cũ có 56 người, ngoại kiều có 48 người, dân tộc thiểu số có 135 người. Trong tổng số công nhân còn có 685 là nữ công nhân và điều đáng chú ý trong tổng số công nhân có tới 80% là thanh niên mới lớn lên. Ngoài những thành phần trên còn có một số người trước đây vốn là con cháu địa chủ, phú nông, tư sản, hoặc đã từng làm ngụy quân, ngụy quyền, mật thám, v.v. với con số là 253 người.

Trước phát động cũng như qua phát động, các cơ sở đều đã thống nhất nhận định công nhân trong các xí nghiệp, công trường là tốt vì đại đa số công nhân đều xuất thân ở thành phần cơ bản, nhiều người đã từng bị bóc lột gián tiếp hoặc trực tiếp, nhiều người đã từng trải qua cuộc sống khổ cực, điều đúng nên ý thức chống đế quốc, phong kiến thể hiện rất cụ thể, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, có ý thức và biểu lộ phấn khởi đối với cuộc cách

mạng xã hội chủ nghĩa và qua giáo dục rèn luyện trong thực tế, với bản chất tốt đã hăng say trong lao động sản xuất, biểu hiện thành tích cụ thể trong việc xây dựng công nghiệp ở miền núi, đã hoàn thành thắng lợi liên tiếp kế hoạch nhà nước trong những năm vừa qua. Những biểu hiện không tin tưởng công nhân, cho công nhân là phức tạp, là non trẻ đã được giải quyết.

Nhìn lại sự cấu tạo và phát triển của đội ngũ công nhân và xuất phát từ thành phần trên nên trình độ chính trị và tư tưởng của từng đối tượng có chênh lệch khác nhau. Trước đây một số công nhân chúng ta vì sống lâu ngày dưới chế độ cũ nên nhiều tàn tích tư tưởng của chế độ cũ còn rơi rớt lại, cộng thêm sự giáo dục của chúng ta còn chắp vá, chưa hệ thống, nặng trên đội xuống, do đó tư tưởng chưa được thuần nhất. Phân loại công nhân chúng ta thấy:

- Số công nhân đã tham gia kháng chiến phần đông cũng mới gia nhập hàng ngũ công nhân, hiểu biết được đường lối cách mạng, tương đối kiên định lập trường tư tưởng, thấy rõ được trách nhiệm nên đã có tác dụng tích cực. Nhưng tư tưởng công thần khá phổ biến thể hiện đòi hỏi đãi ngộ, coi thường công nhân mới ở vùng giải phóng hay nông thôn mới vào xí nghiệp, công trường. Một số ít còn kém về ý thức tổ chức kỷ luật, có một số ít tỏ ra bất mãn đi tới kém tác dụng.

- Số công nhân ở thành thị vào thì số đông còn lẫn lộn giữa hiện tượng và bản chất chế độ, có nhiều thắc mắc phản ánh thành phần xuất thân của họ là tiểu thương, tiểu chủ tư sản hoặc con cái tư sản như kêu ca nhiều về chính sách công thương nghiệp của ta, ý thức tập thể, tổ chức và kỷ luật còn thấp kém. Một số là dân nghèo vì hiểu chính sách lơ mơ nên thấy người khác kêu ca thì bản thân cũng thắc mắc họ.

- Số công nhân ở nông thôn phần đông biểu hiện cần cù lao động nhưng ý thức tổ chức kỷ luật vẫn còn rất yếu và trên tư tưởng còn phản ánh tính chất tư hữu, quan hệ gắn bó với gia đình

ở nông thôn nên cũng còn nhiều thắc mắc, chưa thật thông hiểu về chính sách hợp tác hóa mà nổi nhất là vấn đề thu mua.

- Số công nhân xuất thân ở thành phần bóc lột như con cái tư sản, địa chủ, trải qua lao động thì một số đã cải tạo, có tiến bộ, nhưng phần đông tỏ thái độ làm việc chây lười, lại hay kêu ca, thắc mắc và thậm chí có một số người có tư tưởng phản ứng giai cấp, đả kích chế độ, chính sách, xuyên ngang chia rẽ nội bộ và thỉnh thoảng có từng lúc còn có người còn tiếp tục có những hành động không tốt.

- Trong số công nhân vì đặc điểm đa số là thanh niên nên nhận thức tư tưởng nói chung là tốt, biểu hiện tích cực nhưng do từng trải cuộc đời còn ít, kinh nghiệm bản thân còn thiếu nên giác ngộ giai cấp còn thấp. Loại công nhân già biểu hiện tốt, lập trường giai cấp rõ ràng hơn nên còn rất ít thắc mắc nhưng sự tiến bộ còn chậm, có người thể hiện tư tưởng bảo thủ, kinh nghiệm chủ nghĩa còn nhiều. Số công nhân dân tộc thì biểu hiện tự ti, số công nhân ngoại kiều trừ một số rất ít có biểu hiện tốt và tích cực còn phần đông thì nhận thức tư tưởng còn rất thấp. Một số cai ký lúc đầu phát động có hoang mang nhất là những người trước đây đã từng làm ở mỏ, một số là thầu khoán cũ, nay vẫn đứng nhận khoán thì tỏ ra hống hách, ăn gian ăn chặn của anh em công nhân, làm ẩu, làm sai kỹ thuật cốt chạy theo đồng tiền.

Tổng hợp thắc mắc được nêu ra trong 2 bước học tập có 12.313 thắc mắc có thể chia ra làm 3 vấn đề chính: Chế độ ta bóc lột hay không bóc lột, tự do hay không tự do, đời sống sướng hay khổ. Nhiều người công nhân chế độ ta có nhiều cái tốt và chính trị, về kinh tế nhưng cũng có nhiều điểm không bằng chế độ cũ, nhưng cho rằng chế độ ta cũng có bóc lột nhưng tinh vi hơn, dưới hình thức động viên làm thêm giờ, làm lao động xã hội chủ nghĩa, kêu gọi thắt lưng buộc bụng để Nhà nước tích lũy vốn, dùng hình thức làm khoán, đánh thuế nặng, mậu dịch mua rẻ bán đắt. Hoặc cho rằng chế độ cũ về chính trị thì tồi nhưng đời sống thì sung sướng

hơn như một người đi làm nuôi cả gia đình, nhà cửa đầy đủ, đồ dùng nhiều, nhưng nay thì đời sống kém sút; hoặc cho rằng chế độ cũ cũng có cái tự do, có cái không tự do và dưới chế độ ta cũng như vậy thôi như không cho tự do buôn bán, cấm báo Nhân văn giai phẩm, cắt đăng ký kinh doanh, kêu gọi vào hợp tác xã, đi mua hành ở mậu dịch phải xếp hàng. Hoặc cho rằng ở chế độ ta và chế độ cũ chỉ khác nhau về danh từ mà thôi như trước thì có cai ký nay là cán bộ, trước là đi phu, nay là đi dân công, v.v.. Bên cạnh những thắc mắc ấy cũng còn có một loại thắc mắc của phần tử xấu như: ăn cơm dưới chế độ ta như ăn cơm ở Phú Lợi, chế độ ta đau thương, tang tóc, Hồ Chủ tịch và Ngô Đình Diệm chẳng chắc ai hơn ai, chính sách thi hành đen như mực hoặc nói rằng: nhờ ơn Đảng, nhờ ơn Hồ Chủ tịch mà công nhân và nông dân thất nghiệp ở vùng xuôi được lên rừng núi để được bụng ỏng da vàng, chế độ cấm cả đi Nam, không cho gặp tổ Quốc tế, cũng có nhà tù như đế quốc, cũng đánh đập khét tiếng, không cho nghe đài miền Nam. Một số do bất mãn cũng có những thắc mắc như: 10 năm kháng chiến bán rẻ sức lao động để lấy 10 vạn đồng, Liên Xô giúp ta là bỏ con săn sắt bắt con cá rô, thi đua bắt công nhân dốc hết sức lực chẳng khác gì vắt chanh lấy nước. Nói chung chưa hiểu sự bóc lột của tư bản còn biểu hiện nhiều khía cạnh mang ơn của đế quốc, cho rằng nhờ có tư bản xã hội mới văn minh, có Pháp mới có nhà máy, đường sá hiện nay, mới có giai cấp công nhân, bóc lột của tư bản là hợp lý vì nó có vốn. Về vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân thì họ cho rằng giai cấp công nhân ở nhà máy mới lãnh đạo được cách mạng, còn công trường thì nhếch nhác thì lãnh đạo cái gì, công nhân biên chế mới là giai cấp công nhân, mới là người chủ xí nghiệp, công nhân hợp đồng làm khoán không phải là công nhân, không phải là chủ mà là người làm thuê. Sự đoàn kết trong giai cấp công nhân còn có nhiều hiện tượng công nhân cũ khinh công nhân mới, công nhân trực tiếp sản xuất mâu thuẫn với gián tiếp. Những vấn đề nổi nhất quán triệt trong các thắc mắc là vấn đề mâu thuẫn giữa quyền lợi cá

nhân, trước mắt với quyền lợi tập thể, lâu dài có nhiều vấn đề tồn tại, mà thể hiện rõ rệt nhất là các thắc mắc không thích ở miền núi, lo lắng tiền đồ nghề nghiệp, thắc mắc lương bổng, lo lắng sức khỏe, gia đình, hạnh phúc, v.v.. Nguyên nhân phát sinh ra mâu thuẫn, phân tích chúng ta thấy rõ mấy lẽ chính:

- Vì công cuộc kiến thiết của chúng ta đang ở giai đoạn bắt đầu, sản xuất đang trên đà phát triển, việc xây dựng công nghiệp ở miền núi có nhiều khó khăn nên chưa có thể một lúc thỏa mãn đời sống công nhân được ngay trong khi đó sự đòi hỏi của công nhân thì nhiều nên đương nhiên mâu thuẫn trước mắt và sau này vẫn còn tồn tại và phải tiếp tục lâu dài.

- Cán bộ quản lý xí nghiệp của chúng ta nói chung nhìn nhận vấn đề quyền lợi của Nhà nước và tập thể thì rõ nhưng trên thực tế hiện nay, trước tình hình kiến thiết bước đầu có nhiều khó khăn đòi hỏi công nhân phải chịu đựng hy sinh, nhưng công tác chính trị và tư tưởng của cán bộ lãnh đạo thì còn yếu, mặt khác do trình độ quản lý thấp kém, thiếu kinh nghiệm nên không sao có thể tránh hết những sai lầm, thiếu sót được nhưng đặc biệt vấn đề tồn tại của bệnh chủ quan, quan liêu và tư tưởng, tác phong ảnh hưởng của giai cấp tư sản nên sự quan tâm chưa được đầy đủ cũng dẫn đến mâu thuẫn tồn tại thêm nhiều, phát triển.

- Công nhân viên trước đây xuất thân ở nhiều tầng lớp nên tư tưởng chưa phải là đã thuần nhất, thường thường nhìn nhận vấn đề trước mắt, mang nặng tính chất cá nhân của các giai cấp khác pha trộn vào và thực tế trước đây sự tham gia quản lý xí nghiệp của công nhân chưa được mạnh hoặc còn quá ít nên nhìn nhận lợi ích tập thể, lợi ích lâu dài, lợi ích Nhà nước chưa được kỹ, sâu, vì thế mà sinh ra kêu ca, oán trách, nảy ra chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa bình quân khá nhiều.

Một đặc điểm đáng chú ý là đại đa số công nhân là thanh niên lại ở dưới xuôi lên, không phải là người địa phương và trong hoàn cảnh trước mắt còn nhiều khó khăn vì đời sống ăn, ở, tiếp phẩm,

sinh hoạt tinh thần, tình cảm gia đình, ruột thịt, vấn đề hạnh phúc, di chuyển gia đình, v.v. nên tư tưởng cũng có nhiều diễn biến mà phổ biến nhất là vấn đề chưa an tâm công tác ở miền núi, chưa an tâm với nghề nghiệp hiện tại.

Những nhược điểm và khuyết điểm về trình độ chính trị và tư tưởng của công nhân như trên đã nêu, đã ảnh hưởng đến tốc độ sản xuất, đến tổ chức và kỷ luật trong xí nghiệp và trong quá trình vừa qua, có từng lúc và từng nơi đã xảy ra nhiều hiện tượng như chây lười vô kỷ luật, lãn công, làm hư hỏng máy móc nhất là trong lúc chúng ta gặp nhiều khó khăn, cơ sở mới xây dựng.

Để giải quyết tình hình trên, đã tiến hành giáo dục qua 3 bước, phát động liên tục nhất là trong bước 2 và bước 3. Với yêu cầu của Trung ương đề ra: phát động tư tưởng, nâng cao một bước giác ngộ xã hội chủ nghĩa, ý thức làm chủ xí nghiệp và làm chủ Nhà nước cho công nhân, viên chức, đã tiến hành cuộc đấu tranh tư tưởng trong nội bộ giai cấp công nhân, giữa tư tưởng của giai cấp công nhân với tư tưởng đế quốc và tư bản, giữa tư tưởng vô sản với tư tưởng tiểu tư sản và phi vô sản khác. Nói chung là đạt yêu cầu tốt thể hiện:

- Đại đa số công nhân, viên chức đã được phát động tư tưởng, ý thức giác ngộ giai cấp được nâng cao hơn một bước. Nhiều người trước đây còn hiểu lơ mơ về sự bóc lột của giai cấp tư bản nay đã hiểu được giai cấp tư bản là giai cấp bóc lột, sự nghèo khó của công nhân là kết quả của sự bóc lột của giai cấp tư bản do đó đã phân biệt được kẻ thù của giai cấp công nhân và giai cấp tư bản và cũng từ điều đó phân biệt được rõ ràng hơn bản chất hai chế độ xã hội, hai chế độ quản lý xí nghiệp tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Kết quả này đã chuyển biến một cách rõ rệt tư tưởng của giai cấp công nhân, đã giải quyết được về căn bản trên một vạn thắc mắc với những kết quả rất sắc bén.

+ Nhờ thi đua ta mới thắng giặc, hòa bình mới lập lại, bây giờ thi đua mới mau chóng xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi, đòi

sống mới ấm no, hạnh phúc. Nay ta thi đua kể ra cũng mệt đấy nhưng cuối cùng cũng là cho mình mà thôi, chẳng qua làm ngày nay để mai cho chúng ta hưởng.

+ Trước ta làm nhiều thì thằng chủ mang về 2 va li bạc mới là bóc lột, nay giám đốc cũng ăn lương như chúng ta mà thôi, chúng ta được tăng lương thì giám đốc cũng được tăng lương, Bác Hồ cũng chỉ ăn lương hơn chúng ta một ít mà thôi, sao lại gọi là bóc lột được.

+ Kêu ca mâu dịch là không đúng vì mâu dịch được phục vụ cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động, không có mâu dịch thì bọn đầu cơ tích trữ chúng làm khó chúng mình.

+ Nói đời sống công nhân khổ cực là không đúng, chỉ mấy năm qua cuộc đời chúng ta đã thay đổi, có công việc làm bảo đảm, có cơm ăn no, quần áo mặc lành, có bút máy, đồng hồ, có thừa tiền gửi ngân hàng, có người lại xây dựng được gia đình. Có khó khăn nhưng mà tạm thời, tương lai rất rực rỡ. Ngày xưa, công nhân ta khổ cực là số đông, kẻ sung sướng chỉ là một số rất ít được giai cấp bóc lột mua chuộc còn ngày nay kẻ bóc lột ăn không ngồi rồi đời sống đang đi xuống, còn chúng ta những người lao động là những người đang đi lên.

- Qua tranh luận các vấn đề và được nghe nói chuyện, đại đa số quần chúng công nhân đã nhận thức những chính sách của Đảng là chính sách của giai cấp công nhân, quần chúng đã hiểu rõ xuất phát điểm của lập trường chính sách, chính sách của ai đề ra và phục vụ cho ai. Từ chỗ đó quần chúng đã kết luận: "Chúng ta là giai cấp công nhân thì phải thông hiểu chính sách hơn ai hết, phải là những người tích cực nhất trong việc ủng hộ chính sách và thi hành chính sách".

- Đại đa số công nhân đã hiểu rõ được nhiệm vụ cách mạng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất Tổ quốc, nhận rõ vấn đề công nghiệp hóa nước nhà và vị trí của xí nghiệp quốc doanh đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Điều nổi

bật nhất là ý thức làm chủ xí nghiệp của giai cấp công nhân được xác định một cách vững chắc và rõ ràng hơn, không những trên lý luận mà cả trên hành động thực tế trong đấu tranh sản xuất hàng ngày, trong việc xây dựng tổ quản lý sản xuất mới và trong việc xây dựng Đại hội công nhân, viên chức trong bước 3 vừa qua. Do nhận rõ được nhiệm vụ cách mạng, củng cố được ý thức làm chủ, ý thức tập thể, ý thức tổ chức và kỷ luật đã đấu tranh thắng lợi, bước đầu nhiều biểu hiện của tư tưởng cá nhân chủ nghĩa. Trước phát động tư tưởng địa vị, công thần, đòi hỏi hưởng thụ, đãi ngộ, so sánh tiến độ, nghề nghiệp mà điều đáng chú ý là tư tưởng nhiệm kỳ ở miền núi, nghề nghiệp diễn biến khá phức tạp cả về tư tưởng lẫn hành động, có lúc thành phong trào, nay đa số quần chúng đã nhận thức được thấy cái sai, thấy cái đúng, xác định được rõ hơn quan hệ giữa lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài, quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, lợi ích Nhà nước nên đã đấu tranh giải quyết được nhiều biểu hiện tự cao tự đại, địa vị, đòi hỏi đãi ngộ, tự do vô kỷ luật, lãng phí, tham ô. Riêng đối với tư tưởng về xuôi, so sánh nghề nghiệp đại bộ phận công nhân đã có sự phân tích nên luồng tư tưởng này đã xẹp hẳn xuống không thành một phong trào như trước nữa. Nhưng vấn đề này cần tiếp tục giải quyết với nhiều biện pháp thích đáng vì tư tưởng mới là lắng xuống, chưa thật đã giải quyết hết.

- Đại đa số quần chúng công nhân đã thấy rõ vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quan hệ mật thiết giữa Đảng và quần chúng, đặc biệt là trong đợt ngày 6-1 thông qua các cuộc nói chuyện đã hiểu sâu thêm về lịch sử Đảng, đã thấy rõ hơn Đảng là Đảng của giai cấp công nhân. Nhiều quần chúng tiến bộ tha thiết mong muốn được vào Đảng, đã tỏ rõ tinh thần tích cực trong việc tham gia xây dựng Đảng.

Do những kết quả trên, đại đa số quần chúng đã chuyển biến, một cách rõ rệt, thể hiện trước phát động số quần chúng loại kém và quá kém có nhiều, nay số quần chúng loại tốt tăng hơn. Điều

kết quả chuyển biến rõ rệt là ở số anh em công nhân mới tham gia sau ngày hòa bình lập lại. Đối với cán bộ, công nhân đã tham gia kháng chiến được bồi dưỡng thêm về lập trường giai cấp, về vai trò và trách nhiệm của giai cấp công nhân còn về nhận thức nhiệm vụ chung thì chưa được thỏa mãn lắm. Theo thống kê trong 6 xí nghiệp, công trường trừ bưu điện và xây dựng chưa thống kê kịp, thì cụ thể:

Đoàn viên thanh niên lao động, công nhân	Trước phát động				Sau phát động			
	Tốt	Trung bình	Kém	Quá kém	Tốt	Trung bình	Kém	Quá kém
	246	303	121	14	326	480	94	10
	625	1.283	811	166	887	1.789	556	118

Nhiều công nhân sau học tập đã biểu lộ bằng lời nói: "Cách mạng Tháng Tám Đảng đã cứu tôi ra khỏi chế độ nô lệ, nay qua phát động Đảng lại đem cho tôi ánh sáng, chỉ rõ cho tôi con đường tiến đến tương lai hạnh phúc". Sau khi kiểm thảo cũng có anh em nói "Đây là lần đầu tiên trong lịch sử đời tôi được nói hết những thắc mắc và những sai lầm. Bây giờ tôi mới rõ mình là giai cấp công nhân thì không thể để những tư tưởng lệch lạc trái với tư tưởng giai cấp công nhân trong con người tôi được, tôi học rồi tôi sẽ làm cho tốt".

Bên cạnh những kết quả về tư tưởng Trung ương đề ra phải giải quyết thì như vậy là ta đã đạt được kết quả tốt, nhưng tư tưởng cá nhân chủ nghĩa cần phải được tiếp tục đấu tranh, nhất là tư tưởng nhiệm kỳ miễn núi, tư tưởng ngành nghề. Phải tiếp tục giải quyết mâu thuẫn còn tồn tại trên một số điểm giữa quyền lợi cá nhân và quyền lợi Nhà nước cho hòa hợp thích đáng, mà trong nội bộ công nhân cần phải quan tâm xử lý, giải quyết một cách đúng đắn, điều chú ý là phải nâng cao nhận thức tư tưởng về vai trò làm chủ Nhà nước, vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân,

tăng cường giáo dục xã hội chủ nghĩa, nâng cao hơn nữa giác ngộ giai cấp thông qua phương pháp dân chủ thảo luận, phê bình và tự phê bình, học tập thời sự chính sách và thông qua sản xuất thực tế để công nhân tự giải quyết một cách tích cực. Cần gấp rút nghiên cứu kế hoạch để toàn thể công nhân, viên chức nhất là đảng viên, cán bộ thấm nhuần sâu sắc hơn nữa Nghị quyết 14, 15, 16 của Trung ương Đảng.

- Tình hình chuyển biến của các xí nghiệp theo bản thống kê trên thấy rằng còn một số quần chúng còn tiến quá chậm, một số phần tử xấu chưa được cải tạo mạnh mẽ, một số quần chúng xuất thân ở thành phố bóc lột giác ngộ còn quá kém. Ngoài ra còn một số công nhân quá nhiều nhất là ở mỏ, địa chất, xây dựng học không liên tục nên sự chuyển biến không kịp hoặc do yêu cầu sản xuất một số công nhân mới được tuyển vào làm chưa được giáo dục nên cũng gây khó khăn đến việc tham gia quản lý xí nghiệp, công trường sau này. Cần nghiên cứu để có kế hoạch giải quyết cho tốt:

- Đối với công nhân viên kiên định lập trường tư tưởng cần được tiếp tục phát huy.

- Đối với loại công nhân ở mức độ trung bình, kém cần nâng cao trình độ chính trị để nâng dần họ lên, lên mức khá hoặc trung bình, thanh toán tình trạng lạc hậu và kém.

- Đối với những người xuất thân ở các giai cấp bóc lột thì cần phải tiến hành cải tạo tư tưởng một cách tích cực hơn để họ từ bỏ lập trường cũ của họ thì mới có thể giải quyết những quan điểm không đúng còn tồn tại hiện nay.

- Vấn đề giáo dục cho gia đình công nhân trong cuộc phát động chúng ta làm cũng còn quá yếu. Cần quan tâm và tiếp tục có kế hoạch giải quyết vì rằng sự chuyển biến của gia đình công nhân có ảnh hưởng đến công nhân rất nhiều.

- Ngoài những vấn đề trên cần phải kiểm tra và nhắc nhở thường xuyên cán bộ lãnh đạo, quản lý xí nghiệp, phải quan tâm

thường xuyên đến quyền lợi cá nhân của quần chúng trên cơ sở sản xuất phát triển một cách đúng mức, nhanh chóng như vậy cũng có một tác dụng rất lớn là mâu thuẫn sẽ dễ giải quyết hoặc giảm bớt dần. Cần phải đấu tranh hiện tượng của những bệnh quan liêu, chủ quan tiếp tục nảy nở một cách thường xuyên trong lãnh đạo.

Ngoài những thu hoạch lớn về tư tưởng chính trị của công nhân, viên chức được chuyển biến, chúng ta còn thu hoạch được một số kinh nghiệm trong việc giáo dục chính trị cho giai cấp công nhân cụ thể:

- Về mặt nội dung và yêu cầu đặt vấn đề cho chúng ta từ nay về sau là phải nắm thật chặt đặc điểm tình hình công nhân và thành phần, về tư tưởng để đề ra cho sát, chỉ đạo phải cho cụ thể, phải giáo dục một cách hệ thống từ thấp đến cao, phải đi từ vấn đề cơ bản để đi đến những vấn đề cụ thể, phải coi trọng trước hết là vấn đề nâng cao giác ngộ giai cấp, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, giác ngộ về vai trò và trách nhiệm của giai cấp công nhân để làm cơ sở, làm chìa khoá mở đường cho tất cả các vấn đề khác đi theo.

- Về mặt phương pháp đã chỉ rõ là phương pháp từ trên dội xuống, giáo dục theo kiểu hành chính thì kết quả đạt được rất ít, thậm chí lại có sự phản ứng, phát sinh thêm thắc mắc cho nên phương pháp từ nay về sau là phải đi sâu vào tiểu tổ, thấm vào từng loại công nhân và từng người một, đúng phương pháp thảo luận dân chủ để mọi người tìm thấy sự thật, trình bày hết lý lẽ và thông qua tranh luận lấy lực lượng quần chúng tự giải quyết cho quần chúng. Muốn tiến hành tốt phải thật sự tin tưởng vào quần chúng vì qua thực tế vừa qua đã chỉ rõ rằng giai cấp công nhân vì đại bộ phận xuất thân ở thành phần cơ bản, được tiếp thu sự giáo dục trong mấy năm lao động sản xuất nên dù là ở vùng kháng chiến hay ở vùng địch tham chiến trước đây, dù là cũ hay là mới, dù cấu tạo ở nhiều nguồn bổ sung khác nhau nhưng nói chung giai cấp công nhân rất tốt, rất tích cực, rất giác ngộ nên nhận thức được đúng. Riêng đối với lãnh đạo cần phải thật sự cầu thị, nhận

rõ đúng đắn những khuyết điểm của mình, kiên quyết sửa chữa chẳng những giúp ích cho bản thân, cho Nhà nước mà còn góp phần chuyển biến rất tốt tư tưởng của công nhân.

- Về hình thức giáo dục với công nhân, ngoài phương pháp học tập lên lớp cần phải sử dụng mọi hình thức thật linh hoạt sinh động, bảo đảm tính chất vừa thu hút, vừa nhẹ nhàng, nhất là hình thức văn nghệ, bích báo, hoạt động câu lạc bộ, thể dục thể thao tham quan triển lãm, v.v. mà vừa qua những hình thức này đã có một tác dụng rất lớn tuy chúng ta đã làm được nhưng còn quá ít, từ nay về sau cần tiếp tục triệt để sử dụng, phát huy và chấn chỉnh một cách thích đáng.

- Về mặt tổ chức và lãnh đạo, phải tiếp tục phát huy được vai trò và tác dụng của các tổ chức quần chúng, mà cụ thể là tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên lao động, phải làm cho hai tổ chức này trở thành thực sự là trường học giáo dục xã hội chủ nghĩa, giáo dục chủ nghĩa cộng sản cho quần chúng công nhân, quần chúng thanh niên. Muốn như vậy, phải xác định rằng Đảng không phải là bao biện làm thay nhưng tránh khoán trắng buông trôi mà Đảng phải nắm chắc yêu cầu nội dung, còn toàn bộ việc hướng dẫn, tổ chức giao cho hai tổ chức này đảm nhận trước Đảng. Riêng đối với tổ chức đảng phải phát huy được đúng đắn vai trò lãnh đạo của Đảng ủy, chi ủy, vai trò nòng cốt gương mẫu của đảng viên. Tổ chức đảng cần phải quan tâm chăm lo bồi dưỡng trình độ chính trị, lý luận cho cán bộ của hai tổ chức này và xét cần thiết phải phái những cán bộ có khả năng xứng đáng đảm nhiệm các mặt công tác này.

Đối với những tổ chức ở trên tỉnh, dưới sự lãnh đạo chủ trương của Tỉnh ủy, sự giúp đỡ và kinh nghiệm biên soạn về nội dung và phương pháp của Ban Tuyên huấn Đảng, Liên hiệp công đoàn và Tỉnh đoàn thanh niên phải có kế hoạch chỉ đạo thường xuyên giúp đỡ các cơ sở bên dưới, có chỉ đạo rút kinh nghiệm về bồi dưỡng cho cán bộ cơ sở. Ty Văn hóa phải đi sâu vào nghiệp vụ, phối hợp với

hai đoàn thể công đoàn, thanh niên để góp phần chỉ đạo các công tác văn hóa quần chúng được kết quả hơn.

III. VẤN ĐỀ CẢI TIẾN CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ CHÍNH TRỊ

Xí nghiệp, công trường của chúng ta về bản chất là xí nghiệp, công trường xã hội chủ nghĩa, quản lý theo ba nguyên tắc;

- Kết hợp chặt chẽ công tác chính trị tư tưởng với công tác kinh tế.

- Kết hợp sự chỉ đạo tập trung thống nhất thực hiện dân chủ rộng rãi, chỉ đạo tập trung thống nhất với thực hiện dân chủ rộng rãi.

- Kết hợp lãnh đạo tập thể với phân công phụ trách. Vì vậy Trung ương Đảng rất coi trọng việc cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp nên đã định rõ chế độ quản lý mới theo Nghị quyết 127 là "Thủ trưởng phụ trách quản lý xí nghiệp dưới sự lãnh đạo tập thể của Đảng ủy, thực hiện chế độ quản lý dân chủ".

Nhìn vào tình hình chế độ quản lý xí nghiệp trước đây thì về mặt quan điểm chưa thật thống nhất, chế độ quản lý chưa được rõ ràng nên cũng đã gây nhiều khó khăn và lúng túng trong hoạt động của xí nghiệp. Trong kiểm thảo bước 1 cho chúng ta thấy rằng quan điểm quản lý tư bản chủ nghĩa còn tồn tại khá nhiều trong cán bộ, đảng viên như quan điểm tài chính đơn thuần, kỹ thuật, chuyên môn thuần túy, coi thường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi thường tổ chức quần chúng, không tin và không dựa vào quần chúng. Các đảng viên thì phần đông chưa thấy hết vai trò lãnh đạo và trách nhiệm của mình, cho rằng lãnh đạo của Đảng ủy. Cán bộ các tổ chức quần chúng thì tự ti đánh giá thấp mình. Về phía công nhân thì tự ti, chưa thấy hết vai trò làm chủ và có một số tổ thái độ chây lười tự do vô kỷ luật.

Tổ chức Đảng ở một số nơi như mỏ, điện, xây dựng dần dần đã có chuyển vào lãnh đạo sản xuất nhưng không thường xuyên sa

vào vụn vặt, chưa có chế độ cụ thể. Một số nơi như bưu điện, giao thông, lắp máy, đường dây thì vai trò của Đảng chưa được đề cao, chế độ nhất trường thể hiện rất rõ. Do tình hình này trước đây thực tế mọi công tác lớn và quan trọng trong xí nghiệp đều do giám đốc hoặc quản đốc quyết định hoặc nếu giám đốc và quản đốc có thông qua lãnh đạo của Đảng cũng chỉ là để biết, tổ chức đảng mới chỉ làm nhiệm vụ giám đốc sản xuất, làm công tác chính trị và công tác tư tưởng đối với đảng viên và công nhân, do đó tổ chức đảng trong các xí nghiệp vừa qua trước khi vào phát động chưa thật quan tâm và đi sâu vào lãnh đạo sản xuất, giữa lãnh đạo chính trị và kinh tế còn tách rời và cũng từ điểm này hiện tượng độc đoán mệnh lệnh, tình hình kém đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng, giữa quần chúng công nhân với lãnh đạo và giữa các tổ chức có nhiều. Phổ biến nhất là sự lãnh đạo tập thể trong Đảng ủy, chi ủy chưa được tăng cường đúng mức.

Tổ chức công đoàn và thanh niên hoạt động chưa theo đúng nhiệm vụ, chạy theo những việc vụn, không tập trung được mọi hoạt động vào nhiệm vụ trung tâm là quản lý xí nghiệp, đẩy mạnh sản xuất.

Tình hình trên đã đưa lại kết quả trong việc quản lý xí nghiệp vừa qua khả năng tiềm tàng của xí nghiệp chưa được phát huy, từng nơi và từng lúc đã dễ xảy ra những khuyết điểm nghiêm trọng, làm cho vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng ở xí nghiệp còn bị lu mờ, ảnh hưởng không tốt đối với việc nâng cao tính Đảng của đảng viên, làm cho tình trạng vô trách nhiệm trong việc quản lý xí nghiệp lan rộng, chưa phát huy hết tác dụng của công nhân và các tổ chức quần chúng, mâu thuẫn giữa lãnh đạo và quần chúng hoặc giữa lãnh đạo với nhau có lúc bị căng thẳng.

Qua ba bước của cuộc phát động, chế độ quản lý mới dần dần được thực hiện và đến nay đã thu được kết quả tốt. Song quá trình áp dụng chế độ quản lý mới không phải là một chuyện dễ dàng mà là một cuộc đấu tranh gay go trên quan điểm cũng như trong áp

dụng thực tế. Bước 1 và bước 2 chủ yếu là đấu tranh trong nội bộ lãnh đạo, bước đầu áp dụng trong một số vấn đề và đến bước 3 thì chế độ quản lý mới này được thực hiện toàn diện hơn.

Về vai trò lãnh đạo của Đảng hiện nay đã được xác định rõ ràng hơn, chẳng những trong nội bộ Đảng mà còn được xác định trong các tổ chức chuyên môn công đoàn, thanh niên. Hiện nay Đảng ủy, và chi ủy đã lãnh đạo mọi mặt công tác trong xí nghiệp, đã thảo luận và quyết định những chủ trương công tác lớn và quan trọng về mọi mặt hành chính, sản xuất, công đoàn, thanh niên, Đảng ủy. Đảng đã thấy nhiệm vụ lãnh đạo sản xuất trong xí nghiệp là nhiệm vụ căn bản của mình, bước đầu đã hướng được mọi mặt công tác trong xí nghiệp, công trường nhằm bảo đảm hoàn thành kế hoạch sản xuất của cơ sở. Sự lãnh đạo của Đảng không những thể hiện ở trên mà dần dần đã ăn sâu xuống các chi ủy, các tổ chức đảng. Các đảng viên cũng đã thấy vai trò và trách nhiệm hơn trước.

Vai trò phụ trách của giám đốc và chỉ huy cũng đã được xác định cụ thể hơn, đã nhận thức được chẳng những mình phải phụ trách trước cơ quan nhà nước cấp trên mà còn phải phụ trách trước Đảng và trước công nhân ở xí nghiệp. Trước khi quyết định các vấn đề lớn và quan trọng, giám đốc và chỉ huy các xí nghiệp, công trường đã chủ động nghiên cứu và đưa ý kiến ra Đảng ủy quyết định. Trách nhiệm phụ trách trước công nhân đã thể hiện trong việc trao đổi các mặt công tác trong xí nghiệp với ban chấp hành công đoàn mà điều rõ rệt nhất là trong việc báo cáo các công tác quản lý xí nghiệp trước Đại hội công nhân, viên chức vừa qua. Nhìn chung, chế độ phụ trách của thủ trưởng do áp dụng chế độ quản lý mới dần dần được kiện toàn, sự chỉ huy vừa bảo đảm tập trung và dân chủ, uy tín của thủ trưởng được đề cao hơn, quan hệ giữa lãnh đạo với quần chúng đã thể hiện rõ rệt nhất là quan hệ hợp tác, quan hệ đồng chí. Vai trò công nhân tham gia quản lý xí nghiệp từ sau bước 2 nhất là trong bước 3 ngày càng được thực hiện rõ rệt trong việc xây dựng tổ sản xuất mới, trong việc tham

gia quản lý sản xuất hàng ngày trong Đại hội công nhân, viên chức ở các xí nghiệp, công trường vừa qua, lần đầu tiên công nhân, viên chức được thực hiện quyền làm chủ thực sự để giám sát công tác quản lý xí nghiệp của giám đốc, góp ý kiến về mức sản xuất và biện pháp cụ thể để giám đốc nghiên cứu, đồng thời công nhân từ đấu tranh với những khuyết điểm sai lầm của mình và đặt ra trách nhiệm của mỗi người công nhân phải khắc phục, phải thực hiện. Đại hội công nhân, viên chức vừa qua tiến hành tuy còn có những lúng túng nhưng đã thể hiện đại diện cho tiếng nói của toàn thể công nhân, viên chức, kết hợp giữa nguyên tắc tập trung với dân chủ, nguyên tắc một người phụ trách với đồng đẳng quần chúng tham gia quản lý. Nhiều vấn đề được nêu ra nhưng quần chúng tự giải quyết một phần lớn, đưa lên trên còn rất ít. Trong 7 xí nghiệp của công trường, tổng số kiến nghị công nhân đưa lên là 8.620 kiến nghị, đã giải quyết đưa lên trên, các ngành Trung ương là 121 kiến nghị. Ở mỏ apatít có 2.444, giải quyết ở tổ phân xưởng 1.977 kiến nghị, đưa lên nhà máy 440 kiến nghị, đưa lên trên 27 kiến nghị; ở nhà máy điện có 626 kiến nghị giải quyết ở tổ phân xưởng 412, đưa lên nhà máy 207 và đưa lên 7 kiến nghị. Ở xây dựng có 3.127 kiến nghị, giải quyết ở tổ phân xưởng 2.151, đưa lên toàn công trường 925 và đưa lên trên 51 kiến nghị.

Vai trò của công đoàn từ bước 2 nhất là trong bước 3 đã giữ một vai trò quan trọng dưới sự lãnh đạo của Đảng trong việc tổ chức giáo dục động viên quần chúng tham gia công tác quản lý xí nghiệp, giám sát công tác sản xuất thi hành các chế độ, chính sách của chuyên môn và vận động quần chúng tự giải quyết đời sống của mình. Kết quả này đã giải quyết được những nhận thức tư tưởng lệch lạc trước đây như coi thường tổ chức công đoàn, cho tổ chức công đoàn là tổ chức cơm, áo, gạo tiền đơn thuần. Hiện nay tổ chức công đoàn đã dần dần đi vào đúng nhiệm vụ, uy tín của tổ chức được đề cao hơn, các tổ chức khác trong xí nghiệp đều đã thừa nhận thiếu vai trò công đoàn thì không thể động viên được toàn

thể công nhân hương mới, trí tuệ và khả năng tích cực sáng tạo thực hiện các nhiệm vụ của Đảng, của chính quyền từ chỗ này có thể kết luận rằng qua việc thực hiện chế độ quản lý mới công đoàn trong công trường, xí nghiệp xã hội chủ nghĩa phải là trường học giáo dục xã hội chủ nghĩa và là trường học dạy cách quản lý công nghiệp xã hội chủ nghĩa của giai cấp công nhân.

Đoàn thanh niên lao động trong các công trường, xí nghiệp được Đảng chú trọng lãnh đạo từ bước 1, đã phát huy được tác dụng giáo dục và động viên thanh niên thực hiện vai trò nòng cốt, tích cực trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Đảng và chính quyền ở trong xí nghiệp. Trong cuộc phát động vừa qua Đoàn thanh niên đã tỏ rõ khả năng này trong việc động viên công nhân tham gia học tập bước 2, trong giáo dục riêng lứa tuổi thanh niên, trong việc giải quyết các khó khăn trong sản xuất mà điển hình là việc giải quyết máy xúc điện số 2 ở mỏ bị hỏng, cứu xe ô tô bị trôi, trong việc giải quyết khó khăn thi công ngày mưa ở công trường xây dựng, trong việc phát huy khả năng thanh niên tham gia xây dựng tổ sản xuất mới mà cụ thể nhận những việc khó khăn nhất trong 4 quản.

Sự phối hợp hoạt động giữa công đoàn, thanh niên và chuyên môn dưới sự lãnh đạo chung của Đảng ủy, chi ủy có nhiều biểu hiện tốt hơn trước, nhất là quan hệ giữa công đoàn và chuyên môn được cải thiện rõ rệt.

Nói chung thực hiện chế độ quản lý mới đã có những tiến bộ bước đầu. Những điều trên chứng minh rằng tinh thần Nghị quyết 127 của Trung ương và Luật công đoàn mà Quốc hội đã thông qua là đúng đắn, là cần thiết và thích hợp với yêu cầu sản xuất đòi hỏi, với yêu cầu và nguyện vọng của công nhân viên. Chế độ quản lý mới này đã tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong các xí nghiệp, công trường, đã đề cao được ý thức trách nhiệm của thủ trưởng, đã phát huy tác dụng của các tổ chức quần chúng ở các xí nghiệp, công trường và bồi dưỡng tinh thần trách nhiệm, tính tích cực của đảng viên, cán bộ và công nhân.

Hiện nay chế độ quản lý mới này qua cuộc phát động đã được thực hiện nhưng chưa được kiện toàn nên thực tế còn rất nhiều lúng túng, thể hiện cụ thể trong một số vấn đề tồn tại cần được chú ý tiếp tục giải quyết:

- Vai trò lãnh đạo của tập thể Đảng ủy trong các xí nghiệp, công trường đã được tăng cường hơn trước nhưng vẫn còn vấp, tình trạng họp bàn liên miên, có nhiều vấn đề bàn bạc quá cụ thể đi vào nhiều vấn đề sự vụ, thể hiện rằng lãnh đạo tập thể được đề cao hơn trước nhưng cá nhân phụ trách chưa được đề cao đúng đắn, chưa phát huy đầy đủ vai trò của các tổ chức công đoàn và thanh niên, vai trò lãnh đạo của Đảng tương đối thể hiện tốt ở trên Đảng ủy nhưng xuống đến chi ủy và tổ đảng, nhất là tổ đảng nhiều nơi còn lúng túng và chưa thấy hết vai trò, trách nhiệm.

Công tác kiểm tra và lãnh đạo thực hiện tiến hành chưa được chú ý đầy đủ, có lúc còn lỏng lẻo. Các đảng ủy viên, chi ủy viên phần nhiều còn chạy theo việc của mình, nhưng quán xuyên tham gia lãnh đạo chung còn yếu. Vấn đề lớn và quan trọng hiện nay cần giải quyết là nâng cao hơn nữa chất lượng lãnh đạo trong các đảng ủy, chi ủy, kể cả tổ chức đảng để đáp ứng với tình hình phát triển, với yêu cầu đòi hỏi của việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong xí nghiệp, công trường. Một vấn đề nữa cần chú ý là tiếp tục tăng cường ý thức trách nhiệm lãnh đạo của đảng viên. Ngoài những vấn đề trên, các xí nghiệp, công trường hiện nay cũng đang gặp khó khăn trong việc thực hiện chế độ quản lý mới là tình hình một số lớn tổ sản xuất chưa có đảng viên, chi bộ còn bị ghép nhiều. Tình hình này cũng cần đặt ra để định rõ vai trò lãnh đạo cụ thể của chi bộ ghép, của tổ ghép đồng thời tích cực phát triển đảng viên, bố trí lại tổ chức để bảo đảm chế độ quản lý mới này được thực hiện sát đến từng tổ sản xuất.

- Chế độ phụ trách của thủ trưởng như trên đã nhận định so với trước thì được kiện toàn hơn nhưng vừa qua có một số nơi còn thể hiện có lẫn lộn giữa thủ trưởng và bí thư đảng ủy, bí thư chi ủy, có một số nơi còn thể hiện y lại vào Đảng mặc dầu vấn đề đó

thuộc phạm vi và quyền hạn của thủ trưởng phải giải quyết, nhưng có một điều đáng chú ý là ở một số nơi một số đội trưởng, phân xưởng trưởng trong việc thực hiện chế độ phụ trách của mình đã có thiện tượng buông lỏng lãnh đạo, rụt rè sau khi kiểm thảo ở bước 1, việc tổ chức và thi hành Nghị quyết Đại hội công nhân, viên chức của thủ trưởng có tình trạng chậm chạp lúng túng.

- Vai trò công đoàn trong việc thực hiện quản lý dân chủ tuy có tiến bộ nhưng còn rất lúng túng do chưa nắm vững được đầy đủ tình hình sản xuất, kỹ thuật, những mắc mứu cụ thể nên việc hướng dẫn đại hội công nhân, viên chức giải quyết những kiến nghị chưa được sâu, chưa tập trung vào được những vấn đề mấu chốt. Việc tham gia ý kiến vào báo cáo của giám đốc chưa được đầy đủ, nguyên nhân chính là chưa thực hiện được, nắm chắc được những ý kiến của quần chúng đối với tình hình quản lý sản xuất từ dưới tổ trở lên nên sự tham gia ý kiến vẫn ở tình trạng chung chung. Một vấn đề đáng chú ý nữa là sau Đại hội công nhân, viên chức tổ chức công đoàn chưa thật chủ động, giúp đỡ một cách cụ thể để thủ trưởng thi hành tốt Nghị quyết Đại hội công nhân, viên chức. Vấn đề quản lý dân chủ thường xuyên, nhất là hội nghị sản xuất ở tổ, hiện nay giữ một vị trí quan trọng là nơi công nhân thường xuyên tham gia quản lý sản xuất thì tổ công đoàn, công đoàn bộ phận nhiều nơi chưa phát huy được tính chủ động để kịp thời giải quyết các vấn đề khó khăn mắc mứu ở phân xưởng và tổ sản xuất. Cần nghiên cứu để đưa chế độ quản lý dân chủ đi vào thường xuyên, bồi dưỡng cho cán bộ công đoàn từ trên xuống dưới để đảm bảo việc tổ chức và hướng dẫn công nhân, viên chức phát huy được đầy đủ hơn nữa vai trò làm chủ trong sản xuất một cách tích cực, mà trước mắt cần tập trung giải quyết tổ chức thi hành tốt Nghị quyết Đại hội công nhân, viên chức.

- Việc thực hiện ba nguyên tắc quản lý trong việc thực hiện chế độ quản lý mới như trên đã nêu thì việc thực hiện chưa được toàn diện, điều thể hiện rõ rệt nhất là về lãnh đạo chính trị so với trước

đã được tăng cường hơn nhưng việc kết hợp giữa công tác chính trị với công tác kinh tế thì còn yếu biểu hiện các tổ chức đảng, công đoàn, thanh niên chưa thật nắm chặt tình hình sản xuất để có sự chỉ đạo cụ thể đẩy mạnh công tác chính trị cho phù hợp với tình hình sản xuất hoặc thể hiện giữa nguyên tắc kết hợp tập trung với dân chủ thì mặt dân chủ có được đề cao hơn nhưng sự lãnh đạo tập trung có từng nơi và từng lúc chưa được tăng cường đúng mức mà thể hiện rõ rệt nhất có một số cán bộ chuyên môn buông lỏng lãnh đạo làm cho sự chỉ đạo sản xuất có lúc lộn xộn hoặc thể hiện mặt tập thể lãnh đạo có tăng cường hơn nhưng thực hiện cá nhân phụ trách vẫn còn tình trạng sự phân công thiếu cụ thể, từng phần việc của từng người chưa thực hiện đến nơi đến chốn, có lúc còn ỷ lại nhiều vào tập thể. Để khắc phục tình trạng này, các xí nghiệp, công trường cần giải thích một cách đầy đủ hơn, toàn diện hơn không nên nặng mặt nào, nhẹ mặt nào để toàn thể cán bộ, đảng viên, công nhân quán triệt đầy đủ ba nguyên tắc của Trung ương đề ra.

- Song song với những vấn đề trên cần tiếp tục củng cố sự đoàn kết trong nội bộ lãnh đạo của các tổ chức Đảng, công đoàn, thanh niên, chuyên môn, cần tăng cường hơn nữa chất lượng lãnh đạo cho các tổ chức xét cần thiết cần bố trí, bổ sung để đủ người làm việc bảo đảm chế độ quản lý mới được tốt hơn. Cần nghiên cứu lại Nghị quyết 127 của Trung ương và tinh thần nghị định Luật công đoàn để giải quyết tiếp tục những mắc mứu trong việc thực hiện chế độ quản lý mới để nhanh chóng đưa chế độ quản lý mới này đi vào thường xuyên nền nếp.

IV. VẤN ĐỀ CẢI TIẾN TỔ CHỨC VÀ THỂ LỆ CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ SẢN XUẤT

Vấn đề cải tiến tổ chức và thể lệ chế độ quản lý sản xuất là một trong những yêu cầu cơ bản của cuộc phát động. Nhưng vấn

đề này rất phức tạp, phải cải tiến không ngừng, cho nên trong cuộc phát động này chỉ có thể cải tiến một bước. Trong nghị quyết phát động của Trung ương có nói: "Bước đầu cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp về mặt chính trị đồng thời bước đầu cải tiến chế độ quản lý sản xuất". Cụ thể là: "Trên cơ sở quán triệt nội dung chính trị và tư tưởng chế độ quản lý mới mà nâng cao thêm một bước trình độ quản lý xí nghiệp bằng cách cải tiến và xây dựng các thể lệ, quy tắc về nghiệp vụ, kỹ thuật để phát huy mạnh mẽ lực lượng lao động và công suất thiết bị máy móc, nâng cao hiệu suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong xí nghiệp".

Để thực hiện yêu cầu trên, kế hoạch bước 3 đã đề ra nội dung cụ thể là: Xây dựng các tổ chức quản lý sản xuất, thực hiện chế độ cán bộ tham gia lao động, bước đầu cải tiến thể chế và bộ máy chuyên môn trong xí nghiệp, cải tiến việc xây dựng kế hoạch theo đường lối quần chúng.

Thực hiện yêu cầu trên, nhận xét việc thực hiện chúng ta thấy:

- Các xí nghiệp, công trường đã xây dựng xong các tổ chức quản lý sản xuất mới theo tính chất vừa sản xuất vừa quản lý. Trước phát động, trên thực tế các xí nghiệp muốn tiến hành nhiệm vụ sản xuất của mình đều đã tổ chức ra những đơn vị sản xuất từ lớn đến nhỏ thành một hệ thống dây chuyền sản xuất. Đơn vị sản xuất cuối cùng trong dây chuyền sản xuất là tổ sản xuất. Nhưng đi sâu vào các tổ sản xuất cũ chúng ta đều thấy các tổ đó chỉ là những đơn vị chỉ biết sản xuất đơn thuần, tập thể tổ và cá nhân tổ trưởng trong tiến hành sản xuất chưa đề cao được chế độ cộng đồng trách nhiệm và hợp tác chặt chẽ nên công nhân chỉ biết làm nhiệm vụ sản xuất của mình, ít quan tâm đến việc tham gia quản lý chung, mọi công việc từ nhỏ đến lớn, trong tổ đều phó mặc cho tổ trưởng. Ngược lại tổ trưởng cũng chỉ hoay hoay với nhiệm vụ của mình, chưa thật tranh thủ được sự tham gia xây dựng tập thể của công nhân trong tổ. Trong cuộc phát động này đã xây dựng được

hàng loạt tổ sản xuất trong một thời gian ngắn, đó là một sự biến chuyển lớn về mặt cải tiến tổ chức lao động. Tổng số tổ sản xuất mới được xây dựng có 251 tổ sản xuất.

Quá trình tiến hành xây dựng tổ sản xuất mới trên cơ sở tư tưởng công nhân được phát động cũng có những thuận lợi song vẫn thể hiện là một cuộc đấu tranh tư tưởng khá gay go, trong thực tế giữa tư tưởng bảo thủ, chậm tiến, cục bộ với tư tưởng tiến bộ, tập thể và thực sự tin tưởng vào công nhân. Đến nay các tổ sản xuất mới đã có một tác dụng rất lớn không những chủ động trong sản xuất dù rằng kết quả này mới chỉ là kết quả bước đầu. Tổ sản xuất mới rất phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của đại đa số quần chúng công nhân, thể hiện được tính chất hợp tác sản xuất xã hội chủ nghĩa, đề cao vai trò làm chủ xí nghiệp trong sản xuất hàng ngày của công nhân, cải thiện được mối quan hệ giữa quản lý sản xuất, giữa lãnh đạo và công nhân, hoàn chỉnh thêm một bước quan hệ sản xuất trong xí nghiệp xã hội chủ nghĩa đưa năng suất lao động lên cao hơn trước. Do việc công nhân tham gia quản lý, hàng nghìn phần tử tích cực xuất hiện trong các tổ sản xuất, đang được tập dượt công việc quản lý cho nên cũng có thể nói rằng tổ sản xuất mới là nơi bồi dưỡng trình độ quản lý công nghiệp cho công nhân. Về mức độ quản lý thì có nơi nhận 5 quản như Mỏ, Bưu điện, Nhà máy Điện (chưa phải là hầu hết các tổ mà mới có một số tổ), còn đại bộ phận nhận 4 quản và ngay từng mặt quản thì cũng có nơi cao, nơi thấp (các xí nghiệp công nghiệp thì cao hơn các xí nghiệp xây dựng, kết quả hoạt động của tổ sản xuất có nhiều tiến bộ, các tổ viên thấy rõ hơn vai trò làm chủ không còn đóng vai thụ động bảo đầu làm đấy, thái độ lao động chuyển biến rõ ràng và tinh thần đoàn kết tương trợ lên cao hơn trước, sinh hoạt sản xuất và chính trị đã đi vào đấu tranh tư tưởng, giải quyết phương pháp làm việc bất hợp lý, giải quyết những vấn đề làm tổn hại đến sản xuất. Một số tổ (...) trong bước đầu học tập như ở Nhà máy Điện tiện bu lông tăng năng suất 240%, tổ rèn mang cá từ 40 cái phải 2

người làm nay 5 người làm được 400 cái, tổ ô tô ở giao thông trước đây không đặt kế hoạch nay sau khi thành lập các kế hoạch đều tăng thấp nhất là 14%, cao nhất 96%. Ở lắp máy, tổ ống là tổ kém nhất trước đây phải phân công đồng chí trong ban chỉ huy đi kèm cặp nay đã trở thành khá, năng suất kế hoạch tăng 3% và riêng tháng 12 vừa qua đã hoàn thành kế hoạch trước 6 ngày, tổ cơ khí vượt 7%. Ở bưu điện anh chị em điện tuyến ngày đêm bảo vệ đường dây đã có đồng chí nói dù chúng tôi có phải làm luôn 15 ngày trên mặt đường cũng được, miễn sao bảo đảm liên lạc được đều đặn, hoặc ở bộ phận phát hành mặc dầu 7 giờ tối tàu mới lên nhưng ngay sau đó báo cũng phân phối tận tay người đọc, ở Mỏ apatít công suất sử dụng máy có nhiều tiến bộ như máy xúc RYT tháng 1-1959 xúc 136 tấn giờ, cuối tháng 11-1959 lên 222 tấn giờ và máy xúc Đ.500 đầu quý III là 112 tấn giờ, tháng 11-1959 lên 117 tấn giờ, ô tô gầu trong quý I trung bình là 19 chuyến 1/2, sang tháng 11-1959 trung bình lên 23 chuyến 1/2, cơ khí trước rên lười máy gặt mất 104 giờ nay chỉ mất có 24 giờ.

So với yêu cầu đề ra thì kết quả đạt tương đối tốt nhưng vì thời gian chỉ đạo quá ngắn, vừa xây dựng thành hình đã đi vào hoạt động, lúc đầu phạm vi sự giúp đỡ và chỉ đạo còn nhiều, sau diện tổ sản xuất mở rộng thì sự giúp đỡ và chỉ đạo được ít lại chưa có người chuyên trách theo dõi, đúc rút kinh nghiệm tiến hành bồi dưỡng về từng mặt nghiệp vụ quản lý tốt nên hiện nay về trình độ quản lý đã làm được việc xây dựng kế hoạch, quản lý nhân lực, bảo quản nguyên vật liệu dụng cụ nhưng theo dõi thực hiện kế hoạch vào quản lý kỹ thuật, nhất là những nơi tính toán giá thành thì còn rất lúng túng, về sinh hoạt có nơi làm được đều nhưng cũng có nơi thực hiện chưa đều đặn nhất là ở những tổ phải làm ca kíp và tổ viên phân tán. Một điều đáng chú ý nhiều tổ sản xuất hiện nay chẳng những gặp khó khăn lúng túng về phương pháp quản lý mà còn cả về nguyên vật liệu, dụng cụ nên tình trạng cục bộ giữa các tổ đã nảy nở. Tổ chức chính trị bên

cạnh tổ sản xuất mới hoạt động cũng trong tình trạng bỏ ngõ, sự chỉ đạo của chuyên môn cũng chưa được cải tiến mấy, nhất là việc nắm chặt và chỉ đạo cụ thể tổ sản xuất. Tình hình trên trong các xí nghiệp, công trường đã có tình trạng có lúc dây chuyền sản xuất hoạt động chưa nhịp nhàng cân đối, chỉ đạo sản xuất có thời gian bị chuệch choạc. Tình hình trên cần phải tiếp tục nghiên cứu để giải quyết, nhất là vấn đề cải tiến chỉ đạo đi thật sâu, thật sát xuống tổ sản xuất, đồng thời bồi dưỡng từng mặt nghiệp vụ cho các nhóm quản, cho các tổ sản xuất. Cần tiếp tục chỉ đạo điển hình có rút kinh nghiệm để đưa dần các tổ kém, trung bình lên tổ tiên tiến. Cũng cần nghiên cứu tình hình tổ sản xuất ở lắp máy hiện nay quá đông tổ sản xuất ở ô tô đang bị phân tán để có kế hoạch chấn chỉnh cho hoạt động tốt hơn, nghiên cứu lại mức độ quản lý cho thích hợp. Về mặt tư tưởng cần phải xác định rõ công nhân tham gia quản lý chủ yếu là để phát huy vai trò, tích cực sáng tạo của công nhân, đảng viên, phát huy những khả năng tiềm tàng trong sản xuất, không nên hiểu đơn thuần công nhân tham gia quản lý là ấn thêm việc quá nhiều như số đông các cơ sở hiện nay tình trạng giao thêm việc quá sức, chưa phù hợp với trình độ của công nhân gây ra nhiều khó khăn lúng túng.

- Các xí nghiệp, công trường quốc doanh ta là những cơ sở phát động đi sau cho nên khi tỉnh chúng ta tiến hành phát động thì các ngành, các bộ cấp trên đã tiến hành cải tiến một số bất hợp lý mà xí nghiệp đi trước đã phát hiện. Cho nên phương hướng cải tiến thể lệ chế độ là áp dụng những điểm sửa đổi của ngành dọc chuyên môn cấp trên đưa về, đồng thời nghiên cứu sửa đổi những bất hợp lý trực tiếp cản trở sản xuất trong nội bộ xí nghiệp. Thể lệ chế độ có nhiều vấn đề phức tạp vì xí nghiệp, công trường có nhiều mặt nghiệp vụ, cán bộ và công nhân chưa quán triệt đầy đủ, thể chế luôn luôn thay đổi, mẫu biểu nhiều lại giẫm chân lên nhau, phân cấp quản lý không rõ ràng. Việc cải tiến thể chế vừa qua là phân công phân nhiệm rõ ràng hơn,

giao rộng quyền quản lý cho các tổ sản xuất, các phân xưởng về mặt quản lý kế hoạch, lao động cấp phát vật liệu, kiểm tra kỹ thuật và bước đầu có nơi phân cấp giá thành. Những thủ tục không hợp lý, mẫu biểu nhiều, thống kê phức tạp, công việc giải quyết chậm trễ, chế độ kiểm soát nhiều vòng bước đầu đã được giải quyết một phần nên tình trạng quan liêu giấy tờ, công tác sản xuất đã đỡ hơn trước.

Nhưng vấn đề cải tiến thể lệ chế độ so với các mặt khác thì còn yếu. Sau đại hội công nhân, viên chức tuy đã xây dựng với những văn bản cụ thể nhưng thực tế áp dụng còn chậm trễ, mặt khác vấn đề xây dựng mới cho thích hợp với tình hình quản lý xí nghiệp các cơ sở còn làm được ít nhất là những thể lệ chế độ về quy tắc quy trình kỹ thuật, định mức, định tiêu chuẩn kỹ thuật, sử dụng nguyên vật liệu. Tình hình cải tiến thể chế giữa các cơ sở làm được cũng chưa đều nhau, có nơi làm được nhiều như Mỏ, Điện, Bưu điện, còn các nơi khác ở mức độ thấp. Một số vấn đề nữa chúng ta cũng cần quan tâm sắp tới là phải tiếp tục giáo dục công nhân và tổ chức việc thực hiện cho tốt để việc chấp hành thể lệ chế độ đi vào đúng nguyên tắc, nhất là chế độ thỉnh thị chế độ báo cáo đồng thời tiếp tục phát hiện những bất hợp lý để tiếp tục cải tiến.

- Về bộ máy chuyên môn, qua phát động cải tiến quản lý xí nghiệp đã tiến hành bước đầu cải tiến tổ chức được hợp lý hơn, thích hợp với yêu cầu và nhiệm vụ sản xuất. Nhưng chú ý vừa qua là mỗi ban bộ máy và định rõ nội dung quyền hạn, nhiệm vụ và lề lối làm việc để phục vụ đắc lực cho sự chỉ đạo sản xuất của giám đốc, trưởng ty. Ngoài ra các xí nghiệp cũng đã phát hiện đề nghị ngành dọc chuyên môn giải quyết những bất hợp lý về tổ chức, đề nghị bổ sung thêm cán bộ. Một số nơi đã chia lại các phân xưởng, các đội như Địa chất sáp nhập một bộ phận như Điện và Bưu điện hoặc bỏ một số cấp trung gian như Bưu điện, Giao thông, Lắp máy.

Nhưng so với yêu cầu của Trung ương đề ra thì yêu cầu này đạt còn rất thấp nên trước tình hình phát triển của nhiệm vụ sản xuất và tình hình tiến triển của quần chúng trong việc tham gia quản lý xí nghiệp, công trường, cần nghiên cứu để tiếp tục xây dựng bộ máy chuyên môn cả về mặt hệ thống tổ chức, về mặt bố trí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để phù hợp với tình hình sản xuất đang phát triển; chú trọng nâng cao chất lượng trình độ nghiệp vụ quản lý cho cán bộ nhưng đồng thời hết sức tránh việc xây dựng bộ máy quá công kênh; ở một số nơi thiếu cán bộ hoặc một số cán bộ lãnh đạo không đảm nhiệm công việc hiện nay cần nghiên cứu đề bạt bổ sung thay thế.

- Đi đôi với vấn đề cải tiến bộ máy chuyên môn đã thực hiện chế độ cán bộ tham gia lao động. Nói chung vấn đề này các xí nghiệp đã thực hiện từ lâu nhưng quan niệm chưa được thật đúng, phần nhiều cho rằng tham gia lao động để cải tạo tư tưởng hoặc để giải quyết nhân công nên tác dụng tham gia lao động còn tách rời quần chúng sản xuất, không giúp đỡ được mấy vấn đề cải tiến sản xuất, cải tiến lãnh đạo. Qua phát động quan niệm này đã được chấn chỉnh nhưng tổ chức việc thực hiện so với trước chưa tiến bộ mấy do tình hình công việc nhiều nên việc tham gia lao động chưa được thường xuyên. Cần tiếp tục có kế hoạch để cho việc tham gia lao động đi vào thường xuyên và đúng yêu cầu hơn.

- Vấn đề dân chủ hóa kế hoạch trước phát động nói chung là kém, mắc mứu nhiều do cán bộ chuyên môn chưa được nâng cao về quan điểm quần chúng nên kế hoạch tuy có báo cáo với quần chúng nhưng cũng chỉ là hình thức, chưa tạo điều kiện để quần chúng tham gia xây dựng tốt, kiến nghị của quần chúng đưa lên để giải quyết phần nhiều chậm trễ hoặc không được nghiên cứu giải quyết đúng đắn. Về phía công nhân, tư tưởng làm chủ chưa được phát động nên nhiệt tình của công nhân tham gia xây dựng kế hoạch chưa được đề cao. Mức độ dân chủ hóa kế hoạch

thường thường chỉ đến cán bộ trung gian là tắc, thậm chí có nơi xây dựng kế hoạch một đường, báo cáo một nẻo nên công nhân đã phải phát biểu là "kế hoạch ma, kế hoạch giấy" hoặc khi cấp phát chi tiêu, cán bộ Ngân hàng Kiến thiết đã phải nói: "đối với đơn vị khác thì dứt khoát không được nhưng đơn vị đồng chí thì linh động" (Giao thông).

- Sau khi học tập và kiểm thảo bước 1 bước đầu nhiều cơ sở đã có chuyển biến và đến nay kế hoạch đã dần dần xuống tới công nhân. Đáng chú ý trong bước 3 sau khi quần chúng được phát động tư tưởng, đã tiến hành xây dựng kế hoạch trong các cuộc Đại hội công nhân, viên chức và Hội nghị sản xuất ở tổ. Kết quả quần chúng đã tham gia được rất nhiều kiến nghị, quần chúng đã tự đấu tranh giữa tư tưởng chậm tiến và tiên tiến, phát huy ý thức làm chủ và tính tích cực sáng tạo nên mức kế hoạch đều được nâng lên, các chỉ tiêu được chỉnh lý hợp lý hơn.

Kết quả của việc xây dựng kế hoạch và phát huy ý thức làm chủ của người công nhân có một ý nghĩa rất lớn làm cho toàn thể công nhân thấy rằng kế hoạch của Nhà nước, của phân xưởng, của tổ là của bản thân họ, làm cho công nhân thấy rõ được mục tiêu phấn đấu cụ thể, giải quyết được tình trạng mặc cả như trước đây còn mắc. Chính vì vậy ảnh hưởng của cuộc phát động cải tiến quản lý xí nghiệp, do tư tưởng quần chúng được phát động, do việc cải tiến sản xuất nên trong 8 cơ sở đều đã đạt được những thành tích rất lớn trong đó có 3 đơn vị được huân chương và các đơn vị khác đều được Chính phủ hoặc ngành dọc chuyên môn khen thưởng.

Mỏ apatít thực hiện kế hoạch toàn năm vượt trước 72 ngày, hoàn thành kế hoạch bổ sung trước 15 ngày. Giá trị tổng sản lượng vượt 8,6% kế hoạch, tăng hơn năm 1958 là 44,2%, giá thành giảm 12,85% so với kế hoạch. Đoàn Địa chất thì kế hoạch về trữ lượng định 3 triệu tấn đạt 5 triệu tấn rưỡi, khoan vượt 30%, hào vượt 8%, năng suất lao động trung bình tăng 16,5%. Công trường xây dựng

toàn năm vượt 14,44% trước 31 ngày. Quý II trước phát động chỉ đạt 87,4%, nhưng từ quý III là quý đi vào phát động mặc dầu gặp rất nhiều khó khăn về mùa mưa đã vượt kế hoạch 27,57%, quý IV vượt 24,26%. Năng suất lao động vượt toàn năm là 7,52%. Nhà máy Điện tuy không vượt kế hoạch vì khó khăn về tiêu thụ nhưng sản xuất được đều đặn, nhà máy bảo đảm an toàn không để xảy ra sự cố như 6 tháng đầu năm có 6 sự cố cuối năm không có. Công trường lắp máy vượt kế hoạch xây dựng đường dây 5 ngày hạ giá thành 3,3%, lắp lại máy xúc trọng lượng 360 tấn vượt kế hoạch 27 ngày, hạ giá thành 24%, toàn bộ vượt giá trị sản lượng 7%. Ty Giao thông làm xong 2 cầu treo trước thời hạn 25 ngày, làm đường thông xe Mường Khương trước 4 ngày, vận chuyển ô tô từ 50 tấn đạt 98 tấn trở hàng vượt 48%, v.v.. Ty Bưu điện sau Đại hội công nhân, viên chức đã có nhiều biện pháp mở rộng mạng lưới phục vụ, nâng cao chất lượng nên đáng nhẽ không đạt kế hoạch toàn năm nhưng đã vượt kế hoạch trước 8 ngày, toàn bộ vượt 1,5% bảo đảm chất lượng tốt hơn như điện báo đi 6 tháng đầu năm chậm 3,6% đến tháng 11-1959 xuống 1,08%, điện báo đến từ 2,64% xuống 1,14%, điện thoại đường dài từ 2,62% xuống 0,81%, điện thoại nội hạt chậm từ 60 vụ xuống 10 vụ.

Nói chung kết quả cải tiến tổ chức quản lý sản xuất và thể lệ chế độ trong cuộc phát động đã đạt được những kết quả tốt tuy mới chỉ là bước đầu và ở mức độ nhất định. Điều đó khẳng định rằng cuộc phát động không làm ảnh hưởng đến sản xuất mặc dầu thời gian có kéo dài mà đã có tác dụng thực tế là đẩy mạnh được sản xuất. Tuy nhiên tốc độ phát triển sản xuất còn bị hạn chế do trình độ quản lý về tổ chức, kỹ thuật, nghiệp vụ chưa đáp ứng với yêu cầu phát triển của sản xuất. Từng xí nghiệp, công trường cần nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ kế hoạch lên một bước nữa bảo đảm kế hoạch của xí nghiệp được cân đối, toàn diện, nâng cao trình độ quản lý bảo đảm tập trung chính xác đi vào cụ thể, nâng cao công suất máy, hiệu suất lao động bình quân để bảo đảm

dây chuyền sản xuất liên tục đặc biệt phải có biện pháp cụ thể để chống lãng phí, tham ô, nhất là tình trạng lãng phí trong các công trường xây dựng cơ bản. Mặt khác từng xí nghiệp các bộ, ngành các cấp trên quan tâm tích cực giải quyết nhất là vấn đề cung cấp thiết bị nguyên vật liệu.

V. XÂY DỰNG TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ TỔ CHỨC QUẦN CHÚNG

Công tác xây dựng Đảng được đặt thành một vấn đề quan trọng quán triệt trong toàn bộ các bước đi của cuộc phát động. Kết quả đến nay công tác kiện toàn tổ chức đã thu được kết quả tương đối tốt, nhất là về mặt tư tưởng.

- Vấn đề xây dựng Đảng trong cuộc phát động đã thu hoạch được những kết quả lớn về mặt củng cố tư tưởng, phát triển thêm số lượng, kiện toàn một bước về tổ chức và lề lối lãnh đạo. Qua giáo dục và kiểm thảo trong bước 1, qua học tập với quần chúng và tiếp tục đấu tranh trong sinh hoạt thường xuyên, trong việc học tập lịch sử Đảng và củng cố Đảng ở bước 4, chất lượng của đảng viên được nâng cao rõ rệt, nhất là về mặt lập trường giai cấp, quan điểm quần chúng, ý thức tổ chức và kỷ luật, do đó đảng viên trong thực tế vừa qua đã đề cao được hơn trước về tinh thần trách nhiệm, ý thức lãnh đạo, tinh thần phê bình và tự phê bình đấu tranh nội bộ được tăng cường hơn. Gần đây sự sinh hoạt đấu tranh trong chi bộ, trong tổ chức đảng được thường xuyên hơn, kết quả đã tiếp tục giải quyết được nhiều tư tưởng còn tồn tại trong bước 1. Trong không khí đấu tranh cởi mở có đồng chí đảng viên đã nói: "trong đời mình chưa bao giờ được thường xuyên giúp đỡ để cùng tiến bộ như thế này". Ngoài ra chúng ta còn tiến hành vận động quần chúng rộng rãi tham gia xây dựng Đảng qua các cuộc phê bình và kiểm thảo đã làm cho sự gắn bó giữa Đảng và quần chúng càng mật thiết. Qua cuộc phát động, sự chuyển biến trong đảng viên tiến bộ nhất nhưng cũng còn một số đảng viên

còn chậm tiến, tư tưởng cá nhân chủ nghĩa vẫn còn nhiều nên vai trò và tác dụng trong quần chúng đối với đảng viên này bị giảm rất nhiều. Theo thống kê thì:

Tên các đơn vị	Trước phát động				Sau phát động			
	Tốt	Trung bình	Kém	Quá kém	Tốt	Trung bình	Kém	Quá kém
Máy điện	25	21	3	1	35	25	3	0
Xây dựng	35	34	3	0	69	21	3	0
Địa chất	16	7	3	1	22	4	3	1
Lắp máy	7	15	1	1	9	11	0	1
Đường dây	13	10	1	0	6	7	0	0
Bưu điện	9	3	0	0	11	4	0	0
Mỏ apatít	50	28	5	4	111	54	10	0
Giao thông	4	4	2	0	6	6	0	0
Cộng	159	123	18	7	269	132	19	2

Một thu hoạch lớn đáng chú ý là đã phát triển được 113 đảng viên mới, so với số đảng viên phát triển từ khi có chỉ thị đến nay đến ngày được phát động chỉ được 42 người, số đảng viên mới phần nhiều là công nhân biểu hiện rất tốt rất có tác dụng nên đã làm cho Đảng ở xí nghiệp, công trường dần dần bắt rễ ăn sâu vào quần chúng công nhân và làm cho sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường hơn. Tỷ lệ số đảng viên trực tiếp sản xuất dần dần nhiều hơn. Đặc biệt một số nơi đã kết nạp đảng viên trong phụ nữ làm cho chị em vô cùng phấn khởi (xây dựng 6, mỏ 2, máy điện 1). Về mức độ phát triển nói chung là chậm, có chuyển biến tích cực hơn từ khi có Chỉ thị 6-1. Cơ sở làm khá nhất, thường xuyên nhất trong việc bồi dưỡng quản lý phân tử tích cực và phát triển Đảng là công trường xây dựng. Trong một số đảng viên mới cần thấy một điều là đại bộ phận là công nhân trẻ tuổi, là đoàn viên thanh niên lao

động nên cũng làm cho Đảng bộ các xí nghiệp, công trường thêm sức mạnh nhưng cần chú trọng bồi dưỡng thêm và giác ngộ giai cấp, giác ngộ chủ nghĩa cộng sản. Cơ sở của Đảng trong các tổ sản xuất nhiều nơi còn có rất ít nhưng nhìn chung đại bộ phận thì số tổ sản xuất chưa có đảng viên còn rất nhiều: Mỏ apatít trong 106 tổ thì 67 tổ chưa có đảng viên, máy điện 22 tổ thì 10 tổ không có đảng viên, lắp máy 8 tổ thì 3 tổ không có đảng viên, địa chất 25 tổ thì 17 tổ chưa có đảng viên, giao thông 6 tổ thì 4 tổ không có đảng viên, xây dựng 73 tổ thì 44 tổ chưa có đảng viên. Nguyên nhân của việc phát triển chậm là hiện tượng hẹp hòi vẫn còn khá phổ biến trong các xí nghiệp, công trường, vẫn còn trách nhiệm của đảng viên đối với việc tuyên truyền bồi dưỡng phần tử tích cực để đi tới phát triển Đảng chưa thật sự đề cao. Những hiện tượng ấy đã có thể hiện tuy chưa có trong phát triển Đảng mà phần nhiều trong việc sắp xếp phần tử tích cực đối tượng cho đi học.

Các đảng ủy và chi ủy qua cuộc phát động cũng được kiện toàn về chất lượng và số lượng, đã được bồi dưỡng trong thực tế nên đã trưởng thành một bước, bước đầu đã có những chuyển biến nhận thức về trách nhiệm lãnh đạo của cấp ủy, nền nếp sinh hoạt, tác phong lãnh đạo đã dần dần đi sâu vào sản xuất quần chúng, khắc phục được tốt tình trạng thiếu tập thể và thiếu thống nhất lãnh đạo, quan hệ giữa đảng viên và cấp ủy được tốt hơn trước. Mặt khác hệ thống tổ chức của Đảng cũng được chấn chỉnh dần dần phù hợp với hệ thống chuyên môn nên so với trước sự lãnh đạo của Đảng được sâu và chặt hơn.

Tuy nhiên, so với yêu cầu tiến triển của đảng viên và quần chúng, với trách nhiệm lãnh đạo toàn diện theo chế độ quản lý mới, cần tăng cường hơn nữa trách nhiệm của lãnh đạo về chất lượng, nhất là về trình độ lý luận, trình độ quản lý công nghiệp. Một số chi ủy, tổ đảng còn quá yếu cần được giúp đỡ. Riêng đối với một số nơi còn có chi bộ và tổ đảng ghép, cần phát triển mạnh hơn nữa đảng viên và qua thời gian dự bị của đảng viên được lên chính

thức, cần tổ chức lại chi bộ đảng và tổ đảng cho thích hợp với tổ chức chuyên môn và tổ chức quần chúng. Về mặt sinh hoạt Đảng, cần chấn chỉnh đi vào nội dung theo trách nhiệm mà chế độ quản lý mới đã quy định, tránh tình trạng họp thất thường, giải quyết những vấn đề vụn vặt. Cần đẩy mạnh hơn nữa công tác phát triển Đảng trong một thời gian ngắn sắp tới các tổ sản xuất đều có đảng viên. Riêng đối với hệ thống tổ chức đảng ở Bưu điện đề nghị trên cho quyết định chính thức càng sớm càng tốt để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng sau phát động.

- Đối với việc xây dựng, củng cố các tổ chức quần chúng trong xí nghiệp mà cụ thể là tổ chức công đoàn và đoàn thanh niên lao động đã được các Đảng ủy chú ý củng cố qua từng bước phát động đã trưởng thành lên một bước, do đó các tổ chức quần chúng đã phát huy được vai trò tích cực trong việc vận động quần chúng thực hiện tốt mục đích, yêu cầu, nội dung của cuộc phát động. Một vấn đề lớn nhất là toàn thể cán bộ, đảng viên cũng như quần chúng trong cuộc phát động vừa qua do được học Nghị quyết 127 của Trung ương và Luật công đoàn nên nhận thức đối với tổ chức quần chúng về vai trò và trách nhiệm của 2 tổ chức quần chúng này được đúng đắn hơn, khắc phục dần dần những nhận thức lệch lạc đánh giá thấp vai trò và tác dụng của quần chúng, nâng cao hơn ý thức xây dựng, tổ chức đặc biệt là qua học tập bước 1, các cấp ủy, cán bộ, đảng viên đã kiểm thảo những nhận thức và hành động sai lầm đối với tổ chức nên sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức quần chúng từ đó có chuyển biến rõ ràng hơn.

Các ban chấp hành Công đoàn và Đoàn Thanh niên lao động cũng được chấn chỉnh, tăng cường hơn về số lượng cũng như về chất lượng và qua hoạt động thực tế bước 2, bước 3 đã được bồi dưỡng về những công tác cụ thể. Đáng chú ý nhất là song song với việc xây dựng tổ sản xuất mới, nhiều cán bộ tổ trưởng công đoàn và phân đoàn thanh niên lao động được quần chúng cử ra kỳ này đã được Đảng chú ý lãnh đạo, bồi dưỡng và tổ ra hoạt động tương

đối tốt nhất là trong dịp tiến hành công tác giáo dục bước 2 và trong việc xây dựng Đại hội công nhân, viên chức bước 3. Từ những hoạt động thực tế có những kết quả, uy tín của 2 tổ chức quần chúng này đã được đề cao hơn, quần chúng tỏ ra tin tưởng hơn, do đó hàng ngũ của 2 tổ chức này đã được phát triển. Về công đoàn đã phát triển được 910 đoàn viên và thanh niên lao động 129 đoàn viên. Sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức quần chúng cũng đã có những chuyển biến tốt, bước đầu cũng đã có những chủ trương dần dần cụ thể để hướng các tổ chức quần chúng này vào được nhiệm vụ trung tâm của xí nghiệp, để tăng cường thêm các đảng viên vào hoạt động trong các tổ chức quần chúng, đã chú ý kiểm tra và uốn nắn trong công tác.

Nói chung, vai trò và trách nhiệm của các tổ chức quần chúng đã được rõ rệt hơn, hoạt động của các tổ chức quần chúng bước đầu đã có những biểu hiện tốt và trên cơ sở này sẽ là chỗ dựa tốt, chắc chắn của Đảng và chính quyền trong xí nghiệp. Nhưng so với yêu cầu nhiệm vụ lớn lao như vậy, việc củng cố các tổ chức quần chúng cần phải được tiếp tục một cách tích cực hơn. Phải chú trọng thường xuyên bồi dưỡng ý thức xây dựng tổ chức quần chúng trở thành một ý thức thường trực trong tất cả mọi người mà hầu hết là trong cán bộ và đảng viên, phải đẩy mạnh công tác phát triển đoàn viên nhất là ở những cơ sở lớn như Mỏ, Xây dựng, Địa chất. Để bảo đảm đủ khả năng hoạt động cần nghiên cứu bổ sung cho thích đáng hàng ngũ cán bộ của công đoàn và thanh niên về số lượng cũng như chất lượng, tránh tình trạng quá chênh lệch về trình độ so với cán bộ chuyên môn; thường xuyên bồi dưỡng về tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình công tác cũng như trình độ và phương pháp lãnh đạo cho cán bộ của hai tổ chức công đoàn và đoàn thanh niên, nhất là ở các bộ phận, các tổ công đoàn, phân đoàn thanh niên. Đề nghị trên nghiên cứu giải quyết chế độ cán bộ thoát ly, giờ giấc hoạt động cho đoàn thanh niên lao động đồng thời các Đảng ủy cần lãnh đạo, chuyên môn thi hành đúng chế độ thoát ly, giờ

giác hoạt động của cán bộ công đoàn theo tinh thần nghị định Luật công đoàn đã quy định.

- Ngoài những vấn đề trên, sau cuộc phát động các xí nghiệp, công trường đang tiến hành xây dựng nội quy chế độ trách nhiệm công tác, cần nghiên cứu rút kinh nghiệm để bảo đảm việc thực hiện quản lý mỗi ngày càng được kiện toàn. Nhưng điều chủ yếu để bảo đảm chế độ quản lý chính trị, để tiếp tục kiện toàn các tổ chức được vững mạnh cần hết sức coi trọng vấn đề bồi dưỡng và đào tạo cán bộ để đủ sức đảm nhiệm các công tác lớn do yêu cầu nhiệm vụ sản xuất của các xí nghiệp, công trường đòi hỏi.

VI. CÔNG TÁC BẢO VỆ XÍ NGHIỆP

Công tác bảo vệ xí nghiệp trong quá trình phát động cũng được đặt thành một yêu cầu tuy không phải là đánh địch mà chủ yếu là giáo dục đề cao cảnh giác cách mạng cho công nhân, viên chức, nắm tình hình, phân loại, sơ bộ chấn chỉnh tổ chức bảo vệ bảo đảm an toàn sản xuất và bảo đảm tiến hành cuộc phát động được tốt. Tình hình các phân tử có nghi vấn hoặc đã tham gia các tổ chức cũ đều được tiến hành nghiên cứu, sưu tra trước khi vào phát động từ công trường xây dựng làm chậm. Theo thống kê thì trong các xí nghiệp, công trường có: ngụy quân 127, ngụy quyền 4, địa chủ và con cái địa chủ 51, phú nông và con cái phú nông 11, tư sản và con cái tư sản 8, gián điệp cũ 5, hàng binh Âu Phi 6, trao trả vượt tuyến 3, nghi vấn có vấn đề 27, tham gia các đảng phái 11.

Trong quá trình phát động cải tiến quản lý xí nghiệp, qua giáo dục có một số ít chuyển biến tốt, một số chuyển lên mức trung bình, còn một số vẫn tiếp tục có hành động hoặc nằm im không nói. Mở apatít trong số 76 thì 5 tốt, 45 trung bình, 26 xấu. Máy điện 2 lên trung bình, lắp máy 14 trung bình, 1 xấu. Giao thông 1 tốt, 2 trung bình, xấu 1. Những hành động thường thể hiện là phát biểu thắc mắc trực tiếp nhưng có một số dùng hình thức kêu gọi

quần chúng lạc hậu, kém để loại quần chúng này nêu hộ thắc mắc, hoặc đả kích ta một cách khéo léo, rào đón. Ngoài ra cũng còn có những hành động xé khẩu hiệu, viết khẩu hiệu đả kích chế độ ta. Trong khi đang học tập bước 2, lấy cả thùng thư thắc mắc của công nhân hoặc trong học tập do sơ ý của một vài đồng chí bộ đội nói chưa được cẩn thận thì la ó gọi những người đã đi nguy quân lại để gây sự. Hiện tượng phá hoại sản xuất có ít hơn trước nhưng tình trạng máy móc hỏng, tháo những bộ phận quan trọng, v.v. vẫn có. Nhưng chưa được xác minh cụ thể.

Nói chung, mâu thuẫn giữa địch và ta trong xí nghiệp không phải là vấn đề lớn nhưng cũng cần thấy rằng vấn đề này hết sức quan trọng. Cần nghiên cứu để có kế hoạch tiếp tục giải quyết thích đáng, chủ yếu là kiện toàn tổ chức, bảo vệ, giáo dục ý thức cảnh giác cách mạng thường xuyên cho quần chúng, xây dựng chế độ nội quy bảo vệ sử dụng máy móc, nguyên nhiên vật liệu, tiến hành hộ khẩu, làm lý lịch công nhân, tuyển dụng người thận trọng, phát động phong trào bảo đảm an toàn xí nghiệp, công trường. Những vấn đề nghi vấn phá hoại cần tiếp tục đi sâu để tìm cho ra manh mối đồng thời đề nghị với trên nghiên cứu chính sách, đường lối cải tạo để giúp đỡ những người đã lầm đường đi vào con đường tốt. Cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ xí nghiệp, cử các đảng ủy viên và chi ủy viên phụ trách thường xuyên công tác bảo vệ của xí nghiệp, công trường gồm những đảng viên và quần chúng tốt cụ thể trong từng tổ sản xuất, trong từng khâu dây chuyền sản xuất quan trọng.

VII. VẤN ĐỀ CẢI THIẾN ĐỜI SỐNG CÔNG NHÂN

Vấn đề cải thiện đời sống công nhân ngay từ đầu đã được đặt thành một yêu cầu quan trọng của cuộc phát động vì rằng vấn đề này khá phức tạp trên quan niệm cũng như việc thực hiện, nó đã trở thành một yêu cầu đòi hỏi của sản xuất phát triển, của tình

hình đặc điểm miền núi và yêu cầu nguyện vọng của quần chúng công nhân.

Tình hình đời sống công nhân trong những năm qua đã có những tiến bộ do sự cố gắng của Đảng và Chính phủ, do từ tổ chức của lãnh đạo cũng như của quần chúng nên mức thu hoạch, đời sống ăn ở vật chất và tinh thần đã được cải thiện lên một bước.

Nhưng trên quan điểm của lãnh đạo và công nhân cũng còn có nhiều điểm chưa được nhất trí. Về phía lãnh đạo tuy đã có nhiều cố gắng nhưng còn thể hiện quan niệm nặng về sản xuất hơn là chăm lo đời sống, kế hoạch sản xuất thì rất chú ý, còn về cải thiện đời sống thì ít khi có chương trình, kế hoạch cụ thể hoặc có nhưng rất chắp vá. Một số yêu cầu thích đáng của quần chúng mà khả năng xí nghiệp có thể giải quyết được nhưng chưa thật tích cực có kế hoạch giải quyết, chưa nhìn được toàn diện và nắm hết được tình hình xí nghiệp, công trường phát triển mà thường thường chỉ lo những vấn đề trước mắt.

Mặt khác, tuy đã giải quyết nhiều vấn đề nhưng công tác chính trị đối với công tác cải thiện đời sống chưa làm được tốt nên cũng ảnh hưởng đến tư tưởng quần chúng, phát sinh nhiều thắc mắc kêu ca. Về phía công nhân thì tư tưởng đòi hỏi đãi ngộ còn khá phổ biến, chưa thấy hết khó khăn để đề cao ý thức tự lực cánh sinh, còn đòi hỏi nhiều về bổ sung thêm chế độ, chính sách hoặc đòi hỏi lãnh đạo phải giải quyết nhưng bản thân mình tự tổ chức đời sống còn ít quan tâm.

Các tổ chức quần chúng nhất là tổ chức công đoàn cũng chưa quan niệm thật đúng về vai trò và trách nhiệm của mình trong việc giám sát thi hành các chế độ, chính sách, trong việc vận động quần chúng tự cải thiện đời sống, thiếu người chuyên trách, thiếu tổ chức để phát hiện tình hình, giúp đỡ chính quyền thực hiện tốt các quyết định của Đảng và Chính phủ. Tổ chức công đoàn nhiều chỗ lại lao vào những công việc của chính quyền đưa tới tình trạng chính quyền lại ỷ lại vào công đoàn trong khi đó công việc của tổ

chức mình không làm tròn đưa tới quần chúng, kêu ca, ảnh hưởng đến uy tín của tổ chức. Mặt khác tuy có phát hiện được một số vấn đề nhưng nắm chính sách chưa chắc, tinh thần đấu tranh chưa thật tích cực, nên những vấn đề đề nghị quá khả năng hoặc không đúng do đó cũng gây ra tình trạng giữa chính quyền và công đoàn cũng có những va chạm.

Trong quá trình phát động từ bước 1, bước 2 đến đại hội công nhân, viên chức, nói chung những thắc mắc của công nhân đều được nói ra hầu hết đã có tác dụng giúp cho lãnh đạo thấy hết được tình hình cụ thể trong việc chấp hành chính sách, cũng đã làm cho công nhân cảm thấy phấn khởi. Qua các đợt học tập, trình độ giác ngộ được nâng lên, ý thức làm chủ Nhà nước và làm chủ xí nghiệp bước đầu được xác định, công nhân đã tự đấu tranh giải quyết những thắc mắc của nhau xét ra không chính đáng và có những ý kiến xây dựng, phân tích rất tốt, giúp ích rất nhiều cho việc thực hiện của lãnh đạo sau này hoặc bổ sung cho chính sách. Về phía cán bộ lãnh đạo, cuộc phát động đã củng cố thêm lập trường giai cấp của mình và nhờ sự phát triển của công nhân, cán bộ lãnh đạo đã cảm thấy sâu sắc quan điểm giai cấp của mình trong việc quản lý xí nghiệp và chăm lo đời sống công nhân, đã cảm thấy trách nhiệm trước Đảng, trước Nhà nước và trước giai cấp công nhân là nhất trí nên đã biểu hiện quyết tâm sửa chữa. Cụ thể là: sửa chữa lại nhà ở, làm thêm nhà mới, nhà hạnh phúc, nhà vệ sinh và nhà tắm, tổ chức lại việc ăn uống và tiếp phẩm, căng tin và trực tiếp lãnh đạo vấn đề này, không khoán trắng cho công đoàn như trước nữa, sửa sang lại đường dẫn nước, làm nhà giao ca, nhà trú mưa trú nắng, chấn chỉnh lại nhà giữ trẻ, tăng cường công tác y tế vệ sinh phòng bệnh. Những vấn đề khác như trang bị phòng hộ lao động, giải quyết kịp thời, giải quyết công ăn việc làm cho vợ con công nhân cũng đã được chú ý. Qua phát động các đồng chí cán bộ lãnh đạo có nhiều đồng chí thường xuyên đi xem chỗ ăn chỗ ở của công nhân hoặc có đồng chí Bí thư đích thân đi lo liệu chỗ điều trị,

thuốc men cho công nhân ốm mãi tính như ở địa chất. Tính riêng trong 5 cơ sở, đã giải quyết công ăn việc làm cho 186 vợ con công nhân, trợ cấp 335 người với số tiền 10.355 đồng, chi về đời sống tập thể 150.520đ39, chi về trang bị lao động 65.025đ42.

Đó là những sửa chữa tốt, tuy mới chỉ là bước đầu. Sự cố gắng của lãnh đạo và việc giải thích cho công nhân nhận rõ những hiện tượng do công nhân chưa hiểu lắm đã gây được ảnh hưởng tốt trong công nhân, củng cố thêm tinh thần đoàn kết đồng chí giữa lãnh đạo và quần chúng. Công nhân cần nhận rõ thêm bản chất tốt đẹp của chế độ ta, cũng đã thông cảm với cán bộ và có công nhân đã nói: "thực tế thì cũng có nhiều khó khăn, đặt địa vị chúng mình vào lãnh đạo thì cũng thế thôi, chúng ta phải cùng nhau xây dựng giúp đỡ". Cuộc phát động hiện nay đã tạo nên một không khí phấn khởi và tin tưởng trên các công trường, xí nghiệp chẳng những trong sản xuất mà trong đời sống hằng ngày. Chúng ta cần củng cố và phát huy những kết quả bước đầu đã làm được, cần chú ý tiếp tục đẩy mạnh công tác tự cải thiện đời sống bằng mọi biện pháp tích cực có thể làm được để giảm bớt những khó khăn của quần chúng hiện nay, cần thi hành tốt và sử dụng các quỹ phúc lợi và tiền thưởng tránh để tình trạng ứ đọng hoặc đầu năm không chi, cuối năm chi dồn, hoặc chi những cái chưa thật cần thiết và đáp ứng với yêu cầu của đời sống đa số quần chúng, cần đẩy mạnh công tác sinh hoạt văn hóa để cải thiện đời sống, tinh thần thêm tươi vui dựa vào khả năng sẵn có, cần nghiên cứu mọi biện pháp để tiếp tục giải quyết công ăn việc làm cho gia đình công nhân. Tình hình sản xuất ngày một phát triển, cần phải đẩy mạnh công tác an toàn lao động để hạn chế một cách tích cực tình hình tai nạn lao động còn xảy ra, cần chú ý đầy đủ cả về mặt giáo dục, tổ chức an toàn lao động và nâng cao trình độ kỹ thuật nghiệp vụ. Trước mắt trong mùa nóng bức sắp tới cần quan tâm một cách đúng mức đời sống công nhân để có thể đủ bảo đảm sức khỏe sản xuất, cần đặc biệt chú ý vấn đề chống nắng, chống mưa, chống các bệnh dịch cúm, củng cố các bếp ăn và tiếp

phẩm, đẩy mạnh công tác vệ sinh phòng bệnh. Đề nghị các ngành xung quanh tỉnh có liên quan đến đời sống công nhân cần chú ý hơn nữa, góp phần phục vụ đắc lực trong việc cải thiện đời sống công nhân nhất là các ngành y tế, thương nghiệp, văn hóa.

Trong cuộc phát động vừa qua, công nhân các xí nghiệp, công trường cũng đã góp ý kiến bổ sung một số vấn đề để đề nghị trên nghiên cứu. Tổng hợp những vấn đề đó là:

- Đề nghị nghiên cứu lại phụ cấp khu vực theo ba tính chất (khí hậu xấu, điều kiện công tác gian khổ và sinh hoạt đắt đỏ khó khăn, khuyến khích đến làm việc ở những khu vực công nghiệp quan trọng). Nhưng không nên gộp làm một mà tách ra làm ba khoản riêng rẽ để đảm bảo sự chênh lệch giữa các vùng được tương đối chính xác, nếu không thể tách làm ba khoản thì đề nghị nghiên cứu lại mức độ phụ cấp giữa các vùng.

- Đề nghị quan tâm đến vấn đề tình cảm của công nhân ở miền xuôi lên công tác miền núi. Ý kiến của công nhân xung quanh vấn đề này có nhiều nhưng tập trung lại là đề nghị giải quyết vấn đề di chuyển gia đình ở xuôi lên tốn kém, vấn đề nhà ở cho gia đình, vấn đề công ăn việc làm và vấn đề giúp đỡ thuốc men của gia đình mới lên, vấn đề hạnh phúc nam nữ thanh niên, nhất là nữ thanh niên rất thiếu. Toàn bộ vấn đề này cần phải được nghiên cứu không những giải quyết thuộc phạm vi của cơ sở, của tỉnh mà phải đặt vấn đề thành một chính sách chung trong việc xây dựng công nghiệp ở miền núi.

- Vấn đề giải thích cho công nhân đề nghị tăng cường hơn nhất là đối với phim ảnh cần cho thay đổi phim mới, cho văn công Trung ương 1 năm vài lần lên biểu diễn và đề nghị chiếu cố cho anh em đi làm phân tán lưu động nhất là địa chất, giao thông.

- Trong vấn đề ốm đau, đề nghị nghiên cứu chất apatít để có kế hoạch phòng ngừa, cho tăng thêm tiền sử dụng thuốc, cho tăng thêm tiền bồi dưỡng, đề nghị thành lập một bệnh viện có đủ các khoa để chữa các bệnh kịp thời cho công nhân, hàng năm có khám

sức khỏe cho công nhân, có lý lịch theo dõi, ưu tiên chữa bệnh cho một số công nhân bị bệnh mãn tính không chữa được trên này phải mang về xuôi.

- Đề nghị cho tăng thêm ngày nghỉ phép hàng năm từ 12 ngày lên 15 ngày, không nên tính 2 ngày đi đường vào thời gian được nghỉ như đã quy định để có điều kiện tranh thủ dưỡng sức lấy lại sức khỏe trong những ngày công tác ở miền núi, công tác nặng nhọc.

- Vấn đề phụ nữ, nhi đồng, công nhân cũng góp rất nhiều ý kiến nhưng tập trung vào mấy vấn đề chính: Xây dựng chế độ giữ trẻ rộng rãi không nên phân biệt phụ nữ trong và ngoài biên chế, đẩy mạnh công tác vườn trẻ, cử y sĩ hoặc y tá chăm sóc và điều trị các cháu khi ốm đau, ưu tiên việc tuyển hoặc sắp xếp công việc làm cho nữ công nhân và gia đình công nhân vào những bộ phận phục vụ cho khu công nghiệp như bách hóa, tiệm ăn, v.v. để phù hợp với sức khỏe của phụ nữ, đề nghị nghiên cứu vấn đề con ốm mẹ nghỉ.

- Đề nghị tăng tiêu chuẩn về diện tích nhà ở cho công nhân có phân biệt ở tập thể, 2 vợ chồng hoặc 2 vợ chồng có nhiều con, đề nghị trích quỹ phúc lợi làm cho thuê, giúp đỡ xây dựng nhà cửa cho những công nhân có gia đình.

- Đề nghị nghiên cứu khen thưởng cho công nhân viên một cách rộng rãi hơn, tính theo thời gian phục vụ để động viên mạnh mẽ hơn nữa công nhân viên, đề nghị thay đổi hình thức của huy hiệu kháng chiến, đề nghị từng xí nghiệp có huy hiệu kỷ niệm cho từng đợt công tác.

Nói tóm lại, đề nghị của công nhân có rất nhiều nhưng vấn đề tập trung nhất là đòi hỏi có một chính sách cụ thể đối với công nhân đi xây dựng công nghiệp ở miền núi. Các ngành xung quanh tỉnh như Ty Lao động, Liên hiệp công đoàn, Y tế, Văn hóa, v.v. cần nghiên cứu cụ thể để tỉnh nghiên cứu và đề nghị lên trên có kế hoạch giải quyết. Mặt khác, các xí nghiệp và các ngành xung quanh tỉnh cũng cần nghiên cứu qua những đề nghị của công nhân rút ra những vấn đề thuộc phạm vi chính sách đã có hoặc khả

năng của cơ sở ở địa phương có thể giải quyết được nên gấp rút để giải quyết cho công nhân.

VIII. NHẬN XÉT ƯU KHUYẾT ĐIỂM VÀ KINH NGHIỆM PHÁT ĐỘNG

Qua kiểm điểm những vấn đề cụ thể trên, tuy rằng còn một số vấn đề còn tồn tại nhưng đánh giá chung thì cuộc phát động vừa qua đã đạt được kết quả tốt. Nhưng nhìn sâu vào tình hình mức độ kết quả giữa các xí nghiệp, công trường hoặc từng bộ phận ở một số cơ sở cũng không phải là đều nhau, có nơi còn tồn tại nhiều vấn đề, cũng có nơi ít hơn nên kết quả thực tế vừa qua còn bị hạn chế. Yêu cầu về tư tưởng giải quyết tốt hơn yêu cầu về cải tiến tổ chức quản lý nên chưa phát huy được đầy đủ thắng lợi về tư tưởng của quần chúng được giải phóng vào cụ thể trong đẩy mạnh sản xuất.

Mặc dầu gặp rất nhiều trở ngại, thiếu kinh nghiệm, sự lãnh đạo và chỉ đạo của Tỉnh ủy, của các cấp ủy ở các xí nghiệp, công trường đã có nhiều cố gắng cộng thêm tinh thần quyết tâm của cán bộ, đảng viên và công nhân, viên chức đã góp phần thắng lợi của cuộc phát động như trên đã nêu.

Nhưng có thể nhận xét một số khuyết điểm chính trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo cuộc phát động vừa qua đồng thời cũng góp với Trung ương một số vấn đề để rút kinh nghiệm hoặc giải quyết:

- Cuộc phát động công nhân, viên chức cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp quốc doanh, đẩy mạnh sản xuất như Trung ương đã nhận định là một cuộc vận động cách mạng đầu tiên trong nội bộ giai cấp công nhân nhằm giải quyết tư tưởng, sửa đổi tác phong, cải tiến tổ chức quản lý. Nói chung có nhiều vấn đề phải giải quyết những quá trình tiến hành phát động vừa qua sự chuẩn bị của chúng ta chưa thật đầy đủ nhất là việc nắm vững đầy đủ tình hình đặc điểm của từng xí nghiệp, công trường, về tính chất của giai cấp công nhân, tình hình tổ chức quản lý sản xuất nên chưa lường

trước được những khó khăn, nắm được những vấn đề cần phải giải quyết một cách tập trung và chính xác. Thể hiện thiếu sót này rõ ràng nhất là tiến hành giáo dục, do chưa nắm được đặc điểm cấu tạo về thành phần, diễn biến tư tưởng của công nhân từng loại nên đã đề ra yêu cầu còn chung chung, nhất loạt, thiếu cụ thể, hoặc khi xây dựng tổ sản xuất, cải tiến tổ chức thể lệ chế độ cũng còn nghiên cứu sơ sài, thiếu đi sâu để đề ra phương hướng chỉ đạo cụ thể. Chính thiếu sót này đã đưa tới có một số yêu cầu về giáo dục, về cải tiến quản lý đạt được ở mức độ còn thấp.

- Việc nắm vững mục đích yêu cầu kể từ tỉnh đến cơ sở cũng chưa thật chắc chắn, thể hiện thảo luận và chỉ đạo thường nặng về kế hoạch, phương pháp nên có một số vấn đề phải làm đi làm lại mất nhiều thời gian nhất là vấn đề giáo dục về hai chế độ phải đi đường vòng hoặc trong vấn đề xây dựng tổ sản xuất. Đại hội công nhân, viên chức còn rất nhiều lúng túng. Quan điểm này có thể rút ra kinh nghiệm là tiến hành một vấn đề gì cần phải thông suốt, nắm vững mục đích, yêu cầu từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài, để bảo đảm tiến hành công tác được tốt.

- Sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và chỉ đạo cụ thể của Ban cải tiến quản lý xí nghiệp còn nhiều lúng túng thể hiện:

Vấn đề bồi dưỡng cho lãnh đạo của xí nghiệp, công trường và cán bộ đi công tác quản lý xí nghiệp chưa thật kỹ càng, nhất là việc nắm vững mục đích yêu cầu và nội dung nên thể hiện rất lúng túng, có lúc gặp bế tắc, có lúc chưa tự động được công tác đi tới cán bộ trên về gây cho cơ sở tình trạng bị động, có một đôi lúc đã thể hiện bao biện, làm thay. Tình trạng này cũng thể hiện cả ở cơ sở đối với cán bộ các bộ phận, các tổ sản xuất.

Việc chọn thí điểm chưa xác định đầy đủ yêu cầu của một cơ sở thí điểm phải như thế nào, cần có điều kiện gì và phải đạt được tác dụng giúp chỉ đạo chung cho phong trào ra sao nên lúc đầu đã chọn cơ sở Mỏ apatít là một cơ sở quá rộng, điều kiện sản xuất có nhiều khó khăn, nội bộ có nhiều vấn đề cần giải quyết nên ngay từ

bước 1 đi tới chỗ có gặp nhiều vướng mắc do đó tác dụng của thí điểm không đạt được yêu cầu. Sau đó đã chuyển sang cơ sở Địa chất thì đã muộn, phong trào đã mở rộng ra nhiều xí nghiệp, cán bộ không được tập trung.

Vấn đề rút kinh nghiệm tuy có làm qua các bước sơ kết nhưng còn chậm, thiếu cụ thể nên tác dụng còn bị hạn chế. Những cán bộ được cử đi hội nghị rút kinh nghiệm thì nắm vấn đề chưa được chắc nên về lại lúng túng. Việc rút kinh nghiệm về từng vấn đề cụ thể chưa được coi trọng, thường nặng về kinh nghiệm chung nên sự giúp đỡ của chỉ đạo về từng mặt còn yếu.

Sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với cuộc phát động lúc đầu thì có tập thể bàn bạc chủ trương, có kiểm điểm và gần đây trong quá trình phát động đã có nghe phản ánh góp ý kiến nhưng mới chỉ là trong một số đồng chí Thường vụ, chưa phải là tập thể Ban Thường vụ hoặc là toàn Ban Tỉnh ủy. Điểm này cũng là một khó khăn tuy so với trước thì đối với sự chỉ đạo công nghiệp trong cuộc phát động vừa qua thì có tiến bộ nhưng nếu sự tập thể lãnh đạo được tăng cường hơn trong Ban Tỉnh ủy, trong Ban Thường vụ hoặc các đồng chí Tỉnh ủy viên phụ trách công nghiệp thì phong trào còn đạt nhiều kết quả hơn nữa.

Trên đây là một số điểm nhận xét về công tác lãnh đạo tiến hành cuộc phát động nhưng kết quả lại có thể rút ra mấy kinh nghiệm lớn đồng thời là những bài học cho những cuộc vận động sau này trong xí nghiệp, công trường:

- Xác định đúng đắn tầm quan trọng, thống nhất mục đích, yêu cầu kiên quyết tập trung lực lượng nhất là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đúng mức thì cuộc vận động đạt được kết quả tốt, điều này nhìn vào sự lãnh đạo của Tỉnh ủy trong thời gian vừa qua đã thể hiện trong lãnh đạo đã đặt thành một trong những nghị quyết quan trọng trong Đại hội toàn Đảng bộ tháng 4-1959, đã xác định là nhiệm vụ trọng tâm số 2 của toàn tỉnh và làm nhiệm vụ trung tâm số 1 của các xí nghiệp, công trường nên trong việc chỉ đạo

trong việc bố trí lực lượng, trong việc động viên các ngành phục vụ cho cuộc phát động được kết quả song cũng cần thấy rằng việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng chưa thật mạnh mẽ, có từng lúc kể cả tỉnh lẫn cơ sở thì sự chỉ đạo chưa thật tập trung. Ở cơ sở có lúc còn thiếu kiên quyết, sự kết hợp công tác chưa được chặt chẽ, chỉ đạo công tác của các tổ chức trong các xí nghiệp phục vụ trung tâm chưa được tốt, nên cũng gây ra tình trạng nguyên nhân của thời gian quá kéo dài, phong trào đôi nơi có lúc lắng xuống. Một số ngành ở tỉnh có liên quan tới việc phục vụ công nhân vì sự xác định chủ trương này chưa được kỹ, sự chỉ đạo của Tỉnh ủy chưa được chặt, nên các ngành chưa được quan tâm đúng mức nên kết quả phục vụ cho giai cấp công nhân trong cuộc phát động vừa qua kết quả còn bị hạn chế.

- Vì cuộc phát động là một cuộc vận động cách mạng, phải do quần chúng tự đứng dậy, thực sự bắt tay vào làm thì cuộc vận động mới đạt được kết quả tốt. Quá trình phát động vừa qua chỉ ra rằng do coi trọng công tác chính trị và tư tưởng được đặt lên thành vấn đề hàng đầu và phương pháp thể hiện đi theo đường lối quần chúng nên quần chúng đã hăng hái hưởng ứng chủ trương phát động của Đảng, tự quần chúng giáo dục quần chúng đấu tranh với những tư tưởng lạc hậu, chậm tiến, tìm ra những chân lý mới nên quần chúng đã giải quyết nhiều thắc mắc mà trước đây chúng ta chưa giải quyết được hoặc trong việc xây dựng tổ quản lý sản xuất mới, trong việc xây dựng mức chỉ tiêu sản xuất tiên tiến, xây dựng những biện pháp cụ thể để hoàn thành kế hoạch. Điều đó chứng tỏ rằng quần chúng thì việc khó đến mấy quần chúng vẫn làm được. Đó là một nguyên tắc lãnh đạo của Đảng trong mọi lĩnh vực hoạt động, trước đây chúng ta đã quan niệm được nhiều hiện tượng của những tác phong mệnh lệnh, gò ép, hành chính, kỷ luật đơn thuần¹.

1. Bản gốc thiếu một số trang - *BT*.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA HỘI NGHỊ BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
(MỞ RỘNG)**

Số 18-NQ/TU, ngày 2-1-1960

**Về vấn đề đổi công, hợp tác kết hợp hoàn thành
cải cách dân chủ**

Hội nghị đã họp từ ngày 16-12 đến ngày 18-12-1959. Có mặt các đồng chí: Trường Minh, Hoàng Quy, Khánh Vinh, Trần Long, Phạm Gia Tuân. Mở rộng có các đồng chí: Can, Mạnh, Dương, An, Việt Sơn (đại diện Ban cán sự 5 huyện); Việt Tiến, Mạnh Hùng, Lê Thương (cán bộ chỉ đạo thí điểm rẻo cao); Páo (Đảng đoàn chính quyền) 2 đồng chí Minh, Sinh (trường Đảng); 2 đồng chí Quang, Tuân (cán bộ ban Tổ chức Trung ương), đồng chí Nhị Quý, Phó ban Dân tộc Trung ương cũng về dự cuộc họp này.

Hội nghị đã nghe báo cáo tình hình công tác đổi công, hợp tác kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ đợt 1 ở 4 huyện Bảo Thắng, Bát Xát, Mường Khương, Bắc Hà và 3 xã thí điểm rẻo cao ở Pha Long và đã nghe đồng chí Hoàng Quy, phụ trách Ban công tác nông thôn tỉnh báo cáo tổng kết (Báo cáo số 53-BC của Tỉnh ủy về phát động quần chúng tiến hành hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ đợt 1).

Hội nghị đã thảo luận, nhất trí với bản báo cáo số 53 trên và bổ sung thêm một số điểm dưới đây:

I. PHẦN ĐƯỜNG LỐI GIAI CẤP

1. Về vấn đề đoàn kết trung nông: có một vài nơi quy nhiều trung nông hơn bản cố nông và trong trung nông lại quy nhiều trung trên quá vì không nắm vững tiêu chuẩn làm cho chỗ dựa bị mỏng và khó khăn cho việc kết hợp họ vào hợp tác xã. Theo nhận định của các huyện thì có thể còn lọt phú nông. Cần kiểm tra lại vấn đề phân định thành phần ở những nơi trên và sửa lại cho đúng với tiêu chuẩn đã quy định.

Đối với trung trên có nơi cũng không phân biệt đối xử, mang cả trung nông trên ra kiểm điểm trước nhân dân. Như vậy không đúng. Còn có một số trung nông, phần nhiều là trung trên có chút ít bóc lột và có một số người trước đây theo Pháp, theo phỉ có tội ác bị nhân dân tố, số này không tránh khỏi dao động, ta cần có biện pháp ổn định cho họ ngay, không nên để kéo dài ảnh hưởng đến đoàn kết nội bộ nông dân.

2. Về vấn đề tranh thủ lớp trên: bản báo cáo tổng kết đã phân tích rõ, Tỉnh ủy nhấn mạnh: cần giáo dục cho cán bộ từ huyện đến xã nhận thức đầy đủ chính sách tranh thủ lớp trên và thống nhất trên dưới cùng tranh thủ. Đối với lớp trên cũng cần đặt yêu cầu đấu tranh cho đúng mức, tất nhiên phải đấu tranh chống những sai lầm của họ nhưng không thể đòi hỏi họ thành khẩn ngay chốc lát, không thể nóng ruột rồi đối đãi với họ hoặc với gia đình họ như đối đãi với địa chủ. Ta cần làm cho họ thấy rõ chính sách, thấy rõ ta có phân biệt đối xử để họ dễ dàng tiếp thu sự cải tạo hơn và không để cho địch lôi kéo đi đến chống lại ta.

3. Về địa chủ: đáng chú ý là xã Vạn Hòa, có trồng nhiều cam quýt đã quy 10 địa chủ mà không có một phú nông nào (...) Tỉnh ủy yêu cầu Huyện ủy Bảo Thắng, Ban công tác nông thôn tỉnh nghiên cứu xem xét lại vấn đề phân định thành phần giai cấp địa chủ ở đây có chỗ nào sai không.

4. Về bọn phản động phá hoại hiện hành: do kết hợp chặt chẽ giữa công tác chuyên môn của công an và công tác phát động quần chúng nên công tác trấn áp bọn phản cách mạng phá hoại hiện hành đã thu được một số kết quả tốt. Tuy nhiên cũng cần nêu một số khuyết điểm:

- Trong đợt này có những xã không đề ra yêu cầu về đánh địch một cách cụ thể và cán bộ không quan tâm đến vấn đề này đúng mức, ngược lại cũng có những xã đề ra yêu cầu nhưng vì bận nên buông trôi, do đó nói chung kết quả về mặt đánh địch bị hạn chế nhiều.

- Hai là có xã có xu hướng bắt người để phát động quần chúng hoặc không theo đúng nguyên tắc thỉnh thị cứ tự động bắt như vụ Pò Lài.

Đợt 2 này đi vào những xã có nhiều vấn đề chính trị phức tạp hơn cho nên cần giáo dục kỹ cho cán bộ triệt để tuân theo nguyên tắc bắt giam, tuyệt đối ngăn cấm bắt bừa, bắt ẩu, chưa có lệnh của trên đã bắt.

- Còn về sưu tra, yêu cầu công an kết hợp với phát động quần chúng mà xác định lại xem diện sưu tra có quá rộng không vì số liệu cũ có tới 6.000 đối tượng. Cần phân biệt những người chưa cải tạo tốt với những người đã cải tạo. Nếu quy định quá rộng có ảnh hưởng tới tư tưởng lãnh đạo và làm cho công tác cải tạo những đối tượng đó gặp khó khăn thêm.

II. PHẦN CHÍNH SÁCH

Ngoài những điểm trong bản báo cáo đã nêu còn vấn đề lúa cốm. Có nơi như Bắc Hà để lại cho mỗi nhà vào hợp tác xã vài ba cân giống ruộng để làm lúa cốm, nhưng có nơi như Bát Xát, Mường Khương không để lại phần ruộng riêng mà gặt lúa cốm chia nhau. Vấn đề cốm ta không ngăn cấm, còn để bao nhiêu và cách để như thế nào tùy các hợp tác xã bàn bạc quyết định.

III. PHẦN KẾ HOẠCH PHÁT ĐỘNG

Trong việc bồi dưỡng, bảo vệ và động viên cán bộ đi phát động, yêu cầu các đội công tác, các huyện quan tâm theo dõi tuyên truyền và kết nạp vào Đảng những cán bộ thoát ly của các ngành ở tỉnh, huyện đi tham gia công tác phát động. Vừa qua có nhiều nơi chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề này.

Trên đây là những điểm bổ sung vào bản báo cáo của tỉnh. Vì bản báo cáo đã phân tích đầy đủ, đã đề ra phương hướng giải quyết từng vấn đề và đã được hội nghị thông qua, nên coi là nghị quyết để thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ
HOÀNG QUY

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 19-NQ/TU, ngày 12-2-1960

Về nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 1960 của tỉnh Lào Cai

Năm 1960, năm cuối cùng của kế hoạch 3 năm là năm có nhiều sự kiện chính trị và lịch sử quan trọng: Đảng 30 tuổi, năm Quốc hội thông qua Hiến pháp mới, thông qua Luật hôn nhân và gia đình, thông qua việc tuyển cử Quốc hội, năm 1960 là năm Hồ Chủ tịch 70 tuổi, năm nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa 15 năm và trong Đảng sẽ có Đại hội Đảng toàn quốc và các cấp. Những sự kiện đó là những nguồn động viên, cổ vũ tinh thần phấn khởi hăng hái thi đua lao động sản xuất và công tác cho cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức cũng như nhân dân ta. Đó cũng là những nhiệm vụ rất to lớn, nặng nề nhưng rất vẻ vang đề ra cho chúng ta phải cố gắng, nỗ lực hơn nữa để thực hiện và hoàn thành vượt mức.

Qua kiểm điểm công tác năm 1959 về mọi mặt của Lào Cai, Tỉnh ủy đã nhất trí nhận định rằng:

1. Năm qua Lào Cai đã có nhiều cố gắng, tích cực trong việc lãnh đạo và có nhiều tiến bộ do đó đã thu được nhiều thành tích, kết quả và thắng lợi là căn bản và to lớn, đã làm cho tình hình chung của Lào Cai có nhiều chuyển biến căn bản, tiến bộ rất nhiều so với năm 1958. Cụ thể là tỉnh ta đã tiến hành đẩy mạnh phong

trào hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ trong phạm vi 71 xã, tiến hành kết quả việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh, làm cho quan hệ sản xuất ở thành thị cũng như nông thôn bước đầu đổi mới, đã đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, công nghiệp lên một bước mới; các công tác thương nghiệp, kinh tế, tài chính, văn hóa, xã hội khác cũng đều có những tiến bộ so với năm 1958. Cơ sở tổ chức Quân, Dân, Chính, Đảng trong tỉnh được xây dựng, phát triển mạnh mẽ hơn. Công tác bảo vệ trị an có nhiều thắng lợi, v.v.. Những thành tích đó đã đưa lại cho nhân dân, cán bộ, công nhân và bộ đội Lào Cai một đời sống được cải thiện thêm cả về mặt vật chất lẫn tinh thần. Đó là những yếu tố thuận lợi căn bản làm cơ sở cho việc thực hiện nhiệm vụ năm 1960 thắng lợi.

2. Tuy nhiên bên cạnh những thành tích, thắng lợi căn bản và là thuận lợi như trên, trong năm 1959 vừa qua ta cũng còn nhiều nhược điểm, khuyết điểm quan trọng và trong năm 1960 cũng sẽ đề ra những vấn đề mới phức tạp trên đà phát triển của cách mạng, của phong trào và yêu cầu quần chúng đòi hỏi. Trong năm qua, mới phát động hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ được 71 xã, đợt 3 còn lại 52 xã, tình hình ở đó lại phức tạp, khó khăn hơn các đợt 1, 2. Một số thị trấn nhỏ chưa qua giáo dục cải tạo xã hội chủ nghĩa. Phong trào hợp tác xã và các tổ đổi công chưa thực sự được củng cố vững mạnh. Trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước còn những mặt yếu và chưa chú ý như công nghiệp, thủ công nghiệp, kiến trúc, giao thông vận tải, văn hóa, giáo dục, v.v.. Công tác trấn phản tuy có kết quả nhưng tình hình có thể xảy ra đột xuất chưa phải hết vì cơ sở một số vùng còn yếu, những lực lượng phản cách mạng chưa được cải tạo tốt. Các tổ chức của Đảng, Chính, Quân, Dân chưa củng cố thật vững và phát triển rộng khắp. Các tổ chức ở tỉnh, huyện cũng chưa kiện toàn được đầy đủ, cán bộ còn thiếu, cán bộ dân tộc, địa phương còn ít. Về mặt lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy trong năm qua thì còn thiếu toàn

diện, thiếu cụ thể; lề lối làm việc có tiến bộ nhưng tiến bộ chậm. Công tác điều tra nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm, tổ chức thực hiện, kiểm tra chính sách, v.v. còn yếu.

Trong năm 1960, nhiệm vụ công tác các mặt càng phát triển, nhiều công tác lớn phải thực hiện, trong khi đó trình độ lãnh đạo, trình độ tổ chức và kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn của cán bộ nói chung trong tỉnh lại còn non kém. Đó là những mặt yếu và những khó khăn chính trong năm 1960 phải ra sức khắc phục.

Nhận rõ những thuận lợi và những khó khăn trên, đồng thời nhìn vào triển vọng, khả năng, hoàn cảnh của địa phương và dưới ánh sáng của những chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, nhiệm vụ công tác của Lào Cai năm 1960 cần phải:

1) Đẩy mạnh và hoàn thành tốt công tác phát động quần chúng tiến hành hợp tác hóa, đẩy mạnh sản xuất, kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở nông thôn và hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh ở các thị xã, thị trấn. Đồng thời cần phát huy thắng lợi của cuộc phát động cải tiến quản lý xí nghiệp năm 1959.

2) Hoàn thành tốt kế hoạch nhà nước năm 1960 đã bàn ở Hội nghị Tỉnh ủy tháng 11-1959 (Nghị quyết số 17-NQ/TU của Tỉnh ủy) và đã được Trung ương thông qua để kết thúc thắng lợi kế hoạch nhà nước 3 năm, đồng thời chuẩn bị thực hiện kế hoạch 5 năm tới.

3) Tiếp tục nâng cao cảnh giác phá tan âm mưu gây đột xuất của địch, cải tạo những phần tử phản cách mạng, bảo đảm trật tự trị an địa phương.

4) Tăng cường đoàn kết dân tộc, ra sức củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, củng cố lực lượng vũ trang và bán vũ trang, củng cố các đoàn thể quần chúng.

5) Ra sức xây dựng, củng cố Đảng và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ dân tộc địa phương.

Để bảo đảm hoàn thành tốt các nhiệm vụ trên, trong 6 tháng đầu năm 1960 cần phải thực hiện tốt những công tác quan trọng. Các cấp, các ngành và các ban chuyên môn của tỉnh cần căn cứ vào những nội dung của các công tác đó mà nghiên cứu đề ra kế hoạch, biện pháp cụ thể, động viên cán bộ và quần chúng thực hiện cho tốt. Cụ thể về các công tác 6 tháng đầu năm 1960 Tỉnh ủy đề ra như sau:

**A. ĐẨY MẠNH HỢP TÁC HÓA, PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT,
KẾT HỢP HOÀN THÀNH CẢI CÁCH DÂN CHỦ
Ở NÔNG THÔN VÀ HOÀN THÀNH CẢI TẠO
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐỐI VỚI THÀNH PHẦN KINH TẾ
CÔNG THƯƠNG NGHIỆP TƯ DOANH Ở CÁC THỊ XÃ,
THỊ TRẤN**

1. Về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, dựa vào kinh nghiệm phát triển hợp tác xã đợt 1, đợt 2 và nếu chúng ta làm tốt việc củng cố các hợp tác xã và tổ đổi công đã có, làm tốt đợt 3, đợt cuối cùng phát động quần chúng hợp tác hóa, phát triển sản xuất, kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ trong tỉnh thì có thể cuối năm 1960 hoặc chậm nhất là đầu năm 1961 chúng ta có thể căn bản hoàn thành nhiệm vụ hợp tác hóa nông nghiệp toàn tỉnh.

Việc đẩy mạnh công tác hợp tác hóa nông nghiệp, phát triển sản xuất, kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ trong 6 tháng giữ một vị trí hết sức quan trọng đối với toàn bộ công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp ở Lào Cai.

Trong 6 tháng đầu năm 1960 nhiệm vụ cụ thể của Lào Cai là phải hoàn thành đợt 2 phát động trong 34 xã làm từ cuối tháng 12-1959, tiếp tục mở đợt 3 phát động trong 52 xã vào khoảng cuối tháng 3 tới hết tháng 5 tức là ngay sau khi kết thúc công tác điều tra dân số. Mặt khác do 6 tháng đầu năm là những tháng quyết định của sản xuất nông nghiệp, là thời vụ làm chiêm vùng thấp,

làm mùa ở vùng cao và một phần vùng thấp nên 6 tháng đầu năm còn là thời gian thuận lợi cho việc phát triển sản xuất, củng cố và phát triển thêm hợp tác xã và tổ đổi công có bình công chấm điểm. 6 tháng đầu năm 1960 cũng đồng thời là 6 tháng phấn đấu để chứng minh bằng thực tế trong phạm vi rộng rãi tính chất hơn hẳn của hợp tác xã và tổ đổi công bình công chấm điểm đối với lề lối làm ăn riêng lẻ và đổi công theo lối cũ.

Muốn làm tròn nhiệm vụ cụ thể trên, từ nay tới hết ngày 15-2, các xã hiện đang phát động quần chúng xây dựng hợp tác xã kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ phải kết thúc tốt bước 2 của đợt 2, nghĩa là xây dựng tốt hợp tác xã ở những xã có điều kiện và đưa khoảng 90% số hộ nông nghiệp còn lại vào tổ đổi công, và 70% lên tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm. Cũng trong thời gian này các xã đã qua phát động đợt 1 có thể tổ chức thêm một số hợp tác xã ở nơi có điều kiện, nhưng điều chủ yếu là củng cố tốt các hợp tác xã và tổ đổi công có bình công chấm điểm ở xã đã lập. Tại những xã mà trong đợt 1 chưa hoàn thành kế hoạch tổ chức 70% số hộ và tổ đổi công có bình công chấm điểm (như Bảo Thắng) thì cần lợi dụng việc làm chiêm mà hoàn thành kế hoạch đã định. Riêng những xã chưa qua phát động cũng phải căn cứ vào tình hình thực tế mạnh bạo củng cố tổ đổi công, đưa những nơi có điều kiện lên bình công chấm điểm. Từ ngày 15-2 tới ngày 15-3 toàn tỉnh sẽ tập trung khả năng vào làm tốt công tác điều tra dân số. Nhưng bên nhiệm vụ chính trên các địa phương vẫn phải coi hai nhiệm vụ: *đẩy mạnh sản xuất, củng cố đổi công, hợp tác là những nhiệm vụ kết hợp trọng đại nhất.*

Qua kinh nghiệm 8 hợp tác xã tổ chức hồi đầu năm 1959 thì việc đấu tranh giữa hai con đường không phải chỉ xuất hiện trong quá trình lập hợp tác xã mà việc đấu tranh giữa hai con đường còn xuất hiện suốt quá trình sản xuất và củng cố hợp tác xã, thậm chí trong quá trình sau việc đấu tranh giữa cá thể và tập thể thể hiện trên mọi mặt, có khi còn rất gay gắt nữa. Sau khi lập, mâu thuẫn

giữa hai con đường trong nội bộ hợp tác xã biểu hiện cụ thể trong mâu thuẫn giữa lợi ích xã viên và tập thể, giữa xã viên này với xã viên khác, giữa tổ lao động này với tổ lao động khác, giữa xã viên với ban lãnh đạo hợp tác xã. Mặt khác về bên ngoài thì mâu thuẫn thể hiện giữa hợp tác xã này với hợp tác xã khác, giữa hợp tác xã với người ngoài, giữa hợp tác xã với lợi ích Nhà nước. Những phần tử địch và giai cấp bóc lột cũng không ngừng tấn công vào hợp tác xã, tìm mọi cách lung lạc tinh thần xã viên cốt sao cho hợp tác xã bị tan rã, tìm mọi cách lung lạc tinh thần. Trong tình hình đó, ban lãnh đạo hợp tác xã thường rất bối rối trong công tác quản lý, vì vậy dễ sinh ra tình trạng lãng phí hoặc có khi do lúng túng về quản lý mà dễ gây nên thất bại trong hợp tác xã. Cho nên cần phải hết sức coi trọng công tác củng cố các hợp tác xã đã xây dựng. Muốn củng cố hợp tác xã trước hết phải tăng cường việc giáo dục 3 quản cho ban lãnh đạo hợp tác xã bằng mở những lớp ngắn ngày, đồng thời sau từng đợt ngắn phải có hội nghị để trao đổi và rút kinh nghiệm ba quản giữa các hợp tác xã. Các huyện cần có chỉ đạo trọng điểm để bản thân có kinh nghiệm và kịp thời phát hiện các vấn đề lãnh đạo chung. Mặt khác, qua sản xuất thực tế và qua kiểm tra cần phát hiện và sửa chữa kịp thời những lệch lạc về chính sách đã mắc phải khi xây dựng hợp tác xã. Đối với xã viên, cần qua thực tế, liên tục giáo dục ý thức tập thể và làm chủ hợp tác xã, không nên thấy tư tưởng một số xã viên luôn luôn dao động mà hoài nghi tinh thần tự nguyện của họ, đánh giá quá cao tính tư lợi, của nông dân. Vì nếu chúng ta giúp các ban quản trị hợp tác xã làm công tác ba quản tốt, mặt khác liên tục lấy thực tế giáo dục, liên tục nâng cao ý thức tập thể, ý thức làm chủ hợp tác xã cho họ, nhất định sẽ khắc phục được các hiện tượng dao động, phát huy tinh thần nỗ lực xây dựng hợp tác xã, coi việc hợp tác xã như việc nhà của họ. Cuối cùng hợp tác xã nào có nhiều dân tộc tham gia cần đặc biệt giáo dục ý thức đoàn kết tương trợ giữa xã viên các dân tộc, làm cho xã viên các dân tộc thương yêu nhau, học tập

những cái hay về sản xuất của nhau. Về mặt quản lý cần chú ý phân công công việc hợp với sở trường của xã viên từng dân tộc, cũng như khi phân phối hoa lợi cần chú ý tới tập quán sở thích của từng dân tộc.

Đối với các tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm, hướng củng cố nhằm giúp đỡ các tổ dần dần thành thạo trong việc phân phối công và bình điểm, xây dựng và thi hành kế hoạch sản xuất từng vụ. Những tổ đổi công nào vụ trước chưa thanh toán công cần giúp các tổ viên thanh toán công sòng phẳng với nhau. Cần tiếp tục giáo dục con đường đi lên hợp tác xã cho các tổ đổi công bình công chấm điểm và giúp họ chuẩn bị điều kiện để tiến lên hợp tác xã vụ sau.

Xã viên hợp tác xã và tổ viên tổ đổi công còn cần được giáo dục về ý thức đoàn kết tương trợ nhau và giáo dục tinh thần cảnh giác chống các hành động ngóc đầu dậy của giai cấp địa chủ và những hành động chia rẽ có thể có của phú nông.

Từ cuối tháng 3 tới tháng 5, công tác phát động quần chúng tiến hành hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ đợt 3 lại tiếp tục mở rộng trong 52 xã còn lại, đồng thời tiếp tục mở rộng xây dựng hợp tác xã mới ở những vùng có làm 2 vụ hoặc làm một vụ nhưng còn điều kiện.

Đợt 3 có thuận lợi là tiến hành trong hoàn cảnh tỉnh và các huyện đã có những kinh nghiệm làm các đợt trước và ngay trong thời gian tiến hành điều tra dân số tỉnh và các huyện kết hợp làm những công tác chuẩn bị như nắm thêm tình hình cơ sở xã hội, bồi dưỡng thêm cốt cán, xây dựng thêm tổ đổi công. Nhưng mặt khác đợt 3 diện vừa rộng, vừa làm ở những vùng tình hình chính trị có phần phức tạp, nội dung cải cách dân chủ có nơi còn nhiều hơn các xã qua đợt 1 và 2. Trong cán bộ cũng có thể sau 2 đợt (1 + 2) và sau điều tra dân số tư tưởng mỗi một xuất hiện trong một số đồng chí.

Vì vậy, muốn làm đợt 3 cho tốt ngay từ bây giờ phải chuẩn bị giáo dục tư tưởng cho cán bộ đã đi làm có tinh thần quyết tâm làm

nốt đợt 3, đợt cuối cùng của tỉnh, giáo dục khắc phục những tư tưởng chủ quan, tự mãn với kinh nghiệm cũ hoặc mệt mỏi không muốn đi phát động nữa. Đối với anh em mới lấy đi phát động đợt 3 cần giáo dục kỹ Chỉ thị 156 của Trung ương, những kinh nghiệm của 2 đợt: 1 và 2 để anh em nắm vững chính sách và phương pháp phát động.

Muốn đợt 3 tiến hành tốt lại phải tiến hành tổng kết đợt 2, tránh làm qua quýt như một số nơi đã tổng kết đợt 1, đồng thời để tránh xáo trộn cán bộ khi bố trí lực lượng cho đợt 3 và giúp anh em đi làm quen với tình hình, ngay từ khi bố trí cán bộ đi làm điều tra dân số đã phải sắp xếp sao cho đại bộ phận cán bộ làm điều tra dân số nơi nào thì sau này có thể làm phát động đợt 3 ở nơi đó.

Qua kinh nghiệm đợt 1 và 2, muốn cho công tác phát động đợt 3 được tốt cần giáo dục sâu sắc đường lối giai cấp cho cán bộ đi phát động, làm sao cho anh em vận dụng tốt đường lối vào hoàn cảnh cụ thể ở các địa phương khác nhau. Đáng chú ý là phải giáo dục kỹ làm cho anh em tin tưởng và quyết tâm dựa vào bản cố nông và trung nông dưới, tư tưởng hết sức coi trọng việc đoàn kết với trung nông, tinh thần kiên nhẫn tranh thủ nhân vật lớp trên có liên hệ với quần chúng, tinh thần cảnh giác cao độ với địch. Công tác ổn định tư tưởng phải làm cho tốt không để xảy ra những vụ tự tử do chấp hành chính sách sai hoặc thiếu ổn định tư tưởng như đợt trước, đồng thời cần phải đề cao hơn nữa ý thức kỷ luật, bảo đảm chế độ báo cáo thỉnh thị, không làm bữa, làm ẩu hoặc tự đề ra chính sách. Việc mở rộng hợp tác xã ở các vùng làm chiêm cũng cần hết sức tích cực làm sao khoảng từ 40% tới 60% số hộ vùng làm chiêm sẽ vào hợp tác xã trong thời gian này. Riêng về phong trào đổi công cần cố gắng sau đợt 3 toàn tỉnh sẽ có khoảng 90% số hộ nông dân vào các tổ đổi công, khoảng 70% lên đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm. Cũng trong thời gian này cần bố trí lực lượng thích đáng để tiếp tục củng cố các vùng đã qua phát động đợt 1 và 2, nhất là chuẩn bị tốt việc chia hoa lợi vụ chiêm.

Về đào tạo cán bộ: để kịp thời đào tạo số kế toán viên và bồi dưỡng các ban lãnh đạo hợp tác xã ngay trong thời gian điều tra dân số, tỉnh tiếp tục mở lớp huấn luyện cho kế toán viên, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm trong ban kiểm tra và huyện tổ chức huấn luyện cho các ủy viên khác trong ban quản trị theo sự phân công đã quy định. Kế toán viên lần này trừ trường hợp đặc biệt mới mở cho người chưa biết chữ còn chủ yếu mở cho những người đã biết chữ thuộc thành phần cơ bản. Ngoài ra trong 6 tháng đầu năm cần tổ chức việc huấn luyện cho cán bộ lãnh đạo khu vực ở huyện và cán bộ củng cố hợp tác xã về chính sách và nội dung phương pháp lãnh đạo củng cố, công tác ba quản của hợp tác xã.

Ngoài việc xây dựng, phát triển và củng cố các hợp tác xã nông nghiệp và các tổ đổi công, cần phải tích cực xây dựng, phát triển, củng cố các hợp tác xã mua bán. Các cơ sở các huyện cần phát triển thêm xã viên và mở thêm cửa hàng ở những nơi cần thiết (Sa Pa 2, Mường Khương 2, Bắc Hà 2, Bát Xát 2) chú ý giáo dục thêm ý thức đối với hợp tác xã và công tác quản lý, kinh doanh cho các xã viên và cửa hàng.

Về hợp tác xã tín dụng: cần củng cố tốt các quỹ đã có ở Cam Đường, Tân Tiến, đồng thời qua thực tế hoạt động của các quỹ đã có, ngành ngân hàng cần nghiên cứu rút ra cách tổ chức và phương thức hoạt động của các quỹ tín dụng như thế nào sát hợp với tình hình của Lào Cai để có phương hướng quyết định việc phát triển rộng ra ở các nơi khác trong tỉnh.

2. Nhiệm vụ cải tạo công thương nghiệp tư doanh 6 tháng đầu năm 1960

Năm 1960 phải phấn đấu căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thủ công nghiệp, hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh và đưa đại bộ phận tiểu thương hàng rong, buôn vặt vào tổ chức. Đi đôi với nhiệm vụ phát triển tổ chức, phải củng cố tốt những cơ sở tổ chức đã đạt được trong năm 1959.

Căn cứ vào nhiệm vụ cải tạo cả năm nói trên, phương hướng, mức độ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh đề ra cho 6 tháng đầu năm 1960 là:

1) Cải tạo hòa bình công thương nghiệp tư bản tư doanh theo chủ nghĩa xã hội.

Hoàn thành tốt đợt cải tạo 11 hộ thương nghiệp tư bản tư doanh ở thị xã Lào Cai.

Đồng thời phát hiện thêm những người đủ tiêu chuẩn là tư sản ở thị xã và các huyện để tiếp tục giải quyết.

2) Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với tiểu thương, hàng rong, buôn vật.

Ra sức củng cố tốt các tổ hợp tác tiểu thương, tạo điều kiện tốt đưa một phần về sản xuất hoặc lao động khác. Những tổ hợp tác còn lại sẽ kiêm thêm sản xuất và đưa dần lên hình thức hợp tác loại cao, mức độ cụ thể là:

- Chuyển các tổ hợp tác ăn uống (cơm, phở...) ở thị xã, Cam Đường; tổ hợp tác bách hóa thị xã từ hình thức tổ chức mua chung bán chung, chia lãi theo vốn lên hình thức loại cao (quá độ lên thương nghiệp quốc doanh) do Nhà nước trực tiếp quản lý, vốn của họ Nhà nước trả lãi, người xếp việc trả thù lao.

- Những tổ hợp tác còn lại hầu hết sẽ kiêm thêm sản xuất, chế biến nông sản, hoặc chăn nuôi, v.v. tạo điều kiện cho việc chuyển hẳn sang sản xuất sau này.

- Những hộ nào trong tổ hợp tác có điều kiện chuyển về sản xuất hoặc lao động khác ta kiên quyết vận động và giúp đỡ họ chuyển. Nhưng đề phòng xu hướng chuyển họ một cách gò bó không sát với hoàn cảnh thực tế của họ. Đối với 2 tổ hợp tác: kinh doanh gia súc và rau xanh hoa quả có quan hệ với nông nghiệp nhiều nên nghiên cứu xem họ có thể tổ chức vào hợp tác xã sản xuất nông nghiệp được không, hoặc có thể chuyển họ sang ngành khác, hoặc mâu dịch nghiên cứu sử dụng để giúp đỡ họ có một nghề nghiệp lâu dài tương đối ổn định.

Ngoài ra mỗi khi mậu dịch tuyển dụng thêm mậu dịch viên, cần ưu tiên xét để tuyển dụng trong các tổ hợp tác (nếu có đủ điều kiện).

- Hoàn thành đưa tiểu thương vào tổ chức ở những nơi đã tiến hành cải tạo (thị xã, Cam Đường, Bắc Hà, v.v.) đồng thời tiến hành cải tạo tiểu thương ở Mường Khương, Si Ma Cai, Phố Lu, Phố Mới.

Nói chung việc phát triển tổ chức cũng như củng cố hợp tác tiểu thương cần hết sức chú ý đến công tác giáo dục tư tưởng, chính trị, văn hóa, nghề nghiệp cho họ. Trong khi phát triển phải đặc biệt chú ý củng cố các tổ đã có, chú ý đến công tác chấn chỉnh tổ chức nhất là công tác 3 quản, phải tuyên truyền xây dựng Đảng và tổ chức quần chúng (ví dụ: phụ nữ) trong các tổ hợp tác tiểu thương, phải giáo dục ý thức buôn bán xã hội chủ nghĩa, ý thức tập thể và chịu khó lao động sản xuất, điều chỉnh mức thu nhập cho hợp lý, cải tiến phương thức kinh doanh, giờ giấc bán hàng cho hợp với sinh hoạt của dân.

3) Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thủ công nghiệp.

Tiếp tục củng cố tốt các hợp tác xã sản xuất và cung tiêu sản xuất. Đặc biệt chú ý đến công tác giáo dục, giác ngộ xã hội chủ nghĩa nâng cao trình độ văn hóa, nghề nghiệp cho xã viên. Trên cơ sở quan hệ sản xuất mới phải đẩy mạnh sản xuất theo phương châm: nhanh, nhiều, tốt, rẻ. Cần hoàn thành việc tổ chức đồng bào lao động thủ công vào tổ chức ở những nơi đã tiến hành cải tạo (thị xã, Bắc Hà, Cam Đường, Sa Pa).

Tiến hành cải tạo ở thị trấn Mường Khương, Si Ma Cai, Phố Lu, Phố Mới.

Hình thức tổ chức đối với thủ công chủ yếu là loại vừa, đưa một phần lên loại cao. Đối với những hợp tác xã sản xuất (ngành may thị xã), tổ hợp tác sản xuất (nông cụ thị xã)... đã tuyên bố lên loại cao rồi cần chú ý củng cố giáo dục tốt để dần dần thực sự trở thành hợp tác xã loại cao.

- Tiến hành tổng kết công tác cải tạo năm 1959 để đánh giá kết quả công tác đã làm, do đó rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết chỉ đạo thực hiện tốt công tác cải tạo năm 1960.

- Tăng cường công tác lãnh đạo về tư tưởng, tổ chức và chính sách đối với công tác cải tạo. Phải đặc biệt quan tâm đến công tác lãnh đạo tư tưởng, kịp thời phát hiện những tư tưởng lệch lạc trong các tổ viên, xã viên hợp tác và tư sản đã hoặc đang cải tạo để giải quyết kịp thời. Hiện nay chú ý giải quyết tư tưởng ngại lao động sản xuất của tiểu thương và sản xuất ẩu của tiểu thủ công.

Về tổ chức cần phải bồi dưỡng các ban quản trị các hợp tác về mọi mặt nhất là công tác ba quản, đồng thời mở lớp dân tộc, bồi dưỡng các tổ trưởng hợp tác tiểu thương, chủ nhiệm hợp tác xã sản xuất thủ công, mở lớp dân tộc kế toán viên cho các tổ hợp tác tiểu thương và hợp tác xã sản xuất thủ công.

- Để lãnh đạo phong trào được chặt chẽ cần gấp rút hoàn thành việc kiện toàn tổ chức các phòng quản lý công thương nghiệp ở huyện. Cần bổ sung một số cán bộ cần thiết cho phong trào cải tạo (số cán bộ này tính vào biên chế thương nghiệp quốc doanh, do quỹ lương của quốc doanh chịu). Đồng thời đề phòng tư tưởng sử dụng cán bộ không hợp lý, gây nên lãng phí sức người, sức của.

- Cần có sự phối hợp công tác chặt chẽ giữa các ngành có liên quan đến công tác cải tạo như: thương nghiệp, ngân hàng, tài chính, lao động, công an, tuyên huấn... để làm tốt công tác cải tạo. Phát huy tác dụng của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng: thanh niên, phụ nữ... trong công tác cải tạo công thương nghiệp tư doanh. Đối với các ngành, các giới phải có trách nhiệm tham gia và trợ lực cho công tác cải tạo công thương nghiệp tư doanh trong quá trình tiến hành cải tạo cho đến khi hoàn thành.

B. RA SỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 1960

**(Các chỉ tiêu cụ thể đã được Tỉnh ủy quyết nghị
trong Nghị quyết số 17-NQ/TU)**

I. SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Vụ đông xuân đối với tỉnh ta bao gồm toàn bộ lúa chiêm, lúa nương, một phần lúa mùa ở rẻo cao, phần lớn các hoa màu lương thực và cây công nghiệp (ngô, khoai, sắn, sò, đỗ các loại, lạc, vừng, bông, chè) cho nên có thể cho rằng vụ đông xuân quyết định thắng lợi của kế hoạch 3 năm về hoa màu và cây công nghiệp, hầu hết đều trồng vào đầu năm thu hoạch cuối năm.

Đông xuân là mùa gia súc sinh sản nhiều, nhân dân chăn nuôi nhiều gia súc sau thu hoạch vụ mùa.

Trồng cây gây rừng cũng vào mùa xuân là chủ yếu, mùa này nông dân cũng khai thác nhiều lâm thổ sản.

Các công tác khác như kiến thiết cơ bản, giao thông vận tải, thủy lợi, công tác kho vận của thương nghiệp cũng vẫn tranh thủ đẩy mạnh trước mùa mưa.

Vì vậy, các ngành, các cấp cần thấy hết tầm quan trọng của vụ sản xuất đông xuân mà thực hiện tốt phương châm chung của Trung ương Đảng, Chính phủ là hoàn thành một vụ sản xuất đông xuân thắng lợi toàn diện, vượt bậc và vững chắc.

NHỮNG CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Về trồng trọt

a) *Lúa chiêm*: tỷ lệ tăng vụ ở tỉnh ta còn thấp, ruộng có nước còn nhiều, phải ra sức tăng năng suất đi đôi với tăng diện tích, nhất là ở Bảo Thắng.

b) *Hoa màu*: ngô khoai, sắn, đậu vẫn cần phát triển, chú ý các loại đậu xanh, đậu đen... để làm thức ăn phụ cho người, nhất là ở rẻo giữa, thu hoạch về lương thực chính thường bị bấp bênh, mặt khác để phát triển chăn nuôi gia súc, đồng thời có thể gia công chế biến cho mậu dịch xuất khẩu. Đối với vùng thấp và những vùng xung quanh thị xã, thị trấn, công trường, xí nghiệp cần có kế hoạch trồng rau xanh để cung cấp nhu cầu về rau của dân và các cơ quan, công trường, xí nghiệp, đồng thời cần nghiên cứu tiêu thụ và giá cả hợp lý.

c) *Cây công nghiệp và cây ăn quả*: một khi vấn đề lương thực được giải quyết, phải nghĩ đến việc phát triển cây công nghiệp, thực hiện phương châm "toàn diện" của Trung ương để phục vụ cho việc phát triển công nghiệp và xuất khẩu, vì đây sẽ là một nguồn thu quan trọng bằng tiền của nông dân. Đối với vấn đề chuyển hướng trồng các thứ khác thay thế dần diện tích thuốc phiện, cần có kế hoạch toàn diện và cụ thể, trước mắt là chú ý thu hoạch và bảo quản đậu rang ngựa đã trồng vụ này để làm giống cho vụ tới.

- *Cây có sợi*: bông ở rẻo thấp và rẻo giữa trồng để tự túc và bán một phần cho mậu dịch gia công chế biến ngay tại địa phương. Lanh trồng ở rẻo cao chủ yếu là để tự túc, một phần bán cho mậu dịch để xuất khẩu (năm nay mậu dịch sẽ thu mua 50 tấn lanh sợi, giá 1đ20 một kilô ở thị xã). Nếu giá lanh quá hạ thì nghiên cứu đề đạt với Trung ương giải quyết hợp lý hơn.

- *Cây có dầu*: lạc, vùng ở tỉnh ta còn ít, phải hết sức phát triển để tự túc đỡ phải mang ở xuôi lên, nếu thừa có thể bán cho mậu dịch xuất khẩu. Phát triển tập quán trồng trấu ở Bát Xát và Mường Khương, thầu dầu cần tích cực hơn trước, thương nghiệp cần xét lại và đề nghị lên trên giá cả cho hợp lý (được bao nhiêu hạt mậu dịch sẽ mua hết).

- *Chè và thảo quả* cần tận thu để bán cho mậu dịch xuất khẩu.

- *Cam, quýt, chuối, dứa* là những nguồn thu quan trọng của nhân dân vùng xung quanh thị xã và dọc sông Hồng để bán cho mậu dịch xuất khẩu và cung cấp cho thị xã, công trường, xí nghiệp,

cần tăng cường chăm bón và phát triển trong phạm vi không xâm phạm đến diện tích dành cho việc trồng cây lương thực.

Nói chung về cây công nghiệp ta có rất nhiều khả năng về đất đai, khí hậu, thổ nhưỡng nhưng hiện nay phát triển còn chậm và quá ít. Cho nên, cần phát triển thật mạnh chè, đỗ tương, thảo quả, hạt rau là những thứ đặc sản rất quý của tỉnh ta ở tất cả các nơi có điều kiện. Để phục vụ cho kế hoạch 5 năm sắp tới, ngay từ bây giờ ngoài những việc đã làm cần nghiên cứu thêm một số vấn đề:

- + Nhập nội những cây nhiệt đới như cà phê, cánh kiến, hồ tiêu, các vị thuốc nam, thuốc bắc.

- + Nghiên cứu chế biến thân và lá cây chuối thành sợi để dệt bao tải, cói, thảm xuất khẩu.

d) *Lúa nương*: cần tích cực rút hẹp diện tích trồng lúa nương, hướng dẫn nhân dân phát đốt nương hợp lý, tránh đốt phá rừng bừa bãi nhất là ở đầu nguồn nước. Vận động nhân dân vùng làm nương thực hiện khẩu hiệu "từ du canh, luân canh tiến tới định canh" dần tạo điều kiện đi tới định canh, làm nương, cày hoặc ruộng bậc thang. Nơi nào có điều kiện (diện tích có nước) thì vận động quần chúng hạ sơn làm ruộng. Chú ý vận động đồng bào thấp đoàn kết tương trợ rẻo cao để phát triển sản xuất.

Những nơi không có hoặc có ít điều kiện trồng lúa nương thì kiên quyết vận động đồng bào chuyển hướng trồng thật nhiều các thứ hoa màu để chăn nuôi và khai thác lâm sản, dần dần biến vùng làm nương luân canh thành vùng rộng lớn chuyên về chăn nuôi và khai thác lâm sản. Cần có một hội nghị bàn kế hoạch cụ thể về vấn đề định canh, định cư và xuống thấp làm ruộng (Ban công tác nông thôn cùng với các ngành có liên quan chuẩn bị nội dung kế hoạch cụ thể để triệu tập hội nghị).

e) *Chuẩn bị cho vụ mùa*: căn cứ vào thời vụ tỉnh ta khoảng cách giữa hai vụ chiêm - mùa ở rẻo thấp hầu như không có, nên đối với các ruộng chân chiêm, nếu đợi đến thời vụ chiêm cần mới chuẩn bị cho vụ mùa thì không kịp, do đó trong khi làm chiêm cần tích cực chuẩn bị cho vụ mùa, nhất là về mặt trữ phân và làm thủy lợi.

Ở rẻo cao làm mùa rất sớm, khoảng tháng 3, 4, 5 âm lịch, lại chiếm một diện tích rất lớn cho nên cần nắm vững thời vụ và chuẩn bị cho kịp thời.

g) *Biện pháp kỹ thuật*: Năm 1959 là năm đầu tiên thực hiện các biện pháp kỹ thuật, nói chung với trình độ thấp, bón phân, cấy dày còn ít, mà đã mang lại kết quả rõ rệt về mặt năng suất lúa và hoa màu. Cho nên năm 1960 cũng vẫn những biện pháp thông thường, nếu cho làm rộng khắp với cả một hệ thống liên hoàn 9 điểm trên toàn diện tích trong tỉnh thì nhất định về mặt năng suất có thể tăng nhiều hơn nữa. Dựa trên phong trào đổi công, hợp tác, chúng ta hoàn toàn có đủ điều kiện để làm việc đó.

Để phục vụ cho vụ đông xuân trước mắt, cần mở một chiến dịch nước, phân, giống.

- *Về giống*: cần tiến hành một đợt kiểm tra ráo riết cả về mặt số lượng, chất lượng hạt giống để bảo đảm mức độ cấy dày phổ biến (thí dụ 20 x 20 đối với lúa, 50 x 40 đối với ngô). Các huyện cần điều hòa giống trong phạm vi huyện mình. Nếu thật là không đủ, sẽ báo cáo cấp tốc lên tỉnh để đặt vấn đề điều hòa giữa huyện này với huyện khác, chú ý những nơi mới nhập nội. Cần hết sức tranh thủ mới kịp thời vụ. Chú ý việc gieo và chăm bón, chống rét cho mạ. Trước mắt vụ đông xuân ngành nông nghiệp cần chú ý việc hướng dẫn gieo mạ và cung cấp giống cho các nơi thiếu.

- *Về phân*: phải thực hiện cho bằng được mức 7 tấn một héc-ta (tức là 1 cân giống ruộng bỏ 3 gánh phân) tính ra phân chuồng trên toàn diện tích. Nơi nào làm đủ phân bón lót thì tiếp tục trữ phân cho các đợt sau và cho vụ mùa. Chú ý bỏ phân cả cho lúa và các loại hoa màu đúng chất, đúng quy cách, đúng thời gian. Tận dụng các loại phân, nhất là phân thường (chú ý rẻo thấp) thực hiện khẩu hiệu "sạch bản tốt ruộng".

Năm 1960 phải thanh toán một phần lớn nạn cấy chay, mạnh dạn đưa phân hóa học lên rẻo cao là nơi khả năng phân có hạn, nơi thiếu phân có thể lợi dụng các đất bùn, đất thung lũng, đất màu trên đường đi, nền nhà, đất vách, đất bùn trâu đầm, bùn ao hồ, v.v..

Phát triển các loại máng, xe kéo, xe quệt đưa phân ra ruộng, cần áp dụng rộng rãi biện pháp làm phân nhiều lần, làm phân tại chỗ ở đầu bờ ruộng hoặc mương để đỡ tốn công vận tải. Chú trọng cả số lượng lẫn chất lượng phân. Các hợp tác xã thì áp dụng định mức cung cấp nguyên liệu làm phân cho các xã viên, còn hợp tác xã sẽ tập thể làm phân để tránh hiện tượng chạy theo số lượng làm cho chất lượng phân bị sút kém. Dần dần đưa vấn đề làm phân đi vào kế hoạch từng vùng: chất đất gì, trồng hoa màu gì, bón phân gì cho thích hợp (ngành nông nghiệp theo dõi hướng dẫn về kỹ thuật dùng phân thích hợp cho từng vùng).

- *Về nước*: Việc xây dựng quy hoạch thủy lợi xã, huyện, tỉnh đề ra từ năm ngoái, năm nay nhất định phải thực hiện. Thành lập ty thủy lợi tỉnh, ty cần xây dựng 3 xã điển hình ở 3 rẻo cao, giữa, thấp. Mỗi huyện một xã điển hình cho tốt. Tổ chức tham quan tại chỗ, họp hội nghị hiện trường để rút kinh nghiệm phát triển theo lối vết dầu loang, một cách thật tích cực dần dần hình thành rộng khắp ở nông thôn.

Công tác thủy lợi cần theo đúng phương châm "3 chính" mà Trung ương đã đề ra. Khâu chính là giữ nước (nhất là ở rẻo cao) rồi cho chảy dần vào ruộng vào mương bằng cách tìm nguồn nước, đào thật nhiều hồ ao để giữ nước lại, ngăn suối đào mương, đắp phai. Cần làm ngay trong đông xuân trước mùa mưa để tranh thủ lấy nước khai hoang và cày cấy vụ mùa.

Ngoài ra để đề phòng hạn hán cần thực hiện thâm canh, bón nhiều phân, cày sâu, bừa kỹ kịp thời, chăm sóc, vun xới luôn luôn để giữ độ ẩm cho đất.

2. Chăn nuôi

Cần phát triển mạnh việc chăn nuôi gia súc trong đông xuân vì thời tiết thuận lợi và có nhiều thức ăn, hoa màu, rơm, cỏ, tỉnh ta lại có nhiều khả năng về chăn nuôi, nhất là đại gia súc. Cần tích cực thực hiện bốn biện pháp kỹ thuật do Trung ương đề ra là: ăn no, giống tốt, bảo vệ (chống dịch, chống rét), chăm sóc đầy đủ; vận

động mạnh mẽ việc làm chuồng trâu, chuồng lợn, chống thả rông bừa bãi, đi đôi ngành thương nghiệp cần nghiên cứu cách tiêu thụ và giá cả hợp lý những gia súc có trong nhân dân các vùng xa thị xã. Ty Nông nghiệp chỉ đạo tốt công tác chăn nuôi và thực hiện các trạm chăn nuôi đã ghi trong kế hoạch.

Phát triển chăn nuôi tiểu gia súc cũng cần đặt ra để phục vụ cho thị xã, thị trấn, cơ quan, công trường, xí nghiệp ngày một phát triển. Bản thân các tổ chức đó cũng cần tự túc một phần trong vấn đề thịt ăn.

Hoa màu ngô, sắn, chuối rừng, cám bã ở tỉnh ta có nhiều, cần hướng dẫn nhân dân chế biến và nuôi gia súc bằng hoa màu phụ để mở rộng chăn nuôi hơn nữa.

Năm 1959 đã tiêm phòng cho trâu bò được nhiều hơn các năm trước, năm 1960 cần tiếp tục tiêm phòng, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ cho gia súc. Cần nghiên cứu chấm dứt nạn bê nghé chết sơ sinh ở tỉnh ta, trước mắt cần bao vây dập tắt các ổ dịch gia súc khi xảy ra cho kịp thời.

Hiện nay trong nông thôn có nạn lạm sát trâu, lợn, một phần do phong tục tập quán, một phần trong nhân dân có một số còn tư tưởng sợ hợp tác hóa (vì không hiểu chính sách hoặc luận điệu phản tuyên truyền). Cho nên một mặt phải giải quyết vấn đề chính sách: định giá công trâu cho hợp lý, tổ chức chăn dắt trâu cho tốt và nghiên cứu bình công điểm cho ngựa thồ trong các hợp tác xã nông nghiệp. Mặt khác phải nhắc nhở nhân dân thực hiện đúng Sắc lệnh số 163/SL của Chính phủ.

Trong các dịp tết lại càng phải tuyên truyền, giải thích cho nhân dân tiết kiệm mổ thịt gia súc để ăn tết. Mặt khác, bộ đội, cơ quan, công trường, xí nghiệp cần phải gương mẫu trong vấn đề tuân thủ thể lệ sát sinh.

3. Nghề cá

Phát triển nuôi cá hồ ao, cá ruộng (đi đôi với phát triển thủy lợi) là một nguồn thu rất lớn của nhân dân mà ta chưa biết triệt để

khai thác. Nhất là các hợp tác xã nông nghiệp có khả năng về vốn, nhân lực, đất đai cần khuyến khích nuôi cá tập thể để trở thành một nghề phụ quan trọng của hợp tác xã.

Trong việc chăn nuôi cá cần áp dụng 5 biện pháp kỹ thuật do Trung ương đề ra: "đào sâu, đắp cao, giống tốt, thả dày, ăn no". Chú trọng nuôi nhiều loại cá trên 3 mức nước: nổi, lưng chừng, sâu với mức độ thả dày hợp lý (từ 500 đến 1.000 cá giống trên 1 sào Bắc Bộ, tức là 3 cần giống ruộng) để có thể tận dụng hết các thức ăn ở trong nước.

Cần điều hòa giống từ nơi thừa (thị xã, Bảo Thắng) đến nơi thiếu (Bát Xát, Mường Khương) thông qua Ty Nông nghiệp tỉnh giới thiệu, sử dụng một số người có kinh nghiệm chuyên gánh cá giống cung cấp từng chặng cho nhân dân, khuyến khích nhân dân lấy các trứng cá sông về ương và nuôi.

4. Nghề rừng

Đối với tỉnh ta việc bảo vệ tái sinh rừng luôn luôn cần được nhắc nhở và thi hành vì ta còn nhiều thiếu sót về mặt này. Nhất là mùa làm nương sắp tới, cần tích cực lãnh đạo nhân dân phát đốt nương hợp lý. Mặt khác những nơi có hợp tác xã nông nghiệp, nên phân cấp quản lý rừng theo quy hoạch đơn giản của Ty Lâm nghiệp. Cần có thể lệ khai thác lâm thổ sản cụ thể và ngăn cấm chặt phá cây bừa bãi, hạn chế đi đến ngăn cấm việc lấy măng nứa, vầu.

Đẩy mạnh việc trồng cây gây rừng để duy trì và phát triển nguồn lợi lâu dài và to lớn về rừng của nhân dân. Thực hiện tết trồng cây do Hồ Chủ tịch khởi xướng chủ yếu cũng là trong vụ đông xuân này. Muốn cho phong trào trồng cây được kết quả, cần phân công, phân nhiệm rõ ràng mỗi cá nhân, mỗi đơn vị phụ trách một số cây nhất định suốt từ khi trồng đến khi lớn. Cần có quy hoạch rừng vùng trồng những cây loại nào, nhằm lấy gỗ và cây ăn quả là chủ yếu, tránh giống xen kẽ lung tung, vận động giống tre, mai ở những vùng ven sông Hồng. Các nơi cần tổ chức việc ương giống cây để lấy cây trồng.

Việc khai thác gỗ, tre, nứa, lá, củi để phục vụ cho kiến thiết cơ bản và sinh hoạt của nhân dân cần kết hợp chặt chẽ với việc làm chiêm. Vì nhân lực tỉnh ta không đủ, nên cần củng cố, phát triển lực lượng khai thác, đi tới chuyên nghiệp hóa một bộ phận. Tranh thủ một số nhân lực ở xuôi lên để hướng vào khai thác lâm thổ sản nhưng phải chú ý tổ chức, lãnh đạo và giáo dục chặt chẽ, điều hòa quyền lợi giữa người ở xuôi lên và người trong làng để tránh xích mích bất lợi đến đoàn kết dân tộc. Mặt khác, trong việc sử dụng gỗ, tre nứa, củi cần phải tiết kiệm đối với củi nên phát triển làm và dùng than cám, than quả bàng thay củi.

Nơi có hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã phải nắm lấy việc khai thác lâm thổ sản của xã viên, quản lý chặt chẽ, dần dần đưa vào tập thể, mặt khác đề cao năng suất lao động nông nghiệp để ngoài việc phục vụ cho sản xuất có thể dành một số nhân lực cho việc khai thác lâm thổ sản.

Nơi chưa có hợp tác xã nông nghiệp phải thông qua tổ đổi công mà quản lý nhân lực khai thác lâm thổ sản để khỏi ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

Mặt khác phải đẩy mạnh khai thác lâm sản phụ, đồng thời nâng cao tỷ lệ khai thác rừng, triệt để sử dụng cành, ngọn. Các Ty Lâm nghiệp và công nghiệp địa phương cần nghiên cứu làm gỗ ván để sử dụng các gỗ thừa, bắp, ngành, ngọn để có hàng xuất khẩu.

5. Vấn đề kết hợp công tác khác

Muốn hoàn thành được vụ đông xuân thắng lợi vượt bậc toàn diện và vững chắc trong hoàn cảnh địa phương có rất nhiều công tác phải làm trong một lúc phải giáo dục cho cán bộ và nhân dân luôn luôn nắm vững khâu chính công tác. Trong giai đoạn hiện tại, tất cả các công tác khác ở nông thôn phải kết hợp chặt chẽ với sản xuất nông nghiệp.

Trước mắt chúng ta, công tác điều tra dân số là công tác trung tâm đột xuất, nhưng tuyệt đối không phải vì công tác dân số mà lơ là với các nhiệm vụ khác nhất là sản xuất nông nghiệp. Trái lại

phải biến số cán bộ đi làm điều tra dân số khi xuống xã trở thành một đạo quân vĩ đại phục vụ cho sản xuất đông xuân. Cụ thể là trước khi bắt tay vào việc tổ chức cho cán bộ xã và nhân dân học tập và tiến hành điều tra dân số, cần dành một thời gian từ 2 đến 3 ngày cho cán bộ dân số đi kiểm tra, đôn đốc giúp đỡ nhân dân chuẩn bị sản xuất cho tốt. Trong quá trình điều tra dân số, trừ trường hợp đặc biệt kể cả thời gian đăng ký, phải tránh vì dân số làm ảnh hưởng đến sản xuất của nông dân. Phải làm việc với tinh thần hết sức khẩn trương, liên tục, tranh thủ thời gian làm cả hai công tác trung tâm đột xuất và thường xuyên ăn khớp và chặt chẽ để bảo đảm thắng lợi cả hai.

Để đi vào sản xuất có kế hoạch, cần quy định trọng tâm từng vùng như sau:

Rẻo thấp: lúa chiêm, bông, bắp, lợn thịt, cá, trâu cày.

Rẻo giữa: ngô, khoai, sắn, bông, lúa nương, lợn sinh sản, gà.

Rẻo cao: bắp, đỗ tương, lúa mùa, lợn sinh sản, ngựa.

Về thời vụ tham khảo lịch nông nghiệp của Ty Nông nghiệp đã gửi cho các nơi.

II. CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG VÀ THỦ CÔNG NGHIỆP

Đối với các công trường, xí nghiệp của Trung ương ở địa phương cần tiếp tục hoàn thành giải quyết những tồn tại trong cuộc phát động cải tiến quản lý xí nghiệp và phát huy thắng lợi của cuộc phát động đó, cần tổ chức việc học tập Nghị quyết Trung ương 14, 15, 16 cho tốt để nâng cao thêm tư tưởng, lập trường, nhận thức cho cán bộ, công nhân, tiếp tục giải quyết những tư tưởng thối nát tồn tại sau phát động, đồng thời đẩy mạnh sản xuất với một tinh thần tích cực vào những tháng đầu năm để hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất năm 1960. Cần phải thực hiện tốt khẩu hiệu: nhiều, nhanh, tốt, rẻ, an toàn lao động. Phải làm sao cho sản xuất tốt và không xảy ra tai nạn chết người như một số trường hợp xảy ra năm qua.

Các cấp, các ngành ở địa phương cần chú ý đến các công trường, xí nghiệp trong tỉnh. Cụ thể là động viên nhân lực, cung cấp vào công trường, xí nghiệp một số người địa phương để vừa phục vụ cho kế hoạch sản xuất, vừa đào tạo công nhân địa phương được tốt, chú ý đến vấn đề cung cấp nguyên vật liệu, thực phẩm và các hoạt động thi đua, văn hóa, thể thao thể dục, v.v. ở các công trường, xí nghiệp.

Về công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp tỉnh ta hãy còn non yếu, cho nên cần nghiên cứu và thi hành một số việc nhất định như sau:

Hoàn thành cơ sở sản xuất để tranh thủ sản xuất vật liệu phục vụ kiến thiết cơ bản như gạch tiêu chuẩn, ngói, vôi, gỗ xẻ. Cố gắng sản xuất một số nông cụ thường và nghiên cứu sản xuất thí nghiệm nông cụ cải tiến: răng bừa sắt, máy gieo hạt, cào cỏ bằng sắt, máy thái sắn, xe vận tải cải tiến đi đường dốc, máy làm bột, máy xe chỉ sợi lanh.

Tại các huyện và thị xã, dựa trên cơ sở 3 cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát động một phong trào công nghiệp địa phương, đồng thời mở hội nghị nắm tình hình thủ công nghiệp để nhằm có biện pháp khuyến khích phát triển, nhất là phải chú ý rèn đúc phục vụ nông nghiệp và ngành vật liệu kiến trúc. Mặt khác mở cuộc vận động rộng rãi trong nhân dân, cán bộ, học sinh thu nhặt sắt, thép, gang, đồ dùng kim khí cũ đóng góp vào công nghiệp địa phương. Ngoài ra ban công nghiệp cần nghiên cứu quyết định dứt khoát việc xây dựng thủy điện ở Mường Khương.

Cử người đi học làm tơ chuối, làm dầu rế cây pơmu ở Bộ Ngoại thương, làm gạch lá nem, làm ngói ở Tổng Công ty vật liệu xây dựng. Nghiên cứu vấn đề vật liệu xây dựng cốt gạch nhằm phát triển cuối năm phục vụ cho việc xây xát thóc do Nhà nước thu mua.

Để bảo đảm nhiệm vụ trên, năm nay cần kiện toàn bộ máy công nghiệp ở tỉnh tương đối đầy đủ. Ở các huyện cần chú ý có người phụ trách về thủ công nghiệp địa phương.

III. THƯƠNG NGHIỆP

Cần tiếp tục công tác ba thu, trọng điểm là Bảo Thắng, thí điểm chế độ hợp đồng bán nông sản một số nơi. Đẩy mạnh thu mua các loại hàng khác như thảo quả, thuốc phiện, nông lâm sản phụ. Mở rộng ngành mộc, may mặc, gạch, ngói, xay xát, chăn nuôi, ăn uống, tiến hành sản xuất rượu bắp, phát triển cửa hàng thuốc bắc, nên nghiên cứu và tiến hành việc lãnh đạo hướng dẫn gia công rượu ở các địa phương huyện.

Tăng cường phục vụ sản xuất nông nghiệp, xuất khẩu và kiến thiết cơ bản, đồng thời tích cực giúp đỡ hợp tác xã mua bán. Tăng thêm các mặt hàng cần thiết (...) vừa để cung cấp hàng hóa tương đối đủ theo yêu cầu của cơ quan, công trường, xí nghiệp và nhân dân, vừa bán hàng ra thu tiền về góp phần quản lý tiền mặt. Phối hợp với ngành Hải quan để cải tạo gian thương và người nghiện hút.

Cố gắng bình ổn vật giá thực phẩm và phối hợp với các ngành có liên quan lãnh đạo giá vật liệu kiến thiết và hàng hóa thủ công, thành lập hội đồng vật giá nghiên cứu lại giá một số hàng cho hợp lý hơn và tiêu thụ nông lâm sản ở các vùng xa. Về công tác quản lý kinh doanh, cần tổng kết tốt công tác năm 1959, rút kinh nghiệm phát triển phương thức định mức kinh doanh ở các cửa hàng, đề cao dân chủ đi đôi với tập trung đề cao sáng kiến của cán bộ trong vấn đề hợp lý hóa tổ chức, giảm phí lưu chuyển, hạ giá thành kinh doanh. Huấn luyện về nghiệp vụ kinh doanh cho cán bộ thương nghiệp và cán bộ hợp tác xã mua bán. Đồng thời ngành thương nghiệp cần tăng cường giáo dục tư tưởng và chính trị cho cán bộ công nhân viên đề cao ý thức phục vụ, cải tiến phương thức kinh doanh cho hợp với sinh hoạt của quần chúng, tiếp tục chỉnh huấn cán bộ, nhân viên thương nghiệp.

Về ngoại thương: hoàn thành hợp đồng mậu dịch địa phương và hợp đồng mậu dịch cửa khẩu, đồng thời xây dựng kế hoạch xuất khẩu và kế hoạch nhập khẩu của Trung ương và địa phương để

chuẩn bị đàm phán, trên tinh thần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp và công nghiệp của địa phương. Đi đôi với việc vận động khai thác các lâm thổ sản của địa phương, phải tuyên truyền phương pháp bảo vệ nguồn lợi lâu dài cho nhân dân.

Ở ven biên giới cần liên tục giáo dục nhân dân cùng cán bộ chống buôn lậu thuốc phiện và các hàng cấm khác, tăng cường giám quản đường liên vận.

Các ngành có trách nhiệm trong công tác ngoại thương cần giữ ý thức tôn trọng hợp đồng với bạn, tăng cường giáo dục tinh thần đoàn kết quốc tế hữu nghị cho cán bộ, nhân viên.

IV. TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

1. Tài chính

Hoàn thành nhiệm vụ ba thu và phối hợp chặt chẽ các ngành có liên quan để (...), chống lạm khai gian lận. Tích cực thu các khoản khác như hạt rau, thu sự nghiệp phí của nông lâm, y tế, giao thông. Đẩy mạnh giám đốc và thu lãi của các xí nghiệp quốc doanh trung ương và địa phương.

Ngoài nhiệm vụ phục vụ cho công tác cải cách dân chủ và hợp tác hóa, cần chú ý cấp phát kịp thời cho các công trình kiến thiết cơ bản của địa phương, chú ý chi tiêu cho cơ sở hơn nữa và tăng cường kiểm tra sự chi tiêu nhằm đôn đốc đi đúng và hoàn thành kế hoạch, chống lãng phí. Tăng cường thêm cán bộ cho tài chính, chú trọng các cơ quan, xí nghiệp; tăng cường bộ phận thanh tra tài chính, đồng thời đề cao ý thức và kỷ luật đối với nguyên tắc chế độ tài chính trong các cấp, các ngành.

Phổ biến học tập chính sách thuế đối với hợp tác xã nông nghiệp và thủ công nghiệp.

Bước đầu phân cấp quản lý tài chính cho các ngành và các huyện, nhất là về mặt thu, có biện pháp đề cao tinh thần tiết kiệm và một số chính sách lớn về tài chính của chế độ xã hội chủ nghĩa.

2. Ngân hàng

Tập trung quản lý tiền mặt bằng cách tích cực kiểm tra hơn nữa và mở rộng tuyên truyền huy động vốn theo thể thức tiết kiệm mới, cố gắng giảm bội chi, mức phấn đấu giảm 8% so với kế hoạch bội chi 6 tháng đầu năm 1960. Muốn thu chi tiền mặt được nhanh và tốt, cần xây dựng kho phát hành cho tất cả các huyện.

Tăng cường nghiệp vụ đi sâu từng vùng, chú ý cho vay phục vụ hợp tác hóa, chiếu cố thích đáng nông dân cá thể, nông dân miền núi nhất là rẻo cao.

Củng cố các quỹ nghĩa thương và nghiên cứu giúp đỡ việc sử dụng vốn quỹ nghĩa thương, đồng thời nghiên cứu việc quản lý và sử dụng các thứ quỹ các đoàn thể, quỹ xã ở nông thôn để có nhiều tác dụng tốt trong việc sử dụng đồng tiền.

V. KIẾN THIẾT CƠ BẢN

Công tác kiến thiết cơ bản năm 1960 có tính chất rất trọng yếu đối với tỉnh ta, một mặt để phục vụ cho sản xuất công nông nghiệp, giao thông vận tải trong tỉnh, mặt khác để làm một số công trình có tính chất phúc lợi chung như bệnh viện, trường học và làm thay đổi bộ mặt tỉnh ta, tăng thêm lòng phấn khởi tin tưởng của cán bộ và nhân dân các dân tộc trong phong trào tiến lên xã hội chủ nghĩa.

6 tháng đầu năm phải bảo đảm phần lớn những chỉ tiêu chính về kiến thiết cơ bản của tỉnh trước mùa mưa, có như thế mới bảo đảm hoàn thành kế hoạch cả năm, đồng thời phát huy tác dụng cho giai đoạn thu đông 1960 là dịp ta kỷ niệm 15 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (2-9) và 10 năm giải phóng Lào Cai (1-11). Trước mắt phải thực hiện những việc sau đây:

Củng cố và tăng cường bộ máy quản lý thiết kế thi công cho tốt, chú trọng bộ phận kiến thiết cơ bản trong Ủy ban kế hoạch tỉnh và Ty Kiến trúc, đề nghị Trung ương cho thành lập công ty kiến trúc riêng không nằm trong Ty Kiến trúc. Xây dựng đội công trình kiến

thiết cơ bản có tương đối đủ cán bộ chính trị, kỹ thuật và thợ lành nghề để có thể thi công những công trình lớn một cách mỹ thuật và chắc chắn. Phân công phân nhiệm rõ ràng trong bộ máy quản lý kiến thiết cơ bản giữa các cơ quan có trách nhiệm, Ủy ban hành chính, Ủy ban kế hoạch và Ty Kiến trúc phối hợp công tác chặt chẽ dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh.

Giải quyết các vấn đề cụ thể về nhân lực, nguyên vật liệu, thiết kế, địa điểm, điện nước. Về nguyên liệu xây dựng cần có sự phân công dứt khoát giữa công nghiệp địa phương và Ty Thương nghiệp, cần chuẩn bị trước cho chu đáo, có thể đề nghị cho ứng trước kinh phí mua nguyên vật liệu trước để tránh gỗ, nứa bị mọt. Phát động một phong trào quần chúng thu nhặt sắt, thép gang phục vụ cho kiến thiết cơ bản địa phương nhằm tự túc một phần về nguyên vật liệu, mặt khác tích cực đặt vấn đề với Trung ương giúp đỡ Lào Cai về sắt, xi măng và các nguyên liệu khác mà Lào Cai không thể sản xuất được.

Tranh thủ trên duyệt nhanh quy hoạch thành phố để các cơ quan an tâm xây dựng, đặt trình tự xây dựng nhằm ưu tiên những công trình lớn của tỉnh do Ty Kiến trúc tỉnh chịu trách nhiệm thiết kế và thi công. Những công trình nào Ty Kiến trúc không đảm nhiệm được phải đặt vấn đề sớm với Trung ương để đề nghị giúp đỡ kịp thời. Các huyện và các cơ quan cố gắng tự xây dựng trong phạm vi kinh phí đã được duyệt, nhưng về mặt thiết kế công trình cho các cơ quan thì do Ty Kiến trúc cần đảm nhiệm giúp đỡ, thiết kế chu đáo.

Đồng thời với việc lấy nhân lực ở dưới xuôi lên, phải dần dần từng bước xây dựng đội ngũ kiến thiết cơ bản của địa phương, mặt khác phát triển phong trào lao động xã hội chủ nghĩa phục vụ cho kiến thiết cơ bản địa phương.

Trong công tác kiến thiết cơ bản, cần chú trọng đặc biệt chống tham ô, lãng phí, bảo đảm chất lượng và hạ giá thành công trình, tăng cường công tác chính trị và tư tưởng đi đôi với tổ chức sinh hoạt chu đáo ở các công trường xây dựng.

Trong khi làm những việc trên, phải nghiên cứu xây dựng hướng kiến thiết cơ bản cho nông thôn miền núi ở những nơi đã hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp.

VI. GIAO THÔNG VẬN TẢI, LAO ĐỘNG, BƯU ĐIỆN

1. Về giao thông vận tải

Cần hoàn thành những công trình còn dở của năm 1959 và thực hiện tốt kế hoạch cầu đường 6 tháng đầu năm đã đề ra. Tăng cường công tác quản lý và sửa chữa thường xuyên các đường dân sinh kinh tế. Ở các huyện cần giao trách nhiệm bảo vệ cầu cống sửa chữa đường sá trong huyện, trong xã cho các xã, phát quang các đường tiểu mạch trong thôn xã. Các xã cần phân công ủy viên xã phụ trách giao thông trong xã.

Ngoài việc phát triển và củng cố việc vận tải bằng xe ô tô, ngành giao thông cần nghiên cứu và kiên quyết tiến hành cải tiến phương tiện vận tải thô sơ, hợp với địa phương miền núi, phát triển việc vận tải bằng xe trâu, xe ngựa ở những đường có thể được. Cần củng cố, phát triển và giáo dục tốt các tổ công đoàn vận tải, bốc vác trong tỉnh, huyện, đồng thời nghiên cứu giá cả vận tải, bốc vác cho hợp lý hơn nữa (hiện nay giá bốc vác vẫn cao).

2. Về lao động

Năm nay việc quản lý và điều phối lao động càng trở nên quan trọng, do đó cần phải quản lý chặt chẽ hơn. Các cấp, các ngành cần có kế hoạch sử dụng nhân lực và phải quản lý giáo dục tốt khi sử dụng. Muốn vậy ngành lao động và các huyện cần nắm khả năng nhân lực một cách toàn diện hơn. Ngoài ra cần vận động tổ chức một lực lượng thanh niên địa phương đưa vào các công trường, xí nghiệp để đào tạo thợ.

Tăng cường công tác tổ chức và giáo dục các lao động thuê khoán cũng như dân công địa phương, chú ý đến vấn đề ăn ở và các chế độ đối với lao động, chú ý công tác bảo hộ lao động cho tốt.

Ngoài các việc trên, ngành lao động còn có trách nhiệm tham gia tiến hành công tác cải tiến và tăng lương năm nay.

3. Về bưu điện

Tiến hành xây dựng mạng lưới điện thoại nội hạt (thị xã) cho tốt hơn và tăng cường củng cố, phát triển các đường dây xuống huyện và khu vực, bảo đảm chất lượng khi đàm thoại cho các cơ quan sử dụng điện thoại, ngành Bưu điện phối hợp với công an vũ trang nghiên cứu và xây dựng các đường dây điện thoại dọc biên giới. Việc xây dựng dựa vào sức dân một phần. Các địa phương cần chú ý bảo vệ đường dây cho tốt.

Tăng cường củng cố và xây dựng giao thông từ tỉnh xuống huyện, từ huyện xuống xã làm sao cho hợp lý hơn và bảo đảm nhanh, kịp thời, không thất lạc thư từ, phục vụ nhiệm vụ chính trị kinh tế của tỉnh được tốt. Lập các trạm bưu chính xã ở Bảo Thắng.

Mở rộng nghiệp vụ của ngành bưu điện về củng cố công tác khác như phát hành báo chí, điện báo, v.v..

Điểm chú ý là ngành bưu điện cần phát huy thắng lợi của cuộc phát động cải tiến quản lý xí nghiệp vừa qua, giải quyết tiếp tục những vấn đề còn tồn tại, chú trọng giáo dục, giải quyết tư tưởng nâng cao giác ngộ thêm cho các đảng viên và cán bộ công nhân viên giáo dục ý thức và tinh thần trách nhiệm an tâm phục vụ tốt công tác của ngành ở Lào Cai.

VII. VĂN HÓA, THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN

Ở Ty Văn hóa tỉnh trong năm 1960 các mặt công tác hoạt động đều cần phải mau chóng sắp xếp ổn định và củng cố tổ chức tăng cường công tác giáo dục và huấn luyện để nâng cao nhận thức và nghiệp vụ công tác văn hóa cho tất cả cán bộ, công nhân viên trong ngành.

Tích cực phấn đấu để hình thành tổ chức văn hóa cấp huyện và xã, tăng cường giúp đỡ, hướng dẫn các cơ sở sẵn có và phát triển

dần từng bước. Tích cực chú ý nội dung chính trị, nội dung tư tưởng trong công tác văn hóa, mở rộng công tác vận động lực lượng quần chúng tham gia phong trào sinh hoạt văn hóa, vận động phong trào sáng tác thơ ca, văn học cho nông thôn và thành thị, trước đầu xây dựng một nếp sống mới trong sinh hoạt nông thôn và thành thị. Tích cực tham gia tuyên truyền phổ biến khoa học và kỹ thuật, vận động cải đổi hủ tục và mê tín một cách liên tục, thường xuyên trên cơ sở giáo dục và bằng thực tế để nhân dân tự nguyện sửa đổi dần dần.

Chuẩn bị đầy đủ cho những ngày kỷ niệm lớn. Cụ thể là:

+ Chuẩn bị tốt mở hội diễn toàn tỉnh vào dịp ngày 19-5.

+ Mở lớp huấn luyện ngắn ngày về vũ nhạc cho các cơ sở văn nghệ, chú ý các xí nghiệp.

Cần có kế hoạch bồi dưỡng cho các cơ sở văn nghệ nông thôn bằng hình thức huấn luyện lưu động.

Mở một hội nghị văn hóa cán bộ huyện sau khi đã tổ chức xong ở huyện để bồi dưỡng nhận thức và nghiệp vụ.

Tổ chức những cuộc sơ kết đi sâu vào những vấn đề chính của từng bộ phận để nâng cao lý luận và nghiệp vụ công tác (ví dụ công tác thuyết minh trong vùng dân tộc, sử dụng lực lượng phát hành sách báo, v.v.).

Có kế hoạch kết hợp chặt chẽ các bộ môn trong ngành và ngoài ngành (như nông, lâm, giáo dục, y tế, v.v.) để tập trung lực lượng phục vụ những nhiệm vụ chính và tuyên truyền rộng rãi trong công tác văn hóa.

Phương hướng của hoạt động văn hóa như chiếu bóng, ảo đăng, văn công, v.v. nói chung cần chú ý đến đối tượng công nông, chú ý vào nông thôn và các dân tộc, nhất là vùng cao hơn nữa.

Về mặt thông tin, tuyên truyền, tờ tin Lào Cai cần chú ý nội dung phong phú hơn, tổ chức việc đọc tin cho tốt, đồng thời cần tổ chức phát thanh, kẻ khẩu hiệu thường xuyên ở các nơi. Tổ chức các cơ sở thông tin - văn hóa xã, thôn.

Ban Tuyên huấn tỉnh thường ký hàng tháng, hàng tuần tóm tắt tin tức đưa xuống dưới cơ sở để phổ biến.

VIII. Y TẾ

Để thực hiện chủ trương đẩy mạnh công tác vệ sinh phòng bệnh một cách rộng rãi và chắc chắn, cần đào tạo cán bộ y tế xã và sinh viên làm nòng cốt cho ban phòng bệnh xã. Mặt khác cần kết hợp với các công tác trung tâm mà mở các cuộc vận động "sạch làng tốt ruộng".

Về điều trị phải lấy phương châm "nâng cao chất lượng điều trị kịp thời" làm mục tiêu phấn đấu. Trong 6 tháng ở tỉnh sẽ hoàn thành việc mở rộng bệnh viện tỉnh 150 giường, có thêm nhi khoa (20 giường) và sản khoa (10 giường). Thành lập phòng đông y và đội da liễu. Tiếp tục tổ chức khám và quản lý sức khỏe cho cán bộ trong tỉnh.

Ở huyện sẽ hoàn thành xây dựng bệnh xá Bản Lầu và 3 trạm xã dân lập ở Mường Hum, Thanh Phú, Si Ma Cai. Ở thị xã nên xây dựng phòng y tế và tổ chức hộ sinh dân lập.

Ở xã sẽ thành lập 5 trạm y tế dân lập: Bảo Thắng 3, Bắc Hà 1, Bát Xát 1.

Đề nghị Trung ương cho các thiết bị một bệnh viện hiện đại và mở rộng thêm bệnh viện tỉnh.

IX. GIÁO DỤC

Để thực hiện nhiệm vụ giáo dục nặng nề 1960 là nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ công nhân viên và nhân dân các dân tộc, làm cơ sở cho cuộc cách mạng văn hóa và kỹ thuật sau khi quan hệ sản xuất đã thay đổi, thực hiện tốt kế hoạch trước mắt và lâu dài, ngoài những việc đã làm, cần giải quyết một số công việc cụ thể dưới đây:

1. Về bình dân học vụ

Huy động 10.000 người đi học lớp sơ cấp, 3.500 người đi học lớp bổ túc cấp I và 600 người đi học bổ túc cấp II, sau đó duy trì và củng cố tất cả các lớp đã khai giảng được.

Mở trường bổ túc văn hóa cán bộ với 2 lớp: 4, 5 gồm 60 học viên.

Mở trường văn hóa tập trung ở 5 huyện dạy cho 500 cán bộ xã (từ mù chữ đến nửa lớp 1 và từ mãn khoá sơ cấp đến hết lớp 2). Vấn đề này rất cần thiết nhưng chưa ghi trong kế hoạch năm 1960, vì vậy đề nghị Trung ương cho xin kinh phí để làm.

Mở lớp dân tộc 60 giáo viên chữ Miêu, sử dụng những người đã biết chữ Miêu để làm giáo viên để mở lớp ở những vùng người Mèo, thành lập bộ phận chữ Miêu ở ty giáo dục tỉnh. Dịch một số sách sơ cấp và bổ túc bình dân học vụ cấp I bằng chữ phổ thông ra chữ Miêu để kịp thời phục vụ cho phong trào trong khi chờ đợt sách chính thức của Bộ.

Đối với cán bộ, công nhân viên phải lấy học tập bổ túc văn hóa tại chức làm chủ yếu, ty giáo dục cần cử một cán bộ chuyên trách theo dõi và dạy văn hóa cho cán bộ lao động ở tỉnh.

2. Về giáo dục phổ thông

Nghiên cứu vấn đề trợ cấp trường dân lập Hoa kiều ở thị xã.

Tăng thêm học sinh vào học trường thiếu nhi miền núi (lấy thanh, thiếu niên).

Mở lớp mẫu giáo thí điểm ở thị xã và 1 lớp ở thị trấn Sa Pa, đồng thời tuyên truyền rộng rãi cho công tác mẫu giáo chuẩn bị điều kiện để có thể đào tạo một lớp cán bộ mẫu giáo, phát triển mẫu giáo ở thị xã, thị trấn và xí nghiệp. Năm nay cần kiên quyết xây dựng nhà trường mẫu giáo ở thị xã.

3. Những biện pháp lớn

Tổ chức tuyên truyền rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân về vai trò của công tác giáo dục trong sự nghiệp cách mạng, mục đích phương châm giáo dục xã hội chủ nghĩa.

Kết hợp chặt chẽ với các công tác trung tâm của tỉnh để duy trì và phát triển phong trào toàn ngành, phải có kế hoạch phục vụ cho các công tác trung tâm bằng cách tuyên truyền trong nhân dân, giáo dục chính sách trên lớp và trực tiếp tham gia ở địa phương.

Phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể quần chúng phát động một phong trào thi đua sôi nổi phát triển giáo dục. Vận động toàn thể cán bộ, công nhân viên bộ đội, tất cả những người biết chữ đều làm chính trị giáo dục, động viên khen thưởng kịp thời những người có thành tích.

Phân cấp quản lý giáo dục cho huyện để phát huy tính tích cực và sáng tạo của địa phương.

C. THANH TOÁN SỐ PHỈ CÒN LẠI, RA SỨC CẢI TẠO PHẦN TỬ PHẢN CÁCH MẠNG, CỦNG CỐ TRẬT TỰ TRỊ AN XÃ HỘI

Năm 1960 là năm có nhiều sự kiện lịch sử to lớn, là năm hoàn thành căn bản công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, công thương nghiệp tư doanh ở miền Bắc nước ta. Nhưng năm 1960 cũng là năm đấu tranh gay go quyết liệt hơn giữa cách mạng và phản cách mạng vì một khi công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa càng tiến tới, những phần tử chống đối xã hội chủ nghĩa ngoan cố nhất sẽ càng điên cuồng chống lại cách mạng.

Ở Lào Cai chúng ta, những thắng lợi của nhiệm vụ hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ đối với nông nghiệp và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh sẽ tạo thêm thuận lợi mới cho việc thanh toán số phỉ còn lại và cải tạo những phần tử phản cách mạng, củng cố vững chắc hơn nữa trật tự trị an xã hội mặt khác bọn đặc vụ phản cách mạng Trung Quốc cùng bọn phản động địa phương thuộc giai tầng bóc lột càng cảm thấy hết chỗ dựa cũng sẽ âm mưu chống phá ta quyết liệt hơn. Ngay bọn tội phạm hình sự, bọn lưu manh buôn lậu cũng cảm thấy hết thời

hoạt động phi pháp nên đa số có thể hối cải, nhưng có những tên sẽ quay hoạt động biến hình hơn để mưu kiếm chác gỡ gạc thêm.

Do đó cuộc đấu tranh của chúng ta chống lại các bọn đặc vụ, bọn phản cách mạng Trung Quốc, bọn gián điệp của đế quốc các loại phản cách mạng địa phương và bọn tội phạm hình sự khác để bảo vệ tốt công cuộc sản xuất xã hội chủ nghĩa và an toàn cho địa phương vẫn là một cuộc đấu tranh giai cấp gay go phức tạp và quyết liệt. Nên phải triệt để quét sạch bọn phản cách mạng, đó là một nhiệm vụ có tính chất quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa, là cuộc đấu tranh phức tạp, gian khổ và lâu dài phải làm suốt thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội hoặc dài hơn nữa nhưng phải tranh thủ thời gian phấn đấu thực hiện mục tiêu đó càng sớm càng tốt. Đối tượng phản cách mạng ở Lào Cai nổi rõ bọn đặc vụ, phản cách mạng Trung Quốc sang cấu kết với bọn phản động địa phương trong giai cấp từng bóc lột rồi đến bọn gián điệp Mỹ - Diệm, biệt kích, phản động trong Thiên Chúa giáo.

Căn cứ vào tình hình địch ta ở miền Bắc, hướng của Trung ương hiện nay: Cần phải tăng cường công tác đấu tranh chống bọn phản cách mạng để cho đến hết năm 1961 căn bản quét sạch được bọn phản cách mạng. Cụ thể là nhằm đạt 5 yêu cầu sau đây:

a- Phát hiện và trừng trị kịp thời bọn phản cách mạng hiện hành bảo đảm không để chúng phá hoại.

b- Trên cơ sở sưu tra tốt nắm vững được những hành động của bọn hiềm nghi và phần tử địch.

c- Các luận điệu phản tuyên truyền của địch bị quần chúng đấu tranh vạch trần và đập tan kịp thời.

d- Bọn tề, ngụy, phản động cũ chịu tuân theo pháp luật chấp hành chính sách, đại bộ phận được cải tạo tích cực sản xuất ủng hộ cách mạng xã hội chủ nghĩa.

đ- Quần chúng tích cực tham gia bảo vệ trật tự trị an.

Căn cứ vào tình hình nhiệm vụ chung, nhiệm vụ bảo vệ trị an trong 6 tháng đầu năm 1960 của chúng ta là:

1. Phải kiên quyết kịp thời trấn áp mọi hoạt động phản cách mạng hiện hành, trước hết bảo đảm không để kẻ địch gây đột xuất vũ trang nổi loạn. Đối với bọn đặc vụ, gián điệp cần điều tra theo dõi, giám sát chặt chẽ nếu cần, phải xử lý kịp thời. Đối với những bọn phỉ còn lẩn trốn trên rừng phải thanh toán hết, mặt khác xuyên qua công tác cải tạo đối tượng và các công tác khác ở địa phương để xây dựng cơ sở, trắng lười nhanh chóng vây bắt những bọn biệt kích một khi được Mỹ - Diệm, phản động Lào tung về. Đối với bọn phản cách mạng Trung Quốc chạy sang hiện còn lẩn khuất ở các xã cần phối hợp với bạn phải nắm vững được danh sách tiến hành nhặt thường xuyên và tiến tới giải quyết triệt để loại này trong năm 1960.

- Đối với những hoạt động phá hoại hiện hành, nhất là hoạt động phản tuyên truyền phá hoại chế độ, chính sách,... phải phát động, phải đấu tranh, phải trấn áp tùy mức độ, chú ý phân biệt những phần tử địch với quần chúng lạc hậu.

Muốn tiến hành đánh địch có kết quả phải tùy theo tình hình thực tế của từng khu vực và tùy theo tính chất, đặc điểm của từng loại đối tượng phản cách mạng mà có kế hoạch tiến hành cho thích hợp. Tinh thần đánh địch phải khẩn trương, tích cực, chủ động không lơ lửng và có kế hoạch cụ thể, nắm vững phương châm bảo vệ mình, tiêu diệt địch chủ động trong mọi tình hình.

Cần nghiên cứu cụ thể những hình thức đánh địch cho thích hợp để phục vụ tốt các cuộc vận động quần chúng thực hiện nhiệm vụ công tác trung tâm của Đảng, Chính phủ, tránh khuynh hướng tách rời.

Phải vận dụng các biện pháp và hình thức đánh địch cho thích hợp (biện pháp: giáo dục, cảnh cáo, quản chế, đến bắt xử tù, tử hình...). Ở những nơi tình hình chính trị không phức tạp lắm thì phải tích cực đánh địch theo lối thường xuyên phải chú trọng đến tác dụng của lực lượng quần chúng trong công tác đánh địch, khéo léo kết hợp với các nhiệm vụ trung tâm ở địa phương. Ở những nơi (xóm, thôn hay xã) mà lực lượng phản động còn nhiều, uy thế hoạt

động phá hoại của chúng trở ngại nghiêm trọng cho việc thực hiện các chính sách của Đảng và Chính phủ thì cần phải điều tra kỹ càng, nghiên cứu kế hoạch cụ thể tập trung lực lượng và chỉ đạo mở cuộc vận động quần chúng đánh địch, kế hoạch đánh địch có trọng điểm này phải được Trung ương duyệt mới được thi hành.

2. Phải tích cực giáo dục cải tạo bọn phản cách mạng (thổ phỉ, biệt kích...) theo kế hoạch đã dự thảo, mỗi huyện sẽ hoàn thành thí điểm trong 1, 2 xã để rút kinh nghiệm rồi mở dần diện thêm một số xã có điều kiện. Đồng thời nghiên cứu có kế hoạch cải tạo tề, nguỵ... đảng phái phản động trong cơ quan, công trường, xí nghiệp.

Mục đích của việc cải tạo các tầng lớp này nhằm tiến tới thu hẹp xóa bỏ cơ sở xã hội mà địch dễ dàng lợi dụng nhằm biến những nhân tố tiêu cực trở ngại cho sự nghiệp cách mạng trở thành những nhân tố tích cực ủng hộ và tham gia cách mạng xã hội chủ nghĩa. Còn có ý nghĩa quan trọng không những phục vụ cho việc giữ gìn trật tự trị an mà còn có ý nghĩa quốc phòng lớn lao.

Nó là một công tác lâu dài, phức tạp, vừa là cuộc đấu tranh tư tưởng, đồng thời cũng là một cuộc đấu tranh chính trị. Phải dựa vào quần chúng tiến hành giáo dục thuyết phục, nghĩa là dùng phương pháp giải quyết mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân nhưng cũng có những trường hợp phải thực hành cưỡng bức, trấn áp, nghĩa là dùng phương pháp giải quyết mâu thuẫn địch - ta.

Cần nghiên cứu có những hình thức và phương pháp giáo dục linh hoạt, thích hợp với tình hình cụ thể từng nơi. Nói chung kết hợp với các đợt học tập chính sách của Đảng và Chính phủ hoặc lấy những việc cụ thể như cảnh cáo, trừng trị phần tử phá hoại mà giáo dục bọn họ.

Trong khi tiến hành cải tạo các trường hợp này phải hết sức chú ý tới vấn đề sách lược, tránh gây rung động không cần thiết. Phải cố tranh thủ tất cả những người có thể tranh thủ được, chỉ trừng trị những tên phá hoại hiện hành không trừng trị không được.

Về quan điểm của vấn đề này là nói chung những phần tử phản cách mạng cần được cải tạo. Nhưng để bảo đảm tư tưởng

sách lược, tránh bất lợi về chính trị nên nói là giáo dục cải tạo những phần tử chưa chịu cải tạo trong tầng lớp thổ phỉ, biệt kích.

3. Tiếp tục không ngừng giáo dục nâng cao tinh thần cảnh giác cho toàn thể cán bộ, đảng viên, bộ đội và nhân dân

Phải bồi dưỡng tinh thần yêu nước, tăng cường tinh thần căm thù địch, căm thù bọn phản cách mạng, nâng cao nhiệt tình bảo vệ thành quả cách mạng để phát huy được tính tích cực của đảng viên, quần chúng trong việc đấu tranh chống bọn phản cách mạng.

Đi đôi với việc nâng cao lập trường quan điểm và tinh thần đấu tranh giai cấp cho cán bộ, đảng viên và quần chúng đồng thời cũng phải phê phán những tư tưởng tê liệt cảnh giác, mơ hồ quan điểm giai cấp.

Chú trọng việc phổ biến thời sự đều đặn. Các trường chính trị, văn hóa chuyên môn của tỉnh cần nêu công tác đấu tranh chống bọn phản cách mạng trong chương trình học.

Các cơ quan tuyên huấn, văn hóa, giáo dục, các đồng chí thủ trưởng các cơ quan, xí nghiệp đơn vị bộ đội cần coi vấn đề nâng cao tính cảnh giác cách mạng là một vấn đề thường xuyên quán triệt trong khi tiến hành mọi công tác, không thờ phồng kẻ địch cũng không được thỏa mãn với 1, 2 đợt giáo dục rồi sau đó không chú ý việc phòng địch và đánh địch.

4. Việc giữ gìn bảo mật của Đảng và Nhà nước là một kỷ luật phải tuân thủ nghiêm chỉnh, tăng cường việc giáo dục giữ gìn bảo mật quốc gia trong Đảng và tất cả các cơ quan, quân đội, xí nghiệp, đoàn thể quần chúng, phê phán nghiêm khắc những khuynh hướng xấu như ba hoa lộ bí mật, không tuân thủ chế độ bảo mật... Phải truy tìm và xử lý các vụ đánh mất tài liệu bí mật. Đối với những vụ mất tài liệu gây tổn thất lớn cho Đảng và Nhà nước phải truy tìm và xử lý thích đáng. Trong 6 tháng phải hoàn thành việc kiểm kê tài liệu mật của Đảng và Nhà nước, quy định được chế độ bảo quản tài liệu theo đúng tinh thần chỉ thị của Trung ương và nội quy bảo vệ cơ quan, xí nghiệp.

Đề phòng những phần tử phản cách mạng và phần tử xấu chui vào cơ quan, xí nghiệp, phải chấm dứt tình trạng tuyển người bừa, ẩu. Việc tuyển dụng nhân viên phải có trách nhiệm rõ ràng, có thẩm tra chu đáo.

Đi đôi với việc tuyên truyền nâng cao cảnh giác, cần có kế hoạch phổ biến những điều cơ bản của pháp luật Nhà nước để mọi người hiểu và nghiêm chỉnh chấp hành, mặt khác các ngành chuyên chính của Đảng, Nhà nước và các cấp bảo đảm việc bắt giữ người đúng pháp luật.

Trong năm 1960, cơ quan du lịch Trung ương sẽ tiếp nhận các đoàn du lịch quốc tế sang thăm Việt Nam, lại là năm có nhiều phái đoàn anh em sang dự lễ Quốc khánh và Đại hội Đảng. Sa Pa là nơi được dự chọn cho các đoàn quốc tế đến tham quan vì vậy cần phải tăng cường công tác bảo vệ để bảo đảm được an toàn tuyệt đối cho các phái đoàn, lãnh tụ, chuyên gia, các cuộc hội nghị quan trọng của Đảng, chính quyền các ngày lễ lớn. Việc bảo vệ các kho tàng xí nghiệp, các cơ quan phải được đặc biệt chú ý hơn. Các di tích lịch sử cần được bảo vệ. Cần phải xây dựng được các phương án bảo vệ và phối hợp các lực lượng giữa tỉnh và địa phương để làm công tác bảo vệ được tốt.

5. Để quản lý được vùng nông thôn rộng lớn trong tỉnh và giữ vững được tác dụng chính xác kết quả điều tra dân số, trong đợt điều tra tối phải kết hợp tiến hành tốt công tác quản lý đơn giản hộ khẩu nông thôn.

6. Đẩy mạnh hơn nữa phong trào bảo vệ trị an ở ngoài xã hội, trong cơ quan, xí nghiệp, công trường. Chú trọng khu vực thị xã năm vừa qua xảy ra nhiều vấn đề phức tạp nhất.

Phong trào bảo vệ trị an là cuộc vận động quần chúng rộng rãi nhằm giáo dục quần chúng đảm nhiệm lấy sự nghiệp bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ an toàn cho đời sống hàng ngày. Cần phải đẩy mạnh và mở rộng phong trào bảo vệ trị an đưa lên thành phong trào thường xuyên của quần chúng, nhằm phát huy mạnh mẽ khả năng và tính tích cực của quần chúng làm cơ sở chắc chắn

để đẩy mạnh công tác đánh địch, đấu tranh cải tạo phản cách mạng và bọn tội phạm hình sự.

Cố gắng tiến hành ở những xã chưa có phong trào (rẻo cao miền tây) và đưa phong trào ở xã kém một thời gian nhất định trở thành xã khá và xã khá thành phong trào cao thường xuyên. Cần nghiên cứu kết hợp các tổ chức của quần chúng sẵn có ở nông thôn tránh để tổ chức công kênh mà xây dựng tổ chức bảo vệ trị an có tính chất quần chúng, để quần chúng nhân dân đảm nhiệm những chức năng bảo vệ mà ngành công an có thể giao phó cho nhân dân làm.

Trong cơ quan, xí nghiệp, trường học phải gấp rút nghiên cứu các hình thức và nội dung thích hợp nhằm phát động cán bộ, công nhân, viên chức bộ đội phát huy tích cực trong việc chấp hành nội quy bảo vệ cơ quan, phòng gian bảo mật, đề phòng phá hoại, giữ bí mật Nhà nước, chống tham ô lãng phí, bảo vệ sản xuất, phải gương mẫu trong việc tuân thủ quy ước 3 phòng của nhân dân nơi cơ quan, xí nghiệp, bộ đội đóng.

Kết hợp phong trào bảo vệ trị an cần hết sức chú trọng giải quyết những nhiệm vụ sau đây:

a) Ngăn chặn đề phòng nạn tự tử, tự sát theo tinh thần chỉ thị Trung ương để làm cho tệ nạn này giảm hẳn hơn năm ngoái.

b) Đi đôi với việc vận động quần chúng năm nay căn bản chuyển hướng trồng thuốc phiện phải ra sức vận động các người nghiện để tiến hành giải quyết về căn bản vấn đề nghiện hút, bán đầu tiên ở thị xã và giảm dần ở các thị trấn và vùng nông thôn. Ty Y tế và Ty Thương nghiệp cần có dự trù mua thuốc cai nghiện cho người nghiện tránh tình trạng người cai nghiện phải mua với giá đầu cơ.

c) Phải tích cực giải quyết nạn lưu manh trộm cắp và số anh em miền Nam không đủ giấy tờ hợp lệ lên làm ăn khai thác vô tổ chức. Đối với những tên lưu manh chuyên nghiệp cần đưa về trại giáo dưỡng cải tạo.

d) Quản lý vũ khí, nắm được danh sách súng săn, súng kíp, hỏa mai và người giữ súng trong tỉnh. Cơ quan thương nghiệp cần

phối hợp với các địa phương trong việc cung cấp thuốc súng cho dân để săn bắn bảo vệ sản xuất, đồng thời có tác dụng phục vụ cho việc đăng ký và quản lý chắc vũ khí săn bắn ở nông thôn.

e) Đối với phạm nhân phải có kế hoạch bảo vệ không cho xổng tù, mặt khác phải chú ý xem nom tới đời sống tinh thần vật chất cho phạm nhân, nhất là vấn đề giáo dục và cải tạo để khi chúng ra tù trở thành những người công dân tốt, không quấy rối xã hội.

7. Cần đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham ô lãng phí trong các cơ quan, nhất là cơ quan kinh tế, tài chính, công trường, xí nghiệp, hợp tác xã thành phong trào quần chúng sâu sắc và có hiệu quả. Phải làm cho mọi người thấy rằng những kẻ tham ô là con mọt, là kẻ phá hoại công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa, làm lơ trước những hiện tượng tham ô, nhân nhượng, bao che cho những kẻ tham ô là đã trực tiếp hoặc gián tiếp làm tổn hại đến công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cần phải nghiêm khắc với những phần tử tham ô. Thông qua việc khám phá các vụ án tham ô, chú trọng thông báo kinh nghiệm đấu tranh chống tham ô cho các nơi và nghiên cứu chỉnh lý, bổ sung nội quy chế độ quản lý tài vụ, kho tàng, hàng hóa, vật liệu, tránh sơ hở có thể ăn cắp được và có quy định việc bồi hoàn rõ ràng.

Để làm tốt 7 công tác chính trên, đấu tranh thắng lợi với các loại phản cách mạng, bảo vệ thành quả cách mạng xã hội chủ nghĩa và hoàn thành các nhiệm vụ trên, các cấp đảng bộ phải coi trọng và thực sự lãnh đạo công tác trấn áp cải tạo phản cách mạng theo đúng đường lối cơ bản của Đảng là "đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, dựa vào quần chúng, kết hợp tính tích cực của quần chúng với công tác chuyên môn của công an xoay quanh công tác trung tâm của Đảng và chính phủ". Công tác bảo vệ ở các cơ quan, công trường, xí nghiệp thì đảng ủy trực tiếp lãnh đạo, thủ trưởng phụ trách, công an hướng dẫn về nghiệp vụ.

Để việc nắm tình hình và chỉ đạo công tác đánh địch được nhanh chóng, kịp thời, bảo đảm được bí mật, phải chú trọng tăng cường phương tiện giao thông liên lạc và một điều kiện hết sức cần

thiết trước hết cần nghiên cứu xây dựng mạng lưới điện thoại, vô tuyến điện giữa tỉnh với các huyện, các xã và các đồn dọc biên giới nơi xung yếu. Mặt khác phải chú trọng tăng cường lãnh đạo bộ máy chuyên chính của Đảng nhất là cấp huyện.

Các huyện cần có lịch quy định thời gian để kết hợp trong việc thực hiện các nhiệm vụ trung tâm mà đơn đốc chỉ đạo bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ và yêu cầu công tác bảo vệ trị an trong 6 tháng tới thích hợp ở từng vùng như:

- Về nhiệm vụ thanh toán nốt phí các huyện Sa Pa, Bắc Hà, Mường Khương, Bảo Thắng, các cấp ủy địa phương phải hoàn thành xong trước tháng 6-1960. Kết hợp trong các đợt công tác như sản xuất, điều tra dân số, cải cách dân chủ đợt 3 mà tiến hành giải quyết nốt số phí còn lại.

- Về nhiệm vụ cải tạo phản cách mạng: trong điều tra dân số thì kết hợp chọn điểm tiến hành cải tạo và nắm chắc tình hình nơi định làm thí điểm của huyện. Tháng 4-1960 tiến hành ở các xã thí điểm trong huyện, tỉnh chỉ đạo một xã hoàn thành sớm hơn trong khoảng cuối tháng 3-1960, đầu tháng 4-1960. Tháng 5-1960 rút kinh nghiệm và mở diện bắt đầu tháng 6-1960.

- Về nhật những phần tử phản cách mạng Trung Quốc sang: sẽ tiến hành việc nhật thường xuyên bắt đầu từ tháng 2-1960 đến tháng 6-1960. Kết hợp trong điều tra dân số và cải cách dân chủ đợt 3. Các xã có người Trung Quốc sang đã nắm số lượng và tình hình người Trung Quốc sang phát hiện được những phần tử phản cách mạng. Đến tháng 5-1960 đã cùng bạn xác minh xong nắm vững được danh sách cụ thể. Tháng 6-1960 xây dựng kế hoạch giải quyết loại này một cách toàn diện trong 6 tháng cuối năm.

- Về nhiệm vụ quản lý đơn giản nông thôn hoàn thành trong tháng 3 song song với việc hoàn thành công tác điều tra dân số. Việc xây dựng tổ chức các ban bảo vệ thôn xóm sẽ tiến hành sau điều tra dân số đến hết tháng 6-1960.

D. RA SỨC XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN, LỰC LƯỢNG VŨ TRANG, BẢN VŨ TRANG VÀ CÁC TỔ CHỨC QUẦN CHÚNG

1. Về chính quyền

Trong 6 tháng đầu năm cần chuẩn bị và tiến hành tốt việc bầu lại chính quyền từ xã tới tỉnh và bầu Quốc hội.

Ngay từ đầu năm kết hợp qua công tác phát động quần chúng tiến hành hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ và công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh và công tác thực hiện kế hoạch mà sơ bộ chấn chỉnh bộ máy chính quyền các cấp, chuẩn bị lực lượng cán bộ. Qua công tác điều tra dân số và quản lý đơn giản hộ khẩu ở nông thôn có thể kết hợp chuẩn bị danh sách số người đi bầu cử. Tới đầu tháng 4 song song với việc mở rộng phát động quần chúng đợt 3 và mở rộng cải tạo công thương nghiệp có thể tiến hành thí điểm bầu cử mỗi huyện từ 1 đến 3 xã về chính quyền xã và đồng thời đẩy mạnh việc tuyên truyền bầu cử Hội đồng nhân dân huyện và tỉnh, chuẩn bị danh sách cử tri, chuẩn bị thêm một bước số người dự kiến đưa vào hoạt động nhân dân và ủy ban các cấp để tới cuối tháng 5 và đầu tháng 6 sẽ mở rộng và hoàn thành việc bầu cử ra khắp các xã trong tỉnh.

Bầu cử chính quyền nhân dân các cấp là một cuộc vận động dân chủ sâu sắc, rộng lớn và cũng là một việc mới mẻ với nhiều huyện trong tỉnh. Qua cuộc bầu cử này không những phải nâng cao thêm lòng yêu nước, ý thức làm chủ Nhà nước, ý thức tự quản lý lấy công việc địa phương của các dân tộc mà cũng là dịp để giáo dục thêm về nguyên tắc đoàn kết, bình đẳng, tương trợ giữa các dân tộc.

Về mặt tổ chức, qua cuộc bầu cử lần này, cần làm sao cho bộ máy chính quyền các cấp thực sự được kiện toàn. Do đó việc tuyển lựa đầy đủ thành phần dân tộc, việc giáo dục và giúp đỡ quần chúng cơ bản để có khả năng nắm các nhiệm vụ chủ yếu đồng thời việc tranh thủ lớp trên đều cần phải làm cho tốt (trong đó việc đào tạo cán bộ thành phần cơ bản các dân tộc là quan trọng nhất).

Sau khi bầu cử lại cần tăng cường lãnh đạo bộ máy chính quyền các cấp để làm sao vai trò chính quyền được đề cao, các ủy viên trong ủy ban được phân công thích đáng, lợi cho việc phát huy khả năng và bảo đảm thực chức, thực quyền. Cho nên cũng ngay từ bây giờ các địa phương cần phải thấy hết sự quan trọng của vấn đề xây dựng chính quyền trong 6 tháng đầu năm, không những chuẩn bị tốt việc bầu cử, tuyển lựa cán bộ mà còn phải rút kinh nghiệm các hoạt động, phân công của các hội đồng nhân dân và ủy ban các cấp từ trước để định ra phương pháp công tác tốt cho hội đồng và ủy ban các cấp về sau.

Đối với những người sẽ đưa vào chính quyền cần làm sao tổ chức giáo dục trước, nắm sâu thêm lý lịch, bồi dưỡng thêm về trình độ chính trị và công tác, có kế hoạch đề cao họ dần dần và đúng mức ngay từ bây giờ.

Đối với những người cần thay hoặc chuyển sang công tác khác không ở ủy ban cũng cần có sự giáo dục chuẩn bị tư tưởng tránh sau này vì thay hoặc chuyển mà họ sinh bất mãn. Việc thay hoặc chuyển cũng phải có nghiên cứu sao cho thích đáng tránh trường hợp không đáng thay cũng thay, hoặc ngược lại cần thay hay chuyển mà không thay hoặc không chuyển.

Trong kỳ bầu cử lần này còn cần sắp xếp lại một số xã cho hợp lý. Ngoài các việc trên, tên huyện xã nếu có gì cần phải sửa đổi cũng nên nghiên cứu chuẩn bị ngay từ bây giờ.

Về sinh hoạt cần định kỳ hội nghị giữa ủy ban hành chính tỉnh với ủy ban hành chính huyện.

2. Xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang

Sau đợt nghĩa vụ quân sự năm nay một mặt phải làm tốt công tác tổ chức biên chế các đơn vị bộ đội địa phương và công an nhân dân vũ trang, làm tốt việc chỉnh huấn để mau chóng ổn định tư tưởng làm cơ sở đẩy mạnh công tác luyện quân về sau; một mặt lại phải tiếp tục chấn chỉnh các tổ chức dân quân bảo đảm mở rộng tổ chức đúng tỷ lệ 8-9% tổng số nông dân lao động vào dân quân và

bảo đảm chấn chỉnh lại tổ chức chuẩn bị cho các đợt động viên lực lượng quy mô trung đoàn hoặc tiểu đoàn dân quân sẽ làm trong năm nay.

Trong việc xây dựng lực lượng tỉnh đội cần hết sức chú ý tới việc đào tạo một số cán bộ địa phương cho Lào Cai. Muốn thế phải biên chế một phần thanh niên các dân tộc địa phương sang tỉnh đội. Cần thấy rằng có chuẩn bị như vậy thì sang năm với địa phương hóa được lực lượng vũ trang ở tỉnh đội tránh dần tình trạng đa số quân của tỉnh đội là thanh niên Yên Bái. Mặt khác cần chú ý lãnh đạo tốt công tác phục viên, chú ý giáo dục cho quân nhân sẽ phục viên những nhiệm vụ của địa phương và có quyết tâm sau này về làm nòng cốt trong phong trào. Địa phương cũng phải chuẩn bị tốt đón tiếp bộ đội phục viên, lường trước những người về sẽ gặp khó khăn để giúp đỡ họ. Hiện nay ở các địa phương có một số người trước đào ngũ hay là quân nhân phục vụ các đợt trước nhưng vì bất mãn mà có hành động xấu thậm chí có người còn bị địch lôi kéo dụ dỗ, vì vậy phải kiểm tra lại việc đối đãi của ta với họ có gì sai lệch thì kịp thời sửa chữa đồng thời phải tăng cường giáo dục chính trị cho họ. Tốt nhất có thể sử dụng lực lượng phục viên đợt này làm nòng cốt giáo dục họ.

Đối với các đơn vị công an nhân dân vũ trang thành phần hiện nay đa số là thanh niên địa phương, nếu được bồi dưỡng tốt không những anh em có thể làm tốt nhiệm vụ nặng nề của anh em mà còn có thể trở nên cán bộ tốt cung cấp cho những ngành công tác sau này. Vì vậy, ngoài các cấp ủy cần phải giúp các ban chỉ huy đại đội và đồn giáo dục chính trị cho anh em. Riêng về mặt văn hóa cũng cần hết sức coi trọng.

Về mặt dân quân cần chú ý kiện toàn các ban chỉ huy xã đội, bồi dưỡng cán bộ trung và tiểu đội, song song với việc phát triển phong trào làm sao cho lực lượng chỉ huy dân quân được bảo đảm tốt về chính trị. Cần loại trừ những phần tử hiện nay còn hiềm nghi hoặc quá khứ có nhiều tội ác nhân dân oán ghét ra khỏi cương vị lãnh đạo dân quân. Trong khi mở rộng cần chú ý đến chất

lượng. Việc huấn luyện chính trị và quân sự cho dân quân từ nay về sau cần bảo đảm đúng và vượt tỷ lệ của trên quy định như trong năm 1959 nhưng phải chú ý bố trí khéo để thời gian huấn luyện thích hợp với điều kiện sản xuất từng vùng tránh trong lúc dân đang bận sản xuất lại tập trung anh em đi huấn luyện.

Về mặt xây dựng công an ngoài việc củng cố các bộ môn của ty, huyện, cần đặc biệt chú ý xây dựng công an xã bảo đảm tới hết tháng 6 xã nào cũng có ban công an xã. Mặt khác cần tổ chức giáo dục tốt cho cán bộ công an xã làm cho anh em hiểu nhiệm vụ nâng cao tinh thần cảnh giác chính trị cho họ, có thể mới bảo đảm tốt những nhiệm vụ nặng nề của công an trong năm nay.

Giữa ban công an và ban xã đội cần có sự bố trí sắp xếp thích đáng để những cốt cán ở xã phụ trách cả hai ngành. Cần giáo dục để hai lực lượng này có sự cộng tác chặt chẽ với nhau và tôn trọng sự lãnh đạo của chi bộ và ủy ban hành chính xã.

3. Công đoàn

Trong 6 tháng đầu năm 1960 công tác công đoàn nhằm hoàn thành và phát huy thắng lợi công tác cải tiến quản lý xí nghiệp ở các công trường, xí nghiệp quốc doanh, đẩy mạnh hoạt động công đoàn ở các cơ quan và bắt tay vào việc giáo dục công nhân tự do ở thị xã.

Muốn phát huy thắng lợi công tác quản lý xí nghiệp cần tăng cường cán bộ chất lượng cho các ban chấp hành công đoàn cơ sở, tiếp tục tham gia lãnh đạo, giáo dục nghị quyết 14, 16, bồi dưỡng ý thức và phương pháp quản lý xí nghiệp cho công nhân. Đối với những công nhân mới tuyển cần tổ chức chính huấn ngắn kỳ để nâng cao trình độ chính trị và tư tưởng cho anh em làm cho anh em có một số nhận thức cơ bản về hai chế độ, về giai cấp... Sau đó sẽ thông qua các tổ chức sản xuất và công đoàn tiếp tục giáo dục thêm.

- Về công đoàn các cơ quan cần đẩy mạnh hoạt động của ban chấp hành và có kế hoạch thi hành Luật công đoàn tại các cơ quan.

- Cần nghiên cứu tổ chức công đoàn ở các cơ quan dân, đảng.

- Đối với công nhân tự do cần giáo dục về giác ngộ xã hội chủ nghĩa để anh em có một thái độ đúng đắn đối với lao động, làm tốt các công việc của Nhà nước.

- Ban Chấp hành Liên hiệp Công đoàn tỉnh cần chuẩn bị điều kiện bầu lại trong 6 tháng nay và cần tổ chức thêm các bộ môn giúp việc để có thể đảm nhận được công việc của mình.

4. Thanh niên

Công tác nông thôn trong 6 tháng đầu năm cần chú trọng vấn đề củng cố, song song với công tác phát triển cần tiếp tục nâng cao giác ngộ về xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa cho thanh niên để thanh niên trở thành lực lượng tích cực nhất thi hành các nhiệm vụ lớn của Đảng.

Tại các công trường, xí nghiệp cần phát huy vai trò của đoàn trong các tổ sản xuất, xây dựng tổ tiên tiến và lao động tiên tiến, đặc biệt chú ý phát huy sáng kiến, đẩy mạnh cải tiến kỹ thuật. Hết sức chú ý phát triển những hoạt động có tính chất độc lập của thanh niên, trước hết là phát động phong trào học tập xe 26.

Đối với nông thôn cần kết hợp trong đợt 2 và 3 phát động quần chúng hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ để xây dựng cơ sở đoàn rộng khắp. Động viên thanh niên hăng hái tham gia hợp tác xã và đổi công. Có thể mở hội nghị xã viên trẻ để bồi dưỡng và động viên thanh niên, chú ý phát huy vai trò thanh niên trong phong trào làm ruộng thí nghiệm cải tiến kỹ thuật.

Đối với thanh niên thị xã, thị trấn, kết hợp với công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa công thương nghiệp tư doanh mà nâng cao giác ngộ, khuyến khích anh em tham gia lao động và xây dựng tổ hợp tác.

Nói chung cần quan tâm hơn nữa tới vui chơi giải trí và phong trào bổ túc văn hóa trong thanh niên, nhất là nông thôn làm sao khoảng 90% thanh niên có thể đi học.

5. Nông hội

Đề nghị với Trung ương cho giải thể tổ chức nông hội vì duy trì tổ chức này trong giai đoạn hiện nay không cần thiết nữa. Nơi nào phong trào hợp tác xã căn bản hoàn thành thì Đảng thông qua tổ chức hợp tác xã mà giáo dục và tổ chức nông dân. Nơi nào không có hoặc có hợp tác xã nhưng tỷ lệ nông dân tham gia còn ít có thể tổ chức ban vận động đổi công hợp tác để giúp chi bộ và Ủy ban lãnh đạo phong trào đổi công và hợp tác xã.

6. Phụ nữ

Công tác phụ nữ trong 6 tháng đầu năm 1960 nhằm tiếp tục chấn chỉnh và mở rộng tổ chức phụ nữ ra khắp các xã trong tỉnh. Cần bổ sung cán bộ phụ nữ tỉnh, huyện vì hiện nay đang thiếu. Cũng như công tác thanh niên, công tác phụ nữ lấy đẩy mạnh hoạt động phong trào nữ công để phát huy thắng lợi của công tác quản lý xí nghiệp và động viên lực lượng phụ nữ nông thôn hằng hái sản xuất và tham gia hợp tác xã, đổi công.

Cần kết hợp với y tế dân tộc nữ hộ sinh xã và kinh nghiệm về tổ chức công tác trở sản nông thôn. Cần phối hợp với giáo dục tổ chức đào tạo cán bộ mẫu giáo cung cấp cho thị xã, công trường, xí nghiệp và những vùng nông thôn có điều kiện.

Cuối cùng về mặt tổ chức có thể khoảng cuối tháng 5 sẽ tổ chức đại hội phụ nữ bầu lại các ban chấp hành phụ nữ huyện và xã ở miền đông Lào Cai. Riêng về phụ nữ Hoa kiều nên vận động chị em tham gia tổ chức phụ nữ chung nhưng sinh hoạt có thể tổ chức các tổ phụ nữ Hoa kiều riêng cho thích hợp.

7. Về công tác Mặt trận

Công tác Mặt trận giữ một địa vị đặc biệt quan trọng trong 6 tháng đầu năm vì có làm tốt công tác mặt trận mới tạo thêm thuận lợi cho công tác ba cái, công tác bầu Hội đồng nhân dân các cấp, v.v.. Trong những công tác thường xuyên của Mặt trận cần hết sức chú ý đến công tác đấu tranh thống nhất nước nhà, công

tác tranh thủ cải tạo lớp trên, công tác đoàn kết dân tộc và công tác tôn giáo vận.

Về công tác đấu tranh thống nhất: cần phối hợp chặt chẽ, mạnh mẽ và kịp thời với các cuộc đấu tranh chung toàn quốc. Cần phổ biến rộng rãi trong toàn tỉnh (kể cả những xã xa xôi hẻo lánh) những tin tức, tình hình về đấu tranh thống nhất nhằm giáo dục tinh thần tin tưởng và nhiệm vụ đấu tranh của mọi người.

Để tranh thủ lớp trên, mo then cần tiếp tục mở hội nghị toạ đàm cho các huyện đã qua phát động quần chúng tiến hành hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, tiếp tục giáo dục các nhân vật lớp trên và mo then về hai con đường, về ý thức lao động, khuyến khích họ nỗ lực tự cải tạo và ngăn chặn những thái độ không đúng của họ, đồng thời cần chú ý giải quyết những thắc mắc còn lại của họ. Đối với các xã sẽ qua phát động đợt 3 cần mở hội nghị tranh thủ lớp trên, giải thích chính sách ổn định tư tưởng cho họ. Muốn việc ổn định tư tưởng được tốt cần nắm vững tư tưởng của từng lớp trên một để giải thích cho thích hợp.

Khi tỉnh mở rộng việc tuyên truyền bầu cử Hội đồng nhân dân cũng cần tổ chức hội nghị tranh thủ lớp trên, đồng thời có kế hoạch sắp xếp thích đáng một số nhân vật tiêu biểu vào các Hội đồng nhân dân các cấp, có thể bầu các ủy ban Mặt trận Tổ quốc trước khi bầu hội đồng. Sau khi chấn chỉnh cần sử dụng ủy ban Mặt trận vào việc vận động bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp.

Về Công giáo cần một mặt tiếp tục giáo dục rộng rãi cho giáo dân về 2 con đường, một mặt xây dựng lực lượng nòng cốt trong Công giáo làm nhân cốt cho việc nắm tình hình và thi hành các chính sách ở vùng Công giáo. Cần giao việc theo dõi và giúp cấp ủy lãnh đạo Công giáo cho Đảng đoàn Mặt trận đồng thời cử người chuyên trách theo dõi Công giáo ở các vùng giáo dân thuộc Bảo Thắng, thị xã Lào Cai và Sa Pa.

Về Hoa kiều, cần tiếp tục phát huy thắng lợi của hội nghị Hoa kiều xây dựng thêm quần chúng tích cực trong Hoa kiều, giải

quyết những nguyện vọng hợp lý của Hoa kiều và sau khi bầu lại Hội đồng nhân dân thị xã có thể giải tán tổ chức Lý sự hội.

Cuối cùng về mặt đoàn kết dân tộc, cần có kế hoạch kết hợp trong phát động đợt 2 và 3 giải quyết tốt ở những xã trước kia có vấn đề mâu thuẫn gay gắt. Đồng thời qua việc củng cố hợp tác xã và tổ đổi công, qua việc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp mà giáo dục sâu thêm chính sách dân tộc của Đảng cho các dân tộc. Đối với các tổ hợp tác, các thương nhân buôn bán lẻ tẻ cần chú ý tăng cường giáo dục chính sách dân tộc làm cho họ có thái độ đúng đắn khi mua bán hoặc giao thiệp với bà con trong làng. Trong cán bộ cần tiếp tục khắc phục những biểu hiện của tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc địa phương bằng tổ chức các buổi nói chuyện phê phán những quan điểm, hành động không đúng với chính sách dân tộc của Đảng và giáo dục thêm về lý luận cơ bản về vấn đề dân tộc cho cán bộ công nhân viên.

E. TÍCH CỰC PHÁT TRIỂN VÀ XÂY DỰNG ĐẢNG, RA SỨC ĐÀO TẠO CÁN BỘ ĐỊA PHƯƠNG VÀ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CÔNG TÁC TỔ CHỨC

1. Công tác phát triển đảng viên mới: Xây dựng Đảng vững mạnh là điều căn bản để đào tạo cán bộ dân tộc địa phương, và là nhân cốt để giữ vững đẩy mạnh phong trào. Các cấp và đảng viên cần đề cao trách nhiệm xây dựng phát triển Đảng của mình.

Công tác xây dựng Đảng năm nay tuy vẫn còn nhiều khó khăn như số xã chưa có đảng viên đều là xã rẻo cao, trình độ quần chúng còn thấp có nơi lại chịu ảnh hưởng phản tuyên truyền của địch khá sâu; nhưng cũng có những thuận lợi mới là qua các cuộc vận động lớn, cải tiến quản lý xí nghiệp, phát động quần chúng lập hợp tác xã hoàn thành cải cách dân chủ, kỷ niệm Đảng 30 tuổi, chúng ta đã rút được một số kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng. Sắp tới lại có các cuộc vận động lớn như đợt 3 phát động lập hợp tác xã hoàn thành cải cách dân chủ, bầu cử Hội đồng nhân dân,

bầu cử Quốc hội, v.v. nếu biết kết hợp qua đấu tranh thực tế, chúng ta có thể tìm thêm nhiều đối tượng.

Trong 6 tháng đầu năm cần phấn đấu để hầu hết các xã đều sẽ có đảng viên.

Hướng phát triển Đảng nhằm vào bản cố nông, trung nông dưới, các xã viên hợp tác xã, các tổ viên tổ đổi công gương mẫu, các chiến sĩ sản xuất lao động tiên tiến, nhằm thu hút những người xuất sắc tiên tiến trong các dân tộc, các đơn vị sản xuất. Chú ý các dân tộc ít người, thanh niên, phụ nữ. Tại các công trường, xí nghiệp, thị xã, thị trấn cần chú ý phát triển vào công nhân trực tiếp sản xuất, công nhân kỹ thuật, dân nghèo, v.v. chú ý những cán bộ cũ xuất sắc đủ tiêu chuẩn.

Đối với quần chúng các dân tộc thiểu số có thể châm chước điều kiện giác ngộ Đảng, giác ngộ giai cấp và tư tưởng mê tín thông thường hoặc một số tập quán sinh hoạt có tính chất quần chúng nhưng tuyệt đối không phải hạ thấp tiêu chuẩn nên phải thẩm tra, xét duyệt kỹ, nắm vững tiêu chuẩn, tránh tình trạng phát triển ẩu, chỉ nặng về hiện tại, thiếu đi sâu quá khứ, hoặc trái lại đối với thầy mo, thầy cúng, người có tính chất lưu manh, người có chút ít bóc lột không phải diện phát triển cũng phát triển. Mặt khác cần tránh tư tưởng hẹp hòi, không chú ý đến trình độ thực tế của dân tộc hoặc nhìn bề ngoài nói năng hoạt bát. Nhưng đồng thời phải chống phát triển ẩu, chạy theo số lượng. Việc xét duyệt phải theo đúng nguyên tắc thủ tục, ít nhất phải có 2, 3 đồng chí cấp ủy duyệt (huyện ủy, đảng ủy, liên chi ủy); cần đề phòng kẻ địch lợi dụng lúc ta mở rộng tổ chức chui vào Đảng.

Muốn công tác phát triển Đảng được tốt trước hết phải nghiêm chỉnh thi hành chỉ thị số 5 và 63 của Trung ương và tiếp tục làm tốt đợt phát triển Đảng lớp 6-1, phải tuyên truyền gây ảnh hưởng sâu rộng trong quần chúng các dân tộc, thông qua các công tác thực tế mà tìm ra những phần tử tích cực, đối tượng để bồi dưỡng công tác. Việc bồi dưỡng giáo dục đối tượng phải làm liên tục vì đó là một yếu tố quan trọng để tạo điều kiện cho việc phát triển Đảng được tốt.

Những xã chưa có đảng viên cần kết hợp các công tác trước mắt điều tra dân số, phát động quần chúng lập các hợp tác xã hoàn thành cải cách dân chủ mà giao trách nhiệm cho đảng viên xuống xã công tác làm nhiệm vụ phát triển Đảng. Các xã đã có đảng viên rồi cũng qua công tác củng cố xây dựng hợp tác xã mà tạo điều kiện giúp các đồng chí Đảng viên sinh hoạt được đều và lựa chọn đảng viên tiến bộ, tích cực bồi dưỡng để họ có khả năng, biết cách lãnh đạo chi bộ, lãnh đạo các công tác xã. Cần tổ chức kiểm tra lại đợt phát triển vừa qua rút kinh nghiệm, cần sửa chữa kịp thời các lệch lạc đã mắc phải. Cần bồi dưỡng ý thức Đảng, phương pháp lãnh đạo chi bộ, lãnh đạo công tác xã, báo cáo phản ánh kịp thời, giao trách nhiệm dần dần để họ có thể tự động công tác được.

Tỉnh sẽ mở lớp huấn luyện tập trung cho chi ủy viên, còn các huyện và liên chi có nhiệm vụ mở lớp ngắn ngày cho đảng viên mới.

Đối với các chi bộ cũ một mặt tích cực phát triển đảng viên mới, nhưng một mặt phải ra sức củng cố. Cần giữ vững sinh hoạt, giữ vững nguyên tắc dân chủ tập trung, đề cao phê bình tự phê bình, đề cao gương mẫu của đảng viên hơn nữa. Trong công tác và trong sinh hoạt chú ý giáo dục đảng viên dự bị trở thành chính thức.

Qua công tác thảo luận đề án Đại hội toàn quốc và bầu cử đại biểu đi dự hội nghị cấp trên các cấp cần kết hợp tiến hành bầu cử cấp ủy. Đó là nhiệm vụ xây dựng Đảng thực hiện nguyên tắc dân chủ tập trung một cách thiết thực. Từ nay mỗi cấp đã phải chuẩn bị sẵn sàng để có thể tiến hành ngay khi có chỉ thị của trên.

Để thiết thực chuẩn bị, các cấp cần định kỳ họp kiểm điểm công tác với cấp dưới và các chi bộ. Các đảng viên cần tăng cường ý thức dân chủ, tìm hiểu kiểm tra công tác cấp trên, phát hiện góp ý kiến lãnh đạo chung; tăng cường ý thức tập trung, tỉnh thị, báo cáo kịp thời, tôn trọng nguyên tắc đã quy định trong điều lệ, khắc phục tư tưởng tự do cục bộ, vi phạm nguyên tắc Đảng, luật pháp Chính phủ.

Các ban chi ủy, đảng ủy, Huyện ủy cần được phân công, phân nhiệm rõ ràng, xây dựng lề lối làm việc dần dần đi vào nề nếp và

dần dần tạo điều kiện, mỗi đồng chí đi vào nghiệp vụ chuyên môn, chú ý các bộ phận nông thôn, tuyên huấn, tổ chức. Về các chi bộ ở huyện đội sẽ tiến hành chuyển về huyện trực thuộc Đảng bộ huyện theo như nghị quyết Hội nghị tổ chức Trung ương đã định.

2. Nhiệm vụ dân tộc, bồi dưỡng cán bộ và kiện toàn tổ chức năm 1960 trở thành gấp thiết, yêu cầu bổ sung cho biên chế Nhà nước còn thiếu tới 1.000 người, chưa kể tới các ngành, xí nghiệp năm tới sẽ phát triển mạnh hơn. Hiện nay tỉnh ta cán bộ dân tộc rất ít, mới có 14,11% tổng số cán bộ công nhân viên ngành sự nghiệp nói chung, cho nên cần phấn đấu làm sao tới hết 6 tháng đầu năm sẽ nâng cao tỷ lệ lên khoảng 20%, 30% (tùy ngành và đơn vị có thể tăng tỷ lệ lên quá 50%).

Kế hoạch đào tạo cán bộ trong năm 1960 còn phải chuẩn bị cán bộ cung cấp cho kế hoạch dài hạn nữa.

Yêu cầu trước mắt phải bồi dưỡng trên 2.000 cán bộ quản trị hợp tác xã cấp thấp và cao cấp, đào tạo 500 kế toán viên cho hợp tác xã, đào tạo cán bộ kỹ thuật sơ cấp nông nghiệp, thủy lợi cho phong trào hợp tác xã cao cấp, tới 200 người, đào tạo một loạt công nhân kỹ thuật, cán bộ kỹ thuật. Muốn có vốn và cung cấp sớm hơn không thể chờ đợi lớp thiếu nhi hiện nay đang học mà phải có biện pháp mạnh hơn, mở gấp một lớp văn hóa dài hạn dân tộc lớp thanh niên để tới 1961-1962 đã có người cử đi dự các lớp kỹ thuật. Các ngành nông nghiệp, thủy lợi, y tế, phải có kế hoạch giúp đỡ cán bộ vừa học văn hóa vừa học chuyên môn, ngành thương nghiệp cần mở trường chuyên môn của ngành. Trong 6 tháng đầu năm cần cố gắng mở được một lớp học khóa 2 cho cán bộ và đào tạo luôn một số chỉ ủy viên để họ có đủ khả năng lãnh đạo duy trì được phong trào.

Để cung cấp đủ cán bộ làm công tác phát động quần chúng đợt 3 sẽ phải đào tạo 170 cán bộ xã ở các địa phương chuẩn bị phát động và lựa chọn một số cán bộ địa phương xuất sắc nổi bật trong đợt 2 để cung cấp cho phong trào. Ngoài ra tỉnh còn phải mở lớp tập trung cho khoảng 150 cán bộ quanh tỉnh đi công tác. Công tác

này đòi hỏi phải kịp thời nên trong công tác điều tra dân số phải chuẩn bị sẵn sàng đội ngũ.

Ngoài ra các ngành, các cấp phải có hướng, có chương trình đào tạo bồi dưỡng tại chức, mạnh dạn đề bạt cấp phó, kiên nhẫn dìu dắt, kèm cặp người địa phương sẵn có trong biên chế để dần dần có khả năng đảm nhiệm được nhiệm vụ cao hơn. Ngành chưa có người dân tộc địa phương phải cố gắng tạo điều kiện có người để đào tạo và phải thường xuyên kiểm điểm, đặt thành chế độ kèm cặp lẫn nhau, tránh ngại khó trong công tác bồi dưỡng cán bộ dân tộc. Mặt khác công tác đào tạo cán bộ phải chú ý cả tới cán bộ các nơi khác đến, vì cán bộ nơi khác đến đều là những người đã đóng góp nhiều công sức để xây dựng cơ sở Đảng, sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng Lào Cai và kiến thiết xây dựng từ hòa bình đến nay. Từ nay về sau dù có tích cực đào tạo cán bộ địa phương vẫn cần cán bộ nơi khác tham gia kiến thiết chung, như vậy Lào Cai mới tiến bộ kịp với tình hình chung cả nước. Hơn nữa hiện nay cán bộ nơi khác vẫn giữ trọng trách trong cơ quan nhà nước, nếu có bồi dưỡng đầy đủ cho họ thì mới đủ khả năng để dìu dắt cán bộ địa phương mau chóng trưởng thành.

Trong 6 tháng tới, các cấp phải chú ý đưa cán bộ đi dự lớp chính trị trên mở và đẩy mạnh việc học tập chính trị, văn hóa tại chức và cố gắng mở lớp bổ túc văn hóa cho cán bộ lãnh đạo không có điều kiện học tại chức, chú ý cấp huyện. Khuyến khích cán bộ học tiếng dân tộc địa phương. Tiếp tục chỉnh huấn cán bộ, đảng viên ở huyện.

Hướng đào tạo cán bộ địa phương vẫn lấy cán bộ xã và huyện là chính vì xã, huyện là cơ sở trực tiếp thi hành các công tác chính của Đảng và cũng phù hợp với khả năng trình độ của anh em. Tuy vậy cũng cần chú ý điều động cán bộ huyện, xã để cung cấp cho các ngành chuyên môn huyện, tỉnh và nâng dần trình độ nghiệp vụ để tiến tới có cán bộ chuyên môn người dân tộc. Chú ý giúp đỡ giải quyết những khó khăn cho cán bộ xã, tránh để cán bộ xã ôm đồm kiêm nhiệm nhiều việc.

Đưa dần cán bộ địa phương vào các ngành dân, chính trước và dần dần đưa sang các ngành chuyên môn đòi hỏi văn hóa ít, đưa sang các ngành Đảng rồi tạo điều kiện đưa vào các ngành đòi hỏi văn hóa cao hơn tiến tới thành cán bộ lãnh đạo.

Điều cần chú ý nữa là cán bộ phụ nữ tỉnh hiện nay còn rất ít. Ngay cán bộ chuyên trách về công tác phụ nữ cũng thiếu, vì vậy trong khi đào tạo cần chú ý tới thành phần phụ nữ. Thanh niên là từng lớp có nhiều điều kiện tham gia thoát ly công tác nhưng chúng ta thiếu mạnh dạn và kiên nhẫn tuyển lựa những thanh niên tích cực để bồi dưỡng thành cán bộ. Về mặt dân tộc thì cần chú ý tới dân tộc Mán, Mèo, vì là những dân tộc đông người nhưng tỷ lệ cán bộ còn rất thấp. Về mặt giai cấp, theo Nghị quyết tổ chức Trung ương lần thứ tư chúng ta cần phải coi trọng thành phần cốt cán bản cố nông, trung dưới, nhưng đối với cán bộ thuộc thành phần các tầng lớp trên hiện nay đã thoát ly mặc dù đã là đảng viên hay chưa cũng không nên có thái độ phân biệt đối xử mà trái lại phải hết sức tận tình giúp đỡ giáo dục, bồi dưỡng họ. Nhưng người đã được rèn luyện thử thách cải tạo nhiều, hiện nay không còn quan hệ bóc lột hoặc tuy gia đình, vợ con họ tuy con chỉ còn ít bóc lột chúng ta vẫn coi nhẹ như những cán bộ tốt của Đảng, giao trách nhiệm có thực chức thực quyền và khuyên họ nên giáo dục thuyết phục gia đình rồi bỏ bóc lột, tự lao động mà sống với nhân dân. Đối với những người mới thoát ly chưa được giáo dục nhiều, còn liên quan tới bóc lột hoặc gia đình còn tiếp tục bóc lột thì chúng ta cũng hết sức giáo dục thuyết phục họ thôi bóc lột và giúp đỡ họ cải tạo. Còn phải làm cho họ nhận rõ chính sách mà yên tâm công tác, tin tưởng và tích cực công tác.

Đi đôi với việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, cần tiếp tục kiện toàn tổ chức cho tốt thêm, tăng cường cán bộ cho các ngành cần thiết còn thiếu và yếu, tăng cường cho cơ sở huyện, xã, cần sửa đổi lề lối làm việc, hợp lý hóa tổ chức. Đồng thời trong thời gian tới cần chú ý tiến hành công tác tốt.

Ngoài ra trong công tác đào tạo cán bộ cần chú ý đến công tác khen thưởng, kỷ luật kịp thời. Đối với những cán bộ tốt thì khuyến khích, khen thưởng, động viên; đối với cán bộ chây lười, phạm kỷ luật đã qua nhiều lần giáo dục nhưng không tiến bộ thì kiên quyết thi hành kỷ luật. Công tác quản lý cán bộ cần phải chặt chẽ và toàn diện.

Để bảo đảm các mặt công tác 6 tháng đầu năm, ngoài những kế hoạch và biện pháp đã có ra, các cấp ủy đảng cần coi trọng công tác lãnh đạo của Đảng đối với mọi nhiệm vụ công tác của tỉnh đề ra. Trong công tác lãnh đạo, vấn đề chủ yếu là chú ý lãnh đạo tư tưởng, chính sách, đồng thời không coi nhẹ mặt lãnh đạo tổ chức và kỷ luật

Về mặt tư tưởng trong năm 1960 cần phát huy kết quả của chỉnh huấn xã hội chủ nghĩa vừa qua, giải quyết tiếp tục những tư tưởng còn tồn tại về cá nhân chủ nghĩa, như nhiệm kỳ, so bì đãi ngộ, ngại khó, ngại khổ, v.v., tiếp tục đấu tranh "chống tư tưởng tư sản, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, quét sạch ảnh hưởng của tư tưởng đế quốc, phong kiến...", khắc phục tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc địa phương, nâng cao thêm một bước về giác ngộ xã hội chủ nghĩa, đề cao tinh thần trách nhiệm, ý thức cảnh giác cách mạng cho cán bộ, đảng viên.

Về tổ chức cần hết sức chú ý việc sắp xếp đào tạo và quản lý lực lượng cán bộ; sửa đổi lề lối làm việc đề cao dân chủ tập trung, phân công, phân nhiệm rõ ràng, đề cao tập thể lãnh đạo nhưng có cá nhân phụ trách trong các cấp ủy. Cần duy trì chế độ sinh hoạt đều đặn, làm việc có điều tra nghiên cứu, có chuẩn bị chương trình, kế hoạch, sửa chữa tác phong quan liêu, không sát thực tế, không đi đúng đường lối quần chúng trong các cấp ủy và các ngành.

Các nhiệm vụ công tác năm 1960 nói chung và 6 tháng đầu năm nói riêng rất to lớn và nặng nề, nhưng nếu thực hiện được thắng lợi sẽ làm tình hình tỉnh ta có những chuyển biến mới, các mặt kinh tế, văn hóa, chính trị sẽ tiến bộ một bước quan trọng, đòi

sống của nhân dân và cán bộ, công nhân sẽ nâng cao thêm một bước. Để thực hiện tốt các nhiệm vụ trên, Tỉnh ủy mong rằng các cấp, các ngành và toàn thể cán bộ, bộ đội, đảng viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân lao động đem hết nhiệt tình yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội của mọi người để phấn đấu đạt thắng lợi, góp phần củng cố miền Bắc, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh giành thống nhất nước nhà.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ
HOÀNG QUY

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 326-NQ/TU, ngày 9-4-1960

"Về việc thành lập Ban trừ bì Đại hội tỉnh"

Thi hành nghị quyết của Trung ương lần thứ 17
và nghị quyết cuộc họp Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
ngày 4-4-1960;
Để chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ được tốt

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY RA QUYẾT NGHỊ

I- Thành lập Ban trừ bì Đại hội của tỉnh và các tiểu ban giúp việc Đại hội như sau:

A- Ban trừ bì Đại hội gồm các đồng chí dưới đây:

- 1- Đồng chí Hoàng Quy, Phó Bí thư - Trưởng ban
- 2- Đồng chí Khánh Vinh, Thường vụ - Phó ban
- 3- Đồng chí Dương Trung, Tỉnh ủy viên - Ủy viên
- 4- Đồng chí Lương Tuấn, Tỉnh ủy viên - Ủy viên
- 5- Đồng chí Khổng Minh Hới - Ủy viên

B- Các tiểu ban giúp việc Đại hội:

1. Tiểu ban chuẩn bị nội dung hội nghị:
 - 1- Đồng chí Hoàng Quy - Trưởng ban
 - 2- Đồng chí Khánh Vinh - Phó ban
 - 3- Đồng chí Dương Trung - Ủy viên

- 4- Đồng chí Nhân Trí - Ủy viên
- 5- Đồng chí Cao Sơn - Ủy viên
2. Tiểu ban tuyên truyền cổ động hướng dẫn thảo luận sửa đổi điều lệ:
 - 1- Đồng chí Lương Tuấn - Trưởng ban
 - 2- Đồng chí Vũ Thụ - Phó ban
 - 3- Đồng chí Kiều Đức Hạnh - Ủy viên
 - 4- Đồng chí Nguyễn Tất - Ủy viên
 - 5- Đồng chí Lê Thăng - Ủy viên
 - 6- Đồng chí Trung Dung - Ủy viên
3. Tiểu ban khánh tiết sinh hoạt và bảo vệ:
 - 1- Đồng chí Khổng Minh Hợi - Trưởng ban
 - 2- Đồng chí Trần Đình Bộc - Ủy viên
 - 3- Đồng chí Mộc (UBHC thị xã) - Ủy viên
 - 4- Đồng chí Triệu (văn hóa) - Ủy viên
 - 5- Đồng chí Châu (y tế) - Ủy viên
 6. Các đồng chí Vĩnh, Hậu (Văn phòng Tỉnh ủy) làm cán bộ.
- II- Ban trù bị và các tiểu ban có trách nhiệm chuẩn bị cho Đại hội các cấp và Đại hội tỉnh theo nhiệm vụ của mình.
- III- Căn cứ vào nhiệm vụ và nhu cầu cần thiết các tiểu ban sẽ đề nghị một số cán bộ ở các ngành có liên quan giúp việc trong các tiểu ban của mình.
- IV- Ban trù bị và các đồng chí có tên trong các tiểu ban chiểu Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ
HOÀNG QUY

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ CÁN BỘ TUYÊN HUẤN TOÀN TỈNH
TỪ NGÀY 14 ĐẾN NGÀY 16-4-1960
VỀ NHIỆM VỤ TUYÊN HUẤN NĂM 1960

Số 26-NQ/TU, ngày 16-4-1960

(Đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua)

I. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN GIÁO DỤC
NĂM 1960 CỦA TỈNH LÀO CAI

Năm 1960, nhiệm vụ chính trị của Đảng là tiếp tục phấn đấu để thực hiện những nhiệm vụ do Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 14, 15, 16 đã đề ra, thêm vào đó một số nhiệm vụ lớn về công tác Nhà nước và công tác Đảng:

1. Tiếp tục đẩy mạnh để hoàn thành về cơ bản công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp (theo hình thức hợp tác xã bậc thấp, kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, cải tạo thủ công nghiệp và tiếp tục cải tạo thương nghiệp tư bản tư doanh ở thị xã và thị trấn các huyện).

2. Phấn đấu để hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1960, đồng thời hoàn thành tốt kế hoạch nhà nước 3 năm, và chuẩn bị chuyển sang kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

3. Bắt đầu thi hành Hiến pháp mới, tiến hành bầu cử Quốc hội, bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp và kiện toàn các cơ quan nhà nước.

4. Tổ chức Đại hội Đảng các cấp.

5. Kỷ niệm nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa 15 tuổi, kỷ niệm 90 năm ngày sinh Lênin, kỷ niệm lần thứ 70 ngày sinh Hồ Chủ tịch, 10 năm giải phóng Lào Cai.

6. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. Tổ chức lễ kết nghĩa anh em giữa tỉnh Lào Cai và tỉnh Thủ Dầu Một.

II. VỀ NỘI DUNG PHƯƠNG CHÂM CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG

Theo như nội dung, phương châm Nghị quyết tuyên huấn Trung ương (có thêm phương châm tư tưởng: "Chống tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc địa phương").

III. NHỮNG CÔNG TÁC CỤ THỂ VỀ TUYÊN, VĂN, HUẤN, GIÁO NĂM 1960

A. VỀ NHỮNG NHIỆM VỤ TUYÊN TRUYỀN LỚN

a) Tuyên truyền cho việc thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1960

- Phong trào hợp tác hóa đẩy mạnh sản xuất kết hợp cải cách dân chủ.

- Nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp tư bản chủ nghĩa.

- Nhiệm vụ cải tạo thủ công nghiệp và những người buôn bán nhỏ.

- Nhiệm vụ thực hiện kế hoạch nhà nước và công tác trong các cơ quan, công trường, xí nghiệp.

- Tiếp tục củng cố và phát huy thắng lợi của cuộc phát động cải tiến quản lý xí nghiệp tại các công trường, xí nghiệp quốc doanh.

- Phát triển giáo dục bổ túc văn hóa, bình dân học vụ và phổ thông năm học 1960-1961.

- Mở rộng phong trào thể dục thể thao và thể thao quốc phòng.

Phải lấy phong trào thi đua làm đòn bẩy thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ trên. Phát động đợt thi đua lấy thành tích chào mừng các ngày kỷ niệm lớn, và các sự kiện chính trị ở địa phương như:

Kỷ niệm 15 năm Cách mạng Tháng Tám và thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà; 70 năm ngày sinh nhật Hồ Chủ tịch, bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; Đại hội Đảng các cấp và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, Đại hội Mặt trận, Đại hội Công đoàn toàn tỉnh; kết nghĩa anh em với tỉnh Thủ Dầu Một, 10 năm giải phóng Lào Cai, v.v..

Phải thường xuyên giải quyết tư tưởng: đầu năm thông thả cuối năm nước rút.

Phải biết lấy những điển hình tốt của cá nhân, đơn vị tiên tiến để động viên phong trào thi đua, cổ vũ lòng hăng hái của mọi người.

Tổ chức các cuộc đi tham quan, triển lãm các sản phẩm cũ, mới, tốt, xấu, các sáng kiến phát minh cải tiến kỹ thuật, các cuộc thi có giải thưởng về sáng kiến phát minh, về các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi gia súc, v.v. giữa các đơn vị sản xuất, các hợp tác xã, các xã, huyện với nhau.

Những kinh nghiệm tiên tiến cần được kịp thời đề cao và phổ biến bằng mọi hình thức Hội phổ biến khoa học kỹ thuật cùng với công đoàn, Ban công tác nông thôn, Đoàn thanh niên lao động và các ty chuyên môn, phối hợp tổ chức việc phổ biến và áp dụng các kinh nghiệm tốt, tránh các việc áp dụng kỹ thuật một cách máy móc.

b) Tuyên truyền cho các ngày kỷ niệm và các cuộc vận động lớn

- Bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.
- Đại hội Đảng các cấp.
- Luật hôn nhân và gia đình.
- Kỷ niệm 90 năm ngày sinh Lênin.
- Kỷ niệm 70 năm ngày sinh Hồ Chủ tịch.

- Kỷ niệm 15 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (có đề cương riêng).

- Kỷ niệm 10 năm giải phóng Lào Cai (1-11).

Đối với tỉnh Lào Cai, 10 năm giải phóng chứng minh sự trưởng thành, sự vững mạnh và tính ưu việt của Nhà nước dân chủ nhân dân do Đảng lãnh đạo, của chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Đó cũng là một cái mốc quan trọng trên bước đường cách mạng của nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai. Do đó cần động viên chính trị rộng rãi: biểu dương những thành tích to lớn của nhân dân các dân tộc trong các ngành và các mặt hoạt động. So sánh chế độ xã hội chủ nghĩa hiện nay với chế độ Pháp - Nhật thuộc trước kia, và chế độ Mỹ - Diệm ở miền Nam, do đó mà nâng cao lòng yêu nước và tinh thần đoàn kết của các dân tộc.

B. VỀ TUYÊN TRUYỀN GIÁO DỤC ĐỐI TƯỢNG

1. Về giáo dục công nhân

Yêu cầu của công tác tuyên truyền, giáo dục là tiếp tục giải quyết những vấn đề tư tưởng tác phong xấu còn tồn tại trong phát động quản lý xí nghiệp, giáo dục ý thức làm chủ Nhà nước, làm chủ xí nghiệp, hăng hái lao động sản xuất và xây dựng, ra sức làm nhiều, nhanh, tốt, rẻ và an toàn lao động nhằm bảo đảm hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1960 và kế hoạch 3 năm.

Giáo dục ý thức thi đua cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, phát triển sản xuất để tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống, tiết kiệm nguyên vật liệu, dành thêm vốn để mở rộng sản xuất.

Đối với từng loại công nhân khác nhau, cần có nội dung kết hợp giải quyết tư tưởng cụ thể như: đối với công nhân đã tham gia kháng chiến, công nhân ở thành thị mới vào, công nhân ở nông thôn vào, công nhân xuất thân ở thành phần bóc lột, công nhân là thanh niên...

Đối với công nhân làm khoán: thường sống tự do, không có tổ chức, không được học tập chính trị, thời sự, chính sách. Tư tưởng chỉ cốt làm sao kiếm được nhiều tiền, do đó làm nhanh, làm ẩu, nên từ nay cơ quan, công trường, xí nghiệp nào mượn số công nhân đó cần tổ chức việc học tập chính trị, chính sách, giải quyết tư tưởng trong số anh em này. Đó là những điều chú ý trong công tác tuyên truyền, giáo dục.

Về phương pháp:

Đối với quảng đại quần chúng công nhân, không bố trí thành đợt lớn như trong phát động cải tiến quản lý xí nghiệp mà bình thường hóa công tác tuyên truyền, giáo dục. Tăng cường lãnh đạo sản xuất và tổng kết hàng quý, hàng tháng, mà giáo dục.

Đẩy mạnh công tác văn hóa quần chúng và công tác cổ động thích hợp với điều kiện lao động, sinh hoạt và trình độ nhận thức của công nhân, mặt khác phải bảo đảm thì giờ học tập văn hóa và kỹ thuật, thì giờ nghỉ ngơi của công nhân, tránh tình trạng gò bó nặng nề.

Việc mở lớp chính trị chỉ nên tiến hành với đảng viên, đoàn viên, chiến sĩ thi đua, lao động tiên tiến, tích cực và những công nhân khi mới vào xưởng.

Trước mắt cần tổ chức học tập các nghị quyết 14, 15, 16 và chính sách dân tộc trong công nhân.

Trong 3 tháng: 4, 5, 6 phải tiến hành học tập các nghị quyết Trung ương 14, 15, 16 và chính sách dân tộc cho toàn thể cán bộ, công nhân.

Trong những tháng cuối năm, đối với cán bộ trung sơ cấp sẽ tổ chức học tập chính trị kinh tế học nhằm nâng cao lý luận và nhận thức cho cán bộ lãnh đạo.

Đối với công nhân nói chung sẽ tổ chức các cuộc nói chuyện.

- Đối với gia đình vợ con anh em cán bộ, công nhân:

Cần tổ chức để chị em bà con tham gia các cuộc nói chuyện, học tập nghiên cứu chính sách thời sự chung, nhằm giáo dục nâng cao tư tưởng. Giải quyết tốt những thắc mắc của chị em, bà con,

tránh tình trạng buông trôi như từ trước là hàng mấy tháng, có khi hàng năm không ai được học tập, nghe nói chuyện, phổ biến gì về chính sách.

2. Về giáo dục nông dân

- Tiến hành tốt công tác tuyên truyền giáo dục ở những xã phát động quần chúng hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, phân rõ ranh giới giữa địa chủ và nông dân, lao động và bóc lột, giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, giữa làm ăn tập thể và cá thể.

- Ở những nơi đã xây dựng hợp tác xã thì tiến hành tốt đợt giáo dục đảng viên và xã viên hợp tác xã, củng cố hợp tác xã, tiếp tục tranh luận hai con đường ở nông thôn.

Yêu cầu và nội dung của đợt giáo dục này chủ yếu là: giáo dục ý thức coi hợp tác xã như nhà, cần kiệm xây dựng hợp tác xã, làm tốt các mặt quản lý, nhất là quản lý sản xuất và lao động, chấp hành tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước, nhằm nâng cao nhiệt tình cách mạng của xã viên, tăng cường đoàn kết, phát huy khả năng tiềm tàng của hợp tác xã để đẩy mạnh sản xuất, chấp hành chính sách, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch năm 1960.

Giáo dục tinh thần cảnh giác cho xã viên, đề phòng và đập tan những âm mưu và luận điệu phản tuyên truyền phá hoại của những phần tử phản cách mạng, ngăn ngừa âm mưu và hành động của địa chủ ngóc đầu dậy. Giáo dục tăng cường ý thức giai cấp, giải quyết tư tưởng muốn xóa nhòa ranh giới giữa địa chủ với nông dân, trong nông dân lao động.

Đối với cán bộ và đảng viên cũng thông qua đợt giáo dục này mà nâng cao hơn nữa năng lực công tác, tinh thần quản lý dân chủ, tinh thần gương mẫu, chí công vô tư.

Trong phương pháp tiến hành, cần làm thí điểm một hợp tác xã, lấy kinh nghiệm phổ biến nơi khác. Dùng cách báo cáo điển hình hợp tác xã tốt và liên hệ kiểm điểm tình hình tiến hành sản

xuất đông xuân, sản xuất vụ mùa, tình hình chấp hành chính sách của mỗi hợp tác xã mà tổ chức học tập thảo luận. Trên cơ sở biểu dương mặt tốt, khẳng định mặt xấu mà phê phán để sửa chữa các khuyết điểm.

Tổng kết kinh nghiệm một số điển hình hợp tác xã tốt, nêu rõ nguyên nhân vì sao làm được tốt để có tác dụng giáo dục tư tưởng thiết thực.

Đến thu đông, việc giáo dục đảng viên, xã viên và quần chúng sẽ căn cứ tình hình cụ thể mà định sau.

Ở những nơi đang tiến hành hợp tác hóa thì tiếp tục củng cố và phát triển các tổ đổi công có bình công chấm điểm. Giáo dục hai con đường để chuẩn bị tư tưởng tiến lên hợp tác xã.

Trong mọi trường hợp, ở nơi đang tiến hành hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ và nơi đang củng cố, phát triển hợp tác xã phải lấy việc vận động sản xuất nông nghiệp làm nhiệm vụ trung tâm để đẩy mạnh phong trào sản xuất nông nghiệp, hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1960, không được coi nhẹ.

3. Về giáo dục tư sản và quần chúng thành thị

Đối với tư sản:

Sau khi đã hợp doanh trên cơ sở quan hệ sản xuất đã được cải tạo, cần tiến lên cải tạo về mặt quan điểm lập trường với giai cấp tư sản nên cuộc đấu tranh này không kém phần quan trọng, gay gắt và lâu dài.

Nếu có thể mở lớp lý luận ngắn hạn, nhằm tiếp tục giải quyết tư tưởng tư bản chủ nghĩa.

Trong quá trình giáo dục, đồng thời tiến hành tiếp tục đấu tranh chống tư tưởng hàm ơn đế quốc, phục đế quốc, tư tưởng hoài nghi, oán trách Đảng, Chính phủ, oán trách cán bộ, công nhân, tư tưởng không tuân theo pháp luật Nhà nước, không tuân theo kỷ luật, không chịu sự lãnh đạo giám sát của cán bộ.

Việc học tập là quan trọng, song việc giáo dục cải tạo chủ yếu vẫn là cải tạo trong lao động, trong công tác.

Ngoài vấn đề học tập trong lao động, học tập, chính trị, văn hóa, nghiệp vụ, có thể tạo cho họ có dịp đi tham quan công trường, xí nghiệp, hợp tác xã để thông qua hiện thực xã hội mà làm cho họ thấy xã hội ta đang vươn lên và thấy lực lượng và sức sáng tạo vĩ đại của công nông. Động viên giúp họ tham gia nhiều vào các hoạt động khu phố, địa phương.

Đối với những người buôn bán nhỏ và thủ công nghiệp:

Tiếp tục giáo dục hai con đường, ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa của tổ viên, xã viên, ý thức về nghĩa vụ của xã viên và hợp tác xã với Nhà nước, ý thức làm chủ cần kiệm xây dựng tổ, hợp tác xã, tinh thần đoàn kết tương trợ. Giáo dục quan điểm lao động mới trong việc chuyển hướng sản xuất, chống tuyên truyền và lễ lối kinh doanh tư bản chủ nghĩa còn rớt lại như độc quyền, bất bí...

Đối với các hợp tác xã sản xuất thủ công nghiệp giáo dục ý thức nâng cao năng suất cải tiến kỹ thuật, hạ giá thành, ý thức và tinh thần trách nhiệm đối với sản phẩm làm ra theo phương châm: nhanh, nhiều, tốt, rẻ.

Hình thức tuyên truyền tổ chức các cuộc nói chuyện, trao đổi mạn đàm, các cuộc học tập nhẹ nhàng, thông qua các buổi họp kiểm điểm tổ mà giáo dục.

Đối với những người chưa vào hợp tác, cần giáo dục ý thức làm ăn tập thể, phân biệt được hai con đường để dần dần đi vào kinh doanh theo xã hội chủ nghĩa.

Các cấp ủy và chính quyền, Mặt trận tỉnh, huyện, thị xã tổ chức các cuộc toạ đàm với anh chị em trong cán bộ hợp tác để nắm tình hình tư tưởng, phát hiện và giải quyết thắc mắc.

Đối với cán bộ, công nhân viên:

Phương châm công tác tư tưởng năm nay vẫn theo phương châm trong nghị quyết 14 là chống tư tưởng tư sản, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, quét sạch ảnh hưởng tư tưởng đế quốc và phong kiến, xây dựng, củng cố và nâng cao tư tưởng xã hội chủ nghĩa của giai cấp công nhân; tiếp tục chống tư tưởng dân tộc lớn và tư tưởng dân tộc địa phương.

Cần phát huy thắng lợi của các đợt học tập chỉnh huấn, phát động cải tiến quản lý xí nghiệp, v.v., nâng cao hơn nữa quan điểm lập trường giai cấp công nhân, xác định nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, tiếp tục chống chủ nghĩa cá nhân, chủ yếu là tư tưởng hưởng lạc, ngại khó ngại khổ, lãng phí, tham ô, không an tâm công tác ở miền núi, suy bì đãi ngộ, công thần, tư tưởng địa vị do đó không an tâm công tác, lao vào học văn hóa, chuyên môn, lơ là học tập chính trị, chống tư tưởng tự do tản mạn, ý thức tổ chức và kỷ luật kém, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, nâng cao ý chí chiến đấu, tinh thần yêu nước, tinh thần bền bỉ đấu tranh thống nhất nước nhà.

Đối với các ngành chuyên môn, tiếp tục phân rõ ranh giới giữa hai đường lối vô sản và tư sản trong ngành mình, xác định quan điểm vô sản.

Để đạt được yêu cầu về tư tưởng trên, năm nay phải là:

Tổ chức học tập một số vấn đề cơ bản về lý luận có hệ thống cho toàn thể cán bộ, công nhân viên (có mức độ riêng cho từng loại) cụ thể trước mắt là phải học tập về kinh tế chính trị học.

Những nơi chưa chỉnh huấn như khu vực công trường, xí nghiệp, các huyện và một số cán bộ đi phát động chưa chỉnh huấn thì phải tiếp tục chỉnh huấn. Tỉnh sẽ mở một lớp chỉnh huấn tập trung cho một số cán bộ lãnh đạo các công trường, xí nghiệp để các đồng chí đó nắm được yêu nội dung phương pháp về tổ chức lãnh đạo chỉnh huấn ở đơn vị. Các cán bộ ở các cơ quan xung quanh tỉnh chưa chỉnh huấn cũng sẽ học tập chung.

Các huyện sẽ tự tổ chức lấy do tuyên huấn giúp đỡ tài liệu và ý kiến kinh nghiệm.

5. Đối với việc giáo dục đảng viên mới*

Đợt phát triển đảng Lớp 6-1 đã kết nạp ở tỉnh ta hơn 300 đảng viên mới, trong năm 1960 sẽ tiếp tục phát triển theo thường lệ.

* Bản gốc không có mục 4 - BT.

Các đảng ủy, huyện, thị cần chú trọng tổ chức việc giáo dục cho đảng viên mới chủ yếu là về nhiệm vụ và đường lối cách mạng, về Đảng và tiêu chuẩn đảng viên, về công tác chi bộ.

Tuyên huấn cùng với tổ chức các cấp, tổ chức việc rút kinh nghiệm giáo dục đảng viên mới phổ biến tới các chi bộ.

- Đối với cán bộ các ngành quân, dân, chính xã:

Nhất là cán bộ mới, các huyện cần tổ chức việc học tập, giáo dục về tình hình và nhiệm vụ cách mạng về lề lối làm việc và tác phong công tác cho số cán bộ đó (sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp).

6. Giáo dục đoàn viên thanh niên lao động

Công tác giáo dục tư tưởng đối với thanh niên cần phải giúp họ hiểu đúng đắn các hiện tượng xã hội, biến những nguyên tắc đạo đức cách mạng thành lòng tin sâu sắc của bản thân họ, gây ý thức không dung thứ những biểu hiện của tư tưởng tư sản, quan điểm phi chính trị, trong học tập văn hóa, khoa học kỹ thuật, tư tưởng tự do chủ nghĩa...

Chú ý việc học tập chính trị cho thanh niên, giáo dục cho thanh niên, thiếu niên có một tình cảm yêu quý Tổ quốc, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, tôn trọng lao động, bảo vệ của công, biết nhìn thẳng ý nghĩa to lớn trong công tác hàng ngày. Giáo dục cho thế hệ trẻ có tinh thần hăng say dũng cảm, gan dạ và tin tưởng thật vững chắc vào thắng lợi cuối cùng của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Giáo dục quan hệ tốt giữa thanh niên trong và ngoài Đoàn.

Đối với thanh niên các dân tộc thiểu số, cần giáo dục ý thức tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn để trở thành những cán bộ nòng cốt của nhân dân các dân tộc, đưa dân tộc mình tiến nhanh, tiến mạnh.

- Tuyên truyền tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa trong thanh niên cần phải muôn hình, muôn vẻ và có lý thú, hấp dẫn về hình thức, phương pháp, phải sinh động, có hình ảnh và phổ cập.

Ngoài việc học tập cần phải tổ chức các cuộc họp mặt thanh niên trao đổi những vấn đề thiết thực của thanh niên như vấn đề luyện ái, vấn đề hôn nhân và gia đình, vấn đề tiền đồ của thanh niên theo quan điểm vô sản, phân rõ đúng sai một cách thoải mái.

7. Công tác tuyên truyền trong giới phụ nữ

Vấn đề giải phóng phụ nữ thực chất là vấn đề giải phóng giai cấp. Phải phục vụ việc nâng cao những yêu cầu và lợi ích tư tưởng, tinh thần của chị em. Thu hút chị em đặc biệt là phụ nữ làm việc nội trợ tích cực tham gia sinh hoạt chính trị xã hội, tham gia đấu tranh chống những thành kiến phụ nữ, tôn giáo, dân tộc, cũng như mọi tàn dư của lối sống phong kiến tư sản, đấu tranh để thực hiện nam nữ bình đẳng, thực hiện luật hôn nhân ở những thị xã, thị trấn, công trường, xí nghiệp và những xã có điều kiện nghiên cứu để bổ sung những điểm hợp với miền núi.

Việc giáo dục tư tưởng cho phụ nữ cần phải có vị trí rõ rệt trong mọi ngành hoạt động văn hóa xã hội, kinh tế, chính trị. Các cấp ủy, các ngành tuyên, văn, huấn, giáo và các cơ quan, đoàn thể đều phải quan tâm đến, không phải chỉ khoán trắng cho Hội liên hiệp phụ nữ. Đối với nam giới phải đấu tranh không chút nể nang chống những biểu hiện của thái độ phong kiến cổ hủ đối với phụ nữ. Tuy nhiên về phương pháp thì mềm dẻo, nhất là đối với các dân tộc miền núi. Đối với phụ nữ cần chống tư tưởng tự ti, ỷ lại vào nam giới.

Lấy khẩu hiệu: "Cần kiệm xây dựng công trường, xí nghiệp, cần kiệm xây dựng hợp tác xã, cơ quan, phấn đấu thực hiện nam nữ bình đẳng, xây dựng gia đình dân chủ hòa thuận tiến bộ" làm nội dung giáo dục phụ nữ.

8. Đối với các dân tộc thiểu số

Lào Cai có 20 dân tộc, cho nên trong công tác tuyên truyền cần nắm vững đặc điểm dân tộc, song không phồng to đặc điểm đó với "đặc điểm chủ nghĩa" rụt rè trong công tác tuyên truyền giáo dục.

Đặc biệt chú trọng giáo dục chính sách dân tộc, đoàn kết bình đẳng tương trợ giữa các dân tộc trong các tầng lớp nhân dân, thông qua việc thực hiện các chính sách khác, củng cố hơn nữa tình đoàn kết giữa các dân tộc, làm cho các dân tộc anh em khăng khít gần gũi nhau, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau ngày càng giàu mạnh.

Cần phải giải quyết các xích mích mâu thuẫn dân tộc tồn tại, đồng thời giải quyết tư tưởng dân tộc hẹp hòi trong cán bộ, đảng viên, nhất là nhân dân các dân tộc. Chống tư tưởng muốn làm lu mờ ranh giới giai cấp, hoặc khơi to mâu thuẫn dân tộc, xuyên tạc lịch sử dân tộc này hoặc dân tộc nọ và quan hệ của dân tộc này với những dân tộc khác.

Chú ý giải quyết dần những phong tục tập quán xấu (như hủ hóa, tảo hôn, cưỡng hôn, mê tín dị đoan đi đến giết người, tự tử khi bất mãn, xích mích nhỏ nhặt trong gia đình, hàng xóm...).

Đồng thời đối với cán bộ, đảng viên và nhân dân dân tộc Kinh cần đấu tranh không điều hòa tư tưởng dân tộc lớn. Đối với cán bộ, nhân dân các dân tộc cũng phải chống tư tưởng dân tộc địa phương.

Ngoài các hình thức liên hoan, toạ đàm... cần chú ý giáo dục giúp đỡ thiết thực các dân tộc trong lao động sản xuất và học tập văn hóa...

9. Đối với học sinh, thiếu nhi

Các trường có nhiệm vụ đào tạo một cách toàn diện những con người xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Vì vậy, việc chú ý xác định một thế giới quan cộng sản chủ nghĩa "mở rộng bờ đò" trong tâm hồn học sinh, trẻ em làm cho học sinh có giác ngộ cao có một ý nghĩa trọng đại.

Cần phải đạt tới kết quả làm sao cho học sinh có thể do quá trình tiếp thu các môn học mà thông suốt được thế giới quan duy vật, tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, học tập để hiểu được chính sách của Đảng, để nâng cao và thực hiện đạo đức mới. Kết hợp đúng đắn giáo dục giữa nhà trường - xã hội và gia đình.

Cần bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng trước hết của giáo viên, những cán bộ giảng dạy có khả năng trình bày một cách sáng tạo hấp dẫn, dễ hiểu, không lý luận trừu tượng chung chung chán tai, khó hiểu bằng cách tổ chức thường kỳ các buổi nghiên cứu chính trị cho giáo viên.

Lôi cuốn hơn nữa học sinh thanh niên tích cực tham gia đời sống xã hội (ví dụ như bán sách báo, tham gia vận động nếp sống mới, giữ gìn trật tự, vệ sinh nơi công cộng, cổ động, lao động xã hội chủ nghĩa, v.v.).

Tuyên huấn các cấp, Đoàn thanh niên lao động các cơ quan văn hóa, giáo dục, trước hết là Ty Giáo dục cần tăng cường tổ chức các cuộc nói chuyện thời sự, chính sách cho học sinh thường kỳ càng nhiều càng tốt, ít nhất một tháng một kỳ.

Xem phim cũng là một hình thức giáo dục lý thú, song cần hướng dẫn và vận động xem các phim thích hợp với tuổi của thiếu niên, không nên cho xem các phim về tình ái nam nữ, chưa có lợi đối với học sinh, thiếu niên.

10. Công tác chính trị trong dân quân tự vệ và giáo dục ý thức quốc phòng toàn dân

a) Tăng cường công tác chính trị trong dân quân tự vệ.

Trong năm 1960, kết hợp với đợt giáo dục về nghĩa vụ quân sự, trong dân quân tự vệ sẽ mở một cuộc vận động giáo dục chính trị, học tập nghị quyết của Tổng quân ủy, nghị quyết xây dựng dân quân tự vệ, lực lượng hậu bị.

Công tác chính trị trong dân quân tự vệ thực chất là công tác vận động quần chúng, phải đặt dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy. Nhưng ở địa phương và sự tham gia của các đoàn thể quần chúng nhất là thanh niên, công đoàn, công tác nông thôn, các cơ quan tuyên huấn, thông tin, văn hóa các cấp.

b) Giáo dục ý thức và nhiệm vụ quốc phòng cho cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc.

Thực hiện nhiệm vụ củng cố dân quân tự vệ, xây dựng lực lượng hậu bị, trước hết là phải ra sức tuyên truyền giáo dục ý thức

quốc phòng sâu rộng trong nhân dân làm cho nhân dân hiểu trong xây dựng hòa bình vẫn không ngừng nâng cao cảnh giác. Trong các trường, các lớp của Đảng cần có phần nghiên cứu học tập về quân sự. Trong các trường văn hóa cũng phải tùy theo trình độ mà có kế hoạch tuyên truyền giáo dục về nhiệm vụ quốc phòng.

Cơ quan công tác của tỉnh đội, huyện đội và Ban tuyên huấn các cấp có nhiệm vụ hướng dẫn giúp đỡ các đơn vị, các địa phương tiến hành việc giáo dục ý thức và nhiệm vụ quốc phòng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc.

C. VẤN ĐỀ HỌC TẬP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

1. Từ cuối tháng 4 và đầu tháng 5, để giúp cho cán bộ trung sơ cấp một số lý luận căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về kinh tế chính trị học để bước vào thảo luận đề án Đại hội được tốt, tỉnh sẽ tổ chức cho số cán bộ trên nghiên cứu tập trung hoặc tại chức (có kế hoạch riêng).

2. Đối với cán bộ, công nhân viên (cả đảng viên và quần chúng) sẽ tổ chức một đợt nói chuyện về tính chất Đảng mục đích của Đảng Lao động Việt Nam sau đó sẽ nói một số vấn đề về nguyên tắc xây dựng Đảng của giai cấp công nhân, trên cơ sở đó nâng cao ý thức giác ngộ giai cấp, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức tập thể, nhận rõ mục tiêu chiến đấu ra sức phát huy nhiệt tình cách mạng, nâng cao đạo đức và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa.

Sáu tháng cuối năm ngoài việc thảo luận nghị quyết của Đại hội sẽ tổ chức học tập lý luận dài hạn cho toàn thể cán bộ công nhân viên trước mắt là học kinh tế chính trị học có hệ thống (tài liệu do Vụ Huấn học Trung ương soạn).

3. Một số vấn đề cần chú ý để bảo đảm học tập lý luận được tốt.

Bên cạnh mở lớp tập trung, ngắn hạn, luân huấn... việc học tập tại chức của cán bộ nói chung cần kết hợp ba mặt học tập lý luận, học tập văn hóa và học tập nghiệp vụ kỹ thuật không nên coi nhẹ mặt nào.

Song đối với từng loại cán bộ khác nhau và từng thời gian cũng có những yêu cầu khác nhau. Như những cán bộ có trình độ văn hóa từ lớp 4 trở xuống thì nên tập trung học văn hóa, còn những cán bộ có trình độ lớp 5 trở lên thì vừa học tập văn hóa vừa học chính trị.

Trong việc giảng dạy lý luận, các cấp cần nâng cao chất lượng giảng dạy và chất lượng các tài liệu học tập, cần làm cho việc giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin được rõ ràng dễ hiểu và luôn luôn gắn chặt với thực tế công tác của cán bộ, đảng viên và đời sống của nhân dân.

Thống nhất lãnh đạo học tập lý luận:

Để bảo đảm chất lượng giảng dạy bảo đảm tư tưởng tốt trong học tập bất cứ ngành nào, cơ quan nào muốn tổ chức một đợt học tập (không kể học chuyên môn vào giờ chuyên môn) đều phải trao đổi với Tuyên huấn. Tuyên huấn có thể góp ý kiến về nội dung, chương trình và đề nghị cấp ủy quyết định.

Thời gian học tập: nên phân phối hàng tuần như sau:

- 2 tối học văn hóa, 1 tối học chính trị, 1 tối thời sự, khoa học, kỹ thuật hay sinh hoạt văn nghệ, 1 tối sinh hoạt cơ quan, 2 tối nghỉ tự do.

Vấn đề học tập chính trị lý luận ở các trường phổ thông cấp 2, các trường chuyên nghiệp:

Các trường chuyên nghiệp (mỏ, điện, y tế, thương nghiệp) trước khi vào học cần phải có chương trình học tập chính trị. Nội dung các trường do các cấp ủy ở đó chịu trách nhiệm biên soạn với sự công tác của Ban Tuyên huấn tỉnh.

Các trường phổ thông cấp II hiện nay đã có chương trình học tập chính trị của trên gửi xuống nhưng để phù hợp với tình hình địa phương nên cần có liên hệ mật thiết với tuyên huấn để tuyên huấn có thể góp ý kiến thêm về nội dung. Về giảng viên cần bảo đảm chất lượng giảng dạy cho tốt.

Về lãnh đạo học tập:

Các cấp, các ngành cần chú trọng lãnh đạo về mặt tư tưởng làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên nhận rõ việc học tập lý luận Mác - Lênin là một nghĩa vụ, cần phải tự nguyện, tự giác, tranh thủ thời gian tích cực học tập.

4. Về vấn đề nghiên cứu lịch sử Đảng bộ địa phương.

Đề nghị thành lập một tiểu ban nghiên cứu biên soạn lịch sử đảng bộ Lào Cai, góp phần xây dựng lịch sử Đảng, đồng thời tiến hành sưu tầm các di tích lịch sử cách mạng và kháng chiến.

D. CHẤN CHỈNH VÀ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN CỔ ĐỘNG, CÔNG TÁC VĂN HÓA QUẦN CHÚNG, CÔNG TÁC BÁO CHÍ, TRUYỀN THANH

Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng và nghị quyết Bộ Chính trị về công tác báo chí, truyền thanh, về chấn chỉnh và tăng cường công tác tuyên truyền cổ động, công tác thông tin và văn hóa quần chúng ở nông thôn, cần chú ý mấy điểm:

a) Hội nghị học tập của quần chúng, các địa phương thường lấy hình thức này là hình thức chủ yếu để phổ biến chính sách cho quần chúng, nhưng thường làm quá nhiều và chất lượng kém. Tối nay nên giải quyết như sau:

Khi bàn về nhiệm vụ công tác thì chủ yếu nên lấy hội nghị đại biểu quần chúng (xã, xóm, khu phố, đơn vị, công đoàn, đoàn thanh niên lao động...). Các cuộc họp quần chúng thì chủ yếu nhằm giải thích chính sách, nhiệm vụ và thảo luận phát động tư tưởng tránh lối học tập, đọc tài liệu và nêu câu hỏi, nặng nề ít hiệu quả. Còn các công tác thường thì dùng hình thức phát thanh, nói chuyện mà truyền đạt.

b) Các hình thức thông tin phát thanh, kẻ khẩu hiệu, thanh thiếu nhi đi cổ động... có tác dụng hỗ trợ cho các cuộc họp quần

chúng, thông tin và động viên có hiệu quả. Mỗi đợt công tác cần có kế hoạch cụ thể tuyên truyền cổ động. Hình thức cải tiến để cho những buổi phát thanh, những khẩu hiệu và tranh vẽ có cả tính chất văn nghệ để có sức hấp dẫn nhiều hơn.

c) Chú trọng hơn nữa việc nâng cao chất lượng bản tin của tỉnh của Liên hiệp công đoàn, của mỏ, của thương nghiệp, chất lượng các buổi truyền thanh địa phương.

Cố gắng mở rộng mạng lưới truyền thanh của tỉnh, trong điều kiện tài chính cho phép. Tận dụng mọi khả năng sẵn có của quần chúng.

d) Chú trọng chỉ đạo công tác phát hành sử dụng sách báo và tổ chức việc đọc sách báo trong quần chúng ở cơ sở:

Nghị quyết Bộ Chính trị đã nêu rõ: "Các cán bộ lãnh đạo phải biết vận dụng báo chí (nhất là báo Đảng) để chỉ đạo công tác, năng viết bài cho báo. Các cấp bộ, các Ban tuyên huấn, nhất là chi bộ đều có nhiệm vụ chỉ đạo và tham gia công tác phát hành báo chí, tổ chức giới thiệu và đọc sách báo trong quần chúng".

Song song với việc tiếp tục phát triển những tờ báo chính từ 20 đến 25%, tổ chức việc sử dụng báo cho tốt.

- Bảo đảm thực hiện tốt việc bỏ báo cung cấp theo tiêu chuẩn:

Việc bỏ chế độ cung cấp báo chí theo tiêu chuẩn là một biện pháp nhằm đẩy mạnh việc đọc báo, sử dụng báo để theo dõi tình hình, nắm chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, học tập kinh nghiệm công tác. Đây không phải đơn thuần về tài chính. Cần tuyên truyền giáo dục kỹ để làm tốt công tác này.

Đến hết tháng 5 dưới sự hướng dẫn của Ban Tuyên huấn các cấp, chi bộ và công đoàn các cơ quan tỉnh, huyện, công trường, xí nghiệp... tổ chức phổ biến chủ trương bỏ báo theo tiêu chuẩn để đảng viên, cán bộ, đoàn viên và nhân viên rõ trách nhiệm và tự nguyện mua báo đọc báo.

Cơ quan bưu điện và hiệu sách nhân dân thường xuyên liên lạc với Ban Tuyên huấn và các cơ quan, phát hiện những lệch lạc

trong việc mua báo, thanh toán tiền báo, v.v. để kịp thời góp ý kiến uốn nắn.

Các xí nghiệp, công trường, cơ quan, trường học, đơn vị bộ đội đông người (từ 20 người trở lên) tổ chức phát hành viên với sự giúp đỡ của Ty Bưu điện và hiệu sách nhân dân.

Về sách:

Cần hướng việc phát hành vào các nhiệm vụ trung tâm, cần chú ý phục vụ các nhiệm vụ thường xuyên, đồng thời phải quan tâm đến nhu cầu mới của các loại độc giả.

- Với sách lý luận kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, sách chính trị, sách giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa, sách kinh điển quan trọng cần chú ý cung cấp đủ và đẩy mạnh để nâng cao trình độ lý luận cho cán bộ, đảng viên. Hết sức chú trọng những tác phẩm của các lãnh tụ trong nước nói về các vấn đề thực tiễn cách mạng Việt Nam.

- Các loại sách phổ biến khoa học kỹ thuật từ thấp lên cao, các loại sách cho thanh thiếu nhi, sách bổ túc văn hóa cũng rất cần thiết, cần đáp ứng kịp nhu cầu.

- Tăng cường công tác tuyên truyền quảng cáo giới thiệu sách, hướng dẫn đọc sách.

đ) Đối với công tác báo cáo thời sự quốc tế

Trên cơ sở những thắng lợi năm 1959, tình hình quốc tế năm 1960 chắc chắn sẽ ghi thêm nhiều sự kiện quan trọng mới. Trong tình hình đó, công tác tuyên truyền thời sự quốc tế cần được đẩy mạnh hơn nữa để góp phần vào việc động viên thực hiện các nhiệm vụ trước mắt đồng thời góp phần nâng cao tư tưởng về nhận thức của cán bộ, đảng viên, quần chúng đối với nhiệm vụ quốc tế.

Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền thời sự quốc tế, trước tiên cần bảo đảm việc báo cáo thời sự ít nhất cho các đối tượng sau đây:

- Cán bộ, nhân viên xung quanh tỉnh, thị xã.

- Cán bộ, nhân viên các cơ quan huyện, kể cả các đồng chí trong Huyện ủy thường bận đi công tác xã.

- Cán bộ, công nhân viên các xí nghiệp, công trường.

- Giáo viên các trường phổ thông, trường văn hóa, trường chuyên nghiệp.

Ngoài ra tùy điều kiện mỗi địa phương các huyện, thị xã có thể dần dần từng bước mở rộng diện báo cáo thời sự đến các đối tượng khác, trước hết đến các đảng viên và cán bộ xã, hợp tác xã, một số tầng lớp nhân dân thành thị. Cần chú ý kết hợp phổ biến thời sự trong các cuộc hội nghị.

Để bảo đảm công tác báo cáo thời sự được tốt hơn, các ban Tuyên huấn các cấp cần phân công cán bộ phụ trách công tác thời sự quốc tế (kiêm nhiệm).

Ban tuyên huấn tỉnh có trách nhiệm cung cấp thường xuyên những bản tóm tắt nhận định về tình hình trong nước và thế giới để các cấp, các ngành, các trường có tài liệu theo dõi báo cáo.

2. Tăng cường hoạt động nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện, tổ chức văn nghệ quần chúng, chiếu bóng, triển lãm, ảo đăng, bảo tồn bảo tàng.

Nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện, phòng đọc sách cần có nhiều hình thức hoạt động, như đọc sách báo, triển lãm hiện vật, tranh ảnh, nói chuyện, nhạc, kịch, vũ để phục vụ mọi mặt công tác, làm cho nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện phòng đọc sách trở thành những trung tâm hoạt động của công tác tuyên truyền và cổ động, nâng cao trình độ văn hóa, khoa học và kỹ thuật.

Các đội văn công, tổ văn nghệ cần có những vở kịch ngắn, bài hát theo ca phục vụ công tác trung tâm và các công tác khác. Về hình thức hoạt động cần chú trọng những hoạt động phân tán linh hoạt (ca, hát, múa...) ở những nơi tập hợp quần chúng (hội nghị, ở chỗ sản xuất, các buổi chợ, v.v.) tránh khuynh hướng

"đại quy mô". Song đồng thời vẫn phải nâng cao trình độ nghệ thuật. Trong nội dung cần hết sức chú trọng tính tư tưởng, tránh những sai lầm về chính trị.

Cần tăng cường số đội đèn chiếu, cần tiến tới mỗi huyện có một đội cung cấp nhiều hơn nữa các loại tranh cổ động và họa báo Liên Xô, Trung Quốc, Việt Nam (nhất là Việt Nam) cho nông thôn.

Tổ chức việc bồi dưỡng nghiệp vụ cho các hoạt động viên văn nghệ nghiệp dư.

Hướng các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng chuẩn bị cho hội diễn của tỉnh vào dịp 19-5 và kỷ niệm 15 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- Phát động 3 phong trào văn hóa quần chúng. Cụ thể: phong trào đọc sách báo, phong trào nói chuyện, triển lãm khoa học kỹ thuật; phong trào văn nghệ quần chúng (bao gồm sáng tác, biểu diễn ca nhạc, thơ ca, hò vè...).

- Bảo tồn bảo tàng: Các cấp, các ngành, các địa phương cần tích cực sưu tầm các tài liệu, hiện vật lịch sử cổ kim, cách mạng và kháng chiến, kiến thiết, những sáng chế phát minh mới. Bảo vệ các di tích và danh lam thắng cảnh của Lào Cai để giữ gìn các di sản quý báu của dân tộc, góp phần vào việc nâng cao kiến thức, giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa hiện nay và sau này.

Vận động nếp sống mới

Vận động nếp sống mới là một cuộc tiến công của đạo đức mới, nếp sống mới, vào những thành lũy, những tập quán khá kiên cố của đạo đức cũ, nếp sống cũ. Cuộc vận động có tác dụng góp phần thay đổi bộ mặt ở thị xã, góp phần cải tạo và xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa.

Nội dung cuộc vận động nhằm những nội dung chính, cấp thiết như sau:

1. Làm việc hội họp, học tập đúng giờ, kiên quyết chấn chỉnh tình trạng giờ cao su, triệu tập trừ hao.

2. Tôn trọng kỷ luật trật tự công cộng, tôn trọng luật lệ giao thông. Mua hàng, mua vé phải xếp hàng thứ tự, giữ gìn trật tự nơi công cộng, tôn trọng và giúp đỡ người già, phụ nữ và trẻ em.

3. Giữ gìn vệ sinh chung, không nhổ bậy, không vứt rác ở các nơi công cộng, không phóng uế bừa bãi, không hút thuốc lá ở nơi đã cấm.

Ba nội dung trên là bước đầu của cuộc vận động.

Về tổ chức thực hiện, kiên quyết thực hiện trong 3 tháng thứ hai. Có kinh nghiệm phổ biến rộng ra các huyện, công trường, xí nghiệp.

Về phổ biến khoa học kỹ thuật:

Chú ý giúp đỡ Hội phổ biến khoa học kỹ thuật hoạt động đều. Mở rộng tổ chức Hội phổ biến khoa học và kỹ thuật. Tổ chức việc phổ biến khoa học và kỹ thuật rộng rãi, trong nhân dân kể cả nông thôn, chú ý phổ biến những vấn đề bổ ích, phục vụ nông nghiệp.

Về nội dung chú ý hơn nữa những yêu cầu cấp thiết trước mắt của quảng đại quần chúng, nội dung phải gắn liền với đời sống với lao động sản xuất phục vụ cho phát triển sản xuất, nâng cao kiến thức. Việc tổ chức nói chuyện phải dần dần đi vào bề sâu, tùy theo từng đối tượng mà tổ chức những cuộc nói chuyện tọa đàm, trao đổi tranh luận và những vấn đề thiết thực cụ thể, bớt tình trạng nói chuyện theo kiểu mít tinh, phải làm cho người nghe thoải mái, thú vị, làm cho mỗi người đều nghe khi về thấy được sự bổ ích của cuộc nói chuyện.

Thể dục thể thao:

Vấn đề thể dục thể thao đã trở thành một yêu cầu của quần chúng và là một mặt của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Tổ chức nghiên cứu và phổ biến lại chỉ thị số 106 và 181 của Trung ương về công tác thể dục thể thao rộng rãi trong các cấp các ngành và toàn thể cán bộ, đảng viên, công nhân viên.

- Phát động phong trào thể dục thể thao, thể thao dân tộc, thể thao quốc phòng và vệ sinh phòng bệnh rộng rãi trong cán bộ, công

nhân viên và nhân dân, có tổ chức, có lãnh đạo, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành nhằm nâng cao sức khỏe, tăng cường vệ sinh phòng bệnh góp phần vào việc cải thiện đời sống nhân dân, phục vụ sản xuất và quốc phòng.

*

* *

Tóm lại, đối với sự nghiệp phát triển văn hóa, giáo dục, khoa học, phải quan tâm về nội dung tư tưởng và chính trị, làm cho những hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học không thoát ly nhiệm vụ chính trị trước mắt. Phải quan tâm chỉ đạo về mặt tư tưởng, bảo đảm cho trong những ngành ấy không còn ảnh hưởng của tư tưởng tư sản, đế quốc, phong kiến. Phải làm cho những hoạt động ấy theo đúng đường lối phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin có nội dung tư tưởng tốt là giáo dục, đạo đức xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa cho cán bộ, đảng viên và quần chúng.

D. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TỔ CHỨC LÃNH ĐẠO

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp

Để thực hiện những công tác trên đây, điểm mấu chốt trước tiên là phải tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác tư tưởng, công tác tuyên truyền giáo dục.

Các cấp ủy đảng phải coi công tác tư tưởng là một trách nhiệm không thể thiếu được của mình, thường xuyên nghiên cứu tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên và quần chúng để có kế hoạch giải quyết. Mỗi khi bố trí nhiệm vụ công tác trung tâm đồng thời phải bố trí nhiệm vụ công tác tư tưởng có nội dung và kế hoạch tuyên truyền giáo dục thích hợp để động viên toàn Đảng và các cơ quan tuyên truyền giáo dục làm.

2. Kiện toàn Ban Tuyên huấn các cấp

Ban Tuyên huấn Đảng các cấp có được kiện toàn hay không, chất lượng công tác của các ban tuyên huấn ấy khá hay kém, có liên quan rất nhiều đến sự phát triển và kết quả của công tác tuyên truyền giáo dục, công tác tư tưởng của Đảng.

Ban Tuyên huấn các cấp cần được kiện toàn nhất là ở cấp huyện, Đảng ủy, thị ủy, ít nhất mỗi nơi phải có một đồng chí cấp ủy viên và một đến hai cán bộ tuyên huấn, không nên thay đổi làm cho tổ chức tuyên huấn thường xuyên không ổn định, cán bộ không đi sâu được vào nghiệp vụ.

Ban Tuyên huấn huyện, thị ủy, đảng ủy có nhiệm vụ giúp cấp ủy tổ chức, chỉ đạo việc học tập của cán bộ, đảng viên ở huyện, thị, Đảng ủy, học tập của các chi bộ và chỉ đạo các công tác thông tin tuyên truyền, văn hóa ở địa phương, đơn vị, v.v..

Về nhiệm vụ của ủy viên tuyên huấn xã thì hiện tại chưa nên giao nhiều việc mà chủ yếu là chỉ đạo các lực lượng tuyên truyền, thông tin, văn hóa, văn nghệ, tổ đọc báo ở xã (có biết chữ). Ở những chi bộ cứng có thể đảm đương việc học tập của chi bộ như ở Bảo Thắng, thị xã...

Về Ban Tuyên huấn tỉnh, có nhiệm vụ giúp cấp ủy nghiên cứu và chỉ đạo công tác tuyên truyền giáo dục và những vấn đề chính trị tư tưởng và lý luận cơ bản và theo dõi chỉ đạo các ngành, các đoàn thể, không bao biện làm thay, và chạy vào các công việc sự vụ nhiều như tình trạng hiện nay.

Về nhiệm vụ của cán bộ tuyên huấn

Trong công tác, phải chú ý một mặt chú trọng việc nghiên cứu lý luận, nghiên cứu đường lối, chính sách của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, đọc sách báo hàng ngày vào giờ chuyên môn, đó là phần nửa trong nghiệp vụ của cán bộ tuyên huấn. Khi có lớp bồi dưỡng cán bộ tuyên huấn do Trung ương mở tích cực cho cán bộ tuyên huấn tỉnh, huyện, các công trường, xí nghiệp đi dự.

Mặt khác phải chú ý nghiên cứu thực tế đi sát phong trào, phải quan tâm đến các vấn đề phát sinh trong phong trào, các vấn đề trong đời sống của quần chúng. Cần dành một thời gian nhất định

xuống cơ sở quần chúng ở nông thôn, công trường, xí nghiệp, thị xã, thị trấn.

Việc xây dựng chương trình, kế hoạch hàng quý, hàng tháng, rút kinh nghiệm tổng kết nghiệp vụ tuyên huấn và mỗi công tác tuyên truyền giáo dục rất cần thiết, coi nhẹ mặt này là không đúng. Việc báo cáo hàng ngày và những công tác tuyên truyền lớn phải chấp hành đúng chế độ, không được coi nhẹ.

3. Tăng cường sự chỉ đạo các cơ quan văn hóa, thông tin, giáo dục các cấp

Các cơ quan văn hóa, thông tin, giáo dục ở tỉnh, huyện, xã phải đặt dưới sự chỉ đạo thống nhất của Ban Tuyên huấn hoặc ủy viên tuyên huấn của Đảng về mặt phối hợp phục vụ công tác tuyên truyền giáo dục về chính trị tư tưởng.

Đối với những cấp ủy viên làm trưởng ban tuyên huấn hoặc phụ trách công tác tuyên huấn nên đề nghị làm một công tác tương đương ở chính quyền để có lợi cho thống nhất chỉ đạo (ví dụ Trưởng ban Tuyên huấn huyện xã kiêm Ủy viên Văn xã hoặc làm Trưởng ban Thông tin - Văn hóa xã).

Về bộ máy thông tin - văn hóa:

Trước hết ở cấp huyện cần có cán bộ chuyên trách công tác thông tin và văn hóa, từ 1 đến 2 cán bộ.

Ở xã: Cần xây dựng trong năm tới nay cơ sở Ban Thông tin ở các xã rẻo thấp, làm trước ở huyện Bảo Thắng rút kinh nghiệm.

Ty Văn hóa và Phòng Thông tin sẽ nghiên cứu bộ máy tổ chức ở xã, sắp xếp thích hợp với hợp tác xã, sau khi tổ chức cần tổ chức việc bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ thông tin và văn hóa xã.

4. Tuyên huấn các ngành

Không những Ban Tuyên huấn Đảng các cấp cần được kiện toàn mà Ban Tuyên huấn các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, công đoàn, công tác nông thôn các cơ quan nhà nước cũng cần được kiện toàn cho thích hợp với yêu cầu công tác tuyên truyền giáo dục của các ngành, vì các ngành không thể ỷ lại vào tuyên huấn Đảng để làm mọi công tác tuyên truyền giáo dục của ngành mình được.

Nhất là các ngành chính quyền, kinh tế mà công tác có quan hệ nhiều với nông thôn (như thương nghiệp, y tế, nông lâm nghiệp) cần có bộ phận phụ trách công tác tuyên truyền, giáo dục của ngành mình, chú trọng cung cấp những sách nhỏ tranh cổ động, áp phích, khẩu hiệu để tuyên truyền cho công tác của ngành mình.

Đối với các ngành cũng phải chủ động không nên ỷ lại vào ban tuyên huấn của Đảng.

Về sinh hoạt:

Hàng tháng, khối tuyên, văn, huấn, giáo họp một kỳ.

- 3 tháng họp hội nghị tuyên, văn, huấn, giáo toàn tỉnh một kỳ.

MỘT SỐ KHẨU HIỆU CƠ BẢN NĂM 1960

1- Phấn đấu để hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1960!

2- Phấn đấu để căn bản hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc!

3- Nâng cao ý thức làm chủ, cần kiệm xây dựng nước nhà (ở nông thôn: Cui hợp tác xã là nhà. Cần kiệm xây dựng hợp tác xã)!

4- Ra sức học tập chính trị, văn hóa, kỹ thuật, nghiệp vụ để xây dựng Tổ quốc giàu mạnh!

5- Tiến lên lập nhiều thành tích trong lao động và công tác, thiết thực kỷ niệm 15 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa!

6- Toàn dân đoàn kết đấu tranh chống Mỹ - Diệm, thực hiện thống nhất hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước!

7- Xây dựng miền Bắc vững mạnh để đấu tranh thống nhất nước nhà thắng lợi!

8- Đảng Lao động Việt Nam muôn năm!

9- Hồ Chủ tịch muôn năm!

VĂN PHÒNG TỈNH ỦY
PHÓ VĂN PHÒNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT

HỘI NGHỊ THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 24-NQ/TU, ngày 29-4-1960

Về việc tăng cường công tác thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa cho cán bộ, công nhân và nông dân trong tỉnh

Đầu tháng 12-1959, Trung ương Đảng đã có nghị quyết về việc tăng cường lãnh đạo công tác bổ túc văn hóa cho cán bộ, công nhân và nông dân.

Cho tới nay việc thực hiện nghị quyết trên vẫn chưa có những chuyển biến mạnh mẽ.

Hội nghị thường lệ của Thường vụ Tỉnh ủy giữa tháng 4 nhận thấy cần cùng các cấp ủy trong tỉnh đánh giá lại tình hình và đề ra nhiệm vụ, phương hướng phấn đấu cụ thể, bảo đảm thực hiện tốt nghị quyết Trung ương.

I. NHẬN ĐỊNH VỀ TRÌNH ĐỘ VĂN HÓA CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC TRONG TỈNH

Nghị quyết 93 ngày 2-12-1959 của Trung ương Đảng đã nói: "Nhiệm vụ cách mạng ở miền Bắc nước ta hiện nay là tích cực đưa miền Bắc từ tình trạng nông nghiệp lạc hậu tiến lên có một nền kinh tế công nghiệp và nông nghiệp xã hội chủ nghĩa có khoa học kỹ thuật hiện đại, làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà...".

"... Trong nhiệm vụ cách mạng mới ấy, nhiều vấn đề mới đang được đặt ra; nếu chỉ có nhiệt tình cách mạng thì không đủ mà cần phải có trình độ hiểu biết khá sâu về những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, về khoa học kỹ thuật. Trong việc quản lý hợp tác xã, xí nghiệp, cơ quan việc nắm vững và vận dụng những kiến thức cơ bản về văn hóa, khoa học kỹ thuật đã thực sự trở thành một yêu cầu cấp bách và thiết thân của mỗi cán bộ, đảng viên. Trình độ văn hóa thấp kém của cán bộ nhất là cán bộ lãnh đạo ngày càng trở ngại lớn đến công cuộc xây dựng miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà".

Nhìn lại ở tỉnh ta tình trạng kém văn hóa rất trầm trọng. Theo thống kê năm 1959, cán bộ, công nhân viên toàn tỉnh có 1.285 người, thì 773 người đang ở trình độ cấp I (77 người lớp 1, 190 lớp 2, 241 người lớp 3 và 265 người lớp 4), 452 người đang ở trình độ cấp II (162 người lớp 5, 58 người lớp 6, 232 người lớp 7); 46 người đang ở trình độ cấp III (26 người lớp 8, 17 người lớp 9, 3 người lớp 10); chỉ có 5 người ở trình độ đại học.

Trong số 125 cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở tỉnh, huyện thì 59,2% còn ở trình độ cấp I, 31,2% đang ở trình độ cấp II, 3,2% ở trình độ cấp III.

Đại đa số nông dân còn ở tình trạng mù chữ, 68% công nhân trong tỉnh chỉ có trình độ cấp I.

Trong số cán bộ địa phương giữ nhiệm vụ lãnh đạo tại huyện, cá biệt còn có đồng chí chưa biết chữ. Cán bộ dân, chính, đảng ở cấp xã còn rất nhiều người chưa biết chữ. Bảo Thắng là huyện đã có cơ sở bình dân học vụ từ lâu nay, nhưng tình hình như sau:

- 23% cán bộ xã còn mù chữ.
- 58% mới biết đọc, viết.
- 16% ở lớp 2 và 3.
- 3% ở lớp 4.

Toàn tỉnh còn chừng 7 vạn người chưa biết chữ (70%). Dân tộc Mèo, Mán chiếm số đông ở Lào Cai nhưng số người biết chữ rất ít, nạn mù chữ còn tồn tại trong hai dân tộc này rất nặng nề.

Nhiều xã không có một người nào biết chữ (Màn Thần, San Sả Hồ, A Mú Sung...). Hàng trăm hợp tác xã vừa được thành lập nhưng đều thiếu người biết chữ, biết tính toán.

Tình trạng trên rõ ràng đã hạn chế việc nâng cao năng lực công tác, năng suất lao động, hạn chế trình độ quản lý sản xuất, quản lý nhà nước, hạn chế trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa và do đó hạn chế bước tiến nhanh của cách mạng.

Thời gian tới nếu không khẩn trương nâng cao trình độ văn hóa của cán bộ, công nhân, đảng viên và thanh niên thì sẽ ảnh hưởng lớn đến công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, cho nên yêu cầu bức thiết hiện nay là phải ra sức đẩy mạnh và lãnh đạo tốt phong trào thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa.

II. NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG THANH TOÁN NẠN MÙ CHỮ VÀ BỔ TÚC VĂN HÓA NĂM 1960 VÀ NHỮNG NĂM SAU

Từ ngày Lào Cai giải phóng tới nay, công tác thanh toán nạn mù chữ đã gây được cơ sở ở 102 trong số 123 xã toàn tỉnh. Nhưng nhìn chung thì phong trào còn yếu, chất lượng rất kém.

Trong năm 1959 có 5.054 người đi học các lớp sơ cấp bình dân học vụ (5,4% so với dân số) và 4.125 người theo học các lớp bổ túc văn hóa. Trong các lớp này tỷ lệ cán bộ đi học còn quá ít, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo và những cán bộ công tác ở cấp huyện. Nguyên nhân chính là do thiếu lãnh đạo chặt chẽ và động viên, bồi dưỡng kịp thời.

Gần đây ở các cơ quan tỉnh và một số công trường, xí nghiệp đã có nhiều chuyển biến tốt, song hiện nay phong trào tại các cơ quan huyện và xã rất kém.

Vì vậy nói chung toàn tỉnh hiện nay phải:

- Gấp rút xóa xong nạn mù chữ cho nhân dân từ 12 đến 40 tuổi.
- Song song với việc thanh toán nạn mù chữ, phải phát triển mạnh mẽ phong trào bổ túc văn hóa để nâng cao dần trình độ văn hóa của cán bộ và nhân dân.

Do khả năng và điều kiện tổ chức lãnh đạo có hạn nên cần tập trung lực lượng vào việc thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa cho các đối tượng chính, mà trước hết là các cán bộ chủ chốt. Phương hướng cụ thể về thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa 1960:

1- Phát triển mạnh mẽ phong trào thanh toán nạn mù chữ ở các xã rẻo thấp, mở rộng và phát triển cơ sở thanh toán nạn mù chữ ở các xã vùng cao (bằng chữ quốc ngữ và chữ Miêu), chú trọng trước tiên đến cán bộ chủ chốt.

2- Phát triển mạnh mẽ phong trào bổ túc văn hóa tại cơ quan, công trường, xí nghiệp và thị xã (chủ yếu cấp I). Tích cực phát triển phong trào bổ túc văn hóa ở nông thôn, cần chú trọng đặc biệt tới đối tượng cán bộ chủ chốt.

III. NHỮNG BIỆN PHÁP LỚN NHẪM THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 1960

So với năm 1959, nhiệm vụ 1960 là rất lớn, nhất thiết chúng ta phải tìm mọi cách nâng cao tốc độ của phong trào theo kịp yêu cầu của cách mạng, kiên quyết phấn đấu bảo đảm nhiệm vụ kế hoạch trên. Bởi vậy các cấp cần thực hiện chặt chẽ những biện pháp sau đây:

1. Phổ biến rộng rãi nghị quyết 93 của Trung ương từ trên tỉnh, huyện xuống xã và từ trong ra ngoài (kết hợp nghiên cứu nghị quyết này). Yêu cầu làm cho các ngành, các cấp thông suốt tinh thần nghị quyết của Trung ương, thấy rõ tính chất vô cùng cấp thiết của việc nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ, công nhân, nông dân trong giai đoạn cách mạng hiện nay, đặc biệt là hoàn cảnh của Lào Cai. Trên cơ sở nâng cao nhận thức tư tưởng mà kiểm điểm sâu sắc những sai lầm thiếu sót trước đây, ý thức chấp hành nghị quyết Trung ương và đề ra kế hoạch cụ thể đẩy mạnh phong trào (nhất là ở các huyện và các xã).

2. Chấn chỉnh ban lãnh đạo thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa các cấp (đặc biệt là cấp huyện và xã) bao gồm thành phần

đại biểu các cấp ủy đảng, chính quyền và các ngành liên quan như tuyên huấn, ban công tác nông thôn, liên hiệp công đoàn, phụ nữ, thanh niên, văn hóa, giáo dục. Cần xác định nhiệm vụ của thành viên trong ban là có trách nhiệm đôn đốc lãnh đạo, kiểm điểm thường xuyên chặt chẽ công tác thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa trong phạm vi quyền hạn của mình, thấy rõ tính chất quần chúng của phong trào và tính chất cấp thiết của công tác bổ túc văn hóa và thanh toán nạn mù chữ để chăm lo thực hiện và kết hợp, phối hợp chặt chẽ. Cần cử những cán bộ chuyên trách theo dõi vấn đề này, nhất là các công trường, xí nghiệp cần để cán bộ chuyên trách thực sự hoạt động cho phong trào, không nên kiêm nhiệm nhiều việc.

3. Chấn chỉnh phương pháp lãnh đạo của các cấp ủy đảng:

Sở dĩ đến nay phong trào học văn hóa còn non yếu (nhất là các huyện chính là do nhận thức của các cấp bộ Đảng, chính quyền về tầm quan trọng, ý nghĩa, vị trí của việc nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ, đảng viên đối với sự nghiệp cách mạng hiện nay chưa được sâu sắc, chưa có những chuyển biến căn bản. Thiếu sót của ta thường là không có người chuyên trách theo dõi lãnh đạo thực sự công tác giáo dục, hoặc có nhưng luôn luôn thay đổi nên tình hình cụ thể không nắm được. Cấp ủy lãnh đạo thiếu toàn diện, khi có công tác trung tâm là bỏ rơi công tác bình dân học vụ, khoán trắng cho ngành giáo dục, bản thân thiếu gương mẫu chấp hành chế độ học tập văn hóa, không đi học, không đến thăm lớp, không tôn trọng giờ học của cán bộ, công nhân, không kiên quyết sắp xếp cho cán bộ đi học các lớp tập trung hoặc tổ chức lớp cho cán bộ học tại chức. Cần chấm dứt ngay những thiếu sót trên và ra sức lãnh đạo tốt công tác thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa cụ thể là: cử cấp ủy theo dõi, lãnh đạo công tác bổ túc văn hóa (huyện, xã, công trường, xí nghiệp).

- Tổ chức kết hợp, phối hợp chặt chẽ thường xuyên giữa công tác bình dân học vụ với công tác trung tâm ở địa phương. Trong phạm vi công tác văn hóa, xã hội, phải coi công tác bổ túc văn hóa là công tác trung tâm thường xuyên.

- Hằng tháng hoặc ít nhất là 3 tháng cấp ủy cần trực tiếp nghe báo cáo, dự các kỳ sinh hoạt của cán bộ giáo viên để nắm tình hình cụ thể. Khi xuống cơ sở nhất thiết phải kiểm tra cấp dưới về bổ túc văn hóa, chú trọng chất lượng giảng dạy để hướng công tác bổ túc văn hóa phục vụ thiết thực cho công tác sản xuất và thực hiện các chính sách, nhất là bảo đảm nâng cao thêm mức miễn học phí cho người đi học.

- Kiên quyết chấp hành nghiêm chỉnh chế độ học tập đã quy định, bản thân cán bộ lãnh đạo cần gương mẫu học tập văn hóa và tôn trọng giờ học của cán bộ, công nhân và nhân dân.

- Cần có nhiều hình thức động viên, khen thưởng, có sơ kết, tổng kết để rút kinh nghiệm và duy trì, bồi dưỡng phong trào cho liên tục.

- Nghiên cứu để đi đến thống nhất việc giảng dạy văn hóa cho các lớp đào tạo cán bộ của các ngành chuyên môn để đỡ tốn chi phí và đạt kết quả tốt hơn.

4. Quy định chế độ và hình thức học tập văn hóa

a) Đối với cán bộ công nhân viên

- Nói chung cần bảo đảm mỗi tuần 2 tối. Chế độ này áp dụng chung cho tất cả các cơ quan, đoàn thể tỉnh, các công trường, xí nghiệp, mỏ, cơ quan quan huyện, cán bộ các ngành công tác cố định ở các khu vực.

- Đối với những cán bộ phải thường xuyên đi lưu động xuống xã không học tập liên tục được cần nghiên cứu tổ chức học tập trung mỗi tháng 4 ngày (cơ quan Giáo dục tỉnh, huyện có trách nhiệm nghiên cứu sắp xếp trình độ và tổ chức cho sát với tình hình công tác từng thời gian).

- Cử giáo viên chuyên trách dạy phụ đạo cho cán bộ lãnh đạo tỉnh, huyện, lãnh đạo các ngành ở tỉnh không có điều kiện học liên tục.

- Mở lớp riêng cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt của các cơ quan quanh tỉnh.

- Mở trường bổ túc văn hóa (phổ thông lao động cũ) bồi dưỡng văn hóa cho cán bộ, chủ yếu ưu tiên cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt

tỉnh, huyện, cán bộ thường xuyên di động, cán bộ lâu năm công tác ở miền núi văn hóa còn thấp, sau đó là cán bộ nghiên cứu, nghiệp vụ. Khoá đầu khai giảng vào tháng 7-1960.

Cần sáng tạo, tổ chức nhiều hình thức học tập thích hợp như: trường của hợp tác xã, trường của đoàn thanh niên, trường của phụ nữ... Đối với nông thôn cần dựa hẳn vào hợp tác xã, các tổ đổi công để xây dựng, tổ chức phong trào. Ở công trường, xí nghiệp, cơ quan cần dựa vào đoàn thanh niên lao động, công đoàn để động viên đôn đốc người đi học và đi dạy.

b) Cán bộ xã

Gấp rút tập trung số cán bộ xã chủ chốt loại cần thiết để bồi dưỡng văn hóa trong một thời gian. Toàn tỉnh bảo đảm 600 người (Trường đào tạo cán bộ của tỉnh và các lớp văn hóa tập trung ở các huyện phấn đấu bảo đảm chỉ tiêu).

Ngoài ra cần đặt chế độ mỗi giáo viên phổ thông ở xã ít nhất dạy cho 3 đến 5 cán bộ xã biết chữ.

Mỗi giáo viên bình dân học vụ ít nhất dạy cho 3 cán bộ xã biết chữ.

Mỗi giáo viên chữ Miêu dạy cho 1 cán bộ xã biết chữ.

Đảm bảo chế độ học tập văn hóa tại chức của cán bộ xã (trừ những công tác cần thiết phải bố trí học trước hoặc sau giờ họp hoặc học bù).

Bất cứ cán bộ ngành nào xuống xã nhất thiết phải tôn trọng và bảo đảm quyền lợi học tập của cán bộ và nhân dân, không được tùy tiện hoãn, đình chỉ lớp học văn hóa.

Đối với cán bộ xã và nhân dân mỗi tuần phải được học tập 10 giờ, trường hợp có công tác đột xuất phải bảo đảm được 6 giờ một tuần.

c) Thanh niên

Mở trường bổ túc văn hóa cho thanh niên các dân tộc nhằm đào tạo nhanh chóng một lớp thanh niên có trình độ cấp 1 cung cấp nhu cầu cán bộ của các ngành trong tỉnh và đào tạo cán bộ kỹ thuật trong tương lai. Khoá đầu cho 80 thanh niên học tại

làng Giàng (tỉnh). Nội dung học bao gồm cả chính trị, văn hóa và tham gia lao động, tiến tới tự túc về sinh hoạt. Các ngành Liên hiệp công đoàn, Thanh niên, Giáo dục có trách nhiệm nghiên cứu và thực hiện vấn đề này.

Để tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ phong trào thoát nạn mù chữ và bổ túc văn hóa, tiến tới xóa xong nạn mù chữ và căn bản vào những năm 1962-1963. Cần phải không ngừng tăng cường đội ngũ giáo viên bình dân học vụ và bổ túc văn hóa cả về số lượng cũng như chất lượng. Tỉnh và huyện sẽ mở các lớp đào tạo giáo viên dài hạn từ 4 đến 9 tháng. Nội dung học bao gồm cả văn hóa và chính trị. Tận dụng lực lượng cán bộ các ngành có trình độ văn hóa làm giáo viên bổ túc văn hóa, như có thể sử dụng các kế hoạch viên hợp tác xã nông nghiệp đã qua bồi dưỡng học tập các lớp văn hóa làm giáo viên bình dân học vụ.

Ở các ngành, các đoàn thể cần tích cực vận động đoàn viên, hội viên ra làm giáo viên.

Chính quyền các cấp cần thực hiện đầy đủ chính sách đối với cán bộ giáo viên bình dân học vụ mà Chính phủ đã quy định. Các hợp tác xã cần căn cứ vào thông tri của Ban công tác nông thôn Trung ương để bàn bạc trong hợp tác xã, nếu có thể cần trả cho giáo viên một số công điểm trong khi giáo viên phải giảng dạy hoặc đi huấn luyện ngắn ngày.

Cần bảo đảm tiêu chuẩn chính trị trong việc lựa chọn cán bộ, giáo viên xã, không cử những người thuộc giai cấp bóc lột mà lý lịch xấu vào hàng ngũ giáo viên.

Ban thường vụ nhắc các cấp ủy là phải hết sức coi trọng việc lựa chọn giáo viên, cán bộ bình dân học vụ đúng tiêu chuẩn không để số có lý lịch xấu trong hàng ngũ giáo viên. Việc bồi dưỡng, đào tạo giáo viên mới tuyệt đối phải chọn trong nông dân lao động, trước hết là trong bản cố trung nông dưới biết chữ. Đối với số giáo viên con cái địa chủ hoặc phú nông đã sử dụng phải có kế hoạch cải tạo tư tưởng tốt cho họ mới có thể sử dụng tốt được.

Các trường đào tạo, bồi dưỡng giáo viên chủ yếu là đặt ở các huyện, dựa vào nhà dân để làm trường sở, động viên các học viên xây dựng lấy trường sở một phần, chú ý cử những giáo viên có kinh nghiệm tư tưởng và chính trị tốt vào dạy các trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giáo viên.

Giáo viên kiêm chức ở các cơ quan, xí nghiệp cần được bố trí thời gian soạn bài, chấm bài hàng tháng không quá số giờ lên lớp để việc dạy có kết quả (Chỉ thị 73 của Trung ương Đảng và Thông tư 265 của Thủ tướng Chính phủ). Sau này sẽ tiến tới dân lập hóa các lớp học tại chức của cán bộ, công nhân.

Trong hoàn cảnh của tỉnh ta, nhiệm vụ thanh toán nạn mù chữ và bỏ túc văn hóa đã trở nên vô cùng cấp thiết. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc của tỉnh cần phải tiến hành khẩn trương, nhanh chóng và kiên quyết mới có thể đáp ứng được nhu cầu ngày một lớn, đồng thời nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân các dân tộc một cách có trọng điểm.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy mong các cấp nghiên cứu kỹ nghị quyết này thông suốt tinh thần của Trung ương và của Tỉnh ủy, thấy rõ tình trạng cấp thiết của chúng ta hiện nay để quan tâm đầy đủ trong việc lãnh đạo phong trào thanh toán nạn mù chữ, đề ra kế hoạch cụ thể để phấn đấu thực hiện cho tốt, tạo cơ sở chắc chắn cho việc đẩy mạnh việc hoàn thành xóa nạn mù chữ toàn tỉnh vào những năm tới.

Ban cán sự Giáo dục tỉnh căn cứ vào nghị quyết này mà cùng các cấp, các ngành đề ra chỉ tiêu kế hoạch chi tiết thực hiện và giúp Tỉnh ủy đôn đốc, theo dõi, hướng dẫn các cấp thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
QUYỀN BÍ THƯ
HOÀNG QUY

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 121-TT/TU, ngày 19-5-1960

Về việc triệu tập Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh

Thi hành nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 17, Chỉ thị 198-CT/TW của Trung ương Đảng về việc mở Đại hội các cấp, Đảng bộ tỉnh Lào Cai chúng ta đã tiến hành xong Đại hội ở các chi bộ và từ nay đến ngày 25-5-1960 thì Đại hội các huyện, Đảng ủy, Liên chi cũng họp xong.

Căn cứ vào nguyên tắc của Đảng đã quy định, dựa theo Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy số 22-BB/TU, ngày 9-4-1960, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra thông tri triệu tập Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ như sau:

I. NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN ĐẠI HỘI

Theo Chỉ thị của Trung ương, thì Đại hội Đảng bộ tỉnh ta lần này sẽ thảo luận và quyết định những vấn đề dưới đây:

1. Thảo luận và xây dựng ý kiến vào bản dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi) và bản đề cương báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

2. Bầu đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc.

Ngoài ra Đại hội có thảo luận phương hướng công tác của Tỉnh Đảng bộ 6 tháng cuối năm 1960.

Thời gian Đại hội sẽ tiến hành trong 7 đến 10 ngày, khai mạc vào 7 giờ ngày 1-6-1960.

II. THÀNH PHẦN DỰ ĐẠI HỘI

Đại hội gồm có những đại biểu sau đây tham dự:

- Tất cả các đại biểu chính thức và dự khuyết do các Đảng bộ trực thuộc tỉnh bầu lên và một số do Tỉnh ủy chỉ định, số lượng đại biểu gồm độ 153 đồng chí.

- Các đại biểu mời: Đại biểu Trung ương Đảng, đại biểu các Ban của Trung ương: Tổ chức, Tuyên huấn, Kiểm tra, Dân tộc, Công tác nông thôn, Biên giới.

- Ngoài ra, mời một số đại biểu là gia đình có công với cách mạng và một số chiến sĩ thi đua tỉnh đến dự trong buổi khai mạc, bế mạc Đại hội.

III. NHỮNG VIỆC CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI ĐI DỰ ĐẠI HỘI

Để Đại hội thu kết quả rực rỡ, các cấp bộ Đảng trong tỉnh cần thi hành đầy đủ những công tác như Nghị quyết số 22-BB/TU và Thông tri số 111-TT/TU của Tỉnh ủy đã gửi. Ngoài ra, cần bố trí các công tác ở địa phương và của ngành mình cho chu đáo, bảo đảm những công tác địa phương nhất là công tác sản xuất vụ mùa.

Các huyện, các Đảng ủy, Liên chi ủy, chi bộ trực thuộc cần báo cáo danh sách số đại biểu Đại hội về Tỉnh ủy trước ngày 26-5-1960 theo như sự phân phối và hướng dẫn của Tỉnh ủy đã gửi.

Các đại biểu đi dự Đại hội sẽ có mặt ở địa điểm Đại hội chiều ngày 28-5-1960 để học tập tài liệu, một số vấn đề về chính trị, kinh tế học nhằm phục vụ cho việc thảo luận các đề án Đại hội toàn quốc được tốt. Địa điểm liên lạc đón tiếp đại biểu tại trường đào tạo cán bộ (cây số 2 đường Sa Pa).

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ
HỒNG QUANG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 354-NQ/TU, ngày 31-5-1960

Về việc chỉ định đại biểu đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh

- Thi hành Nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ 17 và Chỉ thị 198 của Trung ương Đảng về việc mở Đại hội Đảng các cấp;
- Căn cứ vào Điều lệ Đảng và chỉ thị của Trung ương quy định nguyên tắc Tỉnh ủy triệu tập Đại hội tỉnh được quyền "... chỉ định thêm một số đại biểu chính thức nữa, nhưng số đại biểu này không được chỉ định trong Tỉnh ủy, Thành ủy và không được quá một phần mười tổng số đại biểu chính thức do các địa phương cử lên" (trong Điều 26, Chương thứ 6 Điều lệ Đảng lần thứ II).
- Căn cứ vào số lượng đại biểu được các Đảng bộ cử lên, số đại biểu chỉ định là 12 đồng chí;
- Chiếu Quyết nghị số 351-QN/TU ngày 26-5-1960 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ định 7 đồng chí làm đại biểu chính thức đi dự đại hội. Tiếp theo,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chỉ định các đồng chí có tên sau đây là đại biểu dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh:
 - Đỗ Hiệp, cán bộ chỉ đạo riêng xã trọng điểm Nậm Lúc, huyện Bắc Hà.

- Lý Dừng Nhà, ở công an nhân dân võ trang.

- Cao Văn Thập, Ty Kiến trúc.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của các đồng chí trên là đại biểu chính thức của Đại hội.

3. Đảng ủy Công an nhân dân võ trang, đồng chí phụ trách Ty Kiến trúc, Ban công tác Nông thôn, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và các đồng chí có tên trên chiếu Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
QUYỀN BÍ THƯ
HOÀNG QUY

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DIỄN VĂN KHAI MẠC
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI
LẦN THỨ III

**(Do đồng chí Trường Minh - Bí thư Tỉnh ủy trình bày
trước Đại hội, ngày 7-6-1960)**

Thưa đồng chí đại diện Trung ương Đảng!

*Thưa đồng chí đại diện tỉnh anh em ruột thịt Thủ Dầu Một
thân mến!*

Thưa các đồng chí đại diện cơ quan Trung ương về dự Đại hội!

Thưa toàn thể các đồng chí đại biểu Đại hội!

Hôm nay Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh chúng ta khai mạc. Đại hội đại biểu Đảng bộ lần này có thể coi là Đại hội lần thứ III của tỉnh, vì năm 1951 ngay sau ngày Lào Cai được giải phóng, chúng ta đã tổ chức hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ đầu tiên của tỉnh nhà, và năm 1959 chúng ta lại họp Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ lần thứ II để nghe phổ biến về nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ II (năm 1951) và quyết định các việc lớn của tỉnh cũng như bầu Ban Chấp hành Tỉnh Đảng bộ mới (1951 - 1959). Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần này được dân chủ cử đại biểu từ cơ sở trở lên.

So với 2 lần hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ trước, Đại hội lần này lớn lên cả về số lượng và chất lượng. Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ lần thứ nhất họp với 46 đại biểu chính thức. Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ lần thứ II có 69 đại biểu chính thức và một số

dự thỉnh. Nhưng đại hội lần này, số đại biểu lên tới 153 cả chính thức và dự khuyết. Trong Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ lần thứ nhất, số đại biểu dân tộc địa phương chỉ có 1, 2 đồng chí, đại biểu công trường, xí nghiệp chưa có đồng chí nào và hầu hết đại biểu là cán bộ quanh tỉnh và huyện. Đến Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ lần thứ II đã tăng tỷ lệ thành phần dân tộc lên tới trên 21% số đại biểu; nhưng trong số đó thì một số đại biểu chưa phải là đảng viên chính thức, chỉ có quyền dự thỉnh. Số đại biểu công trường, xí nghiệp ở hội nghị thứ II đã tăng nhưng cũng chỉ mới chiếm một tỷ lệ nhỏ. Đại hội lần thứ III này, tỷ lệ số đại biểu là dân tộc lên tới trên 23%, bao gồm 9 dân tộc, trong đó có 5 đồng chí ở xã lên dự. Đại biểu công trường, xí nghiệp quốc doanh chiếm tỷ lệ trên 24%, nếu kể cả thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán thì tỷ lệ lên tới trên 29% tổng số đại biểu; trong đó có 15 đồng chí trực tiếp sản xuất.

Tất cả những điểm trên nói lên sự trưởng thành của Đảng bộ chúng ta. Nó phản ánh sự lớn mạnh về số lượng và chất lượng đảng viên của Đảng bộ chúng ta, phản ánh sự lớn mạnh của công nghiệp, nông nghiệp và các ngành hoạt động trong tỉnh.

Đại hội lần này họp sau Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ lần thứ II mới được 1 năm 3 tháng. Với thời gian tuy ngắn ấy, toàn Đảng bộ chúng ta đã phấn đấu dũng cảm để thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ lần thứ II và đã thu được nhiều thắng lợi to lớn. Tính tới tháng 4-1960, tỉnh ta đã đạt được những thành tích chủ yếu sau đây:

1. Trước hết, tỉnh ta đã tiến một bước lớn trong việc xây dựng quan hệ sản xuất mới ở nông thôn và ở các thị xã, thị trấn qua tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ và công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư doanh ở các thị xã, thị trấn. Tỉnh Lào Cai chúng ta đã từ chỗ không có cơ sở hợp tác xã nông nghiệp, nay đã xây dựng được 178 hợp tác xã với 24,41% tổng số hộ nông dân lao động tham gia,

1.103 tổ đổi công thường xuyên và có bình công chấm điểm với 9.535 hộ (không kể số tổ đã vào hợp tác xã), chiếm 84,55% tổng số hộ nông dân lao động ở ngoài hợp tác xã (số liệu đổi công hợp tác tính đến hết tháng 5-1960); từ không có tổ chức các tổ hợp tác tiểu thương và tiểu thủ công nay đã đưa 280 hộ thủ công và tiểu thương vào tổ hợp tác, tức 32,7% so với tổng số hộ tiểu thương và tiểu thủ công trong tỉnh, và còn chuyển 231 hộ về sản xuất. Do kết quả của công tác giáo dục tư tưởng nên nông dân và đại bộ phận tiểu thương và tiểu thủ công thuộc các thành phần dân tộc đã nhận thức rõ ranh giới giữa địa chủ và nông dân, giữa lao động và bóc lột, giữa xã hội chủ nghĩa và làm ăn cá thể; đã đấu tranh có kết quả chống những tàn dư của thế lực phong kiến còn sót lại và thu hẹp thế lực tư bản trong tỉnh. Phong trào của nông thôn tiến theo con đường xã hội chủ nghĩa đang phát triển sâu rộng, căn bản là tốt.

Trong công trường, xí nghiệp quốc doanh, công tác phát động công nhân, viên chức tham gia quản lý xí nghiệp thu được thắng lợi lớn, đã cải tiến chế độ quản lý, động viên và nâng cao được ý thức giác ngộ và tinh thần làm chủ của cán bộ, công nhân, viên chức cũng như đẩy mạnh được sản xuất tăng lên.

2. Trên cơ sở thắng lợi của công tác "3 cải", công tác phát động cán bộ, công nhân, viên chức cải tiến quản lý xí nghiệp, công tác chỉnh huấn cán bộ và nhân viên, tỉnh ta đã thực hiện thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 1959. Tuy so với những chỉ tiêu xây dựng hồi đầu năm có điểm chưa đạt được, nhưng nếu so với năm 1958 thì năm qua đạt nhiều thành tích quan trọng: Về mặt nông nghiệp đã tăng 1.743 tấn thóc, tức tăng 9,2%, tăng 6,3% về sản lượng ngô; tăng 86,3% về sắn; 50% về khoai; 15,4% về đậu, v.v.. Đặc biệt việc áp dụng kỹ thuật canh tác cải tiến trong sản xuất nông nghiệp đã thu được kết quả tốt; không những đã tăng năng suất lúa và hoa mầu mà còn bước đầu thay đổi cách làm ăn cũ kỹ, những tư tưởng lạc hậu, bảo thủ trong sản xuất nông nghiệp của cán bộ và nhân dân. Về mặt thương nghiệp, đã mở rộng kinh tế quốc doanh từ 65%

năm 1958 lên 75% năm 1959; kinh tế hợp tác xã mua bán năm 1958 chưa có, năm 1959 chiếm 1% trên thị trường; kinh tế tư bản Nhà nước từ 5% lên 12%; vật giá căn bản ổn định. Thương nghiệp quốc doanh đã bán ra tăng hơn năm 1958 là 47%, mua vào cũng tăng hơn năm 1958 là 16,4%. Về mặt công nghiệp, hầu hết các công trường, xí nghiệp quốc doanh ở tỉnh Lào Cai đều vượt kế hoạch. Riêng về công nghiệp địa phương, do nhận thức chưa đúng phương châm của Trung ương đề ra nên việc xây dựng công nghiệp địa phương ở Lào Cai chậm, nhưng cũng có tiến bộ về các mặt sản xuất nông cụ, gỗ xóc, gỗ xẻ, gạch, vôi, v.v.. Sản lượng công nghiệp năm 1959 đã chiếm 41,2% tổng sản lượng công - nông nghiệp toàn tỉnh. Nếu so với năm 1958 thì công nghiệp Trung ương tăng gấp đôi, công nghiệp địa phương tăng gấp rưỡi và thủ công nghiệp gần gấp đôi. Về mặt tài chính, ngân hàng, chúng ta đã tăng 23,2% về thu, 30% về chi so với năm 1958 và có nhiều tiến bộ về quản lý tiền tệ, về huy động vốn tiết kiệm, về thu nợ. Về mặt kiến thiết cơ bản và giao thông vận tải là hai mặt yếu trong việc thực hiện kế hoạch, nhưng cũng đã xây dựng được một số công trình mới như các kho, trường chính trị, trường học cấp II; phục hồi lưới điện, nước; xây dựng một số nhà, trụ sở; phục hồi đoạn đường từ Lào Cai đi Bản Lầu; sửa chữa và bảo đảm tương đối tốt đường Lào Cai đi Sa Pa và đi Cam Đường; làm được một số cầu treo phục vụ tốt cho dân sinh, kinh tế. Đặc biệt trong những tháng đầu năm 1960, nhờ được tăng cường lãnh đạo và tăng cường cán bộ nên ngành kiến thiết đã có nhiều tiến bộ rõ rệt. Về mặt văn hóa, giáo dục, xã hội, chúng ta có những tiến bộ mới. Trong công tác y tế đã mở rộng thêm cơ sở (bệnh viện, bệnh xá, v.v.), tiến hành tốt công tác phòng bệnh và dập tắt các bệnh dịch tễ. Trong công tác giáo dục có tiến bộ về giáo dục phổ thông, tăng thêm số trường, số học sinh và số lớp. Phong trào học tập bổ túc văn hóa và thanh toán nạn mù chữ hiện nay đang phát triển, có triển vọng tốt.

3. Về mặt phá âm mưu hoạt động của địch, chúng ta đã ngăn chặn có kết quả những vụ đột xuất xảy ra, phá tan lực lượng phi

còn lại ở Sa Pa là nơi còn nhiều lực lượng phỉ nhất, chúng ta còn phá một số vụ án, đánh mạnh vào bọn đặc vụ và gián điệp. Đồng thời chúng ta đã tiến hành có kết quả các mặt chống lậu, bảo vệ trật tự trị an xã hội, nhất là đã làm công tác chống các vụ ma chài có kết quả.

4. Về mặt xây dựng chính quyền, lực lượng vũ trang, bán vũ trang và các tổ chức quần chúng, xây dựng Đảng và đào tạo cán bộ địa phương: chúng ta đã kết hợp chặt chẽ trong các đợt phát động và bầu cử Hội đồng nhân dân xã. Do đó bước đầu củng cố được bộ máy chính quyền xã trong toàn tỉnh, chính quyền huyện và tỉnh nay được tăng cường hơn. Toàn tỉnh đã tăng cường lực lượng dân quân từ 2.252 lên 6.657 người, tiến hành có kết quả công tác nghĩa vụ quân sự, tổ chức thêm lực lượng công an nhân dân vũ trang, củng cố và xây dựng thêm lực lượng công an xã, đồng thời chúng ta cũng tiến hành củng cố tốt công đoàn ở các công trường, xí nghiệp quốc doanh, mở rộng và tổ chức thêm nhiều chi đoàn thanh niên lao động ở nông thôn, củng cố và phát triển tổ chức phụ nữ. Riêng về mặt xây dựng Đảng, chúng ta đã có tiến bộ quan trọng trong việc xây dựng chi bộ và phát triển đảng viên ở nông thôn, ở các tổ sản xuất, ở các xí nghiệp quốc doanh, cho nên từ 7 chi bộ xã cuối năm 1959, nay đã có 28 chi bộ xã và 88 xã có đảng viên. Số đảng viên toàn tỉnh cuối năm 1958 có độ 800, nay có 1.697 đảng viên, bao gồm đầy đủ thành phần dân tộc, tăng thêm số lượng vô sản và bán vô sản. Mặt khác chúng ta cũng có những cố gắng trong việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, đẩy mạnh công tác tư tưởng, đặc biệt chúng ta đã mở hai đợt giáo dục lớn cho cán bộ, nhân viên năm qua giáo dục về nghị quyết hội nghị toàn Đảng bộ tỉnh và chỉnh huấn xã hội chủ nghĩa.

Do những thành tích trên nên trong năm qua nhiều đơn vị trong tỉnh được Chính phủ khen thưởng, cụ thể là tỉnh Lào Cai chúng ta được Thủ tướng khen một lần về sản xuất nông nghiệp, một lần về thu mua; Hợp tác xã Làng Dạ được huân chương; Hợp tác xã Sả Thèn Phàng được bằng khen của Trung ương; các cơ sở

như apatít, địa chất, lắp máy đều được huân chương. Phong trào dân quân Lào Cai cũng được bình là tỉnh khá nhất, được huân chương và cờ luân lưu.

Đạt được kết quả trên là nhờ có đường lối và sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương, nhờ ánh sáng Nghị quyết của Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ lần thứ II đã củng cố thêm một bước lập trường tư tưởng và động viên lòng hăng hái của toàn thể cán bộ, đảng viên, tích cực trên mọi mặt công tác của Đảng và Chính phủ. Các tầng lớp nhân dân các dân tộc, nhất là nhân dân lao động đã đem nhiệt tình cách mạng của mình, tích cực chấp hành mọi chính sách của Đảng và Chính phủ đã đề ra.

Qua những thành tích trên, chúng ta rất phấn khởi vui mừng có thể khẳng định rằng thành tích và thắng lợi đạt được từ Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ tỉnh năm ngoài tới nay là to lớn, là căn bản, đã làm cho tỉnh ta tiến bộ một bước quan trọng và chuyển biến bước đầu trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội; làm cho bộ mặt của tỉnh ta khác nhiều so với năm 1958.

Tất nhiên chúng ta chưa thể thỏa mãn và cũng không chủ quan một chiều mà cũng thấy rằng, bên cạnh thắng lợi to lớn và căn bản thì trong công tác còn có nhiều nhược điểm, khuyết điểm đáng kể tồn tại, như trong công tác "3 cải" tuy đã đạt thắng lợi nhưng mới là bước đầu cho nên còn nhiều vấn đề phải giải quyết. Trong công trường, xí nghiệp còn phải tiếp tục phát huy kết quả của cuộc phát động cải tiến quản lý xí nghiệp. Trong công tác kế hoạch nhà nước; xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa; xây dựng cơ sở đào tạo cán bộ, v.v. còn nhiều thiếu sót, phải ra sức khắc phục, sửa chữa. Nhất là phải hết sức chú ý gấp vấn đề sản xuất nông nghiệp theo phương châm toàn diện, vượt bậc, vững chắc và chú ý việc thực hiện kế hoạch ở các xí nghiệp trước mắt đang gặp nhiều khó khăn. Tình hình âm mưu địch chưa phải đã hết, toàn Đảng, toàn dân cần phải luôn luôn đề cao cảnh giác cách mạng, đặc biệt chú ý đến nơi xa xôi hẻo lánh, kịp thời đối phó với âm mưu

phá hoại của địch; nếu ta chủ quan mất cảnh giác, địch vẫn còn có thể gây ra đột xuất ở những nơi xung yếu.

Tóm lại, nhiệm vụ của Đảng bộ tỉnh chúng ta còn nặng nề và phải phấn đấu dũng cảm hơn nữa.

Thưa các đồng chí!

Hiện nay, trong lúc chúng ta đang họp Đại hội ở đây thì toàn tỉnh đang phấn đấu mạnh mẽ để:

- Thu hoạch tốt vụ chiêm, làm tốt vụ mùa.

- Đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về công nghiệp, thương nghiệp và các ngành khác của Trung ương trao cho.

Chúng ta đang tiếp tục chuẩn bị bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh đi đôi với tăng cường công tác củng cố và phát triển Đảng và các tổ chức quần chúng và đào tạo cán bộ.

Ngoài ra chúng ta còn đang đối phó với một số bệnh dịch tễ và những hoạt động của các phần tử phản cách mạng ở một số địa phương, v.v.. Có thể nói rằng hiện nay công tác ở các địa phương rất khẩn trương.

Tuy nhiên, chúng ta vẫn được Trung ương cho phép họp Đại hội, vì việc họp Đại hội không những chỉ là một sự kiện quan trọng tới công tác của tỉnh ta mà lại là nhiệm vụ quan trọng đối với Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng nữa.

Như chúng ta đã biết, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III lần này là một sự kiện vô cùng quan trọng trong sinh hoạt của Đảng ta. Nghị quyết Trung ương lần thứ 17 đã nêu: "Đại hội lần này họp để bàn định hướng những vấn đề lớn thuộc về nhiệm vụ, đường lối, chính sách chung của toàn Đảng trong giai đoạn xây dựng miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà, đồng thời để quyết định việc sửa đổi Điều lệ Đảng và bầu lại Ban Chấp hành Trung ương Đảng mới".

Chúng ta đều biết rằng nếu Đại hội toàn quốc lần thứ II là Đại hội đẩy mạnh kháng chiến và đưa kháng chiến tới thắng lợi, thì Đại hội Đảng lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội và đẩy mạnh đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

Trung ương đã nhiều lần nhắc chúng ta phải quan niệm Đại hội toàn quốc lần thứ III không phải đến khi họp Đại hội ở Thủ đô mới là bắt đầu mà là từ khi họp Đại hội ở cơ sở và các cấp. Vì có tập trung trí tuệ của toàn Đảng từ cơ sở trở lên thì Đại hội toàn quốc mới thành công tốt đẹp được. Cho nên có thể nói: "Đại hội Đảng bộ tỉnh ta là đang làm việc của Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng".

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh ta lần này sẽ làm việc trong 7 ngày, chúng ta sẽ thảo luận 2 văn kiện là: Đề cương báo cáo chính trị và bản sửa đổi Điều lệ Đảng của Trung ương. Đề cương báo cáo chính trị là một văn kiện mới, đối với chúng ta lại là một văn kiện cô đúc, nên Đại hội chúng ta sẽ dành quá nửa thời gian để thảo luận. Còn bản sửa đổi Điều lệ Đảng tuy đã được thảo luận ở các chi bộ, các Đảng ủy ở các cấp, Đảng bộ huyện và xã, nhưng ở Đại hội tỉnh lần này vẫn có nhiệm vụ thảo luận kỹ lưỡng và đầy đủ hơn nữa.

Trong kỳ họp lần này, Đại hội chúng ta chưa nghe báo cáo kiểm điểm công tác của Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ, chưa quyết định về các công việc lớn của tỉnh trong thời gian sắp tới và bầu Ban Chấp hành mới; sau Đại hội toàn quốc, Đại hội chúng ta sẽ lại họp làm việc này.

Sở dĩ như vậy là vì thời gian không cho phép; hơn nữa nếu họp sau Đại hội toàn quốc thì chúng ta sẽ còn được những chỉ thị, nghị quyết quý báu của Đại hội toàn quốc lần thứ III hướng dẫn, do đó việc kiểm điểm công tác của Ban Chấp hành tỉnh và thảo luận nhiệm vụ của tỉnh mới được tốt hơn.

Như vậy, trọng tâm công tác của kỳ họp của Đại hội lần này là thảo luận bản Đề cương báo cáo chính trị, thảo luận bản Điều lệ Đảng (sửa đổi) của Trung ương và cử đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ III.

Nhiệm vụ của chúng ta, những người được Đảng bộ các cấp cử tới đây, là phải mang hết nhiệt tình và trí tuệ để thảo luận, xây dựng đề cương báo cáo chính trị và bản sửa đổi Điều lệ Đảng và chọn người xứng đáng tiêu biểu để cử đi lên dự Đại hội toàn quốc.

Phải nhận thức rằng đa số trong chúng ta từ trước tới nay chưa được thảo luận những vấn kiện lớn lao và đầy ý nghĩa lịch sử như 2 vấn kiện chúng ta sẽ thảo luận, nên chúng ta không khỏi ngỡ ngơ, nhất là có nhiều đồng chí chúng ta thường chỉ quen biết công việc trong phạm vi mình phụ trách, không được biết tình hình toàn quốc, chỉ quen công tác sự vụ, ít được học tập lý luận, vì vậy trong quá trình nghiên cứu và bước đầu thảo luận đề án có thể dễ có đồng chí dẫn đo, rụt rè.

Nhưng chúng ta đã biết rằng lý luận Mác - Lênin là bắt nguồn ở cuộc sống. Chúng ta là những người sát cuộc sống nhất, dù là cuộc sống ở một địa phương, chúng ta tin tưởng nếu chúng ta mạnh bạo vận dụng, liên hệ thực tế địa phương kết hợp với suy nghĩ sau khi nghe báo cáo bồi dưỡng về lý luận, sau khi nghe báo cáo giải thích về Đề cương báo cáo chính trị và báo cáo về bản Điều lệ Đảng (sửa đổi) thì chúng ta nhất định sẽ phát hiện được nhiều vấn đề mới mẻ bổ ích cho việc bổ sung các dự thảo của Trung ương đưa về. Làm được như vậy tức là chúng ta làm tròn trách nhiệm của mình đối với Đại hội toàn quốc, đồng thời cũng nâng cao thêm lập trường, tư tưởng của chúng ta.

Đại hội lần này của chúng ta lại vinh dự được đồng chí Tố Hữu đại diện Trung ương Đảng về giúp đỡ hướng dẫn thảo luận. Nếu có gì ngỡ ngơ chúng ta sẽ được sự chỉ đạo và uốn nắn kịp thời của đồng chí đại diện Trung ương.

Cho nên, chúng ta quyết tâm và tin tưởng là kỳ họp Đại hội lần này của tỉnh Đảng bộ chúng ta sẽ thành công rực rỡ.

Thay mặt Chủ tịch đoàn, chúng tôi xin tuyên bố khai mạc Đại hội.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI LẦN THỨ III

(Chỉ lưu hành trong nội bộ Đảng)

Số 1, ngày 7-6-1960

Với tinh thần phấn khởi và đầy đủ trách nhiệm của đại biểu về dự Đại hội.

Qua 4 ngày trù bị, Đại hội đại biểu Đảng bộ Đảng Lao động Việt Nam toàn tỉnh Lào Cai đã chính thức khai mạc hồi 6 giờ 30 sáng ngày 7 tháng 6 năm 1960.

Đến dự Đại hội đã có 139 đại biểu, đại diện cho toàn thể đảng viên thuộc các cơ sở công nghiệp, thương nghiệp, các huyện, các xã, các chi bộ trực thuộc Tỉnh ủy và các chi bộ thuộc Đảng ủy Dân Chính Đảng các cơ quan xung quanh tỉnh.

Đại hội được vinh dự đón tiếp đồng chí Tố Hữu, đại diện Ban Chấp hành Trung ương Đảng về dự Đại hội.

Đại hội đã cử ra:

Chủ tịch đoàn gồm 11 đồng chí: Trường Minh, Hoàng Quy, Phạm Gia Tuân, Nguyễn Văn Lang, Nguyễn Tất, Hoàng Thị Triệu, Trần Long, Lê Bá Hội, Việt Sơn, Nguyễn Can, Văn Viết Tùy.

Thư ký đoàn gồm 7 đồng chí: Trần Long, Minh Đức, Hồng Kỳ, Vũ Văn Thụ, Phạm Hồng Phúc, Nguyễn Nhân Trí, Hoàng Minh Tước.

Ban thẩm tra tư cách đại biểu gồm 5 đồng chí: Khánh Vinh, Kiều Đức Hạnh, Nguyễn Văn Tấn, Nguyễn Trí Nghi, Chu Văn Kiên.

Sau lễ chào cờ, đồng chí Trường Minh, Bí thư Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ thay mặt Chủ tịch đoàn đã đọc diễn văn khai mạc Đại hội (có văn bản kèm theo).

Đồng chí Trinh thay mặt cho anh chị em Thủ Dầu Một ruột thịt chúc mừng Đại hội thắng lợi và thành công tốt đẹp (có văn bản kèm theo).

Đại hội cũng đã nghe đồng chí Tố Hữu phát biểu ý kiến, thay mặt Trung ương Đảng chào mừng Đại hội; gửi lời chào mừng toàn thể cán bộ, đảng viên, chào mừng toàn thể đồng bào các dân tộc trong tỉnh. Hoan nghênh những thành tích của Đảng bộ Lào Cai đã đạt được trong mấy năm qua, đồng chí đã nhắc nhở toàn thể đại biểu, đặc biệt các đại biểu cơ sở, các đại biểu dân tộc thiểu số cố gắng góp nhiều ý kiến cho Đại hội.

Vào nội dung Đại hội, đồng chí Hoàng Quy thay mặt Chủ tịch đoàn đã trình bày bản gợi ý thảo luận đề cương báo cáo chính trị của Trung ương Đảng.

Đại hội đã tiếp đoàn đại biểu các công trường, xí nghiệp đến chào mừng Đại hội và dâng những thành tích và tặng phẩm lên Đại hội. Đồng chí Nguyễn Văn Lang thay mặt Đại hội hoan nghênh tinh thần công tác của toàn thể cán bộ, công nhân và thay mặt toàn Đảng kêu gọi anh em cán bộ, công nhân, nhân viên phát huy mọi khả năng của giai cấp công nhân, tích cực phấn đấu trên mọi mặt công tác để đẩy mạnh sản xuất thiết thực chào mừng Đại hội Đảng.

Đại hội cũng đã nhận được gần 50 thư của các đơn vị, các cá nhân gửi đến chào mừng Đại hội và dâng lên Đại hội những thành tích mà các cơ sở đã đạt được.

Ngoài ra, để tăng cường việc chỉ đạo thực hiện các công tác ở địa phương, Đại hội đã cử một số đại biểu về địa phương để chỉ đạo công tác sản xuất.

Chiều và tối ngày 7-6-1960, Đại hội bắt đầu thảo luận các vấn đề ở hội trường.

T/M ĐOÀN THƯ KÝ ĐẠI HỘI
TRẦN LONG

Chú ý: Những thông báo và văn kiện này phổ biến xuống đến các đảng viên trong toàn tỉnh.

Đối với cán bộ, công nhân viên trừ những điểm đã chú thích "không phổ biến ra ngoài", còn thì có thể phổ biến.

Đối với nhân dân thì căn cứ vào tờ "Tin Lào Cai" và tinh thần của các văn kiện mà phổ biến, không phổ biến toàn văn.

Các cấp cần sử dụng tốt những văn kiện, thông báo của Đại hội để kịp thời phổ biến động viên toàn Đảng, toàn dân trong tỉnh đẩy mạnh mọi mặt công tác và sản xuất.

THÔNG BÁO CỦA ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI LẦN THỨ III

Số 2, ngày 8-6-1960

Hôm nay Đại hội đã làm việc tại hội trường.

1. Đại hội đã tiếp tục thảo luận bản đề cương Báo cáo chính trị của Trung ương Đảng ở Đại hội toàn quốc lần thứ III, trên mấy vấn đề:

- Bước đường đã qua và mấy bài học thắng lợi của cách mạng Việt Nam.
- Tình hình chung và nhiệm vụ hiện nay của Đảng ta.
- Đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà; hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Trên tinh thần phát huy dân chủ cao độ, Đại hội đã thảo luận các ý kiến của đại biểu đề xuất, đề nghị sửa đổi hoặc bổ sung bản đề cương Báo cáo chính trị. Qua quá trình thảo luận rất sôi nổi, làm sáng tỏ các vấn đề trên. Nói chung các đồng chí đại biểu đều nhất trí về tinh thần và nội dung bản đề cương Báo cáo chính trị. Những ý kiến đề nghị sửa đổi hoặc bổ sung thêm về bản đề cương Báo cáo chính trị đều được ghi vào biên bản.

2) Buổi sáng, đoàn đại biểu Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và Mặt trận Tổ quốc thị xã Lào Cai, đại diện cho các đoàn thể trong Mặt trận và các tầng lớp nhân dân các dân tộc đã đến chào mừng Đại hội.

Ông Vương Thái Sơn thay mặt cho Đoàn đại biểu đã trân trọng chào mừng Đại hội, nguyện đoàn kết chặt chẽ dân tộc, tôn giáo, các tầng lớp nhân dân trong Mặt trận dưới sự lãnh đạo của Đảng, kiên quyết thực hiện mọi nhiệm vụ của Đảng đã đề ra trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà và kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Đồng chí Văn Viết Tùy thay mặt Đại hội và Chủ tịch đoàn phát biểu cảm ơn và Đại hội đã nhiệt liệt hoan nghênh.

3. Tính đến ngày hôm nay Đại hội đã nhận được gần 200 bức thư từ các đơn vị, cơ sở, cơ quan, công trường, xí nghiệp, trường học Việt Hoa, thị xã, thị trấn, xã, cá nhân, trong đó có thư của các đồng chí Thủ Dầu Một tại Hà Nội và thư của 1 đảng viên Đảng Dân chủ tại Lào Cai và 1 tờ báo liếp chào mừng Đại hội của Trường phổ thông cấp II thị xã, v.v. gửi tới chào mừng Đại hội.

T/M ĐOÀN THƯ KÝ ĐẠI HỘI
TRẦN LONG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

CỦA ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ

TỈNH LÀO CAI LẦN THỨ III

Số 3, ngày 9-6-1960

Hôm nay Đại hội làm việc tại hội trường.

1. Đại hội đã thảo luận hai vấn đề lớn của đề cương Báo cáo chính trị:

- Đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.
- Nhiệm vụ và phương hướng của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

- Trong phần đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, Đại hội đã thảo luận sâu sắc những đặc điểm của tình hình miền Bắc. Đại hội đã thảo luận về vấn đề: "... sau khi nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã hoàn thành thì miền Bắc nước ta có điều kiện để bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa mà tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội".

Về phần nhiệm vụ và phương hướng của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965):

- Đại hội nhất trí với bản đề cương Báo cáo chính trị của Trung ương rằng: "Sau khi hoàn thành thắng lợi kế hoạch 3 năm, sau khi công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đã giành được thắng lợi căn bản, sức sản xuất ở miền Bắc nước ta còn lạc hậu. Để củng cố và phát triển quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, phải tích cực phát triển sức sản xuất, cho nên sau kế hoạch 3 năm,

miền Bắc nước ta sẽ chuyển sang thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, và kế hoạch 5 năm lần thứ nhất là một bước quan trọng mở đầu thời kỳ ấy".

- "Muốn phát triển mạnh mẽ sức sản xuất, củng cố và phát triển quan hệ sản xuất mới, đưa miền Bắc nước ta tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội thì trong thời gian kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, chúng ta phải ra sức phấn đấu để thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa đi đôi với việc hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, nhằm xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội".

Đại hội đã thảo luận về nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm, và tập trung thảo luận nhiệm vụ:

- "Ra sức phát triển công nghiệp hóa và nông nghiệp, thực hiện một bước ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp toàn diện trên cơ sở cải tiến kỹ thuật và bước đầu cơ giới hóa, ra sức phát triển công nghiệp nhẹ...".

Qua quá trình thảo luận rất sôi nổi, Đại hội đã nhất trí với đề cương.

Đại hội cũng đã thảo luận phương châm nhiệm vụ: trong quá trình phát triển kinh tế, cần phải nắm vững quan điểm công nghiệp là chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, và nông nghiệp là cơ sở cho công nghiệp phát triển. Coi nhẹ nông nghiệp sẽ làm cho tốc độ công nghiệp hóa bị chậm lại và ảnh hưởng đến đời sống nhân dân. Công nghiệp phát triển sẽ thúc đẩy nông nghiệp phát triển mạnh mẽ, đồng thời nông nghiệp phát triển lại là điều kiện quan trọng để phát triển công nghiệp, nâng cao mức sống của nhân dân lao động.

Các đồng chí đại biểu đều có liên hệ đến tình hình thực tế của địa phương, phương hướng xây dựng kinh tế công, nông nghiệp ở miền núi.

Một số ý kiến đề nghị bổ sung thêm về nhiệm vụ phát triển lâm nghiệp, nghề cá...

2. Đoàn đại biểu cán bộ, giáo viên, học sinh trong tỉnh sáng nay đã đến mừng Đại hội. Đồng chí Ma Văn Kháng thay mặt Đoàn đại biểu đã chào mừng Đại hội và báo cáo thành tích:

Về mặt giáo dục phổ thông năm ngoái chỉ có 37 xã có cơ sở, năm nay đã có 99 xã có cơ sở. Sự phát triển chỉ 1 năm vượt tất cả sự phát triển của nhiều năm trước cộng lại.

Về mặt giáo dục bình dân, từ chỗ 52 xã trắng nay chỉ còn 21 xã trắng, trong vòng 1 năm đã phát triển thêm 30 xã...

Đồng chí cũng thay mặt anh em hứa đem tất cả nhiệt tình cách mạng, dạy dỗ thế hệ lý tưởng của Đảng - lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, hiến dâng tất cả cuộc đời của mình cho sự nghiệp của Đảng.

Đồng chí Lê Bá Hội đã thay mặt Đại hội và Chủ tịch đoàn nhiệt liệt hoan nghênh đoàn đại biểu.

T/M ĐOÀN THƯ KÝ ĐẠI HỘI
TRẦN LONG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI LẦN THỨ III

Số 4, ngày 10-6-1960

1. Sáng nay, đoàn đại biểu các lực lượng quân đội và công an nhân dân vũ trang tỉnh Lào Cai đã đến chào mừng Đại hội, báo cáo thành tích thi đua và hứa hoàn thành bất cứ nhiệm vụ nào của Đảng giao cho. Trước hết ra sức học tập chính trị, quân sự, văn hóa, khoa học, kỹ thuật; nâng cao trình độ tư tưởng, trình độ chiến thuật, kỹ thuật; đề cao cảnh giác sẵn sàng chiến đấu, phá tan mọi âm mưu phá hoại của kẻ địch, tích cực xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng; bảo vệ công cuộc lao động hòa bình của nhân dân các dân tộc và đấu tranh thống nhất đất nước.

Đồng chí Nguyễn Can thay mặt Chủ tịch đoàn và Đại hội đã phát biểu ý kiến nhiệt liệt hoan nghênh đoàn. Nhắc nhở nhiệm vụ của các lực lượng vũ trang của Đảng ở Lào Cai phải ra sức học tập, sản xuất, nâng cao cảnh giác cách mạng của mình, nắm chắc tay súng bảo vệ Đảng, bảo vệ nhân dân các dân tộc.

2. Đại hội đã thảo luận vấn đề tích lũy và tiêu dùng, vấn đề rất quan trọng trong nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Đại hội đều nhất trí với bản đề cương Báo cáo chính trị của Trung ương.

... Chúng ta chú ý vấn đề cải thiện đời sống của nhân dân, đồng thời coi trọng vấn đề tích lũy vốn. Có như thế mới xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Cho nên giữa tích lũy và tiêu dùng, cần có tỷ lệ thích đáng phù hợp với yêu cầu về kinh tế và chính trị của từng thời kỳ. Đi đôi với cải thiện đời sống, cần phải giáo dục mọi người phát huy tinh thần cần kiệm xây dựng Tổ quốc.

Các đồng chí đại biểu đã liên hệ tình hình chung và tình hình thực tế của Lào Cai trong mấy năm qua; phê phán những quan điểm và nhận thức không đúng đắn về tích lũy và cải thiện đời sống; nêu lên những hiện tượng lãng phí, tham ô, không ra sức tăng năng suất, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động; do đó khả năng tích lũy của Nhà nước và nhân dân bị hạn chế, ảnh hưởng đến công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và nâng cao đời sống của nhân dân.

Về tỷ lệ giữa tích lũy và tiêu dùng trong mấy năm qua cũng còn một số ý kiến khác nhau. Những ý kiến đó đều được ghi lại để phản ánh lên Đại hội toàn quốc.

3. Buổi tối, đồng chí Tố Hữu, đại diện Trung ương Đảng đã phát biểu ý kiến với Đại hội. Đồng chí đã sơ bộ đánh giá kết quả bước đầu của Đại hội trong quá trình thảo luận đề cương Báo cáo chính trị. Đồng chí nhận thấy Đại hội đã thấu suốt tinh thần cơ bản của bản đề cương Báo cáo chính trị; khi thảo luận Đại hội đã thật sự phát huy tinh thần dân chủ cao độ của Đảng và mong rằng tinh thần đó sẽ thể hiện trong đời sống, sinh hoạt của toàn Đảng ta và trong quần chúng từ nay về sau nữa. Đồng chí đã thay mặt Trung ương hoan nghênh tinh thần đó. Đồng chí nhấn mạnh khả năng sáng tạo của các địa phương, các ngành, góp ý kiến vào bản đề cương Báo cáo chính trị. Đồng thời mong tất cả các đảng viên, các ngành, các địa phương dám nghĩ, dám nói, dám làm tìm ra những vấn đề đúng đắn góp ý kiến với Trung ương.

Tiếp đó, đồng chí nêu lên một số ý kiến quan trọng làm sáng tỏ những quan điểm và tinh thần cơ bản trong bản đề cương của

Trung ương. Đồng chí đã chỉ thị về một số công tác cụ thể của Lào Cai cần phải chú ý tiến hành trong những năm tới. Cuối cùng đồng chí chúc sức khỏe các đồng chí đại biểu, chúc Đại hội thành công tốt đẹp và gửi lời tới toàn Đảng bộ lời chào xây dựng Đảng.

Sau cùng, theo yêu cầu của các đại biểu, đồng chí Tố Hữu đã ngâm một bài thơ đại biểu rất phấn khởi.

Đại hội đã nhiệt liệt hoan nghênh những ý kiến quý báu của đồng chí Tố Hữu. Đồng chí Trường Minh đã thay mặt Chủ tịch đoàn và Đại hội hết sức cảm ơn sự có mặt của đồng chí đại diện Trung ương, tiếp thu những ý kiến của đồng chí đã làm sáng tỏ những vấn đề cơ bản, có ý nghĩa thực tiễn và lý luận, đã góp phần làm cho Đại hội thảo luận thắng lợi bản đề cương Báo cáo chính trị; và nhờ đồng chí Tố Hữu chuyển lời kính chúc của Đại hội, của toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai kính chúc Bác và Trung ương Đảng sức khỏe để lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân tiến lên giành những thắng lợi lớn trong công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

Phiên họp kết thúc vào hồi 22 giờ 15 phút.

T/M ĐOÀN THƯ KÝ ĐẠI HỘI
TRẦN LONG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

CỦA ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ

TỈNH LÀO CAI LẦN THỨ III

Số 5, ngày 11-6-1960

1. Trước khi bắt đầu phiên họp buổi sáng, Đoàn đại biểu cán bộ, học sinh 14 dân tộc anh em gồm Mèo, Mán, Thổ, Nhắng, Nùng, Pa Dí, Tu Dí, Phù Lá, Thù Lao, Hoa, Xạ, Mường, U Ní và Xa Phó đang học tại các trường: trường sư phạm, trường bổ túc văn hóa, trường chữ Miêu, trường chính trị, trường Y tế và trường kế toán hợp tác xã đã đến chào mừng Đại hội.

Đồng chí Trần Thịnh thay mặt đoàn đại biểu nói lên lòng biết ơn của cán bộ, học sinh các dân tộc đối với Đảng và xin hứa trước Đại hội: sẽ ra sức học tập nâng cao trình độ hiểu biết của mình, tăng cường đoàn kết các dân tộc, tích cực củng cố và phát triển các hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, tham gia xây dựng công nghiệp địa phương... để đưa các dân tộc tiến lên một đời sống ấm no, hạnh phúc, tiến bộ về mọi mặt.

Đồng chí Hoàng Thị Triệu thay mặt Chủ tịch đoàn đã nhiệt liệt hoan nghênh đoàn đại biểu, động viên cán bộ, học sinh của trường dân tộc trong tỉnh ra sức tăng cường đoàn kết các dân tộc, tích cực học tập chính trị, văn hóa, kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn, xây dựng kinh tế và văn hóa miền núi phát triển về mọi mặt, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ của Đảng, trước mắt là hoàn thành tốt kế hoạch nhà nước năm 1960.

2. Trong ngày, Đại hội đã thảo luận xung quanh mấy vấn đề:

a) Tăng cường Nhà nước dân chủ nhân dân, củng cố sự nhất trí về chính trị và tinh thần của nhân dân miền Bắc:

Trong vấn đề này Đại hội đã tập trung thảo luận việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, thực hiện bình đẳng hoàn toàn và thật sự giữa các dân tộc: vấn đề các Khu tự trị dân tộc.

Toàn thể Đại hội đều nhất trí với bản đề cương Báo cáo chính trị là: "Củng cố các Khu tự trị dân tộc, phát huy tác dụng của nó trong việc tăng cường đoàn kết các dân tộc, giáo dục chính trị và tư tưởng, xây dựng kinh tế và văn hóa, giữ gìn trật tự và an ninh ở miền núi".

Khi thảo luận các đồng chí cũng đề xuất một số ý kiến đề nghị bổ sung thêm vào bản đề cương hoặc nói rõ hơn về vấn đề củng cố và phát triển, thành lập thêm hay không các Khu tự trị dân tộc. Những ý kiến đó đều được ghi lại.

b) Vấn đề Đảng:

Qua quá trình nghiên cứu bản đề cương và nghe đồng chí Tố Hữu phát biểu ý kiến, các đồng chí đại biểu đều nhận thức sâu sắc rằng "kinh nghiệm lịch sử trong 30 năm qua chứng tỏ rằng sự lãnh đạo của Đảng ta là điều kiện căn bản quyết định mọi thắng lợi của nhân dân ta. Vì vậy muốn cho Đảng ta làm tròn trách nhiệm của mình trong giai đoạn cách mạng hiện nay, vấn đề mấu chốt vẫn là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng".

- Đại hội đã thảo luận đường lối công tác cán bộ của Đảng ta: "Chú trọng lựa chọn và cất nhắc cán bộ trong những người công nhân và nông dân ưu tú, đồng thời cũng lựa chọn và cất nhắc cán bộ trong những người trí thức ưu tú có liên hệ chặt chẽ với công nông, một lòng một dạ phục vụ công nông".

- Các đại biểu cũng đã thảo luận kỹ và nhất trí với đề cương Báo cáo chính trị là: "Phải chú ý hơn nữa đến cán bộ trẻ, cán bộ dân tộc thiểu số và cán bộ phụ nữ..."; cần đặc biệt chú trọng đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ dân tộc, đồng thời tăng cường đoàn

kết giữa các cán bộ dân tộc thiểu số và cán bộ người Kinh công tác ở miền núi. Cũng có ý kiến đề nghị bổ sung: "chú ý cả cán bộ dân tộc ở nơi khác đến công tác miền dân tộc...".

- Đại hội đã nhất trí về phương châm công tác tư tưởng trong Đảng ghi trong bản đề cương: "Chống tư tưởng tiểu tư sản, chống ảnh hưởng của tư tưởng tư sản và các tư tưởng không vô sản khác", đồng thời, có nhiều ý kiến đề nghị ghi thêm như chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc địa phương, ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến...

Đến 16 giờ Đại hội kết thúc phần thảo luận đề cương Báo cáo chính trị và chuyển sang thảo luận đề án dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi).

Đồng chí Phạm Gia Tuấn, thay mặt Chủ tịch đoàn đã báo cáo tình hình thảo luận đề án Điều lệ (sửa đổi) của Đại hội Đảng các cấp, nêu những vấn đề tồn tại, và gợi ý để đại biểu chuẩn bị thảo luận.

T/M ĐOÀN THƯ KÝ ĐẠI HỘI
TRẦN LONG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI LẦN THỨ III

Số 6, ngày 12-6-1960

1. 8 giờ 30 phút sáng 12-6, Đại hội đã tiếp đoàn đại biểu của các chi bộ cơ quan Dân Chính Đảng xung quanh tỉnh. Đồng chí trưởng đoàn đã thay mặt cho đoàn báo cáo với Hội nghị những thành tích thi đua của các chi bộ, các cơ quan để chào mừng Đại hội, đồng chí đã hứa hẹn sẽ tiếp tục vận động phong trào thi đua trên mọi mặt công tác để xứng đáng với sự săn sóc của Đảng. Đồng chí Phạm Gia Tuân thay mặt Chủ tịch đoàn và Đại hội đã hoan nghênh những thành tích mà các anh em đã đạt được; đồng chí đã báo cáo sơ lược công việc của Đại hội; nhắc nhở các đại biểu và toàn thể cán bộ công nhân, viên chức tích cực công tác, tiếp tục đấu tranh chống những tư tưởng sai lầm, nhất là tư tưởng cá nhân chủ nghĩa vì trong thời gian tới Đảng và Chính phủ ban hành chính sách lương mới, chỉ có khắc phục tư tưởng cá nhân chủ nghĩa mới có thể nắm được yêu cầu của chính sách lương mới.

2. Đại hội đã đi vào thảo luận dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi). Các đại biểu đã tham gia sôi nổi thảo luận mấy vấn đề chính:

- Đảng ta là Đảng của ai? Thảo luận sâu về tính giai cấp, tính chất tiên phong của Đảng. Nói chung đa số nhất trí rằng: "Đảng ta là Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam. Đảng đại biểu quyền lợi của nhân dân lao động và quyền lợi tối cao của dân tộc.

Đảng là đội tiên phong có tổ chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân..." như trong dự thảo Điều lệ (sửa đổi) của Trung ương đã ghi.

- Đại hội còn thảo luận vấn đề: có nên đổi tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam không? Khi thảo luận cũng có ý kiến cho là nên đổi tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam, nhưng cuối cùng thì đa số tuyệt đối tán thành vẫn giữ nguyên tên Đảng là Đảng Lao động Việt Nam.

- Buổi chiều, Đại hội đã thảo luận đi vào thực tế tình hình hiện nay của toàn Đảng và của Đảng bộ Lào Cai để dẫn chứng và chứng minh cho việc Đảng nêu cao tính giai cấp, tính chất tiên phong là rất đúng đắn.

3. Để chuẩn bị cho việc bầu cử đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, Đại hội đã nghe phổ biến tiêu chuẩn chọn đại biểu và sau đó đã trao đổi mạn đàm trong tổ về ứng cử, đề cử đại biểu.

Phần thảo luận bản dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi) sẽ tiếp tục vào sáng ngày 13-6-1960 tại hội trường.

T/M ĐOÀN THƯ KÝ ĐẠI HỘI
TRẦN LONG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

CỦA ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ

TỈNH LÀO CAI LẦN THỨ III

Số 7, ngày 13-6-1960

Hôm nay Đại hội làm việc trên hội trường.

1. Đại hội tiếp tục thảo luận Điều lệ Đảng (sửa đổi). Đại hội đi sâu thảo luận hai phần lớn: nguyên tắc tổ chức và tổ chức cơ sở Đảng.

- Về nguyên tắc tổ chức, Đại hội hoàn toàn nhất trí với bản dự thảo Điều lệ (sửa đổi) và nhận định rằng: Hiện nay tình hình tổ chức Đảng cũng như mọi hoạt động của Đảng và Nhà nước quy mô ngày càng to lớn, cho nên càng cần tăng cường hơn nữa nguyên tắc tập trung dân chủ để phát huy nhiệt tình và năng lực trí tuệ của mọi cán bộ, đảng viên đối với Đảng và Nhà nước và trên cơ sở dân chủ để tập trung cao độ để bảo đảm sự nhất trí của toàn Đảng. Dân chủ chỉ thực hiện được đầy đủ dưới sự lãnh đạo tập trung; tập trung chỉ thực hiện được chặt chẽ và cao độ trên cơ sở dân chủ. Nó là hai mặt của một vấn đề.

- Về tổ chức cơ sở: Đại hội hoàn toàn nhất trí với đề án thấy rằng phù hợp với hoàn cảnh mới và sự phát triển của Đảng.

2. Về phần bầu cử đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc, 8 đồng chí được giới thiệu vào danh sách bầu cử. Đại hội trao đổi sôi nổi để tuyển lựa 3 đồng chí đi dự Đại hội toàn quốc và sẽ tiến hành bầu vào sáng ngày 14-6-1960.

3. Buổi tối, 2 đoàn đại biểu của nhà máy điện và thương nghiệp (có gần 100 người) thay mặt cho cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức của 2 đơn vị nhà máy điện và thương nghiệp đến báo cáo thành tích để chào mừng Đại hội. Đồng chí Đức thay mặt đoàn đại biểu thương nghiệp, đồng chí Hải thay mặt đoàn đại biểu nhà máy điện lên chào mừng Đại hội. Nhà máy điện đã dâng tặng Đại hội 1 đèn bàn và 1 đèn tăng phố do anh em công nhân thu nhặt nguyên liệu phế phẩm chế tạo ra và 1 mô hình phát huy sáng kiến ở quang xe goòng than tiết kiệm được nhiều công sức lao động và ngày công trong việc chuyên chở than vào lò trong đợt thi đua lấy thành tích chào mừng Đại hội.

Đồng chí Trần Long thay mặt Chủ tịch đoàn và Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh những thành tích thi đua của 2 đơn vị và nhắc nhở các cán bộ, đảng viên, công nhân nhà máy điện ra sức nâng cao tinh thần tích cực và sáng tạo trong lao động sản xuất, làm cho nhà máy điện "trái tim của Lào Cai" hoạt động đều đặn để đẩy mạnh sản xuất; tỏa ra ánh sáng làm rực rỡ Lào Cai; nhắc cán bộ, đảng viên, nhân viên của mặt trận thương nghiệp làm tốt nhiệm vụ giao lưu kinh tế góp phần phát triển kinh tế, cải thiện dân sinh và giữ vững quan hệ liên minh của giai cấp công nhân đối với nông dân trong tỉnh ta. Thay mặt Chủ tịch đoàn Đại hội, đồng chí đã gửi lời qua các đại biểu chào mừng và chúc sức khỏe toàn thể các đồng chí cán bộ, đảng viên và anh chị em công nhân, viên chức trong 2 đơn vị nhà máy điện và thương nghiệp.

T/M ĐOÀN THƯ KÝ ĐẠI HỘI
TRẦN LONG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI LẦN THỨ III

Số 8, ngày 13-6-1960

Thông báo cuối cùng

1. Sau 4 ngày trù bị và 8 ngày tích cực làm việc, Đại hội đã thành công rực rỡ.

- Đại hội đã thảo luận thắng lợi 2 bản đề cương Báo cáo chính trị và bản dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi).

- Đại hội đã bầu cử được các đồng chí đại biểu xứng đáng tiêu biểu cho trí tuệ của Đảng bộ đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III:

Đại biểu chính thức:

+ Đồng chí Trường Minh

+ Đồng chí Hoàng Quy

Đại biểu dự khuyết:

+ Đồng chí Nguyễn Văn Lang

2. Đại hội đã thông qua:

- Điện văn kính gửi lên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch.

- Hiệu triệu gửi toàn thể cán bộ, đảng viên, công nhân viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

- Thư gửi các đồng chí cán bộ, đảng viên và nhân dân Thủ Dầu Một.

- Thư gửi toàn thể anh chị em công nhân các công trường, xí nghiệp trong tỉnh.

3. Đồng chí Hoàng Quy đã thay mặt Chủ tịch đoàn tổng kết và bế mạc Đại hội. Đồng chí đã kết luận và đánh giá Đại hội đã đạt được các yêu cầu của Trung ương đề ra và thành công rực rỡ. Đồng chí nêu lên những điểm chính mà Đại hội đã thảo luận và nhận thức sâu sắc trong bản đề cương Báo cáo chính trị và bản dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi). Đồng chí cũng nhấn mạnh và giải thích rõ thêm về các vấn đề trong bản đề cương Báo cáo chính trị của Trung ương do đồng chí Lê Duẩn đã phổ biến ở cuộc họp do Trung ương triệu tập vừa qua. Về bản dự thảo Điều lệ Đảng, đồng chí đã nhắc lại mấy vấn đề chủ yếu mà Đại hội đã thảo luận: vấn đề tính chất giai cấp và tính chất tiên phong của Đảng, vấn đề tập trung dân chủ và vấn đề tổ chức cơ sở của Đảng...

4. Trong thời gian Đại hội họp, từ buổi khai mạc đến giờ bế mạc, Đại hội đã nhận được 250 thư, điện văn và một số tặng phẩm từ khắp các địa phương, các ngành, các cơ quan, đoàn thể, công trường, xí nghiệp, các hợp tác xã, các đơn vị bộ đội, trường học, các gia đình và cá nhân, các giáo viên và học sinh Hoa kiều, các đồng chí cán bộ của tỉnh Thủ Dầu Một anh em ruột thịt đang công tác tại Hà Nội.

Đại hội được tiếp đón các đoàn đại biểu Mặt trận Tổ quốc tỉnh và thị xã, đại biểu cán bộ, đảng viên, công nhân các công trường, xí nghiệp mỏ, xây dựng, địa chất, nhà máy điện, giao thông, bưu điện...; các đại biểu quân đội, cán bộ, đảng viên các cơ quan Dân Chính Đảng xung quanh tỉnh, đại biểu ngành thương nghiệp, đại biểu thanh niên, giáo viên, học sinh...

Các đội văn công, chiếu bóng, văn nghệ của Ty Văn hóa, của mỏ, nhà máy điện, y tế... các anh chị em bảo vệ, phục vụ, cấp dưỡng, vệ sinh, y tế, giải khát, quán sách, các cán bộ và nhân viên văn thư, liên lạc, đánh máy, điện thoại, lái xe... các đồng chí phụ trách khánh tiết, triển lãm, ánh sáng... đã tận tụy phục vụ Đại hội.

Trong buổi lễ bế mạc, đồng chí Trường Minh đã thay mặt Chủ tịch đoàn và Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh nhiệt tình trên của tất cả các đồng chí, các ngành, các cơ quan, các anh chị em đã tham gia, góp phần thành công tốt đẹp của Đại hội.

Một lần nữa, Đại hội gửi lời hoan nghênh nhiệt liệt những thành tích hướng về Đại hội Đảng và cảm ơn tất cả các cơ quan, đoàn thể, các ngành, các giới, các đơn vị và cá nhân trong toàn tỉnh.

5. Đại hội bế mạc hồi 5 giờ chiều ngày 14-6-1960 trong không khí thắng lợi từng bừng và phấn khởi nhất. Đại hội đã hô vang những khẩu hiệu đầy tin tưởng, tiến lên giành thắng lợi mới.

T/M ĐOÀN THƯ KÝ ĐẠI HỘI
TRẦN LONG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

ĐIỆN VĂN
CỦA ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ
TỈNH LÀO CAI LẦN THỨ III

Ngày 14-6-1960

*Kính gửi: Ban Chấp hành Trung ương
Đảng Lao động Việt Nam.*

Chúng tôi, 139 đại biểu Đảng bộ Lào Cai, gồm 10 dân tộc (Mèo, Mán, Tày, Nháng, Nùng, Tu Dí, Hán, Phù Lá, Mường, Kinh) họp Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ từ ngày 7 đến ngày 14-6-1960, trân trọng kính gửi Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đứng đầu là đồng chí Hồ Chí Minh kính mến, lời chào mừng nồng nhiệt và tin tưởng nhất của chúng tôi.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 17 và sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương, mặc dầu trình độ lý luận, trình độ nhận thức có hạn, chúng tôi đã vô cùng phấn khởi mang hết nhiệt tình và trí tuệ của mình tham gia Đại hội, tập trung tư tưởng phát huy triệt để sinh hoạt dân chủ của Đảng, tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng, nên hôm nay Đại hội Đảng bộ chúng tôi đã bế mạc với những thắng lợi rực rỡ.

- Qua thảo luận đề cương Báo cáo chính trị và dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi) của Trung ương, chúng tôi đã nâng cao thêm một bước nhận thức về lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam, chúng tôi đã nắm vững hơn về tính

chất giai cấp, tính chất tiên phong, đường lối cách mạng của Đảng, quán triệt hơn về nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới và những nhiệm vụ công tác lớn trong kế hoạch 5 năm tới.

- Chúng tôi hoàn toàn nhất trí với Trung ương về những điểm căn bản nêu ra trong các đề án và thêm tin tưởng vô cùng mạnh mẽ, triệt để và sâu sắc vào sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và đồng chí Hồ Chí Minh kính mến.

- Chúng tôi đã đóng góp một số ý kiến để bổ sung xây dựng các đề án và đã lựa chọn được những đồng chí tiêu biểu nhất cho Đảng bộ để đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III.

Ngay từ những ngày đầu chuẩn bị Đại hội từ cơ sở trở lên, trong toàn tỉnh đã phấn khởi phát động những đợt thi đua ngắn ngày, đạt được nhiều thành tích về nông nghiệp, về công nghiệp và về nhiều mặt khác để chào mừng Đại hội. Một thành tích đặc biệt là mỏ apatít, trong 11 ngày đầu tháng 6-1960 đã đạt mức sản xuất của cả tháng trước.

Trên cơ sở thắng lợi của Đại hội Đảng bộ đã đạt được, chúng tôi nguyện ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, văn hóa, kỹ thuật, tiếp tục nâng cao hơn nữa tính chất giai cấp, tính chất tiên phong của Đảng, tăng cường hơn nữa sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, đề cao ý chí chiến đấu và nhiệt tình phục vụ nhân dân các dân tộc trong tỉnh, khắc phục những khuyết điểm và nhược điểm còn tồn tại, động viên toàn Đảng bộ và toàn dân phát huy thắng lợi của Đại hội, ra sức hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1960, xây dựng tốt kế hoạch 5 năm (1961 - 1965), giành lấy những thành tích to lớn hơn nữa thiết thực chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, kỷ niệm 15 năm ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Cuối cùng, chúng tôi xin kính chúc đồng chí Hồ Chí Minh và các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng kính mến luôn luôn mạnh khỏe để lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân tiến lên giành những thắng

lợi mới, và nhờ Ban Chấp hành Trung ương Đảng chuyển tới Đại hội toàn quốc lần thứ III lời chào mừng nhiệt liệt và lòng tin tưởng tuyệt đối của Đảng bộ chúng tôi.

- Đảng Lao động Việt Nam muôn năm!

- Đồng chí Hồ Chí Minh muôn năm!

T/M CHỦ TỊCH ĐOÀN
HOÀNG QUY

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

HIỆU TRIỆU
CỦA ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ
TỈNH LÀO CAI LẦN THỨ III

Ngày 14-6-1960

Cùng: - Toàn thể các đồng chí đảng viên;

- Các đồng chí cán bộ, công nhân viên, bộ đội, công an nhân dân vũ trang và dân quân, tự vệ;
- Các tầng lớp nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Theo Nghị quyết Trung ương lần thứ 17, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III sẽ được triệu tập vào mùa thu sắp tới.

Đại hội Đảng toàn quốc lần này sẽ vạch cho toàn Đảng, toàn dân ta đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà; vạch ra những phương hướng cơ bản nhằm xây dựng Đảng lớn mạnh hơn nữa và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng cho phù hợp với yêu cầu mới của cách mạng và bầu lại Ban chấp Trung ương của Đảng.

Đại hội lần này là một cuộc sinh hoạt chính trị rất rộng lớn và sâu sắc từ trước tới nay chưa từng có của Đảng. Để chuẩn bị cho Đại hội toàn quốc, tỉnh ta đã tiến hành Đại hội từ cơ sở trở lên đến Đại hội tỉnh. Sau 4 ngày trù bị và 7 ngày họp, Đại hội tỉnh ta đã thành công tốt đẹp.

Từ sau Đại hội Đảng toàn tỉnh lần thứ II đến nay mới được hơn một năm, thời gian tuy ngắn nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng,

toàn thể cán bộ, bộ đội, đảng viên, đoàn viên... và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã ra sức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, Nghị quyết của Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ tỉnh lần thứ II và nhất là trong các dịp thi đua kỷ niệm sinh nhật Đảng, sinh nhật Bác và chào mừng Đại hội Đảng các cấp, mọi người đã dũng cảm trong lao động, sản xuất, công tác nên tỉnh ta đã thu được những thắng lợi to lớn trên các mặt công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, văn hóa, y tế, giáo dục, trong việc xây dựng Đảng và củng cố chính quyền, quân đội, giữ gìn trật tự trị an, củng cố các đoàn thể nhân dân, v.v..

Với những thành tích trên, trong năm qua nhiều đơn vị, cá nhân trong tỉnh đã được Chính phủ tặng bằng khen và huân chương.

Chúng ta rất vui mừng, phấn khởi và có thể khẳng định rằng, thành tích và thắng lợi đạt được từ Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ tỉnh năm ngoái tới nay là hết sức to lớn và căn bản, đã làm cho tỉnh ta tiến một bước vững chắc và quan trọng trên con đường cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh và biểu dương những thành tích to lớn và căn bản đó của toàn thể cán bộ, bộ đội, đảng viên, công nhân, viên chức và nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Song, chúng ta chưa thể thỏa mãn với những thành tích đã đạt được. Bên cạnh những thắng lợi đó, cũng còn nhiều khuyết điểm và nhược điểm đáng kể hạn chế kết quả và khả năng của chúng ta.

Tại Đại hội Đảng, các đồng chí đại biểu đã tập trung trí tuệ thảo luận đề cương Báo cáo chính trị của Trung ương và bản dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi). Đại hội nhận định rằng, như bản đề cương đã chỉ rõ: Sau kế hoạch 3 năm (1958 - 1960) miền Bắc nước ta sẽ chuyển từ thời kỳ lấy cải tạo xã hội chủ nghĩa làm trọng tâm sang thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội làm trọng tâm. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) là một bước quan trọng mở đầu thời kỳ ấy. Trong thời gian kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, chúng ta

phải ra sức phấn đấu để thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đi đôi với việc hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa nhằm xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta phải ra sức phát triển công nghiệp và nông nghiệp, thực hiện một bước ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp toàn diện và công nghiệp nhẹ, chuẩn bị cơ sở để tiến lên, biến nước ta thành một nước công nghiệp và nông nghiệp xã hội chủ nghĩa. Đồng thời để bảo đảm thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải tiến hành cuộc cách mạng văn hóa, tư tưởng, khoa học và kỹ thuật, đó là phương hướng chung.

Tỉnh Lào Cai chúng ta giữ vị trí rất quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, chúng ta có cơ sở công nghiệp lớn như Mỏ apatít, nhà máy điện... Tài nguyên tỉnh ta phong phú, trong kế hoạch 5 năm tới, công nghiệp hiện đại và công nghiệp địa phương chắc chắn sẽ phát triển với quy mô rất lớn. Do đó chúng ta cần thấy hết ý nghĩa to lớn, quan trọng của việc phải hết sức phát triển nông nghiệp toàn diện vượt bậc và vững chắc làm cơ sở cho công nghiệp phát triển, vì công nghiệp là chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân.

Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm sẽ mở ra cho nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai chúng ta con đường rộng rãi, thênh thang, sáng sủa, làm cho công nghiệp, nông nghiệp, văn hóa, xã hội phát triển mạnh mẽ đưa các dân tộc miền núi chúng ta tiến lên một bước mới to lớn chưa từng có trên con đường ấm no, hạnh phúc. Nhiệm vụ của chúng ta hết sức nặng nề nhưng cũng rất vẻ vang, đòi hỏi chúng ta phải nỗ lực khắc phục khó khăn, phát huy thuận lợi hơn bao giờ hết.

Để thiết thực chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, kỷ niệm 15 năm ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, kỷ niệm 10 năm giải phóng Lào Cai, Đại hội Đảng kêu gọi:

- Anh chị em công nhân hãy giương cao ngọn cờ tiên phong của giai cấp công nhân, tiếp tục phát huy kết quả của cuộc phát động

cải tiến quản lý xí nghiệp; phát huy sáng kiến, tăng năng suất lao động, hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1960, phát huy vai trò chủ đạo của công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân.

- Anh chị em nông dân lao động hãy ra sức tăng cường đoàn kết các dân tộc, củng cố và phát triển các hợp tác xã và tổ đổi công, đưa các tổ đổi công lên thường xuyên có bình công chấm điểm và tiến lên hợp tác xã; tích cực đấu tranh chống tư tưởng bảo thủ, phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm để cải tiến mạnh mẽ nông cụ, kỹ thuật canh tác, đẩy mạnh công tác thủy lợi, phát triển sản xuất lúa, hoa màu, cây công nghiệp, chăn nuôi và phát triển nghề cá, nghề phụ, bảo vệ rừng, trồng cây, gây rừng... Nông nghiệp phát triển sẽ làm cơ sở cho công nghiệp phát triển và bảo đảm nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân các dân tộc.

- Anh em bộ đội, công an nhân dân vũ trang, dân quân tự vệ ra sức nâng cao hơn nữa trình độ chính trị, trình độ chiến thuật, kỹ thuật, quân sự, nghiệp vụ, kiên quyết bảo vệ công cuộc lao động hòa bình của nhân dân các dân tộc, bảo vệ biên giới của Tổ quốc, sẵn sàng và chủ động đập tan mọi âm mưu phá hoại của kẻ địch.

- Các đồng chí đảng viên trên các mặt trận chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội ở thành thị cũng như nông thôn phải nâng cao tính chất giai cấp, tính chất tiên phong của Đảng, của người đảng viên. Các đồng chí đoàn viên thanh niên lao động cần ra sức học tập chủ nghĩa cộng sản, nêu cao vai trò cánh tay của Đảng, nêu cao tác dụng đầu tàu của mình trong sản xuất, công tác, học tập và sinh hoạt. Cùng với đảng viên và đoàn viên, toàn thể anh chị em cán bộ, công nhân viên hãy đoàn kết, gương mẫu mang hết sức mình ra phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân lao động các dân tộc vô điều kiện; ra sức học tập chính trị, văn hóa, kỹ thuật và nghiệp vụ, liên hệ chặt chẽ với quần chúng, thực hiện tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ; ra sức củng cố xây dựng Đảng, kiện toàn các cơ quan nhà nước và củng cố các đoàn thể nhân dân vững mạnh.

- Anh chị em thủ công, tiểu thương hãy tích cực hưởng ứng và tham gia hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nền kinh tế tư doanh, kiên quyết gạt bỏ những lề thói sinh sống riêng lẻ của xã hội cũ, tích cực đi vào con đường làm ăn tập thể đúng đắn.

- Các em thiếu niên và học sinh là mầm non của đất nước hãy tích cực học tập và lao động, hăng hái xây dựng nhà trường xã hội chủ nghĩa, tích cực xây dựng Đội thiếu niên tiên phong tiến lên ngày một vững chắc.

Toàn Đảng, toàn dân ta đang đứng trước nhiệm vụ lịch sử to lớn. Dưới ngọn cờ quang vinh của Đảng - ngọn cờ bách chiến, bách thắng của chủ nghĩa Mác - Lênin - tất cả mọi người hãy mang hết nhiệt tình lao động xã hội chủ nghĩa, ý chí phấn đấu cách mạng, tăng cường cảnh giác cách mạng, đập tan mọi âm mưu của địch, tích cực hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, hoàn thành kế hoạch nhà nước năm 1960 của tỉnh ta để chuẩn bị chuyển mạnh sang thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng miền Bắc vững mạnh, làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM TỈNH LÀO CAI LẦN THỨ III

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THƯ CỦA ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI LẦN THỨ III

*Gửi: Toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên, công nhân, viên chức
các xí nghiệp, công trường trong tỉnh.*

Các đồng chí thân mến!

Đại hội đại biểu Đảng bộ Đảng Lao động Việt Nam tỉnh Lào Cai lần thứ III họp từ ngày 7 đến ngày 14-6-1960 để thảo luận đề cương Báo cáo chính trị, bản dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi) của Trung ương Đảng và cử đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc đã thành công tốt đẹp.

Trong không khí thắng lợi, Đại hội gửi tới các đồng chí lời chào mừng nhiệt liệt.

Các đồng chí thân mến!

Năm qua nhờ đường lối và sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, chúng ta đã tiến hành cuộc phát động công nhân, viên chức cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp thắng lợi. Ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa của công nhân, viên chức được nâng lên một bước, với sự giúp đỡ tận tình của các đồng chí chuyên gia Liên Xô theo tinh thần quốc tế vô sản, nên các cơ sở công nghiệp mỏ, xây dựng, nhà máy điện, địa chất, các xí nghiệp bưu điện, giao thông vận tải, kiến trúc, điện nước, công nghiệp địa phương, v.v. đã vượt qua nhiều khó khăn và đạt được những thành tựu quan trọng.

Nói riêng giá trị sản lượng công nghiệp của tỉnh ta hết năm 1959 đã chiếm 41,20% trong tổng sản lượng công, nông nghiệp toàn tỉnh. Do sản xuất phát triển, đời sống vật chất và văn hóa của công nhân và nhân dân tỉnh ta đã được nâng cao hơn trước. Trong phong trào thi đua đã nảy nở nhiều chiến sĩ thi đua và lao động tiên tiến, nhiều đơn vị và cá nhân đã được Chính phủ tặng bằng khen và huân chương.

Trong đợt thi đua chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc và Đại hội Đảng tỉnh Lào Cai, các đồng chí lại đạt được nhiều thành tích như làm đường goòng, mắc dây điện qua sông phục vụ Đại hội của nhà máy điện; tăng năng suất, nên chỉ 11 ngày đầu tháng 6-1960 Mỏ apatít đã đạt mức kế hoạch nửa tháng và bằng cả mức đạt được của tháng 5-1960. Các xí nghiệp, công trường khác cũng gửi tới Đại hội nhiều thành tích tương tự. Cũng trong thời gian Đại hội họp, các đồng chí đã gửi rất nhiều thư từ, tặng phẩm và cử các đoàn đại biểu, các đội văn nghệ tới chào mừng Đại hội.

Trước hết Đại hội nhiệt liệt biểu dương thành tích to lớn của các đồng chí đã đạt được trong năm qua và hoan nghênh nhiệt tình của các đồng chí đối với Đại hội.

Các đồng chí thân mến!

Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng lần này sẽ vạch cho toàn Đảng, toàn dân ta đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ, phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965); đường lối xúc tiến sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà. Đại hội cũng bầu cử lại Ban Chấp hành Trung ương. Ý nghĩa lịch sử của Đại hội Đảng toàn quốc lần này có thể nói tóm tắt: Đó là Đại hội xây dựng xã hội chủ nghĩa và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Đề cương Báo cáo chính trị nêu rõ: "Khi công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa về căn bản đã giành được thắng lợi thì chúng ta cần chuyển sang lấy xây dựng chủ nghĩa xã hội làm trọng tâm, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đồng thời hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa". Muốn công nghiệp hóa xã hội chủ

nghĩa thì chúng ta phải ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, đồng thời phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm sắp tới rất to lớn. Đề cương chỉ rõ: "Chúng ta phải ra sức phát triển công nghiệp và nông nghiệp; thực hiện một bước ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện trên cơ sở cải tiến kỹ thuật và bước đầu cơ giới hóa; ra sức phát triển công nghiệp nhẹ, tích cực phát triển giao thông vận tải, mở rộng thương nghiệp, hợp tác xã...".

Theo phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm, nhất định cơ sở Mỏ apatít của chúng ta sẽ được mở rộng với quy mô hết sức lớn. Địa chất phải đẩy mạnh thăm dò tài nguyên phong phú của tỉnh ta gấp bội. Khối lượng công trình của ngành xây dựng, kiến thiết cơ bản sẽ hết sức nặng nề. Ngành điện sẽ tăng công suất điện nhiều hơn để phục vụ cho sản xuất công nghiệp và tiêu dùng. Ngành giao thông vận tải phải bảo đảm việc vận chuyển giao lưu khối lượng lớn hàng hóa, vật tư trên các nẻo đường trong tỉnh và về xuôi. Công nghiệp địa phương cũng phải phát triển rộng rãi từ tỉnh đến huyện, xã để tận dụng được nguồn tài nguyên phong phú về nông sản, lâm thổ sản của vùng nhiệt đới, mang lại công ăn việc làm, tăng thêm thu nhập, tăng thêm tư liệu sản xuất (như nông cụ cày, bừa, dao, máy tuốt lúa...) và hàng tiêu dùng cho nông dân các dân tộc, khai thác lực lượng tiềm tàng về nhân lực, phát huy tính tích cực sáng tạo của quần chúng lao động, thúc đẩy nông nghiệp, công nghiệp phát triển mạnh mẽ. Đội ngũ công nhân của chúng ta cũng ngày thêm đông đảo và lớn mạnh.

Các đồng chí thân mến!

Triển vọng của chúng ta những năm sắp tới thật rộng lớn, nhiệm vụ rất nặng nề song cũng rất vẻ vang.

Nhìn lại năm qua, tuy chúng ta đã đạt được những thành tích quan trọng, nhưng cũng còn nhiều khuyết điểm và nhược điểm, như về tư tưởng thì còn có anh chị em biểu hiện ngại khó, ngại khổ chưa an tâm công tác ở miền núi, thắc mắc về lương bạc, cá nhân

chủ nghĩa vẫn còn khá phổ biến, tự do chủ nghĩa, ý thức tổ chức kỷ luật chưa được đề cao. Đáng chú ý là ý thức cần kiệm tích lũy vốn xây dựng xã hội chủ nghĩa chưa đầy đủ. Hiện nay trình độ tổ chức, trình độ văn hóa, nghiệp vụ, khoa học, kỹ thuật của số đông cán bộ, đảng viên, đoàn viên chưa theo kịp yêu cầu, nhiệm vụ. Trình độ lãnh đạo và quản lý kinh tế, tài chính của cán bộ còn thấp. Năng suất lao động trong công nhân tuy có tăng, nhưng tính theo đầu người tăng chậm. Công suất của thiết bị máy móc còn thấp. Chi phí nguyên liệu, vật liệu còn lãng phí nhiều; bên cạnh đó còn có hiện tượng tham ô. Do đó giá thành sản phẩm giảm chậm.

Nếu công tác quản lý của ta tốt hơn, sử dụng vốn hợp lý và tiết kiệm hơn, năng suất lao động tăng nhanh hơn và giá thành hạ hơn thì khả năng thu và tích lũy vốn cho Nhà nước còn tăng thêm, và chúng ta còn có thể mở rộng sản xuất, cải thiện đời sống công nhân và nhân dân nhiều hơn.

Chỉ còn 6 tháng nữa là kết thúc kế hoạch nhà nước 3 năm (1958-1960) và chúng ta bước vào kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965). Hơn lúc nào hết, chúng ta phải ra sức khắc phục khó khăn, phát huy thuận lợi, kiên quyết sửa chữa khuyết điểm, giương cao ngọn cờ tiên phong của giai cấp công nhân, hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1960 và kế hoạch 3 năm trước thời hạn, tích cực chuẩn bị xây dựng kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Không hoàn thành kế hoạch thì tốc độ xây dựng sẽ bị chậm lại, ảnh hưởng chung đến nền kinh tế có kế hoạch, cân đối của chúng ta.

Đại hội Đảng kêu gọi:

- Các đồng chí đảng viên của Đảng hãy nỗ lực phấn đấu nâng cao hơn nữa giác ngộ giai cấp và vai trò tiên phong của mình; giữ gìn và củng cố khối đoàn kết thống nhất của Đảng; gương mẫu trước quần chúng; tích cực thực hiện mọi chính sách và nghị quyết của Đảng; tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng về mọi mặt, nhất là nắm vững lãnh đạo về kinh tế; lãnh đạo sản xuất; tích cực xây dựng Đảng và tuyên truyền Đảng rộng rãi trong quần chúng.

- Các đồng chí chiến sĩ thi đua, các đồng chí lao động tiên tiến, các đồng chí đoàn viên thanh niên lao động hãy phát huy vai trò tích cực và tác dụng đầu tàu của mình đưa phong trào phấn đấu để trở thành người lao động tiên tiến, đơn vị tiên tiến với khẩu hiệu: "Theo kịp tiên tiến, vượt tiên tiến" tiến lên mạnh mẽ để ngày càng có nhiều chiến sĩ thi đua, lao động tiên tiến. Các đồng chí đoàn viên công đoàn phát huy tác dụng của tổ chức công đoàn làm cột trụ cho chính quyền dân chủ nhân dân; đề cao trách nhiệm và quyền hạn tham gia quản lý kinh tế, quản lý nhà máy và các ngành hoạt động, thực hiện quyền giám sát của công nhân, phát huy khả năng sáng tạo và tính tích cực của giai cấp công nhân để phát triển sản xuất nhanh chóng, xây dựng đất nước, cải thiện đời sống.

- Toàn thể cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức phải tăng cường đoàn kết trong Đảng, ngoài Đảng, đoàn kết trên dưới, cũ mới, thành thị và nông thôn, cán bộ công nhân già và trẻ, đa số và thiểu số, đoàn kết chặt chẽ với nhân dân các dân tộc địa phương; khắc phục mọi biểu hiện của tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, tự do chủ nghĩa; xác định thái độ yên tâm công tác ở miền núi và phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân các dân tộc vô điều kiện.

- Hãy ra sức học tập trong thực tiễn, trong lao động sản xuất, trong đời sống xã hội, trong lớp học, học tập các đồng chí chuyên gia Liên Xô, kinh nghiệm tiên tiến của các nước anh em, học tập lẫn nhau để cán bộ, công nhân chúng ta vừa tinh thông kỹ thuật nghiệp vụ tiên tiến, vừa có văn hóa, có trình độ chính trị vững vàng, giác ngộ xã hội chủ nghĩa cao, trung thành với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa của giai cấp công nhân.

- Hãy ra sức phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, phát huy óc sáng tạo của giai cấp công nhân "dám nghĩ, dám nói, dám làm", tăng năng suất lao động để không ngừng mở rộng sản xuất "nhiều, nhanh, tốt, rẻ, bảo đảm an toàn lao động", không ngừng tích lũy vốn để phát triển kinh tế, đẩy mạnh sản xuất, đồng thời hết

sức tìm mọi biện pháp tự chăm lo việc nâng cao mức sống của công nhân trên cơ sở phát triển sản xuất. Hãy triệt để thực hành tiết kiệm, tích cực đấu tranh chống lãng phí, tham ô một cách nghiêm ngặt, bảo vệ tài sản của Nhà nước và của tập thể, phục tùng kỷ luật lao động mới, có ý thức tập thể sâu sắc, chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân tiểu tư sản và tư sản.

- Hãy xây dựng tác phong mới, nếp sống mới, thái độ lao động mới, chống lại thói quen lao động và sinh hoạt luộm thuộm, cầu thả, uể oải, lề mề, chậm chạp là tàn tích của xã hội cũ.

Các đồng chí thân mến!

Thực hiện một cách thắng lợi những nhiệm vụ trên đây, hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1960 và kế hoạch 3 năm là chúng ta chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, chào mừng kỷ niệm 15 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa một cách thiết thực nhất.

Chúng ta hoàn toàn tin tưởng rằng dưới sự lãnh đạo của Đảng, với sự nhất trí của toàn Đảng, toàn dân ta, với tinh thần lao động cần cù, chăm làm, chăm học, cầu tiến bộ của công nhân cũng như nhân dân ta ở địa phương, với sự giúp đỡ của các đồng chí chuyên gia Liên Xô, nhất định chúng ta sẽ giành được những thắng lợi to lớn hơn nữa, tích cực góp phần cải tạo và xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc làm cơ sở đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

Đảng Lao động Việt Nam muôn năm!

Hồ Chủ tịch muôn năm!

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TỈNH LÀO CAI LẦN THỨ III
T/M CHỦ TỊCH ĐOÀN
HOÀNG QUY

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 23-BC/TU, ngày 16-7-1960

**Về việc tổng kết cuộc phát động hợp tác hóa kết hợp
hoàn thành cải cách dân chủ ở tỉnh Lào Cai**

Phần thứ nhất

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH VÀ NHIỆM VỤ HỢP TÁC HÓA KẾT HỢP HOÀN THÀNH CẢI CÁCH DÂN CHỦ TẠI LÀO CAI

1. Lào Cai là một tỉnh miền núi, nhiều dân tộc, đa số là dân tộc vùng cao ít người, sống xen kẽ.

Lào Cai có 25 dân tộc, 102.485 người, trong đó có đến 20 là dân tộc rẻo cao và giữa. Đông nhất là dân tộc Mèo (43.279) rồi tới Mán 16.835, Nháng 8.386, Nùng 7.123, Tày 6.334, Kinh 16.625 (kể cả cán bộ, công nhân viên). Các dân tộc ít người nhất như La Chí 77, Lô Lô 57, Thái 31 người, v.v..

Các dân tộc Lào Cai sống rất xen kẽ. Các huyện có từ 7 tới 9 dân tộc. Có một số thôn có 2, 3 dân tộc.

Trình độ dân tộc chênh lệch, phong tục tập quán rất khác nhau. Nhiều dân tộc còn giữ những hủ tục tệ hại.

Tiếng Kinh ít người biết. Nhiều vùng dùng tiếng Xá Phang để giao dịch. Nhân dân đa số còn mù chữ.

Mâu thuẫn dân tộc ở Lào Cai trước cách mạng rất gay gắt, có những vụ xung đột chém giết nhau hàng nghìn người như vụ Mèo -

Xạ Phang ở Bắc Hà (năm 1945). Trong những năm kháng chiến, địch mưu lập "xứ Thái, xứ Nùng tự trị" để chia rẽ dân tộc, dùng dân tộc này đàn áp, cướp phá, chém giết dân tộc khác. Thâm độc nhất là chúng tìm mọi cách khoét sâu mâu thuẫn giữa Kinh và các dân tộc địa phương.

Trải qua các cuộc vận động xây dựng khu căn cứ du kích tiểu phỉ, đặc biệt sau hòa bình, qua các cuộc vận động chuẩn bị lập khu tự trị và thực hiện kế hoạch nhà nước, tinh thần đoàn kết giữa Kinh và các dân tộc địa phương, giữa các dân tộc địa phương với nhau có nhiều tiến bộ. Những giai cấp bóc lột chưa được hoàn toàn xóa bỏ do giữa các dân tộc vẫn tồn tại những chênh lệch vật chất khác nhau nên trong đời sống hàng ngày có khi còn xảy ra những va chạm về quyền lợi giữa một số người dân tộc này và dân tộc khác, như việc một số người Kinh - Mèo Sa Pa tranh nhau nguồn nước (năm 1958) để phỉ lợi dụng phản tuyên truyền. Việc để trâu bò phá hoại mùa màng; tranh nhau ruộng đất giữa Tày - Mán, Nháng - Mán, Mán - Mèo, v.v. (năm 1959), hoặc thành kiến với nhau không chịu đi học, đi họp, vào tổ đổi công với nhau (Mèo, Phù Lá ở Pha Long, Bắc Hà).

Lào Cai là một tỉnh biên giới giữ một vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế và văn hóa.

Lào Cai giáp Trung Quốc trên 250 km, giữa nhân dân hai bên biên giới vốn sẵn có quan hệ dân tộc, họ hàng từ lâu đời. Lào Cai lại có đường xe lửa liên vận Hà Nội - Vân Nam chạy qua. Vì vậy Lào Cai là một vị trí chiến lược hết sức quan trọng về các mặt: quân sự, kinh tế và chính trị. Bọn đế quốc Pháp, Nhật đã từng dựa vào Lào Cai để mưu thôn tính Vân Nam - Trung Quốc, ngược lại bọn Tưởng - Mỹ cũng đã âm mưu biến Lào Cai thành đầu cầu phá hoại cách mạng Việt Nam và gây cơ sở vào Tây Nam Trung Quốc. Cho tới nay, bè lũ đế quốc vẫn ra sức duy trì hoạt động gián điệp và thổ phỉ ở Lào Cai.

Mặt khác từ ngày tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) giải phóng khỏi ách Quốc dân Đảng Tưởng Giới Thạch, các đồng chí bạn đã tiến

hành nhiều phong trào rộng lớn như tiểu phi, trừ gian, cải cách ruộng đất, hợp tác hóa, v.v. những phong trào đó đều có ảnh hưởng tốt tới quần chúng cơ bản ở Lào Cai. Nhưng một mặt cũng có một số trùm phi, đặc vụ, địa chủ, phản động kéo theo một số dân lạc hậu kéo sang ta, vào các thôn bản bọn này thường phao nhiều tin tức sai lệch về hợp tác hóa và công xã nhân dân Trung Quốc, gây tâm lý hoang mang trong các dân tộc, đồng thời chúng còn kích động thêm địa chủ, phú nông và những phần tử xấu trong tỉnh nên bọn này càng thêm lo lắng sẽ bị đối xử như địa, phú Trung Quốc.

2. Chế độ xã hội trong các dân tộc không giống nhau. Từ sau Cách mạng Tháng Tám, nông thôn Lào Cai có nhiều biến đổi nhưng Lào Cai là một tỉnh chưa qua cải cách ruộng đất, quan hệ sản xuất nông thôn hiện còn phức tạp, ý thức giác ngộ của nông dân chưa được đề cao, cơ sở nông thôn về mọi mặt còn non yếu.

Ruộng đất Lào Cai có nơi hầu hết là của công, có nơi nửa là của công, nửa là của tư, có nơi hầu hết là của tư; cũng có nơi làm nương ai có khả năng khai phá tới đâu làm tới đó.

Nhìn chung, giai cấp trong các dân tộc ở Lào Cai đã phân hóa khá rõ rệt. Trước Cách mạng Tháng Tám có vùng có thổ ty lớn như ở Bản Lầu, Bắc Hà, Mường Hum, Trịnh Tường, Mường Khương, có vùng không có thổ ty nhưng có địa chủ, phú nông như ở Bảo Thắng. Có vùng trước kia cho rằng không có địa chủ mà chỉ có phú nông như Mèo. Nhưng qua thực tế phát động thì địa chủ Mèo cũng khá nhiều và rất rõ; nhưng cũng có vùng ranh giới giai cấp chưa phân biệt rõ lắm (một vài vùng Mán tuyền).

Do mức độ phân hóa giai cấp ở Lào Cai có khác vùng xuôi nên bóc lột phong kiến ở Lào Cai có những đặc điểm riêng. Thổ ty cũng như địa chủ ở Lào Cai một phần đã có phát canh thu tô, nhưng cũng đông vẫn thường lấy bóc lột nhân công, lễ vật, cho vay là chủ yếu. Ngoài ra còn bao chiếm rừng, kinh doanh mại bản, dựa vào uy thế hành chính thời Pháp, vào dòng họ, vào mê tín để bóc lột quần chúng. Sau ngày Lào Cai giải phóng năm 1950, hầu hết các thổ ty

lớn đã chạy theo Pháp. Ta đã chia ruộng đất của chúng cho nông dân nhưng vì thiếu phát động tư tưởng nên ảnh hưởng của chúng chưa hết hẳn. Số địa chủ còn lại tới nay cũng đã phân tán một phần lớn ruộng đất, có tên diện tích chỉ xấp xỉ nông dân, nhưng cũng có tên còn chiếm gấp đôi, hoặc ba diện tích bình quân 1 xã; đặc biệt địa chủ ở Sa Pa không giảm diện tích mà còn tăng và tỷ lệ chiếm tới 7,61% so với ruộng đất của nông dân. Một số địa chủ chưa chịu lao động hoặc có một số chuyển từ hình thức bóc lột địa chủ sang bóc lột phú nông, chủ yếu lợi dụng tổ đổi công để bóc lột nhân công, uy thế kinh tế và chính trị của chúng tuy có suy yếu nhưng vẫn còn đáng kể và kìm hãm sức sản xuất nông thôn, cụ thể ruộng của thổ ty, địa chủ phản quốc và đồn điền của Pháp là 93 ha nhưng trong số ruộng đất lần này lấy ra là 311 ha (không kể rừng), như vậy là gấp 3 số đã chia cũ. Ngoài ra từ hòa bình, lập lại một số vùng gần đường giao thông và gần thị trấn thì hướng phát triển theo lối tư bản tự phát ở nông thôn cũng khá phổ biến.

Nhân dân lao động tuy so với hồi trước ngày Lào Cai giải phóng đã có nhiều ruộng đất hơn, từ hòa bình tới nay đời sống của họ được cải thiện, nhưng họ cũng còn gặp nhiều khó khăn. Uy thế chính trị của nông dân lao động chưa được vững chắc. Trước sửa sai đa số nông dân chờ đợi cải cách dân chủ, sau sửa sai tinh thần của họ có bị dụi xuống. Trước ngày tiến hành phát động quần chúng, tỉnh có đẩy mạnh việc giáo dục xã hội chủ nghĩa nên ý thức giai cấp trong nông dân lao động, nhất là cán bộ xã có được nâng cao lên.

Lào Cai là một tỉnh không có cơ sở bí mật trước Cách mạng Tháng Tám. Sau Cách mạng Tháng Tám, trong một thời gian khá dài Lào Cai bị Quốc dân Đảng chiếm cứ. Tháng 11-1946, ta giải phóng Lào Cai lần thứ nhất nhưng tới tháng 11-1947 Pháp lại tái chiếm.

Từ ngày giải phóng (năm 1950) tới nay, qua 8 năm, Lào Cai đã 6 lần phải nổi dậy ở nhiều địa phương trong tỉnh. Trong các

cuộc nổi phi, hầu hết bọn cầm đầu ngoan cố đều là địa chủ hoặc tay sai của địch. Cho tới trước cuộc phát động Lào Cai còn 90 phi lẫn trốn. Tình hình trên đã tạo nên tâm lý hoài nghi trong nhân dân, mặt khác cũng khiến cho tình hình chính trị trong nông thôn ở Lào Cai có những phức tạp đặc biệt. Cơ sở cách mạng thực sự bắt rễ trong quần chúng dân tộc trong quá trình xây dựng khu du kích trong hậu địch 1948 - 1949. Nhưng cho tới nay phong trào toàn tỉnh vẫn không đều. Nhìn chung cơ sở mọi mặt: Đảng, chính quyền, dân ở xã đều yếu, nhất là ở các vùng hẻo lánh giáp Hà Giang và Phong Thổ. Tới đầu năm 1959 toàn tỉnh chỉ có 7 xã có chi bộ, 5 xã có Đoàn thanh niên lao động trong tổ chức xã. Tuy quần chúng nông dân chiếm số đông nhưng tỷ lệ địa chủ, phú nông vẫn còn đáng kể như trong 62 xã của đợt 2 và 3 có 49 phú nông tức 1,1% và 26 địa chủ tức 0,85% nằm trong tổ chức. Ngoài ra trong một số tổ chức ruộng cật xã như Ủy ban, dân quân còn cả những tên nghi vấn chính trị.

Xuất phát từ tình hình đặc điểm trên, Đại hội Đảng bộ tỉnh hồi tháng 3-1959 cho rằng cần phải tiến hành lấy cải cách dân chủ làm trung tâm, đồng thời đẩy mạnh việc xây dựng tổ đổi công có bình công chấm điểm và xây dựng hợp tác xã ở nơi có điều kiện.

Khi Trung ương ra Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 16, Tỉnh ủy Lào Cai kiểm tra lại tình hình đã đi tới nhất trí với chủ trương của Trung ương là hợp tác hóa kết hợp với hoàn thành cải cách dân chủ. Nhưng trong Đảng bộ lúc này tư tưởng của cán bộ, đảng viên chưa phải hoàn toàn đã nhất trí.

Có ý kiến cho rằng: Cải cách dân chủ là chính vì không cải cách dân chủ thì không hợp tác hóa được và quần chúng hiện nay không yêu cầu hợp tác hóa mà chỉ yêu cầu cải cách dân chủ. Thực chất của ý kiến này là đánh giá thấp yêu cầu hợp tác hóa của quần chúng, không thấy đầy đủ quan hệ giữa phong trào hợp tác hóa ở xuôi lên và Trung Quốc ảnh hưởng trong quần chúng.

Nhưng cũng có ý kiến lại cho rằng không cần phải cải cách dân chủ, cứ đẩy mạnh tổ chức hợp tác xã ngay rồi sau sẽ phát động cải cách dân chủ. Ý kiến này thực tế là máy móc hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, theo đó hợp tác hóa phải làm trước, cải cách dân chủ phải làm sau. Mặt khác ý kiến này cũng không nhìn nhận đúng đắn vấn đề tồn tại của cải cách dân chủ và quan hệ giữa cải cách dân chủ và hợp tác hóa.

Sau thí điểm Cam Đường (tháng 6 và tháng 7), hai tư tưởng trên được giải quyết một phần, nhưng thực tế phải tới sau đợt 1 phát động (tháng 10, tháng 11-1959) toàn thể cán bộ trong tỉnh mới quan niệm đúng đắn nhiệm vụ hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ phải vận dụng cụ thể vào Lào Cai như thế nào?

Tới nay sau 3 đợt cải cách dân chủ, mọi người càng thấy rõ rằng Lào Cai không hoàn thành cải cách dân chủ thì không thể đẩy mạnh hợp tác hóa, nhưng mặt khác hợp tác hóa và hoàn thành cải cách dân chủ không cần tách rời, hoàn thành 2 cuộc vận động và cùng làm trong một cuộc vận động, hoàn thành cải cách dân chủ mục đích để đẩy mạnh phong trào hợp tác hóa.

Dựa vào đặc điểm của từng vùng, kế hoạch tiến hành vận động quần chúng hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ chia làm 3 đợt:

- Đợt 1 gồm xã vùng thấp và làm thí điểm ở một số xã vùng cao và giữa.

- Đợt 2 nhằm làm các xã vùng cao và giữa đã qua nhiều cuộc vận động thi hành chính sách thuế phỉ, giai cấp địa chủ ở đây đã phân hóa tương đối.

- Đợt 3 nhằm làm các xã vùng cao và giữa phong trào còn yếu nội dung cải cách dân chủ tương đối nhiều và tình hình trị an ở một số xã của đợt 3 hồi đầu năm 1959 còn chưa thực ổn định.

Đợt 1 bắt đầu từ tháng 10-1959 và đợt cuối phát động kết thúc tháng 5-1960. Sau đây xin lần lượt kiểm điểm kết quả đã đạt được và sơ bộ rút ra một số kinh nghiệm.

Phần thứ hai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN TỒN TẠI

1. Công tác phát động tư tưởng giáo dục chính sách

Xuất phát từ đặc điểm tình hình cụ thể địa phương, nội dung học tập để phát động tư tưởng quần chúng ở tỉnh trong cuộc vận động có ba vấn đề chủ yếu: Học về tình hình thời sự, giáo dục về hai con đường để phân biệt rõ chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, để nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và tăng cường sự tin tưởng vào chế độ ta, giải quyết tư tưởng sợ dịch còn lại trong quần chúng; giáo dục về bóc lột và bị bóc lột để phân rõ ranh giới địa chủ với nông dân, phân rõ bạn, thù... Ba vấn đề trên liên quan chặt chẽ với nhau.

Cuộc giáo dục vừa qua so với các cuộc vận động trước đây thì tổ chức học tập có tiến bộ nhiều và lãnh đạo chặt chẽ hơn, quần chúng, cán bộ, đảng viên tham gia đông đảo, tỷ lệ trung bình từ 85% đến 90%, có nhiều xã đạt 100%. Qua cuộc vận động, quần chúng cốt cán, cán bộ, đảng viên các dân tộc bước đầu nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và giác ngộ giai cấp, mọi người đều phân biệt rõ hai con đường giữa cá thể và tập thể, tập thể hơn cá thể, phân biệt rõ bóc lột và bị bóc lột, giữa địa chủ với nông dân, phân biệt bạn, thù. Tư tưởng quần chúng được phát động đã biểu hiện trên mọi lĩnh vực công tác bằng những hành động thực tế như tích cực tham gia hợp tác xã, đưa tổ đổi công lên bình công chấm điểm, hăng hái sản xuất thực hiện kế hoạch nhà nước, đấu tranh kiên quyết với giai cấp bóc lột, tự mình vươn lên với ý thức làm chủ và quản lý nông thôn. Cũng qua phát động, quần chúng hầu hết các nơi dù xa xôi hẻo lánh đều được biết đến Đảng, tin tưởng Đảng. Quần chúng nghèo khổ đã nói lên những thắng lợi do Đảng mang lại.

Quần chúng do lòng căm thù sâu sắc đã phát hiện những tên còn lọt lưới, và do đó tính cảnh giác cách mạng được đề cao, nên về mặt đánh địch dựa vào nhân dân đã có kết quả, ta đã thu hồi một

số phải còn lẩn trốn, kiên quyết truy bức, lùng sục những tên nguy hiểm mất chỗ nương tựa phải ra hàng (Bắc Hà, Pha Long). Qua kiểm tra của các huyện, phong trào ở nông thôn sau các cuộc phát động đã có nhiều tiến bộ, rõ rệt nhất là cán bộ xã trên đưa xuống tích cực công tác trôi chảy hơn trước nhiều.

Nhưng vấn đề thiếu sót và tồn tại hiện nay là: Công tác giáo dục phát động tư tưởng chưa đều, có nơi còn chưa sâu sắc; tư tưởng cán bộ tuy có chuyển biến nhiều nhưng một số còn sợ địa chủ trả thù, sợ ma chài (nhất là Mán); được quần chúng tín nhiệm đưa ra làm việc nhưng lo lắng nhiệm vụ, chưa thể chủ động được, trong quần chúng Mán vấn đề mê tín sợ ma chài chưa được giải quyết.

2. Vấn đề hợp tác hóa và đẩy mạnh sản xuất

Trước phát động toàn tỉnh chỉ mới có 2 hợp tác xã và 22 tổ đổi công bình công chấm điểm, mức phát triển hợp tác xã năm 1959 của tỉnh sau đợt thí điểm Cam Đường đã điều chỉnh là 7% hộ nông dân vào hợp tác xã, đã tăng gấp đôi. Số tổ đổi công bình công chấm điểm từ 22 tổ lên 570 tổ, tăng gấp 25 lần.

Tới hết tháng 6-1960 kết thúc cuộc phát động, về hợp tác xã hiện nay có 180 cái với 3.642 hộ tỷ lệ 24,4% và 3.320 ha ruộng đất với tỷ lệ 27,4%.

Về tổ đổi công hiện nay có 1.249 tổ với 10.539 hộ, đạt tỷ lệ 93,46%, trong đó có 910 tổ bình công chấm điểm với 8.098 hộ, đạt tỷ lệ 71,8% và 193 tổ thường xuyên với 1.437 hộ, đạt tỷ lệ 12,7%.

Sau cuộc vận động, các hợp tác xã và tổ đổi công đều thể hiện tính chất hơn hẳn so với lối làm ăn cá thể cũ trước đây. Năm 1960 thực hiện kế hoạch sản xuất tuy gặp nhiều khó khăn, nắng hạn kéo dài trong tỉnh, nhưng nhân dân đã khắc phục và hạn chế sự thiệt hại, lúa chiêm đã vượt mức kế hoạch về diện tích và sản lượng lúa, tính chung đã đạt được 23 tạ 11 cao nhất miền Bắc, chính một phần là do phong trào hợp tác hóa đã có cơ sở ở nông thôn. Nhiều hợp tác xã đã đạt năng suất cao như hợp tác xã Trung

Đô (Bắc Hà) năng suất bình quân 1 mẫu 3.696 kg và 1 công lao động 12 kg, hợp tác xã Làng Quang (Bát Xát) năng suất bình quân 1 mẫu là 2.846 kg và công lao động là 12 kg 38. Năng suất phổ biến của các hợp tác xã là từ 22 đến 30 tạ và công lao động phổ biến từ 4,5 kg đến 7,8 kg. Có nhiều hợp tác xã đã thực hiện tốt cải tiến kỹ thuật, biết sử dụng quản lý lao động kinh doanh nhiều ngành nghề, nhiều mặt, phát triển nghề phụ... Có hợp tác xã sau thu hoạch một vụ có kết quả nên nhiều nông dân ở ngoài đã đề nghị xin vào; tổ đổi công đã có biến chuyển tốt, có chiều hướng thi đua với hợp tác xã. Vì vậy phong trào sản xuất vụ mùa cũng có nhiều thuận lợi. Lấy một thí dụ về mức phân bón của tỉnh đề ra một cân giống bón 3 gánh (90 kg) nhưng 14 xã khu vực Si Ma Cai đã đạt 100 kg, rẻo thấp huyện Bản Lầu xã Cộng Hòa đạt 139 kg, xã Pha Long vùng cao đạt 154 kg, hợp tác xã Sả Thèn Phàng đạt 360 kg. Các mặt kỹ thuật khác cũng có tiến bộ. Do đặc điểm phong trào phát triển theo yêu cầu đòi hỏi của quần chúng trong khi kinh nghiệm xây dựng còn ít, trình độ của cán bộ xã có hạn và còn non, Tỉnh ủy đã kịp thời sau khi xây dựng xong hợp tác xã có dành lại một số cán bộ để củng cố hợp tác xã, giáo dục cán bộ và xã viên, làm cho phong trào phát triển được tương đối vững vàng nên đã có những kết quả trên, nếu không cũng khó tránh khỏi có nhiều hợp tác xã tan vỡ hoặc có xã viên xin ra hợp tác xã. Tuy nhiên số hợp tác xã và xã viên xin ra có tới 180 hộ, tỷ lệ gần 5%.

Vấn đề tồn tại hiện nay là các hợp tác xã và tổ đổi công chưa thực sự là vững vàng, một số hợp tác xã xây dựng trong đợt 2 không dựa trên cơ sở tổ đổi công bình công chấm điểm qua một vụ mà thường là mới trong 1 tháng hoặc 1 tuần. Công tác lãnh đạo và quản lý còn non nhưng là một vấn đề lâu dài mới giải quyết nổi. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa chưa chiếm ưu thế và nổi bật trong các hợp tác xã, hiện tượng trông chờ qua 1 vụ còn khá phổ biến. Một số nơi cốt cán lãnh đạo yếu thường bị dao động khi gặp khó khăn, trước sự tấn công của kẻ địch và hiện tượng góc đầu dây của giai cấp địa chủ.

3. Về hoàn thành cải cách dân chủ

Toàn bộ giai cấp địa chủ đã bị đánh đổ cả về chính trị và kinh tế. Tổng số địa chủ đã quy 275 tên trong đó có 205 địa chủ thường, 14 địa chủ kháng chiến, 55 địa chủ cường hào gian ác, 7 địa chủ di Nam, 1 địa chủ di Lào. Phú nông có 203. Một số địa chủ và phú nông đã cải tạo lao động đủ tiêu chuẩn chuyển nên sau khi quy đã cho thay đổi thành phần 9 địa chủ và 10 phú nông, có một số trường hợp quy cũng được không quy cũng được nhưng đã không quy là mo then và có nghề khác.

Về mặt xử lý: ta đã tịch thu, trưng thu, trưng mua, nhận hiến với số ruộng nước là 591 ha 222, nương và thổ canh là 65 ha 27, 620 trâu, 189 ngựa, 101 bò, 5 nhà ngói, 2 ao cá, 3 cối ngàn, 7 lợn, 5.321 kg bắp, 33.423 kg thóc, 1.535 đồng, 14 rừng gỗ, xóa quyền chiếm hữu 103 ha rừng. Với số tài sản trên đã đem chia cho 1.565 hộ nông dân lao động (chưa kể đợt 1 và 2 huyện Bản Lầu, Bắc Hà đợt 2).

Nông dân bước đầu qua thực tế đấu tranh đã giáo dục ý thức được sâu sắc lập trường giai cấp và ý thức làm chủ nông thôn. Quần chúng rất phấn khởi. Trong việc chia đã chú ý đến việc giúp đỡ các dân tộc vùng cao không có ruộng hoặc có ít, thiếu trâu, bò nên đã chia ruộng, chia trâu và chăm lo đến việc giúp đỡ họ làm ruộng, giúp nhau. Việc vận động giúp đỡ dân tộc ít người đã chú ý rộng rãi giữa xã vùng cao và vùng thấp các huyện đều làm được tốt. Qua đấu tranh đã lựa chọn bồi dưỡng, đào tạo thêm nhiều cán bộ ưu tú mới; dựa vào các tổ chức bước đầu củng cố và xây dựng lực lượng, củng cố cơ sở công, nông liên minh, củng cố khối đoàn kết dân tộc, củng cố biên giới. Đó là những thắng lợi đã đạt được.

Vấn đề tồn tại hiện nay là: Sau khi vạch giai cấp xong nhưng ranh giới giai cấp có nơi tiếp tục bị xóa nhòa; nông dân đi lại ăn uống nhà địa chủ, cho địa chủ, phú nông vào tổ đổi công, lễ tế có nơi địa chủ ngóc đầu dậy đả kích cốt cán, phản tuyên truyền hợp tác xã và tổ đổi công. Có một số nơi phát động yếu nên còn lọt lưới địa chủ, phú nông.

4. Công tác trấn phản

Đầu năm 1959, trước khi tiến hành phát động, tình hình địch ở nhiều địa phương trong tỉnh rất nhiều phức tạp như sau:

Vụ nổi dậy ở Hồ Thầu, Đào Sán (Thái, Mèo), địch có âm mưu gây các vụ đột xuất ở Bát Xát, Sa Pa, Pha Long, Bắc Hà..., thành phần bọn đầu sỏ phỉ đa số là những tên địa chủ cường hào, gian ác, bọn tay sai cũ của đế quốc, những phần tử phản cách mạng ở Trung Quốc chạy sang có lẫn cả bọn gián điệp đặc vụ. Luận điệu phản tuyên truyền của chúng nhằm gây tâm lý chiến tranh, xuyên tạc vấn đề hợp tác hóa xã hội chủ nghĩa, lợi dụng trình độ thấp kém của quần chúng gây tâm lý chống đối giữa quần chúng với chế độ ta, kích động quần chúng chống lại ta. Về tổ chức lực lượng, ngoài những phần tử phản cách mạng, địch rất chú trọng lôi kéo những người trong tổ chức dân quân của ta, mưu biến lực lượng vũ trang của ta thành của địch.

Đối phó với âm mưu thâm độc và những hoạt động nghiêm trọng trên của địch, công tác thanh toán phỉ, diệt trừ đặc vụ gián điệp, biệt kích được đẩy mạnh liên tục để ổn định tình hình, chuẩn bị cho phát động và đã thu được những kết quả lớn. Tính riêng trong năm 1959, kể cả công tác trấn phản trước phát động và trong phát động đợt 1 toàn tỉnh đã gọi hàng, bắt và diệt 116 tên phỉ, thanh toán gần hết số phỉ có vũ trang, thu 71 súng và hơn 2.000 viên đạn các loại, đã bắt và trừ diệt một số đặc vụ và chỉ huy phỉ quan trọng như Hồ Văn Lìn, Giàng A Di, Lý Cà Sa, v.v. đặc biệt đã ngăn chặn kịp thời và dập tắt các vụ vũ trang gây phiền loạn của địch (Mường Hum, A Lù) tránh được nhiều tổn thất, góp phần củng cố trật tự trị an, củng cố vùng cao biên giới, tạo điều kiện tiến hành mọi mặt công tác, nhất là phục vụ cuộc phát động hợp tác hóa.

Trong các đợt phát động ta đã liên tiếp tiến hành giáo dục quần chúng và đánh địch trên ba mặt:

- Giáo dục nâng cao cảnh giác cho quần chúng.
- Cải tạo bọn tề, ngụy, phỉ, biệt kích cũ.
- Trấn áp bọn phản cách mạng.

Do công tác giáo dục quần chúng bước đầu nâng cao, trước tình thần cảnh giác cách mạng, giải quyết được tư tưởng sợ địch, nâng cao ý thức căm thù địch, thấy rõ âm mưu và sự cấu kết của địa chủ với đế quốc. Do quần chúng được phát động, khí thế của quần chúng lên cao, mặt khác ta ra sức giáo dục thời sự nên quần chúng đã phát hiện cho ta nhiều vấn đề, cả những vụ địch hoạt động ngấm ngầm từ trước ta chưa biết. Quần chúng vì có ý thức nên đã cảnh giác theo dõi giám sát những hành động của chúng để báo cho cán bộ, trấn áp kịp thời những luận điệu phản tuyên truyền và các hoạt động phá hoại khác, tích cực truy kích địch nên đã bức một số tên chạy lên rừng nhưng rồi không có chỗ dựa nên cuối cùng phải trở về ra hàng.

Công tác giáo dục cải tạo về ngục, phỉ và biệt kích cũng làm được kết quả nhất định. Ta đã giáo dục cải tạo nhắc cho họ thấy rõ đã theo địch hoặc vì lầm đường là mắc vào âm mưu của đế quốc để làm hại dân hại nước, làm cho họ thấy rõ sai lầm, căm ghét đế quốc, biết ơn Đảng và Chính phủ. Riêng trong đợt 3 huyện Sa Pa, Bát Xát ta đã giáo dục 131 tên (...). Việc giáo dục chỉ mới là bước đầu, còn phải tiếp tục và lâu dài, đi sâu nắm các tư tưởng diễn biến của từng loại để phân hóa giáo dục mới cải tạo được chúng.

Công tác trấn phản đã phát hiện và trừng trị thích đáng một số vụ phá hoại, kết hợp với công tác đánh địch ta đã kịp thời lập hồ sơ và xử trí những tên đầu sỏ quan trọng để phục vụ cho phát động, quần chúng rất phấn khởi, hoan nghênh chính sách của Đảng, làm cho từ nay nhân dân được yên ổn làm ăn, ảnh hưởng của các vụ xử án đã đánh mạnh vào tư tưởng phá hoại của bọn tề ngục ngoan cố chưa chịu cải tạo. Riêng trong đợt 3, thi hành Chỉ thị 186 của Trung ương, đã uốn nắn một số tư tưởng sợ rung, đánh địch không kiên quyết, so với đợt trước công tác tiến hành được toàn diện, đánh địch kiên quyết và mạnh hơn. Ta đã bắt trong đợt này 19 tên là đối tượng chính trị, phá hoại hiện hành và thu hồi một số vũ khí đạn dược đáng kể.

Qua cuộc phát động, tinh thần cảnh giác của quần chúng được nâng cao, bọn phản động bị vạch mặt nhưng chưa phải chúng đã chịu khuất phục và phong trào này có tiến bộ nhưng còn yếu, có những vùng còn yếu (nhất là vùng biên giới giáp khu tự trị Mèo và Hà Giang). Tình hình địch so với trước bớt phức tạp nhiều, nhưng đáng chú ý là hình thức phá hoại của chúng có nơi đi vào tinh vi bí mật hơn, nhưng cũng có nơi còn nhiều hoạt động trắng trợn táo bạo, âm mưu của địch vẫn là ngấm ngầm hoạt động gây đột xuất làm mất trật tự trị an như cuối năm 1959 với 2 vụ xưng vua (...).

Công tác đánh địch tuy đạt một số kết quả, nhưng việc chuẩn bị nắm tình hình trước phát động yếu, còn nhiều vấn đề tồn tại, có những vấn đề địch nằm lỳ, ta chưa phá được, một số nơi phát động còn yếu nên quần chúng còn ít, địch chậm được phát hiện. Sau phát động việc tiếp tục giáo dục ý thức cảnh giác cho quần chúng làm còn yếu.

5. Công tác củng cố và chấn chỉnh các tổ chức

Các tổ chức nói chung qua cuộc phát động đều được kiện toàn đầy đủ, cốt cán lựa chọn qua đấu tranh được tốt, nhiều tổ chức trước đây chưa có nay đã được phát triển. Những phần tử thuộc giai cấp bóc lột và phần tử xấu đã được đấu tranh đưa ra khỏi tổ chức. Những tổ chức đầu não của xã như ủy ban, công an xã là công cụ của chính quyền được đặc biệt chú ý. Cơ sở Đảng từ chỗ chỉ có 7 chi bộ, 62 đảng viên nay đã có 92 chi bộ, 497 đảng viên (trong phát động đã phát triển 369 đảng viên), nay đã có 113 xã có đảng viên và 32 chi bộ xã. Hầu hết các xã đều có chi đoàn thanh niên lao động với 930 đoàn viên. Số lượng cán bộ xã mới tính trong 2 đợt đã đào tạo và đưa thêm vào các tổ chức xã tăng hơn trước nhiều, trong đợt 2 và 3 trước có 3.963 người nay đã có 5.917 người tăng hơn 1.930 người. Chất lượng cán bộ đều được tăng, Mường Khương là một huyện phát động gọn trong đợt 1 và 2. Trước chỉ có 3 xã khá, nhưng sau phát động kiểm tra chỉ có 5 xã yếu, còn đều là loại xã làm việc so với

trước tiến bộ rất nhiều, cán bộ xã một số tự động được công tác, nắm được chính sách để phổ biến trong quần chúng, ý thức trách nhiệm trong công tác được nâng cao, giữ vững được các kỳ sinh hoạt hội ý giữa xã với huyện, không chệch choạc như trước.

Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được chú ý nhiều, đã vận dụng đúng đắn đường lối giai cấp, tỷ lệ thành phần quần chúng cơ bản đều được tăng cường nhiều hơn.

Ví dụ trước phát động, thành phần bản cố nông trong các tổ chức là 2.669 người tỷ lệ 67%, nay số người là 4.383 người tỷ lệ 76%, tăng 1.714 người. Riêng cố nông trước có 201 người tỷ lệ 5%, nay có 404 người tỷ lệ 7%. Bản nông trước phát động có 1.670 người tỷ lệ 41,95%, nay có 2.700 người tỷ lệ 47,2%.

Tóm lại về củng cố chấn chỉnh tổ chức có nhiều kết quả tốt, trường hợp cá biệt có nơi vì thẩm tra kém nên có phần tử xấu chui vào hoặc trong đợt 2 vì nắm tinh thần Chỉ thị 156 của Trung ương chưa vững nên có cán bộ để địa chủ ở lại trong một số ngành như y tế, bình dân học vụ...

Phần thứ ba

KIỂM ĐIỂM VIỆC CHẤP HÀNH ĐƯỜNG LỐI PHƯƠNG CHÂM VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC HÓA KẾT HỢP HOÀN THÀNH CẢI CÁCH DÂN CHỦ

1. Về đường lối giai cấp

Do công tác điều tra cơ sở xã hội lúc đầu chưa cụ thể khắp các xã nên chúng tôi chủ trương qua bước một của đợt một phát động sẽ kịp thời rút kinh nghiệm, tiến hành phân loại xem xã nào, thôn nào cần áp dụng đường lối một hoặc đường lối hai. Thực tế của các đợt vận động đã chứng minh rằng hầu hết các vùng dân tộc Thổ, Nhắng, Nùng, Mèo, U Ní, Mán sống bằng ruộng hoặc nương định

canh, đều thuộc xã hoặc thôn theo đường lối một. Một số vùng thuộc dân tộc Mán sống chủ yếu bằng nương du canh, giai cấp phân hóa chưa rõ rệt lắm nên cần áp dụng đường lối hai.

Tuy nhiên các xã áp dụng đường lối một không nhất thiết thôn nào cũng có địa chủ phú nông, có những thôn Nùng, Nhắng, Thổ, v.v. chỉ có bần nông và trung nông. Hoặc dân thôn này thường bị địa chủ ở các thôn bên cạnh áp bức bóc lột.

Cũng có xã cần áp dụng hai đường lối vì một số thôn sống chủ yếu bằng ruộng, giai cấp phân hóa rõ, nhưng một số thôn khác sống chủ yếu bằng nương, giai cấp phân hóa không rõ rệt lắm.

Nhưng mặt khác cũng cần thấy rằng không phải tất cả các vùng Mán đều thuộc đường lối hai, có nơi như Xuân Quang, Phong Niên, Tả Phìn, Bản Khoang, Thanh Bình, v.v. người Mán sống về ruộng là chính hoặc sống nửa ruộng nửa nương, giai cấp ở đây phân hóa đã rõ nên cần áp dụng theo đường lối một và qua thực tế đã phát hiện những tên địa chủ không lao động, sống bằng bóc lột công hoặc phát canh thu tô, có hàng 3, 4 ha ruộng hoặc nương và 2, 3 chục trâu bò.

Như vậy việc quy định một xã hoặc thôn thuộc đường lối một hoặc hai không thể dựa trên cơ sở họ là dân tộc gì, hoặc thuộc vùng thấp, lưng chừng hay cao mà phải dựa trên cơ sở chiếm hữu tư liệu sản xuất. Mặt khác cần thấy liên quan giữa các thôn với nhau. Có thôn thuộc loại đường lối hai, nhưng nhân dân ở đây đã thường bị địa chủ phong kiến ở thôn lân cận bóc lột nên cũng là những người rất căm thù bọn địa chủ phong kiến đã áp bức họ. Ngoài ra ở ngay các thôn theo đường lối hai cũng vẫn có những tàn dư của thế lực phong kiến như tệ chiếm rừng, ăn biếu xén, đút lót, v.v. hoặc lối làm xin, nài, van lợi dụng tổ đối công để bóc lột nhân công nên vẫn cần qua phát động, giáo dục quần chúng nhận rõ những tàn dư này để xóa bỏ đi thì sản xuất mới phát triển thuận lợi.

Trong đợt 3 phát động quần chúng tiến hành hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ vừa qua ở Lào Cai, lúc đầu đã có

một số quan niệm sai lầm như ở Mường Khương có đồng chí cho rằng thôn nào không có địa chủ phú nông đều là thuộc đường lối hai cả, mặc dù ở đây tình hình chiếm hữu ruộng đất rõ rệt, đã có sự phân biệt giữa bản cố, trung nông và những nông dân ở đây đã bị bọn địa chủ ở thôn bên cạnh cùng một dân tộc với họ bóc lột họ. Hoặc ở xã Cốc Lầu là xã thuộc đường lối hai nhưng lại quy một phú nông vì thấy tên này bóc lột hai nhân công. Sau đợt 1 tỉnh đã rút kinh nghiệm bổ khuyết sai lầm trên.

2. Vận dụng các khâu trong toàn bộ đường lối giai cấp nông thôn của Đảng

Trong đợt thí điểm và đợt 1 có một số đồng chí đã không nhận thức đúng đắn, thấy rõ đường lối giai cấp nông thôn của Đảng là một sợi dây chuyền gồm nhiều khâu không thể tách rời, vì vậy nên khi vận dụng đường lối giai cấp thường nặng mặt này nhẹ mặt kia, thậm chí tách rời khâu này với khâu khác. Sai lầm này thường dẫn tới tả khuynh hoặc hữu khuynh.

Vận dụng đường lối giai cấp nông thôn của Đảng chủ yếu là dựa vào bản cố nông và trung nông lớp dưới nhưng phải đảm bảo được đoàn kết với trung nông, liên hiệp với phú nông, tranh thủ các nhân vật lớp trên cần tranh thủ, triệt để vận dụng đúng chính sách của Đảng, phân hóa giai cấp địa chủ, đối đãi có phân biệt với từng loại địa chủ. Có như vậy thì công tác vận động mới đạt kết quả tốt.

a) Dựa vào bản cố nông và trung nông lớp dưới

Nhờ hầu hết cán bộ đi phát động đã qua chỉnh huấn và học tập Chỉ thị 156 của Trung ương nên trong công tác anh em có nhiều cố gắng, kiên quyết dựa vào bản cố nông và trung nông lớp dưới. Nói chung các cán bộ đã gian khổ ba cùng với anh em bản cố nông và trung dưới. Nhiều đồng chí mặc dầu không biết tiếng địa phương nhưng đã qua phiên dịch kiên nhẫn bồi dưỡng anh em bản cố nông và trung nông lớp dưới nhiều lần để anh em dần dần đảm nhận

được công việc. Có những đồng chí đã áp dụng phương pháp thực tế từ *ta làm họ học, tới cùng làm cùng học, tới họ làm ta bỏ khuyết*. Nhiều đồng chí chịu lắng nghe ý kiến của bần cố nông và trung nông lớp dưới, có cân nhắc kỹ lưỡng để tiến hành công tác tốt.

Về phía anh em bần cố nông và trung nông lớp dưới thì thông thường lúc nghe cán bộ phổ biến nhiệm vụ hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, anh em rất phấn khởi, hoan nghênh chính sách. Nhưng ở những nơi lực lượng và vai trò của cán bộ bần cố nông và trung nông lớp dưới từ trước tới nay chưa được đề cao, lại có nhiều luận điệu phản tuyên truyền về công xã nhân dân Trung Quốc, thì lúc đầu một số bần cố nông và trung nông lớp dưới thường vì không rõ hợp tác xã là thế nào, hoặc sợ tố cáo tội ác địa chủ phú nông sau này lại sửa sai, hoặc có anh em cho rằng "đuổi trâu đập trâu không đau" nên tinh thần anh em lúc đầu chưa phấn chấn lắm. Nhưng khi anh em đã được phát động, vai trò của anh em ngày càng nổi lên, thì tư tưởng hẹp hòi cũng đã phát triển. Nếu không kịp thời giáo dục chính sách thì anh em có nơi đòi thoái công, đòi lấy bất cứ cái gì của địa chủ và có anh em đã hẹp hòi cả trong việc xét duyệt đơn vào hợp tác xã.

Cán bộ xuống công tác không nên thấy lúc đầu anh em thắc mắc lo sợ nhiều mà cho rằng bần cố nông ở vùng này quá lạc hậu vì nhiễm phải nọc tuyên truyền của địch quá nặng, do đó sinh ra hoài nghi anh em, chê anh em nhút nhát chậm chạp. Ngược lại tới khi tư tưởng bần cố nông và trung nông lớp dưới được phát động lại có một số cán bộ trước yêu cầu không đúng của cốt cán đã theo đuổi không kiên quyết uốn nắn lệch lạc và giáo dục chính sách cho anh em vì sợ làm ngược ý kiến anh em tức là dội gáo nước lạnh vào phong trào. Thực tế nếu được giáo dục kỹ chính sách, anh em vẫn tiếp thu lẽ phải vì anh em tuyệt đối tin ở Đảng. Cho nên trong quá trình phát động bần cố nông và trung nông lớp dưới điều cần chú ý là phát động tư tưởng phải đi đôi với giáo dục chính sách, càng giáo dục tốt chính sách, phát động tư tưởng càng tốt.

Vì Lào Cai là một tỉnh biên giới nên trong khi dựa vào bản cổ nông và trung nông lớp dưới cần đề phòng dựa nhăm vào một số người ở Trung Quốc chạy sang từ năm 1950 trở lại đây vì cho rằng họ nghèo khổ, nhưng thực tế có những tên trước vốn là thổ phỉ, địa chủ ác bá, trốn phát động ở Trung Quốc lẫn sang, đời sống sa sút nên cũng đi bán công làm thuê, nhưng tư tưởng của họ đối với cách mạng thì chống đối. Cho nên phải đặc biệt thẩm tra kỹ lý lịch bản cổ nông trước khi dựa để tránh mắc phải sai phạm trên. Mặt khác có một số người hiện nay đời sống dễ chịu nhưng trước năm 1950 họ là bản cổ nông, được ta chia ruộng đất, hoặc nhờ cách mạng giải phóng họ khỏi áp bức của địa chủ phú nông, khỏi phải đi phu, nộp thóc, nộp lễ vật cho đế quốc và bọn ngụy quyền tay sai nên trở nên khá giả. Nên hiện nay thái độ chính trị của họ vẫn tốt, không bóc lột ai về kinh tế thì chúng tôi vẫn coi họ như bản cổ nông và trung nông lớp dưới và trong quá trình công tác vẫn cần dựa vào họ.

b) Đoàn kết với trung nông

Ở miền dân tộc, đoàn kết với trung nông càng vô cùng quan trọng vì có đoàn kết với trung nông mới bảo đảm đoàn kết dân tộc tốt và xây dựng được lực lượng đông đảo để đánh đổ giai cấp địa chủ. Đoàn kết với trung nông thể hiện trên công tác phát động tư tưởng và trong việc chấp hành các chính sách hợp tác hóa cũng như hoàn thành cải cách dân chủ.

Trong quá trình vận động vừa qua, nhiều cán bộ thường tỏ ra không vững vàng trong vấn đề đoàn kết trung nông.

Thông thường trong các xã phát động, lúc đầu anh em hay có thành kiến với trung nông trên có ít bóc lột. Khi thấy họ có thái độ thờ ơ hoặc hoang mang lúc đầu thì cán bộ không kịp thời tiến hành giáo dục ổn định tư tưởng họ mà có địa phương đã để quần chúng đả kích các hiện tượng bóc lột của họ. Có nơi chủ trương tổ chức bản cổ nông và trung nông lớp dưới tố khổ, kể khổ một hai tối rồi mới mời trung nông tới dự, sau cùng mới đưa trung nông trên tới

dự. Làm như vậy trung nông nói chung, đặc biệt là trung nông trên rất thắc mắc. Có nơi bản cố nông tổ khổ, trung nông đi nghe trộm. Sau đợt 1 chúng tôi đã uốn nắn sửa chữa khuyết điểm trên, chủ trương học tập và liên hệ khổ chung trong toàn dân nhưng có dùng phương pháp thông qua cán bộ cốt cán bản cố nông và trung nông lớp dưới, dùng hình thức cá biệt gọi khổ từng người hoặc từng nhóm để bồi dưỡng riêng cho bản cố nông và trung nông lớp dưới, giáo dục sâu sắc ý thức giai cấp và tinh thần tự tin để trong các buổi tổ khổ chung anh em giữ vai trò nòng cốt đầu tàu của mình. Làm như vậy vẫn bảo đảm phát động tư tưởng bản cố nông và trung nông lớp dưới sâu sắc, đề cao được vai trò của anh em trong nhân dân, đồng thời vẫn đoàn kết tốt với trung nông, tránh sự tách biệt giữa bản cố và trung nông. Hơn nữa kinh nghiệm thực tế cho biết là nếu trung nông chưa hăng hái tham gia đấu tranh vạch mặt tội ác của giai cấp địa chủ thì lực lượng nông dân chưa thực đoàn kết mạnh mẽ, áp đảo kẻ thù, và tài liệu về tội ác của giai cấp địa chủ cũng không được phát hiện thực đầy đủ.

Khi tiến hành chia quả thực càng phải coi trọng công tác giáo dục trung nông, tránh tư tưởng cho rằng mình tham gia đấu tranh nhưng chỉ mang lợi lại cho bản cố nông hoặc trung nông lớp dưới. Khi xây dựng hợp tác xã và các tổ chức ở xã cần đặc biệt chú ý đến tỷ lệ của trung nông vì cán bộ hay hẹp hòi không chịu bồi dưỡng tuyển lựa đưa vào tổ chức những quần chúng thuộc thành phần trung nông tích cực nhất. Nhưng ngược lại cũng đề phòng hiện tượng một số nơi đã tùy tiện để trung nông tham gia lãnh đạo hợp tác xã. Những người này, trong quá trình đấu tranh xây dựng hợp tác xã, khi thấy thiệt, tinh thần sút kém, thường kêu ca làm ảnh hưởng chung đến việc xây dựng hợp tác xã.

c) Tranh thủ lớp trên

Trong ba đợt vận động, công tác tranh thủ lớp trên được tỉnh và các huyện đặc biệt chú ý. Thông qua các hội nghị mặt trận tỉnh

và huyện, chúng tôi đã tiến hành tọa đàm, tranh thủ giáo dục cho các nhân vật lớp trên tán thành nhiệm vụ hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở Lào Cai, xác định đúng đắn thái độ của họ trước quần chúng. Thực tế sau các hội nghị trên, nhiều lớp trên đã tỏ ra hoan nghênh chính sách và có thái độ đúng đắn trước quần chúng, như gia đình Lục Quang Hùng ở Bát Xát đã hăng hái tham gia học tập ở xã, chịu khó lao động sau phát động. Hoặc như Hoàng Đình Chung là một thổ ty Mèo ở Bắc Hà đã tự kiểm thảo thấy rõ sai lầm của mình và tin tưởng ở sự đổi đời đúng đắn của huyện, nên trong phát động mọi việc xảy ra ở xã đều báo cáo huyện để huyện chỉ đạo cách cư xử cho đúng đắn với quần chúng. Có những lớp trên chúng tôi thấy rằng quy cũng được, không quy cũng được thì không quy, như tỉnh chủ trương không quy nhà Vàng Seo Dê là địa chủ mà để cho hần hiến ruộng. Sau phát động quần chúng lại đi lại xin thuốc mời hần đi cúng, v.v..

Tất nhiên không phải cả các lớp trên được đi tọa đàm ở tỉnh hoặc huyện về đều có thái độ tốt cả. Trong thực tế đã có những tên khi trở về tiếp tục chống đối lại chính sách. Trong những trường hợp đó, chúng tôi đã tùy theo tình hình cụ thể, vừa thuyết phục vừa phát động quần chúng đấu tranh từ dưới lên để làm cho họ và quần chúng thấy rõ sai lầm của họ.

Nhìn chung qua ba đợt phát động các cán bộ đều thấy tranh thủ nhân vật lớp trên cần tranh thủ ở vùng dân tộc là cần thiết. Nhưng trong quá trình vận động cũng có những đồng chí không thông với chủ trương tranh thủ lớp trên, nên không giáo dục tốt cán bộ xã nhận rõ chủ trương này của Đảng khiến xảy ra tình trạng tỉnh thì chủ trương tranh thủ nhưng huyện lại cho tranh thủ cũng được không tranh thủ cũng được và xã lại có thái độ đả kích quá mạnh đối với gia đình lớp trên, dăm khó khăn và ít nhiều cản trở đến công tác phát động. Sau phát động có những đồng chí cho rằng vì quần chúng đã được giác ngộ về ý thức giai cấp nên không cần tranh thủ lớp trên nữa. Quan niệm như vậy là sai vì không thể

chỉ nhìn nhận vấn đề này qua một vài thái độ, yêu cầu của quần chúng một vài địa phương mà phải nhìn thấy quan hệ giữa lớp trên với nhau, giữa họ với quần chúng nhiều vùng, thậm chí phải nhìn nhận cả quan hệ giữa họ với số người đã chạy đi Nam nữa.

Trong quá trình tranh thủ vừa qua cũng xảy ra một vài hiện tượng đối đãi không đúng mức với lớp trên, như ở Bắc Hà cho rằng vì tranh thủ Hoàng Đình Chung nên không quy hấn là địa chủ nữa, mặc dầu quần chúng đều thấy rõ ràng Hoàng Đình Chung là địa chủ lớn nhất ở địa phương và tới gần đây vẫn còn bóc lột. Hoặc như việc tỉnh đã đưa Lý Chung Chi ra tỉnh trong khi hấn không phải là một ủy viên thường trực mặt trận. Thực tế sau khi quy Hoàng Đình Chung là địa chủ kháng chiến, bản thân hấn vẫn thấy là Chính phủ có chiều cố và nhân dân hoan nghênh việc quy định của ta. Còn về Lý Chung Chi sau khi đưa hấn ra tỉnh tuy có tiến hành đấu tranh nhưng do hấn không thấy rõ sức mạnh của quần chúng trong phát động nên vẫn có thái độ xem thường lực lượng quần chúng.

Việc thông qua con cái lớp trên làm cán bộ mà giáo dục lớp trên cũng rất cần thiết. Trong đợt 1 có nơi nhờ làm tốt việc này nên việc kiểm thảo của lớp trên hiện là cán bộ trước có nhiều tội ác với quần chúng tương đối thành khẩn, quần chúng rất phấn khởi và tán thành. Muốn giáo dục con cái lớp trên hiện là cán bộ được tốt phải chú ý xác định cho đồng chí đó thấy chính sách của Đảng, có quyết tâm thuyết phục gia đình mình bình tĩnh trước thái độ của quần chúng đối với gia đình mình; phải thấy rằng qua phát động quần chúng do gia đình mình có bóc lột nên uy thế của gia đình mình nhất định có bị tổn thương, thậm chí suy sụt nhiều so với trước. Đó là thể hiện sự tiến bộ của phong trào quần chúng. Nếu không làm cho các đồng chí đó đồng tình hoan nghênh thắng lợi của quần chúng thì tất nhiên sẽ ảnh hưởng không tốt tới tư tưởng của các đồng chí đó. Đối với việc đi về gia đình trong thời kỳ xã đang phát động tuy không cấm nhưng nên giáo dục cho anh em vì nhiều khi về thăm gia đình anh em có những lời ăn tiếng nói

không lợi cho cuộc phát động hoặc ngược lại trong nhân dân cũng có những người nói năng có khi quá đáng với anh em.

Mặt khác, việc giáo dục tư tưởng cho cán bộ xuống làm cũng phải đặc biệt chú ý để có thái độ đúng mức, có phân biệt đối đãi đối với gia đình có con cái đi làm cán bộ mà thái độ chính trị của họ từ trước đến nay không có gì sai phạm lớn. Chính có xử lý thích đáng phân biệt đối đãi cụ thể thì mới dễ làm cho con cái họ hiện là cán bộ đồng tình với chính sách của Đảng và Chính phủ. Cũng cần đề phòng một số lớp trên hiện là cán bộ hoặc có con cái là cán bộ đe dọa dân đi đấu tội lỗi hoặc để vợ con vin vào thế chồng con thoát ly công tác mà có thái độ không đúng mức với quần chúng khiến quần chúng không tán thành gây khó khăn chung cho cả cấp ủy, cho bản thân người cán bộ đi thoát ly công tác, cho nhân dân và gia đình ở địa phương.

Cuối cùng, trong công tác tranh thủ lớp trên cần phải đi sâu vào đặc tính từng người, và phạm vi ảnh hưởng của họ để phân công, cân nhắc tùy theo tỉnh hoặc huyện hoặc xã làm công tác tranh thủ. Nếu không cần huyện tranh thủ thì cứ để xã tranh thủ, nếu không cần tỉnh tranh thủ thì cứ để huyện tranh thủ. Có những trường hợp cần tranh thủ mà kéo lên tỉnh hoặc huyện thì kết quả có khi không tốt bằng ở xã.

d) Phú nông

Khá phổ biến là tư tưởng coi phú nông không khác địa chủ mấy nên có một vài nơi đã cho phú nông học chung với địa chủ, kiểm thảo phú nông có tội ác trước nhân dân (trong đợt 1, đợt 2).

Phú nông lúc đầu thường hoang mang nên phải kịp thời ổn định tư tưởng họ, có thể mới tránh để họ nhập cục với địa chủ.

Về mặt kinh tế, không được tùy tiện rút ruộng của phú nông, có nơi như xã Cộng Hòa đã nhận nhà hiến của phú nông là sai.

e) Đối đãi với địa chủ

Kinh nghiệm cho biết địa chủ thường rất hoang mang khi nghe phát động quần chúng hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách

dân chủ. Họ sợ sẽ bị đối đãi như một số địa chủ Trung Quốc hoặc ở xuôi trừ một số có vấn đề chính trị nghiêm trọng đã tổ chức chống phá phát động rất tinh vi như giả làm biệt kích để gây không khí không ổn định trong nhân dân (Hợp Thành), tổ chức hợp bí mật bố trí phá phát động (Quang Kim) còn nói chung thì địa chủ thường lo mua chuộc, đe dọa một số khổ chủ để bịt đầu mối, phân tán tài sản để khỏi bị tịch thu, trưng thu. Những nơi phong trào kém địa chủ thường chống phá trắng trợn lúc đầu, ngược lại nếu là nơi phong trào khá hoặc sau khi quần chúng đã được phát động thì địa chủ thường nặng về mua chuộc lôi kéo. Có nơi quần chúng tố mạnh, có những tên hoang mang cao độ định tự tử hoặc chạy trốn. Cho nên cần nắm đúng thời cơ ổn định tư tưởng cho chúng để tránh xảy ra việc đáng tiếc.

Ngay từ khi công bố chủ trương phát động quần chúng tiến hành hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ và công bố đường lối giai cấp nông thôn của Đảng cần vạch rõ thái độ đối đãi đối với các loại địa chủ, bảo cho chúng phải tôn trọng kỷ luật cuộc phát động, có thái độ phục tùng nông dân. Khi phong trào quần chúng càng lên mạnh thì càng cần dùng phương pháp cá biệt giải thích chính sách cho địa chủ, đặc biệt chú ý phân hóa địa chủ thường với địa chủ cường hào gian ác phản động hiện hành, tránh đối đãi đồng loạt không có phân biệt.

Sau đợt phát động vẫn cần tiếp tục một mặt giáo dục cho quần chúng cảnh giác đối với giai cấp địa chủ, một mặt giáo dục và thi hành triệt để chính sách có phân biệt đối đãi với các loại địa chủ để tránh quần chúng vì mất cảnh giác mà xem thường phản ứng của giai cấp địa chủ, hoặc vì đối đãi thiếu phân biệt nên địa chủ, phú nông đã nhập cục lại âm mưu nổi lên cướp huyện như Mường Khương.

g) Về phản động hiện hành

Việc trấn áp phản động hiện hành tuy được chú ý ngay từ đợt I nhưng một mặt do công tác nắm tình hình của ta trước cuộc phát động còn yếu, một mặt do việc giáo dục nâng cao cảnh giác cho cán

bộ thiếu đầy đủ nên nhìn chung việc trấn áp bọn phản động phá hoại hiện hành chưa được thực tốt. Tuy nhiên qua ba đợt, Lào Cai đã phá được một số vụ án và trấn áp được một số địa chủ phản động phá hoại hiện hành, nâng cao cảnh giác và gây tinh thần phấn khởi trong quần chúng. Kinh nghiệm cho biết rằng muốn công tác trấn áp phản động phá hoại hiện hành được tốt phải phối hợp hai mặt: phát động quần chúng và nghiệp vụ theo dõi từ trước của công an. Nếu không phát động quần chúng tốt thì dù công an có tài liệu nhưng việc trấn áp vẫn khó khăn vì quần chúng chưa thấy rõ bộ mặt gian ác của kẻ địch (Bát Xát). Ngược lại nếu công tác nghiệp vụ của công an làm kém thì có lúc quần chúng phát hiện ra tài liệu nhưng ta vẫn khó xử đúng đắn vì lãnh đạo cảm thấy tài liệu chưa thực chắc chắn để quyết định chủ trương. Thậm chí đã có những trường hợp quần chúng yêu cầu bắt, địa phương đã bắt, nhưng công an lại đề nghị thả, mặc dù tên đó sau xét ra là đã từng tham gia tổ chức lật đổ chính quyền ở huyện trong thời gian không xa lắm. Về tố cáo tội phản động hiện hành, không nên để quần chúng tố công khai vì làm như vậy dễ sinh ra hoang mang dao động và có khi lộ tài liệu để kẻ địch kịp thời đề phòng. Kinh nghiệm Lào Cai đã có một vài nơi mắc sai lầm.

3. Một số kinh nghiệm trong các mặt công tác của cuộc vận động

a) Về tuyên truyền phát động tư tưởng

Muốn tuyên truyền phát động tư tưởng tốt ngoài việc thực hiện đúng đắn đường lối giai cấp của Đảng cần phải biết dựa vào đặc điểm tình hình địa phương để đề ra nội dung tuyên truyền giáo dục cho thích hợp.

Ở Lào Cai, do trước cuộc phát động, nhiều địa phương đã trải qua nhiều lần nổi phỉ, thậm chí có nơi còn phỉ nên tư tưởng sợ đế quốc ở một số vùng rất trầm trọng. Việc giáo dục thời sự từ trước tới nay là yếu, vì vậy ngoài việc phát động tư tưởng căm thù với

phong kiến cần phải tiến hành giáo dục thời sự nâng cao lòng tin tưởng của quần chúng đối với chế độ của ta, tiến hành so sánh chế độ ta và chế độ cũ dưới thời thống trị của đế quốc để nâng cao lòng căm thù của quần chúng đối với đế quốc và bọn tay sai của chúng. Hơn nữa chính do việc so sánh hồi tưởng lại những tội ác của đế quốc và bọn tay sai mà làm cho quần chúng càng thấy rõ bộ mặt đầy tội ác của giai cấp địa chủ vì đa số trùm phi, ngụy quyền cũ là địa chủ hoặc phú nông.

Ở những vùng gần thị trấn, ven đường xe lửa, giao thông thuận lợi, buôn bán phát triển thì chiều hướng tư tưởng tư bản tự phát trong nông dân cũng phát triển, cho nên ở đây ngoài việc giáo dục để quần chúng thấy rõ tội ác của địa chủ cần làm cho quần chúng hiểu sâu sắc về hai con đường, hướng quần chúng đi vào con đường hợp tác hóa. Ngược lại ở những vùng xa xôi hẻo lánh giai cấp phân hóa chưa rõ rệt lắm, tuy vẫn cần giáo dục phân biệt giữa bóc lột và bị bóc lột, giữa hai con đường nhưng không nên bỏ quá nhiều thời gian vạch tội ác của địa chủ hoặc nói về tư bản tự phát (vì có khi nói địa chủ quần chúng cũng không hiểu thế nào là địa chủ, hoặc nói tư bản tự phát quần chúng càng khó hiểu hơn) nhưng ở đây chú ý so sánh hai chế độ, vạch rõ tội ác của bọn đế quốc và các ngụy quân ngụy quyền tay sai, đi đôi với giáo dục lợi hại giữa làm ăn tập thể và cá thể thì quần chúng dễ hiểu và hoan nghênh.

Ở những vùng biên giới, tư tưởng sợ công xã nhân dân Trung Quốc có phần phổ biến và sâu sắc hơn ở vùng nội địa, vì ở đây có những đồng bào ở Trung Quốc chạy sang nói xấu công xã nhân dân. Nhưng cũng ở đây lại có nhiều người thường qua thăm hỏi bà con bên Trung Quốc nên cũng biết ít nhiều về công xã nhân dân Trung Quốc. Vì vậy một mặt ta cần đặc biệt chú ý giải thích cho quần chúng rõ về công xã nhân dân Trung Quốc, một mặt sử dụng ngay những quần chúng tốt đã qua Trung Quốc để đi giải thích về công xã nhân dân, thì kết quả càng tốt. Có thể giao thiệp trước với bên bạn, tổ chức tham quan tự động giữa quần chúng bên này với bên kia, hướng dẫn cho một số người tốt tới thăm những nơi phong

trào tốt của Trung Quốc để họ được tai nghe mắt thấy những sự việc tốt về kể lại cho quần chúng.

Các dân tộc cũng có những đặc điểm riêng. Ở vùng dân tộc Mèo do trình độ phân hóa giai cấp đã rõ rệt và cao, do đa số nông dân Mèo là bản cố và trung nông sống cuộc sống rất cơ cực, hằng ngày phải chiến đấu gian khổ với thiên nhiên và bị giai cấp bóc lột đẽo gọt thậm tệ nên quần chúng ở đây thường tiếp thu chính sách rất nhanh và có tinh thần đấu tranh rất kiên quyết. Giáo dục phát động tư tưởng phải đặc biệt đi đôi với giáo dục chính sách, nếu không dễ sinh ra những hành động tả khuynh, tố đầu lung tung. Ngược lại ở vùng dân tộc Mán vì tình hình giai cấp phân hóa ở trình độ thấp hơn, người Mán lại sống lẻ tẻ, ở xen kẽ với nhiều dân tộc khác nên lúc đầu ý thức giai cấp khó phát động, ý thức dân tộc thường khá sâu sắc thậm chí cản trở tới việc giáo dục phát động ý thức giai cấp. Phát động ở vùng này phải hết sức kiên nhẫn tránh nóng vội, tránh tư tưởng hoài nghi cho rằng quần chúng thiếu tinh thần đấu tranh.

Muốn gọi khổ có kết quả cần phải nắm được các hình thức bóc lột cụ thể của từng vùng, từng địa phương, từng dân tộc, ví dụ ở Lào Cai nếu nói nhiều về khổ sở do bóc lột tô thì quần chúng sẽ khó hiểu vì một số khá đông địa chủ không bóc lột tô, nhưng nếu chú ý gọi những nỗi khổ về bóc lột nhân công, nộp lễ vật, bị đánh mắng, bị chiếm đất, v.v. thì quần chúng dễ nhận thức và tư tưởng dễ phát động.

Nhìn chung các dân tộc thường nặng đầu óc gia tộc. Tầng lớp trên thường lợi dụng đầu óc gia tộc, dòng họ, thần quyền, tập quán của từng dân tộc để lôi kéo quần chúng, cho nên trong công tác phát động phải đặc biệt giải quyết những vấn đề này thì việc phát động mới tốt.

Trong phát động, một mặt phải đi từ trong cán bộ cốt cán trở ra tới quần chúng, một mặt phải đặc biệt chú ý tới công tác ổn định cho quần chúng, nhất là những người có dính dáng bóc lột. Đối với

vùng Mèo phải đặc biệt chú ý giáo dục chống nạn tự sát. Kinh nghiệm ở Lào Cai trong hai đợt đầu, công tác giáo dục vấn đề chống tự sát chưa được tốt, nên đã xảy ra nhiều vụ trong một lúc, nhưng tới đợt 3 tỉnh đặc biệt chú ý lấy một vài việc trong những đợt trước mang giáo dục phân tích trong quần chúng, do đó đã hạn chế được các vụ tự tử, tự sát kể cả những vụ tự sát về tình ái, về cãi nhau trong gia đình... Trong ba đợt phát động Lào Cai đã để xảy ra 4 vụ tự sát vì bị tố cáo rồi hoang mang và sĩ diện cá nhân mà tự tử, một vụ vốn là phỉ cũ bị bức trộm súng mà tự tử, còn một vụ ngờ bị địch kích động mà tự tử.

b) Về vạch thành phần giai cấp

Cần quan niệm rõ vạch thành phần giai cấp, lên phương án địa chủ là tiếp tục phát động tư tưởng quần chúng, vạch ranh giới địa chủ với nông dân lao động, phân biệt rõ bạn thù. Nếu chỉ chú ý lên phương án, không nhận rõ khi vạch thành phần phải nâng cao hơn nữa việc giáo dục phát động tư tưởng quần chúng thì công tác lên phương án sẽ kém kết quả và có khi bị kéo dài. Kinh nghiệm cho biết rằng những nơi nào công tác phát động tư tưởng yếu thì khi vạch thành phần gặp rất nhiều khó khăn.

Trong khi vạch thành phần cần tránh mấy thiên hướng sai lầm do công tác thiếu sâu sát gây nên:

- Cho rằng người Mèo sống lam lũ nên ai nấy đều có lao động. Thực tế nếu giáo dục sâu thế nào là lao động chính, lao động phụ, quần chúng sẽ chỉ rõ trong người Mèo vẫn có những người, những gia đình không lao động.

- Chỉ căn cứ vào tội ác chính trị để quy thành phần không nhận rõ muốn quy thành phần trước hết phải dựa vào tình hình chiếm hữu tư liệu sản xuất và bóc lột hoặc bị bóc lột. Do ở Lào Cai có một số chức dịch làm tay sai của đế quốc và là đầu sỏ phỉ có nhiều tội ác về chính trị, nên khi phát động quần chúng rất căm ghét, muốn quy lên địa chủ mặc dù bản thân hoặc gia đình họ có lao động và bóc lột chưa đủ tiêu chuẩn địa chủ. Gặp trường hợp

này lãnh đạo phải hết sức kiên nhẫn phát động tư tưởng quần chúng đi đôi với giáo dục chính sách tránh quy bừa hoặc có khi lại coi thường hành động phá hoại hiện hành của chúng không tiến hành xử lý.

- Ở vùng Mèo và Mán thường có một số người biết làm nghề lò rèn, nhưng khi làm một lưỡi cày hoặc đánh một con dao thường lấy công rất cao. Có khi họ không lấy tiền mà bắt đổi một công làm dao bằng mấy công lao động nông nghiệp. Trong số người này có một số có nhiều ruộng bóc lột nhiều, nhưng cũng có một số có thuê mướn nhân công nhưng không nhiều lắm vì ít ruộng. Trong các trường hợp trên khi quy định thành phần chúng tôi đặc biệt chú ý bảo hộ các nghề làm lò rèn ở vùng cao, nên không tính công đổi làm dao với công lao động nông nghiệp đổi bù lại cho người thợ là công bóc lột, đã cho trừ số công này trong toàn bộ số công bóc lột của một số hộ có biết làm nghề lò rèn. Nếu sau khi trừ họ vẫn đủ tiêu chuẩn là phú nông thì vẫn quy là phú nông.

- Khi lên phương án địa chủ còn thường gặp khó khăn về quy định lao động chính và lao động phụ ở một địa phương. Qua điều tra các vùng cao, một năm một lao động chính thường làm khoảng trên dưới 120 công, nhưng rẻo thấp có nơi nam giới chỉ làm khoảng 100, phụ nữ 90 ngày công cũng phải tính là có lao động chính. Ở vùng cao bình thường một công lao động thường làm được từ 25 đến 30 cân giống là cùng, nhưng ở vùng thấp thì có thể làm tới 40 cân.

(...)

- Về mo then và thầy cúng, chúng tôi thấy có khó khăn là trong một số trường hợp những người mo then có đủ tiêu chuẩn là địa chủ ta không quy nên quần chúng rất thắc mắc, nhưng sau khi quy thì quần chúng lại tiếp tục mời họ đi cúng như trước.

c) Về xử lý tài sản

- Trong việc xử lý tài sản thuộc đợt 2 và 3 làm tương đối tốt vì đã rút kinh nghiệm của đợt 1, nhưng trong đợt 1 đã xảy ra việc một vài nơi lấy nhà mặc dù không phải là nhà thừa của địa

chủ, hoặc lấy cả gà vịt của địa chủ. Cũng có nơi còn dùng những hình thức như ở phát động cải cách miền xuôi, cũng động viên quần chúng mang kèn trống đi lấy ruộng và lấy quả thực của địa chủ. Tuy làm như vậy quần chúng lúc đó cũng có phần khởi, nhưng chúng tôi cho rằng không thích hợp với phương châm nhẹ nhàng, đơn giản nên đã phê phán phương pháp này và không cho làm nữa.

Trong việc xử lý tài sản của địa chủ, chúng tôi đặc biệt chú ý tới các dân tộc nhỏ sống xen kẽ trong một vùng có nhiều ruộng đất. Các huyện đều có chia cho nông dân các dân tộc nhỏ sống xen kẽ một số ruộng và quả thực làm cho giữa các dân tộc thông cảm với nhau, đoàn kết với nhau chặt chẽ hơn, cuối cùng trong việc xử lý tài sản của địa chủ phải đặc biệt chú ý giáo dục ý thức bản cố trung nông một nhà để tránh tình trạng xảy ra thắc mắc giữa nông dân với nhau, sau khi chia quả thực, phải đề phòng một số cán bộ đã để quả thực lại để dùng trong khu vực hoặc trong huyện hoặc khi chia chỉ chú trọng tới cốt cán, không dựa trên cơ sở thực tế địa phương ai thiếu cần chia. Hiện nay ở huyện Bát Xát, Sa Pa đều lẻ tẻ có những sai lầm trên. Sau khi chia quả thực và ruộng đất cho nông dân cần đặc biệt chú ý giúp đỡ nông dân nghèo phương tiện bảo đảm sản xuất. Điều này một số địa phương đã coi nhẹ nên có những nơi chia ruộng cho nông dân Mán, nông dân Mán lại bỏ không làm hoặc chia ruộng nhưng thiếu chú ý về vật chất nên ruộng bị bỏ hoang. Ở vùng Bắc Hà do giữa Mèo và Xạ [Phang] có mâu thuẫn sâu sắc từ trước nên đã xảy ra tình hình một số người Xạ không dám nhận ruộng chia của địa chủ Mèo.

d) Bồi dưỡng cán bộ xã

Thực tế của ba đợt phát động đã chứng minh rằng có thể dựa vào chính huấn cán bộ xã và cốt cán xã một cách rộng rãi để đào tạo lực lượng nòng cốt của cuộc phát động mặc dầu trong tổ chức xã trước cuộc phát động vẫn còn một số phú nông địa chủ trà trộn vào.

Trong các lớp học chỉnh huấn, chúng tôi chủ trương cho tất cả các cán bộ đầu ngành ở xã và một số cốt cán do huyện hoặc tổ công tác cùng học tập chỉnh huấn. Đối với những cán bộ có bóc lột nếu là trung nông trên thì vẫn cho đi học. Nếu là phú nông hoặc địa chủ mà xét không có tội ác lớn thì cũng vẫn cho đi học, nhưng khi học tập chú ý bố trí thành tổ riêng có xen lẫn một số cốt cán cứng để lãnh đạo theo dõi. Đối với loại cán bộ quá xấu, có nghi vấn chính trị thì không cho đi. Kinh nghiệm thực tế thấy rằng nhờ học tập chỉnh huấn nên đã tranh thủ giáo dục được cả số cán bộ có dính dáng bóc lột, ổn định kịp thời tư tưởng của họ, tạo thêm thuận lợi cho cuộc phát động, nhưng vẫn cần đề phòng họ khống chế anh em cán bộ thuộc thành phần bản cổ trung nông ngay trong lớp chỉnh huấn. Nay xác nhận chủ trương trên là đúng.

Sau chỉnh huấn cần mạnh bạo kiện toàn tổ chức. Đối với những phần tử chắc chắn là địa chủ hoặc có vấn đề chính trị bên trong thì cần kiên quyết thanh thải. Đối với loại khác có thể đợi sau bước 2 mới xử lý nhưng phải bố trí công tác cho thích hợp.

Kinh nghiệm một số nơi ở Lào Cai thấy rằng sau khi đã vạch thành phần không nên để địa chủ và phú nông trong chính quyền mặc dù họ chưa tỏ thái độ chống đối vì thực tế trong vụ Mường Khương vừa qua đa số con cái địa chủ phú nông câu kết với địch mưu lật đổ chính quyền ở Mường Khương. Mặt khác, sau phát động quần chúng đã giác ngộ giai cấp, nên nếu họ còn ở trong chính quyền cũng không còn tác dụng nữa. Ngay đối với số con cái phú nông địa chủ hiện là giáo viên bình dân học vụ hoặc ở y tế xã cũng cần có kế hoạch thay dần tránh tình trạng như một số nơi vẫn để họ làm giáo viên hoặc y tế xã nhưng không có kế hoạch thay thế họ dần dần. Tất nhiên trong hoàn cảnh địa phương chưa có người biết chữ, nên con cái địa chủ phú nông tương đối tốt vẫn có thể sử dụng họ làm giáo viên, nhưng khi dùng phải đặc biệt chú ý giáo dục tư tưởng cho họ, đồng thời vẫn cần phải có kế hoạch đào tạo người khác để có thể thay thế họ nếu cần.

e) Phát triển đảng viên mới

Do nhận thức đúng đắn công tác phát triển đảng viên mới, nên trong thời gian vừa qua các tổ công tác đều coi trọng việc bồi dưỡng cốt cán, huấn luyện đối tượng để phát triển Đảng. Những đối tượng được phát triển hầu hết do huyện đã theo dõi từ trước, giới thiệu lại rồi tổ công tác bồi dưỡng và thẩm tra trong quá trình phát động sau mới kết nạp. Tuy nhiên trong công tác phát triển Đảng vẫn có khuyết điểm là một số nơi đã xem thường phụ nữ và thanh niên. Một số nơi lại coi thường vấn đề điều tra lý lịch nên trong hơn 300 đảng viên phát triển qua ba đợt đã phát hiện trên 10 người lịch sử không rõ ràng, thiếu điều kiện kết nạp và 20% đã theo phỉ trước. Hiện nay chúng tôi cho rằng đối với hoàn cảnh Lào Cai những người bị bắt buộc theo phỉ hoặc đã vì lầm lẫn nhất thời có cảm sủng theo phỉ, sau khi thẩm tra rõ ràng nếu biểu hiện thực tốt qua nhiều cuộc thử thách, vẫn có thể kết nạp được. Nhưng đối với loại phỉ chuyên nghiệp, loại đã từng tham gia chỉ huy, loại ở Trung Quốc sang sau năm 1950 thì phải hết sức thận trọng và nói chung chưa nên kết nạp ngay trong lúc đầu.

g) Về xây dựng hợp tác xã

Công tác xây dựng hợp tác xã trong thời kỳ vừa qua có nhiều thành tích nhưng hiện nay trong cán bộ đi làm một số đồng chí vẫn cho rằng không cần có điều kiện bình công chấm điểm, cứ xây dựng hợp tác xã được miễn là có cốt cán tốt lãnh đạo. Tỉnh ủy Lào Cai không đồng ý với nhận định này nhưng trong thực tế thì có một số hợp tác xã mới bình công chấm điểm một hai tuần sau khi xây dựng vẫn tốt.

Trong công tác xây dựng hợp tác xã, nhìn chung các địa phương đều làm tích cực và có thận trọng, nhưng cũng có một số hiện tượng thiếu thận trọng là chú ý nhiều về số lượng. Công tác hợp tác xã có nơi lại nặng về xây dựng nhẹ về củng cố, nhất là nhẹ về mặt đẩy mạnh sản xuất trong hợp tác xã.

h) Về lãnh đạo

Nhìn chung các xã phát động ở Lào Cai đều thuộc về loại 3. Nhưng cũng có một số vùng thuộc xã loại 4. Đối với xã loại này qua công tác củng cố hồi cuối năm 1959, nhất là qua thắng lợi của công tác trấn phản và tiêu phỉ từ sau Hội nghị đại biểu Đảng bộ Lào Cai nên tới khi phát động đã chuyển thành loại 3.

Trong quá trình phát động chúng tôi thấy rằng tỉnh chủ trương chia cuộc phát động thành ba đợt làm gọn từng vùng là đúng. Lúc đầu lãnh đạo của tỉnh rất tập trung và khi huyện đã có kinh nghiệm thì kịp thời giao trách nhiệm cho huyện (...). Với hoàn cảnh Lào Cai, việc tổ chức các tổ công tác xuống xã là rất cần thiết. Số lượng của các tổ công tác tùy theo tình hình cụ thể từng xã có thể từ 3 tới 5 đồng chí là vừa phải. Nếu đông quá có thể xảy ra tình hình bao biện nghiêm trọng đối với cán bộ dân tộc, không sử dụng hết năng lực của cán bộ dân tộc xã; nhưng nếu ít quá cũng không được vì tình hình tổ chức xã ở Lào Cai yếu, công tác hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ vừa phức tạp vừa khẩn trương đòi hỏi có sự giúp đỡ và lãnh đạo thật chặt chẽ. Về danh từ gọi số cán bộ xuống xã là tổ hoặc đội công tác chúng tôi thấy không phải là lý do chính khiến cho công tác phát động tốt hay không tốt. Thực tế tỉnh chủ trương gọi là tổ công tác nhưng có nhiều nơi nhân dân lại cứ gọi là đội công tác phát động. Điều quan trọng là quy định rõ nhiệm vụ quyền hạn của tổ công tác và đặt tổ công tác dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy huyện, không thể giao cho tổ công tác những quyền hạn quá rộng rãi như ở cải cách ruộng đất cũ là được.

Trong công tác lãnh đạo phát động, phải đặc biệt chú ý đến tổ chức bộ phận kiểm tra, phải có một số cán bộ công an và tòa án giúp việc để việc xét xử cho kịp thời. Trong thời kỳ vừa qua công tác kiểm tra và xét xử các vụ án của tỉnh có bị chậm trễ, chính vì thiếu chú ý dành số cán bộ thích đáng làm công việc này. Do đó sau đợt phát động việc đánh giá kết quả chưa thực cụ thể lắm mặc dầu huyện có tiến hành kiểm tra và chỉ đạo tương đối chặt.

Phần thứ tư

PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG TÁC MỚI

Để tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ đưa nông thôn Lào Cai vào con đường hợp tác hóa, để giải quyết nốt những vấn đề tồn tại, đẩy mạnh các mặt công tác ở xã tiến lên một bước nữa, Tỉnh ủy Lào Cai hiện nay đang tổ chức kiểm tra tình hình mọi mặt ở một số xã đã phát động trong các đợt. Sau khi kiểm tra và đánh giá tình hình cụ thể sẽ tiến hành một đợt vận động quần chúng mới nhằm bốn yêu cầu:

- 1- Hoàn thành căn bản hợp tác hóa nông nghiệp tại Lào Cai.
- 2- Đẩy mạnh sản xuất và đẩy mạnh công tác văn hóa.
- 3- Kiểm tra củng cố và xây dựng phát triển các tổ chức xã, bảo đảm tự động lãnh đạo địa phương.
- 4- Tiếp tục trấn áp những phần tử phản cách mạng.

Hết tháng 7-1960 sẽ hoàn thành công tác thẩm tra một số xã, tháng 8-1960 tỉnh bắt đầu chỉ đạo riêng rút kinh nghiệm, tháng 9-1960 các huyện tiến hành chỉ đạo. Tháng 10, 11, 12-1960, tháng 1 và tháng 2-1961 liên tục tiến hành các đợt vận động mới do huyện trực tiếp lãnh đạo.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
QUYỀN BÍ THƯ
HOÀNG QUY**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH TỈNH LÀO CAI

Số 01-BC/TU, ngày 23-1-1961

**Về tổng kết công tác từ Hội nghị toàn Đảng bộ
tháng 3-1959, tới hết năm 1960 của Ban Chấp hành
Đảng bộ tỉnh tại Hội nghị tỉnh lần thứ III (kỳ thứ 2)**

Thưa các đồng chí!

Từ Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ tháng 3-1959 tới nay đã gần hai năm.

Trong thời gian qua tỉnh ta đã tiến hành nhiều đợt vận động quần chúng rộng lớn và nhiều công tác đột xuất quan trọng.

Ngay sau Hội nghị Đại biểu toàn Đảng bộ, một mặt chúng ta tiếp tục nỗ lực phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu của kế hoạch năm 1959, một mặt chúng ta bắt tay vào việc chuẩn bị thí điểm hợp tác hóa kết hợp với hoàn thành cải cách dân chủ, thí điểm cải tạo tiểu thương và tiểu thủ công, chuẩn bị phát động cán bộ, công nhân, viên chức tham gia quản lý các xí nghiệp, công trường quốc doanh. Đồng thời cũng lúc này, chúng ta tiếp tục đẩy mạnh việc thu hồi phi, phá tan âm mưu gây rối loạn ở các vùng Y Tý, Mường Hum, Sa Pa; và theo chỉ thị của Trung ương, chúng ta tiến hành thí điểm điều tra dân số trong phạm vi 10.000 nhân khẩu ở ba vùng: thấp, lưng chừng và rẻo cao.

Tới những tháng cuối năm 1959, chúng ta vừa chỉnh huấn cán bộ, vừa tổ chức lực lượng bảo đảm hoàn thành kế hoạch nhà nước

năm 1959, bảo đảm mở rộng đợt 1, đợt 2 hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, mở rộng cải tạo tiểu thương, tiểu thủ công, cải tạo tư sản ở thị xã và một số thị trấn, mở rộng cuộc phát động cán bộ, công nhân, viên chức cải tiến quản lý xí nghiệp ở 8 đơn vị, đồng thời tiếp tục củng cố rẻo cao, các vùng hẻo lánh. Về mặt tổ chức, chúng ta đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, trước hết là đợt phát triển Đảng "6-1" đẩy mạnh việc đào tạo giáo dục cán bộ, chấn chỉnh và kiện toàn các tổ chức sẵn có và mở rộng thêm những tổ chức mới.

Sang năm 1960, công tác càng dồn dập: Kết thúc đợt 2 và mở rộng đợt 3 hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, rồi tiếp theo lại mở đợt vận động hợp tác hóa mùa thu, đi đôi với mở rộng công tác cải tạo tề nguỵ, phỉ cũ; tiếp tục và hoàn thành công tác cải tạo tiểu thương, thủ công ở các thị trường lẻ; tổng kết công tác phát động cán bộ, công nhân, viên chức tham gia quản lý xí nghiệp và mở các đợt vận động thi đua "tiên tiến" ở các công trường, xí nghiệp quốc doanh; điều tra dân số, bầu cử hội đồng nhân dân xã, bầu cử Quốc hội, bầu cử hội đồng nhân dân tỉnh, tiến hành Đại hội Đảng các cấp. Việc phấn đấu thực hiện kế hoạch năm 1960 và công tác "ba thu" năm 1960 cũng đòi hỏi những nỗ lực mới hơn, vì thiên nhiên gây nhiều trở ngại và những chỉ tiêu năm 1960 so với các năm trước đều cao hơn. Ngoài ra, chúng ta phải tiến hành những công tác khác không kém phần quan trọng như công tác nghĩa vụ quân sự, huấn luyện dân quân, đối phó với các vụ gây rối loạn ở Mường Khương, Pha Long, chỉnh huấn một số cán bộ, nhân viên còn lại, giáo dục bồi dưỡng cho số đảng viên đợt "6-1" đào tạo cán bộ cho các tổ chức mới xây dựng và củng cố.

Tóm lại từ Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ tháng 3-1959 tới nay, công tác nhiều lúc rất khẩn trương, chồng chéo lên nhau.

Nhưng dưới ánh sáng của nghị quyết Trung ương lần thứ 14, 16 và nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ, với sự nỗ lực của

toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân các dân tộc, các mặt công tác trong tỉnh đều đạt nhiều thành tích to lớn.

Sau đây xin dựa theo trình tự của nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ, lần lượt kiểm điểm từng mặt công tác.

I. PHÁT ĐỘNG QUẦN CHÚNG TIẾN HÀNH HỢP TÁC HÓA NÔNG NGHIỆP KẾT HỢP HOÀN THÀNH CẢI CÁCH DÂN CHỦ VÀ CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐỐI VỚI THÀNH PHẦN KINH TẾ TƯ DOANH Ở CÁC THỊ XÃ, THỊ TRẤN

Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ tháng 3-1959 coi nhiệm vụ "hoàn thành cải cách dân chủ, đẩy mạnh cải cách xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và hoàn thành cải cách xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư doanh ở các thị xã, thị trấn là trọng tâm trước mắt của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở tỉnh Lào Cai trong những năm 1959 - 1960".

Đồng thời Hội nghị đã phê phán nghiêm khắc quan điểm mơ hồ, cho rằng "miền núi giai cấp chưa phân hóa" lúc đó khá phổ biến và trầm trọng trong Đảng bộ chúng ta.

a) Về mặt cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp:

Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ cho rằng mâu thuẫn trong nông thôn Lào Cai một mặt là mâu thuẫn giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Một mặt còn tồn tại mâu thuẫn giữa nông dân lao động và tàn dư của thế lực phong kiến.

Lúc này, do công tác điều tra nghiên cứu tình hình cơ sở xã hội chưa đầy đủ, sâu sắc, do chưa thấy hết những ảnh hưởng của cải cách ruộng đất và hợp tác hóa ở miền xuôi lên và ở Trung Quốc sang, nhất là do chưa đánh giá được hết tác dụng lớn lao của việc chấp hành các chính sách có tính chất cải cách dân chủ của Đảng từ ngày Lào Cai giải phóng và chưa lường hết được những chuyển biến lớn lao trong tư tưởng quần chúng một khi đã được giáo dục đường lối tiến lên chủ nghĩa xã hội của Đảng, nên Hội nghị toàn

Đảng bộ đã đánh giá thấp yêu cầu xây dựng hợp tác xã nông nghiệp. Hội nghị cho rằng "trong năm 1959 nhiệm vụ trung tâm là tiến hành cải cách dân chủ, ra sức củng cố và phát triển tổ đổi công và bước đầu xây dựng hợp tác xã nông nghiệp".

Khi Trung ương ra Nghị quyết 16, Tỉnh ủy đã kiểm tra lại nhận thức của mình, thảo luận và đi tới nhất trí là ngay từ năm 1959 đã phải coi nhiệm vụ hợp tác hóa nông nghiệp là chính, hoàn thành cải cách dân chủ là kết hợp mặc dầu Tỉnh ủy vẫn xác định rõ nội dung cải cách dân chủ ở Lào Cai còn tương đối nhiều.

Để có thực tế xác minh một lần nữa nhận thức mới của mình, chúng ta đã thí điểm vận động quần chúng hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở Cam Đường và Tân Tiến và sau Hội nghị phổ biến Chỉ thị 156 của Trung ương, toàn Đảng bộ chúng ta nhất trí hơn về nhiệm vụ, phương châm và phương pháp tiến hành cuộc vận động, nhất là sau đợt 1, chúng ta xác định đầy đủ hơn nữa về yêu cầu hợp tác hóa và nội dung còn lại của cải cách dân chủ ở các vùng, các dân tộc khác nhau trong tỉnh. Những ý kiến cho rằng quần chúng chưa yêu cầu xây dựng hợp tác xã, hoặc máy móc cho rằng cứ tiến hành hợp tác hóa trước rồi sau mới phân định thành phần giai cấp đều được giải quyết.

Tới nay, chúng ta có thể kết luận là trong 2 năm qua, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở tỉnh ta phát triển với tốc độ rất nhanh. Tháng 1-1959 mới có 1 hợp tác xã với 21 hộ, đến cuối năm có 96 hợp tác xã gồm 1.978 hộ với tỷ lệ 13,2% số hộ nông dân trong tỉnh; và tới ngày 15-1-1961 số hợp tác xã lên tới 550 cái gồm 11.532 hộ với tỷ lệ 72,95% số hộ toàn tỉnh (trong đó có 13 hợp tác xã cấp cao chiếm 2,4% số nông hộ tham gia hợp tác xã).

Nếu so sánh với mức dự kiến trong nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ là: Hết năm 1959 toàn tỉnh phải có 22 hợp tác xã thì số hợp tác xã đã xây dựng được trong năm 1959 gấp trên bốn lần. Hoặc nếu so sánh mức dự kiến của tỉnh báo cáo lên Trung ương về quy hoạch 2 năm 1959-1960 là 120 hợp tác xã cho năm 1960, thì

tổng số hợp tác xã được xây dựng tính tới tháng 12-1960 tăng gấp bốn lần rưỡi.

Về xây dựng tổ đổi công, năm 1958 toàn tỉnh có 1.067 tổ với 8.420 hộ, tức 51,2% tổng số hộ lao động toàn tỉnh, trong đó có 22 tổ bình công chấm điểm. Tới cuối năm 1959, toàn tỉnh đã có 570 tổ bình công chấm điểm với 4.325 hộ, như vậy so với mức Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ quy định đưa 47% số hộ lên bình công chấm điểm, tức khoảng 4.370 hộ thì chúng ta vẫn vượt, vì quá trình xây dựng hợp tác xã đã thu hút một số khá lớn tổ đổi công có bình công chấm điểm vào hợp tác xã.

Sang năm 1960, sau khi kết thúc đợt 3 phát động quần chúng hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, số tổ đổi công có 1.249 tổ với 10.530 hộ, đạt tỷ lệ 93,46%; trong đó có 910 tổ bình công chấm điểm gồm 8.098 hộ, tỷ lệ 71,8%.

Về mặt kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, toàn tỉnh đã quy 289 địa chủ, trong đó có 15 địa chủ kháng chiến và 54 cường hào gian ác, 209 phú nông; đã tịch thu, trưng thu, trưng mua và nhận hiến 290 ha 5 ruộng và 95 ha 30 đất (gấp 3 số ruộng đất lấy của bọn địa chủ Việt gian chia cho nông dân trong suốt 4 năm 1951 - 1954). Ngoài ra còn tịch thu, trưng thu, trưng mua 630 trâu, 172 bò, 256 ngựa, cùng một số nông cụ, nhà cửa, lương thực...

Các đợt phát động quần chúng tiến hành hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ trong 2 năm qua là những đợt giáo dục lập trường giai cấp và xã hội chủ nghĩa sâu rộng nhất từ trước tới nay cho cán bộ và quần chúng các dân tộc trong tỉnh. Qua phát động, ranh giới giữa nông dân và địa chủ, giữa lao động và bóc lột, giữa ta, bạn và địch, được phân định rõ ràng. Đồng thời những tàn tích của chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất và những đặc quyền đặc lợi của phong kiến còn sót lại đã bị xóa bỏ. Một số nơi đã phát hiện được tổ chức của bọn phản động phá hoại hiện hành và một số tên biệt kích ở Lào về từ 1958 mà ta không biết, hoặc giúp ta kết luận được một số vụ án mạng, phá hoại xảy ra từ năm 1952

nhưng ta chưa kết luận được. Qua phát động một số nơi đã dàn xếp tốt những xích mích dân tộc còn lại; có nơi đã vận động đồng bào rẻo thấp nhường ruộng và quả thực lấy của địa chủ cho đồng bào rẻo cao thiếu ruộng, tạo thêm thuận lợi cho việc vận động định canh, định cư đối với một số vùng dân tộc còn du canh dịch cư. Trước thời gian phát động công tác tuyên truyền thời sự thường làm thiếu rộng rãi, việc giáo dục về hai con đường phát triển của nông thôn cũng rất yếu. Trong nhân dân nhiều vùng còn có tư tưởng sợ Pháp, sợ phỉ, lo ngại về các biến cố ở Lào, nhất là về hợp tác xã và công xã nhân dân Trung Quốc. Tối nay tại các xã đã phát động, nhất là những xã qua hai đợt giáo dục hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ; hợp tác hóa kết hợp cải cách tệ nạn, phỉ cũ chưa chịu cải tạo, thì những luận điệu xuyên tạc, vu khống về thời sự, về hợp tác xã, về công xã nhân dân đều được vạch trần; những tin tức về thời sự gần đây được giải thích rộng khắp, những hành động phá hoại xuyên tạc và những phần tử xấu bị phân tích phê phán, đấu tranh nghiêm khắc; quần chúng các dân tộc thấy rõ hơn lực lượng hùng mạnh và đường lối đấu tranh chính nghĩa của phe xã hội chủ nghĩa, thấy rõ sự tiến bộ vượt mức của Tổ quốc và của tỉnh Lào Cai từ ngày giải phóng tới nay, thấy rõ hơn nữa đường lối làm ăn tập thể. Trên cơ sở đó, quần chúng các dân tộc củng cố thêm một bước lòng tin của họ đối với chế độ, đối với chủ nghĩa xã hội, đối với Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch.

Các đợt phát động quần chúng còn giúp chúng ta thấy đầy đủ và toàn diện sự phân hóa giai cấp ở các vùng dân tộc khác nhau trong tỉnh. Thực tế chứng minh, không phải chỉ ở vùng thấp có địa chủ mà vùng cao cũng có địa chủ, không phải trong dân tộc Thổ, Nhắng có địa chủ mà các dân tộc Mèo, Mán; U Ní, v.v. đều có địa chủ, tuy về hình thức bóc lột thì ở vùng trũng từng dân tộc có những đặc điểm khác nhau. Thực tế còn chứng minh rằng thường thường ở những vùng chế độ tư hữu ruộng đất đã rõ rệt thì giai cấp phân hóa cũng rõ rệt, ngược lại ở những vùng du canh, dịch cư,

giai cấp thường phân hóa chưa rõ, nhưng ở đây cũng bắt đầu có những hình thức như bóc lột công, chiếm hữu rừng, v.v.. Các đợt phát động vừa qua còn bóc trần sự cấu kết giữa giai cấp phong kiến ở Lào Cai và bọn đế quốc xâm lược. Hầu hết những tên địa chủ lớn, gian ác đều là những tên chỉ huy phỉ tích cực và hiện nay vẫn là những tên chống phá chính sách, phản tuyên truyền xã hội chủ nghĩa rất xảo quyệt. Thực tế còn chỉ rõ là những nơi phong trào mấy năm nay gặp nhiều khó khăn trở ngại, cơ sở không củng cố và tiến lên được, thường là những nơi nội dung cải cách còn nhiều, thậm chí có nơi giai cấp địa chủ hầu như còn nguyên vẹn, có tên mới năm ngoái, năm kia còn tước đoạt ruộng đất của nông dân.

Nhìn chung phong trào nông thôn toàn tỉnh, qua hai năm cải tạo xã hội chủ nghĩa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ đã có những chuyển biến hết sức mạnh mẽ và to lớn.

Các hợp tác xã tuy bước đầu còn mới mẻ, quản lý còn bở ngỡ, thậm chí một số khá đông hợp tác xã không có kế toán phải dùng thẻ điểm để ghi công, nhưng nói chung vẫn thể hiện được tính chất hơn hẳn so với lối làm ăn cá thể, nhất là trong các công tác thủy lợi, cày sâu, cấy dày, bón phân, v.v.. Một số hợp tác xã còn biết chú ý tới các công tác văn hóa, vệ sinh như làm trường học, lập tủ thuốc, 7 ngày làm vệ sinh "sạch làng tốt ruộng" một lần, v.v..

- Trong hai vụ thu hoạch chiêm và mùa vừa qua, nhiều hợp tác xã đã đạt năng suất và thu hoạch rất cao, như vụ chiêm vừa qua của hợp tác xã Trung Đô đạt 36 tạ/bình quân, hợp tác xã Cốc Tằm bình quân 40 tạ, hợp tác xã Lang Quang 28 tạ 46 một công mẫu, trong khi sản lượng bình quân một công mẫu của tỉnh là 23 tạ 11. Hoặc như trong vụ mùa, nhiều hợp tác xã đã đạt từ 30 tạ tới 36 tạ một ha so với sản lượng bình quân 26 tạ 19 của toàn tỉnh. Có hợp tác xã như Sả Thèn Phàng đã tăng 44% về sản lượng trong năm 1959, hoặc hợp tác xã Làng Dạ tăng 12% sản lượng trong năm 1959. Nhờ vậy giá một ngày công lao động phổ biến trong các hợp tác xã trong vụ chiêm đạt từ 5 kg tới 8 kg, có nơi lên tới 10 kg,

12 kg, 13 kg. Số ngày công lao động bình quân của một lao động trong năm có nhiều hợp tác xã cũng tăng như Sả Thèn Phàng bình quân 180 công, hợp tác xã Làng Dạ 130 công trong năm 1959. Hợp tác xã Làng Dạ (Bản Lầu) 138 ngày công trong năm 1960. Một số hợp tác xã đã bước đầu mở rộng kinh doanh và mạnh bạo tiến lên khoán việc.

Tuy nhiên phong trào hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ trong năm qua cũng có những lệch lạc.

Trước hết, các địa phương thường buông lỏng việc củng cố các tổ đổi công bình công chấm điểm sau khi đã xây dựng. Vì vậy trong đợt phát triển cuối năm 1959 có một số hợp tác xã đã xây dựng trên cơ sở tổ đổi công, mới bình công chấm điểm một vài tuần lễ. Hoặc như trong đợt mùa thu năm nay tuy phong trào đổi công trước đó có được thúc đẩy phát triển mạnh mẽ, nhưng tới cuối vụ, khi bắt tay vào xây dựng hợp tác xã thì một số khá lớn tổ bình công chấm điểm đã quay lại lối đổi công cũ, nên thực tế có nhiều hợp tác xã xây dựng không phải trên cơ sở tổ đổi công bình công chấm điểm. Tình hình đó ảnh hưởng không tốt đến chất lượng và công tác quản lý của hợp tác xã.

Phong trào phát triển nhanh, nhưng lãnh đạo của Tỉnh ủy chưa nhìn rõ xu hướng phát triển của hợp tác xã từ cấp thấp lên cấp cao và quy mô của nó, nên việc lãnh đạo giữa củng cố và phát triển thường thiếu toàn diện, khi được mặt này lại nhẹ mặt khác. Đầu năm 1960 phong trào đã biến chuyển nhanh nhưng Tỉnh ủy không đề cập đầy đủ việc chỉ đạo điển hình xây dựng một số hợp tác xã cấp cao, hợp tác và liên hiệp để rút kinh nghiệm chỉ đạo địa phương đưa phong trào tiến lên.

Tuy trong những tháng cuối năm 1960, công tác củng cố hợp tác xã được chú ý hơn, nhưng nhìn chung củng cố vẫn yếu không theo kịp phát triển. Vì vậy có những vấn đề cụ thể đã nghiên cứu từ lâu mà mãi tới gần đây mới được quy định rõ, như vấn đề thống nhất quản lý nông nghiệp và lâm nghiệp vào hợp tác xã ở những

vùng khả năng sản xuất lương thực và khai thác lâm sản đều lớn, có vấn đề mắc mớ tới nay vẫn chưa rút được kinh nghiệm tốt để giải quyết, như vấn đề công trâu, ngựa, chăn nuôi, v.v.. Nói chung hiện nay các cấp lãnh đạo trong tỉnh đều thiếu kinh nghiệm về củng cố hợp tác xã.

Có nhiều cán bộ xuống cơ sở biết giải thích chính sách tổ chức hợp tác xã, nhưng lại không hiểu sâu về công tác "3 quản" nên rất lúng túng trong việc giúp đỡ hợp tác xã đẩy mạnh sản xuất. Việc chỉ đạo riêng tuy được đề cập trong nhiều nghị quyết, nhưng tới nay vẫn còn chệch choạc. Đối với nhiều ngành chuyên môn ở tỉnh thì phổ biến vẫn có quan niệm đơn giản là tham gia cải tạo xã hội chủ nghĩa nông nghiệp tức là đưa một số cán bộ đi phát động quần chúng. Có những đồng chí cán bộ lãnh đạo không tìm hiểu sâu về công tác xây dựng và củng cố hợp tác xã nên không rõ trong quá trình hợp tác hóa nông nghiệp ảnh hưởng trực tiếp tới công tác trước mắt và sau này của ngành mình thế nào, và đang đòi hỏi ngành mình phục vụ những gì? Do đó có đồng chí tiến hành công tác của ngành mình hầu như tách rời công tác trung tâm của tỉnh. Thậm chí nhẽ ra cần dựa vào hợp tác xã để bảo đảm kế hoạch của ngành mình, thì lại đi dựa vào cá thể, vô tình khuyến khích xu hướng tư bản tự phát phát triển. Hoặc trong một lúc nào đó quần chúng nông dân bận sản xuất, xây dựng hợp tác xã nên công tác của ngành có một phần chậm chễ lại, thì đã vội kêu ca cho rằng hợp tác xã làm cản trở công việc của mình. Các đồng chí đó không thấy thực tế đã chứng minh rằng sau khi hợp tác xã xây dựng thì ngành mình có cơ sở tiến vọt lên. Có ngành đã lấy cả kế toán viên hoặc ủy viên ban quản trị vừa mới đào tạo đi làm công tác chuyên môn riêng của ngành, gây rất nhiều khó khăn cho hợp tác xã.

Việc chấp hành đường lối, chính sách trong quá trình vận động hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ cũng có những khuyết điểm.

Trong công tác xây dựng hợp tác xã, có nơi đã xem nhẹ quyền lợi trung nông hoặc chưa thấy hết đặc điểm và yêu cầu phát triển sản xuất nên muốn định tỷ lệ hoa lợi ruộng đất thấp, định giá thuê trâu, ngựa thật thấp. Thậm chí cá biệt có nơi muốn thuận lợi cho hợp tác xã nên tự ý đổi ruộng của người ngoài hợp tác xã, không thỉnh thị trên. Nhưng cũng có nơi lại tùy tiện không theo đúng chính sách để lại 5% ruộng đất, đã cho một số người giữ lại phần ruộng làm riêng tương đương với số ruộng nộp vào hợp tác xã. Hoặc đối với việc kết nạp một trung nông trên vào hợp tác xã, có nơi đã tiến hành kết nạp một cách tùy tiện không theo đúng nghị quyết của Tỉnh ủy. Đã thế sau khi kết nạp lại buông lỏng, không chú ý giáo dục cho họ. Có nơi còn cho trung nông có nhiều khả năng vào ban quản trị. Kinh nghiệm cho biết rằng có một số trung nông trên lúc đầu vì sợ mang tiếng bóc lột, lạc hậu nên xin vào hợp tác xã, nhưng sau khi vào rồi tự bản thân thấy thiệt thì không phấn khởi sản xuất, gây cản trở cho hợp tác xã. Thậm chí đã có trung nông trên vào hợp tác xã rồi vẫn quan hệ chặt chẽ với địa chủ, phú nông và sau một thời gian đã lôi kéo một số quần chúng nông dân khác ra hợp tác xã. Khi tỉnh phát hiện và phê phán các sai lầm trên, thì lại có đồng chí đã từ "hữu" chạy qua "tả" cho rằng quyết định kết nạp trung nông trên của tỉnh trong bất cứ trường hợp nào vẫn là sai. Các đồng chí đó không thấy rằng do đặc điểm dân tộc và cư trú ở tỉnh ta một khi đa số nông dân trong một thôn đã vào hợp tác xã và khi trung nông cũng thấy rõ làm ăn riêng lẻ không lợi mà muốn vào hợp tác xã, thì nếu không thu hút họ vào hợp tác xã tức là để họ dễ quay ra nhập cục với địa chủ, phú nông. Nhưng kết nạp trung nông trên phải đi đôi với thường xuyên giáo dục đấu tranh với các khuynh hướng sai lệch của họ, nhất là tuyệt đối không để họ giữ địa vị lãnh đạo.

Trong các đợt vận động vừa qua có những đồng chí đã hoài nghi khả năng và tinh thần cách mạng của quần chúng bản cố nông và trung nông dưới, có đồng chí đã căn cứ vào một vài hành

động lệch lạc của một vài đồng chí bản cổ nông, rồi cho rằng họ chẳng hơn gì trung nông. Có nơi đã định công trâu, ngựa rất cao làm cho bản cổ nông và trung nông dưới thiếu trâu, ngựa bị thiệt. Hoặc có nơi không chú ý giải quyết khó khăn vật chất cho anh em nên để một số bản cổ nông phải xin ra hợp tác xã để bán công lấy gạo ăn.

Nghiêm trọng nhất là có một số hợp tác xã đã đưa những phần tử biệt kích, trùm phỉ vào các cương vị lãnh đạo, rồi để số đó lợi dụng chức vụ tham ô và phá hoại hợp tác xã.

Trong công tác kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, các cấp trong tỉnh đều coi trọng việc giải quyết những tàn tích của thế lực phong kiến. Nhưng trong công tác phát động quần chúng, thường vì nắm chưa vững đường lối phương châm, chưa thấy hết quan hệ giữa các mặt trong đường lối, phương châm nên có nơi, lúc đầu thiếu chú ý phát động tư tưởng bản cổ nông và trung dưới; có nơi lại xem nhẹ đoàn kết trung nông, nơi thì muốn kiên quyết, chặt chẽ sâu sắc, nhưng lại không chú ý tới mặt nhẹ nhàng, đơn giản hoặc ngược lại. Cán bộ đi phát động lúc đầu thường cho rằng, quần chúng cơ bản không dám đấu tranh với giai cấp bóc lột, hoặc có đồng chí nghi ngờ tổ chức cũ quá phức tạp, không kiên quyết giáo dục để đưa vào sử dụng đa số người tốt trong tổ chức đó; nhưng khi quần chúng đã được phát động thì lại theo đuôi quần chúng và cốt cán xã, không giáo dục kịp thời cho cốt cán và quần chúng chấp hành đúng chính sách. Vì vậy trong đợt 1 có nơi đã lấy cả gà, vịt, nhà cửa, không thừa của địa chủ. Việc nắm tư tưởng và ổn định tư tưởng trong đợt 1 và 2 cũng có nơi làm kém, để xảy ra một số vụ tự tử, tự sát đáng tiếc. Việc giải quyết tư tưởng dòng họ, liên quan phi trong quá trình phát động có làm, nhưng yếu. Đặc biệt là có một số xã thiếu giáo dục đầy đủ tinh thần cảnh giác cho cán bộ xã đối với giai cấp bóc lột và bọn tề, ngụy, phỉ cũ chưa chịu cải tạo nên sau khi cán bộ rút đi, ở một số nơi ranh giới giữa nông dân và giai cấp bóc lột bị mờ đi, hoặc có nơi bọn chúng trở lại công khai phá hoại,

thậm chí còn mưu gây ra những vụ rối loạn, như vụ Mường Khương, Pha Long, Si Ma Cai.

Những đợt phát động sau, nhờ rút kinh nghiệm của các đợt trước nên ít sai sót hơn, tuy nhiên đứng về toàn bộ cuộc phát động thì việc tổng kết kinh nghiệm chưa tốt, việc đánh giá kết quả cụ thể ở từng xã, từng thôn có làm, nhưng chưa sâu sắc. Gần đây trong đợt hợp tác hóa mùa thu khi cán bộ trở lại xã, một số nơi không còn tài liệu về phân định giai cấp trong nông dân lao động nữa. Tất cả những điều đó đã gây một phần khó khăn cho việc củng cố và phát huy thắng lợi về sau.

Nhìn toàn bộ công tác phát động quần chúng hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ thì thắng lợi vẫn là to lớn và căn bản. Phong trào có thể khẳng định là lành mạnh, quần chúng nông dân các dân tộc vốn sẵn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, lại do bản thân đã có kinh nghiệm phải làm ăn tập thể mới chống được hoàn cảnh thiên nhiên khó khăn, nên một khi tư tưởng anh em được giải phóng, giai cấp phong kiến bị đánh đổ, giai cấp bóc lột và bị bóc lột được phân định rõ ràng thì tuyệt đại đa số đã hăng hái tham gia tổ đổi công và hợp tác xã. Đáng chú ý hơn nữa là trong nhiều trường hợp công điểm nhập nhằng vì thiếu kế toán, nhưng đa số hợp tác xã vẫn đứng vững, anh em xã viên đã châm chước cho nhau, không đến nỗi vì hơn thiệt một vài chục điểm mà sinh xích mích chia rẽ. Nhưng mặt khác phong trào hợp tác hóa tỉnh ta dù sao vẫn còn mới mẻ. Gần 2/3 hợp tác xã là hợp tác xã mới xây dựng. Ngay trong một số hợp tác xã cũ thì hầu hết mới qua thu hoạch một hoặc vài vụ, kinh nghiệm quản lý còn nghèo nàn. Cho nên trong quá trình củng cố từ nay về sau, chúng ta còn rất nhiều khó khăn.

Kinh nghiệm trong hai năm qua cho thấy rất rõ là cuộc đấu tranh giữa 2 con đường không phải chỉ xuất hiện trong quá trình xây dựng mà thường xuất hiện rất gay gắt trong quá trình sản xuất và củng cố hợp tác xã. Do người nông dân hôm qua còn quen

với lối sống cá thể, trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa của anh em mới qua 1, 2 đợt vận động, chưa phải đã thực vững vàng nên trong thời gian qua phổ biến trong các hợp tác xã, tư tưởng xã viên thường chạy theo công điểm, coi nhẹ việc công, của công, y lại vào ban quản trị, không thấy trách nhiệm xây dựng hợp tác xã là của mình. Khi gặp khó khăn, một số xã viên thường kêu ca, uể oải. Ở những nơi có điều kiện về đất và khai thác lâm thổ sản, một số tuy không ra hợp tác xã, nhưng đã dành một phần lớn sức lao động đi làm nương hoặc ruộng, hoặc đi khai thác lâm sản riêng. Trong khi đó trình độ quản lý của cán bộ xã hiện nay còn rất nhiều lúng túng vì anh em đa số vốn là bần cố nông bị áp bức lâu đời, chưa biết quản lý một tổ chức tương đối rộng lớn và phức tạp như hợp tác xã hiện nay. Một số đông hợp tác xã lại thiếu kế toán. Tuy ta đã có sáng kiến tốt dùng thẻ điểm để ghi công, nhưng điều đó cũng vẫn dễ xảy ra nhầm lẫn và càng khó cho việc phân tích sử dụng, bố trí lao động để tiến tới xây dựng quy hoạch sản xuất cho hợp tác xã toàn diện hơn và giúp cho việc đẩy mạnh khoán việc mau hơn nữa. Cho nên, thường ở những khi công việc sản xuất chưa dồn dập lắm (như thời kỳ đầu vụ đông - xuân), thì việc lãnh đạo của các ban quản trị tương đối thuận lợi, khả năng lãnh đạo hợp tác xã được phát huy tốt. Nhưng khi nhiều công việc xen vào nhau như vụ gặt chiêm, thu mầu, làm mùa ở vùng thấp thì công tác lãnh đạo của ban quản trị lộ rõ nhược điểm, ảnh hưởng tới việc sử dụng hợp lý nhân lực để làm nhanh, tốt, gọn tất cả các việc cần bảo đảm trong một thời gian nhất định. Ở một số hợp tác xã liên hiệp dân tộc còn xảy ra những suy bì, ty nạnh và va chạm về tập quán canh tác khác nhau.

Trong tình hình trên, một số khá đông đồng chí ở tỉnh ta không nhận rõ tính chất phức tạp và gay go trong quá trình cải tạo. Khi phong trào tiến mạnh có những đồng chí đã chủ quan muốn tổ chức thật nhanh, thật rộng, bất chấp cả phương châm và các điều kiện mà Trung ương đã đề ra. Nhưng khi gặp khó

khăn thấy có người ra hợp tác xã hoặc một vài hợp tác xã vỡ, hoặc có những hợp tác xã lúng túng bỏ lỡ một phần kế hoạch sản xuất, thì lại sinh bi quan cho là phong trào xây dựng quá vội, hỏng cả rồi. Trước khó khăn của hợp tác xã, có đồng chí đã quên cả mặt ưu việt của hợp tác xã, mặt thuận lợi của phong trào, không thấy rõ chính trong khó khăn trên nông dân vẫn tin tưởng ở Đảng, nhưng đang mong ta giúp đỡ để họ có thể quản lý tốt được hợp tác xã, sử dụng được nhiều ngày công lao động hơn, làm được nhiều việc, đạt được năng suất và thu hoạch cao hơn. Mặt khác, tỉnh ta là tỉnh có nhiều khả năng mở rộng diện tích trồng cây lương thực, cây công nghiệp, cây hoa quả, cây dược liệu, có nhiều khả năng về tăng vụ chăn nuôi, nghề rừng, nghề cá và mở rộng nhiều nghề thủ công cần thiết nên cũng giúp cho chúng ta dễ phát huy tính ưu việt của hợp tác xã, nếu công tác quản lý làm tốt.

Muốn phong trào hợp tác hóa của tỉnh ta tiếp tục tiến bộ, lành mạnh, chúng ta cần lấy những bài học thực tế của hai năm qua để củng cố nhận thức đối với công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở tỉnh ta. Chúng ta cần xác định đó là một cuộc cách mạng về củng cố sâu sắc, một cuộc đấu tranh giai cấp hòa bình, nhưng rất triệt để và phức tạp. Sau khi hợp tác xã đã xây dựng không phải không còn mâu thuẫn gì nữa. Trái lại bên những mâu thuẫn đã hoặc đang mất đi, lại xuất hiện những mâu thuẫn nội tại mới. Theo nhận định của Bộ Chính trị Trung ương Đảng thì mâu thuẫn nổi bật của phong trào hợp tác hóa hiện nay là:

- + Quan hệ sản xuất đã được căn bản cải tạo theo hình thức hợp tác xã bậc thấp, nhưng công tác cải tiến kỹ thuật phát triển sản xuất của hợp tác xã tiến chậm.

- + Phong trào phát triển nhanh đòi hỏi lãnh đạo phải được cải tiến và tăng cường, nhưng trình độ cán bộ các cấp nhất là chi bộ và trình độ quản lý của cán bộ hợp tác xã chưa tiến kịp.

- + Phong trào phát triển nhanh nhưng trình độ giác ngộ xã hội

chủ nghĩa của xã viên còn thấp, lòng tin ở hợp tác xã, ý thức gắn bó với hợp tác xã, coi hợp tác xã là nhà chưa được vững chắc.

Đối chiếu với phong trào tỉnh ta, cũng nổi bật lên 3 mâu thuẫn đó. Chúng ta phải bền bỉ giải quyết những mâu thuẫn ấy để liên tục đưa phong trào tiến lên. Song đặc điểm của tỉnh ta là trình độ nhân dân còn thấp kém, dân số ít lại ở phân tán thành bản, làng nhỏ xa nhau, sản xuất có tính chất tự cấp tự túc, nhưng nhân dân sẵn có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau sản xuất, và khả năng phát triển sản xuất lại có nhiều. Do đó, quy mô hợp tác xã của tỉnh ta đã phát triển toàn bản, toàn thôn, và có xu hướng lên cấp cao. Nhưng về quy mô liên hiệp thành hợp tác xã lớn, gồm nhiều thôn xóm thì lại có khuynh hướng tách thành nhỏ. Chúng ta cần nghiên cứu rõ đặc điểm ấy và cần phải quán triệt nội dung cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa bao gồm nhiều mặt: cải tạo quan hệ sản xuất, cải tiến kỹ thuật, cải tạo tư tưởng. Ba mặt đó gắn liền với nhau, thúc đẩy nhau phát triển, có như vậy chúng ta tiếp tục tạo mọi điều kiện để đưa hợp tác xã lên cao cấp và tùy theo từng trường hợp hoàn cảnh cụ thể, tùy theo khả năng quản lý mà tổ chức liên hiệp một số hợp tác xã quá nhỏ lại để có thể sử dụng tốt sức lao động làm các công việc to lớn hơn. Mặt khác chúng ta phải hết sức coi trọng việc giúp hợp tác xã quản lý tốt mọi mặt, trước hết là tích cực huấn luyện nâng cao trình độ của các ban quản trị, đào tạo cho hợp tác xã một số cán bộ chuyên môn cần thiết, đồng thời đưa về xã một số cán bộ thoát ly đã có qua huấn luyện về quản lý hợp tác xã và kế toán hợp tác xã để giúp hợp tác xã trong vài năm đầu. Các cấp ủy từ tỉnh, huyện, khu vực xã đều phải có chỉ đạo riêng, để tạo nên những điển hình tốt và bản thân có kinh nghiệm quản lý hợp tác xã. Cần thông qua hình thức tham quan học tập, hội nghị trao đổi kinh nghiệm, hình thức trao cho hợp tác xã khá đỡ đầu hợp tác xã kém mà tăng cường việc học hỏi giúp đỡ giữa các hợp tác xã với nhau. Phải đưa vào các phần tử tiên tiến, nhất là thanh niên để đẩy mạnh việc cải tiến nông cụ, cải tiến kỹ

thuật, bảo đảm thu hoạch hợp tác xã tăng đi đôi với thường xuyên nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và cảnh giác cách mạng cho xã viên, làm cho mọi người coi việc hợp tác xã như việc nhà, kiên quyết ngăn chặn mọi âm mưu phá hoại hợp tác xã của địch. Cần giúp đỡ cho hợp tác xã mở rộng khoán việc và nghiên cứu giải quyết tốt các mắc mứu về vận dụng chính sách chung vào hoàn cảnh của từng vùng, từng dân tộc. Riêng đối với các ngành chuyên môn ở tỉnh cần thấy hết nội dung công tác củng cố hợp tác xã để phục vụ tốt phong trào hơn nữa.

b) Cải tạo công thương nghiệp tư doanh:

Song song với việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ tháng 3-1959 cũng hết sức quan tâm tới việc cải tạo công thương nghiệp tư doanh ở các thị xã, thị trấn. Hội nghị cho rằng, Lào Cai có trên 1.000 hộ tiểu thương và tiểu thủ công tức bằng gần 1/10 tổng số hộ toàn tỉnh. Nếu tiến hành việc cải tạo tốt thì mới quản lý tốt thị trường ngày càng phát triển và củng cố vững chắc thành phần kinh tế quốc doanh của ta, hơn nữa cải tạo tốt còn có thể đưa được một số người vào lao động sản xuất nông nghiệp hoặc ở các công trường, xí nghiệp trong lúc nhân lực ở địa phương ta còn thiếu.

Hội nghị đề ra mức "căn bản hoàn thành việc cải tạo tư bản tư doanh vào cuối năm 1959 và căn bản hoàn thành việc tổ chức tiểu thương, tiểu thủ công vào tổ hợp tác vào mùa xuân năm 1960".

1. Cải tạo tư sản và cải tạo hộ các nhà cho thuê

Kết quả là tới tháng 2-1960 chúng ta hoàn thành cải tạo 10 hộ tư sản ở thị xã. Đối với các hộ ở các huyện mà trên đã duyệt là tư sản thì về sau Ban Bí thư có nghị quyết định rõ lại tiêu chuẩn, nên họ không thuộc diện cải tạo nữa. Ngoài ra, chúng ta đã căn bản hoàn thành công tác cải tạo nhà cửa ở thị xã trong quý III-1960, thu được vào Nhà nước quản lý 83 nhà với diện tích 11.911 m².

Tư sản Lào Cai qua cải tạo đều là tư sản thương nghiệp. Đặc

điểm của tư sản Lào Cai là không nhiều vốn nhưng lãi rất lớn. Quá 1/2 là những người buôn bán lớn với Pháp trước kia. Số còn lại là những người đã lợi dụng hoàn cảnh buôn bán từ hòa bình để làm giàu nhanh chóng. Nhưng dù giàu từ trước hay mới giàu, những người tư sản ở Lào Cai vẫn giống nhau ở mảnh khoe thủ đoạn kinh doanh: đầu cơ, buôn lậu, tích trữ hàng hóa, nâng giá bán, lợi dụng sự thật thà của đồng bào dân tộc cần non, đông thiếu, v.v.. Đối với mậu dịch họ cũng đã nhiều lần tranh mua, tranh bán, gây ảnh hưởng xấu cho thị trường. Một số nhỏ còn cho thuê nhà, cho vay lãi, bóc lột lao công, v.v..

Trong quá trình tiến hành cải tạo họ chúng ta đã chấp hành nghiêm chỉnh phương châm hòa bình cải tạo của Trung ương, đồng thời đã vận dụng đúng đắn đường lối giai cấp "dựa hẳn vào quần chúng, công nhân, đoàn kết chặt chẽ với nhân dân lao động, giáo dục cải tạo người tư sản, kiên quyết đấu tranh với những phần tử chống lại xã hội chủ nghĩa, chống lại Tổ quốc và nhân dân". Nhờ phát động tư tưởng tốt cho công nhân và nhân dân lao động, chúng ta đã có lực lượng và tài liệu để buộc tư sản phải nhận sự thật. Đồng thời, nhờ giáo dục kỹ và phân hóa triệt để hàng ngũ tư sản nên ta cũng tạo thêm thuận lợi cho cuộc đấu tranh mau tới thắng lợi.

Kinh nghiệm cho biết rằng ở Lào Cai kiểm kê định giá làm không khó lắm, nhưng các nhà tư sản lại hay định tăng giá tài sản, dụng cụ kinh doanh, nhà cửa, máy móc, v.v. để tăng thêm số vốn của họ. Riêng đối với việc kê khai tiền mặt, vàng, kim khí quý thì nói chung gặp nhiều khó khăn. Tỷ lệ đã đạt được chỉ khoảng 60% sự thật. Mặt khác đấu tranh với tư sản Lào Cai tuy không gay gắt, nhưng đã có lúc vì làm không liên tục nên đã bị kéo dài với một số ngoan cố, hoặc sau khi đã kiểm kê và cho họ làm đại lý cao cấp mà không cảnh giác kiểm tra chặt chẽ thì có người đã phá chính sách, như lấy vải kiểm kê quần áo riêng hoặc tiêu vào tiền bán số hàng của mậu dịch trao cho.

Hiện nay việc sắp xếp cho tư sản tương đối tốt, đa số tư sản không thấy kêu ca gì về đời sống, nhưng vẫn có một số trường hợp cần xét lại như cho tư sản và tiểu thủ công cùng vào công tư hợp doanh đã gây thắc mắc cho anh em tiểu thủ công, và cũng cần nghiên cứu lại xem vận dụng hình thức đại lý cao cấp thích hợp không.

2. Cải tạo thủ công và tiểu thương

Đối với tiểu thương và tiểu thủ công, chúng ta đã không căn bản hoàn thành được việc đưa họ vào các tổ hợp tác trong mùa Xuân 1960 như Nghị quyết của Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ. Vì khi quyết định thời gian này, Hội nghị chưa ước lượng được hết công tác đột xuất nặng nề của năm 1959 và có phần dựa vào số cán bộ mà Ban cải tạo Trung ương hứa sẽ cho, nên khi Trung ương không tăng cường cán bộ và các cấp ủy, các ngành trong tỉnh phải hút vào các công tác khác thì việc tổ chức tiểu thương và tiểu thủ công ở các thị trường lẻ bị chậm lại. Hiện nay tỷ lệ tiểu thương đã tham gia tổ hợp tác là 72%, tiểu thủ công đã tham gia hợp tác là 87%. Ngoài ra chúng ta đã đưa 431 hộ về sản xuất (chiếm 36,3%), 23 hộ mậu dịch sử dụng, và đã cho 23 người vào làm nhân viên mậu dịch quốc doanh.

So sánh giữa hai mặt tiểu thương và tiểu thủ công thì tiểu thương vẫn tổ chức chậm hơn tiểu thủ công.

Đứng về từng ngành thì các ngành bách hóa, thực phẩm lúc đầu thu hút có mau hơn, còn các ngành ăn uống lúc đầu có chậm hơn.

Do lực lượng quốc doanh của ta mạnh và do ảnh hưởng của việc quản lý tiểu thương, tiểu thủ công ở Trung Quốc và một phần ở xuôi, nhất là do bản chất của tiểu thương và tiểu thủ công căn bản là lao động nên việc cải tạo tiểu thương và tiểu thủ công tương đối thuận lợi. Tuyệt đại đa số đã vào tổ hợp tác với tinh thần tự nguyện.

Sau khi thành lập các tổ hợp tác đều tiến bộ, lề lối kinh doanh nhìn chung được cải tiến, vốn được sử dụng tập trung hơn, phương tiện kinh doanh được đầy đủ hơn, chấp hành chính sách giá cả đúng mức, ý thức phục vụ khách hàng đúng đắn hơn. Nhất là đối với đồng bào dân tộc, đã bớt lối khách sáo, gian dối, mua chèn bán cướp nên các đồng bào trong làng cũng hoan nghênh và tin tưởng ở các tổ hợp tác hơn bên ngoài. Doanh thu so với khi kinh doanh cá thể của nhiều ngành cũng trội hơn; mức thu nhập của tỉnh quy định cho cá nhân đã được bảo đảm. Ngoài ra, quỹ tích lũy của các tổ cũng được khá, thường gấp đôi quỹ xã hội.

Ưu điểm lớn nhất của việc cải tạo tiểu thương và tiểu thủ công là chúng ta đã vận động tốt một số người tương đối lớn về sản xuất. Đồng thời với số còn lại, sau Hội nghị tiểu thương, tiểu thủ công gần đây, chúng ta đã giải quyết được một phần tư tưởng ngại sản xuất của họ nên họ đã hăng hái tham gia lao động các mặt hơn trước. Chúng ta còn liên tục giáo dục nâng cao tư tưởng cho họ nên đã phát huy được mặt tích cực của họ, làm cho việc cải tạo có tác dụng tốt tới việc ổn định thị trường và đoàn kết dân tộc trong hai năm qua.

Chúng ta cũng đã mạnh bạo bồi dưỡng những tổ viên tích cực làm nhân lõi để củng cố tổ chức và đấu tranh chống những hành động tham ô, lãng phí của một số người lạc hậu hoặc xấu.

Ngoài ra chúng ta đã chú ý tới các công tác phúc lợi khác như tổ chức vườn trẻ, tổ chức tương trợ nhau của các tổ hợp tác.

Đáng chú ý là từ ngày cải tạo, chúng ta chưa bị vỡ một tổ hợp tác nào; lại có 2 tổ hợp tác lên cao cấp, doanh thu tương đối lớn: 18.000 đ tới 30.000 đ như tổ thực phẩm và hàng phố; nhưng chúng ta vẫn không phải đưa cán bộ vào giúp mà việc kinh doanh quản lý của họ đều tốt và ngày càng tiến bộ.

Tuy nhiên trong những ngày đầu cải tạo, chúng ta cũng gặp nhiều khó khăn. Về phía cán bộ thì có nhiều đồng chí thường đánh giá cao mặt tiêu cực của tiểu thương và tiểu thủ công nên trong

công tác sinh ra quá dè dặt. Nhưng sau khi thấy tổ chức họ dễ dàng trôi chảy thì lại bỏ lỏng, không giáo dục họ, nên có một số tổ tự tiện lũng đoạn thị trường, biến thành hội buôn. Việc bố trí sắp xếp các cửa hàng lúc đầu có xu hướng tập trung, không thích hợp với tập quán người tiêu dùng. Trong một số ban quản trị khi mới bầu vì lãnh đạo không chặt, nên đã để một số phần tử xấu xen vào gây khó khăn cho việc quản lý.

Về phía người tiểu thương và tiểu thủ công, sau khi tổ chức lại, lúc đầu họ thường giữ lối kinh doanh cũ, có một số lại có khuynh hướng làm giờ giấc, ngồi tại chỗ, nên có ảnh hưởng tới sinh hoạt thị trường. Một số khác đã tham ô, đối trá. Hiện nay tình hình trên cũng chưa phải đã chấm dứt, cho nên chúng ta cần chú ý giáo dục phê bình giúp đỡ họ hơn. Để làm cho họ đi vào con đường kinh doanh theo xã hội chủ nghĩa thực sự.

Trong việc phân phối thu nhập thì có lúc đã mắc tư tưởng bình quân, không phân biệt người làm nhiều, làm ít, kỹ thuật khá, kỹ thuật kém nên ảnh hưởng tới nhiệt tình của tổ viên và việc phục vụ khách hàng.

Riêng đối với tiểu thủ công thì sau khi tổ chức họ lại, việc lãnh đạo vẫn lúng túng, vẫn chưa cải tiến nâng cao kỹ thuật và năng suất lao động của họ lên được mấy. Điều đó một phần là do tiêu chuẩn phân biệt giữa tiểu thủ công và người làm nghề phục vụ không được cụ thể nên có lẫn lộn một phần vì bản thân cán bộ của ta cũng không biết nghề nghiệp nên lãnh đạo lúng túng.

Hiện nay Trung ương đã có một số quy định phân biệt, thế nào là tiểu thủ công và ngành phục vụ có phương hướng để đưa các tổ hợp tác xã lên cao. Chúng ta cần bố trí lại việc lãnh đạo tiểu thủ công ở ty công nghiệp địa phương để có thể cải tiến công tác các tổ đã lập.

Đồng thời đối với các tổ hợp tác tiểu thương, chúng ta sẽ xúc tiến đưa lên cao đi đôi với khuyến khích những người có khả năng lao động chuyển mạnh qua lao động sản xuất.

II. RA SỨC PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ VĂN HÓA

Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ đã phân tích tình hình kinh tế hết sức phong phú của Lào Cai. Hội nghị đã vạch rõ Lào Cai là một tỉnh miền núi, công nghiệp đang phát triển mạnh mẽ và cũng là một tỉnh có nhiều khả năng về mặt nông nghiệp. Hội nghị còn chỉ rõ đặc điểm phát triển không đều và đặc tính của từng vùng, những thuận lợi và khó khăn về phương diện địa lý, kinh tế và sự lạc hậu trầm trọng về mặt văn hóa trong tỉnh.

Căn cứ vào nhiệm vụ của kế hoạch nhà nước 3 năm và đặc điểm riêng của Lào Cai, Hội nghị đã đề ra phương hướng, mức độ phấn đấu toàn diện, mạnh mẽ trên các mặt kinh tế, văn hóa.

Hai năm qua thực hiện Nghị quyết của Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ, chúng ta đã đạt thêm nhiều thành tích mới, đồng thời cũng rút ra những kết luận để bổ sung cho phương hướng và mức độ phát triển kinh tế trong những năm tới.

1. Về nông nghiệp

Căn cứ vào thống kê về một số chỉ tiêu chính về nông nghiệp trong 4 năm: 1957, 1958, 1959, 1960 sau đây, chúng ta có thể đánh giá những kết quả đã đạt được về nông nghiệp trong những năm qua và kiểm tra lại phương hướng phát triển nông nghiệp mà Hội nghị đại biểu Đảng bộ tháng 3-1959 đã thông qua.

(có thống kê kèm theo cuối báo cáo).

Trước hết chúng ta thấy, nhìn chung trong 4 năm qua, các mặt lương thực, cây công nghiệp, chăn nuôi, lâm nghiệp trong tỉnh đều phát triển tương đối mạnh mẽ. Tổng sản lượng nông nghiệp bình quân trong 4 năm tăng 3,4%. Riêng về lúa, tốc độ phát triển bình quân trong 4 năm là 5%, trong đó chiêm tăng nhanh 12,7%, mùa chậm hơn, chỉ 4,1%. Trong lúa mùa thì lúa ruộng tăng nhanh, nhưng lúa nương hầu như đứng nguyên. Về ngô, sản lượng năm 1959 có nhích cao nhưng qua năm 1960 chúng ta cũng chưa chú ý

đầy đủ đến chỉ đạo biện pháp kỹ thuật đối với ngô, và do bị hạn hán nặng nên ngô lại tụt thấp dưới năm 1959. Khoai, sản phát triển rất mạnh mẽ, tốc độ tăng bình quân của khoai trong 4 năm là 4,6% và sản là 51,7%.

Về cây công nghiệp, đáng chú ý là bông vẫn tiếp tục tụt, tốc độ tụt bình quân là 12,4%. Còn các mặt khác, như đậu tương tăng 23,3%, lạc vỏ tăng 6,5%, vừng tăng 11,6%, chè 5,2%, thảo quả 1,9%, lanh 4,3%.

Đi sâu phân tích về hai mặt diện tích, năng suất thì thấy nhìn chung diện tích loại cây lương thực và công nghiệp đều tăng, trong đó đáng chú ý là chiêm, khoai, sắn, các loại đậu, riêng ngô thì hầu như giữ nguyên. Đối với lúa nương do ta chủ trương hạn chế và chuyển qua định canh, luân canh nên năm giảm, năm tăng và nhìn chung có giảm (tuy nhiên diện tích nương hiện nay có thể là thấp dưới thực tế, vì thống kê chưa được chính xác). Diện tích các loại cây trồng so với các chỉ tiêu kế hoạch thì thường đạt hoặc vượt mức.

Nhưng về mặt năng suất thì tình hình có khác hơn: hai năm 1958-1959 năng suất các loại cây trồng (trừ bông) đã tăng, như lúa tăng 7,1% so với năm trước, trong đó năng suất chiêm đặc biệt tăng nhanh hơn 18,6%, còn mùa thì từ 5% tới 6%. Trong mùa thì năng suất lúa nương trong hai năm 1958-1959 không hơn gì năm 1957. Nhưng tới năm 1960 thì mọi sản lượng đều sụt, trừ lúa nương, đậu và vừng tăng.

Diện tích tăng và năng suất sụt nên trong tổng sản lượng lúa năm 1960 không sụt hơn năm 1959 bao nhiêu, chúng ta có bù được một phần bằng sắn, khoai nhưng chưa đủ.

Sự phân tích về mặt diện tích, năng suất và sản lượng trên giúp chúng ta đi tới một số kết luận:

1- Diện tích ở Lào Cai có điều kiện tăng thuận lợi. Tăng diện tích có thể bằng hai biện pháp: tăng vụ và khai hoang hoặc phục hoang. Lúa chiêm, đỗ tương chủ yếu do tăng vụ; sắn và khoai chủ yếu do phát hoang. Chúng ta đều biết tỉnh ta nhiều núi cao nên

việc mở thêm diện tích ở một số vùng có khó khăn, nhưng nhìn chung khai phục hoang thêm vẫn được, vì hiện nay số diện tích, trồng mới khoảng 3,62% tổng số đất đai, một người dân trong tỉnh chỉ vền vện được 0,14 ha đất. Diện tích đồi có ít bụi cây còn khoảng 32,5% là những nơi có thể chăn nuôi hoặc biến dần thành nương luân canh, hay ruộng nếu có nước. Mở rộng diện tích không có nghĩa là chỉ mở diện tích ruộng hoặc nương lúa mà còn để trồng sắn, vừng, các loại cây công nghiệp và ăn quả. Khi lực lượng nông dân đã tổ chức lại thành hợp tác xã thì việc mở rộng diện tích có nhiều thuận lợi. Tất nhiên khi mở rộng diện tích vẫn phải nghiêm ngặt bảo vệ các rừng gỗ, hoặc rừng đầu nguồn.

Còn về mặt tăng vụ thì mấy năm nay chúng ta đã có cố gắng có mặt tăng vụ chiêm, đậu tương. Riêng năm 1960, nhiều nơi đã tăng thêm vụ ngô tháng 7, tháng 9; có địa phương đã thí điểm 3 vụ. Tăng vụ rất lợi, vì không những đỡ mất công khẩn hoang, tránh xâm phạm vào diện tích rừng, lại sử dụng được sức lao động của nông dân một cách thường xuyên trong cả năm, tránh lúc nhiều việc, lúc lại nhàn rỗi không có việc. Nhưng trong vấn đề tăng vụ chúng ta phải chú ý tới việc gây và nhập nội các thứ giống ngắn ngày. Đối với vùng cao phải cố gắng tìm kiếm được những thứ giống thích hợp với vùng khí hậu ôn đới. Năm 1960 các trạm, trại của nông nghiệp đã thí nghiệm tốt một số lúa ngắn ngày như "nông lâm 5 năm đặc hiệu", "tiêm hắc". Có hợp tác xã đã dùng lúa lục mào vụ chiêm, cấy mùa bằng phương pháp trực tiếp cùng đạt sản lượng với 29 tới 30 tạ một ha. Hoặc có nơi dùng đậu tương Yên Bái trồng có kết quả ở vùng thấp, là vùng mà dân vẫn không tin trồng được đậu tương. Riêng Bắc Hà đã dùng giống đậu tương xuân, dùng ngô 3 tháng vùng thấp gieo ở vùng cao để làm thêm vụ có kết quả.

Còn về mặt tăng năng suất thì Lào Cai cũng có nhiều khả năng, vì các nguồn phân, nước nhiều nơi rất thuận lợi. Hiện nay có nhiều hợp tác xã đạt năng suất bình quân cao do chú trọng cải tiến

kỹ thuật. Tăng năng suất rất lợi cho những vùng diện tích ít, khả năng tăng vụ khó khăn mà nhân lực lại nhiều như một số vùng cao, vì nếu bảo đảm năng suất cao thì diện tích ít mà kết quả thu hoạch vẫn lớn. Tuy nhiên, tăng năng suất đang gặp một số trở ngại: một là, do trình độ văn hóa ở nông thôn thấp nên việc đào tạo cán bộ kỹ thuật và tiếp thu kỹ thuật có nhiều khó khăn; hai là, nền nông nghiệp hiện nay vẫn là nông nghiệp lạc hậu của thời đại cổ hủ phong kiến để lại nên phải phụ thuộc rất nhiều vào thiên nhiên, gặp năm thời tiết không thuận là thất bát khó tránh khỏi.

Cho nên nếu chỉ nhấn mạnh về tăng năng suất, coi đó là chính mà coi nhẹ các mặt tăng diện, tăng vụ thì là sai lầm.

Ở Lào Cai phải tùy từng vùng mà vận dụng. Nói chung, toàn tỉnh phải đẩy mạnh tất cả ba mặt: tăng diện, tăng vụ và tăng năng suất, không thể coi nhẹ mặt nào. Nhưng đối với vùng thấp ngoài tăng diện, thì hết sức coi trọng cả tăng vụ và tăng năng suất. Vùng lưng chừng hiện sống chủ yếu bằng nương du canh thì cần rút kinh nghiệm của xã Nậm Lúc chuyển từ nương phát qua nương cấy, rồi tiến tới khai ruộng bậc thang, đi đôi với sử dụng tốt đất đã khai phá để tăng diện tích trồng cây, không bỏ đất hoang. Vùng cao nơi nào quá khó khăn về tăng diện thì chú trọng tới tăng năng suất, nhưng vẫn phải tìm cách nhập nội các thứ giống mới để tăng vụ.

Trong tăng diện tích và tăng vụ, ngoài vấn đề giống, lãnh đạo phải hết sức chú ý những lúc gặt vụ, công việc dồn dập, đồng thời phải bảo đảm có đủ phân để tránh tình trạng vụ trước tốt, vụ sau đất cằn, năng suất bị sụt.

Về mặt tăng năng suất thì ngoài vấn đề thủy lợi cần phải phấn đấu mạnh mẽ hơn trước, còn cần phải chú ý tới phân cải tiến công cụ cấy dầy và bảo vệ đồng lúa. Về các mặt này hiện nay tuy có tiến bộ, nhưng vẫn không đều, và có mặt rất yếu. Như về phân thì thường chỉ bón tương đối tốt cho vụ chiêm, vùng thấp và ngô vùng cao, còn vụ mùa vùng thấp và ruộng lúa ở vùng cao thì bón phân

rất ít. Sở dĩ có tình hình trên vì làm phân còn ít, có nơi chỉ lo bón cho vụ trước mắt không nghĩ tới vụ sau hoặc có khi có phân nhưng không vận chuyển ra ruộng ngay từ lúc còn rỗi rãi, nên lúc mùa gặt, vừa phải thu hoạch nhiều loại cây trồng, vừa phải cấy cây vụ mới cho kịp thời gian, thì không có đủ nhân lực chuyển phân nữa.

Phong trào cải tiến công cụ năm 1960 có nhích hơn năm 1959 nhưng cũng mới có ở một số xã. Theo thống kê thì số cây cải tiến, bừa sắt, cào cỏ tay, bừa cỏ Nghệ An, xe quạt dùng mỗi thứ được vài trăm. Về cấy dày thì tỷ lệ vụ chiêm thường khá hơn vụ mùa, vùng cao thường khá hơn vùng thấp. Cần chú ý dùng máy cấy cải tiến, nhất là ở các vùng làm 2, 3 vụ. Về mặt bảo vệ sản xuất thì trong những năm qua tuy có nhiều tiến bộ nhưng chưa tốt lắm, nhiều hiện tượng đẻ trâu bò, thú rừng phá hoại còn xảy ra; việc trông nom đồng ruộng cũng còn kém. Cho nên chúng ta cần thường xuyên và vận động tổ chức nhân dân bảo vệ, trông nom sản xuất tốt hơn. Vấn đề thủy lợi, đã làm được nhiều tiểu thủy nông, nhưng mức độ tích cực còn yếu, lãnh đạo chưa mạnh mẽ. Ngoài ra kinh nghiệm năm qua cho biết còn có một số vùng bị sâu xảy ra nghiêm trọng nhưng việc đôn đốc bắt vẫn thiếu khẩn trương nên cũng cần hết sức chú ý. "Chín biện pháp kỹ thuật" đều cần được áp dụng cả. Nhấn mạnh từng mặt là cần thiết, song không có nghĩa là coi nhẹ các mặt không nói đến.

Trong năm 1960 chúng ta đã cố gắng tổ chức thêm một số trạm, trại kỹ thuật nông nghiệp và tuy công tác làm ruộng thí nghiệm không sôi nổi như năm 1959, nhưng nhiều nơi vẫn duy trì được phong trào và công tác thí nghiệm đi vào bề sâu, có cân nhắc suy nghĩ chín chắn hơn.

Về chăn nuôi, số lượng trâu, bò, ngựa, lợn trong 3 năm có tăng. Nhưng điều cần chú ý là so năm 1960 với năm 1959 thì bò, lợn bị sút, sút nghiêm trọng là bò vì giết thịt quá nhiều; trâu cũng không giữ được tốc độ tăng bình thường như mọi năm; trừ ngựa và cá đã tăng nhanh. Công tác chống dịch, chế biến thức ăn cho gia súc có

tiến bộ, nhưng giống gia súc tốt hiện nay đang bị thoái hóa hoặc lại lai tạp xấu đi, như ngựa, lợn, kể cả trâu. Gần đây ta tiến hành thu mua nhiều lương thực, vấn đề thức ăn cho gia súc càng trở thành một vấn đề cấp thiết, nếu không giải quyết được thì chăn nuôi sẽ bị sụt nghiêm trọng. Theo tài liệu điều tra thì trong tỉnh có tới 135.400 ha đất bãi có cỏ hoặc đôi cỏ, là cơ sở thức ăn rất tốt cho gia súc. Nếu đem chia diện tích toàn tỉnh cho số gia súc thì mỗi con trâu được 16 ha, mỗi con ngựa được 48 ha, mỗi con bò được 400 ha. Như vậy khả năng chăn nuôi rất lớn. Phát triển chăn nuôi không đòi hỏi nhiều vốn và nhân lực. Đứng về toàn quốc thì rất cần phát triển chăn nuôi và đối với Lào Cai cũng vậy. Vì hiện nay ta chưa cung cấp đủ số thịt cho công trường, xí nghiệp và trâu bò cày cho miền xuôi. Chăn nuôi còn giúp cho việc tăng số lượng phân; kinh nghiệm ở bản Vược cho biết hợp tác xã nào chú ý tới chăn nuôi thì có nhiều phân bón cho lúa nên lúa càng tốt.

Ngoài ra cần hết sức chú ý tới phát triển cá, vì chúng ta có nhiều ao, vũng nước có thể nuôi cá tốt.

Về lâm nghiệp, trong ba năm qua, chúng ta đã vượt kế hoạch khai thác; cung cấp tương đối đủ gỗ cho kiến thiết ở tỉnh và cho yêu cầu của cả nước. Nhưng điều cần chú ý hơn cả là giữa khai thác và trồng rừng, bảo vệ rừng không cân đối. Vùng thấp khai thác nhiều nhưng trồng rừng rất kém; ngược lại vùng cao thì trừ khu vực Pha Long nhân dân đã tự thấy tác hại của nạn đốt rừng, núi trọc, còn nhiều vùng khác vẫn chưa chú ý bảo vệ và trồng rừng, nên năm 1959 xảy ra vụ cháy rừng hàng 7, 8 cây số (Sa Pa), cháy hàng vạn cây con ở vườn ươm (Mường Khương, Bắc Hà). Phong trào trồng cây ở các cơ quan, xí nghiệp cũng yếu. Việc khoanh rừng, lập quy hoạch về rừng, phân cấp quản lý rừng cho xã đều tiến hành chậm. Việc sử dụng gỗ cành, ngọn, gốc cũng chưa có biện pháp cụ thể nên còn kém.

Tất cả những thiếu sót trên là do các cấp ủy, cán bộ và nhân dân các dân tộc chưa thực quan tâm tới vấn đề lâm nghiệp.

Riêng ty lâm nghiệp thì vẫn nặng về khai thác, nhẹ về bảo vệ và trồng rừng.

Phát triển nông nghiệp toàn diện, vượt mức và vững chắc là một cuộc đấu tranh gian khổ, đòi hỏi phải kiên trì, dựa trên cơ sở hợp tác xã và trên trình độ giác ngộ của tuyệt đại đa số nhân dân các dân tộc.

Lãnh đạo nông nghiệp không thể chủ quan trước một vài thắng lợi, phải luôn luôn xuất phát từ đặc điểm của nền công nghiệp lạc hậu và nhiều vùng của tỉnh ta để lường thấy và đề ra trước kế hoạch khắc phục khó khăn. Đồng thời phải nhìn nhận rõ những thắng lợi và yếu tố mới của hoàn cảnh kinh tế và phong trào quần chúng hiện nay mà mạnh bạo đề ra những biện pháp ngày càng cao, bảo đảm thu hoạch tăng nhiều mặt và tăng không ngừng.

Trong hai năm qua có lúc chúng ta chủ quan tưởng có thể dùng một số biện pháp kỹ thuật là tăng rất mau tổng sản lượng nông nghiệp hoặc có khi thấy mức kế hoạch đề ra không đạt được lại sinh bi quan mất tin tưởng ở khả năng tăng năng suất. Đối với tăng diện và tăng vụ là hai mặt ta có nhiều điều kiện phát huy thì nhiều khi ta lại không chú ý tận dụng.

Lãnh đạo thường bị hút vào một vài chỉ tiêu lương thực chính, chưa chú ý đẩy mạnh sản xuất các loại hoa màu, lương thực và các loại cây trồng khác, trong khi đất đai còn nhiều ở các địa phương. Về mặt chăn nuôi và lâm nghiệp, lãnh đạo cũng còn buông lỏng. Thiếu sót này thể hiện ở chỗ thiếu những biện pháp tích cực, mạnh mẽ, cụ thể để phát triển các mặt trên.

Hiện nay lãnh đạo nông nghiệp đòi hỏi chúng ta phải tăng tốc độ sản lượng mầu hơn nữa, vì nhu cầu công nghiệp hóa yêu cầu ngày càng nhiều lương thực và nguyên liệu ở nông nghiệp cung cấp. Mặt khác do tốc độ nhân khẩu ở tỉnh ta tăng nhanh nên nếu tổng sản lượng nông nghiệp hàng năm chỉ tăng 3,4% thì mức sống nông thôn sẽ không tăng hoặc có khi bị thụt. Cụ thể, năm 1959

bình quân về thóc + ngô của một người trong tỉnh là 292 kg, nhưng sang năm 1960 sản lượng tuy kém ít, nhưng sản lượng bình quân một người về lúa ngô chỉ còn là 283 kg.

Muốn tốc độ nông nghiệp tăng nhanh, các cấp ủy và cán bộ trong tỉnh phải đi sâu vào kỹ thuật canh tác và lãnh đạo tổ chức cụ thể. Chúng ta cần ra sức học tập kỹ thuật và lãnh đạo hợp tác xã, đi đôi cần củng cố các trạm, trại thí nghiệm, mở rộng việc làm ruộng thí nghiệm, tổ chức các hội nghị chuyên đề để rút kinh nghiệm về tổ chức và biện pháp kỹ thuật, khai thác các kinh nghiệm kỹ thuật sẵn có trong quần chúng. Phải đặc biệt chú ý tới công tác kế hoạch, công tác thống kê, điều tra, nghiên cứu và lãnh đạo thi đua ở nông thôn. Có làm tốt các mặt trên thì phong trào tỉnh ta mới toàn diện và có một khí thế vượt bậc mới.

2. Về công nghiệp và thủ công nghiệp

So sánh với nông nghiệp, công nghiệp trong tỉnh ta đã phát triển vững vàng và tốc độ tăng nhanh hơn nhiều, nhất là các xí nghiệp trực thuộc Trung ương.

Giá trị tổng sản lượng và tỷ trọng giữa công nghiệp và nông nghiệp trong ba năm qua biến đổi như sau:

	1958		1959		1960	
	Giá trị tổng sản lượng (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị tổng sản lượng (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị tổng sản lượng (đồng)	Tỷ trọng (%)
Công nghiệp	6.433.526	26,8	12.958.622	41,2	25.713.676	58,7
Nông nghiệp	17.637.825	73,2	18.502.610	58,8	18.092.112	41,3

Qua thống kê trên, chúng ta thấy tới năm 1960 tỷ trọng công nghiệp trong tỉnh ta cao hơn nông nghiệp.

a) Về xí nghiệp Trung ương:

Trong hai năm qua các xí nghiệp và công trường lớn của Trung ương ở tỉnh ta liên tiếp đạt nhiều thành tích to lớn:

- Ngày 2-9-1959 đội cầu Trần Quốc Bình đã hoàn thành xây dựng cầu Làng Giàng trước 3 tháng, đúng như lời hứa với Hồ Chủ tịch.

- Ngày 19-8-1960 Mỏ apatít hoàn thành kế hoạch 3 năm, trước thời hạn 4 tháng, sau đó ngày 31-10-1960 Mỏ lại vượt kế hoạch 1 năm đã điều chỉnh (vượt trước kế hoạch 61 ngày), như vậy so với kế hoạch 3 năm tính tới 31-12-1960 Mỏ đã đạt 123,39% về tổng sản lượng, 123,19% về quặng, 102,13% về đất đá, 124,47% về quặng trao cho khách.

- Ngày 30-10-1960 công trường xây dựng Bắc Lệnh cũng hoàn thành kế hoạch năm 1960 (trước 60 ngày).

- Nhà máy điện, công trường địa chất đều đạt kế hoạch 3 năm trong tháng 11 hoặc tháng 12.

Sở dĩ các xí nghiệp Trung ương đạt và vượt mức kế hoạch một phần là do các Bộ ở Trung ương lãnh đạo sát sao, do sự giúp đỡ tận tình của các chuyên gia Liên Xô, Trung Quốc, nhưng chủ yếu là nhờ thắng lợi của công tác vận động cán bộ, công nhân, viên chức tham gia quản lý xí nghiệp.

Các mặt sản xuất, quản lý xí nghiệp, cải thiện đời sống, bảo vệ xí nghiệp do dựa trên cơ sở giác ngộ được nâng cao của cán bộ và công nhân, viên chức, đã có những chuyển biến hết sức mạnh mẽ sau công tác vận động quản lý xí nghiệp. Những lo lắng của một số lãnh đạo cho rằng, vận động quần chúng công nhân, viên chức tham gia quản lý xí nghiệp sẽ cản trở cho việc thực hiện kế hoạch trước mắt, hoặc những hoài nghi cho rằng thành phần công nhân ở tỉnh ta mới và phức tạp, phát động cũng không đạt được kết quả mong muốn, đều đã được thực tế của cuộc vận động giải quyết.

Qua phát động công nhân, viên chức quản lý xí nghiệp, không những lập trường tư tưởng của tuyệt đại đa số công nhân được

nâng cao mà ngay sự tin tưởng của cán bộ vào giai cấp công nhân cũng được củng cố.

Giai cấp công nhân đã thể hiện rõ tính chất tiên phong của mình. Trong quá trình tiến hành phát động, anh em đã đề xuất trên 8.620 kiến nghị, mà phần lớn về kiến nghị sản xuất, và đã xây dựng nên 261 tổ sản xuất mới. Phong trào thi đua sôi nổi, tạo ra những điển hình tốt, như phong trào học tập "xe 26" của Mỏ, phong trào bảo đảm thi công trong mùa mưa của xây dựng, đã có tác dụng không phải riêng ở Lào Cai mà còn có ảnh hưởng tốt cho phong trào chung của toàn quốc. Năng suất lao động của công nhân đã tăng không ngừng.

Giai cấp công nhân ở trong tỉnh ta đã góp một phần tích lũy rất lớn cho Nhà nước. Riêng Mỏ trong 3 năm giá thành sản phẩm hạ 14,88% và tích lũy cho Nhà nước tăng 9,86%. Nếu tính riêng một công nhân Mỏ apatít thì trong năm 1960, một người đã làm ra khối lượng quặng giá trị trên 4 nghìn đồng (đã trừ vào chi phí sản xuất và hành chính). Nếu so sánh với số lượng được hưởng bình quân khoảng 700 đồng thì một công nhân đã góp cho xã hội tới trên 80% sản phẩm làm ra, trong khi một nông dân hàng năm chỉ đóng thuế khoảng 9% sản lượng lúa và ngô.

Tuy nhiên, hiện nay các xí nghiệp quốc doanh trong tỉnh vẫn còn một số vấn đề tồn tại:

1- Qua phát động quản lý xí nghiệp, chế độ quản lý chính trị đã được thiết lập nhưng chưa được thực hiện toàn, trình độ của cán bộ chưa theo kịp đà phát triển của phong trào. Cần tiếp tục củng cố nhận thức về chế độ quản lý mới, giải quyết vấn đề tổ chức và cán bộ, đề cao vai trò tập thể, vai trò Đảng lãnh đạo và thủ trưởng phụ trách để phát huy tác dụng của chế độ quản lý mới.

2- Quản lý sản xuất thường chưa thực cân đối, toàn diện: kế hoạch sản xuất, cung cấp và tiêu thụ cũng như kế hoạch thiết kế và thi công nhiều khi không ăn khớp, công suất máy móc thường chưa tận dụng hết.

3- Ngoài ra, công tác bảo hộ lao động còn kém nên đã xảy ra nhiều vụ tai nạn lao động. Số vụ hư hỏng máy móc năm 1960 vẫn tăng hơn năm 1959.

Để khắc phục các khuyết điểm trên cần tiếp tục tăng cường lãnh đạo chính trị, lãnh đạo tư tưởng, lãnh đạo kỹ thuật hơn nữa. Đồng thời cần ra sức nâng cao ý thức làm chủ và tiên phong của giai cấp công nhân, làm cho anh em xác định đúng vị trí của mình trong giai đoạn công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Do đó mà phát huy năng lực sáng tạo của công nhân, dựa vào công nhân để tìm mọi biện pháp thiết thực và kịp thời khắc phục mọi khó khăn đưa sản xuất cao hơn nữa. Riêng về mặt bảo hộ lao động và bảo vệ xí nghiệp, cần thường xuyên giáo dục và có những quy định nghiêm ngặt hơn đối với các cán bộ, công nhân vi phạm mặt này.

b) Công nghiệp địa phương:

Xây dựng công nghiệp địa phương là một vấn đề mới mà Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ năm ngoái đã chú ý đề ra phương hướng và kế hoạch phát triển song song với cải tạo tiểu thủ công. Tới nay, những kết quả đạt được tuy mới là bước đầu nhưng cũng rất khả quan. Nếu so sánh giá trị tổng sản lượng của công nghiệp địa phương trong 3 năm qua thì thấy năm 1958 giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương là 1.661.565 đồng, tới năm 1959 lên 2.945.144 đồng và năm 1960 lên 4.251.571 đồng. Tính bình quân ba năm tốc độ công nghiệp địa phương tăng 59,92% trong đó công nghiệp quốc doanh địa phương tăng bình quân 88,9%, công nghiệp cá thể chỉ tăng 4,2%.

Do công nghiệp địa phương phát triển nên chúng ta đã sản xuất ngày càng nhiều lưỡi cày, cuốc, dao phát và các loại nông cụ cải tiến khác để cung cấp cho nông dân; đã sản xuất ra gạch, vôi để cung cấp cho kiến thiết cơ bản và tự chế biến ra bánh, kẹo, một số thức ăn và đồ gia dụng mà trước kia đều phải nhập ở xuôi lên.

Sau đây là thống kê một số chỉ tiêu chính:

	1958	1959	1960
Cày	1.554	2.141	7.480
Cuốc	1.853	1.952	4.371
Dao phát			2.939
Công cụ cải tiến			185
Bánh kẹo			25.420 kg
Gỗ xẻ	456 m ³	1.857 m ³	1.000 m ³
Vôi	107 -	1.944 -	1.734 -

Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng công nghiệp địa phương lúc đầu chúng ta đã đi lệch phương hướng của Nghị quyết Hội nghị toàn Đảng bộ tháng 3-1959, đã để việc làm xi măng, khai thác đolômít, garaphít, mở rộng thủy điện, v.v. không thiết thực với khả năng nhân, vật, tài lực của tỉnh ta. Tới cuối năm 1959 chúng ta đã kiểm thảo sai sót trên, định phương hướng phát triển đúng hơn, nhưng tư tưởng quy mô xa thực tế trong một số lãnh đạo vẫn còn, nhất là khi bỏ vốn vào xây dựng thì cơ quan công nghiệp đã làm nhà mất nhiều hơn sắm sửa dụng cụ sản xuất. Việc tranh thủ sự giúp đỡ của các cơ sở công nghiệp Trung ương tại địa phương vẫn còn yếu. Nhất là việc tổ chức lãnh đạo và quản lý công nghiệp địa phương, lúc đầu quá phân tán, nhiều xưởng cầu do Ty công nghiệp quản lý thì lại đổ Ty thương nghiệp quản lý. Đặc biệt đối với thủ công nghiệp thì sự lãnh đạo mới chú ý một phần ở thị xã, còn các cơ sở ở thị trấn, nhất là nông thôn thì chưa quan tâm đúng mức.

Đáng chú ý hơn nữa là hiện nay hầu hết công nhân trong công nghiệp địa phương là người xuôi. Trình độ giác ngộ của anh em nói chung còn thấp nên một số còn có tư tưởng giấu nghề, lo kiếm được lợi nhuận nhiều hơn là phục vụ cho lợi ích chung. Vì vậy các cơ sở công nghiệp địa phương chưa thật vững chắc lắm. Việc đào tạo cán bộ công nhân địa phương hầu như chưa làm được. Đối với bộ máy công thương nghiệp các huyện cũng chưa xây dựng và kiện toàn.

Tuy nhiên theo yêu cầu của tình hình trong những năm sắp tới đây, chúng ta còn phải ra sức phát triển công nghiệp địa phương hơn nữa. Muốn công nghiệp địa phương tỉnh ta tiến nhanh và vững chắc cần tăng cường bộ máy lãnh đạo, tăng cường công tác giáo dục chính trị trong số công nhân và thợ thủ công, ra sức đào tạo cán bộ, công nhân dân tộc, đi đôi với sắp xếp lại việc quản lý các xí nghiệp theo đúng chỉ thị của Bộ. Riêng đối với các huyện cần tăng cường hơn bộ máy công thương huyện để việc quản lý được tốt.

3. Về thương nghiệp

Do nền sản xuất của tỉnh ta ngày càng phát triển, đời sống của cán bộ, công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân khác ngày càng cải thiện nên sức mua xã hội tăng lên rõ rệt.

Mặt khác khi quan hệ sản xuất thay đổi, tổ chức sản xuất thay đổi thì vấn đề lãnh đạo phân phối cũng cần thay đổi đúng mức.

Trong ba năm qua, thương nghiệp của tỉnh ta đã biết dựa vào đặc điểm phát triển công, nông nghiệp ở địa phương và công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, tiểu thương, tiểu thủ công và tư bản tư doanh trong tỉnh để đề ra các hướng tổ chức và phục vụ.

Về mặt mua vào trong ba năm, thì năm 1958 tổng giá trị mua vào là 2.356.098 đồng (kể cả gỗ), năm 1959 là 1.889.382 đồng (không kể gỗ, nứa) và năm 1960 là 2.263.424 đồng. Trong đó có một số loại hàng chính đã mua tăng nhiều:

	1958	1959	1960
Thịt	159 tấn	268 tấn	387 tấn
Đậu tương	122 -	157 -	389 -
Thuốc nam	51 -	74 -	193 -
Thóc, gạo	446 -	1.340 -	1.400 -
Thảo quả	205 -	173 -	159 (vì mất mùa)

Trong năm 1960, riêng thương nghiệp, bình quân một người dân bán 21 đồng 76, so với năm 1959 là 18 đồng 79.

Về bán ra, riêng năm 1960 giá trị tổng sản lượng tới 10.694.000 đồng, trong đó gạo, muối, thịt, vải, dầu hỏa, nông cụ ngày càng tăng nhiều. Về mặt tổ chức, ngoài công tác cải tạo tiểu thương và tư sản, chúng ta còn xây dựng mở rộng các hợp tác xã mua bán ở nông thôn. Hiện nay toàn tỉnh đã có 18.669 xã viên với số vốn là 51.000 đồng, tức 21,4% số nông dân từ 16 tuổi trở lên tham gia hợp tác xã mua bán. Việc tổ chức hợp tác xã mua bán không những có tác dụng huy động được một phần vốn của nông dân vào thương nghiệp, mà còn đáp ứng đúng với yêu cầu cho các xã viên nông thôn thêm khăng khít với Nhà nước.

Tỷ trọng giữa thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và tư nhân trong ba năm thay đổi như sau:

	1958		1959		1960	
	Mậu dịch	Tư doanh	Mậu dịch	Tư doanh	Mậu dịch	Tư doanh
Bán buôn	61	39	84	16	96	-
Bán lẻ	64	31	72,8	14,1	73	14

Năm 1958 ngành thương nghiệp có 264 nhân viên bán 3.000 mặt hàng. Hiện nay số nhân viên lên tới 558; số mặt hàng tới 8.600. Nhờ công tác mua vào bán ra làm mạnh, nhờ công tác cải tạo tư thương được tốt và việc xây dựng hợp tác xã mua bán nông thôn được chú ý nên trong ba năm qua thị trường Lào Cai được bình ổn. Vật giá năm 1959 so với năm 1958 hạ xuống với chỉ số 98,65%. Năm 1960 thị trường toàn quốc gặp nhiều khó khăn, có lúc gay go nhất chỉ tăng trên 1%.

Về ngoại thương trong ba năm qua, chúng ta đều thực hiện được đúng đắn các hợp đồng, bảo đảm thời gian và bảo đảm quy

cách; hàng cũng có tiến bộ. Chúng ta lại giải quyết vấn đề mậu dịch tiểu ngạch biên giới có thắng lợi giúp thêm cho việc bình ổn thị trường.

Tất cả những thành tích trên của nội, ngoại thương đã có tác dụng thúc đẩy sản xuất, tăng thu nhập cho quần chúng và làm cho nhân dân các dân tộc tin tưởng ở chế độ ta, thắt chặt thêm sự gắn bó giữa nông dân các dân tộc với Nhà nước.

Tuy nhiên chúng ta vẫn phải nhận rằng, hiện nay các cấp lãnh đạo từ tỉnh tới huyện chưa nhận thức đầy đủ vị trí của vấn đề phân phối trong giai đoạn cách mạng mới.

Vì vậy sự lãnh đạo đối với mậu dịch tuy có tăng cường nhưng vẫn chưa thỏa đáng, nhất là ở cấp huyện. Bộ máy công thương huyện có đề ra cần xây dựng trong năm 1960, nhưng nay vẫn xộc xệch, chưa được kiện toàn.

Chúng ta chưa làm cho cán bộ và nhân dân khi sản xuất là phải nghĩ tới phân phối và khi tiêu thụ phải nghĩ đến sản xuất. Vì vậy có những sản phẩm trên cần thu mua thì nông dân không muốn bán, quyết tâm sản xuất để bán. Cán bộ ở dưới không tích cực đôn đốc, thậm chí có nơi còn có những hành động cản trở (như vấn đề thịt), có địa phương muốn giữ lấy tiêu dùng ở địa phương, không muốn bán cho Nhà nước). Mặt khác đối với một số sản phẩm không thể phân phối ra rộng rãi nên có người sinh ra oán trách mậu dịch, oán trách Chính phủ. Phải thấy rằng do dân số tăng và mức sống tăng nên trên thị trường lại nhiều khi xảy ra khan hiếm, nếu sự phân phối không được kịp thời tổ chức và hướng dẫn lại. Chúng ta cũng chưa đặt vấn đề giáo dục nhân dân thấy rõ sản xuất được thứ gì thì dùng thứ ấy, cho nên có nơi có ngô, khoai, nhưng lại đem bán đi rồi đong gạo của Nhà nước bán ra. Tình trạng này thật không hợp lý, cần chấn chỉnh từ nay trở đi.

Về mặt lãnh đạo giá cả hiện nay từ tỉnh tới các huyện lỏng lẻo. Ở tỉnh, có khi bộ phận vật giá của thương nghiệp tự đặt và công bố giá một số mặt hàng, chưa qua bàn bạc của các đồng chí trưởng

phó ty và ủy ban tỉnh cũng không rõ. Ở một số địa phương đã xảy ra tình hình tự đặt giá không thỉnh thị tỉnh. Việc khoanh vùng để mua cũng rất máy móc, nên có nơi đã hạn chế ảnh hưởng tới sản xuất phát triển.

Thỏa mãn cho yêu cầu vì sản xuất có hạn thì thiếu giải thích.

Trong cán bộ chấp hành của thương nghiệp (có cả trong hợp tác mua bán) thì có một số khá đông chưa qua giáo dục nên nặng tư tưởng kinh doanh đơn thuần, nhất là ngại khó; có lúc nặng về đưa hàng ở xuôi lên, hoặc gần đây thì lại nảy ra xu hướng chỉ muốn bán những thứ hàng gì nhẹ, lãi nhiều. Tư tưởng "mua bán của quyền", mua rẻ của dân cũng vẫn còn tồn tại ở một số nhân viên mua, bán hàng. Việc chú ý tới thị hiếu dân tộc có tiến bộ, nhưng còn thiếu nhiều mặt hàng thiết yếu và hàng dân ưa thích mà ta có khả năng giải quyết được. Giữa thương nghiệp và hợp tác xã mua bán vẫn còn những va chạm vì cán bộ không chịu đựng trên lợi ích chung để tìm các biện pháp giải quyết thích đáng một khi gặp khó khăn trong quan hệ với nhau.

Tình hình tham ô, lãng phí trong ngành thương nghiệp khá phổ biến, gần đây qua kiểm kê thì thấy tình hình hàng tồn kho và tham ô, lãng phí khá trầm trọng.

Để khắc phục những khuyết điểm còn tồn tại, cần giáo dục sâu rộng hơn nữa về quan điểm phân phối xã hội chủ nghĩa cho cán bộ và nhân dân, đi đôi với tăng cường công tác lãnh đạo chính trị, tư tưởng và mở lớp nghiệp vụ cho cán bộ mật dịch cần tuân thủ đúng chế độ thông qua và định giá cả, tuyệt đối chống những hành động địa phương, cục bộ, tự động khoanh vùng, định giá vô nguyên tắc. Mua vào, bán ra cần kết hợp chặt chẽ trong kế hoạch sản xuất. Phải nghiên cứu giải quyết tốt hơn nữa sự phân công mật dịch và hợp tác xã mua bán, nghiên cứu thêm về các vấn đề định lãi, hoa hồng, v.v..

4. Về tài chính và tiền tệ

Về mặt thu, chúng ta đã cố gắng chống thất thu và tăng thêm

một số nguồn thu đáng kể như thu thuế lợi tức cho thuế nhà, thuế hạt rau, v.v. do đó tình trạng thất thu không còn nghiêm trọng như những năm trước. Tổng các loại thu trong ngân sách của 3 năm qua có tăng lên, nhưng so với năm 1958 thì các năm 1959, 1960 bị sụt xuống. Cụ thể so với năm 1957 thì năm 1958 bằng 120,6%, năm 1959 bằng 109,8%, năm 1960 bằng 118,3%.

Trong các loại thu và tỷ trọng giữa các loại với nhau có nhiều diễn biến thay đổi: thuế công, thương nghiệp ngày càng giảm bớt do thành phần kinh tế tư doanh qua cải tạo đã bị thu hẹp, không còn bao nhiêu, trong khi đó thuế công doanh tăng lên khá nhiều nhưng chưa kịp để bù số thu về tư doanh giảm sút (nếu so với năm 1957 thì bình quân 3 năm thu về thuế tư doanh chỉ còn 65,5% và năm 1960 chiếm 22,3% tổng số thu; thuế công doanh bình quân tăng và năm 1960 chiếm 77,7% tổng số thu; thuế lợi tức, buôn chuyển... cũng đều sụt).

Về thuế nông nghiệp qua mỗi năm so với năm 1957 có tăng thêm chút ít, chủ yếu là do chống mua khai (1957 = 100%, 1958 = 164%, 1959 = 168,5%, 1960 = 168,8%). Các loại thu khác như thu về xí nghiệp, sự nghiệp năm 1960 tuy có tăng 42,3% so với năm 1957 nhưng tăng chậm, năm 1960 mới chiếm 25,4% tổng số thu của tỉnh.

Việc chấp hành chính sách thu có tiến bộ, không còn những sai phạm lớn. Tuy vậy có lúc, có nơi, cấp ủy và cán bộ chưa quán triệt đầy đủ phương châm chính sách do lập trường quan điểm không vững vàng nên có những lệch lạc xuất hiện. Như trong công tác thuế nông nghiệp, có nơi cán bộ thiếu điều tra nghiên cứu, thiếu giáo dục, giải thích cho quần chúng hiểu chính sách mà lại mệnh lệnh, tính sai mức thuế cho dân, làm dân kêu ca chính sách hoặc có lúc cấp ủy cũng thiếu kiểm tra nên cán bộ sai phạm chính sách không uốn nắn được kịp thời. Trái lại có những trường hợp còn để thất thu, hoặc còn để đọng một số khoản thu (như khoản phạt tịch). Về phía các ngành có trách nhiệm thu nộp cho Nhà nước thì

tình trạng thanh toán chậm, thu nộp không kịp thời vẫn kéo dài, chưa khắc phục được.

Về mặt chi, chúng ta đã tập trung vốn vào hướng xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, đồng thời chú trọng chỉ đạo sự nghiệp chính trị trọng yếu của tỉnh. Các khoản chi về kiến thiết kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục hàng năm đều tăng mạnh và dần dần chiếm tỷ lệ thích đáng trong ngân sách. Trong ba năm qua bình quân mỗi năm tăng 137,7% về kiến thiết kinh tế, riêng năm 1960 đã tăng 273,7% so với năm 1957 và đã chiếm 21,4% tổng số chi. Về văn hóa, giáo dục, y tế, bình quân mỗi năm tăng 85,6%, riêng năm 1960 đã tăng tới 155% so với 1957 và chiếm 25,10% tổng số chi. Các khoản chi về hành chính hàng năm đều giảm tỷ lệ trong tổng số ngân sách (1957 = 59,48%, 1958 = 51,9%, 1959 = 43%, 1960 = 45,15%).

Tuy vậy, do tình hình đặc điểm của Lào Cai nguồn thu ít, xí nghiệp địa phương chưa phát triển, yêu cầu chi tiêu các mặt ngày càng lớn, cho nên thu không đủ chi. Mặc dầu chúng ta đã có nhiều cố gắng tiết kiệm chi, giảm chi những khoản chưa thật cần thiết, nhưng vẫn ở tình trạng eo hẹp, chưa đáp ứng yêu cầu đòi hỏi về xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa và xây dựng cơ sở quần chúng. Việc chi tiêu cho cơ sở xã đáng lẽ cần chấp hành nguyên tắc, chế độ tài chính còn nhiều thiếu sót, sai phạm nguyên tắc, thủ tục. Tình trạng chi tiêu ban ơn, không tính toán còn xảy ra khá phổ biến. Ý thức tiết kiệm, chống lãng phí, tham ô còn yếu trong các cấp, các ngành. Về mặt thanh toán tài chính trong mấy năm qua cũng chưa được tăng cường đúng mức, năm 1960 có tiến hành được một số vụ nhưng nói chung công tác này còn yếu.

Trong vấn đề chi tiêu, đáng chú ý là nhiều đồng chí ở các cấp, các ngành và cán bộ thường có quan điểm cho rằng mọi việc đều muốn Nhà nước cấp tiền, không biết sử dụng sức dân, yêu cầu nhiều khi quá đáng, không hợp lý, và nếu không cho đủ tiền thì cho rằng công tác không thể thực hiện được. Đó là quan điểm, nhận thức chưa đầy đủ, nặng về ỷ lại vào Nhà nước, không đúng

với phương châm "tiền ít mà làm được nhiều việc". Tất nhiên khi đề ra một công tác, chúng ta phải tính đến tiền chi phí, nhưng không phải chỉ trông vào tiền của Nhà nước mà không biết sử dụng khả năng của nhân dân đóng góp xây dựng. Cho nên chúng ta cần phải chú ý hơn nữa đối với việc chi tiêu, làm sao cho sự chi tiêu đúng phương hướng, tiết kiệm mà công tác lại đạt kết quả tốt.

Về mặt tiền tệ, trong ba năm qua công tác ngân hàng được đẩy mạnh, góp phần kết quả vào việc thực hiện kế hoạch nhà nước. Việc quản lý, điều hòa và lưu thông tiền tệ, việc huy động và quản lý vốn được ngày càng chặt chẽ, kịp thời, góp phần bình ổn giá cả và phục vụ sản xuất. Việc huy động vốn cũng được chú ý, nhưng trong ba năm qua chưa đạt kế hoạch đề ra (...) tổng số vốn tính đến tháng 10-1960 đã đạt 108% kế hoạch và số dư là 2 triệu 643 ngàn đồng. Việc huy động tiền tiết kiệm so với năm 1957 thì mỗi năm đều tăng (1957 = 100%, 1958 = 222%, 1959 = 204%, 1960 = 190%). Chúng ta cũng đã tích cực có những biện pháp về quản lý tiền mặt, nên giảm được bội chi trong năm 1960 xuống mạnh (năm 1960 bội chi 3 triệu 996, năm 1960 có 1 triệu 569, tính đến tháng 10-1960). Đồng thời việc thay đổi đơn vị tiền tệ, thu đổi tiền cũ, phát hành tiền mới năm 1959 đã có tác dụng rất lớn về mặt quản lý tiền tệ và được quần chúng hoan nghênh.

Ngoài ra, để phục vụ phong trào hợp tác hóa nông nghiệp phát triển, đồng thời để huy động vốn nhàn rỗi trong nhân dân, trong năm 1960, chúng ta còn xây dựng quỹ tín dụng ở nông thôn. Cuối năm 1959 số quỹ toàn tỉnh mới có 6, nhưng đến tháng 9-1960 đã xây dựng được 52 quỹ với 6.675 xã viên, đạt tỷ lệ 20% số nông hộ gia nhập trong 39 xã.

Tuy nhiên, qua công tác ngân hàng ba năm, chúng ta thấy một số điểm còn yếu cần khắc phục; nguồn vốn huy động và cho vay có tiến bộ, việc cho vay nông nghiệp tuy năm 1960 chú ý hơn, nhưng chưa đáng kể so với tỷ lệ cân đối cho vay giữa các ngành (tỷ trọng mới 0,6% so vốn cho vay). Công tác thu nợ, huy động tiết kiệm có

cố gắng, nhưng sự lãnh đạo của các cấp chưa được thường xuyên. Vấn đề huy động giữa tiền tiết kiệm những tháng gần đây có nhiều hướng không tăng, số người tham gia, nhất là trong nhân dân còn ít, tiền nhàn rỗi trong nhân dân còn nhiều. Trong công tác quản lý tiền mặt, còn nhiều cơ quan chưa thấy hết ý nghĩa của việc quản lý tiền mặt, của yêu cầu quay vốn nhanh nên chưa có ý thức đầy đủ và có tình trạng tọa chi, hoặc không tập trung tiền về ngân hàng kịp thời. Việc xây dựng quỹ tín dụng thời gian qua chúng ta cũng chưa nắm được tình hình và yêu cầu cụ thể của quần chúng ở từng nơi nên đường hướng phát triển đề ra chưa rõ ràng và chắc chắn.

5. Về kiến thiết cơ bản

Các công trình kiến thiết cơ bản của Lào Cai trong ba năm qua mỗi ngày một tăng để đáp ứng yêu cầu của kế hoạch nhà nước trong tỉnh. Tổng số vốn đầu tư năm 1958 là 14.064.376 đồng; nhưng sang năm 1959 tăng lên tới 15.179.188 đồng, năm 1960 là 10.761.568 đồng, tăng bình quân mỗi năm 30,1%. Riêng các công trình của địa phương tăng bình quân ba năm là 105,3%. Cũng do tình hình xây dựng cơ bản cần phát triển nên ngành kiến trúc của tỉnh ta đã được thành lập năm 1959 và dần dần trưởng thành.

Đi vào việc sử dụng vốn kiến thiết cơ bản ba năm qua, chúng ta đã bỏ vốn chủ yếu vào những ngành sản xuất hoặc phục vụ sản xuất và các công trình văn hóa, giáo dục. Nhiều công trình được xây dựng mới, như phát triển thêm một số kho tàng và cửa hàng mậu dịch, xây dựng thêm trường sở, cơ sở sản xuất công nghiệp địa phương, một số công trình thủy lợi ở các huyện, phục hồi lưới điện ở thị xã, phục hồi những đoạn đường cần thiết cho phát triển kinh tế, chính trị và dân sinh, xây dựng chợ, v.v.. Đồng thời còn xây dựng, tu bổ một số nhà ở, trụ sở cơ quan tỉnh, huyện (trên 16.280 m²). Ngoài ra từ năm 1959 đến nay, chúng ta đã bắt đầu đề ra việc xây dựng

quy hoạch thị xã, thị trấn và nông thôn, nhưng việc thực hiện chưa được mấy và còn gặp nhiều khó khăn.

Tuy nhiên hiện nay việc bỏ vốn xây dựng các công trình về nông, lâm, thủy lợi còn ít, từ cuối năm 1959 đến nay đã chú trọng hơn nhưng còn yếu và nhiều khi việc thực hiện không đạt kế hoạch, còn để thừa vốn (thủy lợi năm 1959). Việc quản lý, thiết kế, thi công còn nhiều thiếu sót chưa khắc phục hết.

Việc kiến thiết cơ bản ở nông thôn trong thời gian hợp tác xã cũng còn quá ít, hầu như chưa động gì đến. Trong khi đó vốn tích lũy của các hợp tác xã không biết chi dùng vào việc gì có nơi quỹ khá lớn (như hợp tác xã Làng Dạ có tới trên 6.600 kg thóc quỹ tích lũy). Đó là khuyết điểm đáng chú ý, do ta chưa chú ý toàn diện đến mặt sản xuất nông nghiệp, chưa thấy hết yêu cầu về kiến thiết cơ bản của nông thôn khi phong trào hợp tác hóa đã phát triển mạnh mẽ, đòi hỏi phải được giúp đỡ và các cơ sở công trình thủy lợi, trạm thí nghiệm sản xuất, chăn nuôi, v.v. cần được xây dựng kịp thời. Những hiện tượng lãng phí, tham ô trong các công trình còn xảy ra phổ biến, có nơi nghiêm trọng, giá thành công trình xây dựng còn cao, kỹ thuật, phẩm chất chưa tốt lắm; cơ quan phụ trách về kiến thiết cơ bản của tỉnh cũng mới được tăng cường một phần, chưa đáp ứng nhu cầu địa phương.

6. Về giao thông vận tải và bưu điện

Lào Cai là một tỉnh so với miền xuôi thì gặp nhiều khó khăn hơn về giao thông, vận tải. Các đường cũ trước khi bước vào kế hoạch 3 năm ta chưa phục hồi được mấy, nên khó khăn cho việc phát triển sản xuất và giao lưu sản vật của địa phương. Nhưng nếu so với các tỉnh miền núi nói chung thì Lào Cai lại thuận lợi hơn về đường sá giao thông, nhất là đường giữa tỉnh với miền xuôi (vì có đường sắt). Đó là tình thần nhận định của Hội nghị toàn Đảng bộ tháng 3-1959.

Trong ba năm qua, chúng ta đã phát triển giao thông vận tải

và bưu điện trong tỉnh thêm một bước quan trọng so với năm 1957 (mặc dầu hiện nay vẫn còn nhiều khó khăn).

Về mặt đường sá, ta đã sửa chữa, tu bổ và làm mới trên 105 cây số đường cái (trong đó đại bộ phận có thể ô tô đi lại được), thuộc các đường Lào Cai - Sa Pa, Pom Hán, Mường Khương, Bản Lầu, Bản Phiệt, Cốc Sầm, Bát Xát, Mường Hum, Y Tý, Phố Lu, Bảo Nhai, v.v. (trong đó có 19,9 km mặt đường đã rải đá), 38 cái cầu (33 cái mới - có 6 cái sắt) và một số cống rãnh, v.v.. Về mặt vận tải cũng phát triển mạnh, đã chuyển vận từ 193.260 tấn/cây số hàng hóa năm 1958 lên 307.669 tấn/cây số năm 1960 bằng phương tiện ô tô, ngựa thồ và đường sông. Đó là chưa kể trong ba năm ta đã chuyển vận 590.108 cây số/hành khách với 15.689 người. Do tình hình giao thông vận tải ngày càng phát triển hơn trước nên đã phục vụ được việc lưu chuyển sản vật hàng hóa, đáp ứng nhu cầu của nhân dân được nhanh chóng, kịp thời và rõ hơn, v.v.; đồng thời cũng phục vụ cho yêu cầu về chính trị và bảo vệ địa phương một phần quan trọng. Đặc biệt là vấn đề phục hồi và sửa chữa đường sá trong năm qua đã cho ta một số kinh nghiệm là nếu ta biết dựa vào sức dân, không đòi hỏi yêu cầu quá cao, để phục hồi sửa chữa dần dần các đường sá, thì giải quyết được khẩn trương có kết quả (như đường Lào Cai - Bản Lầu). Nhưng thời gian qua một số đồng chí có quan điểm quy mô, đòi hỏi nhiều tiền, nhiều công sức mới làm được đường, nên thường bị kéo dài thời gian, không bảo đảm nhu cầu cấp bách của phong trào cải tạo và xây dựng kinh tế địa phương đòi hỏi. Cũng vì vậy đáng lẽ ta có thể làm thêm được một số đường nữa, nhưng lại không làm được. Mặt khác, các cấp ủy địa phương từ huyện đến xã thường ít chú ý đến công tác phát triển, phục hồi giao thông vận tải, chưa chú ý đường dân sinh kinh tế, trong địa phương đi đôi với phát triển kinh tế, văn hóa; việc bảo vệ và việc tiêu dưỡng lộ thường xuyên cũng kém. Trong khi đó, nhân lực địa phương huy động vào lao động theo nghĩa vụ dân công cũng như lao động xã hội chủ nghĩa còn quá ít (Trong ba năm qua, ta

mới sử dụng trên 147.300 ngày công dân công và một số ngày công lao động xã hội chủ nghĩa). Vì vậy tình hình đường sá đi lại giữa các xã, thôn trong các huyện còn gặp nhiều khó khăn. Vấn đề phương tiện vận tải, nhất là phương tiện thô sơ như ngựa thồ, v.v. và việc vận tải đường sông, suối, chúng ta cũng chưa có kế hoạch cải tiến, phát triển.

Về mặt bưu điện, chúng ta đã phát triển thêm mạng lưới, mở mang thêm nghiệp vụ kinh doanh và đẩy mạnh sự tiến bộ của ngành bưu điện từ tỉnh đến huyện, xã. Sự chú ý lãnh đạo của các cấp ủy đối với ngành bưu điện cũng được tăng cường. Đặc biệt là từ sau cuộc vận động công nhân, viên chức cải tiến quản lý xí nghiệp cuối năm 1959 đến nay, công tác của ngành bưu điện có nhiều tiến bộ rõ rệt trên các mặt.

Về mặt bưu chính, chúng ta đã chú trọng chấn chỉnh và cải tiến các đường thư, hầu hết các đường thư đều tăng từ 2 ngày 1 chuyển lên 1 ngày 1 chuyển; các mạng lưới giao thông xã cũng được củng cố phát triển thêm một bước. Do đó công văn, thư từ, báo chí chuyển đến người nhận được nhanh chóng hơn. Các đường dây điện thoại cũng được sửa chữa, bảo đảm chất lượng hơn trước và xây dựng thêm các đường dây điện thoại xuống các khu vực biên giới như Pha Long, Si Ma Cai, Lũng Phình, Bảo Nhai, Quang Kim, Bản Lầu, Thanh Phú, v.v.. Hiện nay toàn tỉnh đã có 636 cây số đường dây điện thoại (tăng 98% so với năm 1957), với 102 máy nói (tăng 85,4% so với năm 1957).

Do đã phát triển cố gắng trên nên kế hoạch nhà nước 3 năm của bưu điện đã hoàn thành trước thời hạn 50 ngày, tổng giá trị sản lượng tính đến tháng 11-1960 đạt 105% kế hoạch. Về kế hoạch năm 1960 cũng vượt 11,5% giá trị tổng sản lượng. Các chỉ tiêu nghiệp vụ đều vượt kế hoạch, nhiều loại gấp rưỡi đến gấp hai năm 1957 như thư, công văn, phát hành báo chí. Riêng điện thoại đã gấp hơn ba lần so với năm 1957.

Tất cả kết quả trên bảo đảm phục vụ yêu cầu kinh tế và chính trị của địa phương.

Nhưng công tác bưu điện hiện nay còn cần phải chú ý tăng cường hơn nữa, cải tiến và bảo đảm chắc chắn trên các mặt như củng cố mạng lưới giao thông từ huyện xuống xã, củng cố và bảo đảm tốt các đường dây và đàm thoại, đẩy mạnh việc phát hành báo chí, quần chúng hơn nữa và tránh nhàm lẫn, mất mát.

7. Về mặt văn hóa

Song song với đà phát triển của các ngành kinh tế, trong ba năm mặt trận văn hóa của tỉnh cũng đồng thời được mở rộng và tiến bộ.

Trước Hội nghị toàn Đảng bộ tháng 3-1959, chúng ta chưa thấy rõ mức độ đòi hỏi cụ thể của quần chúng: một khi phong trào hợp tác hóa và phát triển kinh tế thì con người phải được học tập, phải biết chữ và nâng cao trình độ kiến thức và đời sống văn hóa, tinh thần cũng phải được nâng cao. Cho nên việc đưa phong trào giáo dục và phong trào văn hóa trong những năm trước của chúng ta không được mạnh mẽ và phương hướng cũng không rõ ràng. Nhưng từ sau Hội nghị toàn Đảng bộ tháng 3-1959 đến nay, do quan niệm, nhận thức của các cán bộ có chuyển biến và trước yêu cầu của quần chúng đòi hỏi chúng ta đã có nhiều cố gắng đẩy mạnh mặt trận văn hóa tiến lên một bước quan trọng.

Về giáo dục phổ thông và võ lòng, nhờ sự chú ý của Trung ương tăng cường thêm giáo viên và tinh thần tích cực của cán bộ, giáo viên ngành giáo dục nên phong trào đã tiến triển khá mạnh (nhất là năm 1960). Năm 1958 toàn tỉnh mới có 27 trường (có 2 cấp II) 1.081 học sinh nhưng năm 1960 đã có 80 trường (có 4 cấp II) gồm 2.974 học sinh (có 285 là cấp II). Về võ lòng, từ 72 lớp gồm 1.746 học sinh năm 1958, lên 124 lớp gồm 3.870 học sinh năm 1960. Hiện nay cơ sở giáo dục phổ thông đã có trong 73 xã, cơ sở võ lòng trong 93 xã. Về mặt bình dân học vụ và bổ túc văn hóa, trong ba

năm ta đã thanh toán nạn mù chữ cho gần 5.000 người, riêng năm 1960 số người đi học tương đối nhiều (7.226 người) nhưng mãn khóa ít (2.538 người). Về bổ túc văn hóa, trong ba năm đã có 4.562 người mãn khóa cấp I và 597 người mãn khóa cấp II. Riêng trong năm 1960 phong trào học tập văn hóa trong quần chúng nông dân các dân tộc đã khá sôi nổi, số giáo viên cũng được trên tăng cường khá nhiều nên đã có những tác dụng và kinh nghiệm rất tốt, giúp cho địa phương hướng phát triển bình dân học vụ của tỉnh ta được rõ rệt hơn (như phong trào Bùi Sĩ Hoa ngày càng mở rộng). Gần đây, ngành giáo dục Lào Cai với Vĩnh Phúc kết nghĩa cũng có tác dụng rất tốt đến việc phát triển phong trào của tỉnh ta.

Từ năm 1959 chúng ta thí điểm một lớp chữ Miêu, sang năm nay phong trào học tập chữ Miêu khá phát triển, hợp với nguyện vọng của dân tộc Mèo. Hiện nay đã có 42 lớp, gồm 524 học sinh học chữ Miêu ở nông thôn. Ngoài ra chúng ta còn mở trường thiếu nhi ở Sa Pa gồm 99 em các dân tộc theo học hơn 1 năm nay có kết quả tốt.

Tuy nhiên phong trào giáo dục trong tỉnh hiện nay vẫn còn lạc hậu rất nhiều so với yêu cầu của cách mạng địa phương. Hiện nay số người chưa thoát nạn mù chữ còn rất lớn (trên 70%), số người đã học biết chữ nhưng trình độ chữ còn kém và không đủ để đáp ứng với yêu cầu của phong trào hợp tác hóa nông thôn phát triển. Trường lớp, giáo viên và một số học sinh đến trường lớp còn thiếu và ít. Nếu so với lứa tuổi cần được đi học (20.506 em) thì mới đạt 28,1%, nếu so với dân số thì số học sinh mới chiếm 5,6%; trong đó học sinh phổ thông cấp I mới chỉ có 2,3%, cấp II chỉ có 0,3%, vỡ lòng chỉ có 2,8%. Số địa phương chưa có trường, lớp còn tới 30 xã (lớp vỡ lòng).

Phong trào còn yếu như trên là do có nhiều nguyên nhân, như khó khăn bởi tình trạng lạc hậu từ chế độ cũ để lại cho các dân tộc, v.v. và muốn giải quyết được tình trạng đó cũng không thể 1 năm, 2 năm đã xong, vì đó là vấn đề lớn và lâu dài nhưng một phần là do chủ quan ta còn có khuyết điểm. Cụ thể, hiện nay

nhiều đồng chí chưa quan tâm đầy đủ đến phong trào. Việc lãnh đạo, chỉ đạo còn có lúc thiếu chú ý (có nơi, có lúc hoãn học văn hóa để làm việc khác). Giữa giáo dục phổ thông với bình dân học vụ và bổ túc văn hóa thì sự lãnh đạo còn ít chú ý đến phong trào bình dân học vụ và bổ túc văn hóa.

Phong trào chữ Miêu rất thích hợp với dân tộc Miêu, nhưng ta chưa có phương hướng phát triển một cách toàn diện và việc theo dõi, giúp đỡ phong trào cũng còn yếu, nên hiện nay còn có khó khăn. Về mặt chất lượng giảng dạy trong các trường lớp tuy có tiến bộ nhưng còn kém. Một số đồng chí có tư tưởng coi nặng phát triển số lượng, nhưng không chú trọng chất lượng đi đôi, nên tỷ lệ học sinh mãn khóa thấp, nhất là bình dân học vụ. Trình độ và ý thức chính trị của một số giáo viên còn thấp. Về mặt dựa vào dân để phát triển xây dựng giáo dục cũng chưa được chú ý, chưa phát huy những kinh nghiệm tốt đã qua thực tiễn của năm qua có kết quả tốt. Gần đây ta đã đề cập đến vấn đề này nhưng thực hiện chưa được bao nhiêu.

Về công tác văn hóa: Trong những năm 1958 trở về trước, công tác văn hóa của tỉnh ta còn rất yếu. Nhưng từ đầu năm 1959 đến nay, nhờ nghị quyết Hội nghị toàn Đảng bộ đã vạch rõ phương hướng và sự chú ý lãnh đạo nhiều hơn của các cấp ủy, cộng với sự chuyển biến mới về nhận thức của cán bộ, nhân viên nói chung và cán bộ văn hóa nói riêng, cho nên công tác văn hóa năm 1959 đã có nhiều chuyển biến tốt. Nói chung công tác văn hóa trong 2 năm nay một phần đã phục vụ được những nhiệm vụ chính trị của địa phương, góp phần vào kết quả của các công tác và gây thêm niềm phấn khởi, tươi vui cho nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Trong ba năm qua, các đội chiếu bóng của tỉnh đã phục vụ cho 1.336.382 lượt người đi xem và đi sâu hơn vào nông thôn. Năm 1960 được xem 1,8 lượt; ở thị xã, công trường, xí nghiệp được xem 5 lượt. Đội văn công của tỉnh trong hai năm 1959 - 1960 đã phục vụ

cho 54.890 lượt người xem. Các đội ảo đã phục vụ cho 73.325 lượt người xem. Về mặt văn nghệ đã xây dựng và phát triển thêm các đội, các tổ nghiệp dư ở nông thôn như Pha Long, Lũng Phình, Làng Dạ. Phong trào văn nghệ trong các công trường, xí nghiệp phát triển và hoạt động khá mạnh mẽ. Về mặt sách báo, năm 1960 đã phát hành tăng 137,6% so với năm 1957. Về mặt triển lãm cũng đã phục vụ cho 324.623 người xem, đặc biệt kỳ triển lãm nông nghiệp cuối năm 1959, dịp kỷ niệm sinh nhật Đảng và 15 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã có tác dụng tốt trong việc giáo dục quần chúng.

Về mặt thông tin tuyên truyền, đáng chú ý là ngày càng phát triển để đáp ứng yêu cầu của quần chúng. Hệ thống truyền thanh ở thị xã được mở rộng thêm, hiện nay có 12 km đường dây và trên 100 loa đã mắc ở các khu phố và cơ quan, tờ tin của tỉnh cũng tăng số bản phát hành mỗi kỳ, nội dung có được cải tiến một phần nên có tác dụng thiết thực hơn.

Tuy nhiên về quan điểm, phương hướng và nội dung, hình thức hoạt động văn hóa còn những lệch lạc đáng kể. Nhiều đồng chí cấp ủy và cán bộ chưa coi trọng công tác văn hóa, chưa thấy hết vấn đề: một khi đời sống vật chất được cải thiện do kinh tế phát triển thì đời sống tinh thần văn hóa của quần chúng cũng phải song song nâng lên. Các hoạt động văn hóa lại là hình thức rất phong phú, linh hoạt để động viên quần chúng, tăng thêm phần khởi tưng vui sản xuất, và có tác dụng rất lớn đến việc giáo dục tư tưởng, giáo dục đạo đức mới - đạo đức xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa - cho quần chúng. Nhất là trong thời kỳ hiện tại không thể chỉ tổ chức các buổi học tập để giáo dục tư tưởng về chính trị, mà trái lại cần phải biết sử dụng các hình thức hoạt động văn hóa nữa để giáo dục. Trong các hoạt động văn hóa, chúng ta còn coi nhẹ công tác bảo tồn, bảo tàng, và công tác văn nghệ quần chúng, nhất là văn nghệ dân tộc. Trong vấn đề chiếu bóng cũng có lúc phim ảnh đi chệch yêu cầu của công tác địa phương. Về mặt văn nghệ

trong ngành văn hóa còn có đồng chí chưa quan niệm rõ ràng, chưa biết kết hợp đúng giữa phổ cập và đề cao, cho nên có tư tưởng nặng về đề cao hơn phổ cập. Số đồng chí này thường cho rằng, đội văn công của tỉnh ta phải luôn luôn đạt tiêu chuẩn nghệ thuật cao, phải chính quy. Những đồng chí đó chưa thấy đối tượng phục vụ chủ yếu là đội văn công hiện nay vẫn nhằm vào nông thôn hợp tác hóa. Cho nên đáng lẽ phải theo sát yêu cầu ấy mà sáng tác phục vụ kịp thời, rồi trên cơ sở đó mà đề cao lên trình độ nghệ thuật. (Tất nhiên những lời ca, điệu múa, màn kịch đưa ra biểu diễn không thể lố bịch và thô kệch). Vì quan điểm chưa đúng trên nên đội văn công mới làm được việc phục vụ một vài tiết mục, chưa biết lấy đội đó làm lực lượng gây dựng và phát động phong trào văn nghệ từ quần chúng lên. Việc vận động cải biên phong tục, tập quán lạc hậu đi đôi với tuyên truyền phổ biến khoa học, kỹ thuật đáng lẽ trong công tác văn hóa phải chú ý thường xuyên, nhưng còn bị coi nhẹ, nên mê tín, thủ tục chưa được giảm bớt. Một điểm đáng chú ý là công tác thông tin, tuyên truyền của ta chưa được chú ý lãnh đạo nên chưa đẩy mạnh lên, chưa phát huy được tác dụng của nó; tin tức xuống đến nhân dân rộng rãi còn quá ít.

Về y tế, trong ba năm qua chúng ta đã ra sức đẩy mạnh công tác vệ sinh phòng bệnh, đồng thời điều trị bệnh kịp thời, đi sâu vào nông thôn và vùng cao nhiều hơn. Các cơ sở bệnh viện, bệnh xá, v.v. được mở rộng thêm. Số cán bộ cũng tăng nhanh từ không có bác sĩ, được sĩ cao cấp năm 1957, đến nay đã có 3 bác sĩ, 1 dược sĩ cao cấp, 24 dược y sĩ trung cấp và trên 70 y tá, hộ sinh, hộ lý, v.v.. Hiện nay trong tỉnh đã có 41 cơ sở là bệnh viện, bệnh xá, trạm xá, phòng y tế, phòng khám bệnh và nhà hộ sinh (kể cả dân lập). Số giường bệnh trong tỉnh có 335 cái (kể cả công trường, xí nghiệp). Các khoa điều trị bệnh viện tỉnh được phát triển thêm. Ngoài ra còn có các đội lưu động chống dịch, chống lao, chống sốt rét. Như vậy so sánh với năm 1957 thì tính bình quân mỗi năm tăng 29,2% về số cơ sở điều trị, trong bệnh xá, trạm xá tăng nhiều nhất (trạm xá từ 1 cái

năm 1959 lên 16 cái năm 1960). Đã củng cố trên 40 ban phòng bệnh ở xã, đồng thời huấn luyện, đào tạo 1.018 vệ sinh viên, 101 y tá, 834 cán bộ y tế xã, 54 nữ hộ sinh. Mặt khác, để đề phòng và chống bệnh tật, ta đã phun thuốc ĐDT ở các công trường, xí nghiệp, cơ quan và một số xã xung quanh vùng mỏ, đồng thời vận động chống sốt rét bằng phương pháp thô sơ ở một xã thí điểm (Gia Phú), đã tiêm phòng lao cho 9.620 cán bộ, công nhân và nhân dân. Việc khám và quản lý sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên các cơ quan, đi đôi với việc chống dịch và các bệnh tật phát sinh trong tỉnh.

Do công tác y tế, vệ sinh phòng bệnh có khá hơn trước nên tình hình bệnh tật trong nhân dân có nhiều giảm bớt. Trong ba năm tình hình dịch xảy ra ở nhiều nơi như bệnh cúm, ỉa chảy, sừng phổi, thủy đậu, ho gà, bạch hầu, v.v. nhưng sau khi phát hiện đã tích cực chạy chữa, dập tắt. Ý thức vệ sinh phòng bệnh trong nhân dân các dân tộc được nâng lên một mức. Nhiều người đã giảm bớt cúng bái, chuyển sang chủ yếu là dùng thuốc chữa bệnh hoặc đến bệnh viện để chạy chữa.

Bên cạnh kết quả đã thu được như trên, trong công tác y tế cũng còn nhiều nhược điểm và khuyết điểm: phong trào vệ sinh phòng bệnh lên xuống không đều, không duy trì và phát triển được tốt. Trong nông thôn phong trào vệ sinh có khả năng hơn trước, nhưng chưa thật sâu rộng, ý thức vệ sinh phòng bệnh của quần chúng chưa mạnh. Vấn đề vệ sinh trong thị xã, thị trấn cũng chưa được coi trọng thường xuyên. Đối với bệnh tật xảy ra trong nhân dân, ở dưới thường phát hiện chậm nên chạy chữa gặp khó khăn. Các túi thuốc ở xã ngày càng giảm bớt và cũng chưa chú ý kiểm tra hướng dẫn sử dụng. Cơ sở y tế ở nông thôn nói chung còn yếu, trong hàng ngũ cán bộ y tế xã còn một số phức tạp thuộc thành phần bóc lột và xấu do việc chọn lọc đưa vào của cơ quan y tế trong những năm 1958, 1959 không thận trọng và thiên về chọn cho đủ số lượng. Ý thức phục vụ của cán bộ, nhân

viên ngành y tế tuy có tiến bộ, nhưng do trình độ chính trị, tư tưởng, quan điểm phục vụ còn kém nên nhiều người chưa đầy đủ trách nhiệm phục vụ bệnh nhân.

Điểm đáng chú ý là các loại bệnh tật vẫn phát sinh nhiều, nhất là bệnh sốt rét, sưng lá lách ở những vùng rẻo giữa và thấp còn khá nặng. Qua điều tra điển hình ở một số xã thì có nơi 60,3%, 70%. Ngoài ra bệnh hoa liễu ở Nậm Lức, Cốc Lầu sau đợt chữa năm 1957 đến nay lại tái phát và phát triển (trong số 103 người được khám vừa đây có 51 người bị).

Về thể dục, thể thao, trong ba năm qua, một số hình thức thể thao có phát triển: bóng đá từ 27 đội lên 42 đội, bóng chuyền từ 28 đội lên 40 đội, bóng bàn từ 222 đấu thủ (năm 1959) lên 450 đấu thủ, bóng rổ từ 4 đội lên 8 đội. Nhưng phong trào nói chung cả thể dục, thể thao còn tiến bộ chậm. Phong trào tập thể dục mới thực hiện tương đối đều ở công trường, xí nghiệp, trường học và một số cơ quan (tuy vậy cũng có lúc lên, lúc xuống). Nhìn vào tình hình đó, chúng ta có thể nhận định rằng phong trào thể dục, thể thao của tỉnh ta còn thấp kém, ý thức rèn luyện thân thể trong cán bộ và nhân dân chưa giáo dục được tốt, nhất là chưa chú ý về mặt khai thác những môn thể dục, thể thao dân tộc địa phương và việc dựa vào lực lượng thanh niên trong nông thôn, trường học, v.v. để xây dựng phát triển phong trào.

Nguyên nhân chính là do nhận thức của chúng ta đối với vấn đề thể dục, thể thao còn chưa đầy đủ, chưa thấy hết ý nghĩa và tác dụng của nó nên thiếu chú ý lãnh đạo và giúp đỡ nó phát triển; bộ máy thể dục, thể thao tỉnh, huyện chưa được kiện toàn.

Tình hình trên đề ra cho chúng ta phải có những kế hoạch, biện pháp tích cực hơn để đưa phong trào thể dục, thể thao, vệ sinh phòng bệnh và chữa bệnh cho nhân dân tiến lên. Có như vậy mới bảo đảm cho mọi người có sức khỏe để lao động sản xuất được... (khu vực Nậm Lức, Bảo Nhai, Cốc Lầu) nói chung vùng thấp và giữa có từ 25 đến 65% sưng lá lách, vùng cao chỉ từ 5 đến 10%.

III. CÔNG TÁC THANH TOÁN PHỈ, TRỪ ĐẶC VỤ, GIÁN ĐIỆP BIỆT KÍCH VÀ CÔNG TÁC CUNG CỐ BIÊN GIỚI, CUNG CỐ TRẬT TỰ TRỊ AN XÃ HỘI

Hội nghị Đảng bộ tỉnh tháng 3-1959 đã nhận định: "Lực lượng phỉ tuy còn ít nhưng âm mưu gây phỉ là một âm mưu thâm độc, lâu dài và khả năng gây đột xuất của địch vẫn còn". Thực tiễn chứng minh nhận định trên hoàn toàn đúng và đến nay vẫn đúng. Chúng ta thấy vụ nổi dậy ở Hồ Thầu, Đào San (thuộc khu tự trị Thái - Mèo), địch định chiếm Mường Hum tháng 1-1959 nhưng ta kịp thời ngăn chặn. Tối tháng 5-1959 chúng cướp A Lu, mưu chiếm xong các khu vực Y Tý, Trịnh Tường, Mường Hum rồi đánh rộng ra Bát Xát và Sa Pa. Lực lượng của phỉ lúc này lên tới hơn 90 tên (đó là mới tính riêng miền Tây) chưa kể lực lượng bọn Hồ Vạn Lìn, Giàng A Di đang tích cực chuẩn bị vũ trang nổi dậy.

Ở miền Bắc Hà lúc này bọn địch cũng hoạt động rất trắng trợn. Chúng định giết cán bộ xã đội, 3 lần cướp súng của du kích. Chúng lôi kéo những phần tử xấu vào tổ chức của địch. Có tên dụ dỗ cả cán sự dân quân của ta theo chúng.

Sang đầu năm 1960 chúng ta phá vụ xưng vua của Chảo Phù Mìn ở Sa Pa (tháng 1-1960) rồi tiếp sau phá tổ chức phản động ở Mường Khương do bọn Pao, Quang là biệt kích cũ điều khiển. Âm mưu của bọn này chúng định cướp chính quyền Mường Khương vào tháng 6. Tối tháng 9-1960 do sơ hở của ta nên địch gây ra vụ rối loạn Pha Long. Chỉ trong 2 ngày sau, tụi phỉ Pha Long hoàn toàn rơi vào thế bị động. Sau 15 ngày, chúng hoàn toàn tan rã. Âm mưu Pha Long cũng rất rộng vì không những địch chỉ mưu nổi dậy ở Pha Long mà còn định đánh chiếm Mường Khương, Si Ma Cai cùng một lúc.

Về mặt phản tuyên truyền, địch liên tiếp tung ra rất nhiều tin gây tâm lý chiến tranh phá các chính sách, đặc biệt chúng tập trung mũi nhọn đả kích phong trào hợp tác xã của ta và công xã nhân dân Trung Quốc.

Hoạt động của bọn gián điệp Mỹ - Diệm, của bọn đặc vụ Tưởng thời gian qua cũng nổi bật.

Chúng ta thấy bọn này một mặt đã hết sức lôi kéo kích động vào số tề, ngụy, phỉ cũ chưa chịu cải tạo, một mặt chúng cố gắng phát triển cơ sở nắm lực lượng vũ trang và đi sâu vào nắm các phần tử xấu trong quần chúng cơ bản để đi sâu trào cao thu thập tin tức tình báo về quân sự, kinh tế, chính trị và tiến hành phá hoại, lấy lực lượng của ta chống lại ta.

Để đối phó với âm mưu thâm độc và những hoạt động nghiêm trọng trên của địch, chúng ta đã đẩy mạnh công tác thanh toán phỉ, gián điệp, đặc vụ, biệt kích một cách liên tục và đã thu được những kết quả to lớn. Tính từ tháng 1-1959 đến nay toàn tỉnh đã gọi hàng, bắt sống và tiêu diệt tất cả trên 200 tên, thanh toán gần hết số phỉ lẫn trốn, thu gần 100 súng và hơn 2.000 viên đạn các loại, mặt khác đã ngăn chặn kịp thời và dập tắt nhanh chóng các vụ vũ trang gây phiền loạn của địch, tránh được nhiều tổn thất, góp phần củng cố trật tự trị an, củng cố vùng cao biên giới, tạo điều kiện thuận tiện tiến hành mọi mặt công tác nhất là các công tác trung tâm của tỉnh. Chúng ta còn trừng trị những tên đặc vụ nằm lỳ như Hồ Vạn Lìn, Giàng A Di, Trương Phương Nguyên, Sín Siền và một số phản cách mạng phá hoại hiện hành khó trong các đợt phát động quần chúng hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, v.v.. Sở dĩ đạt được những kết quả trên trước hết là do nhận thức về tính chất, âm mưu và đối tượng của địch được rõ ràng hơn trước, đặc biệt nhờ ánh sáng Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ tỉnh tháng 3-1959 đã uốn nắn việc chấp hành phương châm chính sách tiểu phỉ của Trung ương được đúng đắn hơn, đã nghiêm khắc phê phán tư tưởng hữu khuynh khoan hồng một chiều của các cấp trong các đợt tiểu phỉ trước, đã chú trọng đi sâu phát hiện và trấn áp bọn địch nằm lỳ, bọn cầm đầu tổ chức và những phần tử phá hoại hiện hành, đồng thời đã đề ra được chính sách cụ thể đối với từng loại phỉ. Do đó đã phân

hóa địch, đề cao được tinh thần cảnh giác và phát động được tư tưởng quần chúng, đẩy mạnh được tinh thần quyết tâm đánh địch trong cán bộ, bộ đội và quần chúng.

Trong năm 1960 chúng ta còn tiến hành cải tạo tề, nguỵ, phi chưa chịu cải tạo trong 54 xã, 17 đơn vị công trường, cơ quan. Các đợt vận động trên có tác dụng rất lớn trong việc nâng cao cảnh giác chính trị, nâng cao khí thế cách mạng cho quần chúng và làm cho một số tề, nguỵ, phi cũ đã tiến bộ càng thêm tin tưởng, số còn hoạt động chống phá thì bị phân hóa, bọn ngoan cố nhất bị quần chúng đấu tranh hoặc bị trừng trị. Nhưng đó mới là kết quả bước đầu, chúng ta cần tiếp tục đấu tranh, giáo dục, cải tạo bọn này trở thành tốt hơn.

Tuy nhiên vừa qua tư tưởng hữu khuynh cũng vẫn còn, nó biểu hiện ở một số cán bộ biết địch phá nhưng chùn tay không dám trấn áp sợ rung, hoặc không nhìn thấy mặt tương quan của địch nên khi xảy ra tình hình gì thì hay hoang mang dao động. Tinh thần truy kích địch thường không kiên quyết, ngược lại tư tưởng bắt ầu, giết ầu cũng có ở một số nơi nào nên đã có lúc, có nơi gây ra một vài rung động không cần thiết.

Ý thức cảnh giác của cán bộ và nhân dân tuy có nâng cao nhưng nhiều lúc còn mơ hồ. Công tác đấu tranh chống kẻ địch, bí mật đi sâu nắm vững tình hình địch còn yếu nên vấn đề thường xảy ra rồi mới biết.

Có nơi tập trung những phần tử đặc vụ, gián điệp nhưng tình hình phát hiện còn lơ mờ. Công tác bảo vệ các cơ quan, công trường, xí nghiệp chưa được chú ý đúng mức. Nhiều vụ nghi vấn phá hoại ở đây không tìm ra manh mối.

Đến nay nhìn vào hoạt động của địch ta thấy hoạt động của chúng nói chung trong cả tỉnh đã yếu nhiều so với hồi đầu năm 1959, nhưng chúng ta không thể xem thường địch được vì cuộc đấu tranh cải tạo xã hội chủ nghĩa càng tiến tới thì một bộ phận ngoan cố nhất không chịu tiếp thu cải tạo càng chống phá điên cuồng

hơn. Hơn nữa, cơ sở quần chúng của ta chưa thực sự vững mạnh và số tề, ngụ, phỉ cũ chưa chịu cải tạo còn khá nhiều. (Kinh nghiệm ở 24 xã qua phát động số tề, ngụ, phỉ còn hành động chống phá chiếm tới 26,7% tổng số). Địa hình Lào Cai lại hiểm trở thì khả năng gây đột xuất của địch vẫn phải hết sức đề phòng.

Mặt khác, chúng ta thấy những phần tử phản cách mạng ở Trung Quốc vẫn tiếp tục chạy sang ta, đồng thời có nhiều triệu chứng địch lại tung thêm bọn gián điệp, biệt kích ở miền Nam và Lào về hoạt động. Cho nên chúng ta phải hết sức chú ý những vùng xung yếu giáp giới giữa hai tỉnh Lào Cai với Hà Giang và khu tự trị Thái - Mèo giữa các huyện với nhau.

Qua quá trình đấu tranh với địch ngày ngày diễn ra những hình thái mới. Tính chất của cuộc đấu tranh rõ ràng là một cuộc đấu tranh quyết liệt, phức tạp và lâu dài nhưng nhận thức của một số đồng chí chưa thực thấy hết ý nghĩa đó.

Đối tượng phản cách mạng chính ở Lào Cai là bọn gián điệp Mỹ - Diệm và bọn đặc vụ Tưởng. Hai bọn này thường câu kết với bọn phản động ở Trung Quốc sang và dựa vào số tề, ngụ, phỉ chưa chịu cải tạo hoặc một số phần tử phản động ngoan cố nhất trong các giai cấp bóc lột và bọn phản động trong Thiên Chúa giáo. Mặt khác công nghiệp ở Lào Cai phát triển mạnh, bọn phản cách mạng ở xuôi lên có thể dễ chui vào các công trường, xí nghiệp, cơ quan nếu chúng ta sơ hở thiếu cảnh giác. Gần đây những hoạt động đưa thư nặc danh, tung truyền đơn xung quanh thị xã có nhiều hơn trước.

Muốn phá tan kịp thời mọi âm mưu hoạt động của địch, không những chúng ta phải tăng cường hơn nữa công tác công an, đặc biệt công tác đấu tranh với kẻ địch bí mật mà còn phải chú ý giáo dục sử dụng tốt các tổ chức khác như du kích, các cốt cán xã để nắm tình hình, hết sức tăng cường công tác của các ngành công tố, tòa án, đồng thời phải liên tục giáo dục thời sự, nâng cao tinh thần cảnh giác cho quần chúng đi đôi với đẩy mạnh công tác cải tạo phản cách mạng theo đúng chỉ thị của Trung ương.

Về công tác trị an xã hội:

Hội nghị Đảng bộ tháng 3-1959 đã nhấn mạnh sự thiếu quan tâm của các cấp ủy đối với công tác trị an xã hội.

Kiểm điểm lại từ sau Hội nghị, các cấp ủy nói chung đã chú ý tăng cường lãnh đạo hơn nên công tác trị an xã hội đã đem lại những kết quả cụ thể: vấn đề ma chài hầu như đã chấm dứt, số vụ trộm cắp có chiều giảm đi, nhiều vụ buôn lậu bị khám phá. Các địa phương vận động người Trung Quốc vượt biên trở về nơi cũ làm ăn, sản xuất có kết quả.

Tuy nhiên trong công tác trị an xã hội cũng còn có mặt chưa chú ý đúng mức như vấn đề tổ chức phòng, cứu hỏa kém, nên tai nạn hỏa hoạn vẫn nghiêm trọng. Vấn đề tự tử, tự sát cũng còn phổ biến do trình độ lạc hậu và đầu óc mê tín của một số quần chúng nhưng phía ta cũng chưa có một kế hoạch cụ thể và toàn diện, chưa có những biện pháp tích cực để ngăn chặn.

Biên giới của ta với các nước bạn chưa được quản lý thật chặt, nên trước những cuộc vận động lớn thường lại có những phần tử xấu và những quần chúng lạc hậu vượt biên sang.

Do công nghiệp tỉnh ta phát triển nhanh nên số người tập trung quanh các công trường, xí nghiệp và thị xã ngày càng nhiều, không khỏi có những phần tử cặn bã trà trộn gây ra những vấn đề phức tạp. Mặt khác qua công tác phát động quần chúng, bọn lưu manh lạc hậu, nghiện hút càng lộ mặt, đa số được cải tạo, nhưng cũng có những tên trở nên liều lĩnh hơn. Việc quản lý nông thôn nhất là ở các khu vực công trường, xí nghiệp, thị xã, thị trấn chưa được chặt chẽ. Tình hình trên đòi hỏi chúng ta cần ra sức giải quyết làm cho trật tự, trị an tốt hơn, để bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân và gây thêm lòng tin tưởng của quần chúng với chế độ xã hội chủ nghĩa tốt đẹp của chúng ta.

Về công tác xây dựng lực lượng vũ trang, bán vũ trang:

Năm 1959 chúng ta bắt đầu tiến hành công tác nghĩa vụ quân sự. Vì là lần đầu tiên nên chúng ta còn thiếu kinh nghiệm

về lãnh đạo và động viên. Tuy nhiên, do nỗ lực chủ quan chúng ta đã hoàn thành tốt đợt công tác nghĩa vụ quân sự năm 1959 và tạo điều kiện thuận lợi tiến hành nhanh gọn công tác nghĩa vụ quân sự năm 1960.

Kết quả hai đợt công tác nghĩa vụ quân sự rất lớn: không những chúng ta đã đăng ký được 5.226 thanh niên, tuyển được 429 tân binh bổ sung cho tiểu đoàn chủ lực của tỉnh và xây dựng tổ chức công an nhân dân vũ trang, phát triển số dân quân tự vệ tăng lên gấp 3 lần so với năm 1958. Kết quả công tác nghĩa vụ quân sự còn nói lên nhiệt tình ủng hộ của tất cả các dân tộc trong tỉnh đối với chính sách của Đảng, 18 dân tộc trong tỉnh đã có người tham quân. Mặt khác, qua nghĩa vụ quân sự đã củng cố, nâng cao thêm tinh thần yêu nước, tinh thần cảnh giác và ý thức quốc phòng trong nhân dân và cán bộ.

Sau thắng lợi công tác nghĩa vụ quân sự, chúng ta đã giáo dục chính trị và huấn luyện quân sự tốt cho tân binh và dân quân tự vệ tiến bộ.

Chúng ta đã giáo dục làm cho các tân binh ở các đơn vị tỉnh đội và công an vũ trang nhân dân xác định được quyết tâm xây dựng một quân đội cách mạng, chính quy và hiện đại. Về tư tưởng, anh em đã tự giải quyết được nhiều tư tưởng như muốn phục viên, chuyển ngành của cán bộ, chiến sĩ cựu binh, hay tư tưởng không muốn xa địa phương của tân binh, v.v..

Đối với dân quân chúng ta đã liên tục kết hợp trong các đợt vận động quần chúng, tiến hành chỉnh huấn chính trị và tập luyện quân sự. Ngoài ra, năm 1959 chúng ta còn cử 238 dân quân tự vệ đi học công binh và sử dụng các loại đại liên, DKZ, cao xạ, pháo, trọng pháo. Nhiều anh em đã đạt được những điểm xuất sắc. Gần đây thi hành chủ trương của tỉnh ủy, tỉnh đội đã chú ý kiểm tra chất lượng dân quân và loại ra khỏi hàng ngũ dân quân nhiều tên trước là biệt kích nguy hiểm, là phỉ có tội ác, hoặc hiện nay còn liên hệ với bọn phỉ lẫn trốn.

Về công an xã, đến nay đã xây dựng được hầu hết các ban công an ở các xã. Nếu so với nghị quyết của Hội nghị Đảng bộ toàn tỉnh tháng 3-1959 đề ra thì đã đạt được yêu cầu về số lượng nhưng chất lượng còn yếu vì phần lớn đều là mới xây dựng. Riêng về trị an đã có 104 xã có phong trào, trong đó 30 xã khá, 50 xã trung bình, 24 xã kém.

Kiểm điểm công tác xây dựng lực lượng vũ trang, bán vũ trang từ đầu năm 1959 đến nay thấy có những biến chuyển rất mạnh mẽ về số lượng cũng như về chất lượng. Nói chung công tác xây dựng quân đội thường trực, công an nhân dân, vũ trang dân quân tự vệ, công an ngày càng thể hiện tính chất giai cấp và bảo đảm tính chất trong sạch.

Tổ chức dân quân của chúng ta hiện nay vẫn là tổ chức mạnh nhất ở xã và cơ sở với bất cứ một thời gian nào kể từ ngày giải phóng Lào Cai tới nay, lực lượng quân sự của tỉnh ta chưa bao giờ vững mạnh như bây giờ.

Tuy nhiên, trong công tác xây dựng lực lượng vũ trang ở tỉnh ta trong hai năm qua vẫn còn nhiều thiết sót. Đáng chú ý nhất là mặc dầu qua nhiều lần chúng ta đã đấu tranh với quan niệm quân sự đơn thuần, muốn tách rời lực lượng quân sự khỏi sự lãnh đạo của cấp bộ địa phương hoặc không gắn liền việc củng cố dân quân vào trong các cuộc vận động cách mạng trung tâm của tỉnh, cứ tiến hành riêng theo một hướng riêng của ngành dọc, nhưng những tư tưởng này chưa phải đã hết trong một số cán bộ, quân sự. Riêng đối với các cấp ủy địa phương thì việc lãnh đạo lực lượng vũ trang có tiến bộ, nhưng cũng có lúc không cân nhắc kỹ những đặc tính của lực lượng đó nên một vài nơi sử dụng lực lượng không đúng. Một số nơi đã xét duyệt tân binh dân quân không thận trọng nên đã để những phần tử phức tạp trà trộn vào. Gần đây trong khi chỉ đạo chống bọn tàn phỉ, một số nơi có thiên hướng muốn tổ chức càn quét quy mô và đã sử dụng lực lượng tập trung trong một số trường hợp vội vàng.

Để củng cố hơn nữa, lực lượng vũ trang và bán vũ trang của dân quân, các cấp ủy, các cán bộ quân đội, công an vũ trang cần phải nghiên cứu sâu sắc lại Chỉ thị số 119 và Nghị quyết số 58-NQ của Trung ương và tăng cường đoàn kết trong việc lãnh đạo lực lượng vũ trang. Phải kiên quyết phản đối những quan niệm đơn thuần quân sự, tách việc củng cố khối công cuộc đấu tranh giai cấp chung ở bên ngoài. Đồng thời phải tránh quan niệm sử dụng lực lượng vũ trang tùy tiện. Phải làm cho lực lượng thường trực và hậu bị thân thiết hơn nữa về quan điểm chiến tranh nhân dân của Đảng, bảo đảm đầy đủ tính chất giai cấp và tính chất trong sạch của lực lượng vũ trang trong bất cứ trường hợp nào vẫn là lực lượng dẫn đầu chấp hành các chính sách và là công cụ sắc bén nhất của Đảng.

IV. CÔNG TÁC XÂY DỰNG, Củng Cố CHÍNH QUYỀN VÀ CÁC TỔ CHỨC QUẦN CHÚNG

1. Về chính quyền

Từ Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh đến nay, tổ chức chính quyền đã được củng cố thêm một bước. Các cấp ủy đã cử thêm cấp ủy viên và cán bộ dân tộc có khả năng tăng cường cho các ủy ban hành chính tỉnh, huyện. Hội đồng nhân dân tỉnh cũng bầu lại. Chúng ta đã đưa thêm vào ủy ban hành chính tỉnh một số đồng chí thường vụ tỉnh ủy và tỉnh ủy viên, trong đó có một số đồng chí dân tộc Nháng; đưa thêm sang ủy ban các huyện và thị xã 5 đồng chí, trong đó có 2 đồng chí dân tộc Mèo.

Việc phân công trong các ủy ban tỉnh, huyện được thích đáng hơn trước. Ngoài một số ủy viên thường trực, còn các ủy viên khác phụ trách các khối quan trọng (ở tỉnh) hay xuống phụ trách các khu vực (ở huyện).

Đối với chính quyền xã, chúng ta đã kết hợp trong ba đợt cải cách dân chủ bầu lại Hội đồng nhân dân, chính quyền xã đưa thêm người tốt vào, thanh thải những phần tử bóc lột, phần tử xấu có

quan hệ với địch hoặc quá chây lười công tác. Chúng ta đã tăng cường công tác giáo dục và sơ bộ chấn chỉnh lề lối làm việc của các ủy ban xã.

Tuy nhiên, hiện nay chính quyền huyện, xã vẫn còn một số ủy viên chây lười, rất ít tác dụng, một số ủy viên thuộc tầng lớp trên đã có tuổi, khả năng quá yếu ở chính quyền không thích hợp nữa. Ở dưới xã thì nhiều nơi tuy số cốt cán bản cố nông và trung nông dưới chiếm số đông trong chính quyền nhưng vì mới bỏ nghề chưa quen công việc nên chưa phát huy hết tác dụng của mình.

Gần đây, Hội đồng nhân dân tỉnh đã họp đều kỳ và đã có tác dụng tốt phát huy nguyên tắc dân chủ tập thể, bảo đảm đại biểu các dân tộc thiết thực và bình đẳng trong tham gia công việc chung. Nhưng việc sinh hoạt giữa chính quyền tỉnh, huyện và xã chưa được quy định cụ thể. Ở xã mặc dù có hội đồng nhân dân xã rồi mà một số nơi vẫn dùng hình thức hội nghị quân dân chính để bàn bạc công việc, không biết thông qua hội đồng nhân dân xã mà giải quyết các công việc chủ yếu ở xã.

Đối với một số cơ quan chuyên môn của tỉnh, thời gian vừa qua nhờ có sự bổ sung của Trung ương nên chúng ta đã tăng cường thêm cho một số ngành một số cán bộ, nhưng vì yêu cầu của các công tác trung tâm và đột xuất, cán bộ phải trưng dụng đi xã luôn nên nhiều cơ quan vẫn ở tình trạng xộc xệch, nhìn chung số lượng cán bộ, các cơ quan chuyên môn đến nay cũng còn yếu, chất lượng càng yếu hơn, mặc dù anh em đã có nhiều tiến bộ sau chỉnh huấn song vẫn chưa đáp ứng được với yêu cầu chung ngày càng phát triển.

2. Về công đoàn

Chấp hành Nghị quyết Hội nghị Đại biểu toàn Đảng bộ tỉnh tháng 3-1959 trong hơn hai năm qua, tổ chức công đoàn đã góp phần tích cực và xứng đáng hoàn thành những nhiệm vụ công tác lớn của tỉnh giao cho; đặc biệt đã động viên công nhân, viên chức hoàn thành thắng lợi công tác phát động cải tiến chế độ quản lý xí

nghiệp và thực hiện vượt mức kế hoạch nhà nước. Nhiều công trường, xí nghiệp, cơ quan đã được khen thưởng, đồng thời do hoạt động của công đoàn được đẩy mạnh, tổ chức của công đoàn đã được phát triển và củng cố. Vai trò của công đoàn được đề cao, nhận thức về nhiệm vụ cách mạng cũng như giác ngộ về giai cấp, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, ý thức làm chủ của công nhân, viên chức được nâng lên một bước mới, tư tưởng của công nhân, viên chức cũng có chuyển biến tốt. Thắc mắc về xuôi đã giải quyết được nhiều, tình trạng đi muộn về sớm hầu như đã được chấm dứt. Mặt khác, anh chị em đã hăng hái phát huy nhiệt tình xã hội chủ nghĩa trong lao động, sản xuất và công tác. Những thành tích trên nói lên phong trào công đoàn đã trưởng thành thêm một bước, đồng thời tạo ra những nhân tố thuận lợi cho sự phát triển của phong trào sau này.

Tuy nhiên trong phong trào công đoàn cũng còn có những nhược điểm, khuyết điểm:

- Nhược điểm chung và cũng là mâu thuẫn nổi bật trong tổ chức công đoàn là nhiệm vụ ngày càng nặng, vai trò ngày càng lớn, nhưng trình độ mọi mặt của công nhân, viên chức còn non, về tổ chức công đoàn còn yếu.

- Về mặt trình độ chính trị và tư tưởng của cán bộ, công nhân, viên chức thời gian qua có tiến bộ nhiều nhưng nhận thức cũng mới là bước đầu, những biểu hiện tư tưởng trái với tư tưởng xã hội chủ nghĩa vẫn còn diễn biến hàng ngày khá phức tạp. Cho nên việc giáo dục nâng cao giác ngộ giai cấp, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa vẫn là công tác quan trọng hàng đầu, lâu dài của tổ chức công đoàn.

- Về mặt trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật, nghĩa vụ cũng như trình độ quản lý nói chung còn rất thấp. Chúng ta cũng thấy rằng nếu cán bộ công nhân chỉ cần tinh thần tích cực lao động thì chưa đủ. Đó cũng là vấn đề tồn tại lớn nhất hiện nay, nó thể hiện mâu thuẫn giữa yêu cầu đẩy mạnh sản xuất với trình độ của cán

bộ công nhân trong thời gian qua mà các cấp lãnh đạo cũng chưa chú ý đầy đủ.

- Về nhiệm vụ của tổ chức công đoàn ngày càng rất nặng nề nhưng nhận thức về vai trò và trách nhiệm của tổ chức công đoàn trong giai đoạn mới, nhất là đối với Lào Cai công nghiệp phát triển nhanh, đông công nhân. Nhưng nhiều cán bộ công nhân, viên chức chưa nhận thức được đầy đủ, chưa thấy hết ý nghĩa "công đoàn là trường học của chủ nghĩa cộng sản". Việc thi hành Luật công đoàn ở các cơ quan tiến hành chậm. Chi bộ, thủ trưởng cũng ít quan tâm đến xây dựng công đoàn và thiếu dựa vào công đoàn, trong khi đó việc lãnh đạo của Liên hiệp công đoàn tỉnh đối với các cơ quan cũng buông lỏng, không cụ thể, sát sao. Quan niệm về tính chất giai cấp và tính chất quần chúng của công đoàn chưa quán triệt nên vừa qua có nhiều biểu hiện rất hẹp hòi trong phát triển đoàn viên (hiện tượng phát triển ẩu cũng có nhưng ít).

Trong thời gian tới cần cố gắng khắc phục những thiếu sót khó khăn trên, cần tiếp tục củng cố phong trào công đoàn các công trường, xí nghiệp; đồng thời phải coi trọng đúng mức phong trào công đoàn ở các cơ quan tỉnh, huyện. Vì nếu hoạt động của công đoàn cơ quan được đẩy mạnh sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện các chính sách, các nhiệm vụ công tác, đến việc phục vụ nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

3. Về thanh niên

Sau Hội nghị toàn Đảng bộ tỉnh tháng 3-1959 do nhận thức đối với công tác thanh niên chuyển biến tốt nên các cấp đã chú trọng tăng cường lãnh đạo, đẩy mạnh mọi mặt giáo dục, xây dựng và hoạt động của thanh niên.

Một tiến bộ đáng kể của công tác thanh niên đã khéo kết hợp vào các công tác trung tâm của tỉnh mà đẩy mạnh công tác thanh niên ở các cơ quan công trường, xí nghiệp và nông thôn, do đó tổ chức của Đoàn phát triển mạnh mẽ.

Trước tháng 3-1959, toàn tỉnh mới có 76 chi đoàn gồm 1.572 đoàn viên, trong đó 70 chi đoàn cơ quan, công trường, xí nghiệp; chỉ có 6 chi đoàn (72 đoàn viên) thuộc các xã, thị trấn, thị xã. Đến nay đã có 278 chi đoàn với số đoàn viên là 3.916 đoàn viên. Đáng chú ý nông thôn đã có 117 chi đoàn với số đoàn viên là 1.614 đoàn viên tăng 17 lần so với số đoàn viên thanh niên nông thôn năm 1958.

Đi đôi với công tác phát triển Đoàn, công tác giáo dục thanh niên cũng được đặc biệt chú ý. Về giáo dục thanh niên, chúng ta đã thông qua các cuộc phát động hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, thông qua công tác cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp, thông qua chính huấn và thông qua các ngày kỷ niệm lớn như kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng, kỷ niệm 15 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, kỷ niệm 10 năm giải phóng Lào Cai để nâng cao sự hiểu biết của thanh niên về Đảng, về giai cấp, về xã hội chủ nghĩa.

Chất lượng đoàn viên thanh niên nhìn chung được bảo đảm: số thanh niên kém có ít, hầu hết đoàn viên thuộc thành phần cơ bản, đã trải qua rèn luyện thực tế.

Trên các mặt hoạt động sản xuất, công tác và đấu tranh cũng như trong lao động thực hiện hợp tác hóa, cải tiến quản lý xí nghiệp, thực hiện nghĩa vụ quân sự, v.v., thanh niên đã xứng đáng với vai trò nòng cốt, gương mẫu và tiên phong.

Trong thi đua, thanh niên đã phát động những phong trào thích hợp và xây dựng nên những điển hình tốt như: cố gắng thanh niên, "xe 26", hoặc như phong trào "kiện tướng phân" với hơn 100 đoàn viên đạt tiêu chuẩn, v.v.. Những tư tưởng tự do vô kỷ luật, làm bừa, làm ẩu của thanh niên công nhân, tư tưởng mê tín, trai gái của thanh niên nông dân hoặc tư tưởng ngại lao động của thanh niên các thị xã, thị trấn đã giải quyết được một phần. Về mặt công tác thiếu niên, nay có 21 đội và 1 đội Nhi đồng Tháng Tám.

Nhìn chung công tác thanh niên từ Hội nghị Đảng bộ toàn tỉnh tháng 3-1959 đến nay có nhiều cố gắng. Tuy nhiên, trước tốc độ

công tác phát triển nhanh nhất là đối với cơ sở công nhân, công tác củng cố đã không theo kịp.

Hiện nay mặt yếu của thanh niên là trình độ chính trị, văn hóa và kỹ thuật của anh em nói chung chưa hơn hẳn thanh niên ngoài Đoàn. Tinh thần tích cực hăng hái có nhưng lề lối làm việc và phương pháp công tác còn nhiều lúng túng, tuy số cơ sở đã tăng hơn trước nhiều nhưng chưa đáp ứng kịp yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, nhiều thôn và tổ sản xuất không có đoàn viên. Và nhìn chung toàn bộ thì phong trào trong thanh niên học sinh yếu và yếu nhất là công tác thiếu niên và nhi đồng.

Mặt khác do công tác ngày càng đi sâu vào các dân tộc, kinh nghiệm vận động thanh niên ở từng vùng không giống nhau, không thể áp dụng kinh nghiệm vùng này với vùng khác một cách máy móc. Vì vậy, Đoàn thanh niên cần nghiên cứu, tổng kết rút ra kinh nghiệm về mặt vận động thanh niên một số dân tộc chủ yếu trong tỉnh, vấn đề động viên thanh niên cố gắng học tập chính trị, văn hóa và kỹ thuật cũng rất cần thiết, nếu không sẽ hạn chế tác dụng lãnh đạo của Đoàn.

Về lãnh đạo, có cấp ủy có những đồng chí chưa chú ý dựa vào tổ chức thanh niên nên công tác vẫn còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt đối với việc xây dựng tổ chức thiếu nhi nhiều nơi hầu như chưa đề ra, đó là thiếu sót nghiêm trọng, những thiếu sót trên có khi biểu hiện của tư tưởng hẹp hòi, chưa nhận thức rõ sự nghiệp cách mạng đòi hỏi phải đào tạo một lớp người mới, một thế hệ tương lai, đào tạo lực lượng hậu bị của Đảng. Riêng đối với thiếu nhi là những mầm non xã hội chủ nghĩa càng cần chúng ta bồi dưỡng ngay từ khi bắt đầu có hiểu biết, có thể các em mới trở thành người công dân tương lai, đầy đủ đạo đức và tri thức để xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Chú ý tới thiếu nhi cũng là đáp ứng đúng với yêu cầu trước mắt của cha mẹ các em, vì hiện nay lo lắng chính của cha mẹ các em là các em không được dạy dỗ đầy đủ và tốt.

4. Về phụ nữ

Nhờ thông qua các cuộc vận động hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ và phát động công nhân, viên chức cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp, tổ chức phụ nữ đã được củng cố và phát triển khá trong 2 năm qua.

Hiện nay đã có 122 xã có ban chấp hành và 1 xã có ban vận động. Số hội học viên lên tới 29.730 người, trong đó các tổ chức nữ công ở công trường có 1.323 người.

Ngoài ra, chúng ta đã tổ chức tất cả 184 nhóm trẻ theo thời vụ và 4 thường xuyên. Số lớp mẫu giáo cũng tăng lên 5 lớp. Nói chung cả nhóm trẻ và mẫu giáo chưa đáp ứng được với yêu cầu giải phóng sức sản xuất của phụ nữ. So với đầu năm 1959 thì đã khắc phục được tư tưởng và tổ chức quy mô và không biết dựa vào các cơ sở sản xuất.

Hoạt động của phụ nữ trong 2 năm qua, ngày nay càng đi sâu vào các vấn đề chính như trong sản xuất nông nghiệp thì chú ý vận động cấy dày làm cỏ, làm màu ở công trường, cơ quan; ngoài việc kết hợp vừa quản lý xí nghiệp đã chú ý tới các vấn đề xã hội bảo vệ quyền lợi phụ nữ.

Điều đáng chú ý là qua lao động tập thể, phụ nữ các dân tộc thường tỏ ra chăm chỉ, tận tâm vun vén của hợp tác xã nhiều hơn nam giới, có gia đình số công của phụ nữ hơn nam. Trên cơ sở đó vai trò của phụ nữ ngày càng nâng cao.

Gần đây, phong trào góp vốn "8-3" nay cũng đã phát huy thêm một bước lòng hăng hái xây dựng xã hội chủ nghĩa của phụ nữ tuy việc đóng góp ở một số nơi đã bị gò bó, mệnh lệnh.

Khó khăn chủ yếu của phong trào phụ nữ hiện nay là sự lãnh đạo từ tỉnh tới huyện đều yếu. Tuy các Ban Chấp hành ở tỉnh và một số huyện được bầu lại nhưng số chuyên trách cho phong trào lại ít.

Tư tưởng coi thường phụ nữ và thái độ thiếu quan tâm tới tổ chức phụ nữ hiện nay còn khá phổ biến. Điều đó đã ảnh hưởng tới tinh thần tích cực, kể cả quyền lợi vật chất của chị em như một số

tổ hợp tác xã khi bình công điểm thì thường bình phụ nữ thấp hơn công nam giới, hoặc ở một số công trường, cơ quan không chú ý tới các công tác phúc lợi, bảo đảm lao động cho chị em mà lại sợ tuyển phụ nữ có con cái thì năng suất tụt.

Chúng ta cần phải phổ biến rộng rãi Nghị quyết Hội nghị phụ vận mới đây của Trung ương và có kế hoạch khắc phục mọi thiếu sót ở trên.

5. Về mặt trận

Công tác mặt trận ở Lào Cai trong hai năm qua chủ yếu nhằm tăng cường công tác đoàn kết dân tộc, tranh thủ lớp trên và đẩy mạnh công tác đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

Về công tác đoàn kết dân tộc của cấp ủy đều có kết hợp liên tục giáo dục qua việc thi hành các chính sách lớn, từ phong trào phát động quần chúng xây dựng hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, qua giáo dục đã giải quyết căn bản những nguyên nhân gây ra xích mích dân tộc, đã giải quyết nhiều vụ xích mích từ lâu để lại. Mặt khác trong việc chia quả thực và qua chấn chỉnh các tổ chức ở xã, trong xây dựng đổi công hợp tác chúng ta đã chú ý đến quyền lợi bình đẳng của các dân tộc nên đã làm cho đồng bào thương yêu, đoàn kết lẫn nhau hơn.

Về công tác tranh thủ lớp trên, tỉnh và các huyện đã đặc biệt chú ý đẩy mạnh, mở rộng trong các cuộc phát động quần chúng tiến hành hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ. Chúng ta đã mở nhiều cuộc tọa đàm với những nhân vật lớp trên cần tranh thủ, làm cho họ thấy rõ chính sách nhân đạo của Đảng và Chính phủ và thấy lực lượng to lớn của nông dân. Mặt khác, chúng ta cũng đã chú ý chiều cố thỏa đáng trong việc quy định thành phần, xử lý tài sản đối với họ. Nhờ vậy có một số lớp trên đã tỏ ra tiến bộ, phấn khởi trước thái độ đối xử của ta. Chúng ta còn dùng được người này để ổn định người khác nên nhìn chung họ không có vấn đề gì chống đối đáng kể.

Về đấu tranh thống nhất trong hai năm qua, Lào Cai đã phát động được phong trào mạnh mẽ và liên tục hơn bao giờ hết. Đặc biệt vụ Phú Lợi đã động viên 2/3 số dân trong tỉnh tham gia cuộc đấu tranh, đã tổ chức hơn 200 cuộc biểu tình tới trước Tổ Quốc tế. Về mặt tư tưởng đã giáo dục lòng căm thù sâu sắc đối với Mỹ - Diệm, đã giải quyết được nhiều tư tưởng bi quan, bàng quan với đấu tranh thống nhất. Vấn đề đấu tranh thư tín, đòi quan hệ Bắc - Nam cũng như vấn đề đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới cũng được chú ý. Đầu tháng 4-1960, tỉnh Lào Cai lại tổ chức kết nghĩa với tỉnh Thủ Dầu Một đã động viên tinh thần hăng hái đấu tranh hơn.

Song trong công tác mặt trận cũng còn những thiếu sót:

- Có nơi có xích mích dân tộc sâu sắc, như giữa Phù Lao - Phù Lá với Mèo ở xã Ái Quốc (Mường Khương) hay ở Pa Cheo Phìn, bản Xèo (Bát Xát), giữa Mèo với Nhắng nhưng giải quyết chậm trễ kéo dài hàng năm. Đáng chú ý nữa là thành kiến của nhiều đồng bào trong làng với người Kinh buôn bán hoặc giữa dân tộc đa số và thiểu số trong một vùng trong nhiều trường hợp vẫn diễn đi diễn lại đòi hỏi phải giáo dục thường xuyên và liên tục hơn nữa mới giải quyết hết được.

- Về công tác tranh thủ lớp trên, ta còn thiếu phối hợp giữa hai mặt: dưới lên, trên xuống, nên có những lớp trên dự hội nghị tranh thủ về còn thái độ không tốt. Cũng cần phải đề phòng xu hướng cho rằng sau cải cách "dân chủ" công tác lớp trên không thành vấn đề nữa. Cần phải thấy vấn đề tranh thủ lớp trên còn phải đấu tranh và giáo dục lâu dài, nhất là cần phải thấy kẻ địch đang cố giành giật, lôi kéo những người có mâu thuẫn với ta, đẩy đến chống lại ta.

Về tổ chức của Mặt trận tỉnh và một số huyện vừa qua đã được chấn chỉnh, nói chung là tốt, nhưng các cấp ủy cũng cần chú trọng lãnh đạo công tác mặt trận hơn nữa để phát huy những kết quả đã đạt được.

V. XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ ĐÀO TẠO CÁN BỘ

Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ tháng 3-1959 đã phê phán rất nghiêm khắc sự trì trệ của công tác phát triển Đảng từ hòa bình lập lại, đặc biệt từ khi có Chỉ thị số 5 của Trung ương, đồng thời Hội nghị đã xây dựng đúng đắn phương châm, phương hướng, mức độ phát triển và củng cố Đảng. Về mặt đào tạo cán bộ, Hội nghị đã nhấn mạnh việc chống tư tưởng dân tộc lớn và tư tưởng dân tộc địa phương, nhấn mạnh sự quan trọng của việc đào tạo, đề bạt cán bộ địa phương và bồi dưỡng cán bộ nơi khác đến. Hội nghị đã xem xét một cách toàn diện chỗ mạnh, chỗ yếu của công tác cán bộ trước kia và đề ra những yêu cầu cụ thể cho thời gian sau Hội nghị, nhờ vậy sau Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ, công tác xây dựng Đảng đã có những chuyển biến rõ rệt.

a) Về phát triển và củng cố Đảng:

Tính từ Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ tới tháng 12-1960, số đảng viên mới phát triển lên tới 889 đồng chí. Nếu so sánh với số đảng viên phát triển từ cuối năm 1957 tới đầu năm 1959 thì số đảng viên mới phát triển sau Hội nghị đại biểu Đảng bộ tới nay tăng gấp hơn 10 lần. Tổng số đảng viên toàn tỉnh tới tháng 12-1960 đã có 1.963 đồng chí tức là chiếm 1,9% so với dân số. Số chi bộ toàn tỉnh hiện nay tăng lên gấp 1,68 lần, riêng chi bộ nông thôn từ 8 tăng lên 46, hiện nay chỉ còn 4 xã chưa có đảng viên. Đáng chú ý là số đảng viên mới phát triển vào nông thôn tăng mạnh, nay đã có 594 đảng viên bao gồm 16 dân tộc, chiếm 33,6% so với tổng số đảng viên trong tỉnh. Chúng ta đã tập trung vào tuyển lựa những phần tử ưu tú trong giai cấp vô sản và bán vô sản vào Đảng. Cụ thể trong số 657 (tức lấy số liệu tới tháng 3-1960) thì có 42 là công nhân, 50 là cố nông, 303 là bán nông, 155 là trung nông, 37 là tiểu tư sản, 42 lao động khác, còn 28 chưa báo cáo rõ thành phần. Về dân tộc có 77 Thổ, 96 Mèo, 14 Phù Lá, 37 Nhắng, 61 Nùng, 59 Mán, 23 Hán, 4 U Ní, 5 Pa Dí, 5 Hoa kiều, 1 La Chí, 1 Mường, còn

lại là Kinh. Quá 1/2 tổng số được kết nạp trong công tác hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ và công tác phát động cán bộ công nhân, viên chức quản lý xí nghiệp. Vì vậy việc tuyển lựa làm tương đối tốt, hầu hết những đồng chí kết nạp đều là cán bộ cốt cán xã cũ đã được huấn luyện trong nhiều cuộc vận động từ trước hoặc là chiến sĩ thi đua, cá nhân gương mẫu trong các xí nghiệp, công trường, cơ quan. So với tổng số đảng viên hiện nay, về thành phần giai cấp thì công nhân có 225, tức 11,45%, bần nông có 863, tức 43,96%. Thành phần cơ bản là 87%, số xuất thân thành phần bóc lột là 0,92%. Trong số đảng viên trên có 253 là thanh niên chiếm 13,3%, số nữ đảng viên là 5,4%; riêng số mới kết nạp có 26% là thanh niên lao động và 44 là phụ nữ.

Nhờ phát triển thêm đảng viên mới, Đảng ngày càng bắt rễ xuống các cơ sở sản xuất, các công trường, xí nghiệp, nông thôn, khắc phục tình trạng đảng viên chỉ có trên các bộ phận lãnh đạo văn phòng, nhà máy hoặc cơ quan tỉnh, huyện.

Sau khi được kết nạp, tuyệt đại số đảng viên đã tỏ ra xung phong gương mẫu đẩy mạnh sản xuất và chấp hành chính sách của Đảng trong công cuộc cải tạo và xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, công tác phát triển Đảng từ Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ tỉnh tới nay không được đều. Trong những tháng đầu năm 1959 nhịp độ phát triển có chậm. Có tình trạng đó, một phần vì các địa phương có tư tưởng chờ đợi kết quả của cuộc vận động hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ để hiểu rõ thành phần giúp cho việc tuyển lựa đối tượng được tốt, nhưng một phần cũng do lúc này sau một thời gian dài coi nhẹ việc phát triển Đảng, nay lại bắt tay vào thì cần có thời gian chuẩn bị duyệt lại số cốt cán và tích cực của mình. Ngược lại, công tác phát triển về cuối năm 1959 tăng rất nhanh, một phần nhờ Trung ương có chỉ thị hướng dẫn cụ thể phát triển đợt 6-1 và lúc này ở các địa phương, các cơ sở đều có các cuộc vận động giúp cho việc tuyển lựa đảng viên được thuận lợi hơn. Nhưng sau ba đợt vận động thì tốc độ

phát triển lại chậm lại. Đáng chú ý gần đây một số địa phương hầu như không chú ý tới việc phát triển nữa.

Tuy căn bản công tác phát triển Đảng trong thời gian qua tiến hành tốt, thận trọng, nhưng trong quá trình tiến hành cũng có nhiều lệch lạc: phổ biến là lúc đầu chúng ta quan niệm về cốt cán và tích cực không thống nhất, nhận thức về các tiêu chuẩn phát triển Đảng không được toàn diện, nên có nơi nặng về thành tích trước mắt, không chú ý thẩm tra lý lịch; ngược lại có nơi nặng về lịch sử, không chú ý tới những tiến bộ hiện nay của đối tượng. Tư tưởng hẹp hòi đối với thanh niên thường khá trầm trọng ở nông thôn. Đối với phụ nữ, nhìn chung cả nông thôn, cơ quan và công trường, xí nghiệp đều coi nhẹ phát triển đảng viên là phụ nữ nên nữ đảng viên quá ít, so với số nữ giới toàn tỉnh thì mới có 0,19% là đảng viên.

Đối với cán bộ dân tộc thoát ly, một số chi bộ cơ quan cũng cần chú ý đến dìu dắt, bồi dưỡng để phát triển Đảng. Riêng đối với các tổ viên tích cực trong các tổ hợp tác tiểu thương và tiểu thủ công thì việc bồi dưỡng để kết nạp trong hai năm qua hầu như xem nhẹ hẳn. Khuyết điểm cần chú ý hơn cả là trong công tác kết nạp đảng viên mới hầu hết các huyện đều có một số ít đảng viên không đủ tiêu chuẩn hoặc lý lịch không rõ ràng cần thẩm tra lại. Có nơi định kết nạp cả những người trước đây đã nằm trong tổ chức địch hoặc sau ngày Lào Cai giải phóng là chỉ huy phỉ. Có tình hình trên một phần do trong quá trình phát triển Đảng chúng ta không kịp thời nâng cao đầy đủ ý thức bảo vệ sự trong sạch của Đảng cho toàn đảng viên.

Sau khi phát hiện vấn đề này chúng ta lại thiếu hướng dẫn cấp dưới vận dụng tiêu chuẩn cụ thể vào hoàn cảnh địa phương nên có một số đồng chí chùn lại, sợ phát triển sẽ bị sai tiêu chuẩn trên.

Về mặt củng cố chi bộ và giáo dục đảng viên, nhìn chung cũng có nhiều cố gắng. Mặc dù ở cơ quan hoàn cảnh đảng viên tham gia phát động nhiều, và ở nông thôn thì tình trạng chi bộ ghép nhiều,

nhưng các chi bộ đều cố gắng sinh hoạt đều kỳ. Nhiều chi bộ trước nội bộ lục đục nay đã củng cố lại. Trong số đảng viên nông thôn mới được kết nạp, số đông đã được huấn luyện ngắn ngày về một số điều cơ bản về Đảng. Riêng tỉnh đã mở liền 3 lớp huấn luyện chi ủy viên và tổ trưởng tổ Đảng cho nông thôn và công trường, xí nghiệp. Mặt khác, công tác chỉnh huấn và công tác phát động công nhân, viên chức cũng giúp cho việc nâng cao thêm một bước lập trường tư tưởng, ý thức đảng viên. Tuy nhiên, công tác của các chi bộ cũ ở nông thôn làm chưa được liên tục sâu sắc, vì vậy trình độ đảng viên xã ở nông thôn vẫn còn rất thấp. Có những đồng chí thiếu gương mẫu, chây lười trong công tác, thậm chí có những đồng chí đã phản đối chính sách ba thu, dọa đánh vợ khi thấy vợ hăng hái công tác, v.v.. Hiện tượng kỷ luật lỏng lẻo vẫn còn tồn tại trong một số chi bộ.

Hiện nay, số đảng viên dự bị chiếm hơn 1/3 tổng số đảng viên. Những đảng viên mới phát triển tuy tinh thần hăng hái và có qua giáo dục ngắn kỳ nhưng trình độ hiểu biết về Đảng còn rất thấp. Mặt khác, trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, yêu cầu đối với đảng viên còn cao hơn là trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Đảng viên không những phải có tinh thần tích cực, lập trường tư tưởng vững, lại còn phải có trình độ hiểu biết về chủ nghĩa Mác - Lênin và trình độ công tác quần chúng vững vàng. Sau đợt phát triển 6-1, và do công tác tuyên truyền Đảng trong hai năm qua đã được mở rộng hơn trước, nên hiện nay quảng đại quần chúng ngày càng cố gắng gần gũi Đảng, tìm hiểu Đảng, mong muốn được vào Đảng. Mặt khác, những phần tử cơ hội cũng thường nhân lúc Đảng mở rộng hàng ngũ để chui vào Đảng. Trước tình hình trên, nếu không đẩy mạnh công tác giáo dục đảng viên nói chung và công tác giáo dục đảng viên mới nói riêng, nếu không chú ý tiếp tục lãnh đạo công tác tuyên truyền Đảng có kế hoạch, hệ thống sâu sắc hơn nữa thì nhất định công tác phát triển và xây dựng Đảng của chúng ta không thể tiếp tục

tiến bộ mạnh mẽ đáp ứng với yêu cầu của tình hình ngày càng chuyển biến của tỉnh ta.

b) Công tác đào tạo cán bộ:

Trong thời gian qua, mặc dù công tác bận, tỉnh đã cử 72 đồng chí đi học lớp lý luận của Khu và Trung ương, cử 7 đi học lớp hợp tác hóa và 7 đi trường chính trị dân tộc Trung ương, 27 đi lớp Bộ Nội vụ, 21 cán bộ đi học lớp bổ túc văn hóa, 126 cán bộ đi học lớp nghiệp vụ ngành dọc, ngoài ra tỉnh đã mở lớp huấn luyện cho chi ủy viên, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm hợp tác xã, kế toán hợp tác xã, các ngành y tế, công an, giáo dục, thương nghiệp, nông nghiệp, ủy ban là 3.443 (chưa kể số theo học các lớp dân quân).

Tới nay đã có hơn 800 cán bộ, nhân viên cơ quan được qua chỉnh huấn và có 230 cán bộ theo học lớp A và 400 theo học lớp B tại chức. Cũng trong thời gian qua, tỉnh đã đề bạt 10 cán bộ cấp trưởng, phó ty, ủy viên ban chuyên môn và tương đương ở tỉnh, 5 ủy viên ủy ban huyện, 1 phó chủ tịch huyện, 11 ủy viên ban cán sự, 3 chấp ủy thị xã và một số cán bộ vào các chấp hành đoàn thể tỉnh, huyện. Tỉnh còn đề bạt 45 trưởng, phó phòng tỉnh, huyện. Trung ương đã bổ sung cho Lào Cai 11 cán bộ trung cấp nhưng rút đi 5 tỉnh ủy viên, 147 cán bộ sơ cấp và cơ sở. Khu Lao Hà Yên đã tăng cường về 72 cán bộ, nhân viên. Các ngành dọc của Trung ương điều về 116, trong đó có 105 là giáo viên xung phong.

Tỉnh đã điều động về huyện 150 cán bộ, nhân viên, 100 giáo viên, còn lại thì tăng cường cho các ngành thuộc tỉnh. Ngoài ra, tỉnh đã thường xuyên huy động hàng 100 cán bộ cốt cán xuống tham gia phát động. Có lúc để phục vụ công tác đột xuất, số lượng cán bộ nhân viên huy động xuống xã lên tới gần 1.000 người.

Cũng trong thời gian qua, đã điều về xuôi 13 người vì yêu cầu công tác hoặc vì sức khỏe quá yếu.

Về mặt kiện toàn tổ chức, nhiều ban, ty hoặc phòng được lập thêm. Chúng ta còn tiến hành sáp nhập một số ngành cho hợp lý. So sánh với biên chế tháng 12-1958 của các ngành, Dân, Đảng

hành chính sự nghiệp và quốc doanh thuộc tỉnh thì số cán bộ, nhân viên từ 1.120 lên tới 2.444, tức tăng trên 100%, trong đó số cán bộ, nhân viên dân tộc hiện nay có 215, phụ nữ 336, tạm tuyển 502.

Về mặt khen thưởng, riêng năm 1959 đã khen 30 đơn vị và đề nghị Trung ương thưởng nhiều huân chương, bằng khen. Ngoài ra, các đợt vận động đều có khen kịp thời.

Về mặt kỷ luật, đã cảnh cáo 18, sa thải 20 và cho thôi việc 75.

Về mặt trợ cấp cán bộ thiếu thốn, đã tiến hành cấp cho 133 người ở cơ quan hành chính số tiền là 3.825 đồng; 428 người ở công trường, xí nghiệp số tiền 11.730 đồng; 651 cán bộ xã số tiền là 10.835 đồng.

Trong công tác cán bộ, chúng ta đã chú ý giáo dục nâng cao chính trị bằng chỉnh huấn, bằng công tác thực tế, bằng thường xuyên phổ biến nghị quyết của tỉnh. Như vậy chúng ta đã nâng cao hơn một bước giác ngộ xã hội chủ nghĩa, nâng cao tin tưởng ở đường lối đấu tranh cách mạng trong giai đoạn hiện nay; chúng ta đã phê phán chủ nghĩa cá nhân, phê phán tư tưởng hữu khuynh trong công tác trấn phần và công tác nông thôn, tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc địa phương. Trong cuộc vận động ba cải, chúng ta còn chú ý giáo dục chính sách cho cán bộ, nhân viên nói chung và đặc biệt đối với những đồng chí mà gia đình ít nhiều bị đụng chạm đến có tổ chức giáo dục hoặc giải thích riêng. Nhờ vậy, tỉnh và các cấp ủy địa phương đã động viên được lòng hăng hái của đa số cán bộ tham gia công tác chung.

Tuy nhiên, do hàng ngũ cán bộ ngày càng đông, khối lượng công tác ngày càng nhiều, trình độ kỹ thuật tổ chức nhìn chung còn kém, các bộ môn giúp việc tỉnh về công tác cán bộ và tư tưởng như tuyên huấn và tổ chức lại có lúc quá thiếu người, nên có nhiều vấn đề xảy ra tỉnh không lường trước được. Tình trạng tham ô ở một số đơn vị rất nghiêm trọng. Ý thức tổ chức còn lỏng lẻo thể hiện trong một số trường hợp về chấp hành chính sách. Có cơ quan nội bộ lãnh đạo thiếu đoàn kết một thời gian dài, ảnh hưởng tới

công tác hoặc có cán bộ, đảng viên đã tỏ ra phản ứng không tốt trong công tác "ba cải". Việc tuyển lựa công nhân viên gần đây thiếu kiểm tra sâu lý lịch nên có hiện tượng giả mạo lý lịch, trốn hợp tác xã dưới xuôi lên xin việc cơ quan cũng nhận. Đối với cán bộ xã thì việc giáo dục làm thiếu liên tục, chế độ phân công, phân nhiệm chưa tốt nên có hiện tượng kêu ca nhiều việc, xin thôi, xin nghỉ nhiều.

Riêng về mặt đào tạo cán bộ dân tộc địa phương, chúng ta đã nhiều lần kiểm điểm và mới đây đã đề ra phương hướng toàn diện hơn để đào tạo cán bộ lãnh đạo có văn hóa. Chúng ta cũng đã bỏ tới trên 1/10 ngân sách toàn tỉnh vào các lớp huấn luyện chưa kể việc được đào tạo thường xuyên qua các đợt phát động ở xã. Do đó, mặc dầu công tác hiện nay hết sức phức tạp nhưng cán bộ địa phương nhất là ở xã đã làm tốt nhiệm vụ. Tuy nhiên có một số ngành gần đây không chú ý khắc phục khó khăn đào tạo cán bộ, nhân viên địa phương, lại có xu hướng tuyển người ở xuôi lên bổ sung kịp thời cho ngành mình nên tỷ lệ cán bộ địa phương năm nay so với cuối năm 1958 sụt xuống. Việc diu dặt cán bộ địa phương trong công tác cũng còn rất kém. Vì vậy, có những quần chúng ở xã rất tích cực nhưng sau một thời gian điều đi thoát ly, tự cảm thấy không tiến bộ lại đòi về xã.

Việc giáo dục chính sách dân tộc trước hết cho các nhân viên mới tuyển hầu như chưa làm được mấy.

Hiện nay trong cán bộ xuôi lên tư tưởng về xuôi có được giải quyết nhưng cũng có một số đồng chí chưa được yên tâm. Ngoài ra, anh em cũng có nhiều lo lắng về bệnh tật, ốm đau, đãi ngộ, chế độ đối với cán bộ miền xuôi lên miền núi, v.v.. Đối với cán bộ dân tộc thì anh em lo lắng nhiều về khả năng đảm nhận nhiệm vụ. Nhìn chung cả cán bộ xuôi, ngược đều lo lạc hậu với nhiệm vụ vì trình độ văn hóa, chính trị, chuyên môn yếu, anh em mong công tác được ổn định để đi sâu vào chuyên môn. Đáng chú ý là anh em cán bộ thoát ly ở xã không có điều kiện học tập chính trị, văn hóa thường

xuân như ở cơ quan nên rất mong mỗi có một kế hoạch bồi dưỡng tích cực cho anh em hơn.

Trong công tác cán bộ thì điểm yếu nhất là công tác quản lý cán bộ từ tỉnh đến huyện đều yếu. Chúng ta chưa kiên quyết kiện toàn một số cơ quan và bộ môn cần thiết giúp việc cho tỉnh, huyện và nhất là chưa thực hiện đều kỳ việc nhận xét cán bộ.

Việc tiến hành khen thưởng có làm nhưng chưa làm được tốt kịp thời, chúng ta còn bỏ sót nhiều cá nhân hoặc địa phương tích cực đáng biểu dương khen thưởng.

Ngày nay, công tác ngày càng phát triển nhanh, không những việc đào tạo cán bộ phải chú ý về mặt chính trị, văn hóa mà còn chú ý cả về mặt chuyên môn. Cán bộ phụ nữ vẫn ít nhưng chúng ta thiếu chú ý đầy đủ. Trong đời sống của cán bộ cũng có nhiều vấn đề xuất hiện mới cần giúp đỡ như tình hình ốm đau, khó khăn về gia đình, nhất là đối với các đồng chí đưa gia đình ở xuôi lên.

Muốn công tác đào tạo cán bộ tốt hơn, chúng ta cần tiếp tục bổ sung kế hoạch đào tạo cán bộ hơn nữa. Đồng thời về mặt chính sách, chúng ta cần chú ý vận dụng những điều kiện đã có hoặc kịp thời phát hiện với Trung ương những vấn đề cán bộ bổ sung mới, để đẩy mạnh hơn nữa việc đào tạo, bồi dưỡng, ổn định tư tưởng, sinh hoạt, động viên cán bộ, phát huy khả năng tích cực hơn nữa.

VI. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CHUNG VÀ KIỂM ĐIỂM SỰ LÃNH ĐẠO CỦA TỈNH ỦY

Những thành tích và kết quả đã đạt được của từng mặt công tác cộng lại đã làm cho tình hình Lào Cai từ Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ tháng 3-1959 tới nay có nhiều chuyển biến có tính chất quyết định, tạo điều kiện phát triển về mọi mặt trong những năm tới.

1. Trước hết, Lào Cai đã tiến một bước dài trong sự nghiệp xây dựng quan hệ sản xuất mới ở nông thôn và các thị xã, thị trấn.

Từ một tỉnh chưa hoàn thành cải cách dân chủ và chưa có một cơ sở hợp tác xã nào trước năm 1959, sau hai năm phấn đấu tới nay, chúng ta đã đập tan thế lực còn sót lại của giai cấp phong kiến và đè bẹp thế lực của giai cấp tư sản. Đồng thời chúng ta đã hoàn thành căn bản công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, đưa 72,95% số hộ nông dân vào hợp tác xã nông nghiệp cấp thấp và đưa 72% số hộ tiểu thương, 87% số hộ tiểu thủ công vào các tổ hợp tác xã tiểu thương và tiểu thủ công. Do kết quả của công tác giáo dục tư tưởng tiến hành trong quá trình cải tạo và xây dựng hợp tác xã, tuyệt đại đa số nông dân, tiểu thương và tiểu thủ công thuộc các thành phần dân tộc khác nhau trong tỉnh đã nhận thức rõ ranh giới giữa địa chủ, tư sản, nông dân và các tầng lớp lao động khác, phân biệt rõ giữa lao động và bóc lột, giữa xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa; giữa làm ăn cá thể và tự nguyện theo con đường xã hội chủ nghĩa.

2. Tại các công trường, xí nghiệp quốc doanh, qua công tác phát động công nhân, viên chức tham gia quản lý xí nghiệp, giai cấp công nhân đã phát huy mạnh mẽ ý thức làm chủ, đẩy mạnh sản xuất, nêu những gương sáng chói lọi về lao động dũng cảm xây dựng Tổ quốc, tỏ rõ xứng đáng với vai trò lãnh đạo và tiên phong của mình.

3. Trên cơ sở thắng lợi của công tác "ba cải", của công tác giáo dục phát động công nhân, viên chức và chỉnh huấn cán bộ, nhân viên, tỉnh ta đã thực hiện thắng lợi kế hoạch nhà nước 3 năm.

Về mặt nông nghiệp, tuy chúng ta chưa đạt được một số chỉ tiêu, vì bản thân chỉ tiêu 3 năm khi xây dựng cũng có phần cao, nhưng ngay về mặt nông nghiệp, chúng ta đã phấn đấu khắc phục nhiều khó khăn về thiên tai, sâu bọ, nhân lực để đưa tốc độ sản lượng bình quân của nhiều mặt sản xuất tăng mạnh mẽ, như lúa chiêm, khoai, sắn, đỗ tương. Chăn nuôi của tỉnh ta cũng tiếp tục phát triển nhanh nhất là về ngựa, cá và bảo đảm tăng thêm về trâu, bò và lợn, tuy tốc độ tăng của trâu, bò năm 1960 không được

mạnh mẽ như trước. Về lâm nghiệp, chúng ta cũng vượt những chỉ tiêu khai thác căn bản như về gỗ, mây sợi...

Về mặt thương nghiệp, chúng ta đã mở rộng kinh tế quốc doanh, mở rộng mạng lưới hợp tác xã mua bán. Riêng về doanh số mua vào, bán ra của mậu dịch, chúng ta đều vượt kế hoạch 3 năm một chút ít. Thắng lợi lớn nhất của thương nghiệp là chúng ta đã căn bản bình ổn thị trường, bảo đảm chỉ số vật giá hạ xuống hoặc ngay khi hầu hết thị trường miền Bắc gặp khó khăn thì chúng ta vẫn giữ được tương đối vững chỉ số vật giá. Thương nghiệp tỉnh chúng ta đã cung cấp tương đối đủ những yêu cầu chính của nông thôn và đáp ứng được một phần cho yêu cầu ngày càng tăng của nhu cầu công trường, xí nghiệp.

Về mặt công nghiệp thì hầu hết các công trường, xí nghiệp của tỉnh ta đều vượt kế hoạch 3 năm. Ngành công nghiệp địa phương tuy bước đầu xây dựng và phát triển nhưng tổng sản lượng tăng khá nhanh và đã cung cấp ngày càng nhiều nông cụ, vật liệu, sản phẩm cho nông nghiệp, cho kiến thiết cơ bản ở địa phương và Trung ương.

Về mặt tài chính ngân hàng, hàng năm chúng ta đều đạt xấp xỉ kế hoạch thu chi và có nhiều tiến bộ về mặt quản lý tiền tệ. Về mặt huy động vốn tiết kiệm, về mặt thu nợ, thu thuế.

Về mặt kiến thiết cơ bản và giao thông vận tải, tuy ngân sách của chúng ta eo hẹp nhưng chúng ta vẫn dành một phần quan trọng vốn mở mang trường học, bệnh viện, bệnh xá, chợ búa, kho tàng, nhà cửa, phục hồi lưới điện nước, phục hồi những đoạn đường kinh tế quan trọng. Ngoài ra, chúng ta chú ý làm một số cầu treo phục vụ tốt cho dân sinh, kinh tế, gây tác dụng tốt về chính trị và kinh tế.

Về mặt văn hóa - xã hội, chúng ta đã có nhiều cố gắng trong công tác vệ sinh phòng bệnh và dập nhanh các dịch bệnh, đã đẩy mạnh công tác chiếu bóng, triển lãm, phát hành, văn nghệ quần chúng và hướng ngành văn hóa phục vụ đúng trọng tâm nông thôn

và các khu công nghiệp hơn trước. Riêng về giáo dục, chúng ta đã có nhiều nỗ lực trong việc tăng thêm số trường, số lớp và số học sinh phổ thông và kiên quyết dành một phần ngân sách để mở lớp tập trung đào tạo văn hóa dài hạn cho thanh niên, cán bộ xã, giáo viên người dân tộc.

4. Đối với âm mưu của địch, chúng ta đã ngăn chặn hoặc dập tắt nhanh chóng nhiều vụ đột xuất xảy ra, phá tan lực lượng phi còn lại ở Sa Pa, là nơi trước năm 1958 số phi còn lại tương đối nhiều. Chúng ta còn phá một số vụ án, đánh mạnh vào bọn đặc vụ và gián điệp. Gần đây chúng ta đã mở rộng có kết quả việc cải tạo tề, nguỵ, phi cũ chưa chịu cải tạo trong gần 1/2 số xã và các đơn vị công trường, xí nghiệp, cơ quan lớn trong tỉnh. Đồng thời chúng ta cũng đạt nhiều thành tích mới trên các mặt chống buôn lậu, bảo vệ trật tự trị an xã hội, nhất là đã làm công tác chống các vụ ma chài có kết quả.

Hiện nay tương quan địch ta ở Lào Cai đã thay đổi khác hẳn. Trong những vụ gây rối loạn gần đây, kẻ địch đã tách rời hẳn với quần chúng dân tộc, nên cái mà chúng ta thường gọi là "phi" ở Lào Cai bây giờ không còn tính chất quần chúng và dân tộc như phi những năm 1957 trở về trước. Thường thường ngày nay, ngay từ những phút đầu xảy ra các vụ rối loạn, quần chúng đã thấy rõ bọn phi là bọn phản cách mạng, tay sai của địch. Đó là một thắng lợi chính trị rất căn bản do kết quả của công tác giáo dục nâng cao ý thức giai cấp và tinh thần cảnh giác thường xuyên của hai năm qua và tất cả những lợi ích thiết thực mà chúng ta đã mang lại cho quần chúng dân tộc trong 10 năm nay.

5. Về mặt xây dựng chính quyền, lực lượng vũ trang và các tổ chức quần chúng, xây dựng Đảng và đào tạo cán bộ địa phương, chúng ta đã kết hợp chặt chẽ với các đợt phát động và bầu cử Quốc hội, bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh, xã để nâng cao ý thức tham gia quản lý Nhà nước và địa phương của các dân tộc, để củng cố thêm một bước chính quyền từ tỉnh tới xã, làm cho thành phần

chính quyền các cấp thêm vững mạnh, lực lượng cán bộ cốt cán Đảng và cán bộ xuất thân bản cổ nông và trung nông dưới chiếm đa số, đồng thời bảo đảm cho các dân tộc đều có đại biểu ở Hội đồng nhân dân là cơ quan cao nhất ở một địa phương. Mặt khác chúng ta đã kiên quyết thanh thải ra khỏi bộ máy chính quyền những phần tử xấu còn quan hệ với địch. Do đó bộ máy chính quyền đã trở nên có hiệu lực hơn trước. Đối với lực lượng vũ trang, chúng ta đặc biệt chú ý mở rộng lực lượng dân quân nên đã tăng số lượng dân quân lên gấp 3 lần, tiến hành có kết quả công tác nghĩa vụ quân sự, tổ chức thêm lực lượng công an nhân dân vũ trang, củng cố xây dựng thêm lực lượng công an xã. Trong lực lượng thường trực, chúng ta hết sức coi trọng việc bồi dưỡng đào tạo số bộ đội là người dân tộc địa phương, vì có làm tốt vấn đề này thì mới tăng thêm hiệu lực của lực lượng vũ trang của tỉnh ta. Cũng như đối với chính quyền, trong hai năm qua, chúng ta đã tiến hành có kết quả công tác thanh loại các phần tử xấu và bóc lột ra khỏi lực lượng vũ trang làm cho lực lượng vũ trang ngày càng bảo đảm tính chất giai cấp và tính chất trong sạch, đáp ứng với yêu cầu mới của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đối với các tổ chức quần chúng, một mặt chúng ta tiếp tục mở rộng và củng cố các tổ chức công đoàn, phát huy tốt tác dụng của công đoàn trong công tác quản lý xí nghiệp; mặt khác, chúng ta hết sức coi trọng việc phát triển tổ chức thanh niên, nhất là đối với nông thôn. Nhờ vậy hiện nay lực lượng thanh niên ngày càng có tác dụng đầu tàu trên các lĩnh vực sản xuất công, nông nghiệp. Tổ chức phụ nữ cũng được chú ý củng cố và phát triển thích đáng.

Riêng về mặt xây dựng Đảng, chúng ta đã có tiến bộ quan trọng trong việc xây dựng và phát triển chi bộ và đảng viên nông thôn và vào các tổ sản xuất. Từ 8 xã có chi bộ nay đã có 46 xã có chi bộ, 119 xã và 16 dân tộc trong tỉnh có đảng viên. Thành phần đảng viên phát triển trong hai năm gần đây đã bao gồm tuyệt đại đa số là quần chúng cơ bản vô sản và bán vô sản nên tỷ lệ công

nhân, bần cố nông và trung nông lớp dưới trong Đảng bộ chúng ta tăng hơn trước.

Đối với mặt đào tạo cán bộ, mặc dầu công tác hết sức bận rộn, chúng ta đã để tới 1/3 số cán bộ cấp huyện và tương đương đi học các lớp dài hạn và hoàn thành tốt công tác chỉnh huấn. Chúng ta đã tập trung đúng đắn hướng đào tạo vào xã và dùng nhiều biện pháp để dìu dắt cán bộ xã, làm cho cán bộ xã nâng cao trình độ, đáp ứng một phần với yêu cầu trước mắt của cách mạng. Chúng ta cũng không quên chuẩn bị cho việc đào tạo cán bộ lâu dài và trong phương châm đào tạo cán bộ chúng ta đã có chú ý tới việc giáo dục ý thức lao động, ý thức giai cấp, ý thức đi sâu về cơ sở cho cán bộ thoát ly và học sinh đang đào tạo.

Do những thành tích trên nên trong hai năm qua nhiều đơn vị trong tỉnh được Chính phủ khen thưởng. Tỉnh ta đã được Phủ Thủ tướng khen về sản xuất và thu mua năm 1959, là một tỉnh đứng thứ hai về năng suất chiêm năm 1960.

Các hợp tác xã như hợp tác xã Làng Dạ, hợp tác xã Sả Thèn Phàng đã được Huân chương và Bằng khen của Trung ương, huyện Muồng Khương được khen thưởng Huân chương về thành tích năm 1959. Các cơ sở như mỏ apatít, Địa chất, Xây dựng đều được Huân chương. Ty Thương nghiệp được Bằng khen của Hồ Chủ tịch. Phong trào dân quân Lào Cai năm 1959 được bình là tỉnh khá nhất, được Huân chương chiến công hạng Nhất và 6 tháng đầu năm 1960 vẫn tiếp tục giữ Cờ luân lưu của Khu, v.v..

Công tác hai năm qua sở dĩ có kết quả, một mặt là nhờ ánh sáng của chỉ thị, nghị quyết và sự lãnh đạo của Trung ương, nhờ Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ năm 1959 đã giải quyết và đề ra phương hướng đúng đắn cho các công tác của Đảng bộ chúng ta. Mặt khác cũng do tinh thần tích cực của toàn thể cán bộ, đảng viên và tinh thần cách mạng, đoàn kết của quần chúng nhân dân các dân tộc.

Tuy nhiên từ Hội nghị toàn Đảng bộ tới nay, trong từng mặt

công tác của Lào Cai vẫn còn tồn tại một số khuyết điểm, nhược điểm chưa sửa chữa, khắc phục được:

1. Hiện nay phong trào hợp tác hóa trong tỉnh đã căn bản hoàn thành bậc thấp, những thắng lợi mới chỉ là bước đầu. Đa số hợp tác xã mới xây dựng thời gian gần đây chưa hiểu gì về công tác quản lý. Ngay trong số hợp tác xã đã qua một vụ hoặc hai vụ, tình hình quản lý vẫn chưa tốt. Nhiều hợp tác xã mới lên khung, chưa có kế hoạch sản xuất cụ thể. Số kế toán trong các hợp tác xã còn thiếu nghiêm trọng, nhiều vấn đề thuộc về chính sách chưa được vận dụng thích đáng vào hoàn cảnh địa phương. Những khó khăn chủ yếu vẫn là công tác "ba quản" còn rất yếu. Các ban quản trị hợp tác xã vốn không quen quản lý một tập thể tương đối lớn; đa số lại không có văn hóa, nên rất lúng túng trong việc sắp xếp công việc làm ăn của hợp tác xã, trong việc ghi công điểm, trong việc bình công và tự bình công nên khoán việc, v.v..

Tư tưởng quần chúng tuy đã phát động qua hai đợt nhưng chưa phải tất cả đều kiên định, vững chắc. Giai cấp thù địch đã bị đánh mạnh trong phát động nhưng chưa phải tất cả bọn chúng đều quy phục, chịu ngoan ngoãn cải tạo, mà đã có một số mưu ngóc đầu dậy. Nhất là khi cán bộ tỉnh và huyện rút đi sau một đợt vận động lớn, thì những phần tử ngoan cố thường trở lại tấn công vào nông dân, vào hợp tác xã. Hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng phát triển còn chậm so với phong trào chung. Trước tất cả tình hình trên, nếu không quyết tâm củng cố phong trào thì tất ảnh hưởng tới bước đường đi lên của hợp tác xã từ nay về sau, thậm chí có khi còn ảnh hưởng cả tới tốc độ phát triển của sản xuất nữa.

Riêng đối với tiểu thương và tiểu thủ công thì tình hình quản lý gần đây có tiến bộ hơn, nhưng chúng ta vẫn vấp một số khó khăn trong việc chuyển một số tổ viên về sản xuất, trong việc cải tiến và nâng cao sản xuất của các ngành phục vụ và tiểu thủ công.

2. Phong trào trong công trường, xí nghiệp tiến chắc chắn hơn,

nhưng giữa các xí nghiệp Trung ương và tỉnh, tình hình quản lý còn chênh lệch nhiều. Ngay trong các xí nghiệp Trung ương thì dây chuyền sản xuất nhiều khi còn vướng mắc, trình độ và khả năng quản lý vẫn còn yếu, tình hình sử dụng, bảo quản máy móc, bảo hộ lao động vẫn có nhiều thiếu sót, chưa phát huy thực tốt công suất, thậm chí có khi còn làm hỏng nhiều máy móc trước thời gian quy định, còn dễ xảy ra những tai nạn chết người đáng tiếc. Trong công nghiệp địa phương thì tình hình có phức tạp hơn. Công nhân tư tưởng chưa ổn định, chưa thực sự là người địa phương hoặc quyết tâm ở và phục vụ địa phương. Việc thống nhất quản lý nhiều mặt sản xuất vào Ty Công nghiệp mới làm bước đầu nên chưa thực sự ổn định. Nhiều khi chỉ vì tính chất cục bộ giữa các ngành mà làm cho việc sắp xếp, quản lý bị chậm lại, gây khó khăn cho sản xuất, hoặc dễ xảy ra nhiều trường hợp không bảo đảm hợp đồng ký kết với nhau. Việc lãnh đạo thủ công nghiệp hầu như còn buông lỏng vì trước kia Ty Thương nghiệp có một bộ phận chuyên trách và đã đưa một phần vào lối gia công đặt hàng để quản lý tiểu thủ công, nhưng nay sang Ty Công nghiệp phụ trách thì khả năng giúp đỡ về mặt kỹ thuật và quản lý lại chưa có gì.

Đối với nông nghiệp thì tình hình sản xuất vẫn gặp nhiều khó khăn, năm được mùa, năm mất mùa, vụ được, vụ mất. Trình độ sản xuất nông nghiệp vẫn hết sức lạc hậu, mặc dù quan hệ sản xuất đã thay đổi, tiến bộ. Trong nông dân vẫn còn thể hiện nhiều thái độ bảo thủ và tản mạn. Ý thức giác ngộ về xã hội chủ nghĩa, nhất là về vị trí của nông nghiệp trong quá trình xã hội chủ nghĩa chưa được đầy đủ nên chưa phát huy hết tính tích cực của mình để khai thác mọi khả năng tiềm tàng của địa phương. Tư tưởng ỷ lại, thỏa mãn thường luôn luôn xuất hiện.

Trong thương nghiệp, yêu cầu, đòi hỏi rất cao, bộ máy quản lý nhất là cấp huyện quá yếu, nhưng cán bộ, công nhân viên mới rất nhiều, công tác tư tưởng, chính trị huấn luyện nghiệp vụ trong ngành thương nghiệp còn yếu, nhiều cán bộ, nhân viên chưa khắc

phục tốt tư tưởng kinh doanh đơn thuần và có ý thức phục vụ quần chúng dân tộc đầy đủ nên vẫn xảy ra những hành động mua bán không đúng chính sách, không phát huy hết hiệu lực của thương nghiệp trong nhiệm vụ phân phối xã hội chủ nghĩa và thúc đẩy sản xuất. Việc phát triển hợp tác xã mua bán tuy có nhanh nhưng việc quản lý lại chưa thực tốt.

Về kiến trúc và giao thông có chuyển biến, nhưng cũng chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là về mặt giao thông, chúng ta chưa tận dụng sức dân khôi phục mau chóng hệ thống đường của tỉnh ta.

Về mặt văn hóa, y tế, nhất là giáo dục, sự tiến bộ vẫn không kịp với đòi hỏi chung, đặc biệt là phong trào bình dân học vụ vẫn lạc hậu nghiêm trọng. Hơn nữa trong phát triển của giáo dục phải nghĩ tới bước đi lên của nó, những điều này các cấp ủy lãnh đạo thường chưa đề cập tới.

Nhìn chung, chúng ta đang bước vào thời kỳ đẩy mạnh phong trào xây dựng kinh tế và văn hóa, nhưng công tác quản lý, kế hoạch còn rất yếu, thống kê của tỉnh ta chưa bảo đảm chính xác. Đáng chú ý là hiện nay nhiều cán bộ vẫn chưa nhận thức đầy đủ về mặt quản lý tài chính nên thường chi tiêu phung phí, thậm chí có những cán bộ lãnh đạo tự châm trước nguyên tắc tài chính, gây quỹ riêng ở địa phương, lấy tiền công ban ơn cho mọi người để tỏ ra quan tâm tới anh em, hoặc thông thường thì trước một công tác hoặc một công trình kiến thiết nào chỉ nghĩ tới xin tiền của trên, không chịu gian khổ suy nghĩ, tìm mọi biện pháp hạn chế chi ngân sách của trên và phát huy sức dân ở dưới.

3. Công tác trấn phản tuy có thành tích nhưng sơ hở vẫn còn nhiều, đột xuất vẫn xảy ra. Vì trong khi âm mưu địch ngày càng tinh vi thâm độc, nhưng công tác đi sâu nắm địch của tỉnh ta lại quá yếu. Công tác cải tạo tề, ngụy, phỉ vẫn còn nặng nề. Tình trạng mất cảnh giác, dè dặt hoặc bất ẩu vẫn tái diễn. Giữa công tác đánh địch và công tác trị an hành chính thì mặt trị an hành chính vẫn còn yếu, nên nhiều vụ án không kết luận được, hoặc giải

quyết quá chậm. Riêng về mặt giáo dục pháp luật cho cán bộ và nhân dân thì chúng ta làm còn quá yếu.

4. Về mặt xây dựng và củng cố tổ chức, tuy có nhiều ưu điểm và thành tích từ năm ngoái tới nay, nhưng tình hình phát triển và củng cố thường không đều. Việc phân cấp giữa tỉnh và huyện vẫn nhiều mắc mứu. Việc bố trí một số tổ chức ở xã chưa hợp lý, thay đổi kịp thời sát với sự phát triển của phong trào hợp tác hóa nên vừa gây khó khăn cho sinh hoạt của tổ chức đó, vừa gây khó khăn cho hợp tác xã. Đa số xã lại chưa tự động công tác được nên vẫn phải thường xuyên phái cán bộ tỉnh và huyện xuống giúp đỡ. Mặt khác, tình hình giác ngộ chính trị và hiểu biết về chuyên môn của cán bộ, đảng viên của tỉnh nhìn chung còn chưa đáp ứng với yêu cầu của cách mạng, nên trước những chuyển biến mau chóng của tình hình, nhiều mặt công tác không đẩy mạnh một cách tương ứng.

Sở dĩ có những nhược điểm thiếu sót như vậy, một phần là do khó khăn của hoàn cảnh khách quan chưa khắc phục được, nhưng một phần cũng là do sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh, của các cấp bộ Đảng trong tỉnh còn nhiều khuyết điểm.

Riêng về sự lãnh đạo của Tỉnh ủy trong hai năm qua cũng có những ưu, khuyết điểm chủ yếu sau:

a) Về mặt ưu điểm:

Do số lượng Tỉnh ủy viên được tăng cường, trong suốt năm qua việc lãnh đạo tập thể được tôn trọng, các kỳ sinh hoạt của Ban Chấp hành tương đối đều đặn, chú ý đi sâu sát xuống cơ sở, việc kiểm điểm công tác làm được thường xuyên nên tinh thần, thái độ và kế hoạch chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, nghị quyết của Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh, Ban Chấp hành tỉnh đều có tiến bộ rõ rệt.

Tỉnh ủy đã kiên quyết nắm vững các trung tâm công tác của tỉnh, đã tập trung một lực lượng tương xứng vào việc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, vào vận động sản xuất nông nghiệp, nhưng

đồng thời vẫn cố gắng dành một phần lực lượng và việc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở thị xã, thị trấn (tuy có lúc sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với mặt này có lỏng lẻo hơn). Đối với việc lãnh đạo công tác phát động cán bộ, công nhân, viên chức cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp, Tỉnh ủy đã kiên quyết dựa vào lực lượng công nhân để tiến hành, đồng thời cũng tổ chức một bộ phận giúp Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, uốn nắn lệch lạc, bảo đảm công tác này hoàn thành có kết quả. Đối với việc thực hiện kế hoạch, ngoài việc đôn đốc các cấp dưới đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp Tỉnh ủy đã có những hội nghị bàn chuyên đề về những vấn đề công nghiệp địa phương, thương nghiệp, vấn đề giáo dục cán bộ để uốn nắn, sửa chữa những lệch lạc và quyết nghị những chủ trương, biện pháp cần thiết. Đối với mặt cải tiến kỹ thuật canh tác sản xuất nông nghiệp, Tỉnh ủy cũng có nhiều cố gắng cho tổ chức các trạm, trại của nông nghiệp để đặt cơ sở cho việc đi sâu vào lãnh đạo kỹ thuật nông nghiệp hơn. Đối với các mặt kiến trúc, giao thông, Tỉnh ủy đã nhìn rõ sự phát triển của các mặt này nên đã có nhiều cố gắng trong việc tăng cường cán bộ, trong việc kiểm tra, đôn đốc, giúp đỡ, ý kiến. Về mặt tài chính, Tỉnh ủy hết sức coi trọng việc lập ngân sách và bước đầu chú ý công tác kiểm tra tài chính.

Về mặt trấn phản, nhờ ánh sáng của nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ và Chỉ thị 186 của Trung ương, Tỉnh ủy luôn nêu cao tinh thần cảnh giác đấu tranh liên tục chống tư tưởng hữu khuynh, đồng thời tùy từng lúc đề phòng tư tưởng tả khuynh bắt ẩu, sốt ruột, Tỉnh ủy đã có nhiều cuộc họp để đánh giá đúng đắn âm mưu hoạt động của địch và những biện pháp, chính sách cụ thể hơn, thể theo sự tiến bộ của phong trào quần chúng.

Công tác vùng cao và vùng giáp giới giữa tỉnh ta với tỉnh bạn, giữa các huyện trong tỉnh được đặc biệt xem trọng, nhờ vậy chúng ta đã làm chuyển biến mạnh mẽ phong trào ở một số vùng xung yếu như Sa Pa, vùng Mường Hum, Y Tý, vùng giáp biên giới Si Ma Cai, Mường Khương và giáp giới giữa Bắc Hà với Hoàng Su Phì,

Yên Bái. Việc chăm lo đời sống cho nhân dân vùng cao và vùng trước kia thường xuyên bị đói kém so với trước cũng có nhiều tiến bộ rõ rệt như mở rộng thu mua lâm sản ở vùng Si Ma Cai, đẩy mạnh sản xuất đồ tương nói chung và chỉ đạo riêng liên tục ở vùng Nậm Lúc, v.v..

Tỉnh ủy đã đặc biệt coi trọng việc xây dựng cơ sở Đảng, chính quyền và thanh niên nhất là cơ sở nông thôn.

Riêng về mặt giáo dục tư tưởng cán bộ và nhân dân, Tỉnh ủy đã làm liên tục, thường xuyên. Nội dung lãnh đạo tư tưởng đã tương đối tập trung vào vấn đề lập trường giai cấp, những nguyên tắc cơ bản của thời kỳ quá độ lên xã hội chủ nghĩa, nhờ đó đã động viên được tinh thần hăng hái và cảnh giác cách mạng của cán bộ, đảng viên, công nhân, bộ đội, hoàn thành các nhiệm vụ trọng đại của công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, kế hoạch nhà nước, trấn áp phản cách mạng và xây dựng cơ sở.

b) Về mặt khuyết điểm:

Tuy nhiên trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo của Tỉnh ủy trong hai năm qua có những lúc còn thiếu toàn diện, thiếu cụ thể và đánh giá chưa đúng mức yêu cầu của quần chúng. Công tác điều tra, nghiên cứu còn kém. Việc phối hợp công tác giữa các ngành xoay quanh mấy công tác trung tâm chưa được tốt. Việc tổng kết, sơ kết công tác có làm nhưng nhiều trường hợp còn làm vội vàng, thiếu sâu sắc. Việc phổ biến kinh nghiệm, lãnh đạo thi đua, động viên khen thưởng chưa được chú ý đúng mức. Về mặt tổ chức thực hiện nghị quyết, có lúc đã thiếu kiểm tra chặt chẽ bên dưới chấp hành. Lệ lối làm việc tuy dần dần có cải tiến nhưng vẫn còn luộm thuộm, thủ công nghiệp có lúc thiếu dứt khoát, khẩn trương.

Những khuyết điểm trên thể hiện trong mấy vấn đề chính dưới đây:

- Tỉnh ủy đã dè dặt trong việc xây dựng mức hợp tác xã và sau khi tổ chức hợp tác xã thì công tác củng cố làm không kịp thời. Đặc biệt việc đưa một số hợp tác xã lên cao cấp, việc chỉ đạo

chưa chặt chẽ nên chưa rút được những kinh nghiệm của các hợp tác xã liên hiệp dân tộc. Tất cả thiếu sót trên nếu không kịp thời sửa chữa, sẽ gây khó khăn cho việc đưa phong trào hợp tác hóa tiến lên. Đối với việc phát triển và củng cố tổ đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm thì Tỉnh ủy chỉ đạo chưa chú trọng cân đối so với việc xây dựng hợp tác xã. Do chưa thấy hết sự liên hệ khăng khít giữa hợp tác xã tín dụng và hợp tác xã mua bán với phong trào hợp tác hóa nông nghiệp nói chung, với phong trào cải tạo công thương nghiệp tư doanh nên có thời gian Tỉnh ủy đã chậm phát triển hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng, và sau khi đã có chủ trương phát triển hai mặt này thì việc chỉ đạo cũng chưa được thực cụ thể nên có nơi cần thì không tích cực phát triển, có nơi không cần thì ngành chuyên môn cứ muốn phát triển. Trong lãnh đạo kế hoạch nhà nước thì Tỉnh ủy chưa lường hết những khó khăn trong vấn đề lãnh đạo nông nghiệp hiện nay và nhiều lúc đã chủ quan như ra kế hoạch nâng cao sản lượng quá cao trong năm 1959 và tới năm 1960 cũng còn cao giữa ba mặt: tăng năng suất, tăng diện tích và tăng vụ thì còn thiếu phân tích lợi hại của từng mặt để vận dụng thích hợp với từng vùng, có phần nặng về tăng năng suất, coi nhẹ tăng vụ và tăng diện tích. Tỉnh ủy cũng chưa chú ý đúng mức tới vấn đề cải tiến kỹ thuật và vấn đề tìm giống tăng diện ở vùng cao, chưa chú ý đúng mức tới chăn nuôi, cây công nghiệp, lâm nghiệp và công tác thủy lợi. Có lúc lãnh đạo không sát, kịp thời vụ. Lãnh đạo sản xuất và tiết kiệm chưa đi đôi, do đó công tác vận động tiết kiệm năm qua rất yếu. Phương pháp lãnh đạo nông nghiệp của Tỉnh ủy vẫn theo nếp cũ, nặng về đôn đốc, không thấy rằng tình hình thay đổi thì cần tận dụng tổ chức quần chúng và tổ chức kinh tế sẵn có mà phát động thành từng phong trào trong từng thời vụ, từng việc, nêu điển hình tốt, có chỉ đạo riêng để thúc đẩy toàn diện. Trong hai năm qua, công tác chỉ đạo xã trọng điểm của Tỉnh ủy cũng không được coi trọng. Ngoài ra, Tỉnh ủy chưa đi sâu chỉ đạo cụ

thể các biện pháp kỹ thuật trong sản xuất. Đối với công tác trung tâm thường xuyên, đôi khi còn để công tác đột xuất lấn át, nên có lúc bị động và chỉ đạo lỏng lẻo.

- Tỉnh ủy chưa thấy hết vị trí của vấn đề công nghiệp địa phương, nên sau khi đã kiểm điểm hướng phát triển lệch lạc của nghị quyết về công nghiệp địa phương hồi đầu năm 1960, nhưng vẫn không bàn bạc cụ thể về vấn đề này để định ra nội dung và biện pháp bổ khuyết thích đáng. Từ cuối năm 1960 đã có chuyển biến tốt nhưng hiện nay việc lãnh đạo công nghiệp và thủ công nghiệp vẫn rất yếu. Ngay bản phương hướng phát triển công nghiệp thông qua năm 1960 vẫn còn có điểm cao chưa thích hợp với hoàn cảnh và khả năng của Lào Cai. Số đông chỉ cử sang công tác công nghiệp thì có lúc nặng về xây dựng xưởng mộc, cơ khí tương lai của tỉnh hơn là nghiên cứu giúp tỉnh lãnh đạo công nghiệp địa phương nói chung. Một khuyết điểm nữa là trong công tác lãnh đạo công nghiệp, Tỉnh ủy chưa chú ý đến việc củng cố, phát triển các cơ sở sẵn có.

- Đối với công nghiệp Trung ương, vì quan niệm rằng lãnh đạo sản xuất, quản lý là do Bộ, tỉnh chỉ lãnh đạo về tư tưởng và giúp đỡ khắc phục những khó khăn có liên quan đến địa phương nên Tỉnh ủy chưa thực đi sâu vào lãnh đạo công nghiệp một cách toàn diện. Về sau, khi bàn về Đảng ủy lãnh đạo toàn diện, Tỉnh ủy có thấy thêm trách nhiệm của mình nhưng vẫn chưa tăng cường lãnh đạo đúng mức. Trong công tác phát động cải tiến quản lý xí nghiệp thì Tỉnh ủy còn thiếu sót là ít bàn bạc tập thể, thường thường chỉ 1, 2 đồng chí nghe và giải quyết, vả lại cũng không có thường vụ chuyên trách chỉ đạo công tác đó.

- Về mặt thương nghiệp thì trong công tác lãnh đạo cải tạo công, thương nghiệp tư doanh có lúc thiếu khẩn trương và chủ quan, chưa thấy hết khó khăn nên đề mức mùa xuân năm 1960 hoàn thành cải tạo tiểu thương và tiểu thủ công là quá cao, không đạt được. Khi sản xuất đã có kế hoạch thì phân phối cũng phải có

kế hoạch, sản xuất và phân phối phải đi đôi, nhưng Tỉnh ủy nhìn nhận vấn đề này không sâu nên chưa thực quan tâm lãnh đạo và giáo dục quan điểm phân phối xã hội chủ nghĩa cho cán bộ và nhân dân; việc lãnh đạo giá cả cũng còn lỏng lẻo. Khi phát triển thêm tổ chức hợp tác xã mua bán, Tỉnh ủy chưa chú trọng kiện toàn bộ máy công thương các huyện để lãnh đạo hai ngành này chặt chẽ hơn, đồng thời chưa phê phán đúng mức quan niệm đơn thuần của một số cán bộ ngành thương nghiệp nên về quan hệ giữa hợp tác xã mua bán và thương nghiệp quốc doanh, quan hệ giữa thương nghiệp huyện và tỉnh nhiều khi lúng túng, hạn chế việc sử dụng thương nghiệp phục vụ sản xuất và đời sống quần chúng.

- Có lúc Tỉnh ủy chưa chú ý đầy đủ đến công tác văn hóa và giáo dục nói chung, đặc biệt là thiếu chú ý đến công tác bình dân học vụ và thanh toán nạn mù chữ. Tỉnh ta hiện nay là tỉnh thấp nhất về mặt thanh toán nạn mù chữ và về giáo dục phổ thông, nhưng yêu cầu đào tạo cán bộ hiện nay lại đòi hỏi những người có văn hóa cho nên việc thiếu chú trọng đến công tác giáo dục hiện nay sẽ gây nhiều khó khăn cho công tác đào tạo để đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Về mặt nội chính thì trong công tác trấn phản, Tỉnh ủy chưa thấy đầy đủ sự cần thiết phải cải tạo các phần tử tệ, nguy, phỉ cũ, nên sau khi có Chỉ thị 186 của Trung ương yêu cầu trấn phản vẫn nặng về tìm phá các vụ án hiện hành, không chú ý thích đáng việc cải tạo cơ sở xã hội của địch và công tác trinh sát quá yếu cũng đã làm cho chúng ta có lần bị động trong hai năm qua. Trong công tác trấn phản vẫn có biểu hiện sợ rung động không đúng mức nên có khi bỏ qua một số vụ cần thiết phải trừng trị, ngược lại cũng chưa đấu tranh thích đáng chống việc bắt ầu ở một số nơi. Trong công tác trị an vẫn còn thiếu kế hoạch cụ thể chống các vụ tự tử hỏa hoạn; việc củng cố cơ sở ở một số vùng nhất là vùng Mán còn yếu.

- Về mặt lãnh đạo tổ chức, hiện nay bộ máy tổ chức của Tỉnh yếu, trong ba năm qua nặng lo việc điều động, bố trí cán bộ đi phục

vụ các công tác trung tâm, chưa có kế hoạch toàn diện và đầy đủ về mặt đào tạo cán bộ, sắp xếp và kiện toàn tổ chức... nhất là do không thực hiện được nhận xét cán bộ đều kỳ nên ảnh hưởng tới việc giáo dục, giúp đỡ và đề bạt cán bộ. Đối với công tác đào tạo cán bộ địa phương, tuy Tỉnh ủy có nhiều lần bàn bạc, bổ sung kế hoạch đào tạo, nhưng có lúc đã để một số ngành tự tuyển lựa cán bộ ở xuôi lên một cách không hợp lý hoặc là Tỉnh ủy lại thiếu rút kinh nghiệm về điều dặt cán bộ địa phương tại chức, về mặt này các cấp của ngành trong tỉnh còn nhiều sai sót, ảnh hưởng tới việc phát huy năng lực và tác dụng của cán bộ dân tộc. Đối với cán bộ nơi khác đến, Tỉnh ủy chưa nắm vững các thắc mắc, khó khăn của anh em nên bồi dưỡng, giúp đỡ anh em còn chưa đầy đủ. Trong công tác đề bạt cán bộ còn có lúc biểu hiện hẹp hòi, không kiên quyết (tuy đã có phần mạnh dạn hơn năm 1958). Sau Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ tỉnh, Tỉnh ủy có đề ra vấn đề chia khối đề bạt chức phó để sự lãnh đạo được toàn diện, chặt chẽ và có phối hợp giữa các ngành liên quan hơn, nhưng tổ chức khối không sinh hoạt đều kỳ hoặc có khi một thời gian dài không sinh hoạt. Việc nghiên cứu sắp xếp bộ máy và phân cấp quản lý làm chậm chạp. Tổ chức chính quyền từ tỉnh đến xã vẫn chưa được đề cao đúng mức. Tóm lại, sự lãnh đạo tổ chức của tỉnh hiện nay vừa yếu, vừa bị động. Về mặt xây dựng, phát triển các tổ chức cơ sở, nhất là phát triển Đảng trong năm qua nói chung khá, nhưng mặt củng cố, bồi dưỡng thì còn yếu.

- Về lãnh đạo tư tưởng, tuy công tác năm qua đã làm nhiều và mạnh mẽ nhưng việc nghiên cứu, theo dõi để nắm tư tưởng các tầng lớp nhân dân, tư tưởng cán bộ, nhân viên lại chưa được chặt chẽ. Từng thời kỳ Tỉnh ủy đã thiếu bàn bạc tập thể để thống nhất và làm cho các cấp thông suốt với nội dung và yêu cầu lãnh đạo tư tưởng chung. Vì vậy có những ngành hoặc địa phương chưa biết hướng công tác tư tưởng địa phương xoay quanh các vấn đề chủ yếu nhất. Ngay việc giáo dục tư tưởng cho các cấp, các ngành và toàn thể cán bộ, đảng viên quán triệt các công tác trung tâm của

tỉnh có lúc cũng thiếu đến nơi đến chốn, nên nhiều cán bộ, công nhân viên còn hờ hững, hoặc không nhất tề hoạt động hướng công tác chuyên môn ăn khớp và phục vụ cho nhiệm vụ công tác trung tâm. Việc giáo dục lý luận cho cán bộ, đảng viên, nhất là lý luận vấn đề dân tộc chưa làm được mấy. Trong hoàn cảnh lãnh đạo kinh tế ngày càng đi vào hạch toán và phân cấp quản lý, Tỉnh ủy đã không kịp thời đề cao ý thức tổ chức, chống mọi xu hướng cục bộ địa phương, tản mạn, vô tổ chức. Công tác động viên thi đua khen thưởng và kỷ luật còn chuệch choạc và yếu.

- Về lãnh đạo chính sách, hiện nay đối với nhiều chính sách lớn như thu mua, chính sách trong hợp tác xã, chính sách trấn phản, chính sách cán bộ, v.v. Tỉnh ủy còn thiếu kiểm tra và tổng đúc kinh nghiệm thực hiện, nên việc vận động chính sách vẫn ở tình trạng chung chung chưa thật sự sát với địa phương.

Nguyên nhân có những khuyết điểm, nhược điểm trên là do: Về mặt khách quan, trong hai năm qua, lực lượng cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, nghiên cứu, kỹ thuật của tỉnh quá yếu và thiếu, nên lúc tập trung làm việc này thường lại bỏ việc khác và các ngành chuyên môn thường phải có lực lượng đi làm công tác đột xuất, không phát huy hết tác dụng trợ thủ cấp ủy nghiên cứu, phát hiện và lãnh đạo sâu sắc từng mặt chuyên môn một. Nhưng chủ yếu có những khuyết điểm trên là do nhận thức của Tỉnh ủy có nhiều thiếu sót, chưa chuyển biến kịp với tình hình và yêu cầu của cách mạng, vì vậy có những vấn đề nhẽ ra cần quán triệt đầy đủ như vấn đề nông nghiệp, vấn đề công nghiệp địa phương, vấn đề phân phối xã hội chủ nghĩa, vấn đề giáo dục... thì Tỉnh ủy nhìn nhận có lúc phiến diện, lệch lạc, hoặc có những vấn đề trong chỉ thị Trung ương đã đề cập nhưng do nhận thức của Tỉnh ủy không được sâu nên thi hành không đầy đủ, ví dụ vấn đề cải tạo tề, ngụy, phi. Trình độ lãnh đạo tổ chức của tỉnh cũng yếu nên có những mặt công tác Tỉnh ủy chưa hướng dẫn công việc tốt cho các bộ môn của tỉnh, thậm chí bố trí công tác còn lúng túng, gây khó khăn cho

bên dưới. Trong lãnh đạo có lúc nặng về công việc trước mắt, nhẹ về công việc lâu dài. Tất cả những khuyết điểm trên đã hạn chế một phần kết quả công tác của hai năm qua.

Hai năm thi hành Nghị quyết của Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ tỉnh là 2 năm phấn đấu hết sức dũng cảm của Đảng bộ ta để làm chuyển biến phong trào, đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong toàn tỉnh chúng ta.

Khuyết điểm cũng có nhiều, nhưng thành tích đạt được cũng hết sức lớn, có thể khẳng định rằng, những kết quả đã đạt được từ Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ tỉnh tới nay là rất căn bản và rất quý giá. Những kết quả đó đánh dấu một bước tiến bộ của tỉnh ta từ ngày Lào Cai giải phóng tới nay, làm cho bộ mặt Lào Cai khác nhiều so với năm 1958.

Với lòng tin tưởng vững chắc của Nghị quyết Đại hội lần thứ III của Đảng bộ, ở sự lãnh đạo sáng suốt của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đứng đầu là Hồ Chủ tịch, với tinh thần anh dũng của Đảng bộ Lào Cai và truyền thống vẻ vang tốt đẹp của các dân tộc trong tỉnh, trên cơ sở thắng lợi của hai năm qua, chúng ta quyết tâm phấn đấu thắng lợi những nhiệm vụ của năm 1961 và của những năm sắp tới để mau chóng đưa các dân tộc ở Lào Cai tiến kịp phong trào chung của cả nước, góp phần vào việc xây dựng xã hội chủ nghĩa và đấu tranh thống nhất nước nhà.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
QUYỀN BÍ THƯ
HOÀNG QUY

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BIÊN BẢN CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 01-BB/TU, ngày 9-2-1961

**về Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai
lần thứ III (kỳ thứ 2) từ ngày 23-1-1961 đến ngày 1-2-1961**

Thi hành Chỉ thị số 1-CT/TW và Thông tri số 16-TT/TW của Ban Bí thư Trung ương, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ III kỳ thứ 2 đã họp từ ngày 23-1-1961 đến 1-2-1961 để:

1. Nghe phổ biến tinh thần nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III.

2. Nghe và thảo luận báo cáo tổng kết công tác 2 năm, từ 3-1959 đến hết năm 1960 của Ban Chấp hành tỉnh.

3. Quyết nghị nhiệm vụ của công tác Đảng bộ Lào Cai trong năm 1961, chủ yếu là kế hoạch nhà nước năm 1961 của tỉnh.

4. Bầu Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh mới.

Sau đây là tình hình và kết quả Đại hội:

I. TÌNH HÌNH SỐ LƯỢNG, THÀNH PHẦN ĐẠI BIỂU VÀ PHẦN THỬ TỰC CỦA ĐẠI HỘI

Số đại biểu theo danh sách Đại hội họp kỳ thứ 2 của các Đảng bộ dưới cử lên và số lượng chỉ định là 153 đồng chí (134 chính thức, 19 dự khuyết), nhưng vì một số đồng chí đi học, đi công tác vắng mặt không thể dự được và theo tinh thần hướng dẫn của Trung

ương nên Tỉnh ủy đã chỉ định thêm một số là thủ trưởng phụ trách các ngành xung quanh tỉnh và một số đồng chí đảng viên người dân tộc địa phương đến dự thính đại hội. Vì vậy khóa họp kỳ này của Đại hội có mặt 152 đồng chí; trong đó có 119 là đại biểu chính thức (trong số này có 17 đồng chí là đại biểu dự khuyết, nhưng được đại hội quyết nghị chuyển lên chính thức) và 23 là đại biểu dự thính; có 9 đồng chí nữ, 5 chính thức, 4 dự thính.

- Về dân tộc có: 105 Kinh, 18 Thổ, 9 Nhắng, 6 Mán, 3 Nùng, 3 Mèo, 2 Hán, 1 Tu Dí, 2 Phù Lá, 1 Mường, 1 Hoa kiều, 1 lai Matinic.

- Về giai cấp có: 19 công nhân, 47 bần cố nông, 41 trung nông, 37 tiểu tư sản, 4 lao động khác, 2 phú nông, 2 địa chủ.

- Về tuổi Đảng: từ 1930 đến 1945 có 6 đồng chí, từ 1946 đến 1954 có 123 đồng chí, từ 1954 đến 1960 có 23 đồng chí.

- Về tuổi đời: dưới 25 tuổi có 2 đồng chí, từ 26 đến 30 tuổi có 23 đồng chí, từ 31 đến 40 tuổi có 95 đồng chí, từ 41 đến 50 tuổi có 31 đồng chí, trên 50 tuổi có 1 đồng chí.

Ngoài số đại biểu Đại hội trên còn có 6 đồng chí cán bộ của Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân tộc Trung ương, ngày 27-1-1961 đồng chí Nguyễn Côn - Ủy viên Trung ương Đảng cũng về dự Đại hội.

Chủ tịch và thư ký đoàn Đại hội vẫn gồm các đồng chí được cử trong khóa họp kỳ 1, có bổ sung một số đồng chí vắng mặt:

- Chủ tịch đoàn gồm 11 đồng chí: Trường Minh, Hoàng Quy, Hồng Quang, Phạm Gia Tuân, Nguyễn Lang, Trần Long, Việt Sơn, Đào Duy Cương, Hoàng Thị Triệu, Lê Bá Hội, Nguyễn Can.

- Thư ký đoàn gồm 7 đồng chí: Trần Long, Nguyễn Nhân Trí, Hồng Ký, Vũ Văn Thụ, Hoàng Minh Tước, Phạm Hồng Phúc, Dương Văn Hà.

Sau khi đồng chí Trường Minh, Bí thư Tỉnh ủy đọc lời khai mạc và báo cáo mục đích, ý nghĩa của kỳ họp lần này, Đại hội đã đi vào các phần nghe báo cáo và thảo luận, quyết nghị các vấn đề theo nội dung chương trình đã đề ra.

II. PHỔ BIẾN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ III

Từ ngày 23 đến ngày 24-1-1961, đồng chí Lang thay mặt đoàn đại biểu Đảng bộ Lào Cai đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III trình bày những nét chủ yếu của bản Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc và một số nét chủ yếu của bản Điều lệ Đảng mới sửa đổi.

Sau khi nghe đồng chí Lang báo cáo toàn thể các đại biểu nhiệt liệt hoan nghênh và quyết tâm thực hiện tốt đường lối và nhiệm vụ mà Đại hội Đảng lần thứ III đã đề ra.

III. PHẦN BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH TỈNH

Đồng chí Hoàng Quy thay mặt Tỉnh ủy đã đọc bản báo cáo chính trị của Tỉnh ủy tổng kết công tác 2 năm qua. Bản báo cáo này thời gian trước khi khai mạc Đại hội Tỉnh ủy có gửi về các cấp bộ Đảng để tham gia thảo luận và xây dựng, nên sau khi đồng chí Quy đọc báo cáo Đại hội không thảo luận ở tổ nữa mà tiến hành ngay vào việc thảo luận ở hội trường. Căn cứ vào báo cáo của Ban Chấp hành, Đại hội đã thảo luận 5 vấn đề lớn dưới đây:

1. Về công tác "ba cải", chủ yếu là hợp tác hóa nông nghiệp

Đại hội đã đi sâu đánh giá kết quả về triển vọng của phong trào, kiểm điểm những ưu khuyết điểm về đường lối, phương châm chính sách trong khi thực hiện.

Đại hội nhất trí với bản báo cáo của Tỉnh ủy và nhận định phong trào hợp tác hóa nông nghiệp trong tỉnh phát triển rất nhanh, lành mạnh, tốt; nói chung tiến bước vững chắc và có sự lãnh đạo chặt chẽ. Nhìn chung các hợp tác xã đều thể hiện rõ tính chất ưu việt hơn hẳn lối làm ăn cá thể như do có hợp tác xã nên đã chống được thiên tai, hạn hán năm 1960; những tập quán sản xuất lạc hậu đã dần dần được cải thiện theo kỹ thuật mới; trình độ

chính trị, tư tưởng của các xã viên được nâng cao một bước; tư tưởng xã hội chủ nghĩa đã được giáo dục trong quần chúng nông dân một cách sâu rộng và có chuyển biến tốt; tình hình thu hoạch của các hợp tác xã và xã viên tuyệt đại bộ phận đều tăng; việc kinh doanh nhiều ngành, nhiều nghề đã có trong một số hợp tác xã. Tất cả những điểm trên đều nói lên sự ưu việt của hợp tác xã, mặc dầu còn có một số ít hợp tác xã do quản lý chưa tốt nên về mặt thu hoạch có kém hơn bên ngoài.

Đại hội nhận thấy: sở dĩ có kết quả trên là do sự lãnh đạo chặt chẽ của Tỉnh ủy, của các cấp bộ Đảng, của cán bộ đã đi sâu phát động tư tưởng quần chúng tự nguyện tham gia phong trào hợp tác hóa. Việc gia nhập hợp tác xã, quần chúng đã có qua thời gian đấu tranh tư tưởng, suy tính kỹ lưỡng xác định con đường tiến lên của mình theo lối làm ăn tập thể là tốt. Vì vậy hiện nay phong trào hợp tác hóa tuy còn có những khó khăn nhưng quần chúng vẫn gắn bó với hợp tác xã.

Tuy nhiên về nhìn nhận lúc đầu của Đảng bộ ta chưa thấy hết khả năng của quần chúng nên có lúc chưa thật chủ động. Phong trào tuy có nhanh, lành mạnh nhưng chưa thật vững chắc. Công tác ba quản trong các hợp tác xã, ý thức coi hợp tác xã là nhà, ý thức làm chủ trong xã viên còn yếu, việc làm nương, làm ruộng riêng vẫn còn.

Đại hội cũng nhất trí nhận định rằng: Do tình hình địa dư ruộng đất, phân bố dân cư các vùng dân tộc ở Lào Cai, và căn cứ vào trình độ giác ngộ của quần chúng nên xu thế lên cấp cao của phong trào hợp tác hóa hiện nay là chủ yếu, nhưng đồng thời ta cũng phải chú ý tổ chức một số hợp tác xã liên hợp ở những nơi có đủ điều kiện.

2. Về mặt thực hiện kế hoạch nhà nước 3 năm

Đại hội thảo luận và nhất trí với bản báo cáo của Tỉnh ủy nêu lên về các mặt nông nghiệp, công nghiệp, văn hóa, xã hội..., đồng thời nhận định sâu thêm những điểm chính sau đây:

a) Về thương nghiệp: trong 3 năm qua ngành thương nghiệp quốc doanh trong tỉnh đã phát triển mạnh mẽ và đạt được những thành tích đáng kể, tuy nhiên cũng còn những khuyết điểm cần được khắc phục như: trong công tác lưu tuyển cán bộ còn thiếu thận trọng, việc giáo dục cho cán bộ, công nhân viên trong ngành còn yếu, do đó mà ý thức và quan điểm phục vụ của nhân viên còn kém; tình trạng lãng phí, tham ô khá phổ biến và nghiêm trọng; một số đơn vị cơ sở chấp hành giá cả sai lệch nhiều; quan hệ giữa hợp tác xã mua bán với thương nghiệp chưa tốt. Trong các cấp bộ Đảng vì chưa quán triệt tác dụng của ngành thương nghiệp đối với toàn bộ nền kinh tế, chưa quan niệm được đầy đủ vấn đề sản xuất phân phối và tiêu dùng xã hội chủ nghĩa nên nhiều khi kêu ca nhưng lại thiếu chú ý lãnh đạo giúp đỡ mâu dịch. Để khắc phục thiếu sót trên Đại hội đề ra trong thời gian tới: các ngành, các cấp phải phổ biến kỹ về ý nghĩa, vai trò của nền thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, về mặt sản xuất, phân phối, tiêu dùng cho toàn thể đảng viên và quần chúng nhân dân rõ để xây dựng ngành thương nghiệp; phải tăng cường công tác kiểm tra, công tác giáo dục cán bộ công nhân viên. Tỉnh ủy sẽ tổ chức hội nghị chuyên đề để giải quyết sâu về công tác thương nghiệp và giải quyết tốt quan hệ, phân rõ trách nhiệm thương nghiệp và hợp tác xã mua bán.

b) Về quỹ tín dụng: Đại hội xác nhận việc xây dựng quỹ tín dụng và sự hoạt động của quỹ ở một số nơi đã có tác dụng phục vụ sản xuất nhưng việc xây dựng phải tùy từng nơi, từng vùng mới thích hợp, có một số nơi hiện nay chưa cần thiết và chưa đủ điều kiện lập ngay. Vì vậy thời gian tới cần củng cố tốt những cơ sở đã tổ chức, tổng kết rút kinh nghiệm. Việc thành lập quy ước phải tùy theo điều kiện, hoàn cảnh và yêu cầu cụ thể của từng vùng, từng thời gian mà xây dựng một cách vững chắc, tránh lợi dụng, tham ô, chống tư tưởng nóng vội chạy theo số lượng.

c) Ngành công nghiệp địa phương của tỉnh ta bắt đầu phát triển và có nhiều thành tích, tiến bộ trong việc phục vụ nhu cầu sản xuất

và tiêu dùng của nhân dân. Nhưng vì chưa thật quán triệt phương châm, đường lối và nhiệm vụ phát triển công nghiệp của địa phương nên việc phục vụ nông nghiệp, cải tiến công cụ để phát triển sản xuất còn yếu và chưa chú ý đầy đủ; sự quan hệ giữa công nghiệp địa phương với công nghiệp Trung ương chưa chặt chẽ, chưa tận dụng hết khả năng hỗ trợ của công nghiệp Trung ương để phát triển công nghiệp và thủ công nghiệp của địa phương.

d) Đại hội cũng đã xác nhận thành tích rất to lớn của mặt trận công tác văn hóa trong 3 năm qua, nhất là từ tháng 3-1959 đến nay. Việc nâng cao trình độ và đời sống tinh thần, vật chất của quần chúng, góp phần đào tạo cán bộ và động viên quần chúng cải tạo và xây dựng xã hội chủ nghĩa trong tỉnh.

Tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển của ngành kinh tế và yêu cầu cách mạng đòi hỏi thì mặt văn hóa của tỉnh chưa đáp ứng kịp, còn nhiều vấn đề chưa giải quyết được mạnh mẽ; nhất là về mặt thanh toán nạn mù chữ còn rất nặng nề; tình trạng chữ nghĩa của nhân dân vẫn ở tình trạng lạc hậu nghiêm trọng. Đó là khó khăn lớn phải giải quyết một cách tích cực và lâu dài, nhưng phải khẩn trương đưa mặt trận văn hóa của tỉnh tiến lên mạnh hơn nữa.

3. Về mặt nội chính

Đại hội đã đi sâu thảo luận mấy vấn đề:

- Về công tác đánh địch, trong 2 năm qua mặc dù kẻ địch đã có nhiều âm mưu phá hoại chống phá các chính sách của ta hoặc trắng trợn gây nên những vụ rối loạn ở địa phương, nhưng nhờ chủ trương và đường lối đánh địch kiên quyết, đúng đắn của Hội nghị toàn Đảng bộ tháng 3-1959 và sự quyết tâm tích cực của các cán bộ cùng nhân dân nên những âm mưu của chúng đều bị đánh bại. Do công tác đánh địch nói chung ta làm được tốt nên đã có tác dụng rất mạnh trong việc cô lập kẻ địch, củng cố được lòng tin tưởng ở Đảng, ở cách mạng của quần chúng các dân tộc, nâng cao thêm ý thức cảnh giác, ý thức làm chủ trong cán bộ, công nhân, bộ đội và

nhân dân. Đặc biệt là nhiều vùng, nhiều xã trước kia phong trào kém nhưng qua thời gian vận động hợp tác hóa, cải cách dân chủ và tiến hành công tác cải tạo tề nguỵ, phần lớn nay đã trở nên những nơi có phong trào khá. Tuy nhiên trong công tác đánh địch còn có thiếu sót như: việc nắm tình hình địch ở một vài nơi chưa được chặt chẽ; việc phát hiện và giải quyết có lúc không kịp thời hoặc trong cán bộ có lúc còn thiếu cảnh giác; hiện tượng rút rè hay bất ẩu chưa hết.

- Về tương quan giữa ta và địch trong tỉnh ngày nay đã khác hẳn những năm trước; vấn đề phi ở Lào Cai không còn đầy đủ tính chất quần chúng và tính chất dân tộc như trước nữa. Nhưng các cấp, các ngành không được chủ quan, mất cảnh giác mà phải hết sức đề phòng đối với âm mưu gây đột xuất của địch.

- Về xây dựng lực lượng vũ trang, Đại hội cũng đã nhất trí rằng lực lượng vũ trang, bán vũ trang của tỉnh ta hiện nay đã ngày càng lớn mạnh vững vàng, kể cả về số lượng và chất lượng. Song vẫn cần phải quan tâm đến công tác xây dựng và tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng hơn nữa, tăng cường công tác giáo dục bồi dưỡng về chính trị cũng như về quân sự, chiến thuật, kỹ thuật, tinh thần cảnh giác sẵn sàng chiến đấu cho lực lượng vũ trang, nhưng đồng thời các cấp cũng phải tránh tư tưởng coi nhẹ công tác xây dựng lực lượng hoặc sử dụng lực lượng vũ trang một cách tùy tiện, không cần thiết.

4. Về công tác xây dựng Đảng và đào tạo cán bộ

Đại hội nhận thấy rằng trong 2 năm qua do thông qua cuộc vận động xây dựng hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, cuộc vận động cải tiến quản lý xí nghiệp và các phong trào khác, do tinh thần ý thức xây dựng Đảng của các cấp các đảng viên được đề cao nên cơ sở Đảng phát triển nhanh chóng, nhất là cơ sở Đảng ở nông thôn. Kết quả của công tác phát triển Đảng không những đã tăng cường được thêm về số lượng mà về chất lượng cũng

bảo đảm đạt yêu cầu tốt. Hàng ngũ Đảng được mở rộng, cơ sở Đảng và ảnh hưởng, uy tín của Đảng đã ăn sâu vào quần chúng các dân tộc. Đó là một cố gắng rất tích cực của toàn thể Đảng bộ, là một thành tích to lớn. Nhưng cũng phải phân tích phê phán nhận rằng trong công tác phát triển Đảng có những lệch lạc, cần chú ý việc vận dụng phương châm, phương pháp phát triển Đảng ở một số nơi làm chưa thận trọng, cho nên đã kết nạp vào Đảng một số người không đủ tiêu chuẩn khi được uốn nắn nhưng lệch lạc thì lại sinh dè dặt, sợ sai không dám phát triển, do đó việc phát triển không thường xuyên, liên tục. Số đảng viên mới kết nạp tuy có hăng hái, tích cực nhưng trình độ giác ngộ về Đảng còn thấp, những đảng viên cũ thì cũng còn nhiều đồng chí chưa phát huy được vai trò tiên phong, gương mẫu, tác dụng lãnh đạo còn kém. Sự lãnh đạo của các chi bộ nông thôn còn nhiều lúng túng.

Về mặt đào tạo cán bộ, nhất là cán bộ địa phương trong mấy năm đã được chú ý nhiều hơn; ngân sách và cán bộ cho công tác đào tạo cán bộ dân tộc cũng được dành phần thích đáng nên đã thu được nhiều kết quả trong việc đào tạo. Số cán bộ lãnh đạo ở xã đã trưởng thành mau chóng.

Hàng ngũ cán bộ xã hiện nay so với trước kia thì có nhiều tiến bộ, tuy so với yêu cầu của phong trào thì còn phải tiếp tục bồi dưỡng nhiều hơn nữa. Đó là ưu điểm lớn, chứng tỏ phương hướng đào tạo của cán bộ trong mấy năm qua nói chung là đúng, đã nhằm đào tạo, bồi dưỡng các cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở xã, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng phải biết chú ý cả hai mặt vừa giáo dục ở nhà trường, vừa kết hợp chặt chẽ với việc bồi dưỡng thực tế trong công tác.

Tuy nhiên Đại hội cũng nhận rằng: trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của một số địa phương và ngành chưa thực sự quan tâm đầy đủ đến việc đào tạo cán bộ địa phương, kế hoạch và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng còn nhiều lúng túng; một số ngành chuyên môn vì muốn bảo đảm thực hiện kế hoạch của

ngành mình nên đã có thiên hướng nặng về tuyển người ở dưới xuôi lên làm công tác hoặc chờ đợi xin ở trên điều về, không tự mình đào tạo cán bộ công nhân viên, thậm chí một số ngành tuyển lựa người thiếu thận trọng nên đã có một số trường hợp tuyển người không đủ tiêu chuẩn vào cơ quan nhà nước. Việc đào tạo cán bộ phụ nữ, đào tạo công nhân người địa phương chưa được sự chú ý đúng mức của tỉnh, huyện.

Đại hội cũng nhận xét rằng: anh chị em cán bộ ở xuôi lên phục vụ miền núi, hiện nay phần lớn đã an tâm công tác, nhưng cũng còn một số bộ phận nhỏ chưa thực an tâm. Cho nên trong thời gian tới cần tiếp tục ổn định giải quyết, đồng thời đi đôi cần có biện pháp giải quyết, giúp đỡ những đồng chí có khó khăn về mặt gia đình, đời sống, sinh hoạt để anh chị em thực sự an tâm công tác lâu dài ở miền núi.

Về tình hình tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi, Đại hội nhất trí nhận thấy rằng trong thời gian qua những tư tưởng đó vẫn còn bị biểu hiện khá phổ biến với những khía cạnh khác nhau, trong hàng ngũ cán bộ dân tộc và giữa các dân tộc thiểu số ở Lào Cai với dân tộc Kinh, giữa dân tộc đa số ở trong dân tộc thiểu số với dân tộc thiểu số ít người hơn. Để tiếp tục giải quyết vấn đề này cần phải tiến hành tổ chức học tập chính sách dân tộc của Đảng và nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho toàn thể cán bộ, công nhân viên và quần chúng một cách sâu rộng hơn nữa. Trên cơ sở đó uốn nắn những nhận thức lệch lạc nhằm tăng cường đoàn kết dân tộc, đoàn kết cán bộ. Cần tổ chức học tập tiếng địa phương cho các cán bộ ở xuôi lên, tạo điều kiện cho anh chị em hiểu tình hình dân tộc, hòa mình vào quần chúng dân tộc để làm tốt công tác.

5. Về đánh giá kết quả chung và sự lãnh đạo của Tỉnh ủy

Qua hai năm dũng cảm phấn đấu của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc để thi hành Nghị quyết của Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ tháng 3-1959 đến nay, Đại hội nhận định rằng: trong mọi

mặt công tác tuy còn có nhiều nhược điểm và khuyết điểm quan trọng cần phải ra sức khắc phục, nhưng phải khẳng định là thành tích thắng lợi vẫn to lớn hơn, có tính chất rất căn bản và rất quý giá. Thắng lợi đó đánh dấu một bước tiến bộ vượt mức của tỉnh ta từ ngày giải phóng đến nay làm cho bộ mặt Lào Cai khác nhiều so với phong trào 1958.

Đại hội cũng nhất trí với việc tự kiểm điểm những ưu khuyết điểm của Tỉnh ủy về công tác lãnh đạo 2 năm qua đã nêu trong báo cáo là đúng mức. Đại hội nhấn mạnh ưu điểm nổi bật trong việc lãnh đạo của Tỉnh ủy 2 năm qua là đã thực hiện mở rộng dân chủ, chấp hành nghiêm chỉnh chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, vận dụng thích hợp với hoàn cảnh địa phương, về mặt khuyết điểm của Tỉnh ủy Đại hội bổ sung thêm:

Chỉ đạo trọng điểm có nhưng thiếu kế hoạch cụ thể, thiếu sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm bổ sung cho chính sách kịp thời để thúc đẩy phong trào chung tốt hơn.

Tỉnh ủy chưa sử dụng hết quyền tập trung của mình đối với một số ngành chuyên môn, nên đôi lúc có ngành đã thể hiện thiếu chặt chẽ xoay quanh công tác trung tâm của tỉnh, công tác kiểm tra các chính sách chưa làm được mấy. Việc động viên khen thưởng thường thiếu kịp thời.

IV. THẢO LUẬN VÀ NGHỊ QUYẾT VỀ NHIỆM VỤ CÔNG TÁC VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC NĂM 1961 CỦA TỈNH

Sau phân nghe và nhận định, đánh giá tình hình công tác của Đảng bộ trong 2 năm qua và kế hoạch nhà nước 3 năm, Đại hội đã nghe báo cáo và thảo luận đề án phương hướng nhiệm vụ của kế hoạch nhà nước và thông qua bản dự thảo nghị quyết nhiệm vụ công tác của Đảng bộ Lào Cai năm 1961.

Đi vào nội dung các bản đề án dự thảo, Đại hội đã thảo luận bổ sung và nhất trí đề ra phương hướng nhiệm vụ chung và phương

hướng nhiệm vụ của kế hoạch nhà nước năm 1961 của tỉnh; đồng thời cũng đề ra những mức độ chỉ tiêu và các công tác lớn cần phấn đấu tích cực để bảo đảm thắng lợi nhiệm vụ chúng ta nêu lên.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, của Nghị quyết Trung ương 3, dựa vào những nhân tố mới, khả năng mới và tinh thần mới của Đảng bộ, sau khi kiểm điểm và đánh giá Đại hội đã nhất trí quyết nghị nhiệm vụ chung của toàn tỉnh Lào Cai năm 1961 là: "Trên cơ sở phát huy những thắng lợi đã đạt được về mọi mặt trong 3 năm qua và phát huy tinh thần cách mạng xã hội chủ nghĩa, truyền thống đoàn kết đấu tranh của nhân dân các dân tộc, tận dụng một cách có hiệu lực hơn nữa mọi khả năng tiềm tàng, phong phú của địa phương, ra sức phát triển kinh tế và văn hóa vượt bậc, tiếp tục hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa; tăng cường đoàn kết dân tộc, tăng cường công nông liên minh, tăng cường củng cố chính quyền dân chủ nhân dân và lực lượng vũ trang cùng các tổ chức quần chúng, ra sức xây dựng củng cố Đảng và đào tạo cán bộ dân tộc; kiên quyết phá tan mọi âm mưu phá hoại của địch, bảo đảm an toàn địa phương làm cho Lào Cai trở thành một tỉnh nông nghiệp, công nghiệp phát triển mạnh mẽ, có khả năng tự túc về lương thực, nâng cao hơn nữa đời sống về mọi mặt của các dân tộc trong tỉnh (chú ý rẻo cao); tạo điều kiện cho các dân tộc tiến kịp miền xuôi, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp bước đầu công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà".

Căn cứ vào phương hướng, nhiệm vụ chung trên Đại hội cũng đã thông qua 5 công tác lớn phải thực hiện trong năm 1961 như trong đề án nhiệm vụ đã nêu ra. Đại hội kêu gọi toàn thể đảng viên, đoàn viên, cán bộ, công nhân viên, bộ đội và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đoàn kết chặt chẽ hơn nữa, ra sức thi đua, nỗ lực phấn đấu thực hiện nghị quyết của Đại hội để đưa Lào Cai tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội và góp phần tích cực vào công cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất Tổ quốc.

V. BẦU CỬ TỈNH ỦY MỚI

Trước khi tiến hành bầu cử Ban Chấp hành tỉnh mới, đồng chí Khánh Vinh - Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy báo cáo về ý nghĩa, mục đích và yêu cầu của việc bầu cử Ban Chấp hành mới lần này; đồng chí đã nhấn mạnh sự kết hợp giữa tiêu chuẩn và cấu tạo của Tỉnh ủy mới. Tiếp theo đồng chí Khánh Vinh đã thay mặt Tỉnh ủy cũ giới thiệu danh sách đề cử các đồng chí Tỉnh ủy viên của Ban Chấp hành cũ dự kiến gồm 27 đồng chí:

- Trường Minh - Bí thư Tỉnh ủy cũ
- Hoàng Quy - Phó Bí thư Tỉnh ủy cũ
- Phạm Gia Tuân - Thường vụ Tỉnh ủy cũ
- Trần Long - Thường vụ Tỉnh ủy cũ
- Khánh Vinh - Thường vụ Tỉnh ủy cũ
- Dương Trung - Tỉnh ủy viên cũ
- Đoàn Việt Hùng - Tỉnh ủy viên cũ
- Nguyễn Xuân Tiếu - Tỉnh ủy viên cũ
- Nguyễn Trí Nghị - Tỉnh ủy viên cũ
- Lê Bá Hội - Tỉnh ủy viên cũ
- Dương Việt Tiến - Tỉnh ủy viên cũ
- Vũ Hiên Mô - Tỉnh ủy viên cũ
- Nguyễn Văn Ân - Tỉnh ủy viên cũ
- Đỗ Thanh Thủy - Tỉnh ủy viên cũ
- Hồ Vàng Páo - Tỉnh ủy viên cũ
- Ma Văn Sơn - Tỉnh ủy viên cũ
- Hoàng Việt Sơn - Tỉnh ủy viên cũ
- Hoàng Thị Triệu - Bí thư Phụ nữ tỉnh
- Lục Bình Thủy - Hiệu phó trường Đảng
- Chu Văn Kiên - Phó Chủ tịch và Ủy viên Ban cán sự huyện Mường Khương
- Nguyễn Lợi - Bí thư Đảng ủy Mỏ apatít
- Long Châu - Ủy viên thường trực Ủy ban hành chính tỉnh

- Hồng Dương - Trưởng Ban cán sự huyện Sa Pa
- Nông Công Thương - Bí thư Đảng đoàn mặt trận
- Ngô Vi Tâm - Trưởng ty Tài chính
- Khổng Minh Hối - Tỉnh ủy viên cũ
- Lương Tuấn - Tỉnh ủy viên cũ.

(Trong danh sách trên có đồng chí Nguyễn Lợi có đơn ứng cử).

Ngoài ra có 1 đồng chí Lê Thương có đơn ứng cử đã gửi trước.

Sau Đại hội tiến hành đề cử thêm 7 đồng chí ngoài danh sách của Tỉnh ủy giới thiệu:

- 1- Đồng chí Nguyễn Can
- 2- Đồng chí Nguyễn Khắc Thiệu
- 3- Đồng chí Đào Duy Cường
- 4- Đồng chí Lê Cư
- 5- Đồng chí Ngọc Chấn
- 6- Đồng chí Lương Văn Ích
- 7- Đồng chí Phạm Hồng Phúc

Tổng số danh sách đề cử và ứng cử 35 đồng chí. Nhưng sau các đồng chí: Nguyễn Can, Nguyễn Khắc Thiệu, Đào Duy Cường, Ngọc Chấn, Phạm Hồng Phúc tự xin rút, và Tỉnh ủy cũ cũng rút đồng chí Lục Bình Thủy khỏi danh sách đề cử. Như vậy danh sách còn lại để bầu cử là 29 đồng chí.

Đi vào cuộc bầu cử, Đại hội đã phân các tổ để nghiên cứu lý lịch và chuẩn bị bỏ phiếu bầu các đồng chí vào Tỉnh ủy mới theo danh sách đề cử, ứng cử.

Trước khi bỏ phiếu, Đại hội đã bầu ra ban kiểm phiếu gồm các đồng chí:

- 1- Nguyễn Văn Lanh - Thường vụ Tỉnh ủy cũ
- 2- Đỗ Văn Tôn - Trưởng Ban cán sự Sa Pa
- 3- Nguyễn Đình Tuấn - Đảng ủy viên Mỏ apatít
- 4- Lê Văn Thế - Bí thư Chi bộ nhà máy điện
- 5- Nguyễn Quang Cường - Đảng ủy viên Đảng ủy cơ quan tỉnh
- 6- Phạm Mạnh Tuấn - Ủy viên Ban cán sự huyện Bát Xát

7- Tạ Thuật - Ủy viên Ban cán sự huyện Bắc Hà

8- Ma Văn Nho - Ủy viên huyện Bảo Thắng

9- Phạm Giang - Cán bộ huyện Mường Khương

10- Bùi Hồng Toàn - Bí thư thị xã.

Được Trung ương đồng ý, Đại hội đã bầu cử Tỉnh ủy mới gồm 27 đồng chí (21 đồng chí Tỉnh ủy viên chính thức, 6 đồng chí Tỉnh ủy viên dự khuyết). Việc bầu cử tiến hành theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và đa số tuyệt đối. Khi bỏ phiếu số đại biểu Đại hội chính thức có 117 đồng chí.

Kết quả cuộc bầu cử như sau:

a) Bầu cử 21 Tỉnh ủy viên chính thức:

Các đồng chí trúng cử:

1- Đồng chí Trường Minh: 110 phiếu

2- Đồng chí Khánh Vinh: 110 phiếu

3- Đồng chí Phạm Gia Tuân: 110 phiếu

4- Đồng chí Hoàng Quy: 109 phiếu

5- Đồng chí Trần Long: 109 phiếu

6- Đồng chí Dương Trung: 108 phiếu

7- Đồng chí Lương Tuấn: 108 phiếu

8- Đồng chí Nguyễn Văn Ân: 107 phiếu

9- Đồng chí Đoàn Việt Hùng: 105 phiếu

10- Đồng chí Long Châu: 104 phiếu

11- Đồng chí Lê Bá Hội: 104 phiếu

12- Đồng chí Nguyễn Thanh Thủy: 101 phiếu

13- Đồng chí Dương Việt Tiến: 101 phiếu

14- Đồng chí Ma Văn Sơn: 100 phiếu

15- Đồng chí Nguyễn Lợi: 100 phiếu

16- Đồng chí Nông Công Thương: 99 phiếu

17- Đồng chí Vũ Hiên Mô: 94 phiếu

18- Đồng chí Khổng Minh Hợi: 94 phiếu

19- Đồng chí Hồ Vàng Páo: 85 phiếu

20- Đồng chí Nguyễn Xuân Tiếu: 67 phiếu

21- Đồng chí Hoàng Việt Sơn: 63 phiếu

- Các đồng chí không trúng cử chính thức:

1- Đồng chí Nguyễn Trí Nghị: 59 phiếu

2- Đồng chí Hồng Dương: 40 phiếu

3- Đồng chí Ngô Vi Tâm: 39 phiếu

4- Đồng chí Hoàng Thị Triệu: 25 phiếu

5- Đồng chí Chu Văn Kiên: 15 phiếu

6- Đồng chí Lê Cư: 13 phiếu

7- Đồng chí Lương Văn Ích: 6 phiếu

8- Đồng chí Lê Thương: 2 phiếu

b) Bầu 6 Đồng chí Tỉnh ủy viên dự khuyết:

- Các đồng chí trúng cử:

1- Nguyễn Trí Nghị: 113 phiếu

2- Chu Văn Kiên: 110 phiếu

3- Ngô Vi Tâm: 106 phiếu

4- Hồng Dương: 103 phiếu

5- Hoàng Thị Triệu: 101 phiếu

6- Lê Cư: 98 phiếu

Các đồng chí không trúng cử:

1- Lương Văn Ích: 32 phiếu

2- Lê Thương: 12 phiếu.

Trong 117 phiếu bầu cử trên, đợt bầu Tỉnh ủy viên chính thức có 7 phiếu không hợp lệ vì ghi quá số ủy viên được bầu; đợt bầu Tỉnh ủy viên dự khuyết cũng có 1 phiếu không hợp lệ.

Sau khi bầu cử Ban Chấp hành tỉnh mới đã họp và nhất trí bầu ra bí thư, phó bí thư và các đồng chí ủy viên thường vụ, đồng thời đã cử ra Ủy ban kiểm tra của tỉnh. Cụ thể như sau:

Bí thư và Phó Bí thư:

1- Bí thư: Đồng chí Trường Minh (Bí thư Tỉnh ủy cũ)

2- Phó Bí thư: Đồng chí Hoàng Quy (Phó Bí thư cũ)

3- Phó Bí thư: Đồng chí Phạm Gia Tuân (Thường vụ Tỉnh ủy cũ)

b) Các Ủy viên Thường vụ:

4- Trần Long (Ủy viên Thường vụ cũ)

5- Khánh Vinh (Ủy viên Thường vụ cũ)

6- Dương Trung (Tỉnh ủy viên cũ)

7- Long Châu (Tỉnh ủy viên cũ)

c) Ủy ban kiểm tra:

Trưởng ban: Đồng chí Long Châu.

Các ủy viên:

- Đồng chí Trần Long (hiện là Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách công an)

- Đồng chí Khánh Vinh (hiện là Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách Tổ chức tỉnh)

- Đồng chí Đoàn Việt Hùng (hiện là Tỉnh ủy viên phụ trách Công tố tỉnh)

- Đồng chí Trần Lục (hiện là cán bộ Ban kiểm tra).

VI. PHẦN BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Sau khi đồng chí Trần Long giải đáp và báo cáo về một số ý kiến của các đại biểu đề nghị bổ sung nghị quyết án về nhiệm vụ công tác 1961, Đại hội đã biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết Đại hội và thông qua điện văn gửi Trung ương Đảng, lời kêu gọi nhân dân trong tỉnh, thư cho cán bộ và nhân dân Thủ Dầu Một.

Về phần bế mạc đồng chí Trường Minh thay mặt Tỉnh ủy và Chủ tịch đoàn đọc diễn văn bế mạc; đồng chí đã đánh giá Đại hội đã thu được thắng lợi rực rỡ, đồng thời nêu lại những nhân tố thắng lợi của 3 năm qua, những thuận lợi sắp tới, nhấn mạnh những nhiệm vụ trước mắt cần phải làm. Sau đó đồng chí nhắc nhở các đại biểu ra về cần phổ biến nghị quyết của Đại hội sâu rộng trong quần chúng, gây một không khí thi đua sôi nổi quyết tâm hoàn thành những nhiệm vụ của Đại hội đã đề ra.

Cuối cùng để biểu lộ lòng quyết tâm của mình, Đại hội đã hô to các khẩu hiệu:

- Quyết tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc và Đại hội Đảng tỉnh lần thứ III.

- Tích cực xây dựng Đảng lớn mạnh, phát huy vai trò tiên phong của Đảng và tác dụng tiên phong gương mẫu của đảng viên.

- Ra sức thi đua hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1961 với tinh thần tiến nhanh, tiến mạnh, miên núi tiến kịp miền xuôi.

- Tình ruột thịt anh em "Lào Cai - Thủ Dầu Một" muôn năm.

- Sự đoàn kết nhất trí giữa các Đảng Cộng sản và công nhân trên thế giới muôn năm.

- Chủ nghĩa Mác - Lênin vĩ đại muôn năm.

- Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ muôn năm.

- Hòa bình thế giới muôn năm.

- Đảng Lao động Việt Nam muôn năm.

- Hồ Chủ tịch muôn năm.

Đại hội đã bế mạc hồi 11 giờ 30 ngày 1-2-1961.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

QUYỀN BÍ THƯ

HOÀNG QUY

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 06-NQ/TU, ngày 13-10-1961

Về chủ trương biện pháp thu mua nông sản và quản lý thị trường

Việc thu mua nông sản và thực phẩm một số nơi đã tuyên truyền vận động, giáo dục chu đáo cho nông dân nên việc ký hợp đồng mua bán với các hợp tác xã nông nghiệp thực hiện được tốt, nhưng nhìn chung việc thu mua 6 tháng đầu năm mới thực hiện được 51% kế hoạch. Trong khi đó ở chung quanh thị xã, thị trấn và một số nơi mỗ lộn bừa bãi dưới hình thức chung dụng để bán làm ảnh hưởng không tốt đến quan hệ giữa thành thị và nông thôn.

Việc quản lý thị trường một số nơi buông lỏng một số lợi dụng ra buôn bán. Một số cơ quan, công trường, xí nghiệp về tận nông thôn mua, người tiêu thụ mua trữ ăn, giá cả nông sản lên cao.

Sở dĩ có tình trạng trên là do:

Việc giáo dục nông dân nhiệm vụ bán nông sản cho Nhà nước chưa được đầy đủ, về mặt quản lý thị trường trước cũng có ảnh hưởng đến việc thu mua. Việc ký hợp đồng mua bán giữa mậu dịch quốc doanh với hợp tác xã nông nghiệp còn rất ít, phương thức thu mua còn nhiều thiếu sót, hợp tác xã mắc với mậu dịch quốc doanh về tỷ lệ lãi, vận chuyển, v.v..

Các cấp, các ngành còn cho việc thu mua là của thương nghiệp nên chưa quan tâm đầy đủ việc giáo dục chính sách cho cán bộ thu

mua và kiểm tra đơn đốc chưa được thường xuyên, những mắc mứu chưa được giải quyết kịp thời.

Về mặt quản lý thị trường các nơi chưa quán triệt mục đích đồng thời chưa có chủ trương cụ thể nên các nơi lúng túng.

Để đảm bảo cho yêu cầu công nghiệp, cho xuất khẩu, thực hiện việc phân phối hợp lý, chiếu cố đúng mức đến nhu cầu của công nhân và nông dân, của thành thị và nông thôn dành phần cần thiết để nâng sản xuất tiêu dùng đồng thời bảo đảm nhu cầu của Nhà nước, tỉnh quyết nghị việc thu mua và quản lý như sau:

I. VỀ THU MUA

1- Đối với nông lâm sản và thực phẩm chủ yếu:

- Thảo quả (Bát Xát), hạt rau (Cha Pa) nhân dân sản xuất trừ phần để giống còn hoàn toàn bán cho Nhà nước từ 90 đến 95%.

- Chè Bắc Hà, tơ tầm, nấm hương Cha Pa 80%.

- Đậu tương Bắc Hà, Bản Lầu từ 70 đến 75% các nơi khác 50%.

- Đường Pa Long 50%.

- Bông 70%.

- Đậu xanh và đậu đen 30%.

- Lạc, vừng, đậu các loại từ 40 đến 50%.

- Cam, quýt, chuối 70% (ở Vạo Hòa, Sơn Hà, Thái Niên, Phố Lu) mua để xuất khẩu.

- Lợn thịt mỗi nông hộ bán cho Nhà nước 1 con 50 kg trở lên.

2- Biện pháp để thực hiện thu mua:

Việc thu mua tốt biện pháp duy nhất là tuyên truyền giáo dục nông dân kết hợp với biện pháp kinh tế và quản lý đi đôi với việc tiến hành ký hợp đồng mua bán với các cơ sở nông nghiệp và nông dân cụ thể như sau:

a) Về tuyên truyền, giáo dục: Cần giáo dục chính sách và nhiệm vụ bán nông sản cho Nhà nước để xây dựng xã hội chủ nghĩa. Kết hợp chặt chẽ với việc vận động sản xuất để giáo dục, có

thể triệu tập hội nghị thu mua từng vùng với các đồng chí phụ trách hợp tác xã nông nghiệp để phổ biến chính sách, nhiệm vụ, giao chỉ tiêu sản xuất và mức bán nông sản chủ yếu cho từng hợp tác xã đồng thời ký hợp đồng giữa hợp tác xã nông nghiệp, mật dịch quốc doanh hoặc hợp tác xã mua bán (vào khoảng 1 ngày Ty nông nghiệp đài thọ cho các đồng chí ở xã lên) mức ký hợp đồng theo kế hoạch huyện giao.

b) Mật dịch: Hợp tác xã mua bán dành ưu tiên một số công nghệ phẩm cho việc ký hợp đồng như đá lửa, (...) đèn, đường, (...), v.v.. Riêng về tư liệu sản xuất mật dịch phải bảo đảm không được từ chối ký hợp đồng (nếu khó khăn phải báo cáo ngay với tỉnh).

c) Đậu tương, lạc, lợn thịt nếu hợp tác xã hoặc cá nhân nào bán vượt hợp đồng sẽ khen thưởng 5% so với tổng số tiền bán vượt (bằng tiền hoặc hiện vật).

Ty Thương nghiệp chịu trách nhiệm hướng dẫn cụ thể việc khen thưởng các hàng trên.

II. VỀ QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

Quản lý thị trường là để định việc thu mua, tiêu dùng vào kế hoạch và có chính sách. Ngăn chặn và loại trừ đầu cơ tích trữ, đồng thời bảo đảm cho việc thu mua của Nhà nước và ngăn chặn việc bỏ sản xuất ra buôn.

Căn cứ vào mục đích đó công tác quản lý thị trường cần được chấn chỉnh và kiện toàn đồng thời nghiên cứu thống nhất việc quản lý, sau đây là chủ trương cụ thể:

1. Mặt hàng và mức độ đối với loại hàng quản lý:

a) Thóc, gạo, ngô, thảo quả, chè, lợn thịt, lạc, vùng, trâu, bò, song, mây, các loại tre, nứa, gỗ không cho thương nhân buôn bán vận chuyển.

b) Đậu tương ở hai huyện Bắc Hà, Mường Khương, nắm hương và hạt rau Cha Pa thương nhân không được buôn và vận chuyển.

c) Cam quýt ở xã Vạn Hòa, Phố Lu, chuối tiêu ở 4 xã Thái Niên, Sơn Hà, Phố Lu, Vạn Hòa thương nhân ở nơi khác không được đến mua, thương nhân ở các xã trên chỉ được mua bán tại chỗ cho người tiêu thụ không được bán buôn và vận chuyển ra ngoài.

Đối với hàng xuất khẩu phải ưu tiên, nhưng cũng cần có kế hoạch tiêu thụ những hàng không đủ tiêu chuẩn xuất khẩu cho kịp thời lợi cho người sản xuất, cung cấp cho người tiêu dùng, giải quyết được một phần cho người có đăng ký được mua bán những thứ hàng đó.

d) Đối với vải, cần ngăn ngừa việc mua vải mang về xuôi, cán bộ, công nhân viên suất vải của mình không dùng đến được mang về xuôi cho gia đình sử dụng cần lấy giấy chứng nhận của cơ quan.

Riêng chè được vận chuyển để dùng trong phạm vi tỉnh không quá 2 lạng, không được mang xuôi dù nhiều ít.

Đối với nông sản, thực phẩm phụ nói chung, cho lưu thông tự do, riêng thương nhân phải tổ chức hướng dẫn bảng hàng, giá cả, phải được Ty Thương nghiệp và các phòng QLCT hướng dẫn.

2. Biện pháp quản lý

a) *Đối với nghĩa vụ*, giáo dục chính sách và các hợp tác xã cần sử dụng quản lý tốt nhân lực để họ không bỏ sản xuất ra buôn. Đã nhiều lần giáo dục nhưng vẫn cố tình buôn bán sản phẩm chủ yếu sẽ xử lý theo thể lệ đăng ký và thuế công thương nghiệp.

- Các hàng chủ yếu chỉ được bán ở các địa phương, các hàng phụ được tự do nhưng cũng ngăn ngừa việc vận chuyển xa và buôn đi bán lại.

Giáo dục cho nông dân sản xuất mang hàng vào chợ bán không nên bán ngang đường, các huyện, thị xã sắp xếp bố trí chỗ ngồi thuận tiện cho đồng bào.

b) *Đối với tiêu thụ*: giải thích cho mọi người hiểu rõ khó khăn, tích cực tham gia sản xuất tiết kiệm chi dùng.

c) *Đối với người buôn bán*

- Tăng cường giáo dục cho họ buôn bán chính đáng, chấp hành

đúng dẫn các chính sách và thể lệ quản lý thị trường. Đối với người buôn bán lợi dụng khó khăn, đầu cơ tích trữ làm rối loạn thị trường thì phải kết hợp đấu tranh giải thích với xử lý bằng biện pháp hành chính theo thể lệ thuế, đăng ký công thương nghiệp. Đối với những người buôn đầu chợ bán cuối chợ không có tác dụng gì cho sản xuất và tiêu dùng thì phải giáo dục và kiên quyết loại trừ, đối với những gia đình, cơ quan đóng ở ngang đường được mua dùng thuận tiện. Riêng đối với người buôn bán không được mua ngang đường và nghiêm khắc xử lý đối với những người sau khi đã giáo dục nhưng vẫn tiếp tục ra ngoài thị xã, thị trấn 1, 2 cây số đón mua, tùy mức độ xử lý theo thể lệ đăng ký, thuế như cảnh cáo, xử phạt đến tịch thu hàng hóa. Đối với những kẻ đầu cơ tích trữ nhưng có ý thức phá hoại sau khi đã phát hiện đúng thì nghiêm khắc xử lý, tùy đối tượng mà áp dụng sắc luật chống đầu cơ tích trữ về kinh tế.

- Đối với những người đã chuyển về sản xuất nay lại ra buôn bán, cần giáo dục đưa họ về sản xuất, nhưng cần xét cụ thể đối với một số trước đây ta gò ép họ vì sản xuất nhưng thực tế họ quá khó khăn vẫn buôn thì nay phải cấp đăng ký cho họ nhưng rất thận trọng và phải báo cáo lên tỉnh duyệt y mới được cấp.

- Đối với những nông sản chủ yếu không cho buôn bán tự do, nhưng đối với các loại nông sản thực phẩm thì cần tổ chức hướng dẫn họ khôi phục.

- Đối với người buôn bán hiện nay không có đăng ký nếu có cơ sở sản xuất đời sống bảo đảm kiên quyết đưa họ về sản xuất. Nếu họ có cơ sở sản xuất nhưng chưa bảo đảm thì phối hợp với địa phương giúp đỡ khó khăn cho họ và giáo dục họ về sản xuất.

- Đối với những người không có đăng ký nhưng đã kinh doanh từ lâu không có nghề gì khác, nay xét cụ thể cấp đăng ký cho họ nhưng việc xét cấp đó phải được tỉnh duyệt y.

Nói chung, không cấp đăng ký thêm cho người mới ra buôn bán ở đây chỉ giải quyết những người đã buôn bán từ lâu không có

nghề gì khác nhưng vì điều kiện nào đó ta chưa giải quyết thì nay giải quyết.

Việc bán nông sản cho Nhà nước chủ yếu là vận động chính trị. Cấm ngặt các hành động vây bắt, v.v. các cơ quan không có quyền hạn không được bắt giữ, tịch thu, ra lệnh quản lý (trừ trường hợp phạm pháp quả tang). Đối với các vụ vi phạm nhất thiết phải lập biên bản, báo cáo kịp thời tỉnh quyết định.

d) Tăng cường lãnh đạo công tác thu mua và quản lý thị trường

Việc thu mua và quản lý thị trường là nơi tập trung và thể hiện đường lối, chính sách của Nhà nước đối với người sản xuất và tiêu thụ đến những người buôn bán nếu không làm tốt sẽ ảnh hưởng không tốt đến chính trị, đến khối đoàn kết công nông liên minh và chính sách dân tộc của Đảng. Để hoàn thành nhiệm vụ thu mua và làm tốt công tác quản lý thị trường các cấp phải chịu trách nhiệm trước tỉnh về công tác này cụ thể là:

- Huyện ký hợp đồng nhận mức vận động nông dân bán nông sản phẩm cho Nhà nước.

- Các xã ký hợp đồng với huyện.

- Các hợp tác xã nông nghiệp ký hợp đồng với cửa hàng mậu dịch, hợp tác xã mua bán hoặc thương nghiệp về mức mua bán cụ thể, quy cách thời gian giao nhận.

Tóm lại, nếu nông dân nơi nào chưa bán hoặc bán chưa đủ mức nông sản cho Nhà nước và làm sai đường lối, chính sách, nghị quyết của Đảng thì cấp ủy nơi đó chịu trách nhiệm.

- Nếu nông dân bán nhưng mậu dịch, hợp tác xã mua bán không mua hoặc lẹ lỏi, phương thức thu mua chỉ đạo nghiệp vụ về quản lý thiếu sót để nhân dân phải kêu ca phàn nàn thì Ty Thương nghiệp chịu trách nhiệm.

Để thực hiện được nhiệm vụ trên, các đội thu mua hiện nay của Ty Thương nghiệp sẽ giao cho huyện trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện.

Ty Thương nghiệp cần kiểm tra thường xuyên việc thu mua và nghiên cứu quy định trách nhiệm cho cán bộ thu mua, đồng thời nghiêm khắc xử lý đối với một số cán bộ vô trách nhiệm gây tác hại cho việc thu mua.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU BAN CHẤP HÀNH
ĐẢNG BỘ TỈNH KIẾN AN VÀ TỈNH LÀO CAI
VỀ VIỆC KẾT NGHĨA TOÀN DIỆN
GIỮA HAI TỈNH

Chấp hành Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 5, từ ba tháng nay hai Ban Tỉnh ủy Kiến An - Lào Cai đã trao đổi các đoàn đại biểu Dân - Chính - Đảng nhằm thăm hỏi và nghiên cứu tình hình cụ thể của hai tỉnh, tới nay hai Ban Tỉnh ủy nhận thấy cần phát triển thêm một bước tình đoàn kết giữa hai Đảng bộ và nhân dân tỉnh Kiến An và Lào Cai, để cùng chung lưng góp sức xây dựng xã hội chủ nghĩa ở hai tỉnh.

Thực hiện chủ trương này, cuộc hội nghị giữa hai Ban Tỉnh ủy bàn về việc kết nghĩa giữa hai tỉnh đã được mở từ ngày 9 đến 12-11-1961 tại thị xã Lào Cai.

Về phía đoàn đại biểu Đảng bộ Đảng Lao động Việt Nam tỉnh Kiến An gồm các đồng chí:

- Lê Huy, Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng đoàn.
- Lê Chương, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh.
- Lê Vân, Tỉnh ủy viên, Phó Ban Tổ chức tỉnh.
- Kông Đông, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy Sơn Hải.

Về phía đoàn đại biểu Đảng bộ Đảng Lao động Việt Nam tỉnh Lào Cai gồm các đồng chí:

- Trường Minh, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh làm Trưởng đoàn.

- Phạm Gia Tuân, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên huấn tỉnh.

- Long Châu, Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức.

- Trần Long, Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ty Công an.

- Việt Tiến, Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ty Công nghiệp.

- Văn Sơn, Tỉnh ủy viên, Trưởng ty Nông nghiệp.

Sau khi nghiên cứu đặc điểm tình hình của hai tỉnh, hai đoàn đại biểu đều nhận thấy:

- + Kiến An là tỉnh đồng bằng, giáp biển, người đông, đất hẹp.

- + Lào Cai là tỉnh miền núi, biên giới, đất rộng, người thưa.

Hai tỉnh tuy có những đặc điểm khác nhau về địa lý, dân số song đều giàu có về tài nguyên, đặc sản, nhưng chưa đẩy mạnh được việc khai thác.

Nhân dân hai tỉnh Kiến An - Lào Cai tuy trình độ, tâm lý, phong tục tập quán có khác nhau, song dưới sự lãnh đạo của Đảng đều có truyền thống đoàn kết đấu tranh chống đế quốc, phong kiến kiên cường, bất khuất.

Ngày nay trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhân dân hai tỉnh đều dũng cảm lao động, đạt những thành tích to lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, v.v. nâng cao đời sống nhân dân các dân tộc lên một bước.

Nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa là nâng cao không ngừng đời sống nhân dân trên cơ sở không ngừng mở rộng sản xuất với một nền kỹ thuật tiên tiến.

Do đó phải quán triệt hơn nữa Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III và Nghị quyết Trung ương lần thứ năm về phát triển kinh tế nói chung, đưa miền núi tiến kịp miền xuôi nói riêng. Hai đoàn đại biểu thấy cần có sự đoàn kết phối hợp và phân phối

điều hòa nhân lực giữa hai tỉnh để xây dựng kinh tế, văn hóa, v.v. nhằm khai thác những tài nguyên phong phú của hai tỉnh một cách mau chóng và có lợi nhất, làm cho hai tỉnh phát triển mọi mặt nhịp nhàng, tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Xuất phát từ nhận định trên, hội nghị hoàn toàn nhất trí đặt vấn đề kết nghĩa toàn diện giữa hai tỉnh Kiến An - Lào Cai.

Trên cơ sở những nguyên tắc chính sách chung, hai đoàn đã nhất trí về quan điểm, đã đề ra ý nghĩa nội dung kết nghĩa.

I

Tăng cường đoàn kết dân tộc giữa miền ngược và miền xuôi, xây dựng kinh tế, đẩy mạnh sản xuất, phát triển văn hóa, củng cố quốc phòng, củng cố cơ sở đào tạo cán bộ, củng cố và tăng cường mối tình kết nghĩa Bắc - Nam, giữa Lào Cai và Thủ Dầu Một - Kiến An và Gò Công thêm bền chặt, nhằm động viên giúp đỡ lẫn nhau phát huy mọi nhân tố và khả năng tiềm tàng phong phú của mỗi tỉnh, tạo thêm nhiều cơ sở vật chất góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất Tổ quốc.

II

Qua trao đổi 2 đoàn nhất trí trong 5 năm sẽ vận động khoảng từ 8 đến 9 vạn nhân dân Kiến An lên Lào Cai, hai Ban Tỉnh ủy coi vấn đề này là công tác chính trị rất lớn. Chúng ta có rất nhiều thuận lợi căn bản, nhưng chúng ta cần xác định trách nhiệm cao độ để khắc phục mọi khó khăn trong bước đường phát triển. Khâu quan trọng trước mắt cũng như lâu dài phải được thường xuyên coi trọng là công tác giáo dục tư tưởng, chính sách sâu sắc triệt để cho nhân dân, cán bộ, đảng viên hai tỉnh. Vì từ 8 đến 9 vạn nhân dân

từ Kiến An lên Lào Cai là nhiệm vụ cách mạng to lớn mọi người phải thấm nhuần ý nghĩa mục đích cuộc kết nghĩa giữa Kiến An - Lào Cai để đem hết sức mình ra cùng nhau gánh vác khắc phục mọi khó khăn, hoàn thành tốt đẹp nhiệm vụ vinh quang như Nghị quyết Đại hội lần thứ III và Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 5 đã chỉ thị.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ trên, hai Đảng bộ đã có sự phân công cụ thể:

- Phía Kiến An cần giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân Kiến An thấm nhuần tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ III là miền xuôi và miền núi giúp đỡ lẫn nhau đồng đều tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong khi giáo dục tinh thần xung phong tự nguyện cho nhân dân Kiến An lên miền núi xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc biệt chú trọng giáo dục chính sách dân tộc của Đảng cho thật kỹ, ngăn ngừa mọi hiện tượng mất đoàn kết dân tộc.

- Phía Lào Cai cần giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Lào Cai hoan nghênh và đón tiếp những người xung phong tình nguyện lên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền núi là một nghĩa vụ. Phải làm cho mọi đảng viên, quần chúng nhận rõ nhân dân Kiến An lên Lào Cai là vì nhiệm vụ cách mạng và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền núi. Đồng thời phải khắc phục tư tưởng hẹp hòi, tự ti, không muốn đoàn kết giúp đỡ, không muốn học tập những kinh nghiệm tiên tiến của nhân dân miền xuôi.

III

BƯỚC TIẾN, PHƯƠNG CHÂM, CHÍNH SÁCH CẦN PHẢI NẮM VỮNG TRONG VIỆC VẬN ĐỘNG NHÂN DÂN KIẾN AN LÊN LÀO CAI KHAI HOANG

- *Bước tiến:*

Phải khẩn trương, có kế hoạch, có chuẩn bị từng bước từ thấp

đến cao, từ gần đến xa, từ dễ đến khó, từ điểm đến mở rộng diện, có điều tra, nghiên cứu, quy hoạch từng vùng, có lãnh đạo chặt chẽ.

- *Phương châm:*

Dựa vào nhân dân là chính kết hợp giữa hai hình thức khai hoang nhỏ, xen kẽ với khai hoang tập trung ở những nơi có điều kiện. Phải biết lấy ngắn nuôi dài, mau ổn định được cơ sở sản xuất, trên nguyên tắc vốn ít làm được nhiều việc, thu hoạch nhanh, nhẹ nhàng, đơn giản, tạo điều kiện mau chóng khai thác sử dụng tài nguyên phong phú của mỗi tỉnh một cách có lợi nhất, làm cho đời sống của nhân dân hai tỉnh mau được nâng cao. Đồng thời Nhà nước có giúp đỡ nhân dân một phần nhất định trên cơ sở khả năng có thể và cần thiết.

- *Chính sách:*

Đối với việc đưa nhân dân Kiến An lên Lào Cai phải dựa vào các chính sách của Trung ương đã ban hành, hai đảng bộ phải vận dụng linh hoạt vào hoàn cảnh thực tế của địa phương. Những vấn đề chưa có chính sách của Trung ương nhất thiết phải thỉnh thị được Trung ương cho phép mới thi hành.

IV MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỤ THỂ

1. Tổ chức khai hoang

Hình thức tổ chức khai hoang vẫn dựa vào hai hình thức của Trung ương đã quy định:

a) Tổ chức hợp tác xã riêng ở những nơi có điều kiện đất đai, địa dư rộng rãi và có thể khoanh vùng được.

b) Tổ chức xen kẽ từ 15, 20 đến 100 người vào hợp tác xã của địa phương thành các đội lao động trên cơ sở khả năng hợp tác xã có thể tiếp thu được ở tất cả các vùng, về nông nghiệp, thủ công nghiệp, chăn nuôi, v.v..

Những hợp tác xã, đội lao động, hộ lẻ lên khai hoang ở đâu sẽ

do tổ chức địa phương đó quản lý về mọi mặt. Quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân Kiến An lên Lào Cai được hưởng như người dân địa phương theo chính sách và pháp luật của Chính phủ quy định.

- Hội nghị nhất trí phân công việc tuyên truyền giáo dục động viên tổ chức sắp xếp đội ngũ, bàn giao cơ sở, giải quyết mọi khó khăn cho nhân dân Kiến An lên Lào Cai là do Tỉnh ủy Kiến An chịu trách nhiệm.

- Việc tiếp nhận, phân phối, điều hòa và sắp xếp lực lượng sản xuất, lãnh đạo tư tưởng, tổ chức, quản lý về mọi mặt do Tỉnh ủy Lào Cai chịu trách nhiệm. Trong khi phân phối nhân lực cần nghiên cứu, chiếu cố thích đáng đến phong tục tập quán, tình cảm dân tộc, quê hương, trình độ phát triển của các dân tộc không đều nhau làm cho khối đoàn kết ngày càng được củng cố và phát triển.

2. Về cán bộ

Hai tỉnh đều nhất trí nhấn mạnh việc đào tạo cán bộ cho phong trào là quan trọng, phải chú trọng đến đào tạo cán bộ địa phương và đào tạo cán bộ từ cơ sở lên. Đặc biệt coi trọng việc đào tạo cán bộ kỹ thuật, chuyên môn, đào tạo cán bộ ngay trong hợp tác xã Sơn Hải, điều đến một số hợp tác xã cần thiết làm nòng cốt tạo cơ sở để tiếp thu lực lượng bổ sung của hợp tác xã Kiến An lên sau này.

Tỉnh ủy Kiến An nhất trí bàn giao số cán bộ này nằm trong biên chế, phụ trách việc tổ chức khai hoang ở hợp tác xã Sơn Hải cho Tỉnh ủy Lào Cai quản lý và ăn lương thuộc biên chế tỉnh Lào Cai, mọi chính sách cán bộ của Đảng ở miền núi các đồng chí trên được hưởng như cán bộ khác trong tỉnh.

Ngoài ra Tỉnh ủy Kiến An còn đồng ý giúp Lào Cai số cán bộ có chất lượng về công tác khai hoang trong một thời gian nhất định, khi tình hình sản xuất của đồng bào Kiến An chưa ổn định. Với khả năng có thể, Kiến An sẽ cung cấp cho Lào Cai một số cán bộ có trình độ tương đương Huyện ủy, cán bộ về chuyên môn, kỹ thuật. Số cán bộ trên sẽ được điều chỉnh ngay sau khi được Trung ương chuẩn y.

3. Trao đổi kinh nghiệm lãnh đạo

Hàng năm ở hai tỉnh sẽ có đoàn đại biểu Đảng - chính - quân - dân đi thăm hỏi, tăng cường tình kết nghĩa và trao đổi kinh nghiệm lãnh đạo về mọi mặt công tác, mời nhau tham dự các hội nghị tổng kết kinh nghiệm của các ngành cần thiết.

4. Trao đổi sản phẩm công, nông lâm, hải sản, trên cơ sở bảo đảm vượt mức kế hoạch nhà nước. Số sản phẩm vượt mức kế hoạch của hai tỉnh cần trao đổi với nhau nhưng phải được Trung ương cho phép.

5. Thường xuyên trao đổi văn hóa, và nghệ thuật giữa hai tỉnh nhằm nâng cao không ngừng đời sống văn hóa của nhân dân và làm phong phú thêm nền nghệ thuật của dân tộc.

6. Hội nghị nhấn mạnh mấy điểm trước mắt

- Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục ý thức xây dựng chủ nghĩa xã hội, giáo dục chính sách dân tộc của Đảng, giáo dục ý nghĩa việc kết nghĩa giữa hai tỉnh Kiến An - Lào Cai cho nhân dân hai tỉnh.

- Tăng cường lãnh đạo, củng cố các tổ chức phục vụ khai hoang cho phù hợp với yêu cầu mới.

- Làm cho hợp tác xã Sơn Hải sản xuất được đẩy mạnh mọi mặt được củng cố, đảm bảo mau chóng tự túc lương thực, thực hiện vượt chỉ tiêu, xứng đáng là đầu tàu cho các đoàn khai hoang sau này.

7. Các ngành xung quanh hai tỉnh và các cấp ủy bên dưới dựa vào Nghị quyết này mà nghiên cứu cụ thể thực hiện cho tốt.

Thay mặt Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Đảng Lao động Việt Nam Kiến An và Lào Cai kêu gọi tất cả đảng viên, cán bộ, công nhân, viên chức, các lực lượng vũ trang và đồng bào các dân tộc hai tỉnh hãy nhiệt liệt hưởng ứng nghị quyết kết nghĩa giữa hai tỉnh Kiến An và Lào Cai, ra sức thi đua thực hiện tốt bản nghị quyết

này, làm cho mối tình đoàn kết giữa các dân tộc ngược xuôi ngày càng keo sơn bền chặt đưa nền kinh tế hai tỉnh phát triển về mọi mặt, tạo nhiều điều kiện xây dựng cơ sở vật chất miền Bắc vững mạnh tiến lên xã hội chủ nghĩa, củng cố quốc phòng và góp phần đấu tranh cho hòa bình, thống nhất Tổ quốc.

Làm tại Lào Cai, ngày 12-11-1961.

T/M ĐOÀN ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ

BÍ THƯ

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 08-NQ/TU, ngày 22-2-1962

**Về sáp nhập Phòng Nông nghiệp của Ủy ban hành chính
tỉnh vào Ban Công tác nông thôn của Tỉnh ủy
và lập các phòng nông nghiệp huyện, thị**

Thi hành Nghị quyết 5 của Ban Chấp hành Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với nông nghiệp, dựa theo hướng dẫn của Ban Công tác nông thôn Trung ương về tổ chức và nhiệm vụ cụ thể của Ban Công tác nông thôn tỉnh,

Căn cứ vào tình hình phát triển phong trào hợp tác hóa trong tỉnh,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY RA QUYẾT NGHỊ

Nay sáp nhập Phòng Nông nghiệp của Ủy ban hành chính tỉnh và Ban Công tác nông thôn của Tỉnh ủy, gọi chung là "Ban Công tác nông thôn tỉnh".

Căn cứ vào quy định của Ban Công tác nông thôn Trung ương về yêu cầu của phong trào hợp tác hóa và sản xuất của tỉnh, căn cứ vào số lượng cán bộ công nhân viên của Ban Công tác nông thôn và Phòng Nông nghiệp của Ủy ban hành chính tỉnh thì biên chế của Ban Công tác nông thôn năm 1962 là 22 người. Vẫn giữ tổ chức biên chế như hiện nay, nhưng Ban Công tác nông thôn không tổ

chức quản trị riêng mà do bộ phận quản trị của Ủy ban tỉnh chịu trách nhiệm.

- Lãnh đạo gồm 3 đồng chí: 1 đồng chí trưởng ban, 2 đồng chí phó ban.

Dưới ban lập phòng:

1- Phòng quản lý hợp tác hóa và sản xuất.

2- Phòng hành chính tổng hợp.

3- Trường hợp tác hóa.

Mỗi phòng và trường cử ra một đồng chí trưởng phòng và 1 đồng chí phó phòng để giúp Ban lãnh đạo phòng; ngoài ra Ban Công tác nông thôn cử ra một bộ phận giúp Tỉnh ủy theo dõi chỉ đạo riêng theo Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 30-10-1961 của Tỉnh ủy.

NHIỆM VỤ CỦA BAN CÔNG TÁC NÔNG THÔN TỈNH

Ban Công tác nông thôn tỉnh, có nhiệm vụ giúp cấp ủy và Ủy ban chỉ đạo các công tác hợp tác hóa và sản xuất nông nghiệp (công tác hợp tác hóa gồm cả hợp tác hóa nông nghiệp, nghề cá, nghề rừng, chăn nuôi). Nó vừa là Ban của Đảng và của chính quyền để tiện cho việc thống nhất tập trung lãnh đạo cả hợp tác hóa và sản xuất. Khối lượng công việc nhiều hơn phạm vi rộng hơn, giúp cả việc nghiên cứu và chỉ đạo. Nhiệm vụ cụ thể là:

1- Giúp cấp ủy theo dõi, nghiên cứu xu hướng nguyện vọng đời sống của quần chúng và sự biến hóa giai cấp ở nông thôn.

2- Giúp cấp ủy nghiên cứu vận dụng đường lối chính sách hợp tác hóa và sản xuất của Trung ương áp dụng vào hoàn cảnh địa phương và đề ra những chủ trương công tác của địa phương, kiểm tra việc thực hiện đồng thời tổng kết phong trào hợp tác hóa và sản xuất, nghiên cứu đề xuất với Trung ương và Tỉnh ủy.

3- Giúp Ủy ban chỉ đạo hợp tác hóa và sản xuất giúp việc đào tạo cán bộ hợp tác hóa (hoặc trực tiếp làm như đào tạo cán bộ lãnh đạo và quản lý hoặc đề ra yêu cầu đào tạo như cán bộ kỹ thuật, kế

toán thống kê...) giúp việc kiểm tra và phối hợp công tác của các ngành nông nghiệp.

NHIỆM VỤ CỦA CÁC PHÒNG

Phòng hợp tác hóa và sản xuất: giúp việc Ban Công tác nông thôn theo dõi và nghiên cứu xu hướng và nguyện vọng của quần chúng.

- Nghiên cứu vận dụng đường lối, chính sách hợp tác hóa và sản xuất của Trung ương vào hoàn cảnh của địa phương và đề ra những chủ trương công tác của địa phương.

- Nghiên cứu kiểm tra việc thực hiện, đồng thời giúp Ban tổng hợp phong trào hợp tác hóa và sản xuất, nghiên cứu đề xuất với ban.

Phòng tổng hợp - hành chính: Làm nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện hợp tác hóa và sản xuất giúp việc kiểm tra phối hợp công tác với các ngành nông nghiệp.

Trường hợp tác hóa: làm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hợp tác hóa.

Ban Công tác nông thôn nghiên cứu khối lượng công tác của từng phòng và căn cứ vào khả năng cán bộ mà bố trí sắp xếp tổ chức cán bộ để bảo đảm yêu cầu công tác tốt.

LỄ LỐI LÀM VIỆC CỦA BAN CÔNG TÁC NÔNG THÔN VÀ CÁC HUYỆN, THỊ VÀ QUAN HỆ VỚI CÁC NGÀNH CHUYÊN MÔN

Báo cáo sơ tổng kết 3, 6 tháng, 1 năm, và những công tác hàng ngày gửi lên Thủ tướng phủ và gửi xuống các huyện và các cơ sở do Ban Công tác nông thôn thảo việc thuộc về chính quyền thì danh nghĩa là Ủy ban hành chính tỉnh, những phần thuộc về Đảng danh nghĩa là Tỉnh ủy, hoặc Ban Công tác nông thôn gửi thẳng lên Ban Công tác nông thôn Trung ương, hoặc các phòng nông nghiệp huyện, Huyện ủy tùy theo tính chất công tác.

Ban Công tác nông thôn làm cả hai nhiệm vụ giúp Tỉnh ủy và giúp Ủy ban hành chính chỉ đạo và nghiên cứu theo dõi phong trào hợp tác hóa và sản xuất.

Đối với những vấn đề có tính chất hướng dẫn nghiệp vụ, Ban Công tác nông thôn trực tiếp thẳng xuống các huyện, các cơ sở.

Đối với những ngành chuyên môn có quan hệ về nông nghiệp và các cơ sở dưới huyện, có những chủ trương chính sách lớn, có tính chất huy động quần chúng xã viên thực hiện trước khi gửi xuống các huyện, cơ sở cần phải gửi cho Ban Công tác nông thôn lấy danh nghĩa là Ủy ban tỉnh gửi xuống các huyện, các cơ sở cho thống nhất tập trung trừu những vấn đề có tính chất hướng dẫn về nghiệp vụ thì không phải qua Ban Công tác nông thôn.

Để giúp Tỉnh ủy và Ủy ban tỉnh nắm vững tình hình về phát triển nông nghiệp, các ngành thuộc về nông nghiệp có những báo cáo thường kỳ và những vấn đề đột xuất gửi lên Ủy ban tỉnh thì đồng gửi Ban công tác nông thôn một bản để tiện việc giúp Ủy ban theo dõi nghiên cứu.

Những cuộc họp có tính chất chuẩn bị kế hoạch nông nghiệp mà có quan hệ đến các ngành, Ban Công tác nông thôn giúp Tỉnh ủy và Ủy ban tỉnh bàn bạc với các ngành dự thảo chương trình, chuẩn bị ý kiến triệu tập cuộc họp để Ủy ban tỉnh quyết định. Trừ những cuộc họp có tính chất hướng dẫn về nghiệp vụ, Ban công tác nông thôn triệu tập các cán bộ theo dõi công tác đó của các ngành đến bàn bạc (kể cả cán bộ cấp huyện) không phải qua Ủy ban tỉnh.

II. TỔ CHỨC PHÒNG NÔNG NGHIỆP HUYỆN, THỊ *

Phòng Nông nghiệp huyện, thị bao gồm phòng Nông thôn, phòng Thống kê, phòng Kế hoạch, thủy lợi, giao thông huyện, thị, nay sáp nhập làm một gọi là "Phòng Nông nghiệp huyện".

* Bản gốc không có mục I - BT.

Các huyện, thị căn cứ vào số cán bộ đã có mà bố trí tổ chức nhưng phải bảo đảm số cán bộ của ngành nào phân công vào ngành đó tránh xáo lộn.

Phòng sẽ tổ chức ra các tổ như tổ quản lý hợp tác xã, tổ thống kê, tổ kế hoạch... mỗi tổ có từ 2 đồng chí trở lên thì cử ra đồng chí tổ trưởng để giúp phòng nghiên cứu theo dõi tập hợp phần việc đó.

Đồng chí Bí thư, hoặc đồng chí Phó Bí thư, chính quyền là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch huyện trực tiếp làm trưởng phòng, mỗi phòng cử từ 1 đến 2 phó phòng.

Nhiệm vụ của phòng coi như một phòng tổng hợp giúp cấp ủy và Ủy ban theo dõi tổng hợp tình hình về nông nghiệp, nó không làm nhiệm vụ chỉ đạo về chuyên môn.

Công tác chuyên môn ở cấp huyện do các ty chuyên môn cấp tỉnh hướng dẫn phòng nông nghiệp giúp cấp ủy và Ủy ban nắm tình hình và đề xuất ý kiến để Ủy ban huyện chỉ đạo các xã, cấp ủy chỉ đạo chi bộ thực hiện, không làm nhiệm vụ chỉ đạo trực tiếp cơ sở.

Do tình hình nhiệm vụ nói trên, Phòng Nông nghiệp huyện cần bố trí gọn nhẹ.

LỄ LỐI LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC VỚI BAN CÔNG TÁC NÔNG THÔN VÀ CÁC NGÀNH CÓ QUAN HỆ VỀ NÔNG NGHIỆP

Hàng tháng, quý, phòng làm báo cáo sơ, tổng kết gửi lên Ủy ban tỉnh (danh nghĩa là ủy ban huyện) gửi lên Tỉnh ủy và Ban công tác nông thôn tỉnh (danh nghĩa là Huyện ủy). Vì phòng nông nghiệp huyện là bộ phận giúp cấp ủy và ủy ban theo dõi nắm tình hình.

Đối với các ngành chuyên môn như thủy lợi, thống kê, v.v. hàng tháng, quý, hàng ngày, các bộ phận theo dõi của ngành đó trích phần cần thiết trong báo cáo gửi ngành dọc, nhưng trước khi

gửi phải qua đồng chí trưởng phòng. Ngược lại các ty chuyên môn ở tỉnh có những yêu cầu công tác riêng về chuyên môn của ngành, từng thời gian thống nhất cùng gửi cho phòng nông nghiệp huyện, để phòng chỉ đạo các bộ phận thực hiện (trừ phần bồi dưỡng thuần tuý về nghiệp vụ).

Ở cấp xã:

Hiện nay không lập ban hay phòng hợp tác hóa và sản xuất nhưng đối với các xã có chi bộ thì Ban chỉ ủy trực tiếp nắm tình hình hợp tác hóa và sản xuất, số đồng chí tham gia chuyên trách và theo dõi tùy theo tình hình và yêu cầu của công tác nông nghiệp mà bố trí một hay hai đồng chí làm công tác đó.

Đối với những xã còn là chi bộ ghép các đồng chí đảng viên phải trực tiếp nắm tình hình hợp tác hóa và sản xuất.

Các huyện huyện, thị ủy chú ý theo dõi hướng dẫn cấp xã và tạo điều kiện cho cán bộ xã quản lý hợp tác hóa và sản xuất tốt.

III

Các Đảng đoàn chính quyền, Ban Công tác nông thôn, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, các ban huyện, thị ủy chiểu quyết nghị thi hành. Quá trình thực hiện có những mắc mứu có đề nghị Thường vụ bổ khuyết thêm.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ
PHẠM GIA TUÂN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT

HỘI NGHỊ TỈNH ỦY MỞ RỘNG

Số 09-NQ/TU, ngày 28-2-1962

**Về tổng kết công tác năm 1961 và quyết định nhiệm vụ,
phương hướng công tác năm 1962***

I

Bước vào năm 1961, Lào Cai có những thuận lợi: Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ III đã vạch rõ đường lối chung cho toàn Đảng tiến lên, Đại hội lần thứ III kỳ 2 của tỉnh đã chỉ rõ những nhiệm vụ cụ thể của toàn tỉnh; tiếp đó trong thời gian Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã có những nghị quyết đúng đắn chỉ đạo tư tưởng hành động trong Đảng. Nhờ đó cuộc vận động chỉnh huấn mùa xuân 1961 của tỉnh ta đã hoàn thành tốt; công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa về nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp tư bản tư doanh đã hoàn thành căn bản ở cấp thấp; các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Tỉnh ủy nói chung đúng đắn, đội ngũ cán bộ được rèn luyện trong thực tế đấu tranh, quần chúng các dân tộc nói chung hăng hái phấn khởi, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Nhưng năm 1961 cũng có những khó khăn lớn: hai phần ba số hợp tác xã nông nghiệp mới có khung chưa qua thực tế sản xuất, chất lượng còn yếu kém, kinh nghiệm còn ít, ba quản còn

* Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng họp từ ngày 9 đến ngày 14-2-1962.

lúng túng, trình độ quản lý của cán bộ còn non: kế toán thiếu và yếu, tư tưởng chân trong chân ngoài, làm ăn riêng lẻ của xã viên còn tương đối phổ biến, một số chính sách chấp hành còn thiếu sót chưa được tích cực sửa chữa. Những khó khăn khác như thiếu lương thực, trình độ văn hóa của quần chúng còn quá thấp, một số tập quán lạc hậu của nhân dân, có ảnh hưởng nhất định đến việc thực hiện nhiệm vụ Trung ương và Đảng bộ tỉnh đã đề ra. Hội nghị nhất trí nhận định tuy có những khó khăn nhưng là tạm thời và khó khăn trong trưởng thành, thuận lợi vẫn là căn bản và to lớn.

Về tình hình năm 1961, Hội nghị nhất trí đánh giá

- Hợp tác xã nói chung (kể cả hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng) được củng cố một bước, được thử thách trong thực tế sản xuất và đấu tranh. Hợp tác xã nông nghiệp đại đa số xã viên đều tăng thu nhập so với năm 1960, loại hợp tác xã tăng nhiều chiếm số ít, loại tăng chút ít và bình thường số đông, loại thu nhập sút kém là bộ phận nhỏ do thiên tai, sâu, chuột gây ra.

Hợp tác xã tín dụng và mua bán đã góp phần nâng cao đời sống xã viên, thúc đẩy sản xuất phát triển.

Khâu yếu nhất của hợp tác xã nông nghiệp là lãnh đạo quản lý tài vụ và kế toán thanh toán không rành mạch nên đến nay chưa thanh quyết toán xong vụ mùa, có ảnh hưởng đến tư tưởng xã viên, lẻ tẻ một số nơi có người xin ra hợp tác xã. Hợp tác xã mua bán yếu nhất là thực hiện dân chủ đối với xã viên, hợp tác xã tín dụng huy động vốn của nông dân còn ít, sử dụng vốn của các quỹ tín dụng chưa hợp lý.

- Sản xuất nông lâm nghiệp nói chung đều có tiến bộ, tiến bộ nhất là sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lương thực được luôn coi trọng, nên đã vượt 9 chỉ tiêu Trung ương giao về diện tích, sản lượng đạt 94% kế hoạch. Vụ mùa tuy có bị thiệt hại do sâu chuột gây ra nhưng do ta cố gắng phấn đấu chống thiên tai dịch

hoạ, đẩy mạnh sản xuất nên vẫn bảo đảm vụ mùa bình thường, so với tổng sản lượng năm 1960 vẫn tăng chút ít. Công tác lãnh đạo về nông nghiệp chưa được cân đối giữa sản xuất lương thực, chăn nuôi, trồng cây công nghiệp. Trong sản xuất vẫn còn xem nhẹ biện pháp tăng năng suất, cải tiến kỹ thuật, gieo trồng và thu hoạch có nơi không kịp thời vụ.

Về thủy lợi đầu năm có nhiều thiếu sót, cuối năm có nhiều tiến bộ cả về mặt tiểu và trung thủy nông, tích cực thiết kế thi công các công trình mới, tu sửa các công trình cũ, hoàn thành các công trình còn bỏ dở.

Về lâm nghiệp 6 tháng cuối năm có nhiều cố gắng về khai thác, điều tra quy hoạch, khoanh rừng và trồng cây. Khâu yếu nhất của công tác lâm nghiệp là sự tổ chức thực hiện các biện pháp tiến hành khai thác còn thiếu cụ thể.

- Công tác kinh - tài - mậu, có nhiều cố gắng về mặt thu, tiết kiệm chi về hành chính, tìm được nguồn thu mới, kiểm tra được một số vụ vi phạm nguyên tắc tài chính của Đảng. Thương nghiệp đã ký hợp đồng thu mua được với các hợp tác xã, phân phối hàng và bán ra tương đối có kế hoạch là mặt tích cực. Yếu nhất là mặt nắm chế độ nguyên tắc tài chính chưa được vững, công tác thu mua còn yếu và chậm chạp, thiếu khẩn trương, thiếu biện pháp tích cực, lãng phí còn nhiều, ý thức trách nhiệm bảo quản của một số nơi và một số cán bộ của thương nghiệp chưa được đề cao đầy đủ.

Thu mua yếu và chậm có nhiều nguyên nhân. Một nguyên nhân quan trọng là sự lãnh đạo của Tỉnh ủy chủ quan, thiếu chặt chẽ. Vấn đề tồn tại lớn nhất hiện nay là công tác thu mua do đấy có ảnh hưởng đến cả khâu sản xuất và phân phối, xây dựng cơ bản năm 1962 cũng gặp những khó khăn về lương thực.

- Về công nghiệp nói chung công nghiệp trung ương và địa phương đều vượt kế hoạch (trừ giao thông). Đặc biệt công nghiệp địa phương đã có chuyển hướng sản xuất một số hàng chủ yếu phục vụ nông nghiệp, phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, kinh doanh

đã chuyển từ lỗ sang bước đầu có lãi. Thủ công nghiệp đã được chú ý phát triển và củng cố nhưng chuyển biến còn chậm. Giá thành sản phẩm của công nghiệp còn cao, phẩm chất một số mặt hàng còn kém, quan hệ giữa công nghiệp với thủ công nghiệp chưa được cân đối, chưa biết sử dụng hiệp đồng giữa công nghiệp trung ương với công nghiệp địa phương. Tai nạn lao động và sự cố trong xí nghiệp còn xảy ra nghiêm trọng.

- Xây dựng cơ bản có nhiều tiến bộ về mặt khảo sát, thiết kế, thi công. Việc sử dụng vốn đầu tư cho sản xuất chi không hết là một thiếu sót, vì đó là xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, một số kho tàng cần thiết cho Nhà nước không được giải quyết đúng mức, các sân phơi, xây dựng cơ bản cho các hợp tác xã nông nghiệp giúp đỡ của ta được còn quá ít.

- Về văn hoá - xã hội: nói chung có nhiều cố gắng, đã biết gắn công tác riêng của từng ngành với công tác trung tâm, phong trào đã phát triển rộng, đã đi vào bề sâu, phục vụ sản xuất nâng cao đời sống quần chúng cả vật chất và tinh thần. Yếu nhất của giáo dục là công tác mẫu giáo, vỡ lòng, bổ túc cán bộ xã. Y tế công tác vệ sinh phòng bệnh còn yếu, phát hiện và nắm tình hình dịch bệnh phát triển còn chậm.

- Công tác nội chính: năm 1961 được coi trọng, nhất là mặt công tác trị an, phòng chống biệt kích, đánh địch có nhiều tiến bộ, cơ sở của địch ta tiêu diệt được nhiều, các âm mưu gây đột xuất của địch được kịp thời ngăn chặn lại, những luận điệu phản tuyên truyền bị quần chúng trấn áp. Song việc giáo dục ý thức cảnh giác cho quần chúng làm chưa được sâu sắc và thường xuyên. Việc kiểm tra đôn đốc các cấp thực hiện chủ trương kế hoạch tỉnh còn yếu.

- Về công tác tư tưởng: công tác tư tưởng năm 1961 được tiến hành tích cực, liên tục rộng rãi đến tận cơ sở, trên nhiều mặt, có nhiều chuyển biến, tư tưởng cán bộ, đảng viên nói chung được ổn định, phấn khởi, có tác dụng thúc đẩy phát động phong trào trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, văn hóa, v.v.. Việc giáo dục tư tưởng công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa làm còn yếu, giáo dục ý

thức toàn diện tự lực cánh sinh, chống tham ô lãng phí còn chưa được mạnh, tiếp tục phát huy thắng lợi của chỉnh huấn làm chưa được thường xuyên và toàn diện.

- Về công tác tổ chức: cơ sở Đảng và các tổ chức quần chúng năm qua được tăng cường củng cố và kiện toàn hơn. Đặc biệt tổ chức Đảng và Đoàn ở cơ sở được phát triển rộng rãi. Tổ chức thiếu niên nhi đồng được xây dựng một số cơ sở mới.

Công tác quản lý bồi dưỡng kèm cặp dìu dắt cán bộ còn yếu, quy định trách nhiệm cho từng tổ chức, bộ phận, cá nhân chưa được rõ ràng. Việc tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, chính sách chưa được chặt chẽ và cụ thể. Sửa đổi lề lối làm việc còn chậm. Kế hoạch 5 năm của từng ngành chưa làm được (kể cả kế hoạch đào tạo cán bộ), công tác nội bộ trong một số cấp ủy huyện (Mường Khương, Bảo Thắng...) còn yếu về mặt đấu tranh phê bình thống nhất tư tưởng, thống nhất hành động.

- Công tác kiểm tra hoạt động còn yếu, chức năng của tổ chức kiểm tra làm chưa đầy đủ. Danh giới quyền hạn nhiệm vụ của Ban Kiểm tra với công việc của cấp ủy đảng một số nơi nhận thức chưa được phân biệt rõ ràng.

Tóm lại, qua một năm thực hiện nhiệm vụ mọi mặt của tỉnh ta có nhiều chuyển biến trong phong trào quần chúng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cán bộ, bộ đội, công nhân và nhân dân các dân tộc đã ra sức khắc phục mọi khó khăn vươn lên giành những thắng lợi to lớn. Trong bước trưởng thành của phong trào chúng ta cần nhìn nhận cho đầy đủ nhược điểm và khuyết điểm, không chủ quan tự mãn để cố gắng vươn lên giành những thắng lợi to lớn hơn.

Những khuyết điểm, nhược điểm tồn tại trong năm 1961 mà năm 1962 phải được giải quyết là do chúng ta:

- Chưa quán triệt đầy đủ nhiệm vụ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, giúp cho hợp tác xã xây dựng cơ sở vật chất còn ít, sản xuất nông nghiệp chưa gắn chặt với công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, sản xuất và thu mua chưa được cân đối, lãnh đạo còn chủ quan, quan liêu còn nặng.

- Phổ biến nghị quyết và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách xuống cấp dưới làm chưa được khẩn trương. Phong trào quần chúng có nhiều cái tốt, nhưng có những mâu thuẫn và khó khăn cấp dưới chưa phản ánh được một cách trung thực, kịp thời.

- Công tác tổng kết rút ra những nguyên tắc lãnh đạo nói chung về từng mặt chưa làm được đầy đủ. Lãnh đạo nói chung còn phân tán, nắm tình hình thực tế sinh động của quần chúng còn chung chung, chưa sâu sát và kịp thời. Trong khi bàn bạc thi hành chỉ thị, nghị quyết của cấp trên các huyện còn bàn chung chung nên khi thực hiện có nơi có lúc biểu hiện không nhất trí về mặt nhận thức và biện pháp. Một số ngành và bộ môn về tổ chức còn thiếu và cần thiết được kiện toàn, để phục vụ công tác lãnh đạo làm chậm.

- Các cấp ủy cấp dưới còn có khuynh hướng đơn giản, máy móc thiếu nghiên cứu các chỉ thị, nghị quyết chính sách của trên một cách sâu sắc, dẫn tới có nơi có lúc chấp hành chỉ thị, nghị quyết, không được nghiêm chỉnh. Việc quản lý cán bộ còn lỏng lẻo, giáo dục bồi dưỡng động viên cán bộ còn yếu, kỷ luật cán bộ có nơi không được nghiêm minh (Mường Khương).

- Công tác kiểm tra của các cấp làm còn yếu, tuy có làm nhưng không được bao nhiêu.

II. NHIỆM VỤ PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG TÁC NĂM 1962

Hội nghị nhất trí thông qua các đề án sau đây:

- 1- Đề án về phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 1962.
- 2- Đề án về tích cực củng cố phát triển phong trào hợp tác hóa (hợp tác hóa nông nghiệp, thủ công nghiệp, hợp tác xã tiểu thương) đồng thời tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa năm 1962.
- 3- Đề án về tăng cường đấu tranh chống bọn phản cách mạng.
- 4- Đề án về phương hướng, nhiệm vụ thi đua năm 1962.

5- Đề án về công tác Đảng, công tác tổ chức quần chúng, tổ chức chính quyền, cải tiến lề lối làm việc.

Hội nghị nhấn mạnh một số vấn đề lớn cần được coi trọng:

1- Trọng tâm công tác của tỉnh năm 1962 là: củng cố hợp tác xã đẩy mạnh sản xuất toàn diện, đi đôi với bảo vệ sản xuất. Trong công tác củng cố lấy hợp tác xã nông nghiệp là khâu công tác số một, nhưng cần phải chú trọng đúng mức với công tác củng cố và phát triển hợp tác xã tín dụng, hợp tác xã mua bán.

Trong sản xuất cần chú ý có kế hoạch toàn diện: cây lương thực, cây công nghiệp và chăn nuôi, nghề rừng, nghề phụ. Phải khắc phục bằng được các nhược điểm của năm 1961, nhất là các biện pháp kỹ thuật trong nông nghiệp cần được đẩy mạnh. Phải coi trọng cả tăng diện tăng vụ đi đôi với tăng năng suất. Kiên quyết thanh toán nạn cấy chay, tích cực vận động quần chúng cải tiến nông cụ đưa mức bón phân cho lúa và hoa màu lên cao hơn nữa, cần đẩy mạnh hơn nữa công tác tiểu và trung thủy nông, tiếp tục điều tra nghiên cứu quy hoạch thủy lợi một cách lâu dài. Chú ý bảo đảm gieo cấy các loại sản xuất nông nghiệp cho kịp thời vụ, phải có kế hoạch vận động trồng bằng được 200 ha mía bảo đảm cho nhà máy đường, rượu, giấy năm 1965 bắt đầu chạy.

2- Khâu thu mua là khâu yếu nhất cần được tăng cường lãnh đạo, bảo đảm hoàn thành thu mua vụ mùa 1961 trong tháng 3-1962, chuẩn bị công tác thu mua vụ chiêm 1962, có kế hoạch giao chỉ tiêu thu mua vụ mùa 1962 đến tận hợp tác xã để anh em quan tâm cố gắng sản xuất. Đặc biệt vấn đề dỡ, đào, xát và phơi sắn phải huy động mọi lực lượng, khả năng tập trung mọi phương tiện để hoàn thành trong một thời gian ngắn. Cần có kế hoạch từng hợp tác xã, từng hộ xã viên, nhân dân thị xã mỗi hộ, cơ quan ít nhất mỗi người phải có từ 1 đến 2 sàng để phơi sắn. Đảm bảo dỡ sắn đến đâu, trồng sắn đến đó, trồng nhiều hơn năm 1961. Ty Lương thực phải dành một số cán bộ đi đôn đốc công tác thu mua và thực hiện (...). Chính quyền các cấp có trách nhiệm cùng với các tổ chức quần chúng vận

động các tổ chức quần chúng và các hợp tác xã cơ quan giải quyết vấn đề đỡ, đào và xát sắn cho tốt.

3- Khối kinh - mậu - tài cần chú trọng hơn nữa đến công tác tăng thu, tiết kiệm chi, chống lãng phí tham ô. Tích cực vận động gửi tiền tiết kiệm, tăng cường lãnh đạo quản lý tiền mặt. Thương nghiệp phải có kế hoạch phát triển sản xuất thêm những mặt hàng cần thiết phục vụ đời sống quần chúng, phục vụ sản xuất, xuất khẩu, giảm bớt những khó khăn về tình trạng không cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng.

4- Văn hóa, giáo dục và y tế phải chú trọng đến việc phát triển trường lớp cấp I, II và III một cách cân đối, coi trọng chất lượng giảng dạy. Tích cực thanh toán nạn mù chữ cho quần chúng với tỷ số cao nhất (kể cả chữ Miêu). Đặc biệt chú ý đến bổ túc trường cán cho cán bộ xã. Đẩy mạnh công tác vệ sinh phòng bệnh tích cực vận động phát triển thêm trạm xá dân và quốc lập, ra sức vận động phong trào thể dục thể thao (kể cả thể dục thể thao dân tộc) một cách rộng rãi. Phát triển mạnh mẽ hơn nữa phong trào văn nghệ quần chúng trong các hợp tác xã, cơ quan, trường học, xí nghiệp để phục vụ đời sống tinh thần quần chúng để đẩy mạnh sản xuất, đẩy mạnh công tác.

5- Công nghiệp và thủ công nghiệp: cần phát động phong trào thi đua rộng rãi trong các xí nghiệp nói chung và các hợp tác xã thủ công nói riêng, nhằm phát huy mọi khả năng sáng kiến, hợp lý hóa sản xuất cải tiến sản xuất, cải tiến kỹ thuật của quần chúng, làm cho sản xuất đạt nhiều nhanh tiết kiệm. Phục vụ được sản xuất phát triển, đáp ứng được một phần nhu cầu sinh hoạt của quần chúng đòi hỏi, phát huy chức năng của công nghiệp là chủ đạo trong ngành kinh tế quốc dân. Thủ công nghiệp cần được coi trọng phát triển rộng rãi, củng cố những hợp tác xã đã có làm cho thủ công nghiệp sản xuất được nhiều mặt hàng mới thích hợp với địa phương, phục vụ địa phương, lấy nguyên liệu địa phương sản xuất, phục vụ quần chúng, giảm gánh nặng do Nhà nước phải vận chuyển từ xuôi lên hoặc nhập ở ngoài vào.

6- Công tác nội chính: cần củng cố và nâng cao chất lượng và phát huy cao độ hơn nữa chức năng của hệ thống chuyên chính vô sản. Đặc biệt phải chú ý tới vai trò ủy ban, công an, dân quân xã và các lực lượng vũ trang. Phải thường xuyên giáo dục cho tốt tình giai cấp, cảnh giác cho quần chúng thấy được âm mưu của các loại địch (nhưng nguy hiểm nhất là bọn gián điệp Mỹ - Diệm) để quần chúng phân biệt được ta địch rõ ràng. Đối với bọn phản cách mạng ta phải có kế hoạch tấn công địch một cách chủ động, có biện pháp tích cực nhất (kể cả công tác đi sâu vào nội bộ của địch). Một điều quan trọng và cũng là bài học kinh nghiệm phải rút ra trong công tác đánh địch là phải dựa vào quần chúng giác ngộ và tổ chức quần chúng lại thì nhất định kẻ địch sẽ bị tiêu diệt. Vấn đề bảo vệ kiểm tra nội bộ được coi trọng và tiến hành thường xuyên.

7- Các tổ chức quần chúng cần được ra sức củng cố đi đôi với phát triển những tổ chức cần thiết (tổ chức thiếu niên nhi đồng ở nông thôn), phát triển đoàn viên thanh niên lao động ở những nơi quan trọng và thiết yếu, chú trọng hơn nữa đến địa bàn nông thôn. Thanh niên phải đi sâu vào mặt trận khoa học kỹ thuật trong sản xuất. Phụ nữ cần làm cho tốt công tác trồng bông, công tác nhà trẻ và mẫu giáo. Mặt trận cần xác định cho rõ đối tượng để đoàn kết và tranh thủ.

8- Công tác Đảng phải được xác định là một vấn đề cơ bản của cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội, dù bất kỳ trong tình huống nào Đảng cũng phải được củng cố và phát triển không ngừng. Việc phát triển đảng viên, củng cố chi bộ và công tác cán bộ là hai mặt công tác của Đảng, đều phải coi trọng đúng mức vì đó là vấn đề then chốt nhất của công tác Đảng. Công tác tư tưởng trong Đảng phải được coi trọng đi đầu trong mọi công tác, phải làm từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài nhất trí về tư tưởng và hành động. Phải chú ý giải quyết tư tưởng công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, giáo dục nghĩa vụ nông dân và nhân dân với Nhà nước một cách sâu sắc, giáo dục ý thức cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội,

ý thức đoàn kết dân tộc, ý thức đấu tranh thống nhất Tổ quốc, ý thức làm chủ xã hội và làm chủ hợp tác xã của các xã viên và đảng viên một cách sâu sắc hơn nữa.

Về tổ chức phải làm cho Đảng mạnh, vai trò của Đảng phải được kiện toàn từ chi bộ trở lên đến tỉnh. Đội ngũ cán bộ cần được tăng cường, bồi dưỡng, rèn luyện, mạnh dạn đề bạt những cán bộ tốt, đào tạo thêm cán bộ mới, chú trọng hơn nữa các loại cán bộ khoa học kỹ thuật người địa phương. Tăng cường hơn nữa công tác quản lý đội ngũ cán bộ (kể cả cán bộ xã).

III. MỘT SỐ CÔNG TÁC CỤ THỂ

- Hội nghị nhận thấy: để thực hiện những nhiệm vụ của năm 1962, giành được những thắng lợi to lớn, các cấp ủy, các ngành, cán bộ, đảng viên trong toàn tỉnh cần tăng cường hơn nữa sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ, phải bảo đảm thực hiện đầy đủ chế độ sinh hoạt thường kỳ của các cấp đến tận cơ sở, nhằm làm cho tư tưởng, chính sách, nghị quyết của Đảng được thông suốt từ trên xuống dưới từ trong ra ngoài, biến nghị quyết chính sách để thành sức mạnh của quần chúng. Biện pháp thực hiện sự đoàn kết, nhất trí cần lấy công tác giáo dục tư tưởng đi đầu lấy chính sách, nghị quyết và các văn kiện của Đảng làm cơ sở.

- Chế độ báo cáo thỉnh thị, thông báo tình hình phải bảo đảm thường xuyên được chặt chẽ, kịp thời. Phải tuyệt đối chấp hành nguyên tắc lãnh đạo tập trung dân chủ của Đảng là phục tùng theo nghị quyết đa số, cấp dưới phải phục tùng cấp trên, địa phương phục tùng Trung ương, lợi ích nhỏ phải phục tùng lợi ích lớn. Các cấp ủy cần định cho rõ trách nhiệm cho từng ngành, từng bộ phận, từng người để giao nhiệm vụ, kế hoạch cho đúng mức.

- Kiện toàn tổ chức của Đảng, bộ máy của Nhà nước (kể cả cơ sở xã), quan tâm hơn nữa đến công tác đào tạo và đề bạt cán bộ, củng cố các loại chi bộ, đặc biệt là chi bộ nông thôn cần được chú trọng hơn.

- Các cấp lãnh đạo mỗi đồng chí cần đi sâu nắm một bộ phận trực tiếp, 3 tháng một lần xuống công tác cơ sở, trực tiếp gần gũi tìm hiểu quần chúng. Mỗi đồng chí cấp ủy viên, thủ trưởng cơ quan cần giúp đỡ một cơ sở sản xuất, mỗi đồng chí Thường vụ tỉnh, Huyện ủy phải đỡ một cơ sở sản xuất, toàn diện. Các buổi sinh hoạt thường kỳ các đồng chí cấp ủy cần bố trí xuống sinh hoạt bàn bạc giúp đỡ các đơn vị đỡ đầu.

- Cần phát động phong trào thi đua rộng rãi trong các công trường, xí nghiệp nông thôn, cơ quan, v.v. từ nay đến ngày 19-5 lấy thành tích chúc thọ Hồ Chủ tịch, nhằm hoàn thành vượt mức chỉ tiêu 6 tháng đầu năm 1962. Cần rút kinh nghiệm phát động từng đợt ngắn ngày, chỉ đạo tập trung cụ thể làm từng việc tập trung giải quyết nhanh gọn như gieo cấy cây ải, làm phân, thủy lợi, phát nương, trồng mía, v.v.. Cần tăng cường lãnh đạo tập trung cho sản xuất nhưng phải kết hợp chặt chẽ các công tác khác một cách có kế hoạch, công tác chỉ đạo trọng điểm phải làm tốt hơn nữa. Các cấp lãnh đạo phải nắm cho thật chặt công tác trung tâm và 3 công tác lớn là sản xuất nông nghiệp, công tác trấn áp phản cách mạng, công tác Đảng về mọi mặt; trước mắt chú trọng hơn nữa lãnh đạo chặt chẽ công tác thanh quyết toán của các hợp tác xã nông nghiệp làm cho hợp tác xã ổn định đẩy mạnh được sản xuất, công tác thu mua vụ mùa năm 1961 phải hoàn thành với tinh thần khẩn trương (kể cả thu mua sắn) nên cần đặc biệt coi trọng.

Phải phổ biến tinh thần Nghị quyết của Tỉnh ủy về kế hoạch năm 1962 rộng rãi trong cán bộ và nhân dân các dân tộc, lấy đó làm nội dung giáo dục cổ vũ nhân dân phấn đấu vượt mức kế hoạch năm 1962 toàn diện, vượt lực mạnh mẽ và vững chắc.

Về biện pháp quan trọng nhất là tất cả mọi chỉ tiêu kế hoạch đều phải được quần chúng bàn bạc, dân chủ, thống nhất về phương hướng sản xuất phải phát huy mọi sáng kiến của quần chúng thực hiện kế hoạch. Nhất là các biện pháp cải tiến kỹ thuật, việc xen canh gối vụ là một khó khăn của quần chúng nhất thiết phải bàn với quần chúng làm cho quần chúng tự lực cánh sinh ra sức quyết

tâm khắc phục mọi khó khăn trong sản xuất của địa phương mình, hợp tác xã mình.

Hội nghị Tỉnh ủy nhất trí nhận định năm 1961 tuy có những khó khăn nhưng là tạm thời và khó khăn trong trưởng thành, thuận lợi vẫn là căn bản và to lớn. Toàn Đảng bộ chúng ta cần ra sức phát huy hơn nữa thắng lợi của năm 1961 phát huy tính tích cực của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc cao hơn nữa. Kiên quyết khắc phục mọi khó khăn của năm 1961 để lại, khó khăn của năm 1962 mới phát sinh một cách tích cực làm cho phong trào Lào Cai tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Ban Chấp hành Tỉnh đảng bộ kêu gọi tất cả cán bộ, đảng viên, đoàn viên, công nhân, xã viên, nhân dân các dân tộc, các chiến sĩ trên các mặt trận kinh tế, chính trị, văn hóa, các lực lượng vũ trang, bán vũ trang, các cấp ủy, các ngành, đơn vị, các hợp tác xã, v.v. cần hăng hái lao động, cùng nhau đoàn kết, ra sức thi đua thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy, thi đua sản xuất thực hành tiết kiệm hoàn thành, hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 1962 của Tỉnh ủy đề ra với tinh thần cố gắng nhất và thời gian ngắn nhất trên mọi mặt. Trước mắt phải hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất đông xuân và kế hoạch 6 tháng đầu năm 1962.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
BÍ THƯ
TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 10-NQ/TU, ngày 7-3-1962

Về công tác xây dựng củng cố Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng năm 1962

Năm 1961 chúng ta có nhiều chuyển biến mới mẻ, mọi mặt công tác đều có tiến bộ. Công tác củng cố xây dựng Đảng và các đoàn thể quần chúng đều được nâng cao lên một bước; đội ngũ cán bộ có lớn lên trong đấu tranh; vai trò tiên phong của Đảng được đề cao; tác dụng tiên tiến của các tổ chức quần chúng được phát huy tích cực nhất là Đoàn Thanh niên lao động. Một nguyên nhân quan trọng của thắng lợi kế hoạch năm 1961 là Đảng, các tổ chức quần chúng được củng cố, nâng cao lên một bước.

Năm 1961 có nhiều ưu điểm tiến bộ là căn bản, nhưng cũng còn một số nhược điểm và mâu thuẫn cần được giải quyết cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới đòi hỏi Đảng ta và các tổ chức quần chúng được tăng cường củng cố và phát triển nâng cao lên một bước và đi vào thường xuyên.

Đội ngũ cán bộ toàn tỉnh hiện nay có 3.752, hành chính sự nghiệp có 1.398, cán bộ công nhân trong các công trường, xí nghiệp nông lâm trường có 2.354. Giáo dục quản lý của ta chưa có hệ thống nhất là mặt khoa học kỹ thuật chuyên môn ta mới có 460 cán bộ tỷ lệ mới có 10% so với tổng số cán bộ, xong đại bộ phận lại là sơ cấp, trung cao cấp mới chiếm 19% trong số cán bộ chuyên

môn kỹ thuật. Trình độ văn hóa hai phần ba cán bộ công nhân viên là cấp I thậm chí còn một số mù chữ; đội ngũ cán bộ công nhân người địa phương cũng còn quá ít, tỷ lệ 9% (352 người), so với tổng số cán bộ công nhân viên toàn tỉnh.

Đảng viên toàn tỉnh có 2.337, tỷ lệ 100 quần chúng có 2 đảng viên, nhưng lại tập trung ở cơ quan hành chính sự nghiệp, đảng viên trực tiếp sản xuất và ở nông thôn tỷ lệ mới có 1 đảng viên trong 100 quần chúng, phân bố đảng viên lại không đều, hiện nay còn tới 50 tổ sản xuất trong công nghiệp, 124 hợp tác xã và nhiều thôn bản, đội lao động trong hợp tác xã chưa có đảng viên.

Đội ngũ xã toàn tỉnh ước tính bình quân mỗi xã 45 cán bộ $\times$ 123 = 5.535 cán bộ (ở đây chỉ tính loại cán bộ là chi ủy xã, tổ trưởng Đảng, Ủy ban hành chính, Hội đồng nhân dân, các Ban chấp hành các giới, Ban kiểm soát kế toán hợp tác xã, thôn trưởng, giáo viên và các cán bộ phụ trách bình dân, y tế, thông tin, văn hóa).

Yếu và lo lắng nhất của cán bộ xã hiện nay là văn hóa quá thấp, lúng túng về công tác lãnh đạo, chưa thông thạo về lãnh đạo kinh tế có kế hoạch và quản lý hợp tác xã; trình độ công tác tuy có lớn lên nhưng chưa mạnh, tổ chức được củng cố nhưng chưa đều, có nơi có xã còn yếu.

Tổ chức đảng nói chung mới được xây dựng vài năm nay, số lượng chưa đông, chất lượng chưa cao, chi bộ chưa bảo đảm vai trò lãnh đạo toàn diện.

Chính quyền xã, sau các cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân đã được củng cố vững mạnh tiến bộ hơn trước nhưng công tác đào tạo, bồi dưỡng các đại biểu Hội đồng nhân dân, các ủy viên Ủy ban hành chính xã nhất là về mặt văn hóa, nghiệp vụ, lề lối làm việc còn quá ít nên số đông còn rất lúng túng chưa phát huy được đầy đủ chức năng của mình.

Về dân quân tự vệ và lực lượng hậu bị: chất lượng nói chung

là tốt nhưng do tổ còn những cá nhân có những vấn đề về chính trị không bảo đảm như còn báo cho địch, bị mua chuộc giao súng cho địch, v.v.. Công tác huấn luyện dân quân một số xã không đạt yêu cầu. Việc chấn chỉnh tổ chức có nơi cho ra hàng loạt.

Về bộ đội thường trực và công an nhân dân vũ trang: cả hai lực lượng đã được xây dựng củng cố một bước, đã huấn luyện vượt yêu cầu của trên quy định. Việc chấp hành điều lệ, điều lệnh có nhiều tiến bộ. Song công tác đánh địch, công tác phòng thủ còn có thiếu sót, chưa đặt được lên hàng đầu. Nội bộ lực lượng công an vũ trang giữa cán bộ và chiến sĩ, giữa anh em địa phương với anh em ở xuôi lên có một số mâu thuẫn, thiếu đoàn kết.

Về thanh niên lao động, tổ chức được mở rộng nhưng công tác củng cố không theo kịp với phát triển, lực lượng đoàn viên còn ít so với tổng số thanh niên. Nhiều nơi cấp ủy chưa chú ý sử dụng vai trò của đoàn nên chưa phát huy được đầy đủ khả năng của thanh niên trong mọi mặt công tác.

Tổ chức phụ nữ hoạt động của hội viên tích cực, nhưng Ban chấp hành xã, huyện lãnh đạo còn yếu.

Tổ chức thiếu niên nhi đồng mới có ở cơ quan, xí nghiệp, trường học, nông thôn nói chung chưa được tổ chức.

Công đoàn trừ các huyện, khu vực các cửa hàng xa chưa tổ chức được còn đều có tổ chức công đoàn, nhưng hoạt động không đều, gần đây có chuyển biến nhưng chưa mạnh.

Các tổ chức khá nhất ở xã hiện nay: Chi bộ Đảng, Ủy ban hành chính, Xã hội và Đoàn Thanh niên lao động, nhưng cũng không đều.

Căn cứ vào nhiệm vụ chính trị, tổ chức, dựa vào Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ III, Đại hội III toàn tỉnh họp năm 1961, Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ quyết định nhiệm vụ công tác về xây dựng củng cố Đảng, chính quyền và các tổ chức quần chúng cho năm 1962 như sau:

I

Ra sức củng cố và xây dựng Đảng, làm cho Đảng thực sự mạnh mẽ vững chắc, xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp ở trong mỗi lĩnh vực hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự, v.v..

Tích cực bồi dưỡng và đào tạo nâng cao trình độ cán bộ về mọi mặt, làm cho đội ngũ cán bộ tăng cả về số và chất lượng, trước mắt có thể là bảo đảm hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 1962 và góp phần thực hiện kế hoạch đào tạo cán bộ 5 năm; chú trọng đào tạo các loại cán bộ kỹ thuật, khoa học, chuyên môn quản lý hợp tác xã. Đặc biệt phải chú trọng đến bồi dưỡng và đào tạo đội ngũ cán bộ dân tộc địa phương để dần dần làm cho các cơ quan Dân, Chính, Quân, Đảng có nhiều cán bộ địa phương (nhất là cấp huyện và các ngành chuyên môn có tính chất tiêu biểu).

A. CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG VIÊN VÀ CÁC CHI BỘ MỚI

Ban Chấp hành tỉnh nhận định, vấn đề xây dựng Đảng là một vấn đề cơ bản của cách mạng vô sản và của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Lịch sử của các Đảng anh em cũng như của điều đó rất đúng là những nơi có chi bộ tốt, đảng viên tốt thì công tác cách mạng nói chung tốt và trấn áp bọn phản cách mạng cũng tốt.

1960 - 1961 tỉnh ta có nhiều chuyển biến mạnh mẽ, công tác có nhiều tiến bộ, nguyên nhân quan trọng là Đảng được phát triển mạnh và được củng cố. Đến nay 122 xã đã có đảng viên, nhiều xã đã có chi bộ.

Nguyên nhân của phát triển Đảng được tốt ấy là do nhận thức đúng đắn của Tỉnh ủy, sự cố gắng của các cấp ủy huyện, các cán bộ, đảng viên tích cực tham gia xây dựng Đảng, đã làm cho Đảng bộ ta lớn mạnh và trưởng thành mau chóng, trong khoảng 2 năm ta xây dựng được cơ sở Đảng trong 112 xã, mà trước đây ta mới có cơ sở Đảng ở 10 xã thuộc Bảo Thắng, Mường Khương, Bắc Hà.

Hướng phát triển năm 1962: Tập trung vào hai hướng chính là hợp tác xã nông nghiệp, công nghiệp (kể cả thủ công nghiệp) các nơi khác đều tiến hành phát triển thường xuyên.

- Xí nghiệp: tập trung vào công nhân trực tiếp sản xuất và các cán bộ kỹ thuật, khoa học, những chiến sĩ thi đua lao động tiên tiến.

- Nông thôn: Bền nông và trung nông (kể cả trung nông dưới và trung nông thường ở trong hợp tác xã).

Cần chú trọng đến kết nạp lứa tuổi thanh niên, những công nhân trực tiếp sản xuất, các chiến sĩ thi đua, các cán bộ xã tích cực, các lực lượng vũ trang và bán vũ trang, các kiện tướng xuất hiện trong các phong trào, ở cơ quan cần chú ý tới đội ngũ cán bộ thoát ly người dân tộc địa phương, cán bộ cũ lâu năm đã được rèn luyện thử thách trong công tác, loại cán bộ khoa học, kỹ thuật, giáo viên, bác sĩ, kỹ sư, y sĩ, v.v. cần được chú ý giáo dục bồi dưỡng và phát triển.

Phải coi trọng đúng mức đến việc phát triển vào những xã có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị, quân sự, biên giới, đường giao thông hoặc xí nghiệp quan trọng nay còn ít hoặc chưa có đảng viên. Đối với các dân tộc ít người chưa có đảng viên cần cố gắng đào tạo, bồi dưỡng những người tốt để kết nạp Đảng.

Yêu cầu phát triển: Đến hết năm 1962 các thôn, bản, đội lao động trong hợp tác xã nông nghiệp, các tổ sản xuất trong xí nghiệp và các hợp tác xã, thủ công nghiệp đều có đảng viên. Tỷ lệ đảng viên nông thôn phải có 1,5 đảng viên lãnh đạo 100 quần chúng.

Các hợp tác xã nói chung, tổ sản xuất trong xí nghiệp đều có tổ Đảng.

Đại đa số các xã đều có chi bộ, các phân xưởng trong xí nghiệp đều có chi bộ độc lập; những tổ Đảng trực thuộc huyện ở những xã không đủ điều kiện lập chi bộ riêng. Một xã trên 50 đảng viên, hợp tác xã lên quy mô lớn, cao cấp cần nghiên cứu lập Đảng ủy xã, chi bộ (đội sản xuất), tổ Đảng (tổ sản xuất).

Trong khi phát triển Đảng phải quán triệt quan điểm xây dựng Đảng là trọng chất hơn trọng lượng. Nghĩa là Đảng ta cần đội ngũ đảng viên đông nhưng phải mạnh.

Khi phát triển phải luôn bám sát Điều lệ mới của Đảng và những thông tri quy định mới của Trung ương để vận dụng cho đúng nguyên tắc. Phải bảo đảm thủ tục và tiêu chuẩn khi kết nạp đảng viên mới.

Muốn làm công tác phát triển tốt, các chi bộ phải làm thường xuyên thật tốt và bồi dưỡng được nhiều phần tử tích cực và đối tượng phát triển Đảng càng tốt bao nhiêu thì chất lượng của đảng viên càng cao và tốt bấy nhiêu.

B. CÔNG TÁC Củng Cố CHI BỘ

Ra sức củng cố các loại chi bộ, làm cho chi bộ vững mạnh, xứng đáng là hạt nhân chính trị lãnh đạo phong trào: chi bộ là cơ sở thấp nhất của Đảng. Muốn cho Đảng vững mạnh, trước hết chi bộ phải vững mạnh. Vì chi bộ là nơi lãnh đạo chấp hành tất cả mọi chủ trương, chính sách của Đảng, là sợi dây nối liền quan hệ giữa Đảng với quần chúng gắn bó chặt chẽ. Vì vậy chi bộ phải được củng cố làm chỗ đứng và chân rễ của Đảng xuống tận cơ sở. Chi bộ càng mạnh bao nhiêu, công tác cách mạng càng tốt, thắng lợi càng to, Đảng càng mau trưởng thành.

Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc cách mạng sâu sắc, triệt để, toàn diện và khoa học nhất trong lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng ta từ trước tới nay. Nhiệm vụ chính trị của các chi bộ cũng phải tiến theo với nhiệm vụ to lớn chung ấy: xây dựng một xã hội chủ nghĩa mới, kiểu mẫu toàn diện khoa học nhất, đồng thời nó còn phải đấu tranh xóa bỏ chế độ có giai cấp bóc lột, cải tạo tất cả những tàn dư xấu xa của xã hội cũ cản trở bước tiến của xã hội mới. Mặt khác còn bao nhiêu yêu cầu khác trong thực tế đời sống xã hội đòi hỏi Đảng ta phải được tăng cường lãnh đạo, đòi hỏi các loại chi bộ phải được không ngừng củng cố phát triển và

nâng cao mọi mặt cho phù hợp với tình hình mới trong mọi lĩnh vực công tác.

Hướng củng cố:

a) Chủ yếu lấy công tác giáo dục để bồi dưỡng nâng cao nhận thức của đảng viên lên một bước về giác ngộ xã hội chủ nghĩa, giác ngộ về giai cấp; giáo dục vai trò tiên phong gương mẫu cho đảng viên (chú trọng đến đảng viên nông thôn). Tiếp tục phát huy bốn quan điểm cách mạng mới (bốn xây) và bốn chống quan điểm lạc hậu trái với đạo đức cộng sản chủ nghĩa (bốn chống trong nghị quyết Bộ Chính trị về chỉnh huấn). Đặc biệt các chi bộ phải ra sức chống quan liêu, lãng phí, tham ô và tích cực tham gia cuộc vận động lớn sắp tới đó.

Cần tăng cường mở các lớp huấn luyện ngắn ngày tại huyện, khu vực, ngay trong các Đảng ủy, v.v. cho các đảng viên dự bị và những đảng viên chính thức nhưng chưa được qua các lớp huấn luyện nào về Đảng. Cần tích cực huấn luyện bổ túc cho đảng viên cũ, mở các lớp đào tạo các tổ trưởng Đảng, chi ủy viên, bí thư chi bộ để kiện toàn cho các chi bộ còn yếu về lãnh đạo, hoặc các chi bộ mới thành lập sau này. Đảm bảo từ 90 đến 95% đảng viên nông thôn được huấn luyện.

Trách nhiệm của Ban Tuyên huấn và trường Đảng của tỉnh chỉ đảm nhiệm đến các chi ủy viên và tổ trưởng Đảng ở những xã chưa có chi bộ, còn tất cả các loại đảng viên khác đều do Huyện ủy, Thị ủy và Đảng ủy chịu trách nhiệm huấn luyện.

b) Các chi bộ phải lấy công tác sinh hoạt thường kỳ hàng tháng, đóng Đảng phí, tự phê bình và phê bình là một nguyên tắc xây dựng Đảng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đảng ta tồn tại và ngày càng phát triển vững mạnh là nhờ có những nguyên tắc đó. Các chi bộ sinh hoạt được đều đặn công tác mới được bảo đảm, tư tưởng đảng viên có lệch lạc mới uốn nắn kịp thời, khối thống nhất của Đảng mới được đoàn kết, những khuyết điểm mới được kịp thời ngăn chặn và sửa chữa, những ưu điểm mới có điều kiện phát huy và tổng kết kinh nghiệm. Do sinh hoạt đều đặn ấy các chi bộ còn

phản ánh và giải quyết được những thắc mắc cho quần chúng kịp thời, quan hệ Đảng với quần chúng được tăng cường, khối công nông liên minh được củng cố.

Về nguyên tắc phải lấy tự phê bình là chủ yếu, phê bình phải làm từ dưới lên trên và ngược lại. Phương châm phê bình là trị bệnh cứu người, răn trước người sau, lấy đoàn kết để phê bình và phê bình để đoàn kết đồng chí.

Cho nên các chi bộ, đảng viên phải coi việc sinh hoạt, đóng Đảng phí, tự phê bình và phê bình là nghĩa vụ của người đảng viên và quyền lợi thiết thân của người đảng viên và chi bộ. Điều lệ của Đảng đã quy định không ai được xâm phạm mà phải nghiêm chỉnh phục tùng chấp hành. Các cấp ủy phải coi trọng lãnh đạo mặt công tác này thật chặt chẽ, vì sinh hoạt còn có những ý nghĩa quan trọng đặc biệt. Trường đào tạo rèn luyện đảng viên và chi bộ trong thực tế đấu tranh là hình thức giáo dục cơ bản và lâu dài nhất, không một đảng viên nào không qua trường đào tạo của chi bộ mà trưởng thành được, và chỉ có chính đảng của giai cấp vô sản (Đảng Cộng sản) mới xác định được vấn đề đó cho nên Đảng không ngừng được củng cố và phát triển ngày càng mạnh mẽ.

Phải làm cho tất cả mọi đảng viên thấy rõ điều đó để xác định vị trí rèn luyện mình và coi sinh hoạt, đóng Đảng phí tự phê bình và phê bình là nguyên tắc, không thể thiếu được như người ta cần cơm ăn, nước uống và không khí để thở, đảng viên phải cần sinh hoạt, đóng Đảng phí và tự phê bình.

c) Thông qua các cuộc vận động, chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước để nâng cao chi bộ đảng viên, Trước mắt lấy thực hiện kế hoạch năm 1962 làm cơ sở để củng cố chi bộ. Cụ thể trong xí nghiệp lấy việc vận động hợp lý hóa sản xuất, nông thôn lấy sản xuất đi đôi với củng cố hợp tác xã và phát động chiến dịch Lê Hồng Phong, tấn công vào nghèo khổ lạc hậu để củng cố chi bộ. Ban Tổ chức tỉnh cùng các huyện, thị, Đảng ủy cần bồi dưỡng nhiệm vụ và phương pháp lãnh đạo từng bước chi

tiết thích hợp. Các chi bộ khác lấy nhiệm vụ chung kết hợp nhiệm vụ riêng của ngành mình làm nội dung củng cố chi bộ.

d) Các chi bộ nông thôn, xí nghiệp cần phải xác định cho rõ hơn nữa về vị trí đi sâu vào lãnh đạo kinh tế, lãnh đạo sản xuất, lãnh đạo khoa học kỹ thuật vì thời đại ngày nay là thời đại khoa học, quan hệ sản xuất đã thay đổi có tính chất cơ bản, kỹ thuật khoa học có khả năng phát huy.

Yêu cầu củng cố chi bộ:

Năm 1962 phải có nhiều chi bộ khá, một nửa chi bộ nông thôn tự động được công tác. Văn hóa hoàn toàn thanh toán nạn mù chữ trong đảng viên, loại đảng viên biết chữ đều phải học trường cán bộ, hoặc ở nơi thuận tiện nhất bảo đảm mỗi đồng chí năm 1962 lên một lớp, để năm 1965 đảng viên nông thôn phải thanh toán lớp 4. Các đảng viên xí nghiệp cơ quan, bộ đội, v.v. mỗi năm phải lên một lớp. Các chi bộ phải đưa vào chỉ tiêu này để kiểm tra đôn đốc đảng viên, vì đó là một nhiệm vụ Đảng giao cho đảng viên phấn đấu và đó cũng là một tiêu chuẩn học tập của người đảng viên.

Nhiệm vụ học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, tất cả đảng viên đều phải học nhưng phải xác định cho rõ học chính trị là khâu đi đầu (văn hóa chuyên môn phải song song kết hợp tiến hành không được xem nhẹ).

C. TĂNG CƯỜNG Củng Cố CHÍNH QUYỀN CÁC CẤP, Củng Cố QUỐC PHÒNG, Củng Cố VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG VŨ TRANG, BÀN VŨ TRANG

Để bảo đảm thực hiện những nhiệm vụ mới của năm 1962 song song với công cuộc kiến thiết kinh tế, cần hết sức tăng cường củng cố chính quyền các cấp (từ tỉnh đến xã) và ra sức củng cố quốc phòng.

1. Về chính quyền

- Cần phát huy vai trò và chức năng của bộ máy chính quyền các cấp, cần tiến hành việc huấn luyện, bồi dưỡng văn hóa, nghiệp

vụ và lễ lối làm việc cho tất cả các đại biểu hội đồng nhân dân và các viên ủy ban hành chính, nhất là ở huyện và xã bằng cách dùng phương pháp dìu dắt giúp đỡ trong công tác thực tế đồng thời mở lớp ngắn ngày tại các địa phương do huyện đảm nhiệm là chính.

- Cần duy trì sinh hoạt đều đặn của Hội đồng nhân dân, phân công, phân nhiệm vụ rõ ràng các ủy viên, phát huy tinh thần thực chức, thực quyền của các đại biểu dân tộc địa phương, cần tăng cường hơn nữa mối liên hệ giữa Hội đồng nhân dân với quần chúng nhân dân các dân tộc. Đối với cán bộ và nhân dân cần giáo dục mọi người có ý thức xây dựng quản lý và tôn trọng chính quyền.

- Đối với chính quyền xã và thị xã trong năm 1962 sẽ tổ chức bầu lại theo nhiệm kỳ. Cần kết hợp với việc bầu lại xét và đưa ra khỏi Hội đồng nhân dân hay Ủy ban hành chính những người không tốt, không xứng đáng. Đối với các ngành chuyên môn ở tỉnh, huyện, xã cần chú trọng kiện toàn, chủ yếu lấy việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt, nâng cao chất lượng công tác. Ngoài ra cần tiếp tục nghiên cứu vấn đề sáp nhập một số xã với quy mô thích hợp và thành lập khu vực hành chính ở Mỏ apatít.

2. Về dân quân tự vệ và quân dự bị

Nhiệm vụ của dân quân tự vệ và quân dự bị năm nay đề ra là: Ra sức phát huy kết quả chỉ huy huấn, động viên mọi nhân tố tích cực của dân quân tự vệ và quân dự bị, tích cực củng cố phát triển lực lượng dân quân tự vệ và quân dự bị thành một đội ngũ vững mạnh. Có trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, có cảnh giác cách mạng cao bảo đảm chương trình huấn luyện chiến kỹ thuật, để có đủ khả năng chiến đấu bảo vệ địa phương, sẵn sàng bổ sung cho quân đội thường trực và xứng đáng là vai trò nòng cốt trong sản xuất và chấp hành các chính sách.

Muốn vậy cần tiếp tục quán triệt phương châm xây dựng củng cố dân quân tự vệ, quân dự bị kết hợp với công tác khác, cụ thể cán bộ tổ chức biên chế dân quân tự vệ phù hợp với tổ chức sản xuất và đơn vị công tác, bổ sung cho các ban chỉ huy xã đội và trung đội

còn thiếu những người đủ tiêu chuẩn; tổ chức xong về căn bản lực lượng tự vệ ở các cơ quan, công nông trường, xí nghiệp và các huyện, đồng thời tiếp tục thẩm tra đội ngũ, thanh loại những phần tử xấu bảo đảm trong sạch về chính trị và tư tưởng, xứng đáng là lực lượng vũ trang bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Tiếp tục củng cố các B gần huyện và các B ở gần khu vực, tích cực tổ chức mỗi xã từ 1A đến 1B mạnh, hoàn thành tổ chức các bộ phận chuyên môn giúp việc xã đội (cứu thương, thông tin, quân báo, v.v.) đồng thời đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức đó, nhất là tổ chức trinh sát và quân báo.

3. Công tác nghĩa vụ quân sự và công tác động viên

- Để thực hiện tốt công tác này cần hết sức chú trọng công tác giáo dục, chính trị, lãnh đạo tư tưởng. Cần hoàn thành tốt việc chuẩn bị cho công tác tuyển binh năm 1962 bảo đảm cả số lượng và chất lượng.

Về công tác động viên, cần tổ chức việc quản lý lực lượng chặt chẽ, chính xác hơn nữa, cần tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân về ý nghĩa và nhiệm vụ công tác động viên nhất là những đối tượng tham gia động viên và gia đình họ, để bất cứ lúc nào cũng có thể động viên đủ quân số và đúng thời gian theo yêu cầu cần đến.

4. Về công an nhân dân vũ trang

Cần hoàn thành một tổ chức biên chế ở một số đồn biên phòng và nội địa cho phù hợp với điều kiện xây dựng, huấn luyện và hoàn cảnh địa dư của Lào Cai.

- Tiếp nhận và huấn luyện tân binh năm 1962 bảo đảm tiêu chuẩn và đề nghị trên cho tuyển tân binh ở Lào Cai vì hiện nay số anh em người địa phương trong đơn vị còn ít (chưa đầy 50%), đồng thời cho phục viên khoảng 1/3 số tân binh năm 1959, động viên 2/3 ở lại làm nòng cốt xây dựng đơn vị.

- Mạnh dạn đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nhất là cán bộ địa phương và cán bộ tiểu đội, chú trọng chấn chỉnh các bộ phận quan

trọng: tham mưu, trinh sát..., việc đào tạo cán sát thực tế chiến đấu, cần mở những lớp ngắn ngày và địa phương phải bảo đảm nhiệm vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng là chính.

5. Về bộ đội thường trực

Cần phải dựa vào tính chất và nhiệm vụ tác chiến của địa phương mà xây dựng đơn vị tiến lên chính quy và hiện đại, cần lãnh đạo tốt công tác nghĩa vụ quân sự và đưa công tác này vào thường xuyên, cần kiểm tra và bổ sung kế hoạch phòng thủ thời chiến, tiến hành công tác củng cố vững chỉ huy sở, tổ chức phòng không nhân dân, v.v..

Nói chung cả hai đơn vị công an vũ trang và bộ đội thường trực đều cần cố gắng thực hiện tốt những yêu cầu và chỉ tiêu huấn luyện chính trị quân sự của trên đề ra, chú ý kết hợp chặt chẽ huấn luyện với thực tế chiến đấu, kết hợp chặt chẽ giữa huấn luyện với các công tác khác của địa phương.

Để làm tốt công tác xây dựng lực lượng vũ trang, bán vũ trang của tỉnh, cần thường xuyên giáo dục ý thức quốc phòng rộng rãi trong nhân dân các dân tộc, cần nâng cao trách nhiệm của mọi người đối với công tác này hơn nữa.

Về mặt nội bộ (kể cả đối với dân quân tự vệ), một mặt cần đề phòng âm mưu của kẻ địch lợi dụng sơ hở chui vào, mặt khác cần tiếp tục kiểm tra nội bộ, chấn chỉnh làm cho nội bộ trong sạch, bảo đảm đầy đủ tính chất giai cấp và tính chiến đấu, bảo đảm tuyệt đối trung thành với nhân dân, với Đảng. Công tác kiểm tra công tác chấn chỉnh nội bộ cần hết sức coi trọng và phải được đặt thành công tác thường xuyên, không nên làm từng đợt và cho ra hàng loạt. Việc xét duyệt kết nạp hay thanh thải phải có nghiên cứu, kết luận rõ ràng và phải được cấp ủy địa phương có thẩm quyền thông qua.

D. CÔNG TÁC BỒI DƯỠNG VÀ ĐÀO TẠO CÁN BỘ

Ra sức bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ một cách toàn diện,

làm cho đội ngũ cán bộ tăng cả về số và chất lượng, bảo đảm yêu cầu công tác năm 1962 và chuẩn bị cơ sở đào tạo cho kế hoạch 5 năm.

Đặc biệt phải chú trọng bồi dưỡng đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật, khoa học, chuyên môn, quản lý hợp tác xã và đội ngũ cán bộ dân tộc địa phương phải có một tỷ lệ thích đáng với hoàn cảnh một tỉnh có nhiều dân tộc, từ tỉnh, huyện, xã, các xí nghiệp, công trường.

Xuất phát từ yêu cầu cách mạng phát triển, đòi hỏi đội ngũ cán bộ phải đông, chất lượng phải cao và toàn diện vì sự nghiệp cách mạng không phải chỉ một số ít người làm được, hoặc chỉ động viên lòng hăng hái nhiệt tình cách mạng là đủ, vì hoàn thành một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng lớn toàn diện, sâu sắc, triệt để và khoa học nhất, đòi hỏi đội ngũ cán bộ phải đông, chất lượng cao mà phải có khoa học kỹ thuật tiên tiến mới đáp ứng được. Nghĩa là cán bộ phải vững về chính trị, giỏi về văn hóa và khoa học kỹ thuật. Hiện nay đội ngũ cán bộ của ta nói chung số lượng không thiếu mấy nhưng thiếu về chất lượng và thiếu cán bộ kỹ thuật khoa học, nhất là cán bộ người dân tộc địa phương.

Căn cứ vào tình hình trên, công tác bồi dưỡng cán bộ của tỉnh ta:

a) Ra sức bồi dưỡng đội ngũ cán bộ sẵn có bằng mọi biện pháp, trên mọi mặt và chủ yếu là lấy thực tế trong công tác để giáo dục. Lấy bồi dưỡng chính sách trước khi làm, trong khi làm có kiểm tra sơ kết. Sau khi hoàn thành có tổng kết kinh nghiệm, kết hợp với tổ chức học tập tại chức về chính trị chuyên môn kỹ thuật, với sự kèm cặp, dìu dắt của từng cơ quan, bộ phận, và động viên lòng hăng hái nỗ lực bản thân của từng cán bộ, ra sức học tập là chủ yếu nhất. Vì đội ngũ cán bộ thoát ly của ta gần 4.000, bán thoát ly gần 6.000 ở xã, ta không thể không có trường đào tạo nào có sâu sát và tốt bằng trường tại chức, và thực tế năm 1961 ta huấn luyện nhiều nhất bằng trường lớp mới được 1.700 cán bộ, bằng 17% tổng số cán bộ toàn tỉnh, 83% thực tế vẫn học tại chức ở các cơ sở, số liệu trên cho thấy công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ tại chức năm 1962 là vô cùng quan trọng và to lớn. Chính hai công tác bồi dưỡng và đào tạo phải song song đi đôi với nhau và

có liên quan mật thiết với nhau, bồi dưỡng tốt tức là đào tạo được tốt, đào tạo được tốt chính là bồi dưỡng tốt.

b) Tích cực đào tạo đội ngũ cán bộ mới, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật chuyên môn và dân tộc địa phương, bổ túc đội ngũ cán bộ cũ bằng cho đi các trường lớp tập trung do Trung ương, khu Việt Bắc, các ngành chuyên môn Trung ương mở. Về phía tỉnh sẽ cố gắng hết sức mình và giành một phần ngân sách thích đáng đến công tác đào tạo cán bộ, làm cho đội ngũ cán bộ của Lào Cai được toàn diện, đông về số lượng, vững về chất lượng.

Trách nhiệm đào tạo cán bộ mỗi ngành, mỗi cấp phải tự xác định lấy trách nhiệm của mình phải hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo cán bộ đã được tỉnh phân cấp quản lý, chống tư tưởng ỷ lại, trông chờ xin cán bộ hơn là lăn mình vào để làm công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ.

c) Yêu cầu cụ thể

- Từ trưởng, phó phòng ở huyện, tỉnh đến các bộ phận chủ chốt lãnh đạo của các ty, ban chuyên môn của tỉnh cần được đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt bổ sung cho đủ người làm, kiện toàn được bộ máy tăng cường được lãnh đạo.

Tỉnh phải mạnh dạn cân nhắc những cán bộ tốt, cán bộ trẻ có triển vọng làm cho sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ được phát huy, đội ngũ cán bộ được mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả về công tác cách mạng được đẩy mạnh.

Các cơ quan chính quyền và các đoàn thể quần chúng từ huyện đến tỉnh phải có một tỷ lệ người dân tộc địa phương thích đáng. Cơ quan đảng phải chú ý ngay từ bây giờ kèm cặp bồi dưỡng một số cán bộ dân tộc để đào tạo cán bộ chủ chốt sau này lựa chọn tham gia các cấp lãnh đạo của Đảng.

Trong các ngành kinh tế, tài chính, khoa học, kỹ thuật, các loại công nhân chuyên môn, cố gắng năm 1962 ngành nào cũng có cán bộ dân tộc địa phương, có thể một số tham gia lãnh đạo. Mỗi cơ quan phải có kế hoạch đào tạo cán bộ nói chung và đào tạo cán bộ dân tộc nói riêng (năm 1962 và 5 năm báo cáo cho tỉnh biết trước ngày 15-3-1962).

Yêu cầu đào tạo:

Mỗi xã cần phải đào tạo được 5 cán bộ chủ chốt toàn diện ($123 \times 5 = 615$); mỗi ngành ở xã cần phải đào tạo từ 1 đến 3 cán bộ chủ chốt các ngành (không tính vào loại cán bộ chủ chốt toàn diện) nhưng cán bộ này cần được quản lý chặt chẽ, bồi dưỡng về nghiệp vụ để chuyên môn hóa cán bộ.

Việc tính toán mức đào tạo cán bộ từng loại cho từng ngành từ tỉnh xuống cơ sở, Tỉnh ủy giao cho tổ chức chủ trì cùng các huyện, thị, Đảng ủy và các ngành xung quanh của tỉnh tính toán yêu cầu khả năng cụ thể báo cáo với Tỉnh ủy thông báo về chỉ tiêu, biện pháp, trách nhiệm của từng cấp phải thực hiện trong năm 1962.

Công tác đào tạo phải bảo đảm yêu cầu chất lượng, phải tăng cường công tác quản lý cán bộ thật chặt chẽ, tránh lối đào tạo nhưng không sử dụng hoặc không theo dõi.

Đào tạo cán bộ thoát ly công tác do Nhà nước đài thọ là chủ yếu.

Đào tạo cán bộ cho xã dựa vào hợp tác xã là chủ yếu, những nơi cần thiết Nhà nước sẽ giúp đỡ một phần với khả năng có thể.

Hướng đào tạo nhằm vào đội ngũ cán bộ sẵn có để bồi dưỡng đào tạo là cơ sở chủ yếu nhất: công tác quản lý và sử dụng, kiểm tra chế độ đào tạo cán bộ cần được tăng cường và phân công, phân cấp quản lý chặt chẽ hơn nữa.

Trách nhiệm đào tạo cán bộ của từng ngành do ngành ấy chịu trách nhiệm là chủ yếu, đào tạo cán bộ cơ sở (xã) huyện và các ngành cùng có trách nhiệm đào tạo dưới sự thống nhất lãnh đạo vào các cấp ủy. Các huyện phải xác định danh sách từng loại cán bộ cho từng ngành, phân ranh giới cho từng ngành có trách nhiệm quản lý và đào tạo, tránh tình trạng 1 cán bộ, 3 ngành đều nhận ra là chủ chốt cả. Ví dụ 1 cán bộ là đảng viên tham gia quản trị hợp tác xã, trong chấp hành thanh niên, chấp hành phụ nữ, tham gia ủy ban hành chính xã, trường hợp này chỉ tính cán bộ chủ chốt của 1 ngành (nếu tính hợp tác xã thì ngành khác không tính hoặc ngược lại).

Sau khi xác định cán bộ cho từng ngành, từng cấp, các ngành,

các cấp phải dựa vào những quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Đảng để áp dụng cho đúng.

d) Phải thường xuyên lãnh đạo việc tổ chức học tập chính trị, văn hóa chuyên môn cho cán bộ. Tổ chức cho một số cán bộ có trình độ văn hóa khá học hàm thụ một số môn cán bộ chưa thích với sở trường có lợi cho cách mạng, nên khuyến khích phải xác định cho cán bộ việc học chính trị nâng cao lập trường tư tưởng, chính trị là chủ yếu, các môn học khác là quan trọng không thể xem nhẹ.

II*

Tích cực củng cố công tác tổ chức quần chúng sẵn có làm cho nó thực sự hoạt động, làm nòng cốt thúc đẩy các phong trào tiến lên góp phần hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 1962. Đảm bảo phổ biến, tuyên truyền thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân các dân tộc. Đối với tổ chức thiếu niên nhi đồng cần được xây dựng mới ở nông thôn và tạo cho nó hoạt động xứng đáng với chức năng của nó là trường đào tạo thiếu niên của chủ nghĩa xã hội, là mầm non tương lai của Tổ quốc. Các tổ chức mẫu giáo, nhà trẻ phải được coi trọng cả về tổ chức nội dung, phải xây dựng tích cực đến tận các hợp tác xã nhằm giải phóng phụ nữ, làm cho phụ nữ thực sự bình đẳng về mọi mặt trong xã hội với nam giới.

Đoàn Thanh niên lao động cần được đặc biệt ra sức củng cố và đi đôi với phát triển. Riêng nông thôn phải được coi trọng hơn, làm cho Đoàn Thanh niên lao động là cánh tay đắc lực và lực lượng hậu bị của Đảng, phải xứng đáng là lực lượng tiên tiến ở trên các mặt trận, nhất là mặt trận khoa học kỹ thuật; thanh niên phải là vai trò đầu tàu gương mẫu trong việc áp dụng kỹ thuật tiên tiến, phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật mới, thực hiện khẩu hiệu "đầu cần thanh niên có, đầu khó có thanh niên".

* Bản gốc không có mục I - BT.

Tổ chức quần chúng là lực lượng cách mạng do Đảng ta tổ chức và lãnh đạo, tổ chức quần chúng càng vững thì sức ủng hộ Đảng ta càng lớn, lực lượng Đảng ta càng vững, cách mạng càng chóng thành công, công tác thu nhiều thắng lợi. Các tổ chức quần chúng còn là một lực lượng mạnh để xây dựng xã hội mới, trấn áp kẻ thù, v.v..

Các Đảng anh em và Đảng ta sở dĩ có thắng lợi từ bước này sang bước khác là Đảng đã nắm được quần chúng, tổ chức và lãnh đạo được quần chúng theo tiếng gọi của Đảng. Đến nay cách mạng xã hội chủ nghĩa Đảng ta lại khẳng định và khẳng định lâu dài vấn đề tổ chức quần chúng. Đảng phải tổ chức lãnh đạo nó và nó phải không ngừng được củng cố và phát triển. Nhất là Đoàn Thanh niên lao động phải được Đảng đặc biệt chú ý.

1. Thanh niên

Tổ chức thanh niên hiện nay đều có ở các cơ sở nhưng lực lượng còn mỏng, một số hợp tác xã nông nghiệp chưa có đoàn viên thanh niên lao động, bình quân một xã mới có 14 đoàn viên, tỷ lệ thanh niên lao động mới có 21% trong tổng số thanh niên, nông thôn mới có 14%.

Năm 1962 đưa tỷ lệ chung lên 35% thanh niên vào Đoàn cơ quan, xí nghiệp, bộ đội từ 35 đến 50% thanh niên vào Đoàn. Nông thôn kết nạp từ 14 đến 30% thanh niên vào Đoàn Thanh niên lao động, bảo đảm mỗi hợp tác xã có 1 chi đoàn, mỗi xã có 1 ban chấp hành đoàn.

Công tác phát triển đi đôi với củng cố Đoàn, tăng cường công tác huấn luyện hơn nữa bảo đảm từ đoàn viên đến lãnh đạo của các phân đoàn, chi và chấp hành đoàn đều được huấn luyện. Nội dung huấn luyện phải đạt được 3 môn: Đảng, Đoàn và kỹ thuật.

Văn hóa: 100% đoàn viên phải thanh toán nạn mù chữ, ngoài Đoàn tối thiểu phải đạt từ 70 đến 80% được thanh toán kể cả chữ Miêu. Những đoàn viên năm 1961 đã thanh toán lớp đều phải lên một lớp, đến năm 1965 nói chung thanh niên đều có trình độ lớp 4 và thanh toán lớp 4.

Phải giáo dục cho thanh niên và tổ chức thanh niên nhận rõ:

- Mỗi đoàn viên đều nhận rõ vai trò nòng cốt trong phong trào, nói và làm theo tác phong của những người cộng sản.

- Thanh niên phải nắm và đi sâu vào thực hiện cách mạng khoa học kỹ thuật. Đẩy mạnh hơn nữa phong trào thanh niên trong nông thôn xí nghiệp, cơ quan, trước mắt là làm đầu tàu trong chiến dịch Lê Hồng Phong và các cuộc vận động sắp tới của Đảng ở trong các lĩnh vực.

Thanh niên còn là trường đào tạo cán bộ cho Đảng, cung cấp cho Đảng, cho phong trào những thanh niên ưu tú nhất.

2. Tổ chức thiếu niên và nhi đồng

Là tổ chức sinh sau nhất ở tỉnh ta, cơ sở mới có ở các cơ quan, xí nghiệp và trường học, nông thôn hầu như chưa có, tỷ lệ trẻ em từ 1 đến 5 tuổi tỉnh ta có 40.182 em = 39,2% dân số toàn tỉnh. Số nhi đồng có tổ chức mới có 9% tổng số đến tuổi vào tổ chức, số em đến tuổi học (20.156) mới đến trường có 3.997 em, tỷ lệ 18,5%. Đó là những yêu cầu cấp thiết đòi hỏi Đảng ta và Đoàn Thanh niên lao động phải quan tâm đúng mức.

Thiếu niên là mầm non của đất nước, các em lại được sinh ra, lớn lên trong chế độ xã hội chủ nghĩa, các em phải được hưởng những quyền lợi mà Đảng và Chính phủ đã mang lại, trước hết là quyền sống, phải được ăn no mặc ấm là đã giải quyết được phần lớn, song còn mặt các em phải sống có tổ chức, phải được giáo dục đạo đức cộng sản chủ nghĩa, phải được học hành chúng ta còn làm quá yếu.

Năm 1962 ta phải cố gắng tổ chức Đội Thiếu niên tiên phong và Nhi đồng Tháng Tám, tổ chức các trường học tập, mẫu giáo để các em có tổ chức giáo dục, có trường lớp học tập, làm cho các em trở thành người tốt tương lai của Tổ quốc từ khi còn nhỏ có những tư tưởng mới, bảo đảm cho 60% số trẻ em đến tuổi được vào tổ chức, 50% số em đến tuổi vào trường học.

Phải có kế hoạch giáo dục thiếu nhi có hệ thống ở trường về

nhà và tổ chức thiếu niên, có như vậy mới xứng đáng là đội hậu bị các Đoàn Thanh niên lao động và cho Đảng sau này.

3. Phụ nữ

Lấy công tác củng cố làm chủ yếu, bồi dưỡng cho cán bộ phụ nữ nói chung để biết chọn làm việc, làm cho Ban chấp hành xã thực sự hoạt động, Ban chấp hành huyện nắm được tình hình xã và giúp xã giải quyết được những khó khăn, chỉ đạo được phong trào toàn huyện.

Cần phát động phụ nữ tham gia mọi công tác và chấp hành mọi chính sách tốt..., giải phóng lao động cho phụ nữ, làm cho phụ nữ bình đẳng mọi mặt với nam giới về nghĩa vụ và quyền lợi, kể cả quyền lợi lao động. Phụ nữ cần đi sâu và làm cho tốt công tác mẫu giáo cho trẻ, là nguyện vọng tha thiết nhất của phụ nữ và xã hội đòi hỏi. Có giải quyết được tốt vấn đề này mới thực sự giải phóng được phụ nữ.

4. Công tác mặt trận

- Cần tiếp tục đẩy mạnh công tác đấu tranh chính trị làm cho phong trào chống Mỹ - Diệm trong nhân dân các dân tộc thường xuyên, liên tục, mạnh mẽ.

- Tăng cường hơn nữa công tác tranh thủ đoàn kết lôi kéo tầng lớp trên làm cho họ tán thành, ủng hộ và chấp hành tốt chính sách của Đảng và Chính phủ. Mặt khác, đối với công tác gia đình thương binh tử sĩ, gia đình có công với cách mạng cần được coi trọng và làm thường xuyên tốt hơn nữa.

- Ra sức tuyên truyền, giáo dục chính sách sản xuất thực hiện kế hoạch năm 1962, đặc biệt là tuyên truyền mạnh mẽ chiến dịch Lê Hồng Phong sâu rộng trong các dân tộc. Tăng cường giáo dục chính sách dân tộc của Đảng, giáo dục ý thức cảnh giác trong nhân dân có ý thức chống Mỹ - Diệm, phải thiết thực chống ngay bọn gián điệp, biệt kích, đặc vụ thổ phỉ, phản cách mạng lẫn khuất ở địa phương.

- Tiếp tục giáo dục sâu rộng ý nghĩa kết nghĩa Kiến An -

Lào Cai - Thủ Dầu Một và tổ chức đón tiếp đồng bào Kiến An lên Lào Cai khai khoáng được tốt.

- Công tác Hoa và giáo vận: cần được chú ý đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong dân tộc Hoa và giáo dân để thông qua họ ta nắm quần chúng và tổ chức quần chúng lại, đưa trình độ của họ ngang với các dân tộc khác đồng đều.

5. Công đoàn

- Cần nâng cao trình độ, năng lực tổ chức công đoàn hơn nữa trong các lĩnh vực, làm cho tổ chức công đoàn thực sự là trường học của chủ nghĩa cộng sản và tổ chức có chức năng hiệu triệu tập hợp quần chúng để hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng giao cho.

- Tổ chức công đoàn phải chuẩn bị hướng dẫn tổ chức chấp hành chính sách bảo hiểm xã hội cho tốt nhằm đoàn kết cán bộ, đẩy mạnh công tác sản xuất và làm cho mỗi người thấy được tinh thần cơ bản của chính sách của Đảng và thấy được sự quan tâm của Đảng và Chính phủ đối với cán bộ và công nhân, viên chức.

- Về tổ chức, bảo đảm đưa 90 đến 95% cán bộ, công nhân, viên chức (kể cả các huyện và các cơ sở khác thuộc các khu vực) vào các tổ chức công đoàn.

- Cần đẩy mạnh hơn nữa phong trào thi đua hợp lý hóa sản xuất, thao diễn kỹ thuật trong các xí nghiệp, cải tiến lề lối làm việc trong các cơ quan hành chính sự nghiệp. Đặc biệt phải giáo dục ý thức phòng và bảo vệ lao động trong công nhân và cán bộ, về lãnh đạo, phải giáo dục nâng cao trách nhiệm về chấp hành chế độ về quy định bảo hiểm xã hội.

III

Năm 1962 lề lối làm việc có sửa đổi, tác phong công tác có nhiều tiến bộ, trách nhiệm một số ngành, giới cũng được phân định rõ ràng hơn. Do vậy công tác cũng đỡ dẫm chân lên nhau, hiệu suất công tác của cán bộ, công nhân được nâng cao lên một bước,

chức năng của các tổ chức đều được phát huy, tính chủ động và tích cực được nâng cao lên một bước.

Nhưng lề lối làm việc, tác phong công tác của cán bộ, đảng viên, các ngành, giới từ tỉnh, huyện và xã còn thể hiện:

- Tinh thần trách nhiệm chưa cao, ý thức chấp hành chỉ thị, nghị quyết có nơi chưa được nghiêm chỉnh, báo cáo không được đều đặn, tính ỷ lại còn nặng, cục bộ bản vị vẫn còn.

- Lãnh đạo còn thiếu toàn diện và cân đối, hợp hành và giấy tờ còn nhiều, quan liêu, mệnh lệnh vẫn còn phổ biến.

- Lề lối làm việc giữa huyện ủy và ủy ban huyện còn nhiều việc chưa được quy định ranh giới cụ thể, ở xã hiện nay còn nhiều lúng túng trong việc lãnh đạo, việc phân công, quy định trách nhiệm cho ngành, giới còn nhiều điểm chưa được rõ ràng.

- Về tổ chức bộ máy ở xã còn chưa thật hợp lý, một cán bộ còn kiêm nhiệm nhiều việc, ngành nào cũng muốn kéo, kết quả không làm được đầy đủ.

Tóm lại khâu tổ chức và lề lối làm việc là khâu yếu nhất của công tác lãnh đạo từ tỉnh đến cơ sở.

Năm 1962 cần tăng cường hơn nữa sửa đổi lề lối làm việc, tác phong lãnh đạo từ trên xuống cơ sở, làm cho các tổ chức được hợp lý, công tác đều tiến bộ, phong trào được đồng đều, kế hoạch thực hiện được cân đối và toàn diện.

Trước hết về quy định trách nhiệm mọi cấp, mọi người phải được định rõ, tinh thần chủ động, khẩn trương, tinh thần phụ trách trước Đảng và quần chúng cần được nâng cao, làm việc với tinh thần lao động quên mình.

- Cố gắng giảm họp, ít giấy tờ, để giành thời gian đi sâu xuống thực tế, tăng cường kiểm tra, đôn đốc, rút kinh nghiệm tại chỗ là tốt nhất. Tăng cường việc nghiên cứu, suy nghĩ về các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, tìm tòi mọi cách để hoàn thành có sáng tạo. Phải chống tác phong lề mề, quan liêu, mệnh lệnh, ỷ lại, bảo thủ, rụt rè, tản mản và cục bộ.

- Phải tăng cường lãnh đạo việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, chính sách của Đảng cho tốt, trước khi làm phải cố gắng chuẩn bị về nội dung, yêu cầu, biện pháp, cán bộ, trong khi làm phải kiểm tra, sau khi hoàn thành nhất thiết phải có tổng kết, quá trình làm phải có theo dõi, lãnh đạo chặt chẽ, có động viên kịp thời.

- Về biện pháp tiến hành, cần mở rộng dân chủ và phải nắm vững đường lối quần chúng và mạnh dạn phát động quần chúng. Mọi chính sách lớn phải tập trung lãnh đạo, học tập trong cán bộ, nhân dân cho tốt theo nguyên tắc trên trước dưới sau, trong trước ngoài sau, và nhất thiết mỗi khu vực huyện đều phải chỉ đạo chặt chẽ, trọng điểm, mỗi xã cố gắng cùng làm 1 thôn hay 1 hợp tác xã làm trọng điểm của công tác lãnh đạo. Việc tự phê bình và phê bình phải được thường xuyên làm từ dưới lên trên, vì nó là quy luật phát triển Đảng.

- Về tổ chức thực hiện, cần phải định rõ ranh giới của Đảng và chính quyền cho rõ để việc lãnh đạo của Đảng được đề cao nhưng lại không bao biện, làm thay chính quyền hiện nay còn nặng nhất là ở cấp huyện và xã. Ở xã hiện nay nhiều việc không phân biệt được rõ, việc nào các đảng viên cũng cảm thấy là của Đảng, cho nên có lúc việc gì chi bộ cũng không nắm được hết lại buông lỏng.

Đối với một số đồng chí phụ trách các ngành hoặc Đảng, đoàn, cần phân biệt giữa công tác chính quyền và người đảng viên phụ trách một ngành trước Đảng, không thể lẫn lộn giữa hai công tác làm một. Có khi có việc cần báo cáo với Đảng mà không cần báo cáo với chính quyền vì nó thuộc nội bộ Đảng; các ngành hiểu vấn đề này không đầy đủ nghĩa là có báo cáo chính quyền thì đồng gửi cho cấp ủy như thế là đủ rồi nên có những vấn đề Đảng không phải nắm lại có đủ báo cáo, trái lại những vấn đề công tác lãnh đạo và công tác nội bộ Đảng thì Tỉnh ủy lại ít nhận được báo cáo của Đảng, đoàn hay đồng chí phụ trách ngành.

Cần nghiên cứu lồng một số tổ chức với nhau cho thích hợp như tổ chức nông nghiệp nông thôn, thủy lợi, kế hoạch ở huyện, và từ đó ta có thể nghiên cứu tổ chức bộ máy ở xã cho thích hợp với tình hình của Lào Cai.

Đối với một số tổ chức như thanh niên, thiếu niên, văn hóa, giáo dục, y tế, ban bình dân, v.v. cần nghiên cứu có thể thống nhất ít bớt tổ chức nhưng vẫn bảo đảm công tác.

Đối với việc lồng các tổ chức vào trong các hợp tác xã, Tỉnh ủy giao cho ban tổ chức cùng với Ban công tác nông thôn và các ngành, các huyện chịu trách nhiệm làm trọng điểm rút kinh nghiệm đầy đủ, trình bày Ban thường vụ thông qua chính thức mới được thi hành.

Về quyền hạn, nhiệm vụ của từng chi bộ, cần có tổ chức học tập lại điều lệ và phân quyền hạn của các chi bộ để đặt vị trí công tác cho đúng.

Riêng chi bộ nông thôn cần nói rõ thêm: chi bộ nông thôn được quyền lãnh đạo toàn diện công tác trong xã. Quyền hạn cao nhất trong xã là hội nghị chi bộ - sau hội nghị chi bộ quyền hạn tập trung cao nhất là ban chi ủy.

Công tác ở xã hiện nay có rất nhiều việc, nói chung chi bộ đều phải lãnh đạo, nhưng phải nắm có trọng tâm.

- Công tác sản xuất và hợp tác xã - từng vụ phải làm cho tốt công tác ba thu, phân phối và điều hòa lương thực trong hợp tác xã.

- Chú trọng đến công tác nội bộ Đảng - trước hết là công tác tư tưởng, công tác lãnh đạo các ngành thực hiện kế hoạch.

- Nắm cho chắc Ủy ban đồn đốc, lãnh đạo Ủy ban thực hiện kế hoạch toàn diện trọng tâm là sản xuất.

- Nắm cho chắc lực lượng vũ trang để bảo vệ sản xuất, bảo vệ Đảng, chính quyền và bảo vệ nhân dân, trấn áp kẻ thù.

Nơi có nhiều đảng viên thì có thể phân công nhiều ngành, nếu có ít thì chỉ nên phân công một số ngành lớn. Đặc biệt Đoàn Thanh

niên lao động mới có đảng viên trong thanh niên thì đồng chí đó chịu trách nhiệm trước chi bộ, trường hợp không có đảng viên thì đồng chí bí thư hoặc chi ủy trực tiếp nắm tổ chức thanh niên và chỉ đạo nó chặt chẽ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ
PHẠM GIA TUÂN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 14-NQ/TU, ngày 20-4-1962

**Về tích cực củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa
(hợp tác hóa nông nghiệp, thủ công nghiệp,
hợp tác xã tiểu thương) đồng thời tiếp tục hoàn thành
cải tạo xã hội chủ nghĩa năm 1962**

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ III, Nghị quyết 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn tỉnh, cộng với sự quyết tâm của các ngành các cấp và sự ủng hộ của nhân dân các dân tộc nên trong phong trào hợp tác hóa năm qua chúng ta đã đạt được những thành tích đáng kể.

Về phong trào hợp tác nông nghiệp đã được đi sâu củng cố và phát triển: Năm 1960 chúng ta có 550 hợp tác xã với 11.532 hộ, tỷ lệ 72,15%, trong đó mới có 15 hợp tác xã cấp cao, tỷ lệ 3,9% về hộ. Hết năm 1961 còn 545 hợp tác xã với 12.735% hộ, tỷ lệ 78,61% (vùng cao 78,36%, vùng giữa 54,6%, vùng thấp 84%) trong đó có 50 hợp tác xã liên cấp cao với 2.497 hộ, tỷ lệ 19,1% so với tổng số hộ vào hợp tác xã, bình quân là 23 hộ một hợp tác xã. Quy mô của cấp thấp từ 7 đến 25 hộ có 407 cái và 100 hộ trở lên có 4 cái. Đã có 69% hợp tác xã biết khoán từ 1 đến nhiều việc, 9 hợp tác xã biết thực hiện 3 khoản, 47 hợp tác xã biết kinh doanh từ 1 đến 11 ngành nghề. Nhờ đó mà bước đầu đã sử dụng được khá những lao động

giải quyết công ăn việc làm cho xã viên. Ngày đầu năm số lớn hợp tác xã mới bước vào sản xuất, việc quản lý còn bở ngỡ. Ở một số nơi lại bị thiên tai sâu bọ, nhưng phân phối hoa lợi vụ mùa một số hợp tác xã thu hoạch trội hơn mọi năm như: hợp tác xã Cốc Mì chia 15 kg thóc 1 công lao động, hợp tác xã Sang Trãi thu 5.000 đồng về ngành nghề phụ. Hợp tác xã rau thị trấn Sa Pa một công lao cộng từ 3 đến 4,8 đồng, hợp tác xã Phú Thịnh năm 1960 thiếu 1/2 lượng ăn năm nay không những đủ ăn mà còn thừa 1.000 kg thóc bán cho Nhà nước. Một số hợp tác xã thu hoạch trội hơn chút ít, đa số thu bằng năm 1960 còn một số rất ít thu hoạch có kém hơn. Nhìn chung năm 1961 bị sâu bọ nhưng sự thu hoạch vẫn bình thường. Trong thực tế công tác đã nâng cao được trình độ quản lý hợp tác xã của cán bộ lên một bước. Xã viên một ngày một gắn bó với hợp tác xã, do đó mà sau những đợt củng cố số người cho ra hàng 100 hộ nhưng xin vào hàng 1.000 hộ. Phong trào khai hoang, làm thủy lợi, chăn nuôi tiểu gia súc, cải tiến nông cụ bước đầu đã được phát triển. Nhìn chung phong trào hợp tác xã nông nghiệp hiện nay là tốt và vững chắc hơn.

Tuy nhiên trong quá trình phát triển của phong trào còn lộ ra những mâu thuẫn và nhược điểm như sau:

- + Sức sản xuất đòi hỏi phát triển không ngừng để đáp ứng với nhu cầu của quần chúng mỗi ngày một tăng nhưng hợp tác xã chưa được mở rộng nên việc sử dụng lao động chưa hợp lý, kinh doanh ngành nghề và sản xuất theo quy mô lớn bị hạn chế.

- + Trình độ quản lý của cán bộ tiến chưa kịp với phong trào nên việc quản lý sản xuất không được toàn diện, quản lý lao động chưa chặt, quản lý tài vụ còn yếu.

- + Nguyên tắc dân chủ chưa thực hiện được đầy đủ nhất là chỉ tiêu kế hoạch, chỉ tiêu kỹ thuật chưa được quần chúng xã viên bàn bạc, xây dựng từ dưới lên. Cải tiến công cụ chưa làm được mấy, lao động của phụ nữ chưa được động viên hết.

- + Về cải tạo công, thương nghiệp tư bản tư doanh:

- Tiểu thương: Năm qua luôn di động nhưng ta đã cố gắng đưa 81,8% so tổng số thương nhân vào tổ hợp tác. Hiện nay còn lại 273 người, trong đó có 161 người cũ và 112 người mới ra buôn. Chủ trương vận động kiêm sản xuất đã được thực hiện tốt một số nơi nên ngoài số lượng định mức kinh doanh hàng tháng, tổ bách hóa ở thị xã thu thêm từ 3 đến 8 đồng, Bắc Hà thu thêm từ 8 đến 12 đồng về tiền sản xuất. Công tác giáo dục làm được thường xuyên nên trình độ giác ngộ của tiểu thương đã được nâng cao, ý thức phục vụ khách hàng có tiến bộ rõ rệt, như ở Bắc Hà mậu dịch giao thừa 100 mét vải, 100 cặp tóc... trị giá 860 đồng, nhân dân trả thừa 253 đồng cho xã viên đều trả lại. Hiện nay số người đã được tổ chức không có ai xin ra cả.

- Tư sản: Vẫn trong diện đại lý hợp doanh. Thái độ kinh doanh của họ có tiến bộ, bước đầu đã chịu lao động cải tạo. Mức sống bình quân của một người trong gia đình từ 17 đến 28 đồng so với đời sống của tiểu thương vẫn cao hơn.

Bên cạnh những tiến bộ trên, chúng ta còn mắc những khuyết điểm là: Trong phong trào hợp tác xã tiểu thương phát triển chưa đều, nhất là ở một số huyện việc vận động kiêm sản xuất làm còn yếu và nói chung, chúng ta chưa vạch ra được một phương hướng đúng đắn hướng dẫn tiểu thương đi vào con đường sản xuất lâu dài, còn có chỗ rập khuôn máy móc chưa phù hợp với khả năng nguyện vọng của tiểu thương và đáp ứng được nhu cầu đòi hỏi của người tiêu dùng. Sử dụng về mặt kinh doanh nặng về phục vụ tiêu dùng, nhẹ về phục vụ sản xuất. Tổ chức liên hiệp hợp tác xã nhằm phát triển thêm ngành nghề và rút bớt lao động sản xuất là đúng, nhưng coi nhẹ quan điểm người tiêu dùng như ở thị xã. Hoặc khi tổ chức giáo dục không kỹ như ở Phố Lu nên lại phải phân tán.

Tư sản còn 1, 2 hộ có thái độ ngoan cố, họ vu cho cán bộ lấy tài sản của họ nhưng thái độ, cách giải quyết của ta còn chậm, thiếu dứt khoát.

+ Cải tạo và xây dựng hợp tác xã thủ công:

Từ cuối 1961 chúng ta đã chú ý đến sự lãnh đạo thủ công hơn. Hội nghị chuyên đề bàn về thủ công nghiệp đã được tổ chức rút ra được bài học kinh nghiệm bổ khuyết cho sự lãnh đạo chung phong trào thủ công của toàn tỉnh. Vai trò thủ công nghiệp bước đầu đã được đánh giá đúng mức ở một số các cấp các ngành. Quần chúng thủ công phấn khởi, tỉnh đoàn kết trong các tổ hợp xã bước đầu được củng cố. Anh chị em đã tự tìm ra nguyên liệu để sản xuất ra công cụ cải tiến như cày hai lưỡi, máy gieo hạt. Sản xuất ra nguyên liệu phục vụ cho tiêu dùng như ở Sa Pa và thị xã. Hiện nay toàn tỉnh đã có 195 người được tổ chức vào hợp tác xã, đời sống được bảo đảm hơn trước.

Tuy nhiên về mặt tư tưởng của một số cán bộ các cấp hiện nay vẫn chưa thấy hết vị trí lâu dài và tầm quan trọng của vấn đề thủ công nghiệp đối với sự phát triển nền kinh tế quốc dân, nên vẫn còn coi nhẹ việc lãnh đạo. Phương hướng phát triển thủ công trong tỉnh nói chung còn lúng túng. Sự lãnh đạo của huyện chưa được kiên toàn. Sự liên hệ giữa tỉnh với huyện chưa đi vào nền nếp.

Căn cứ vào tình hình chung toàn tỉnh, và tình hình phong trào hợp tác hóa hiện nay Tỉnh ủy đề ra nhiệm vụ cho năm 1962 là:

I. CÔNG TÁC HỢP TÁC HÓA NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT ĐỘNG QUẦN CHÚNG ĐẨY MẠNH SẢN XUẤT TẤN CÔNG VÀO NGHÈO KHÓ VÀ LẠC HẬU

a) Nhiệm vụ:

Trung tâm công tác của tỉnh năm 1962 là: *Củng cố hợp tác xã đẩy mạnh sản xuất toàn diện, đi đôi với việc bảo vệ sản xuất. Trong công tác củng cố, lấy củng cố và nâng cao chất lượng của hợp tác xã nông nghiệp là khâu số một.* Phải thường xuyên củng cố và nâng cao chất lượng của hợp tác xã, tăng cường quan hệ sản xuất mới bằng cách tăng cường hợp tác xã về mọi mặt nhằm phát triển sản xuất không ngừng đồng thời bảo vệ tốt công tác sản xuất trong hợp tác xã. Trước mắt phải tích cực hoàn thành tốt

chiến dịch Lê Hồng Phong tiến công vào nghèo khổ và lạc hậu, bảo đảm vụ đông - xuân 1961 - 1962 đại thắng lợi toàn diện, vượt bậc, vững chắc để củng cố và nâng cao hợp tác xã nông nghiệp lên một bước.

Muốn hoàn thành nhiệm vụ trên công tác tư tưởng phải hết sức coi trọng; phải tăng cường giác ngộ xã hội chủ nghĩa, giáo dục ý thức tập thể, tinh thần và ý thức làm chủ cho xã viên, làm cho xã viên nhận rõ việc củng cố hợp tác xã đẩy mạnh sản xuất là góp phần công nghiệp hóa nước nhà, là nhất trí với quyền lợi của mỗi người. Biết đặt quyền lợi và nhiệm vụ chung của hợp tác xã lên trên quyền lợi của cá nhân mình, tích cực đào tạo cán bộ nắm vững và thực hiện tốt công tác "ba quản", nhất là quản lý tài vụ. Thực hiện dân chủ bàn bạc thành tác phong sinh hoạt thường xuyên của hợp tác xã đồng thời tạo mọi điều kiện tốt để đưa hợp tác xã từng bước lên quy mô lớn.

b) Về quy mô và mức độ củng cố hợp tác xã:

Vùng thấp mỗi hợp tác xã từ 50 đến 100 hộ. Vùng cao định canh từ 30 đến 50 hộ. Riêng vùng đồng bào còn du canh cần nghiên cứu kỹ thêm, hiện nay chủ yếu là củng cố và giúp đỡ các hợp tác xã sẵn có ở vùng này hoạt động đều, Ban công tác nông thôn nghiên cứu thí điểm rút kinh nghiệm xác định phương hướng sản xuất định ra quy mô cho thích hợp Tỉnh ủy quyết định sau.

Phấn đấu đến hết năm 1962 mỗi huyện có từ một đến hai hợp tác xã toàn xã và mỗi xã có một hợp tác xã toàn thôn, rút gọn từ 545 hợp tác xã hiện nay xuống còn khoảng 420 hợp tác xã và 78,6% tỷ lệ về hộ tham gia hiện nay lên khoảng 80 đến 85%.

Chúng ta phải tiến hành với biện pháp tích cực để mở rộng quy mô hợp tác xã nông nghiệp nhưng phải thực hiện theo phương châm từng bước bảo đảm điều kiện Trung ương đề ra, dựa theo yêu cầu phát triển sản xuất của từng vùng, trình độ giác ngộ của quần chúng để thực hiện.

Trên đây là mức độ củng cố, phát triển hợp tác xã chung cả toàn tỉnh năm 1962, riêng 6 tháng đầu năm từng vùng phải thi hành khác nhau: vùng thấp tích cực củng cố hợp tác xã, mở rộng

quy mô và phát triển theo thường xuyên. Vùng cao chủ yếu là củng cố nâng cao chất lượng hợp tác xã cũ về mọi mặt, đạo đức cán bộ đồng thời đẩy mạnh việc liên hiệp hợp tác xã với nhau, củng cố các tổ đổi công cho tốt, tạo đầy đủ điều kiện cho thực hiện Nghị quyết Trung ương về phát triển nông nghiệp miền núi, tiến hành mở rộng quy mô hợp tác xã và xây dựng đợt mới vào cuối năm.

c) Nội dung công tác củng cố.

1) Công tác giáo dục tư tưởng phải làm thường xuyên và đi hàng đầu, nhất là các hợp tác xã có các dân tộc xen kẽ phải được chú ý.

2) Giáo dục và vận động quần chúng xã viên đem hết khả năng mình nhiệt tình xây dựng kế hoạch gia đình gồm những phần chi tiêu đơn giản, nghề phụ, lao động của mỗi hộ và chỉ tiêu kế hoạch chung cho hợp tác xã. Nhằm làm cho xã viên thấy rõ mục tiêu phấn đấu, thấy rõ quyền lợi của hợp tác xã với gia đình mình chỉ là một. Nâng cao được tinh thần làm chủ hợp tác xã, quyết tâm hoàn thành kế hoạch nhà nước 1962.

3) Thực hiện rộng rãi công tác "ba khoán". Hết năm 1962 bảo đảm 27% tổng số hợp tác xã biết thực hiện ba khoán. Riêng 6 tháng đầu năm phải mở rộng và đẩy mạnh ba khoán lên một bước; loại biết khoán một việc đưa lên khoán nhiều việc và loại khoán nhiều việc đưa lên ba khoán. Đi sâu đúc kết kinh nghiệm và bổ khuyết kịp thời những thiếu sót mà hợp tác xã hiện nay đã thực hiện ba khoán.

4) Đảm bảo sinh hoạt đều trong hợp tác xã, hàng tháng ban quản trị phải báo cáo đúng chế độ điều lệ quy định về sản xuất, về chi tiêu tài chính, về lề lối làm việc của ban quản trị để xã viên được tham gia bàn bạc, chất vấn, phê bình bổ khuyết cho tháng sau. Dựa vào những buổi sinh hoạt đó mở rộng việc trao đổi kinh nghiệm sản xuất tìm ra những sáng kiến, những nhân tố mới động viên phong trào. Nội dung các buổi sinh hoạt và trở thành nội quy chung của hợp tác xã.

5) Phải chú ý đến việc cải tiến kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất phát triển: Trước hết là phải bảo đảm thời vụ thích hợp với khí hậu của từng vùng đi đôi bảo đảm các biện pháp liên hoàn, cụ thể là:

- Cày ải, bừa kỹ;

- Gieo mạ, cấy lúa đúng kỹ thuật, đúng thời tiết.

- Về nước: 6 tháng đầu năm hoàn thành hệ thống mương, phai trung thủy nông đã có đồng thời nghiên cứu của công trình mới thực hiện về cuối năm. Và hết năm 1962 có một hệ thống thủy lợi tương đối hoàn chỉnh, rẻo thấp thực hiện được trữ, dẫn, tháo nước và căn bản diệt được hạn.

- Về phân: bảo đảm mức quy định, tận dụng mọi nguồn phân, mở rộng ủ phân tại ruộng, nương, bên cạnh mỗi chuồng trâu, chuồng lợn thực hiện có nhiều phân.

- Về giống: bước đầu đi vào việc chọn giống tốt, nhân giống và cải tạo giống. Giống hợp tác xã dự trữ là chính, Nhà nước cần thiết chỉ cung cấp những giống nhập nội, 6 tháng đầu năm thực hiện mỗi khu vực có 1 hợp tác xã chọn giống và vụ mùa áp dụng rộng rãi, tiến tới thực hiện có ruộng lọc giống ở các hợp tác xã.

- Có chế độ công điểm về việc chăm sóc đồng ruộng. Phát hiện được sâu bệnh, làm cỏ, bón phân đúng lúc hợp sinh lý của cây trồng.

- Phải chú ý đẩy mạnh việc cải tiến công cụ bằng dựa vào lực lượng quần chúng để phát triển, tuy công nghiệp có trách nhiệm hướng dẫn và mở rộng cho thích hợp từng vùng, từng dân tộc như phát triển răng bừa sắt, cày hai lưỡi, máy gieo cấy xe vận tải, năng kéo... nhằm tăng năng suất lao động và bảo đảm kỹ thuật. Các ngành trong khối nông nghiệp, Ban Khoa học sẽ nghiên cứu những chỉ tiêu kế hoạch, chỉ tiêu kỹ thuật, biên soạn những tài liệu về khoa học kỹ thuật thích hợp với trình độ quần chúng và vận động quần chúng thực hiện.

Riêng đối với vùng làm chiêm phải chú ý giải quyết gặt đập. Thực hiện sân phơi, thu rơm cho trâu bò, thanh toán việc dồn vào thời gian gặt vụ, đóng ngoài đồng.

6) Tích cực đào tạo và bồi dưỡng cán bộ hợp tác xã một cách khẩn trương và liên tục. Tập trung cán bộ ưu tú trong nông thôn vào việc củng cố và xây dựng hợp tác xã. Phương pháp huấn luyện học đi đôi với hành, học những vấn đề thiết thực phục vụ cho sản xuất. Trước mắt là hướng dẫn cho một số cán bộ thanh toán cho các hợp tác xã về chi thu năm 1961 và theo dõi phong trào năm 1962. Đồng thời phải lưu ý đến việc đề tạo đội ngũ cán bộ lâu dài, 6 tháng đầu năm phải bồi dưỡng được những loại cán bộ kế toán, ban quản trị. Ban kiểm soát, cán bộ kỹ thuật và hết năm 1962 các đội trưởng sản xuất đều được qua lớp huấn luyện và mỗi hợp tác xã có từ 1 đến 2 kế toán viên có trình độ văn hóa lớp 4 phổ thông biết kế toán sổ sách, 1 cán bộ kỹ thuật chăn nuôi và 1 trồng trọt.

Để công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho hợp tác xã được kết quả, Ban Tuyên huấn cần cùng với trường đào tạo cán bộ của tỉnh, Ty Nông nghiệp, Ty Tài chính, Ban Công tác nông thôn bàn bạc kế hoạch nội dung, phương pháp bồi dưỡng cho thích hợp. Trước mắt có thể tổ chức những đội huấn luyện lưu động đi từng khu vực bảo đảm được nhanh chóng phục vụ cho phong trào, hợp với nguyện vọng quần chúng và sát với thực tế.

7) Hết quý II năm 1962 các ngành có trách nhiệm phải nghiên cứu chính sách giá cả, thể lệ cung cấp giống má, nghĩa vụ hợp tác xã với Nhà nước và ngược lại. Hướng dẫn cách ký hợp đồng giữa hợp tác xã với mặt dịch về việc trao đổi nông phẩm, hàng hóa. Mở một đợt tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng xã viên về chính sách giá cả, thu mua, phân phối, làm cho họ thấy rõ quyền lợi Nhà nước với quyền lợi người dân căn bản là nhất trí vui vẻ thực hiện các chính sách cụ thể bổ sung cho thích hợp với từng vùng như công điểm cho cán bộ, công chăn trâu... Ban Công tác nông thôn sẽ khẩn trương nghiên cứu báo cáo với Tỉnh ủy duyệt thi hành.

8) Động viên, khen thưởng kịp thời. Hình thức động viên luôn luôn được cải tiến và đi đúng đường lối quần chúng. Những sáng kiến có giá trị về nâng cao hiệu suất lao động sẽ tổ chức biểu diễn,

tham quan để cho biết rộng rãi. Và ngoài hình thức biểu dương về mặt tinh thần phải chú ý thưởng về vật chất cho thỏa đáng.

9) Tỉnh sẽ chú ý lãnh đạo xã trọng điểm ở cả ba vùng (rẻo cao, giữa và thấp). Mỗi huyện, mỗi khu vực cũng phải trực tiếp chỉ đạo một xã, một hợp tác xã có tính chất điển hình toàn diện, trên cơ sở đó rút ra được những kinh nghiệm bổ sung cho phong trào, khắc phục và đẩy lùi dần những tư tưởng bảo thủ, lạc hậu.

10) Để giúp Tỉnh ủy nắm vững tình hình và chỉ đạo được mau lẹ các xã trọng điểm của huyện, các khu vực gửi báo cáo về huyện phải đồng gửi về Tỉnh ủy. Trường hợp thật cần thiết các khu vực có thể gọi điện thẳng về Tỉnh ủy xin chỉ thị để giải quyết việc khẩn cấp.

Đi đôi với phong trào hợp tác hóa nông nghiệp chúng ta phải đẩy mạnh việc củng cố và xây dựng hợp tác xã tín dụng và hợp tác xã mua bán ở nông thôn.

Về hợp tác xã tín dụng:

Hết năm 1962 mỗi xã ít nhất phải có 1 hợp tác xã tín dụng và huy động được 80% số hộ nông dân vào hợp tác xã tín dụng. Hướng dẫn các ban quản trị biết cách làm việc, đào tạo cán bộ kế toán, thực hiện tốt nguyên tắc dân chủ bàn bạc trong xã viên, giữa xã viên với ban quản trị. Song song với phong trào củng cố và phát triển hợp tác xã tín dụng, các ngành, các cấp phải chú ý và nghiêm chỉnh chấp hành Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 31-1-1962 của Tỉnh ủy về việc vận động gửi tiền tiết kiệm. Thường xuyên kiểm điểm bảo đảm cuối năm 1962 số dư bình quân mỗi cán bộ công nhân viên có 74 đồng, nhân dân thị trấn có 20 đồng, và nông thôn có 1 đồng, riêng vùng có nhiều đặc sản bán cho Nhà nước phải cao hơn gửi vào quỹ tiết kiệm.

Về hợp tác xã mua bán:

Đảm bảo việc đại hội xã viên thanh toán lợi nhuận cho xã viên đúng thời gian. Tăng cường giáo dục cán bộ chấp hành đúng chính sách giá cả, chống lãng phí, tham ô. Kịp thời cung cấp hàng tiêu dùng cho quần chúng. Tìm và mở rộng mặt hàng thu mua nhằm

tăng mức thu hoạch cho nhân dân và có nguyên liệu cung cấp cho công nghiệp và hàng xuất khẩu.

Về mức độ: Hết năm 1962 phải phát triển thêm 10.000 xã viên và 10.000 cổ phần với số vốn huy động 21.000 đồng, bảo đảm tỷ lệ 90% về hộ, 66% về từ 16 tuổi trở lên và 35% so với toàn nhân khẩu vào hợp tác xã mua bán.

II. TIẾP TỤC HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ CẢI TẠO CÔNG, THƯƠNG NGHIỆP TƯ BẢN TƯ DOANH

- Tiểu thương:

Trong mấy năm qua công tác cải tạo và xây dựng phong trào hợp tác xã tiểu thương đã có những thắng lợi lớn. Do đó mà quan hệ giữa các tổ hợp tác xã tiểu thương với mật dịch quốc doanh có sự thay đổi căn bản, nên chủ trương năm 1962 là "Sử dụng hết mọi khả năng kinh doanh của tiểu thương; rút bớt lao động để phát triển thủ công nghiệp, phát triển nông nghiệp dần đi vào chuyên doanh ngành nghề; lãnh đạo kinh doanh đúng hướng, mạnh dạn sử dụng trong việc giao lưu hàng hóa đi sâu vào nông thôn nhằm khuyến khích sản xuất nông thôn phát triển, một mặt tăng thêm thu nhập cải thiện đời sống tiểu thương".

Muốn đạt được nhiệm vụ trên đề ra, các cấp cần phải lưu ý những công tác chính sau đây:

+ Với cơ sở hợp tác xã hiện nay đã tổ chức cần tăng cường củng cố đi vào bề sâu bảo đảm vững chắc là chính, nơi nào thật cần thiết mới phát triển thêm xã viên mới. Nắm vững số lượng tiểu thương hiện nay đã có, hạn chế số người ra buôn bán. Xét duyệt những người vừa mới ra buôn đúng tiêu chuẩn thì cấp đăng ký chính thức về buôn bán, nếu có hoàn cảnh sản xuất thì cương quyết vận động về sản xuất.

+ Các tổ hợp tác xã tổ chức liên hợp quá to không tiện cho người tiêu dùng có thể phân ra thành từng nhóm nhỏ theo địa

điểm thuận lợi nhất, nhưng phải đi đôi với tăng cường công tác giáo dục, lãnh đạo chặt chẽ việc chấp hành chính sách giá cả, thái độ phục vụ khách hàng của tổ viên. Ngược lại những nơi cần liên hợp lại để có khả năng phát triển kinh doanh, phát triển sản xuất thì phải làm tốt công tác giáo dục tư tưởng để quần chúng tự nguyện, định rõ phương hướng và cơ sở kinh doanh, cơ sở sản xuất. Và phải được Tỉnh ủy đồng ý mới được tiến hành.

+ Thường xuyên bồi dưỡng ban quản trị nhằm nâng cao trình độ chính trị và lãnh đạo. Đào tạo kế toán viên biết cách lập sổ sách, chứng từ theo thể lệ chung quy định. Tăng cường công tác giáo dục tư tưởng cho quần chúng tiểu thương tổ viên hợp tác xã nhằm nâng cao tinh thần phục vụ nhân dân, nâng cao ý thức làm chủ hợp tác xã, chống lãng phí, tham ô, tích cực thực hiện chỉ tiêu kế hoạch nhà nước.

+ Thực hiện bán hàng ủy thác ăn hoa hồng đối với các tổ hợp tác, lãnh đạo kinh doanh đúng hướng; về mặt phục vụ tiêu dùng chú ý các mặt hàng về thực phẩm, về mặt phục vụ sản xuất chú ý đến những công cụ nguyên liệu cung cấp cho thủ công, cho nông nghiệp phải được coi trọng.

+ Động viên tinh thần lao động sản xuất của tiểu thương. Cần hướng dẫn tiểu thương ở các thị trấn, thị xã phát triển thủ công, mở rộng ngành nghề mạnh hơn nữa; ở các nơi khác phát triển nông nghiệp là chính. Đảm bảo từ tháng 7-1962 trở đi bình quân mỗi tổ viên hợp tác xã phải thu hoạch thêm từ 12 đến 15 đồng về khoán sản xuất ngoài mức lương hàng tháng quy định.

- Tư sản:

Tiếp tục giáo dục cải tạo tư sản trở thành người lao động thực sự. Trường hợp cá nhân tư sản tiến bộ sẽ hút vào tổ hợp tác (Khi tổ chức đưa vào hợp tác xã phải được Tỉnh ủy duyệt Ban Cải tạo Trung ương thông qua mới được tiến hành). Những hộ còn tồn tại về vấn đề tài sản vốn... trong quý I phải giải quyết xong.

III. TÍCH CỰC TỔ CHỨC VÀ GIÚP ĐỖ HỢP TÁC XÃ THỦ CÔNG NGHIỆP

Thủ công nghiệp chiếm một vị trí lâu dài và quan trọng trong việc phát triển nền kinh tế quốc dân. Đối với tỉnh ta lại càng phải chú ý tập trung lãnh đạo để cho thủ công nghiệp phát triển một cách nhanh, mạnh và tốt hơn. Có đủ hàng hóa phục vụ cho sản xuất, phục vụ cho tiêu dùng và phục vụ cho xuất khẩu. Về phương châm "Nguyên liệu địa phương, sản xuất ở địa phương, tiêu thụ tại địa phương, sản xuất được nhanh, nhiều, tốt, rẻ, bảo đảm phẩm chất quy cách".

Nhiệm vụ cụ thể đối với thủ công nghiệp năm 1962 là:

1- Về lâm sản ở tỉnh ta phong phú, về nông nghiệp mỗi ngày một phát triển, có nhiều nguyên liệu mới cung cấp; về kim khí như sắt, đồng, thép rải rác trong nông thôn còn nhiều. Dựa vào cơ sở quần chúng các địa phương sẽ thường xuyên mở rộng cuộc phát động thành một phong trào tìm nguyên liệu sản xuất các mặt hàng mới. Hàng thủ công sản xuất phải bảo đảm đúng quy cách có thể cung cấp cho công, nông nghiệp, cho kiến thiết, cho tiêu dùng và xuất khẩu trong tỉnh. Với giá trị hàng thủ công cả năm 1962 phải đạt 635.706 đồng.

2- Những ngành nghề trước mắt cần được chú ý đẩy mạnh:

a) Ở nông thôn vận động quần chúng tập trung nguyên liệu sản xuất ra công cụ và nông cụ cải tiến cung cấp cho các hợp tác xã ở mỗi địa phương.

b) Các thị xã, thị trấn dựa vào sản phẩm nông, lâm nghiệp đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng thực phẩm như miến, sả dầu, nước nắm, tương, rau chua, rau khô... Và các hàng đồ gỗ, đồ đan lát, đồ dệt, những hàng bán thành phẩm như dây có sợi, dầu, thảo mộc, v.v..

c) Ngoài những ngành nghề trên các huyện cần lưu ý đến phát triển việc nung vôi, gạch ngói cung cấp cho kiến thiết địa phương. Riêng mức sản xuất vôi ngoài việc cung cấp cho kiến thiết cũng

cần một trữ lượng đầy đủ để dùng vào việc làm phân cung cấp cho nông nghiệp. Những ngành nghề khác như thợ mộc, thợ nề... ở những nơi tập trung cũng cần tăng cường bồi dưỡng, tổ chức lại thúc đẩy hoạt động mạnh mẽ và đúng hướng hơn. Những tiểu thủ công ở nông thôn có tính chất nông nhàn hiện nay hợp tác xã nông nghiệp chưa thể quản lý được như nghề làm dù giấy, mã làn, mã lông thẩu... bước đầu các cửa hàng thương nghiệp hay hợp tác xã mua bán sẽ hướng dẫn sản xuất và thu mua. Tới một chừng mực nào đó thì giao cho hợp tác xã hoặc tổ chức vào hợp tác xã thủ công quản lý.

3- Tăng cường công tác giáo dục xã viên nâng cao tinh thần tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng hợp tác xã. Lấy hợp tác là nhà, xã viên làm chủ, đoàn kết, giúp đỡ nhau phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật sản xuất nhiều mặt hàng bảo đảm phương châm "nhanh, nhiều, tốt, rẻ".

4- Đào tạo kế toán viên, bồi dưỡng ban quản trị biết cách làm việc. Trong các hợp tác xã bảo đảm thực hiện đầy đủ công tác dân chủ bàn bạc trong xã viên. Tổ chức những cuộc họp trao đổi sáng kiến, kinh nghiệm giữa hợp tác xã này với hợp tác xã khác hoặc trong hợp tác xã với nhau. Động viên khen thưởng kịp thời, phương pháp phải đi đúng đường lối quần chúng, hình thức phải sinh động và chú ý thưởng về cả vật chất đối với những sáng kiến có giá trị về năng suất lao động, về thành phẩm.

5- Về tổ chức:

+ Đối với tổ hợp tác xã hiện nay phải tích cực phát triển thêm xã viên mới. Nơi đã thành lập tổ, nay đưa lên hợp tác xã thủ công, những nơi có nhiều hợp tác xã nhỏ tổ chức thành liên hiệp hợp tác xã lớn. Tùy theo hoàn cảnh của mỗi địa phương để đưa hợp tác xã lên cao và đi sâu vào chuyên doanh từng mặt.

+ Để phục vụ cho nông nghiệp phát triển và mở rộng mạng lưới công nghiệp địa phương, đến hết năm 1962 mỗi huyện phải có 1 xí nghiệp thủ công. Hợp tác xã nông nghiệp có 100 hộ trở lên đều có một tổ sửa chữa công cụ tiến tới mỗi hợp tác xã nông nghiệp có 1 tổ

sửa chữa nông cụ. 6 tháng đầu năm hợp tác xã nông nghiệp xã Cam Đường, xã Quang Kim và huyện Bảo Thắng sẽ làm thí điểm rút kinh nghiệm để phổ biến cho các huyện. Vốn và nguyên liệu xây dựng những cơ sở trên dựa vào các hợp tác xã nông nghiệp là chính xét cần thiết Ngân hàng sẽ đầu tư cho vay thêm. Trong quá trình hợp tác xã nông nghiệp phát triển và được củng cố vững mạnh, thì các ngành nghề cũng dựa vào đó để mở rộng như chế biến thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất vật liệu kiến thiết... trước hết là cung cấp trong hợp tác xã là chủ yếu. Việc tổ chức ngành nghề trong các hợp tác xã nông nghiệp có thể thành 1 đơn vị hạch toán riêng, hoặc chỉ theo công điểm có sự chiếu cố đến giá trị của lao động. Ban công tác nông thôn sẽ dựa theo điều lệ hợp tác xã nông nghiệp, nghiên cứu, bổ sung chế độ, chính sách trình Tỉnh ủy duyệt để áp dụng theo từng bước cho thích hợp.

+ Ty Công nghiệp chỉ cần sản xuất những mặt hàng chính đòi hỏi có nguyên liệu cao, kỹ thuật phức tạp, còn các mặt hàng phục vụ cho sản xuất, tiêu dùng đều do mỗi địa phương sản xuất tự túc.

+ Tỉnh ủy sẽ chấn chỉnh lại bộ phận theo dõi lãnh đạo thủ công trong toàn tỉnh, thành lập liên hợp xã, giải quyết các vướng mắc giữa các ngành nghề về quan niệm, về tổ chức và đề ra phương hướng thực hiện. Ty Công nghiệp có trách nhiệm đào tạo cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý hợp tác xã thủ công, cung cấp nguyên, vật liệu cần thiết và hướng dẫn kỹ thuật cho các cơ sở. Tập hợp tình hình đề xuất giúp tỉnh chỉ đạo. Ban Công tác nông thôn sẽ đi sâu hướng dẫn việc tổ chức các tổ sản xuất công cụ, các ngành nghề trong hợp tác xã nông nghiệp nhằm phục vụ cho nông nghiệp phát triển. Về mặt tổ chức nói chung, công tác tư tưởng, công tác quản lý các hợp tác xã thủ công các ngành nghề ở mỗi địa phương đều do cấp ủy trực tiếp chịu trách nhiệm.

Mỗi huyện sẽ cử một cấp ủy phụ trách về thủ công nghiệp địa phương và có từ 1 đến 2 cán bộ giúp việc, kết hợp chặt chẽ với các công tác ở địa phương để tăng cường kiểm tra, đôn đốc thúc đẩy cho các ngành nghề phát triển mạnh mẽ.

Để sự liên hệ giữa trên dưới được chặt chẽ và giúp Tỉnh ủy có chủ trương bổ khuyết cho các cơ sở được kịp thời hàng tháng các huyện phải có báo cáo riêng về công tác thủ công nghiệp ở huyện mình gửi về Tỉnh ủy và đồng gửi về Ty Công nghiệp, Ban Công tác nông thôn tham góp ý kiến.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC
LONG CHÂU

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 15-NQ/TU, ngày 28-6-1962

Về việc cuộc họp công tác cải tạo công thương nghiệp tư doanh, ngày 4-6-1962

+ Có mặt cuộc họp:

- Đồng chí Dương Trung thay mặt Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trì cuộc họp.

- Đại biểu các huyện: Bảo Thắng, Mường Khương, Bắc Hà và thị xã.

- Các ngành: Tài chính, Giao thông, Ngân hàng, Mặt trận Tổ quốc, Liên hiệp Phụ nữ, Thương nghiệp, Công nghiệp, Y tế, Văn phòng cải tạo.

- Các cán bộ theo dõi: Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng cải tạo, Văn phòng Công thương, Thương nghiệp, Giao thông.

+ Vắng mặt: Bát Xát, Sa Pa, Công an, Văn hóa, Lao động.

+ Hội nghị khai mạc vào 6 giờ 30 sáng ngày 4-6-1962 với mục đích kiểm điểm công tác cải tạo trong thời gian qua đồng thời đề ra nhiệm vụ từ nay đến hết năm 1962.

QUYẾT NGHỊ

1- Sau khi nghe Ban Cải tạo báo cáo về tình hình công tác trong năm qua hội nghị nhất trí nhận định rằng:

- Thành tích cải tạo công thương nghiệp tư doanh trong năm qua là căn bản là to lớn; từ một thị trường tự do nay đưa vào tổ chức tập thể nhân dân, trở thành một lực lượng hỗ trợ cho mệnh dịch quốc doanh, một số đã học được ngành nghề, sản xuất ra được một số lương thực phẩm. Những người vận tải, bốc vác, thủ công cá thể đã tập hợp lại dưới sự lãnh đạo thống nhất của cơ quan nhà nước về mặt giá cả, cũng như vận chuyển. Vận chuyển về sản xuất cũng như kiêm sản xuất được giải quyết đúng đắn, công tác giáo dục được đề cập đúng mức do đó mà đời sống quần chúng cũng tạm ổn định, trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa được nâng lên một bước.

Nhưng từ chỗ quản lý tràn lan đến chỗ nói rộng thiếu tính toán, từ chỗ tập trung quá cao đến chỗ phân tán thành từng nhóm nhỏ để đáp ứng người tiêu dùng... một số địa phương và một số ngành đã buông lỏng sự lãnh đạo. Nhất là từ cuối năm 1961 đến nay đã có những biểu hiện không lành mạnh.

+ Một số ngành phục vụ như cắt tóc, chữa đồng hồ, xe đạp phân tán thành nhóm nhưng không đi đôi công tác giáo dục và quản lý đến chỗ làm bữa làm ầu, giá cả quá đắt làm ăn theo lối cũ, thu nhập cao vọt, khi đó các tổ chức hợp tác còn tập trung, một số chính sách chưa nghiên cứu để giải quyết kịp thời, kiêm sản xuất không làm được mấy nên thu nhập đều bị eo hẹp dần khó khăn đời sống. Cộng vào đó thị trường tư thương ra buôn bán nhiều cạnh tranh với hợp tác ảnh hưởng trầm trọng đến tư tưởng quần chúng số lẻ tẻ xin ra hợp tác.

+ Một số đoàn vận tải đã được cải tạo và tổ chức vào hợp tác, nhưng việc đúc kết rút kinh nghiệm để đáp ứng rộng rãi, tìm ra những điểm cần bổ sung cho chính sách (...) hiện nay còn gặp nhiều khó khăn. Còn đa số anh chị em bốc vác, ngựa thồ, xe thồ hiện nay đang ở trong tổ chức tập đoàn còn nhiều ảnh hưởng cần được nâng cao tổ chức lên kịp với nhu cầu đòi hỏi chưa được giải quyết. Công tác giáo dục tư tưởng chưa được thường xuyên, phân cấp quản lý chưa rõ ràng và dứt điểm, do đó mà ý thức tự giác ngộ

xã hội chủ nghĩa, tinh thần làm chủ của quần chúng quá kém, việc bảo vệ hàng hóa mất mát, hư hỏng khá phổ biến, thậm chí có đoàn còn ra điều kiện với cơ quan nhà nước.

+ Thợ thủ công nói chung bước đầu đã có tổ chức chặt chẽ hòa chung với phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật toàn tỉnh một số nhân tố mới xuất hiện, công cụ cải tiến bước đầu đã sản xuất được ở một số tổ, nhưng việc giúp đỡ của ta trong việc đào tạo công nhân, nâng cao ngành nghề cũng như nguyên liệu và phương tiện để đẩy mạnh sản xuất chưa làm được mấy, việc cho vay vốn cũng còn nhiều mắc mứu khó khăn, giá cả của một số mặt hàng chưa thật hợp lý... do đó ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất.

+ Các hiệu ảnh một số phải cho giải nghệ, một số hút vào quản doanh nhưng việc tổ chức này màng lưới còn hẹp, việc làm giờ giấc không đúng được với yêu cầu phục vụ, nặng về hình thức, chưa chú ý tính toán đến hiệu lực kinh tế nên thu nhập không đủ để chi là một điều trái với quy luật kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Nguyên nhân của những thiếu sót trên:

+ Ở một số cán bộ lập trường còn mơ hồ, thỏa mãn với thành tích đã đạt được nên chỉ thấy chỗ cải tạo căn bản hoàn thành mà chưa thấy hết chỗ khó khăn còn tồn tại, chỉ thấy chỗ thuận lợi về mặt tổ chức mà chưa thấy rõ cuộc đấu tranh tư tưởng giữa cá thể và tập thể trong quản lý là lâu dài và gian khổ... việc cải tạo hạn chế và sử dụng không áp dụng được đầy đủ, công tác tư tưởng chưa được coi trọng, sinh hoạt và lễ lối làm việc lỏng lẻo thiếu khắt khe nghiêm túc. Cụ thể Ban cải tạo của tỉnh từ tháng 2-1961 đến nay chưa họp hành gì cả, báo cáo thỉnh thị không đều đặn, chưa đề xuất kịp thời giúp cho tỉnh lãnh đạo.

+ Việc chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng chưa nghiêm chỉnh sự kết hợp giữa các ngành không chặt. Kiểm điểm về Nghị quyết 14, Thông tri 55 của Tỉnh ủy gần nhất đến nay có nơi vẫn chưa thi hành, ngay cuộc họp này có ngành, có địa phương không cử người đến dự hoạt đến không đúng thành phần đã quy định. Ngành nào làm ngày ấy biết trên có chủ trương không phổ biến kỹ

cho dưới, dưới có những vương mắc chưa đề xuất phản ánh kịp thời lên trên...

Với những thiếu sót trên hiện nay đang đưa đến một tình trạng cần phải hết sức chú ý là:

Lực lượng cá thể đang tấn công vào tập thể, làm ăn riêng lẻ đang lấn dần quan hệ xã hội chủ nghĩa và sẽ dẫn đến thời gian cải tạo vừa qua về tốc độ tiến không được mấy, nguy cơ làm lại sẽ dài hơn.

2- Hội nghị đã nhất trí với phương hướng và nhiệm vụ đến hết 1962 trong bản đề án đã nêu đồng thời nhấn mạnh và bổ sung một số điểm cụ thể sau:

- Đối phương châm cải tạo, hạn chế và sử dụng là phải sử dụng sinh động với từng nơi, từng giai đoạn cho thích hợp và đó là phương châm lâu dài:

Từ quan hệ cá thể cải tạo thành quan hệ tập thể.

Từ chỗ hạn chế bóc lột hạn chế tư hữu dần đến xóa bỏ tư tưởng kinh doanh bóc lột, tư tưởng tư hữu, xây dựng một tư tưởng tập thể tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

Trong quá trình cải tạo và hạn chế là phải đi đôi với sử dụng tùy theo yêu cầu của từng nơi, và trình độ giác ngộ của quần chúng nhằm tập trung được mọi khả năng, mọi lực lượng để phát triển kinh tế quốc dân nâng cao đời sống quần chúng.

Cụ thể từ nay đến cuối năm cần được chú ý:

a) Đẩy mạnh việc sử dụng khả năng lưu thông của tiểu thương nâng cao năng suất lao động để phục vụ cho sản xuất và tiêu thụ được tốt và thuận lợi nhất nhằm góp phần cải thiện đời sống cho tiểu thương không ngừng; bằng cấp giấy cho đi vào nông thôn mua, bán hàng (trừ những nơi mậu dịch quản lý) dưới sự kiểm soát của huyện, của phòng công thương huyện và ủy ban hành chính các cấp về mặt giá cả phẩm chất hàng hóa. Trong các tổ hợp tác cần nghiên cứu một số chế độ, chính sách và những vấn đề cần được giải quyết trên cơ sở khả năng hiện có của tổ hợp tác đó cho phép. Đối với những ngành ăn uống cố gắng Nhà nước sẽ cung cấp

về lương thực với mức bình quân trên khả năng có thể có được, đồng thời cấp giấy cho anh chị em đi mua về chế biến phục vụ. Đối với cá thể mới ra buôn dựa vào Nghị quyết 14 của Tỉnh ủy để thi hành, tiến hành kiểm tra lại thị trường, xếp sắp lại ngành nghề theo sự cần thiết, giải quyết tốt cơ sở sản xuất, xếp sắp công ăn việc làm cho người sản xuất. Tăng cường công tác quản lý thị trường biên giới cũng như nội địa theo tinh thần Chỉ thị số 3 và 52 của Thủ tướng phủ đã ban hành.

b) Đối với thủ công nghiệp cần nghiên cứu và quán triệt Nghị quyết 21 ngày 25-7-1961 của Ban Bí thư Trung ương và vấn đề củng cố và phát triển thủ công nghiệp, để tiếp tục phát động phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật được kịp thời và vượt hợp tác xã Thành Công. Cần mời người về dạy hoặc cử người đi học một số ngành nghề cần thiết, khôi phục một số nghề sẵn có ở nông thôn bằng hướng dẫn sản xuất bảo đảm tiêu thụ nhằm có một số mặt bằng phục vụ cho thị trường và cải thiện đời sống cho quần chúng. Các ngành như thương nghiệp, công nghiệp địa phương, ngân hàng cần có sự bàn bạc giải quyết những khó khăn về vốn, về nguyên liệu về tiêu thụ cho các hợp tác xã. Riêng về vốn nên định ra chu kỳ sản xuất để cho vay vốn bảo đảm có vay có trả cho Nhà nước. Về mặt lãnh đạo tổ chức quản lý sản xuất... giữa các ngành cần có sự bàn bạc thống nhất đồng thời có sự nghiên cứu một số giá cả và công thức sản xuất ở một số ngành gia công chế biến cho thích hợp.

c) Đối với công tác vận tải cần tổng kết tốt những nơi đã tổ chức vào hợp tác xã rút ra những kinh nghiệm đồng thời kiểm tra lại toàn bộ tình hình trên cơ sở đó đề ra phương hướng, nhiệm vụ cụ thể của ngành từ nay đến hết năm 1962 và sau này về mặt cải tạo, phát triển, phân cấp quản lý,... cụ thể báo cáo thường vụ duyệt để thi hành.

d) Đối với ngành sửa chữa đồng hồ, xe đạp, trồng rừng... phải tăng cường công tác chính trị, quản lý chặt chẽ về giá cả, vệ sinh, kỹ thuật, chống tư tưởng làm bừa, làm ẩu, lấy giá quá cao. Riêng

đối với hiệu ảnh quốc doanh phải tăng giờ mở cửa, cơ sở phục vụ khách hàng đi vào hạch toán kinh tế bảo đảm có thu mới có chi, đã kinh doanh là phải có khoản nộp khấu hao lợi nhuận cho Nhà nước, đồng thời chấp hành đúng chính sách giá cả, quy cách phẩm chất Nhà nước quy định.

đ) Đối với tư bản tư doanh phải tăng cường công tác giáo dục chính sách, thường xuyên theo dõi giúp đỡ họ mau chóng trở thành người lao động sản xuất thực sự đi đôi nghiên cứu vận dụng chế độ lương bổng, chế độ động viên khen thưởng với những phát huy sáng kiến của họ có giá trị về mặt khoa học, kỹ thuật nhằm cải thiện đời sống và hợp lý hóa trong sản xuất với công tư hợp doanh.

Về chỉ đạo thực hiện:

- Chấn chỉnh lề lối làm việc của Ban Cải tạo; hàng tháng phải có cuộc sinh hoạt đều đặn (trừ những cuộc họp bất thường) kiểm điểm những nghị quyết đã làm được đến đâu đề xuất những biện pháp thực hiện cho tháng sau, đồng thời đề xuất những ý kiến cho Tỉnh ủy và 3 tháng họp tới cán bộ cơ sở để sơ kết. Cuộc họp sơ kết có thể nhằm địa phương nào có điển hình tốt ở huyện hoặc khu vực để tổ chức.

- Trong việc chấp hành chủ trương, đường lối, ngoài các văn bản Trung ương cũng như của Tỉnh ủy đã ban hành nhất thiết phải thực hiện không được tùy tiện.

- Xúc tiến việc thành lập liên hợp xã thủ công nghiệp tỉnh để lãnh đạo phong trào thủ công.

- Các huyện, các ngành phải sắp xếp cán bộ có đủ người theo dõi đôn đốc và kiểm tra phong trào theo tinh thần Nghị quyết này đã quy định.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 19-NQ/TU, ngày 17-12-1962

Về việc chuyển tờ "Tin Lao Cai" thành tờ báo "Lào Cai đổi mới"

Tờ Tin Lao Cai (trước đây là tờ Đoàn kết dân tộc) - Cơ quan thông tin của tỉnh từ trong kháng chiến đã phát huy tác dụng phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ cũng như của Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân các dân tộc, động viên mọi người hăng hái thi đua kháng chiến cứu nước, từ hòa bình lập lại tới nay đã tuyên truyền, động viên nhân dân các dân tộc trong tỉnh đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và ra sức thi đua phát triển kinh tế, phát triển văn hóa góp phần đưa Lào Cai tiến nhanh, tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Tới nay, sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và đấu tranh thống nhất nước nhà đang thúc đẩy mạnh mẽ các ngành kinh tế, văn hóa các mặt công tác khác ở tỉnh ta phát triển. Chúng ta phải đưa Lào Cai trở thành một tỉnh miền núi tiến kịp miền xuôi, đồng bào các dân tộc thiểu số tiến kịp đồng bào đa số.

Để đáp ứng đầy đủ kịp thời yêu cầu phát triển của tỉnh và để nâng cao tính tư tưởng, tính chiến đấu, tính quần chúng của báo chí, làm cho báo chí thật sự trở thành người tuyên truyền tập thể, người cổ động tập thể, người tổ chức tập thể, làm công cụ tốt cho

các cấp ủy Đảng chỉ đạo công tác và liên hệ mật thiết hơn nữa với quần chúng địa phương,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ

1- Chuyển tờ "Tin Lao Cai" thuộc Ủy ban hành chính tỉnh, thành tờ báo của Tỉnh Đảng bộ, lấy tên là "Lào Cai đổi mới".

Tờ "Lào Cai đổi mới" là cơ quan ngôn luận của Đảng bộ Đảng Lao động Việt Nam tỉnh Lào Cai.

Báo *Lào Cai đổi mới* có nhiệm vụ:

a) Tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ thể hiện trong chủ trương công tác của Đảng bộ, chính quyền và đoàn thể địa phương.

b) Giáo dục động viên cán bộ, đảng viên, công nhân viên và các tầng lớp nhân dân lao động các dân tộc trong tỉnh thi đua thực hiện mọi nhiệm vụ do Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính hoạt động về mọi mặt của các địa phương, các ngành các giới trong tỉnh.

d) Phổ biến những kinh nghiệm sản xuất và công tác, ra sức cổ vũ bồi dưỡng các phong trào quần chúng nhân dân các dân tộc thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà, đồng thời phê bình những khuyết điểm trong công tác quản lý kinh tế, những hiện tượng quan liêu, lãng phí*...

e) Phổ biến những nét lớn về tình hình quốc tế và trong nước.

2- Về tổ chức: Tờ Báo *Lào Cai đổi mới* đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Chấp hành Tỉnh ủy, quyền hạn và nhiệm vụ như các ban khác của Tỉnh ủy. Tòa soạn báo cần được bổ sung để có biên chế thích hợp.

Để giúp Tỉnh ủy chỉ đạo Báo thường xuyên, Ban Thường vụ cử các đồng chí có tên dưới đây phụ trách tờ báo:

* Bản gốc không có mục c - BT.

- Đồng chí Phạm Gia Tuân: làm Chủ nhiệm.

- Đồng chí Vũ Văn Thụ: làm Phó Chủ nhiệm kiêm Thư ký tòa soạn.

3- Về quản lý in và phát hành: Báo *Lào Cai đổi mới* sẽ xuất bản bằng hai thứ chữ: chữ phổ thông và chữ Mèo. Chữ phổ thông ra 4 trang, chữ Mèo ra 2 trang. Bắt đầu từ tháng 4-1963 sẽ thu tiền báo, bỏ chế độ cung cấp.

Báo *Lào Cai đổi mới* chữ phổ thông bán 4 xu, báo chữ Mèo bán 2 xu.

Về phát hành tới tay bạn đọc sẽ do Ty Bưu điện - Truyền thanh đảm nhiệm.

Ngân sách báo do quỹ Đảng trợ cấp, ngoài khoản trợ cấp còn thu về bán báo và tiền của bạn đọc ủng hộ báo. Phòng ngân sách Văn phòng Tỉnh ủy có nhiệm vụ lập dự toán và quyết toán sau khi được Thường vụ Tỉnh ủy duyệt.

4- Nhiệm vụ của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể, đảng viên và cán bộ đối với tờ báo: Để báo *Lào Cai đổi mới* hoàn thành được nhiệm vụ trước Đảng, trước nhân dân trên mặt trận chính trị và tư tưởng, toàn thể cán bộ, đảng viên trước hết các đồng chí lãnh đạo trong các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể từ tỉnh, huyện đến xã đều phải có trách nhiệm đối với tờ báo của Đảng bộ tỉnh cũng như đối với nhân dân, cơ quan Trung ương của Đảng.

Tích cực tham gia xây dựng báo *Lào Cai đổi mới* bằng cách mua báo, đọc báo, phổ biến cho mọi người biết, viết tin bài, góp ý kiến xây dựng, cử thông tin viên cho báo làm cho báo càng ngày càng tiến bộ có tác dụng thiết thực phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc, thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế, phát triển văn hóa ở tỉnh nhà, góp phần tích cực củng cố miền Bắc và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Sau khi nhận được Nghị quyết này các cấp ủy Đảng, các đồng chí phụ trách các ngành cần nghiên cứu thực hiện và phổ biến rộng rãi trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân thuộc đơn vị địa phương mình.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
LONG CHÂU

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Chú dẫn Nhà xuất bản</i>	7
<i>Lời giới thiệu</i>	9
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 13-BC/TU, ngày 17-4-1959 về tình hình điều tra nông thôn Lào Cai	11
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ số 09-CT/TU, ngày 29-4-1959 về việc tích cực vận động quần chúng phá tan âm mưu của địch ở Cha Pa và Bát Xát	57
- Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ số 132-KH/TU, ngày 16-5-1959 đối phó với tình hình địch ở khu vực Y Tý (huyện Bát Xát)	63
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 12-NQ/TU, ngày 26-5-1959 về việc đẩy mạnh xây dựng đổi công, hợp tác xã kết hợp tiếp tục giải quyết những vấn đề cải cách dân chủ còn tồn tại trong tỉnh	67
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 14-NQ/TU, ngày 20-8-1959 về một số công tác tháng 8-1959 và sự quan hệ kết hợp giữa công tác của tỉnh	84
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 07-BC/TU tổng kết công tác phát động công nhân, viên chức cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp quốc doanh đẩy mạnh sản xuất của tỉnh Lào Cai	91
- Nghị quyết của Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy (mở rộng) số 18-NQ/TU, ngày 2-1-1960 về vấn đề đổi công, hợp tác kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ	140
	507

- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 19-NQ/TU, ngày 12-2-1960 về nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 1960 của tỉnh Lào Cai	144
- Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ số 326-NQ/TU, ngày 9-4-1960 "Về việc thành lập Ban trừ bị Đại hội tỉnh" thi hành nghị quyết của Trung ương lần thứ 17 và nghị quyết cuộc họp Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ngày 4-4-1960; để chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ được tốt	199
- Nghị quyết Hội nghị cán bộ tuyên huấn toàn tỉnh từ ngày 14 đến ngày 16-4-1960 về nhiệm vụ tuyên huấn năm 1960 số 26-NQ/TU, ngày 16-4-1960 (đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua)	201
- Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy số 24-NQ/TU, ngày 29-4-1960 về việc tăng cường công tác thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa cho cán bộ, công nhân và nông dân trong tỉnh	226
- Thông tri của Ban Chấp hành Đảng bộ số 121-TT/TU, ngày 19-5-1960 về việc triệu tập Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh	235
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 354-NQ/TU, ngày 31-5-1960 về việc chỉ định đại biểu đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh	237
- Diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ III (do đồng chí Trường Minh - Bí thư Tỉnh ủy trình bày trước Đại hội, ngày 7-6-1960)	239
- Thông báo Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ III (Chỉ lưu hành trong nội bộ Đảng) số 1, ngày 7-6-1960	248
- Thông báo của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ III số 2, ngày 8-6-1960	251
- Thông báo của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ III số 3, ngày 9-6-1960	253
- Thông báo của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ III số 4, ngày 10-6-1960	256

- Thông báo của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ III số 5, ngày 11-6-1960	259
- Thông báo của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ III số 6, ngày 12-6-1960	262
- Thông báo của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ III số 7, ngày 13-6-1960	264
- Thông báo của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ III số 8, ngày 13-6-1960 Thông báo cuối cùng	266
- Điện văn của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ III, ngày 14-6-1960	269
- Hiệu triệu của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ III, ngày 14-6-1960	272
- Thư của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ III	277
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 23-BC/TU, ngày 16-7-1960 về việc tổng kết cuộc phát động hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở tỉnh Lào Cai	283
- Báo cáo của Ban Chấp hành tỉnh Lào Cai số 01-BC/TU, ngày 23-1-1961 về tổng kết công tác từ Hội nghị toàn Đảng bộ tháng 3-1959, tới hết năm 1960 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tại Hội nghị tỉnh lần thứ III (kỳ thứ 2)	316
- Biên bản của Ban Chấp hành Đảng bộ số 01-BB/TU, ngày 9-2-1961 về Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ III (kỳ thứ 2) từ ngày 23-1-1961 đến ngày 1-2-1961	407
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 06-NQ/TU, ngày 13-10-1961 về chủ trương biện pháp thu mua nông sản và quản lý thị trường	424
- Nghị quyết Hội nghị đại biểu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Kiến An và tỉnh Lào Cai về việc kết nghĩa toàn diện giữa hai tỉnh	431
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 08-NQ/TU, ngày 22-2-1962 về sáp nhập Phòng Nông nghiệp của Ủy ban hành chính tỉnh vào Ban Công tác nông thôn của Tỉnh ủy và lập các phòng nông nghiệp huyện, thị	439

- Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng số 09-NQ/TU, ngày 28-2-1962 về tổng kết công tác năm 1961 và quyết định nhiệm vụ, phương hướng công tác năm 1962 445
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 10-NQ/TU, ngày 7-3-1962 về công tác xây dựng củng cố Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng năm 1962 457
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 14-NQ/TU, ngày 20-4-1962 về tích cực củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa (hợp tác hóa nông nghiệp, thủ công nghiệp, hợp tác xã tiểu thương) đồng thời tiếp tục hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa năm 1962 481
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 15-NQ/TU, ngày 28-6-1962 về việc cuộc họp công tác cải tạo công thương nghiệp tư doanh, ngày 4-6-1962 496
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 19-NQ/TU, ngày 17-12-1962 về việc chuyển tờ "Tin Lao Cai" thành tờ báo "Lào Cai đổi mới" 502

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
TS. HOÀNG PHONG HÀ
Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
NGUYỄN MINH

Biên tập nội dung: ThS. NGUYỄN MINH
ThS. BÙI THỊ ÁNH HỒNG
Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính: NGUYỄN THỊ HẰNG
Sửa bản in: BAN SÁCH KINH TẾ
Đọc sách mẫu: BÙI THỊ ÁNH HỒNG

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

12/86 Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội

ĐT: 080.49221 Fax: 080.49222

Email: suthat@nxbctqg.vn Website: www.nxbctqg.vn

VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ
TOÀN TẬP

4

(1959 - 1962)



Sách không bán

<https://tietun.hopto.org>